Xuân Diệu

VỀ TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

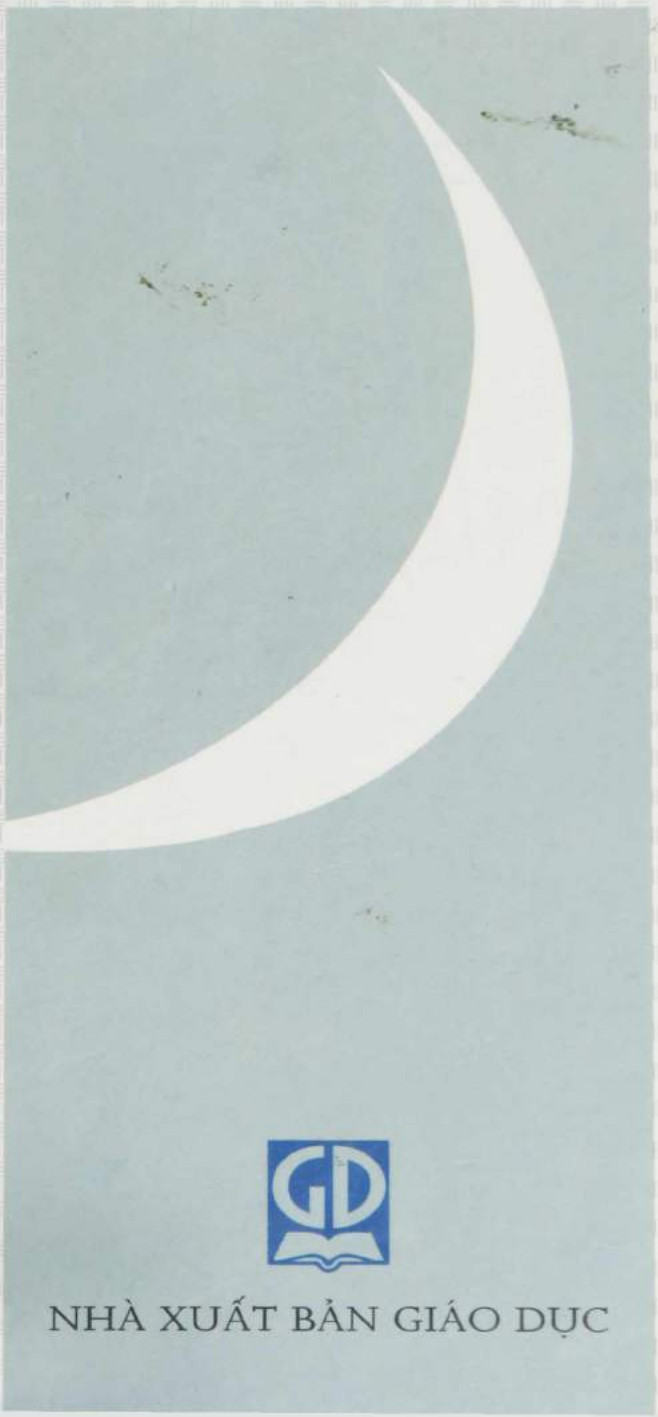

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

http://tieulun.hopto.org

XUÂN DIỆU

VỀ TÁC GIA VÀ TÁC PHẨM

http://tieulun.hopto.org

XUÂN DIỆU
VỀ TÁC GIA VÀ TÁC PHẨM

LƯU KHÁNH THƠ
Tuyển chọn và giới thiệu

(Tái bản lần thứ sáu)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

http://tieulun.hopto.org

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục

184-2007/CXB/13-403/GD

Mã số : 8V294T7 - NĐN

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

LỜI NÓI ĐẦU

Xuân Diệu là một tác gia lớn, có vị trí quan trọng trong nền văn học Việt Nam hiện đại. Hơn nửa thế kỷ cầm bút, ông đã để lại cho đời một di sản văn học đồ sộ với nhiều thể loại khác nhau : thơ, văn xuôi, phê bình, v.v. Tác phẩm của ông được bạn đọc nhiều thế hệ đón nhận và yêu thích, nhiều tác phẩm được chọn dạy trong nhà trường. Từ trước đến nay việc nghiên cứu tìm hiểu tác gia Xuân Diệu đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu.

Xuân Diệu – Về tác gia và tác phẩm *là cuốn sách tập hợp khá đầy đủ và tương đối có hệ thống những bài viết về sự nghiệp văn chương và cuộc đời của tác giả. Ngoài bài khái quát về sự nghiệp sáng tác của Xuân Diệu, cuốn sách còn gồm các phần sau :*

Tiểu sử của nhà thơ Xuân Diệu

Niên biểu và thư mục

Xuân Diệu trong con mắt người đương thời, *gồm bài viết của các nhà nghiên cứu phê bình đánh giá về tác phẩm, cuộc đời và những đóng góp của tác giả đối với nền văn học Việt Nam. Ở phần này các bài viết được sắp xếp theo thứ tự thời gian để người đọc tiện theo dõi quá trình sáng tác của tác giả.*

Phần cuối tập hợp một số bài viết của các nhà nghiên cứu, các nhà văn viết về những hồi ức và kỷ niệm với Xuân Diệu.

Bài viết về Xuân Diệu có rất nhiều. Trong tập sách này chúng tôi chỉ tuyển chọn những bài tương đối tiêu biểu cho từng vấn đề nhằm làm sáng tỏ giá trị sáng tạo văn chương cũng như tư chất người nghệ sĩ của Xuân Diệu.

Ở cuối sách có phần ***Thư mục nghiên cứu về Xuân Diệu,*** *tập hợp tương đối đầy đủ hơn những bài viết về Xuân Diệu.*

http://tieulun.hopto.org

Hy vọng cuốn sách sẽ là một tư liệu tham khảo có ích, vừa để tiếp tục và bổ sung cho các cuốn sách trước đây, vừa có giá trị gợi mở cho những người nghiên cứu, giảng dạy, học tập cùng đông đảo bạn đọc quan tâm đến tác giả Xuân Diệu – một tài năng đa dạng và phong phú của văn học Việt Nam.

Nhà xuất bản xin chân thành cám ơn giáo sư Hà Minh Đức, nhà phê bình văn học Vương Trí Nhàn đã góp nhiều công sức cho sự ra đời của cuốn sách. *Rất mong nhận được ý kiến đóng góp để bổ sung cho nội dung cuốn sách được hoàn thiện hơn.*

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

http://tieulun.hopto.org

LỜI GIỚI THIỆU

Trước mắt chúng ta là bộ tư liệu văn học khá đồ sộ về các tác gia tiêu biểu của lịch sử văn học Việt Nam. Trong lịch sử phát triển của văn hoá dân tộc, so với nhiều ngành nghệ thuật khác, văn học là nhân tố trội và có một vị trí quan trọng. Theo dòng lịch sử, tác phẩm văn chương luôn chịu sự thử thách, chọn lọc khắc nghiệt của thời gian và nhiều tác phẩm rơi vào lãng quên. Dường như ngược với quy luật ấy, những tác giả và tác phẩm tiêu biểu lại không ngừng được luận bàn qua các thời kỳ lịch sử. Cuộc đời và tác phẩm của họ mang nhiều tâm tư sâu sắc, quy tụ được nhiều vấn đề xã hội và có thể dự báo một điều gì cho mai hậu. Sinh thời Nguyễn Du băn khoăn :

Bất tri tam bách dư niên hậu,
Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như
(Ba trăm năm lẻ nữa ta đâu biết,
Thiên hạ ai người khóc Tố Như ?)

Thế hệ kế tiếp ông, những kẻ hậu sinh thiết tha muốn hiểu và đã một phần hiểu ông. Từ ý kiến tâm huyết của Ngô Đức Kế, đến những công trình nghiên cứu sâu sắc của Hoài Thanh, Xuân Diệu, của các nhà nghiên cứu Lê Đình Ky, Lê Trí Viễn,... *Truyện Kiều* đã được phân tích trên nhiều bình diện và đáng quý khi tuyệt tác này của đại thi hào Nguyễn Du đã đóng góp vào sự phát triển đời sống tình cảm của dân tộc.

Đấy là trường hợp của Nguyễn Du và cũng là của nhiều nhà văn, nhà thơ tiêu biểu khác mà trước hết phải kể đến Nguyễn Trãi. Ông là người anh hùng cứu quốc, nhà tư tưởng, nhà văn hoá, nhà thơ. Hậu thế đã tìm hiểu, nghiên cứu ông trên nhiều bình diện. Đinh Gia Khánh nghiên cứu quan điểm văn chương của Nguyễn Trãi ; Bùi Văn Nguyên, Nguyễn Huệ Chi tìm hiểu *Quân trung từ mệnh tập* – tập luận chiến quân sự và ngoại giao rồi văn thơ chữ Hán, văn thơ quốc âm của ông cũng được nhiều nhà nghiên cứu khai thác. Đặc biệt *Bình Ngô đại cáo* được đánh giá cao qua nhiều bài viết từ Bùi Kỷ, Vũ Khiêu đến Bùi Văn Nguyên. Sự nghiệp văn chương của Nguyễn Trãi là của một thời và của muôn đời. Những ý kiến đánh giá về ông qua các thời đại giúp cho người đọc hiểu được vị trí và sự đóng góp của ông cho văn hoá và văn học nước nhà.

http://tieulun.hopto.org

Văn học thời trung đại còn khởi sắc ở chặng đường cuối với nhiều nhà văn tiêu biểu. Nguyễn Đình Chiểu là một ngôi sao, một tấm gương sáng trên cả hai phương diện đạo và đời. Nhà yêu nước lớn, nhà nho giữ đạo vẹn tròn, nhà văn giàu dũng khí và tài năng, người đã giữ gìn và đưa văn chương lên vị trí cao quý. Chúng ta có thể tìm thấy nhiều ý kiến sâu sắc của Phạm Văn Đồng và các nhà nghiên cứu khác về sự nghiệp văn thơ Nguyễn Đình Chiểu. Trong công lao chung nghiên cứu về tác giả thời kỳ trung đại phải kể đến những công trình của Đặng Thai Mai, Hoài Thanh, Lê Đình Ky, Trần Đình Hượu, Lê Trí Viễn, Đinh Gia Khánh, Bùi Văn Nguyên, Nguyễn Huệ Chi, Bùi Duy Tân, Nguyễn Lộc,... đặc biệt là Xuân Diệu. Ông tự đặt cho mình nhiệm vụ phải nói cho được cái hay, cái đẹp, hương vị cao quý trong văn thơ các danh nhân của mọi thời. Ông là người ngưỡng mộ thi hào dân tộc Nguyễn Du, "Bà Chúa thơ Nôm" Hồ Xuân Hương, ca ngợi Nguyễn Khuyến, nhà thơ của "dân tình làng cảnh", cảm thương cái tài, cái phận với tiếng cười ra nước mắt của Tú Xương.

Bước sang thời kỳ hiện đại, cánh cửa lịch sử mở dần từ đầu thế kỷ XX và chỉ sau hai thập kỷ lịch sử văn học đã bước vào thời kỳ Phục hưng với phong trào Thơ mới, Tự lực văn đoàn, trào lưu hiện thực phê phán và tiếp theo là hơn nửa thế kỷ văn học cách mạng. Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là tác gia lớn mở đầu cho nền văn học cách mạng. Sự nghiệp của Người bao gồm nhiều phạm vi : thơ ca, truyện ký, văn chính luận và ở lĩnh vực nào cũng nổi lên những tác phẩm tiêu biểu. Sự nghiệp văn thơ Hồ Chí Minh là niềm hứng thú của nhiều nhà nghiên cứu khoa học Việt Nam cũng như thế giới và chúng ta đã có một khối lượng tư liệu phong phú về nội dung tư tưởng cũng như nghệ thuật biểu hiện trong sáng tác của Người. Các tác giả Đặng Thai Mai, Trần Huy Liệu, Phạm Huy Thông, Hoài Thanh,... các nhà thơ Xuân Diệu, Chế Lan Viên,... đều có nhiều bài viết hay về văn thơ Hồ Chí Minh.

Tố Hữu, nhà thơ vô sản với phong cách sáng tạo độc đáo đã sớm thu hút được sự quan tâm của bạn đọc. Ngay từ thời kỳ Mặt trận Dân chủ, Trần Minh Tước đã gọi "Tố Hữu là nhà thơ tương lai". Cách mạng tháng Tám thành công, tập thơ *Từ ấy* được giới thiệu và Đặng Thai Mai xem là "bó hoa lửa lộng lẫy". Suốt nhiều thập kỷ, Tố Hữu vẫn là "lá cờ đầu của thơ ca cách mạng". Thơ Tố Hữu đã chinh phục được nhiều thế hệ bạn đọc qua giọng điệu trữ tình cách mạng ấm áp tình đời, tình người. Hàng trăm bài viết, công trình nghiên cứu đã khai thác khá triệt để thơ Tố Hữu với nhiều cách tiếp cận, vận dụng các phương pháp nghiên cứu thích hợp. Những nhà văn, nhà thơ lớn của thời kỳ hiện đại như Xuân Diệu,

http://tieulun.hopto.org

Nguyễn Tuân, Nam Cao đều có phong cách sáng tạo độc đáo lôi cuốn mạnh mẽ người đọc. Xuân Diệu, "nhà thơ mới nhất trong phong trào Thơ mới", nhà thơ lớn của nền thơ ca cách mạng, nhà phê bình nghiên cứu văn học uyên thâm và tinh tế đã là đề tài của nhiều công trình. Nguyễn Tuân độc đáo và tài hoa trong văn cũng như trong đời, một kiểu mẫu nhà văn lấy mình làm điểm tựa để nói về cuộc đời với nhiều ý tưởng lạ, ngôn từ chắt lọc, sáng tạo. Nam Cao đến muộn, tuy chưa được biết đến trong *Nhà văn hiện đại* của Vũ Ngọc Phan nhưng từ những năm đầu thập kỷ sáu mươi, Nam Cao đã thu hút và ngày càng đằm sâu trong ký ức từ tuổi học trò đến những người trải đời và đau đời.

Bộ sách tham khảo khá đồ sộ về chín tác giả : Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Nam Cao, Xuân Diệu, Nguyễn Tuân đã được Nhà xuất bản Giáo dục tổ chức biên soạn và phát hành. Người đọc đã có một khối tư liệu và kiến thức hữu ích luận bàn về các nhà văn đó.

Điều đáng quý là chúng ta lại tiếp tục được đón nhận những tác giả mới với những bộ sách tham khảo công phu và nghiêm túc. Có thể nói đây là dàn tác giả rất đáng kính trọng và mỗi người là một thế giới tinh thần riêng không thể thay thế được.

Lê Thánh Tông là hoàng đế và cũng là nhà văn, nhà thơ thời đầu Lê. Ông có công tổ chức biên soạn *Đại Việt sử ký toàn thư* và *Thiên Nam dư hạ tập*, lập hội Tao đàn, viết nhiều thơ Nôm trong *Hồng Đức quốc âm thi tập* là tác giả chính của tập *Thánh Tông di thảo* nổi tiếng,.... Thơ văn Lê Thánh Tông là sáng tác cung đình nên mang theo nhiều cung cách văn chương bác học, tuy không tránh khỏi khuôn sáo nhưng cũng chứa chan cảm hứng nhân văn của một thời non nước thăng bình.

Cùng với Nguyễn Trãi, Nguyễn Du,... Nguyễn Bỉnh Khiêm là một đỉnh cao về thi ca thời trung đại. Thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm là sự kết hợp từ chiều sâu chất trí tuệ và thi ca. Những kiến thức sâu sắc về triết lý phương Đông tự trong ngọn nguồn của kinh sách kết hợp với triết lý cuộc đời nhiều trải nghiệm của một thi nhân, người hành đạo đã đem lại cho thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm tầm vóc nhà thơ lớn của thời đại. Thơ của ông như một khu rừng thâm nghiêm linh thiêng thách thức sự tìm kiếm. Nguyễn Bỉnh Khiêm là người trí thức trong thơ và là nhà thơ giàu tri thức, uyên bác. Bùi Văn Nguyên, Đinh Gia Khánh, Nguyễn Huệ Chi, Bùi Duy Tân,... đã có nhiều đóng góp trong việc nghiên cứu cuộc đời và thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm. Hồ Xuân Hương là một tâm hồn thơ nữ giàu giá trị nhân văn, một giọng điệu lạ và hấp dẫn trong phong cách sáng tạo. Đến với thơ Hồ Xuân Hương là đến với tài năng và sự độc đáo.

http://tieulun.hopto.org

Nhà thơ này không khổ công để tạo nên bản sắc riêng mà khí chất là của trời cho, là sự chung đúc trong thơ sự hồn hậu, đa sắc điệu của tâm hồn bình dân với những tri thức của đời sống xã hội và sự kiểm nghiệm của riêng mình. Có một điều lạ là khi viết về Hồ Xuân Hương, tất cả những người viết đều chạy theo, nói theo giọng điệu của bà và tạm quên đi điểm xuất phát của mình về giới tính, tuổi tác và cương vị xã hội. Thơ Hồ Xuân Hương được tiến sĩ N. I. Niculin dịch ở Nga, dịch giả Huỳnh Sanh Thông dịch ở Mỹ, rồi được dịch ở Pháp và đều nhận được sự khâm phục, tán thưởng. Các nhà nghiên cứu Việt Nam như Hoàng Xuân Hãn, Xuân Diệu, Trần Thanh Mại, Lê Trí Viễn, Nguyễn Lộc, Đào Thái Tôn, Đỗ Lai Thuý,... đều góp nhiều công sức tìm hiểu, nghiên cứu tài năng của nữ thi sĩ bậc nhất tài danh này.

Nguyễn Công Trứ là mẫu nhà nho tài tử. Đời người cũng như trang viết gắn bó thống nhất. Một sự cởi mở trong tư duy tiếp nhận cũng như xử thế với đời, một phong cách tài hoa, vượt lên những gò bó quy phạm của đạo lý nhà nho, một tài năng sáng tạo nghệ thuật in đậm bản sắc cá nhân,... tất cả góp phần tạo nên phong thái riêng của văn thơ Nguyễn Công Trứ. Trong văn thơ cổ, Cao Bá Quát nổi lên như một trong những đỉnh cao của bản lĩnh và tài năng thơ. Ông là nhà thơ giàu khí phách trong đời cũng như trong thơ, là nhà thơ của trí tuệ anh minh và cảm xúc chắt lọc. Thơ chữ Hán của Cao Bá Quát chưa được dịch và giới thiệu nhiều, thi tài sẽ bộc lộ và khẳng định thêm qua thời gian. Nổi lên cùng thời với Nguyễn Khuyến là một tài năng thi ca vừa giàu chất thế sự vừa có phong vị châm biếm đặc sắc : Trần Tế Xương, Xuân Diệu cho rằng, trong các nhà thơ trào phúng "họ Tú" thì Tú Xương có cái nhìn sắc sảo hơn cả, cười ra nước mắt. Chúng ta trân trọng đón nhận những áng thơ văn của Phan Bội Châu, "những câu thơ dậy sóng" mang tâm huyết của một nhà yêu nước lớn, một nhân cách cao đẹp. Làm chính trị hay làm thơ, Phan Bội Châu cũng chỉ có một mục đích phục vụ cho dân tộc, khơi dậy lòng yêu nước của nhân dân. Cùng với ông, Phan Châu Trinh cũng là tấm gương kiên trinh của người chiến sĩ trong đấu tranh. Lòng yêu nước sâu sắc, tâm hồn cao thượng được ký thác trong văn thơ đã gây chấn động một thời.

Khép lại thời cận đại, Tản Đà đã đến như sự báo hiệu cho những đổi thay trong thơ ở một chặng mới, Tản Đà chất chứa nhiều mâu thuẫn, mâu thuẫn của buổi giao thời mà ông là người quy tụ hơn là đổi thay Thơ Tản Đà chứa đựng một tấm lòng, ông khao khát tìm một thế giới tốt đẹp ở trần giới hay nơi tiên cảnh, ông sống giữa mộng và đời nhưng

http://tieulun.hopto.org

cuộc đời thực vẫn day dứt tác giả khôn nguôi. Những nhà nghiên cứu về Tản Đà đã có những định hướng khác nhau. Người thì khai thác tính chất giao thời trong thơ ông. Người lại tìm hiểu chất dân gian, dân tộc qua những trang viết. Đặc biệt, nhà nghiên cứu Văn Tâm đã bỏ nhiều công sức để phân tích "khối mâu thuẫn" của Tản Đà.

Thời kỳ 1930 - 1945 với những chân dung đẹp của nhiều trào lưu văn học, chúng ta đã có Nam Cao, một nhà văn hiện thực xuất sắc, lại có thêm những tên tuổi lớn : Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng, Tô Hoài,... Nguyễn Công Hoan là nhà văn hiện thực xuất hiện sớm, nổi lên với tập truyện *Kép Tư Bền* và tiểu thuyết *Bước đường cùng* nhưng sự nghiệp của ông thực ra được tạo dựng trong chiều sâu bằng hàng trăm truyện ngắn và hàng chục tiểu thuyết. Nguyễn Công Hoan là một pho sử liệu sống sinh động và chân thực về thời kỳ hiện đại. Ông đặc biệt thành công với nghệ thuật truyện ngắn, với tài châm biếm trào lộng. Tiến sĩ N. I. Niculin cho rằng : "Nguyễn Công Hoan là bậc thầy của truyện ngắn châm biếm". Ảnh hưởng của ông thật to lớn trong văn giới. Có người lại xem Ngô Tất Tố là hiện tượng độc đáo nhất của văn chương hiện thực. Từ một nhà nho "sôi kinh nấu sử" trong "lò" của Khổng - Mạnh, ông đã trở thành một nhà văn hiện thực có tầm cỡ, một nhà báo cấp tiến. Sự kết hợp sâu sắc vốn sống của làng quê với những nhận định sắc sảo của một trí thức Nho học có tâm huyết, nhiệt tình đấu tranh cho lẽ phải và công bằng xã hội đã tạo cho ngòi bút của Ngô Tất Tố những phẩm chất riêng đáng trân trọng trong tiểu phẩm văn chương và báo chí cũng như trong tiểu thuyết. Các nhà nghiên cứu Phan Cự Đệ, Nguyễn Đức Đàn,... đã có chuyên luận nghiên cứu sâu về cuộc đời và văn nghiệp của Ngô Tất Tố. Vũ Trọng Phụng lại tỏ ra cập nhật với những đề tài xã hội hiện đại. Bằng năng lực khái quát hoá cao, cộng với sự hiểu biết sâu sắc mặt trái của đời sống thành thị, ông đã tạo cho mình một thế giới nghệ thuật riêng, những nhân vật giàu cá tính, những hoàn cảnh độc đáo và giọng điệu văn chương hấp dẫn. Ông là nhà văn của những trang viết giàu bản sắc và tính hiện đại. Vũ Trọng Phụng mất ở tuổi hai mươi bảy nhưng đã để lại một di sản văn học lớn,... Rồi Nguyên Hồng, Tô Hoài đều là những cây bút sung sức, giàu sáng tạo. Một Nguyên Hồng lực lưỡng với những trang viết về người lao động thành phố Cảng và nỗi thống khổ của họ trong cuộc đời cũ. Nguyên Hồng cũng là nhà tiểu thuyết lịch sử với những đam mê lịch sử của dân tộc và những nỗi niềm của nhân vật quá khứ. Tô Hoài trong dòng chung của trào lưu văn học hiện thực ngày càng tạo riêng cho mình những giá trị mới. Ông viết về đất nước, con người qua những

http://tieulun.hopto.org

bức tranh xã hội chân thực và lắng đọng với thời gian để làm nổi lên những giá trị vật chất, tinh thần bền vững. Tô Hoài với vùng đất ven thành qua bao đời, Tô Hoài với con người và thiên nhiên xứ nhiệt đới nhiều kỳ thú, những phong tục tập quán lâu đời, các loài vật trong nhà và hoang dã. Trong dòng văn chương lãng mạn, ngoài Nguyễn Tuân, chúng ta có thêm Thạch Lam, một cây bút giàu tình cảm, tinh tế. Thạch Lam tuy ở trong nhóm Tự lực văn đoàn nhưng có định hướng và một số nội dung sáng tác khác với các nhà văn trong văn đàn. Những trang viết của ông giàu lòng nhân ái, hướng về cái đẹp, cái thiện, gợi lên ở người đọc nhiều suy nghĩ về tình yêu và nhân phẩm của con người.

Bên cạnh những tên tuổi lớn của văn xuôi lãng mạn và hiện thực, các nhà thơ của phong trào Thơ mới suốt hơn một thập kỷ vẫn lấp lánh vẻ đẹp sáng tạo. Ngoài Xuân Diệu, chúng ta lại có thêm Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Chế Lan Viên, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính,... những nhà thơ ở vào bậc nhất nhì trong phong trào Thơ mới. Thế Lữ là người mở đầu, người góp phần khẳng định sự thắng thế của thơ mới qua những bài thơ rất hay. Tha thiết với cái đẹp, cái cao cả, tâm hồn đầy lãng du của người thi sĩ tài năng này cũng phải chịu đựng những xót xa, tủi buồn,... Thế Lữ có công đầu trong loại văn xuôi kỳ ảo, trinh thám của thời kỳ trước Cách mạng. Lưu Trọng Lư là một tên tuổi lớn trong phong trào Thơ mới, Thơ ông đẫm tình và mộng. Tập *Tiếng thu* giàu cảm xúc và mộng tưởng. Ông đi tìm cái đẹp trong tình người, nhất là tình yêu và ngợi ca say đắm. Lưu Trọng Lư cũng gây ấn tượng riêng qua một số tác phẩm văn xuôi lãng mạn như *Khói lam chiều* và *Chiếc cáng xanh, Người sơn nhân*,... Phong trào Thơ mới nổi bật lên với một "cặp song sinh", một đôi tri kỷ trong đời và trong thơ : Xuân Diệu và Huy Cận. Huy Cận trầm sâu và nhân hậu trong hơi thơ trong trẻo và tha thiết với cuộc đời. Nhà thơ mang niềm tin đến với cuộc đời như ngọn "Lửa thiêng" và chỉ nhận được nỗi đau trong cuộc đời cũ. Niềm vui trong hiện tại đã thực sự đổi thay để tiếng thơ ông chín lại và có thêm một mùa hoa trái mới. Chế Lan Viên tài hoa và giàu trí tuệ. Thơ ông là một minh chứng cho sức nghĩ, sức cảm của một tâm hồn thơ không ngừng toả sáng trong suốt cuộc đời từ những vần thơ tài năng của tuổi mười sáu cho đến những trang di cảo cuối đời. Trong các nhà thơ mới, Tế Hanh là người đến muộn nhưng là bông hoa đầy hương sắc. Thơ Tế Hanh không hướng về thế giới vĩ mô, xa lạ mà tìm về những cảnh đời bình dị, gần gũi của quê hương trong cách cảm nghĩ chân thực, hồn nhiên và giàu ý vị của tuổi "hoa niên". Đời thơ Tế Hanh, nói như Xuân Diệu, là dòng suối trong thầm thì, róc rách đi vào những mạch thầm kín của tình đời,

http://tieulun.hopto.org

tình người. Nguyễn Bính thường được mệnh danh là "thi sĩ của đồng quê", nhà thơ "chân quê" nhưng chân tài. Viết về làng quê, ông đã miêu tả được cái văn hoá làng quê, tình quê, hồn quê. Nguyễn Bính vẫn là người bạn đồng hành với thời đại hôm nay. Trong các nhà thơ của phong trào Thơ mới, Hàn Mặc Tử quy tụ được nhiều lời ca ngợi về tài năng nhưng vẫn còn là một dấu hỏi, đòi hỏi nhiều sự luận bàn. Những khát vọng sáng tạo thăng hoa, lời nguyện cầu, lòng thiết tha yêu cuộc sống, những đớn đau của bệnh tật,... tất cả đã hoà quyện để tạo nên một phong cách thơ độc đáo.

Thời kỳ văn học 1930 - 1945, hoạt động lý luận phê bình nổi lên những cây bút sắc sảo. Đặng Thai Mai và Hoài Thanh là những cây bút tiêu biểu. Đặng Thai Mai với *Văn học khái luận* đã góp phần xây dựng nền văn nghệ mác xít và ông cũng có công phát triển nền văn nghệ mới trong các giai đoạn sau Cách mạng. Vững vàng về quan điểm, tư tưởng, có chiều sâu học thuật, bút pháp diễn tả độc đáo là những ưu điểm dễ thấy của Đặng Thai Mai. Hoài Thanh có công khẳng định giá trị và quy tụ thành tựu của phong trào Thơ mới qua *Thi nhân Việt Nam*. Là nhà phê bình chuyên về thơ, Hoài Thanh còn bao quát nhiều giai đoạn của thơ sau Cách mạng, đã đánh giá nhiều tác giả và tác phẩm. Với giọng điệu mềm mại, uyển chuyển, bút pháp tinh tế, Hoài Thanh là một phong cách phê bình tiêu biểu.

Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Đình Thi là những tác giả mà sự nghiệp chủ yếu được hình thành từ thời kỳ sau Cách mạng. Nguyễn Huy Tưởng nổi lên thời kỳ 1940 - 1945 với vở kịch *Vũ Như Tô*. Là một trí thức có tâm huyết, gắn bó với lịch sử Hà Nội, tác phẩm của ông ngợi ca truyền thống anh hùng của dân tộc trong quá khứ, hiện tại và bày tỏ tâm sự, nêu những vấn đề của người trí thức đi theo cách mạng. Nhà văn tài hoa này đến với cuộc đời mới và có tham vọng khai thác trên bình diện lớp sâu của hiện thực qua tiểu thuyết, những xung đột giàu tính kịch và chất thơ của cuộc đời. Nguyễn Đình Thi bắt đầu bằng chính sự bắt đầu – ông ít chịu ảnh hưởng của văn chương thời kỳ trước Cách mạng. Tỉnh táo, thông minh, giàu tưởng tượng và liên tưởng, Nguyễn Đình Thi đã đem đến cho văn chương niềm vui, sự trong sáng của lý tưởng và cuộc đời mới.

Cách mạng tháng Tám thành công, Nguyễn Khải và Nguyễn Minh Châu đều chớm vào tuổi thanh niên và sớm có mặt trong quân ngũ. Họ là những nhà văn – chiến sĩ, ngòi bút sung sức và có mặt ở nhiều giai đoạn cách mạng. Những trang viết của họ in đậm nét hình ảnh người chiến sĩ quân đội trong thời kỳ chống thực dân Pháp và chống đế

http://tieulun.hopto.org

quốc Mỹ. Nguyễn Khải giỏi phát hiện vấn đề, khai thác sâu tâm trạng nhân vật, nhạy cảm với nhiều mối quan hệ của nhân vật với thời cuộc, môi trường hoạt động, hoàn cảnh gia đình và thân phận riêng. Văn mạch tiềm ẩn nhiều câu hỏi, nhiều triết lý. Nguyễn Minh Châu gắn bó nhiều hơn với đời thường, với nhiều mẫu hình nhân vật. Ngòi bút Nguyễn Minh Châu sắc sảo khi phân tích từ hoàn cảnh hiện thực cho đến chân tướng của nhân vật để phát lộ ra bản sắc của mỗi con người. Nguyễn Minh Châu cũng có cái nhìn ưu ái, thấu hiểu cuộc đời và con người nên đã tạo được mạch tình cảm nhân ái trong tác phẩm. Anh Đức là nhà văn cách mạng miền Nam cùng thế hệ với Nguyễn Thi, Nguyễn Sáng, Nguyễn Trung Thành. Truyện ngắn và tiểu thuyết của Anh Đức nổi lên trong phong trào Đồng khởi. Tiểu thuyết *Hòn Đất* và tập truyện ngắn *Bức thư Cà Mau* là đóng góp đáng quý cho văn xuôi cách mạng miền Nam. Anh Đức đã kết hợp được trong tác phẩm của mình chất trữ tình và sử thi anh hùng, chất hiện thực tiêu biểu của cuộc sống và phần cảm nhận tinh tế, nhân hậu.

Và cuối cùng là Lưu Quang Vũ, cây bút trẻ nhất trong các tác giả được tuyển chọn sau Cách mạng nhưng lại có thành tựu đáng trân trọng về sân khấu cách mạng. Kết hợp được tính thời đại cập nhật với giá trị lâu dài, hàng chục tác phẩm của Lưu Quang Vũ đã chiếm lĩnh sân khấu trong một thời kỳ, gây ấn tượng tích cực với khán giả.

Bộ sách tham khảo *Về tác gia và tác phẩm* được sưu tầm công phu, có hệ thống, chọn lọc. Được viết ra từ nhiều thời kỳ và những quan điểm nhận thức khác nhau nên cách đánh giá chắc chắn còn có khác biệt. Điều quan trọng là sự khẳng định đầy đủ những giá trị chủ yếu và phong cách sáng tạo riêng của từng tác giả. Trong thời gian tới, chúng ta sẽ có bốn mươi tập sách tham khảo công phu, nghiêm túc về bốn mươi tác giả văn học lớn trong văn học Việt Nam từ trung đại đến hiện đại. Đây là công trình tham khảo hệ thống nhất về tác giả, có giá trị thâu tóm khá đầy đủ những nhận định về văn học trong thế kỷ XX - đầu thế kỷ XXI. Những nỗ lực và đóng góp trên trước hết thuộc về chủ trương của Nhà Xuất bản Giáo dục, các biên tập viên và trực tiếp là các giáo sư, các nhà nghiên cứu trong và ngoài Viện Văn học.

HÀ MINH ĐỨC

http://tieulun.hopto.org

TIỂU SỬ CỦA NHÀ THƠ XUÂN DIỆU

Xuân Diệu, họ Ngô, sinh ngày 2 tháng 2 năm 1916 (năm Bính Thìn), tại Vạn Gò Bồi, xã Tùng Giản, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định (cũ). Cha là Ngô Xuân Thọ, quê ở xã Trảo Nha (nay là xã Đại Lộc), huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đỗ tú tài kép Hán học, vào làm thầy dạy học ở Bình Định, kết duyên với bà Nguyễn Thị Hiệp.

Thuở nhỏ Xuân Diệu học chữ nho, chữ quốc ngữ và cả tiếng Pháp với cha, năm 1927 xuống học ở Quy Nhơn, đỗ bằng thành chung năm 1934. Thời kỳ này, Xuân Diệu đã tập làm những bài thơ theo các thể thơ truyền thống và rất mến phục Tản Đà.

1935-1936, Xuân Diệu ra học "tú tài" phần thứ nhất ở trường Trung học bảo hộ tại Hà Nội. 1936-1937 ông vào học "tú tài" phần thứ hai ở Trường Trung học Khải Định ở Huế. Tại đây, ông gặp Huy Cận, học sau hai lớp, và hai bạn thơ đã kết nghĩa với nhau một tình bạn bền bỉ ngót năm mươi năm.

Ngày lễ Thiên Chúa giáng sinh năm 1938, *Thơ thơ* ra đời với lời tựa của Thế Lữ.

1938-1940, Xuân Diệu cùng với Huy Cận ở gác nhà số 40 Hàng Than (thơ Huy Cận : *Phố không cây thôi sầu biết bao chừng...*). Xuân Diệu đi dạy học ở trường tư thục Thăng Long và Huy Cận học Trường Cao đẳng nông lâm. Năm 1939, Xuân Diệu tập hợp các truyện ngắn của mình đã đăng trên báo *Ngày nay* và cho xuất bản tập *Phấn thông vàng*.

Đi dạy trường tư, Xuân Diệu là một ông giáo loàng xoàng, không thể kiếm sống được ; cho nên đầu 1940 ông thi tham tá Nha Thương chính (nhà Đoan) và vào Nam Bộ nhận việc ở "Sở Đoan" Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang). Nhờ vậy, nhà thơ được sống ngót bốn năm ở đất Nam Kỳ và có vốn địa lý, vốn sống để sau này viết *Miền Nam nước Việt và người Việt miền Nam* và viết rất nhiều bài thơ đấu tranh thống nhất.

Năm 1943, Huy Cận tốt nghiệp kỹ sư canh nông. Xuân Diệu xin thôi làm Tham tá nhà Đoan để về sống với Huy Cận tại Hà Nội, bằng số tiền lương của Huy Cận. Đôi bạn thân Huy - Xuân đã có lúc (1939)

http://tieulun.hopto.org

bằng tiền dành dụm của mình, tự đứng ra xuất bản tập *Thơ thơ* (In lần thứ hai) với tên "Nhà xuất bản Huy Xuân". Từ Mỹ Tho trở về Hà Nội, Xuân Diệu cùng hoạt động văn học với Huy Cận, và cũng cùng tham gia Mặt trận Việt Minh hồi bí mật.

Năm 1945, Xuân Diệu cho ra đời tập thơ văn xuôi *Trường ca* và tập thơ *Gửi hương cho gió* (Nhà xuất bản Thời đại). Tháng 2-1945, Xuân Diệu làm cuộc diễn thuyết đầu tiên trong đời mình với bài *Sinh viên với quốc văn* do Tổng hội sinh viên Việt Nam tổ chức, bài này sau đó được xuất bản với tên mở rộng *Thanh niên với quốc văn*.

Cách mạng tháng Tám 1945 bùng nổ. Những đảng phái phản động, núp sau quân chiếm đóng Tưởng Giới Thạch mưu đồ biểu tình chống Chính phủ Cách mạng lâm thời... Xuân Diệu cho đăng những bài thơ *Một cuộc biểu tình, Tổng bất đình công, Vịnh cái cờ,...* và đã cho xuất bản anh hùng ca *Ngọn Quốc kỳ* ca ngợi lá cờ đỏ sao vàng ; và để cổ động Tổng tuyển cử đầu tiên 6-1-1946, Xuân Diệu đã cho xuất bản tráng khúc *Hội nghị non sông*. Bản thân Xuân Diệu cũng là đại biểu Quốc hội khoá I (1946-1960). Tháng 5-1946, một phái đoàn Quốc hội Việt Nam do đồng chí Phạm Văn Đồng làm Trưởng đoàn sang thăm hữu nghị nước Pháp, Xuân Diệu tham gia với tư cách đại biểu các nhà báo Việt Nam trong phái đoàn ; sau chuyến đi này, Xuân Diệu đã đăng trên báo *Cứu quốc* thiên phóng sự *Từ trường bay đến trường bay* và cho xuất bản tập *Việt Nam nghìn dặm*, viết về đời sống và cuộc đấu tranh của Việt kiều lính chiến và lính thợ tại Pháp từ 1940 đến 1946.

Kháng chiến toàn quốc, Xuân Diệu ở suốt chín năm trong các chiến khu tại Việt Bắc. Ông đã đi theo Đài *Tiếng nói Việt Nam* năm 1947 và phụ trách mỗi tuần nói một "câu chuyện văn hoá" ở đài, các tuỳ bút này về sau xuất bản thành tập *Việt Nam trở dạ*. Ông là uỷ viên chấp hành Hội Văn nghệ Việt Nam kháng chiến ; ông đã đăng trên tạp chí *Văn nghệ* một loạt bài *Tiếng thơ*, giới thiệu và cổ vũ phong trào thơ của công nông binh.

Năm 1949, Xuân Diệu được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam do hai nhà văn Nguyễn Đình Thi và Nguyễn Huy Tưởng giới thiệu. Trong giảm tô và cải cách ruộng đất, ông là đội viên các "đội phát động" ở làng Còng (Thanh Hoá) và xã Cát Văn (Nghệ An), đã cho xuất bản tập thơ mỏng *Mẹ con* về đề tài nông dân và ruộng đất. Cũng từ năm 1949, ông bắt đầu đi nói chuyện thơ trong quần chúng, cho đến nay ông đã trải qua ngót năm trăm cuộc bình thơ. Tháng 9 và tháng 10-1981, ông được mời sang nói chuyện về thơ Việt Nam tại Pháp.

http://tieulun.hopto.org

Sau Hội nghị Giơnevơ 1954, đất nước tạm chia làm hai miền, từ chiến khu trở về Hà Nội, Xuân Diệu lại vào cuộc chiến đấu mới ; một phần quan trọng trong các tập thơ ông là đề tài đấu tranh thống nhất, chống Mỹ - ngụy và chuyên đề này chiếm toàn bộ tập *Mũi Cà Mau* (1962). Khi nhóm Nhân văn - Giai phẩm đi theo đường lối chống Đảng, chống chủ nghĩa xã hội trong văn nghệ, Xuân Diệu đã viết một loạt bài tiểu luận ứng chiến, in thành tập *Những bước đường tư tưởng của tôi* (1958).

Năm 1958, ông là diễn giả trong kỷ niệm 138 năm ngày mất của Nguyễn Du, và đây cũng là khởi điểm của một loạt công trình nghiên cứu của Xuân Diệu về các nhà thơ lớn truyền thống của dân tộc.

Xuân Diệu đã viết khoảng 450 bài thơ tình, 30 bài đã được in trong tập *Cầm tay* (1962), một số khác in xen kẽ trong các tập thơ xuất bản và số còn lại chưa in.

Cùng với 15 tập thơ, Xuân Diệu còn là một nhà văn với tập truyện ngắn *Phấn thông vàng*, tập thơ văn xuôi *Trường ca*, những bút ký chính trị, những tuỳ bút viết dọc theo năm tháng của đời sống đất nước và nhân dân, đồng thời là một nhà viết nhiều tiểu luận và phê bình văn học, đặc biệt là về các nhà thơ cổ điển lớn Việt Nam.

Xuân Diệu đã nhiều lần thăm Liên Xô, ông đã dịch *Trường ca Vlađimia Ilích Lênin* của Maiacốpxki, thơ Puskin, Êxênhin, Ximônốp, Antôcônxki, Lôcusin, Đôniratốpxki, Éptuxenkô, Matuxốpki. Ông đã giới thiệu và dịch thơ ba nhà thơ lớn Hunggary : S. Petofi, A. Giôdép, A. Ađi, viết bài giới thiệu và dịch thơ *Những nhà thơ Bungari* (1978, 1985, thơ Êlidavêta Bagrianna, thơ Blaga Dimitrova (*Vây giữa tình yêu*, 1968), đã dịch *Những người thợ dệt Xilêđi, Lôrơlây* và chùm thơ *Intécnâydô trữ tình* của Henrích Hainơ. Ông cũng đã giới thiệu và dịch tập thơ Nicôla Ghiden, nhà thơ dân tộc Cuba, dự lễ mừng thọ N. Ghiden 80 tuổi ở La Habana.

Xuân Diệu đã dự hội nghị trù bị các nhà văn Á châu ở Niu Đêli (1958) và thăm Ấn Độ hai tháng, giới thiệu và dịch thơ Rabinđranát Tago (1961). Năm 1980, ông dự và phát biểu trong Hội nghị các nhà văn thế giới bảo vệ hoà bình lần thứ hai ở Xôphia. Ông cũng là Viện sĩ thông tấn Viện hàn lâm nghệ thuật Cộng hoà dân chủ Đức (từ năm 1983).

Xuân Diệu từ trần ngày 18-12-1985 vì một cơn đau tim đột ngột tại Hà Nội.

(*Theo* Hữu Nhuận
Tác phẩm của Xuân Diệu)

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRUNG TÂM HỌC LIỆU

http://tieulun.hopto.org

NIÊN BIỂU VÀ THƯ MỤC XUÂN DIỆU

1916 Sinh ngày 2 tháng 2 tại quê mẹ. Thuở nhỏ ông học chữ quốc ngữ và chữ Hán với cha, người đỗ tú tài kép Hán học, vào dạy học ở Bình Định.

1927 Học trường Cao đẳng tiểu học Quy Nhơn, được cấp học bổng và nội trú tại trường.

1934 Đỗ thành chung tại trường Quy Nhơn.

1935 - 1936 Học tú tài phần thứ nhất tại trường Trung học bảo hộ tại Hà Nội.

In bài thơ đầu tiên *Với bàn tay ấy* ở báo *Phong hoá*.

1936 - 1937 Học tú tài phần thứ hai tại trường Trung học Khải Định, Huế.

Kết nghĩa với Huy Cận (1936) cho đến cuối đời.

Báo *Ngày nay* trong số Tết 1937, Thế Lữ giới thiệu *Một nhà thi sĩ mới – Xuân Diệu*.

1938 - 1939 Sống với Huy Cận ở gác nhà số 40 Hàng Than, Hà Nội, dạy học ở Trường tư thục Thăng Long.

Tháng 12-1938 Nhà xuất bản Đời nay in tập thơ *Thơ thơ*.

Năm 1939 Nhà xuất bản Huy - Xuân tái bản tập *Thơ thơ*.

Nhà xuất bản Đời nay xuất bản tập truyện ngắn *Phấn thông vàng*.

1940 - 1943 Đỗ tham tá Thương chính được bổ vào Sở Đoan Mỹ Tho (nay là tỉnh Tiền Giang).

1943 - 1944 Sống với Huy Cận ở Hà Nội và tham gia Việt Minh bí mật.

1945 Nhà xuất bản Thời đại xuất bản tập thơ văn xuôi *Trường ca*, tập thơ *Gửi hương cho gió*, tập tiểu luận *Thanh niên với quốc văn*.

Tham gia Tổng khởi nghĩa cướp chính quyền ở Hà Nội. Xuất bản tráng ca *Ngọn quốc kỳ*, tập bút ký *Miền Nam nước Việt* và *Việt Nam nghìn dặm*.

2B· XD

http://tieulun.hopto.org

1946	Xuất bản tráng ca *Hội nghị non sông*, tập bút ký. Được bầu vào Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, khoá I (1946-1960).
1947	Công tác ở Đài tiếng nói Việt Nam.
1948	Được bầu làm Uỷ viên Ban chấp hành Hội Văn nghệ Việt Nam. Xuất bản tập bút ký *Việt Nam trở dạ*.
1949	Được kết nạp vào Đảng cộng sản Việt Nam. Tham gia cải cách ruộng đất. Xuất bản tập thơ *Dưới sao vàng*.
1951	Xuất bản tập tiểu luận *Tiếng thơ*.
1953	Xuất bản tập thơ *Sáng*.
1954	Xuất bản tập thơ *Mẹ con* và tập thơ *Ngôi sao* (được Giải thưởng Văn nghệ 1954-1955).
1956	Xuất bản tập ký *sự thăm nước Hung*.
1957 - 1985	Được bầu làm Uỷ viên Ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam các khoá I, II, III.
1958	Xuất bản tập tiểu luận *Những bước đường tư tưởng của tôi*, tập bút ký *Triều lên*.
1959	Xuất bản tập tiểu luận *Ba thi hào dân tộc*.
1960	Xuất bản tập thơ *Riêng chung*, tập tiểu luận *Phê bình giới thiệu thơ*.
1961	Xuất bản tập tiểu luận *Trò chuyện với các bạn làm thơ trẻ*, tập khảo luận *Hồ Xuân Hương - Bà Chúa thơ Nôm*.
1962	Xuất bản tập thơ *Mũi Cà Mau - Cầm tay*, tập thơ dịch *Thi hào Nazim Hikmet*, tập tiểu luận *Dao có mài mới sắc*.
1964	Xuất bản tập thơ *Một khối hồng*.
1966	Xuất bản tập khảo luận *Thi hào dân tộc Nguyễn Du*.
1967	Xuất bản tập thơ *Hai đợt sóng*, tập thơ dịch *V. I. Lênin* của Maiacốpxki.
1968	Xuất bản tập tiểu luận *Đi trên đường lớn*, tập thơ dịch *Vây giữa tình yêu* của Blaga Dimitrova.
1970	Xuất bản tập thơ *Tôi giàu đôi mắt*, tập tiểu luận *Thơ Trần Tế Xương*.

http://tieulun.hopto.org

1971	Xuất bản tập tiểu luận *Đọc thơ Nguyễn Khuyến*, tập tiểu luận *Và cây đời mãi mãi xanh tươi*.
1974	Xuất bản tập bút ký *Việt Nam hồn tôi*.
1976	Xuất bản tập thơ *Hồn tôi đôi cánh*.
1977	Xuất bản tập tiểu luận *Mài sắt nên kim*.
1978 - 1980	Xuất bản tập tiểu luận : *Lượng thông tin và những kỹ sư tâm hồn ấy*, tập thơ dịch *Những nhà thơ Bungari*.
1981	Xuất bản tập I *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam*. Cộng hoà Pháp mời sang nói chuyện về văn học Việt Nam.
1982	Xuất bản tập thơ *Thanh ca*, tập II *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam*, tập khảo luận *Tìm hiểu Tản Đà*, tập thơ dịch *Nicôla Ghiden*.
1983	Được bầu làm Viện sĩ thông tấn Viện hàn lâm Nghệ thuật CHDC Đức. Xuất bản tập I : *Tuyển tập Xuân Diệu*.
1985	Xuất bản tập II : *Tuyển tập Xuân Diệu*. Nhà nước CHXHCN Việt Nam tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng nhất. Từ trần ngày 18 tháng 12 năm 1985.
1988	Xuất bản tập *Thơ tình Xuân Diệu* (do Vũ Quần Phương, Hữu Nhuận sưu tầm tuyển chọn).
1990	Nhân dịp kỷ niệm năm năm ngày mất, Trường Viết văn Nguyễn Du đã tổ chức Hội thảo khoa học về cuộc đời và sự nghiệp của Xuân Diệu.
1992	Xuất bản tập *Thơ tình Xuân Diệu* (do Hà Minh Đức giới thiệu, tuyển chọn), NXB Đại học và giáo dục chuyên nghiệp. Xuất bản tập *Thơ tình Xuân Diệu* (do Ngô Văn Phú tuyển chọn), NXB Hội Nhà văn.
1995	Nhân dịp kỷ niệm mười năm ngày mất, *Tạp chí Văn học* ra số đặc biệt về Xuân Diệu.
1996	Được nhà nước CHXHCN Việt Nam tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật (đợt 1).
2001	*Toàn tập Xuân Diệu* ra đời. Gồm 6 tập gần 5500 trang. Nguyễn Bao sưu tầm, giới thiệu. NXB Văn học ấn hành.

http://tieulun.hopto.org

XUÂN DIỆU - MỘT TÀI NĂNG ĐA DẠNG

Con đường sáng tạo của Xuân Diệu phát triển trên suốt nửa thế kỷ. Ông là một tác gia lớn trong văn học Việt Nam thời kỳ hiện đại với một phong cách riêng đặc sắc. Trước và sau năm 1945, Xuân Diệu đều có những đóng góp lớn đối với nền văn học nước nhà. Ông là nhà thơ tiêu biểu nhất của phong trào Thơ mới. Sau năm 1945, ông cũng thuộc số ít người ở hàng đầu của nền thơ ca Cách mạng. Xuân Diệu đã để lại một khối lượng tác phẩm đồ sộ, có giá trị lâu dài về nhiều thể loại : thơ, văn xuôi, nghiên cứu phê bình, dịch thuật... Với nhà văn tài năng này, ở thể loại nào ông cũng đạt được những thành tựu, in đậm dấu ấn riêng. Trong sáng tác của Xuân Diệu các thể loại hoà quện vào nhau, khó tách bạch ; trong văn xuôi giàu chất thơ, trong thơ giàu chất sinh động của hiện thực đời sống, trong nghiên cứu phê bình tinh tế tài hoa mà không kém phần sắc sảo. Ở một người cầm bút như Xuân Diệu, tính cả về số lượng và chất lượng thì ở mỗi thể loại đều cần thiết phải có những chuyên luận, nghiên cứu một cách công phu và đầy đủ. Một số bài viết được tuyển chọn trong tập sách này đã phần nào thực hiện được yêu cầu đó và sẽ còn tiếp tục nhiều công trình nghiên cứu về Xuân Diệu.

Sinh thời Xuân Diệu, đã có nhiều bài phê bình, tiểu luận, nghiên cứu về các sáng tác của ông. Số lượng bài viết về thơ Xuân Diệu khá phong phú. Điều đó nói lên rằng giới nghiên cứu phê bình văn học nước ta ngày càng nhận thấy giá trị lớn lao của Xuân Diệu trong lịch sử văn học Việt Nam hiện đại.

Ngay từ khi mới xuất hiện trên thi đàn,Xuân Diệu đã lọt vào "mắt xanh" của những người có tên tuổi và uy tín trong giới văn nghệ sĩ. Mặc dù cách nhìn nhận và đánh giá của các tác giả có những điểm khác nhau, nhưng nhìn chung các bài viết đều thống nhất đánh giá cao đóng góp và vị trí hàng đầu của Xuân Diệu đối với phong trào Thơ mới. Trong bài viết đầu tiên giới thiệu Xuân Diệu năm 1937, Thế Lữ – người đi tiên phong của phong trào Thơ mới đã có những nhận xét chuẩn xác,

http://tieulun.hopto.org

biểu hiện sự trân trọng đối với một tài năng của đất nước : "Thơ của ông không phải là "văn chương" nữa, đó là lời nói, là tiếng reo vui hay năn nỉ, là sự chân thành cảm xúc, hoặc là những tình ý rạo rực biến lẫn trong những thanh âm,... Xuân Diệu, nhà thi sĩ của tuổi xuân, của lòng yêu và của ánh sáng". Ở lời tựa tập *Thơ thơ* (năm 1938), Thế Lữ vẫn tiếp tục dành những lời nồng nhiệt ca ngợi Xuân Diệu. Thế Lữ đã đưa ra những nhận định phóng khoáng mà tinh tế về những đặc điểm của hồn thơ Xuân Diệu : "*Thơ thơ* là cụm đầu mùa chàng tặng cho nhân gian. Và từ đây, chúng ta đã có Xuân Diệu. Loài người hãy hiểu con người ấy !". Bài viết về Xuân Diệu trong *Thi nhân Việt Nam* (1942) của Hoài Thanh cho rằng thơ Xuân Diệu là nguồn sống dạt dào chưa từng có. Khi vui cũng như khi buồn ông đều nồng nàn tha thiết. Sau khi đưa ra một số câu thơ chứng minh cho những nhận định của mình Hoài Thanh đã đi đến một nét khái quát, đề cao đúng vị trí của Xuân Diệu : "Xuân Diệu mới nhất trong các nhà thơ mới – nên chỉ những người lòng còn trẻ mới thích đọc Xuân Diệu mà đã thích thì phải mê... Với một nhà thơ còn gì quý hơn cho bằng sự hoan nghênh của tuổi trẻ".

Vũ Ngọc Phan trong *Xuân Diệu* và Trần Thanh Mại trong *Thơ thơ và Xuân Diệu* đều nhấn mạnh đến sự xuất hiện của một tài năng nghệ thuật mới và lưu ý đến độ chín của ngôn từ, đến hương vị và nhạc điệu trong từng câu thơ. Sau năm 1945, phần sáng tác trước Cách mạng của Xuân Diệu cũng được đề cập đến nhiều lần, chủ yếu là trong các bài viết về tác giả. Đáng chú ý là các bài của Hoàng Trung Thông, Hà Minh Đức, Nguyễn Đăng Mạnh, Mã Giang Lân, Nguyễn Văn Long,... Các bài viết đều có những khám phá, sáng tạo mới, đi sâu vào nhận xét tư duy nghệ thuật, tư tưởng nghệ thuật, phong cách và bút pháp của tác giả Xuân Diệu trên các chặng đường sáng tác. Những năm gần đây, thế giới nghệ thuật thơ Xuân Diệu đã được nhiều nhà nghiên cứu phê bình tiếp cận và soi chiếu dưới góc độ của thi pháp học hiện đại (Đỗ Lai Thuý, Chu Văn Sơn, Lê Quang Hưng, Lý Hoài Thu, Nguyễn Đăng Điệp,...). Đặc biệt là những bài thơ tiêu biểu của Xuân Diệu đã được phân tích và bình giảng tương đối kỹ.

Bản thân Xuân Diệu trong các bài tiểu luận về thơ thường nhắc đến các sáng tác của mình trong mối tương quan so sánh giữa hai giai đoạn. Là nhà thơ của niềm giao cảm với đời nên hồn thơ Xuân Diệu bắt vào

http://tieulun.hopto.org

mạch sống và nguồn sáng của cách mạng một cách nhanh chóng, tuy còn những day dứt, đau đớn vì có lúc chưa theo kịp với sự đổi mới, sự chuyển mình của cuộc sống. Xuân Diệu là người rất có ý thức về điều này. Ở tuổi ngoài sáu mươi, Xuân Diệu đã nói một cách tổng hợp về đời làm thơ và quan niệm về thơ của ông : "Tôi muốn nói rằng tôi là cũ và tôi là hiện đại, và cả hai phương pháp sáng tác, hai "hồn thơ", hai giai đoạn lịch sử của nước tôi hoà lẫn trong tôi... Tôi không chút nào từ bỏ các sáng tác về trước mình... Tôi tìm thấy một hạnh phúc giàu có hơn, trọn vẹn hơn, sáng tạo hơn trong khi ở với cha tôi là Nhân dân và mẹ tôi là Tổ quốc". Khi đến với cách mạng, Xuân Diệu trở thành nhà thơ nhập cuộc với tất cả trí tuệ, tình cảm và tâm hồn của mình cho nhân dân, cho dân tộc. Tuy có lúc phát biểu một cách cực đoan nhưng Xuân Diệu chưa bao giờ chối bỏ những đứa con tinh thần của mình ra đời trước Cách mạng.

Là một tác giả đa tài, sự nghiệp sáng tác văn học của Xuân Diệu khá đồ sộ. Bên cạnh những mảng thơ mà Xuân Diệu đã dành phần lớn bút lực của đời mình, ông còn có một mảng sáng tác khá quan trọng nữa là văn xuôi. Nhưng nói như nhà phê bình Nguyễn Đăng Mạnh : "...Tôi không muốn tách biệt văn Xuân Diệu với thơ Xuân Diệu. Văn hay thơ thì vẫn là hình ảnh phập phồng nóng hổi của một trái tim đắm say sự sống, mùa xuân tuổi trẻ và tình yêu". Phải chăng đó cũng là ưu thế, là điểm mạnh đối với những tài năng nhiều vẻ như Xuân Diệu ?

Không chỉ đến với thơ, Xuân Diệu đã đến với văn xuôi từ rất sớm. Năm 1939, tập hợp các truyện ngắn đã đăng trên báo *Ngày nay*, Xuân Diệu cho xuất bản tập truyện *Phấn thông vàng*. Đến năm 1945 cùng với tập thơ *Gửi hương cho gió*, Xuân Diệu cho ra đời tập văn xuôi *Trường ca*. Đặc điểm nổi bật trong văn xuôi của Xuân Diệu thời kỳ này là tính trữ tình lãng mạn. Những trang văn thật đẹp với những câu văn, những hình ảnh được trau chuốt, gọt giũa kỹ càng. Câu văn giàu nhạc điệu, không sa vào biền ngẫu song lại luôn luôn tạo được âm hưởng riêng. Chất thơ thấm đẫm trên những trang văn xuôi của Xuân Diệu. Có thể coi tập *Trường ca* như một kiểu thơ văn xuôi. Trong văn xuôi trước Cách mạng Xuân Diệu đã sớm hình thành một giọng điệu riêng, tinh tế, tự nhiên, mượt mà, pha chút buồn duyên dáng. Văn xuôi trong *Phấn thông vàng* và *Trường ca* dường như là nối dài, mở rộng những ý tưởng mà

http://tieulun.hopto.org

ông đã từng gửi gắm, từng nói đến trong *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió*. Có thể dễ dàng tìm thấy trong văn xuôi những hình ảnh, những tư tưởng nghệ thuật mà Xuân Diệu đã nhiều lần nói tới trong thơ. Ở văn xuôi, với những đặc trưng riêng của thể loại, Xuân Diệu đã giãi bày được đầy đủ, rõ ràng và đậm nét hơn những quan niệm về tình yêu, con người và cuộc sống. Bao trùm lên những trang văn của Xuân Diệu là niềm khát khao gắn bó với cuộc đời, là một tình yêu đắm say không giới hạn. Những truyện ngắn như *Phấn thông vàng, Chú lái khờ, Đoá hồng nhung, Người lệ ngọc*,... đã bộc lộ khá đầy đủ những ý tưởng đó. Dưới con mắt của một người thơ đa tình, thiên nhiên bốn mùa dường như cũng mang một ý nghĩa khác : "Thu không phải là mùa thu sầu. Ấy chính là mùa thu yêu, mùa yêu nhau bằng linh hồn, mùa những linh hồn yêu mến nhau... Trời muốn lạnh nên người ta cần nhau hơn. Và người nào chỉ có một thân, thì cần một người khác. Xuân, người ta vì ấm mà cần tình. Thu, người ta vì lạnh sắp đến mà rất cần đôi. Cho nên không gian đầy những lời nhớ nhung, những linh hồn cô đơn thả ra những tiếng thở dài để gọi nhau..." (*Thu*). Không khí và hương vị của tình yêu bảng lảng khắp trong đất trời, trong cảnh sắc thiên nhiên và cỏ cây hoa lá. Chúng ta gặp lại ở đây một con người có trái tim yêu da diết, yêu đến hết và yêu đến chết. Như chính Xuân Diệu đã từng thú nhận : "Tôi khờ khạo lắm, ngu ngơ quá – Chỉ biết yêu thôi, chẳng hiểu gì".

Khao khát tình yêu cuộc sống, trải lòng ra đến tận cùng với tình yêu. Đó là âm hưởng chính trong truyện ngắn và bút ký của Xuân Diệu trước Cách mạng. Nhưng bên cạnh âm hưởng chính đó còn một mảng đề tài nữa mà Xuân Diệu hướng tới. Đó là số phận của những con người nhỏ bé, cam chịu và nghèo khổ. Chúng tôi nghĩ rằng ở mảng đề tài này, văn xuôi Xuân Diệu có nhiều đóng góp thiết thực hơn. Bởi vì tình yêu, những trạng thái của tình yêu đã được Xuân Diệu nói đến nhiều trong thơ một cách tài hoa và đạt hiệu quả hơn. Xu hướng văn chương lãng mạn nhưng không tách rời hiện thực đã tạo cho văn xuôi của ông một bộ mặt đầy đủ và hoàn chỉnh hơn.

Kiếp người lầm than đang lay lắt trong cảnh đói nghèo tủi nhục được Xuân Diệu thể hiện khá rõ trong truyện *Thương vay*. Đây là loại truyện không có cốt truyện, truyện giống như một tuỳ bút tâm tình, hay gọi theo cách của tác giả là "truyện ý tưởng". Hình ảnh bà lão nhà quê

http://tieulun.hopto.org

nghèo khổ nhập nhoà trong bóng tối chỉ là một cái cớ để tác giả có dịp bộc lộ những suy nghĩ về tình cảm của mình : "...Một người bằng thịt bằng xương – thịt khô và xương gầy – với một lịch sử chắc chắn khổ sở hết chín phần mười, với chút sống còn sót giữa lòng, như hòn lửa nhỏ còn lấp dưới tro... Bao giờ lòng thương lại chẳng có duyên cớ ở trên cái đời cùng cực, đau đớn, khốn khổ, rách rưới, cô đơn này...". Trong *Toả nhị kiều*, tác giả lại hướng ngòi bút của mình vào một cảnh ngộ khác. Đó là số phận mờ nhạt của hai chị em sống ở đất Hà thành. Họ sống đấy mà như không hề có mặt trên đời. Bao bọc xung quanh họ là một không khí tù đọng, tẻ nhạt, "không ánh nắng, chẳng hương người". Cả cuộc đời của hai cô gái chỉ là những buổi chiều dài vô vọng nối tiếp nhau, lẫn trong mù sương. Một buổi chiều triền miên của sự vật và của linh hồn. Tác giả như cảm nghe được tất cả sự mờ nhạt và vô nghĩa của cuộc đời hai cô gái. Giáo sư Nguyễn Lương Ngọc trong hồi ký *Nhớ bạn* đã kể lại rằng *Toả nhị kiều* được viết từ một tình cảnh có thật mà ông là người trong cuộc. Hồi đó Nguyễn Lương Ngọc ở trọ trên gian gác trong căn nhà của gia đình một viên chức. Ông đã sống ở đó một thời gian khá dài nhưng không hề chú ý đến hoàn cảnh của hai cô gái con chủ nhà. Nhưng chỉ một đôi lần đến thăm Nguyễn Lương Ngọc, Xuân Diệu đã để ý đến cuộc sống của hai cô gái. Cuộc đời buồn tẻ của hai chị em làm Xuân Diệu xúc động, và đã trở thành nguồn cảm hứng để ông viết nên *Toả nhị kiều*. Một số truyện ngắn như *Đứa ăn mày, Chó mèo hoang, Cái hoả lò*,... cũng thể hiện sự hoà cảm xót xa với những kiếp người lầm than đang vất vả trong cảnh sống tối tăm, bị đời hắt hủi và khinh rẻ. *Cái hoả lò* gần như là một tự truyện về tuổi nhỏ của Xuân Diệu. Cảnh nghèo túng, thua thiệt và những ngang trái trong cuộc đời lẽ mọn của bà mẹ đã ảnh hưởng khá nhiều đến cuộc đời Xuân Diệu. Nó khiến cho ông sớm già dặn, chín chắn và dễ đồng cảm với những kiếp người nhỏ bé khi bước vào đời.

Sáng tác văn xuôi là một bộ phận quan trọng trong sự nghiệp sáng tạo của Xuân Diệu. Sau Cách mạng, ông không viết truyện ngắn mà chỉ tập trung ngòi bút vào phê bình tiểu luận và bút ký. Bằng vốn hiểu biết phong phú và sự tinh tế nhạy cảm của một nhà thơ, bằng lối viết luôn tràn đầy nhiệt tình, tràn đầy cảm xúc, các sáng tác của Xuân Diệu có một tiếng nói riêng đáng chú ý. Khối lượng lớn những sáng tác văn xuôi

http://tieulun.hopto.org

của Xuân Diệu đã phần nào nói lên tâm sức của ông dành cho bút ký và tiểu luận phê bình[1].

Cách mạng đã đem lại cho cuộc đời sáng tạo của Xuân Diệu một nguồn sinh lực mới. Tâm hồn ông được mở rộng về phía cuộc đời rộng lớn của nhân dân, của đất nước. Trước kia Xuân Diệu chỉ biết sống và viết dựa trên những cảm xúc tự nhiên, tự phát của mình. Giờ đây nhà nghệ sĩ đã đến với Cách mạng, hoà nhập và gắn bó hết lòng với thực tế đời sống đầy khó khăn gian khổ nhưng rất đỗi hào hùng, đầy ắp những sự kiện và mang một ý nghĩa mới. Cái tôi cá nhân riêng lẻ hoà với cái tôi công dân lớn một cách hoàn toàn tự nguyện. Xuân Diệu hăm hở sống, hăm hở đi, hăm hở viết. Hàng loạt những tuỳ bút, ký sự đã tạo thành một dòng chảy liên tục, phản ánh bộ mặt phong phú, sôi động của cách mạng Việt Nam trong suốt mấy chục năm lịch sử. Ông vừa là người nghệ sĩ vừa là một người thư ký trung thành của thời đại. Bút ký của Xuân Diệu đã ghi lại hàng loạt những sự kiện lớn của đất nước, những ngày hội trọng đại của dân tộc ta. Tất cả đều mới mẻ và tràn đầy niềm tự hào : "Quốc kỳ mới, quốc ca mới, gươm súng mới, bộ đội mới, Dân quốc mới, Chính phủ mới : Hàng triệu trái tim đã đến dự ngày độc lập cũng đem đến một dòng máu như lửa mới nhen, như trăng mới mọc" ; và "trong nắng thu sáng chói đến gay gắt, dưới trời xanh có một ngọn cờ đỏ sao vàng chót vót nổi bật, một cảm giác mùa xuân dân tộc lan đi trên ngọn sóng người". Từ những ngày Tổng tuyển cử đầu tiên ở Hà Nội đến đại thắng mùa xuân 1975, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Không chỉ nói đến những sự kiện lớn của đất nước, Xuân Diệu còn thể hiện và bộc lộ con người mình rất rõ rệt qua những thiên tuỳ bút đầy chất thơ của một thi sĩ giàu kinh nghiệm. Xuân Diệu trải lòng mình và gửi gắm biết bao tình ý trong những trang viết của mình. Bí quyết lớn nhất dẫn đến thành công của Xuân Diệu là ở trái tim có sức yêu mãnh liệt và một tâm hồn luôn rộng mở, gắn bó với cuộc đời, với đất nước, với nhân dân. Hai bài bút ký *Cùng xương thịt với nhân dân* in trong tập *Đi trên đường lớn* và *Về lại quê Nam* in trong tập *Mài sắt nên kim* hội tụ

---

(1) Các tác phẩm chính như : *Tiếng thơ* (1951), *Triều lên* (1958), *Những bước đường tư tưởng của tôi* (1958), *Ba thi hào dân tộc* (1959), *Phê bình giới thiệu thơ* (1960), *Trò chuyện với các bạn làm thơ trẻ* (1961), *Dao có mài mới sắc* (1963), *Đi trên đường lớn* (1968), *Và cây đời mãi mãi xanh tươi* (1971), *Mài sắt nên kim* (1977), *Lượng thông tin và những kỹ sư tâm hồn ấy* (1978), *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam* (hai tập, 1981, 1982).

http://tieulun.hopto.org

nhiều điểm mạnh và tương đối tiêu biểu cho bút pháp của ông. *Cùng xương thịt với nhân dân* cũng chính là cái tứ trong một bài thơ nổi tiếng, quen thuộc với nhiều người của Xuân Diệu, bài *Đêm hành quân*. Xuân Diệu đã nói đến những bước đi, những bước chuyển biến trong nhận thức của mình qua hai tháng đi thực tế ở khu Bốn. Không chỉ là chuyến đi thực tế "cưỡi ngựa xem hoa" mà đó là những ngày hoà mình thực sự với cuộc sống của nhân dân ở một vùng đất bị chiến tranh tàn phá ác liệt. Tác giả đã đi đến vài chục đêm từ Thanh Hoá đến Nghệ An, từ Vinh đến Nam Đàn, Thanh Chương, Đô Lương, Tân Kỳ, Nghĩa Đàn,... "Đã mấy khi tôi thức trọn với núi sông như những lúc hành quân đêm này... Tôi biết những khoảng tờ mờ gần xa trong đêm kia làm gì, ấp ủ chuẩn bị những gì. Tôi thấy hết trong đêm, bởi trái tim tôi sáng... Tôi cùng một xương thịt với nhân dân, với đất nước".

Thực ra cái khát khao muốn gắn bó, hoà hợp với cuộc đời đã là nỗi ám ảnh của Xuân Diệu từ khi mới bước vào đời. Nhưng dưới chế độ cũ, cá nhân không hoà hợp được với xã hội, tác giả thu mình trong "chiếc đảo hồn tôi rợn bốn bề". Ngày nay Cách mạng đã đưa ông vào giữa lòng đời sống nhân dân. Xuân Diệu đã nói đến sự thay đổi ấy một cách thật là gan ruột và thấm thía. *Về lại quê Nam*, bài bút ký – thơ này được ra đời sau chuyến về thăm quê của tác giả sau một cuộc xa cách dài ba mươi năm. Bằng một giọng điệu khi sôi nổi thiết tha, lúc trữ tình sâu lắng, những liên tưởng và suy nghĩ được diễn đạt sinh động và nhiều tầng biến hoá. Chế Lan Viên – một người sắc sảo và kỹ tính của làng văn đã gọi Xuân Diệu là "ông chúa bút ký". Xuân Diệu là một trong những văn nghệ sĩ tên tuổi có mặt ngay từ những ngày đầu xây dựng nền văn nghệ cách mạng và kháng chiến. Kỷ niệm về cái thuở ban đầu đáng ghi nhớ ấy đã được Xuân Diệu ghi lại rất đầy đủ và chi tiết trong các bài ký : *Đại hội Văn nghệ kháng chiến 1948, Những kỷ niệm chung quanh tạp chí Văn nghệ*. Đó là những tư liệu văn học vô cùng quý giá, mà chắc chắn sau này khi viết lịch sử văn học, khi dựng lại bức tranh của đời sống văn học không thể bỏ qua.

Trong số những văn nghệ sĩ thành danh từ trước Cách mạng, Xuân Diệu là người nói đến sự thay đổi, sự chuyển biến trong tâm hồn và tư tưởng một cách đầy đủ, kỹ lưỡng nhất. Trong tiểu luận *Những bước đường tư tưởng của tôi*, ý thức công dân, ý thức cách mạng đã được

http://tieulun.hopto.org

biểu hiện tích cực trong niềm vui lớn của sự giải phóng, sự đổi đời. Ông đã là người sớm nhất, gắn tư cách công dân và người nghệ sĩ một cách trọn vẹn. Ngay trong tiến trình của Cách mạng, nhà thơ mới tiêu biểu nhất cho *cái tôi*, cho tình yêu cá nhân lại chính là người sớm nhập cuộc vào Cách mạng, vào đại chúng, vào số đông để trang trải lòng mình ở tư cách người công dân một nước độc lập và hướng tới một *cái ta* chung của cộng đồng là Tổ quốc và nhân dân. Xuân Diệu lại bước vào một cuộc "nhận đường" mới. Nhận đường trở về với nhân dân, nói tiếng lòng của nhân dân. Câu hỏi lớn trở thành một nỗi day dứt nơi ông, đó là : "Làm thế nào một thi sĩ trước Cách mạng chưa có chủ nghĩa Mác - Lênin trong sáng tác của mình không chết (nói về mặt thi sĩ) không chuyển ngành, không bỏ thơ dù để sang một nghệ thuật khác mà lại trở thành một thi sĩ trong Cách mạng, của Cách mạng ?". Xuân Diệu là người nói được một cách thấm thía về thành quả và công ơn của Cách mạng đối với toàn thể dân tộc, trong đó có lớp trí thức, văn nghệ sĩ như ông. Xuân Diệu cũng nói đầy sức thuyết phục về sự đổi đời của cả một lớp người. Có thể nói cả một thế hệ văn thơ, từ Thế Lữ, Tú Mỡ, Lưu Trọng Lư, Hoài Thanh, Chế Lan Viên, rồi Nguyễn Tuân, Nguyễn Huy Tưởng, Nam Cao,... đều đã nói chân thành về hiện tượng "lột xác" này. Nhưng có lẽ Xuân Diệu là người nói được đầy đủ hơn cả qua *Những bước đường tư tưởng của tôi*.

Ông đã nói về những bước đường tư tưởng của mình một cách thành thực không tô vẽ, không giấu giếm. Qua đó, chúng ta thêm hiểu về ông và cũng là thêm hiểu về những nhà thơ từ chân trời cũ đến chân trời mới. Xuân Diệu đã có một bước chuyển biến dài, một sự đổi mới trong tâm hồn và trong cả sáng tác. Cuộc phấn đấu của ông vẫn tiếp tục "trên con đường lớn" của nhân dân, của đất nước mà ông suốt đời gắn bó. Xuân Diệu là người sớm gắn ý thức công dân với trách nhiệm của người nghệ sĩ. Trong bài *Trò chuyện với các bạn làm thơ trẻ*, ông đã chân thành bộc bạch những suy nghĩ của mình. Kinh nghiệm của một đời cầm bút đã được nhà thơ đàn anh truyền lại cho các lớp sau rất chân tình và thẳng thắn. Ông luôn luôn khẳng định niềm vui sướng, tự hào được làm "một người thi sĩ trong chế độ mới". Cái quý nhất ở Xuân Diệu là sự chân thực, sức lao động không mệt mỏi và luôn luôn đi từ sáng tạo này đến sáng tạo khác. Ông luôn là người thầy, người bạn lớn cho các thế hệ những người viết trẻ.

http://tieulun.hopto.org

Không chỉ là người có khối lượng sáng tác thơ đồ sộ, trong các hoạt động khác của thơ, Xuân Diệu cũng là người có nhiều đóng góp. Đối với thơ ca hiện đại Xuân Diệu rất quan tâm. Ông có mặt trong ban giám khảo của hầu hết các cuộc thi thơ, viết lời tựa cho các tuyển thơ, viết bài tổng kết, đánh giá các cuộc thi và các hoạt động sáng tác thơ. Từ những tác giả lão thành có tên tuổi từ trước Cách mạng như Tú Mỡ, Huy Cận đến những em nhỏ làm thơ như Trần Đăng Khoa, Cẩm Thơ, từ cuộc thi thơ có tầm cỡ quốc gia cho đến những bài thơ sáng tác in trên báo tường, báo liếp đều được Xuân Diệu dành cho một thái độ trân trọng, biểu dương, khuyến khích. Ông có một giọng điệu riêng khi phê bình giới thiệu thơ, tỷ mỷ, cẩn thận, kỹ lưỡng xăm soi đến từng hình ảnh, từng chi tiết, không tránh khỏi có những lúc tỏ ra quá nghiêm khắc. Bên cạnh việc biểu dương ưu điểm, Xuân Diệu là người chỉ ra những thiếu sót rất tinh tế và sắc sảo. Ông có tác phong làm việc rất đáng nể phục : "...Tôi cảm thấy mình làm một việc rất chi ly phiền toái, cứ thấy ưu điểm lớn và chung có phải vừa đúng, vừa đỡ mệt hay không ? Tại sao tôi tự làm khổ tôi, cứ đọc đi đọc lại hàng trăm bài thơ dự thi, sau khi cảm thấy những chỗ thơ không ổn rồi, lại phải nghiên cứu phân tích kỹ lý lẽ vì sao mà mình cảm thấy không ổn ?".

Xuân Diệu là một người tài năng, có vốn văn hoá sâu rộng, có sự thẩm bình rất tinh tế. Ông là người rất quan tâm đến lao động câu chữ, là người khẳng định mối quan hệ hàng đầu giữa thơ và cuộc sống. Xuân Diệu chủ trương làm một nhà thơ phải có sự uyên bác trong thơ. Ông đã học, đã đọc cổ kim Đông Tây, rồi biến thành của mình và làm cho thơ mình trở nên phong phú hơn. Bài *Sự uyên bác với việc làm thơ* – bài tiểu luận cuối cùng của Xuân Diệu là cuộc tổng kết một đời học tập, đồng thời là một sự sòng phẳng : cái gì ông học người, cái gì cũng là học người nhưng đạt tới trình độ cao hơn. Trong khi phê bình giới thiệu thơ có những lúc quá say sưa, Xuân Diệu không tránh khỏi sự nhiều lời, gượng ép. Bạn bè đồng nghiệp trong giới đều thấy rõ nhược điểm này của ông, nhưng tất cả mọi người đều đánh giá cao tâm huyết và tài năng của Xuân Diệu trong lĩnh vực này. Giới sáng tác, phê bình và công chúng yêu thơ vẫn luôn luôn trông đợi người thẩm bình thơ ca có "đôi mắt xanh" như Xuân Diệu. Sở trường lớn nhất của Xuân Diệu là năng lực cảm thụ thơ văn. Ông thuộc những người nối tiếp truyền thống

http://tieulun.hopto.org

thẩm văn, bình thơ, viết thi thoại của cha ông ta. Thật là thú vị khi nghe một nhà thơ bình thơ, sự *bình* của Xuân Diệu gần với ý nghĩa *bình văn* của các cụ ta thời trước hơn là với phê bình của chúng ta ngày nay. Xuân Diệu có thể tự hào rằng mình thuộc trong số những nhà thơ từ ngày dựng nước đến nay theo dõi liên tục và có góp phần ảnh hưởng đến phong trào sáng tác thơ. Qua hàng loạt các bài viết, các tập tiểu luận được viết trong nhiều chục năm đã cho chúng ta một hình dung về Xuân Diệu, là người yêu thơ, say thơ, trân trọng thơ và có lẽ là người đọc nhiều thơ nhất. Chẳng những ông đã đọc mà còn lật đi lật lại, theo dõi từng chặng đường, từng tác giả, nghiền ngẫm từng tập, từng bài, phân loại, đánh giá và đã nêu lên được những nét bản chất và đặc trưng của thơ ca. Trong phê bình và thẩm định, Xuân Diệu đã kết hợp được sự tinh tế sắc sảo với tác phong cần cù, tỷ mỷ, chịu khó. Ở mọi lúc mọi nơi ông đều tỏ rõ cốt cách của một người lao động câu chữ thực thụ. Có nhà phê bình đã ví ông như một người đàn bà suốt đời lam lũ lo liệu gây dựng cơ đồ. Ông là một người nghệ sĩ lao động không mệt mỏi, một người biết "mài sắt nên kim" chuyên cần và nhẫn nại.

Đối với công việc tìm hiểu gia tài văn học của ông cha, Xuân Diệu là người có công rất lớn. Bộ sách *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam* (hai tập) là công trình nghiên cứu chững chạc và bề thế. Tác giả đã mang vào đó tất cả tâm huyết và tình yêu đối với văn học cổ điển. Nhiều nhà thơ lớn của dân tộc : Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, Nguyễn Đình Chiểu,... đã được Xuân Diệu nghiên cứu, phân tích, bình giải. Khi viết về một tác giả, Xuân Diệu thường bỏ nhiều công sức đọc đi đọc lại nhiều lần, tìm hiểu chu đáo những tư liệu liên quan đến đối tượng nghiên cứu. Viết về bất cứ tác giả nào Xuân Diệu cũng cố gắng nắm bắt và chỉ ra được cái "thần", cái cốt cách riêng của người đó. Tình yêu lớn lao đối với những giá trị văn học của cha ông thấm vào từng trang viết, làm nên mạch đập run rẩy trong mỗi dòng chữ, tạo nên những ấn tượng sâu sắc nơi người đọc : "Lòng Xuân Hương là lửa, tay Xuân Hương có điện, nên các chữ đều sống cả lên". Thấp thoáng đằng sau những tác giả cổ điển là hình dáng, tư tưởng của chính Xuân Diệu. Đấy là một *cái tôi* hiện tại đi tìm *cái tôi* cá thể của người xưa. Ông rất tinh tế chỉ ra những nỗi niềm riêng trong thơ Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Á Nam Trần Tuấn Khải,...

http://tieulun.hopto.org

khám phá niềm u ẩn trong thơ Nguyễn Du, *cái tôi* mạnh mẽ, độc đáo của Tản Đà, tư thế lãng mạn, ngang tàng trong thơ Đào Tấn,... Ở mỗi tác giả ông say sưa chiêm ngưỡng, tìm tòi khám phá, làm nên sức cuốn hút của nhiều trang viết". Điều đặc biệt là hầu như nói đến ai, dù thế nào, Xuân Diệu cũng nói đến quan hệ tình yêu, cũng phát hiện ở họ sự tình tứ, đắm say, chất đa tình sôi nổi. "Ông hoàng" của thơ tình Việt Nam hiện đại tỏ ra rất nhanh nhạy và đồng điệu với chất đa tình ở những hồn thơ cổ điển.

Sở dĩ Xuân Diệu đã phát hiện được những nét độc đáo, mới mẻ ở các nhà thơ cổ điển Việt Nam là bởi ông đã lấy chính mình ra để nhìn ngắm và đối chiếu với họ. Khi phân tích tác phẩm, ông lại luôn luôn đặt mình vào địa vị người sáng tác, để nói cho thấu đáo từ việc chọn một chữ, dùng một câu đến ý tứ chung của toàn bài. Nhà thơ của tình yêu đã nhận biết sâu sắc hơn ai hết những rung động và biến thái dù là nhỏ nhất trong những dòng thơ trữ tình của các nhà thơ cổ điển. Xuân Diệu đặc biệt say mê *Truyện Kiều* của Nguyễn Du : "Riêng tôi, vài chục năm nay đọc đi đọc lại đoạn Kim – Kiều gặp nhau, Kim Trọng tương tư Kiều, kể có trăm lần, hồ như đã thuộc, thế mà mãi gần đây, mới nghiên cứu lại, mới gọi là sơ bộ nhận thấy những tầng lớp trong đó, thật tài tình". Nguyễn Du và *Truyện Kiều* là một thử thách của nhiều cây bút nghiên cứu phê bình. Từ khi ra đời đến nay đã có nhiều cách nhìn nhận và đánh giá *Truyện Kiều*. Đến lượt mình, Xuân Diệu đã có một cách tiếp cận riêng để phát hiện được nhiều điều mới mẻ. Kết hợp sự suy nghĩ công phu với cách cảm nhận tinh tế của một nhà thơ, Xuân Diệu đã làm cho người đọc nhận thức được một cách đầy đủ, sâu sắc hơn về nhà thơ thiên tài của dân tộc ta. Chỉ riêng phần bàn về ngôn ngữ trong *Truyện Kiều* cũng đã là một chuyên luận có nhiều phát hiện thú vị, tỏ rõ sự uyên bác của một người am hiểu và yêu quý ngôn ngữ của dân tộc. Văn phong trong phê bình, nghiên cứu, tiểu luận của Xuân Diệu ít khi mực thước. Ông thường để cho cảm xúc cuốn đi, say sưa theo đuổi những ý tưởng của mình. Trong những bài viết ông sử dụng một ngôn ngữ đa dạng và biến hoá rất linh hoạt. Với một cái nhìn sắc sảo, vừa bao quát vừa tỷ mỷ, với một văn phong độc đáo, tự nhiên, Xuân Diệu đã làm cho những tên tuổi lớn trong kho tàng văn học dân tộc thêm chói sáng.

http://tieulun.hopto.org

Xuân Diệu cũng là người đi đầu trong việc giới thiệu những giá trị thơ ca trên dòng giao lưu giữa các nhà thơ lớn trên thế giới : Louis Aragon, Paul *Eluard*, Petofi, Maiacốpxki, Nazim Hikmet, Blaga Dimitrova, Pablo Neruda, Nicôla Ghiden,... Xuân Diệu đã góp phần làm cho chúng ta giàu có thêm về tâm hồn, phong phú thêm về kiến thức. Ông đã thực hiện công việc này với một tinh thần trách nhiệm cao. Khi bắt tay vào dịch tác phẩm của một nhà thơ nước ngoài, Xuân Diệu không chỉ đối mặt với từng trang bản thảo mà ông còn bỏ nhiều công sức tìm hiểu cuộc đời, những quan niệm về nghề nghiệp và phương pháp sáng tác của người đó. Có những tác giả, Xuân Diệu bỏ công sức và thời gian theo đuổi hàng năm trời. Xuân Diệu tìm thấy ở mỗi nhà thơ một vẻ đẹp riêng. Ông luôn cố gắng đem lại cho các bản dịch những giá trị tương đối thật của nó, đem lại cái hồn của từng bài thơ nằm sau lớp vỏ ngôn từ của một thứ ngôn ngữ khác xa với tiếng mẹ đẻ của mình. Ông tìm thấy trong công việc này một niềm hứng khởi lớn lao. Hồn thơ và trái tim ông có những giao cảm ân tình với nhiều bạn thơ trên thế giới. Vừa là nhà thơ dịch giả, ông vừa là sứ giả của tình hữu nghị, giao lưu văn hoá.

Xuân Diệu viết truyện ngắn, bút ký, nghiên cứu, phê bình, dịch thuật,... trong lĩnh vực nào ông cũng đạt tới thành công, nhưng hoạt động sáng tạo chủ yếu vẫn là làm thơ. Xuân Diệu đã để lại một sự nghiệp lớn bao gồm gần năm chục tập sách, trong đó có mười lăm tập thơ đã xuất bản, chưa kể những bài thơ chưa được công bố. Thơ là nơi Xuân Diệu gửi gắm nhiều tâm huyết nhất. Phần lớn những tinh hoa, sức lực của đời mình ông đã giành cho thơ. Và cũng chính ở địa hạt này, Xuân Diệu đã gặt hái được những thành công rực rỡ nhất. Trong số các danh hiệu xưng ở đời, Xuân Diệu tự hào và tâm đắc nhất với danh hiệu nhà thơ. Thơ ca là lĩnh vực quan trọng nhất trong sự nghiệp sáng tạo của ông. Xuân Diệu có mặt và có thành tựu lớn ở cả hai trào lưu thơ ca lớn nhất thế kỷ : Thơ mới và thơ ca Cách mạng.

Cũng như văn xuôi Tự lực văn đoàn, Thơ mới là hiện tượng đánh dấu sự phát triển đột biến trong lịch sử văn học dân tộc. Lần đầu tiên trong lịch sử văn học nói riêng *cái tôi* cá nhân được đề cao như một sự đối lập với *cái ta* của mỹ học phong kiến phương Đông. Cũng là lần đầu tiên, ý thức cá nhân được bộc lộ một cách ồ ạt, đa dạng, nhiều vẻ

http://tieulun.hopto.org

trong thơ của phong trào Thơ mới, trong văn xuôi lãng mạn của Tự lực văn đoàn.

Trong số các nhà thơ của làng Thơ mới, Xuân Diệu xuất hiện sau một số tác giả, nhưng như nhận xét của Hoài Thanh : "Xuân Diệu là nhà thơ đại biểu đầy đủ nhất cho thời đại". Với sự xuất hiện của Thơ mới (1938) người ta chưa hết ngạc nhiên vì "cái vẻ quá Tây" thì lại nhận ra ngay "cái gì rất Việt Nam", người ta đang "chỉ trích những cái dở" thì lại tìm thấy trong thơ ông "một nguồn sống dào dạt chưa từng thấy ở chốn nước non lặng lẽ này". Như thế có nghĩa là khi mới ra đời, thơ Xuân Diệu đã không có được ngay một sự đón nhận nồng nàn, suôn sẻ. Có lẽ đó là do bởi thơ Xuân Diệu "mới cả ý lẫn lời" tức là mới cả nội dung lẫn hình thức, theo cách nói của Vũ Ngọc Phan.

Ý thức cá nhân và một quan niệm thẩm mỹ – nhân sinh mới : quan niệm về cái tôi được Xuân Diệu biểu hiện tập trung, cao độ nhất ở lĩnh vực tình yêu. Có lẽ đó cũng chính là lĩnh vực bộc lộ tương đối đầy đủ những phẩm chất mới của con người cá nhân tư sản. Với Xuân Diệu bản lĩnh nghệ thuật được bộc lộ rõ rệt nhất ở mảng thơ tình yêu. Trong các bài phê bình, nghiên cứu về tác giả Xuân Diệu, chủ đề tình yêu luôn luôn được đánh giá là điểm mạnh và nổi trội hơn cả. Trong bài viết về Xuân Diệu, tác giả Hà Minh Đức đã khẳng định : "Điều thú vị nhất ở anh là những đóng góp về thơ tình. Từ những trang thơ tình trong *Thơ thơ* đến những bài thơ tình viết lúc cuối đời, Xuân Diệu là nhà thơ tình bậc nhất trong thơ ca của thời kỳ hiện đại... Anh viết thơ tình với một khiếu năng và tài năng đặc biệt. Nhiều bài thơ tình của Xuân Diệu đã trở thành nhịp cầu cho những trái tim". Xuân Diệu quan niệm thơ tình là phần quan trọng của cuộc sống. Suốt cả đời thơ của mình ông đã làm theo quan niệm đó. Xuyên suốt trong thơ ông là một mạch ngầm tình yêu khi sôi nổi, gấp gáp, lúc trìu mến, thiết tha. Gần như tất cả các cung bậc, những trạng thái tình cảm của con tim yêu đương đều được nói đến trong thơ tình Xuân Diệu. Tình yêu ở đây không chỉ là khát vọng như muôn đời con người đã khát vọng. Nó còn là quyền được yêu trong ý thức chủ động tự quyết của cá nhân. Nó không chỉ đòi hỏi ý thức vun đắp, nâng niu, thờ phụng mà còn đòi được hưởng thụ, được "hút nhuỵ" từ những xúc cảm nguồn mạch thánh thiện nhất đến những đam mê đời thường nhất. Trong thơ Xuân Diệu, hạnh phúc của tình yêu là ở sự

http://tieulun.hopto.org

tận hưởng, sự hoà đồng giữa cho và nhận, còn bất hạnh là khi "Cho rất nhiều nhưng nhận chẳng bao nhiêu". Nhà thơ chưa một lần nào tỏ ra biết kiềm chế trong tình yêu. Ông luôn luôn hấp tấp, "vội vàng", luôn luôn kêu gọi, "giục giã". Dường như ông là người không biết chờ đợi. Cái rạo rực của tình yêu trong thơ Xuân Diệu là cái rạo rực của một con người ham sống, ham yêu. Dường như trong ông luôn thường trực một thứ ẩn ức về tinh thần, nên ông phải giải toả nó bằng tình yêu trong thơ. Những khát khao không được thoả mãn đã mang đến cho thơ Xuân Diệu rất nhiều hình ảnh tương phản giữa muốn và được, giữa nhận và cho, giữa cuồng nhiệt và thờ ơ, giữa khát thèm và lãnh đạm. Về một phương diện nào đó có thể coi thơ Xuân Diệu là một tiếng nói đòi giải phóng. Tình yêu trong thơ Xuân Diệu gần như không bị trói buộc bởi một thứ quan niệm, một luật lệ, một định kiến nào. Nó chỉ tuân theo một quy luật : quy luật giải phóng cá nhân.

Con người cá nhân đã được Thơ mới lãng mạn chú ý tới ngay từ khi nó mới ra đời. Hầu hết các nhà thơ trong phong trào Thơ mới đều đề cao *cái tôi*, coi đó là điểm hội tụ và cũng có thể là điểm sáng nhất trong thế giới tinh thần của con người. Một thế hệ thi sĩ mới đã xuất hiện cùng với một hệ thống các quan niệm thẩm mỹ mới. *Cái tôi* trữ tình mang nhiều màu sắc đã làm nên những sáng tạo mới, những phong cách mới. Những phong cách đã tạo nên "Một thời đại mới trong thi ca... Thời đại chữ *tôi* với cái nghĩa trọn vẹn và tuyệt đối của nó". Xuân Diệu là một trong những nhà thơ quan trọng nhất của phong trào Thơ mới. Ông là người đã góp phần hoàn chỉnh cuộc cách mạng trong thơ ca, khiến từ đó trở đi thơ ca ta có một khuôn mặt hiện đại. Xuân Diệu đã bộc lộ trong thơ một *cái tôi* trữ tình phong phú và độc đáo, được biểu hiện dưới nhiều phương thức khác nhau. Khó ai có thể vượt qua Xuân Diệu khi ông miêu tả tâm trạng bâng khuâng, mơ hồ của người con gái trước một khung cảnh thiên nhiên :

Mây vẩn từng không, chim bay đi,
Khí trời u uất hận chia ly.
Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói
Tựa cửa nhìn xa, nghĩ ngợi gì.

(*Đây mùa thu tới*)

http://tieulun.hopto.org

Trước một tình riêng e ấp, không lời :

Thiếu nữ bâng khuâng đợi một người
Chưa từng hẹn đến, - giữa xuân tươi
Cùng chàng trai trẻ xa xôi ấy
Thiếu nữ làm duyên, đứng mỉm cười.

(*Nụ cười xuân*)

Ở đây nhà thơ đã hoá thân vào hình ảnh người thiếu nữ để thể hiện một tình yêu trong sáng và trinh nguyên, vừa gần gũi vừa xa vời. Sự hoá thân không có gián cách về mặt cảm xúc thẩm mỹ này đã làm nên cái hồn riêng, cái duyên riêng trong thơ Xuân Diệu.

Ở Xuân Diệu có lẽ hơn bất cứ nhà thơ mới nào khác, đã tự thể hiện *cái tôi* cá nhân - *cái tôi* riêng của mình một cách phong phú nhất – qua nhiều sự hoá thân nhất, và mỗi hoá thân là một góc, một khía cạnh của con người thơ. Có lúc ông là "con chim đến từ núi lạ – Ngứa cổ hát chơi" ; "là con nai bị chiều đánh lưới - Không biết đi đâu đứng sầu bóng tối". Và có lúc nhà thơ muốn hoá thân vào cả một Hy Mã Lạp Sơn, sừng sững trong không gian. Nhưng ở một phía khác của con người sầu muộn, cô đơn này là sự đắm say, khao khát giao cảm với đời. Càng tách riêng ra trong sự cô đơn, càng cảm nhận nỗi buồn nhân thế (khác với nỗi buồn không gian và vũ trụ ở Huy Cận). Trong thơ Xuân Diệu, lòng ham sống được bộc lộ một cách thiết tha đến cuồng nhiệt :

Tôi kể đưa răng bấu mặt trời,
Kẻ đựng trái tim trìu máu đất,
Hai tay chín móng bám vào đời.

(*Hư vô*)

Hiện tại nhiều lúc đau buồn, cô đơn, không thoả mãn nhưng không bao giờ Xuân Diệu tìm đến tiên như Thế Lữ, mộng như Lưu Trọng Lư, say như Vũ Hoàng Chương. Toàn bộ ý nghĩa cuộc đời ông diễn ra trong hiện tại, cho dù hiện tại đó ngắn ngủi :

Xuân đang tới, nghĩa là xuân đang qua,
Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,
Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất.

(*Vội vàng*)

http://tieulun.hopto.org

Cách cảm nhận cuộc sống chỉ bằng hiện tại này làm nên cái gấp gáp, vội vàng, thúc giục của nhịp sống trong thơ Xuân Diệu. Có những lúc ông muốn níu kéo thời gian, níu kéo sự vận hành của trời đất để được hưởng niềm vui trong hiện tại. Giữa những tình cảm vừa như đối lập và đơn độc, vừa như gắn bó ấy, hiện lên rõ cốt cách Xuân Diệu – một cái tôi khao khát sống, khao khát yêu, đau khổ vì yêu và hạnh phúc vì yêu.

Sự sống và mùa xuân, tuổi trẻ và tình yêu, đó là những đề tài lớn trong thơ Xuân Diệu. Một cảm quan như thế làm cho hồn thơ Xuân Diệu vừa rất chung lại vừa rất riêng, gắn được tâm trạng cá nhân với nhịp đập của cuộc đời. Xuân Diệu đã đến với ta trong nhiều trạng thái của cảm xúc, của tâm hồn. Ông vừa đi thật sâu vào bản thân đến như cô lập, như cách biệt với toàn bộ thế giới chung quanh, lại vừa có thể hoá thân vào những đối tượng khác, trong một khát khao tìm kiếm bản thân mình. Cùng với một hồn thơ rạo rực, một nghệ thuật biểu hiện nhuần chín và độc đáo, Xuân Diệu xứng đáng là "một đại biểu đầy đủ nhất" của phong trào Thơ mới.

Cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 làm chuyển biến toàn bộ đời sống xã hội, đem lại một cuộc hồi sinh cho dân tộc và cho văn nghệ. Xuân Diệu, đại diện tiêu biểu của phong trào Thơ mới đã đến với Cách mạng và chào đón Cách mạng với tất cả tình cảm nồng nhiệt, chân thành. Nhà thơ vì tích cực phản đối bọn phản động Việt quốc và Việt cách biểu tình chống phá Cách mạng mà bị chúng đón đánh trả thù ngay trên đường phố Hà Nội. Với tư cách nhà thơ, ông đã là người sớm nhất thể hiện tư cách công dân trong một loạt sáng tác dài hơi *Ngọn quốc kỳ* và *Hội nghị non sông*, ghi nhận trực tiếp những sự kiện lớn lao và những cảm xúc thiêng liêng trong đời sống dân tộc. Ông sáng tác về lá cờ đỏ sao vàng biểu tượng cho Cách mạng và cuộc bầu cử Quốc hội đầu tiên của nền Dân chủ Cộng hoà. Bằng tác phẩm của mình ông đã chứng minh cho sự lìa bỏ *cái tôi*, để hướng về những lẽ sống lớn, những sự kiện lớn của đất nước. Ông thuộc lớp người viết tiên phong vào Cách mạng. Cuộc hội ngộ của tất cả các xu hướng văn chương nói lên sức hấp dẫn lớn của Cách mạng. Và cũng chứng minh cho ý thức dân tộc, tinh thần yêu nước vốn được ẩn chứa trong phần sâu xa của tâm hồn một lớp văn nghệ sĩ trong chế độ cũ.

http://tieulun.hopto.org

Kháng chiến chống Pháp tiếp tục đưa nhà thơ vào cuộc sống của nhân dân.

Xuân Diệu tiếp tục cuộc chuyển mình lần thứ hai, từ nhà thơ công dân chuyển sang nhà thơ của nhân dân. Cuộc chuyển mình này cũng không kém phần vất vả. Xuân Diệu đã cố gắng hoà mình vào quần chúng. Những kết quả phấn đấu trên hướng "đại chúng hoá" này được ghi nhận trong dịp nhà thơ tham gia hai đợt đi làm đội viên phát động quần chúng giảm tô ở làng Còng (Thanh Hoá) và xã Cát Văn (Nghệ An) : *Bà cụ mù loà, Chị Dung, Em bé, Tặng làng Còng* ("Sớm nay xa cách lều tranh – Tưởng như khúc ruột còn quanh làng Còng").

Kháng chiến chống Pháp thắng lợi với Hiệp định Giơnevơ về Đông Dương năm 1954. Đời sống hoà bình và cuộc sống xây dựng đất nước trên miền Bắc đã có những định hướng mới cho sự phát triển của thơ ca. Và trong tư cách một nhà thơ phấn đấu cho sự chiến thắng của cái chung đối với cái riêng.

Sau mười lăm năm nền dân chủ nhân dân, Xuân Diệu vẫn luôn luôn ở trong nỗi sợ *cái tôi*. Ông viết trong *Mười lăm năm lao động thơ* : "Nói về mình là một thế đứng rất cheo leo – bạn đọc có lượng điều ấy cho chăng ?". Trong không khí như vậy, các bài thơ mới xuất hiện lúc này, sau *Ngôi sao* ghi nhận rõ ràng hình ảnh Xuân Diệu như một nhà thơ cách mạng, đến với Cách mạng bằng quyết tâm từ bỏ cái riêng bùi ngùi, nhỏ bé để theo kịp và hoà hợp với cuộc đời chung. Những vần thơ nói đến sự nỗ lực này để kiên định ý thức và tư tưởng mới, để cho cái mới được và sớm đến với thơ, đã xuất hiện trong tập *Riêng chung*. Tựa đề *Riêng chung* dường như nghiêng về phía nhà thơ phấn đấu cho cái chung chiến thắng cái riêng, chứ không phải là sự hoà hợp riêng – chung. Chiếm ưu thế trong tập này là những bài nói đến các tình cảm lớn – những bài về Đảng, về lãnh tụ, về công cuộc xây dựng mới, về Nhân dân và Tổ quốc. Có thể nhắc đến các bài như : *Ngói mới, Tạc theo hình ảnh Cụ Hồ, Lệ, Nhớ mùa tháng Tám, Đôi mắt xanh non,...* Với Xuân Diệu, khi đã ý thức được yêu cầu mới của công chúng, của thời đại, khi đã tìm được nguồn mạch cảm thông giữa mình và đời, ông sẽ tiếp tục trở lại mạch thơ của mình. Điều rõ ràng là thơ Xuân Diệu từ sau 1945, hoặc nói chính xác hơn từ sau 1960, với *Mũi Cà Mau - Cầm tay*, có mặt là tiếp tục mạch thơ cũ và có mặt là mới, là khác so với trước đây.

http://tieulun.hopto.org

Thơ Xuân Diệu có cái rạo rực của niềm khát khao được sống, được giao cảm. "Ông hoàng của thơ tình" đã đốt lòng ham sống thành ngọn lửa tình yêu không bao giờ tắt, như con sóng vỗ bờ không bao giờ biết mỏi. Trước sau thơ Xuân Diệu luôn luôn thể hiện cái tôi trữ tình khao khát được giao hoà, giao cảm với cuộc đời. Nhưng trước Cách mạng đó là sự khao khát giao cảm của một tâm hồn cô đơn, của một tấm lòng "đìu hiu như dặm khách". Sau Cách mạng, *cái tôi* trữ tình của nhà thơ đã có sự hoà hợp với cuộc đời chung, mang hơi thở nồng ấm của tình đời, tình người :

Anh là kẻ đắm mình trong nhân loại
Làm bánh xe con vui cỗ máy đời

(*Vào trong sa mạc*)

Từ "một kẻ bơ vơ – yêu những ái tình quạnh quẽ", Xuân Diệu đến với cuộc đời chung. *Cái tôi* của nhà thơ tìm thấy tình yêu, hạnh phúc trong *cái ta* chung rộng lớn của cuộc đời. Ông yêu đất nước, yêu cuộc đời, gắn bó tha thiết với nhân dân. Ông viết trong bài *Những đêm hành quân* :

Tôi cùng xương thịt với nhân dân của tôi,
Cùng đổ mồ hôi, cùng sôi giọt máu,
Tôi sống với cuộc đời chiến đấu
Của triệu người yêu dấu gian lao.

Nửa đầu những năm sáu mươi, khi miền Bắc bước vào "kế hoạch năm năm" đầu tiên xây dựng chủ nghĩa xã hội, rồi tiếp đó, vào cuộc chiến tranh chống đế quốc Mỹ, Xuân Diệu tiếp tục dòng thơ tình quen thuộc của mình bên nhiều dòng thơ khác. Điểm nổi bật trong thơ tình Xuân Diệu sau Cách mạng là ông không ca ngợi tình yêu một cách chung chung mà bao giờ cũng gắn với một hoàn cảnh, một sự việc để tạo nên những tình cảm chân thực và nhớ mong cụ thể. Tình yêu được gắn với công việc, với lý tưởng. Một loạt bài Xuân Diệu viết trong những năm kháng chiến chống Mỹ, nằm trong nguồn cảm hứng mới mẻ này : *Chợ Chì, Tiễn biệt, Gần, Em choàng lưới mũ cho anh, Vợ chuẩn bị hành trang cho chồng đi vào hoả tuyến,...*

Tất nhiên sau này Xuân Diệu không thể nói được nhiều về những sắc thái mới của tình yêu tuổi trẻ hôm nay. Ông chỉ mới là người nói hộ những nỗi niềm của tuổi trẻ, là người lấy sự phong phú của cuộc đời

http://tieulun.hopto.org

làm nên sự giàu có cho bản thân mình. Nhưng chỉ vậy thôi cũng đã thấy những nỗ lực phấn đấu của nhà thơ là rất đáng quý, để giữ được sức trẻ của tâm hồn mình – một tâm hồn luôn luôn khao khát tình yêu và tràn đầy niềm vui sống. Với Xuân Diệu, được làm thơ tình là cả một niềm hạnh phúc. Với chúng ta, thơ tình là mảng phong phú và đặc sắc nhất trong sự nghiệp sáng tác thơ của Xuân Diệu.

Xuân Diệu là một nhà thơ rất chú trọng đến nghệ thuật và kỹ thuật làm thơ. Một trong những đặc điểm nổi bật của ngòi bút thơ Xuân Diệu là sự sáng tạo một thế giới hình ảnh phong phú. Thơ Xuân Diệu giàu có về ý tưởng và phong phú về hình ảnh. Ấn tượng về một thế giới nghệ thuật đầy hình ảnh đã được gợi ra từ tập thơ đầu tay của Xuân Diệu. Đến *Gửi hương cho gió* khả năng đó thực sự được phát huy thành đặc điểm nổi bật. Sau này thơ Xuân Diệu có thêm những phẩm chất mới, giàu có và sinh động hơn bởi lớp lớp phù sa cuộc đời bồi đắp. Cuộc sống hiện lên trong thơ với biết bao hình ảnh, đường nét, màu sắc. Cũng giống như một số nhà thơ trong phong trào Thơ mới, trước Cách mạng Xuân Diệu thường sử dụng nhiều hình ảnh ảo và sau này dùng nhiều hình ảnh thực, nhìn chung là ngày càng đến gần với khuynh hướng hiện thực. Xuân Diệu là một trong những người thành công nhất trong việc đưa thơ như một công cụ đã được trau dồi, được hoàn chỉnh, phục vụ Cách mạng, phục vụ sự vận động của đời sống.

Xuân Diệu tỏ ra là người luôn luôn có ý thức vận dụng ngôn ngữ thơ. Ngôn ngữ ấy nằm trong tổng thể nghệ thuật và cũng là một đặc điểm nằm trong phong cách. Nó được sinh thành, vận động và biến chuyển trong suốt quá trình sáng tạo. Xuân Diệu quan niệm rằng mỗi nhà thơ "phải là nhà kỹ thuật lớn *của ngôn ngữ*". Ngôn ngữ thơ Xuân Diệu được cá thể hoá mạnh mẽ, mang rõ nét dấu ấn riêng. Ông rất coi trọng kỹ thuật nghề nghiệp, việc chọn chữ, chọn lời, sắp xếp từ ngữ đúng chỗ, đúng lúc. Ông có lối viết (và cả lối nói) như cựa quậy trong từng chữ. Ngôn ngữ cùng với hình ảnh tạo nên vẻ lấp lánh sắc màu cho nhiều bài thơ, câu thơ của Xuân Diệu.Trên đại thể, Xuân Diệu đã tổng hợp được hai nguồn ngôn ngữ. Một là ngôn ngữ có tính chất "bác học" mang tính tượng trưng, ước lệ cao và một phần nữa là ngôn ngữ đời sống tự nhiên, bình dị, khoẻ khoắn. Qua ngòi bút Xuân Diệu, ngôn ngữ thơ được trau chuốt và sử dụng có hiệu quả, gây ấn tượng mạnh : "*Kẻ uống*

http://tieulun.hopto.org

tình yêu dập cả môi ; Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào người ; Ta muốn ôm – Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn ; Cũng có khi ào ạt – Như nghiến nát bờ em ; Khúc cong cong ấy, bên hàng cây dương,...". Ngôn ngữ thơ Xuân Diệu là ngôn ngữ của một nhà thơ uyên bác, suốt đời không ngừng học hỏi. Ngôn ngữ ấy rất tiêu biểu cho thơ hiện đại Việt Nam trong thế kỷ XX.

Thơ Xuân Diệu chịu ảnh hưởng của nhiều nguồn thơ ca. Thơ Pháp giúp nhà thơ hiện đại hoá hình thức và nội dung. Thơ Đường mang đến cho thơ Xuân Diệu vẻ sang trọng, kín đáo. Thơ ca dân gian đã góp phần tạo thêm cho ông một ngòi bút nữa, "ngòi bút mang hơi thở dân gian". Ông rất yêu thể thơ lục bát của dân tộc. Với thơ ca cổ điển, nhà thơ học được nhiều ở "Bà Chúa thơ Nôm" Hồ Xuân Hương phong cách ngôn ngữ, ở Nguyễn Du cái sắc sảo mặn mà, ở Phạm Thái, Nguyễn Gia Thiều, Nguyễn Huy Tự,... sự cởi mở, sâu sắc và cái nhìn tinh tế. Xuân Diệu đã nhiều lần ca ngợi cái hay của sự ít lời nhiều ý, hết sức tiết kiệm câu chữ của thơ cổ. Chỉ tiếc rằng ở một chừng mực nào đó, đặc điểm này của thơ cổ chưa phát huy trong thơ Xuân Diệu. Có những trường hợp thơ Xuân Diệu rơi vào kể lể dài dòng, hình ảnh và nhạc điệu nghèo nàn làm giảm sút sức truyền cảm.

Suốt đời mình Xuân Diệu luôn luôn là một người say mê lao động nghệ thuật và không ngừng suy nghĩ sáng tạo. Tất nhiên các sáng tác của ông không phải lúc nào cũng hoàn chỉnh, không tránh khỏi có những lúc "còn sơ lược, dễ dãi". Nhưng với tất cả những gì đã làm được, phần đóng góp của ông cho văn học thật là to lớn. Xuân Diệu xứng đáng là một cây bút tiêu biểu của nền văn học Việt Nam hiện đại. Ở nơi "yên tĩnh đời đời", Xuân Diệu có quyền tự hào về những điều ông đã làm được cho quê hương đất nước, cho nhân dân mà ông suốt đời gắn bó.

LƯU KHÁNH THƠ

http://tieulun.hopto.org

Phần thứ nhất

XUÂN DIỆU
TRONG CON MẮT
NHỮNG NGƯỜI ĐƯƠNG THỜI

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

Chương một

BẢN SẮC VÀ SÁNG TẠO

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

A. Phần viết về tác giả

MỘT NHÀ THI SĨ MỚI - XUÂN DIỆU

THẾ LỮ

Trong những văn thơ của các bạn gửi đến *Phong hoá* hồi báo còn sống, một hôm chúng tôi nhận được một bài thơ ngắn dưới ký tên Xuân Diệu. Bài thơ ấy tả cái sức huyền diệu, cái lực thần tiên của âm nhạc vang tới tâm hồn. Tác giả thấy hương thơm của hoa, thấy vị say của rượu ngọt, màu hương của ánh sáng và những cảnh sương khói hiển hiện lẫn lộn trong dòng suối, lời chim và tiếng khóc than.

Ý thơ tỏ ra thi sĩ có một tâm hồn đằm thắm và rất dễ cảm xúc, nhưng lời thơ chưa được chải chuốt ; ngượng nghịu như những ngón tay đờn uốn nắn còn non. Cách đó ít lâu, ông Xuân Diệu gửi đến một bài thứ hai sửa lại bài trước, trong đó chúng tôi thấy sự âu yếm của thi sĩ đối với nghệ thuật mình, và những cố gắng diễn đạt cảm tưởng của mình bằng những lời xứng đáng. Ông khuyên người yêu hãy lắng nghe "khúc nhạc thơm" nhuần thấm, hãy "uống thơ tan trong khúc nhạc" và :

Hãy tự buông cho khúc nhạc hường
Dẫn vào thế giới của Du dương
Ngừng hơi thở lại, xem trong ấy
Hiển hiện hoa và phảng phất hương...

(*Huyền diệu*)

Đó là bốn câu chu đáo nhất trong mười sáu câu bối rối và mơ hồ.

Bài thơ bởi thế không đăng, nhưng chúng tôi chắc thể nào cái thiên tài còn khép nép kia sẽ có lúc nảy nở ra, và khi đó sẽ có những màu đậm đà, những ánh xán lạn.

Quả nhiên sự mong ước của chúng tôi thành sự thực.

Ông Xuân Diệu lần lượt gửi thơ đến, và cũng là gửi những lời hứa hẹn chắc chắn của tâm hồn ông.

http://tieulun.hopto.org

Đó là một tâm sự nồng nàn mà kín đáo, một linh hồn rạng rỡ và say mê, đằm thắm hiện ở trong những điệu thơ êm dịu và ái ân, thiết tha và bồng bột. Cảnh sắc của sự vật, nỗi âm thầm của tình ái, đáng tươi cười của mùa xuân, nỗi tiếc thương lạnh lẽo của mùa thu, lời van xin, khuyên nhủ của tấm lòng yêu thấm thía nhưng rụt rè ; tất cả những tình cảm ấy đều tả trong thơ của Xuân Diệu một cách mới lạ, ý nhị vừa đơn giản, vừa đầy đủ ; gợi cho ta thấy những hình ảnh, những tư tưởng bát ngát và tươi đẹp không ngờ. Thơ của ông không phải là "văn chương" nữa ; đó là lời nói, là tiếng reo vui hay năn nỉ, là sự chân thành cảm xúc, hoặc là những tình ý rạo rực biến lẫn trong những thanh âm...

Sự yêu đương trong lòng người thi sĩ này cũng kín đáo chân thực như nghệ thuật của ông. Ông yên lặng để cho lòng yêu yên lặng hoà với cảnh vật, nhưng trong sự im lặng ấy, ta thấy cảnh vật chung quanh ông có biết bao vẻ tình tứ và bao nhiêu điệu ái ân :

Một tối, bầu trời đắm sắc mây.
Cây tìm nghiêng xuống nhánh hoa gầy,
Hoa nghiêng xuống cỏ, trong khi cỏ
Nghiêng xuống làn rêu, một tối đầy...
Những lời huyền bí toả lên trăng,
Những ý bao la rủ xuống trần,
Những tiếng ân tình hoa bảo gió,
Gió đào thổ thẻ bảo hoa xuân...

(*Với bàn tay ấy*)

Khi lòng chứa chan sự thương nhớ, trước hết ông thầm nhắc đến cảnh vật gợi buồn bằng những lời thân mật và tha thiết :

Bữa nay lạnh, mặt trời đi ngủ sớm,
Anh nhớ em, em hỡi ! Anh nhớ em.
Không gì buồn bằng những buổi chiều êm
Mà ánh sáng đều hoà cùng bóng tối.
Gió lướt thướt kéo mình qua cỏ rối ;
Vài miếng đêm u uất lẩn trong cành ;
Mây theo chim về dãy núi xa xanh
Từng đoàn lớp nhịp nhàng và lặng lẽ.
Không gian xám tưởng sắp tan thành lệ.

(*Tương tư chiều*)

http://tieulun.hopto.org

Tất cả lòng buồn não của nhà thi sĩ hình như thoát ra, hình như mông mênh hoà hợp với cảnh vật mông mênh, và cũng hình như để mặc cho cảnh vật len thầm vào tận tâm hồn. Trong thơ ông, tình với cảnh bao giờ cũng có sự cảm thông mật thiết :

Thôi hết rồi ! Còn chi nữa đâu em !
Thôi hết rồi gió gác với trăng thềm,
Với sương lá rụng trên đầu gần gũi,
Thôi đã hết hờn ghen và giận dỗi,
(Được giận hờn nhau ! Sung sướng bao nhiêu !)
Anh một mình nghe tất cả buổi chiều
Vào chầm chậm ở trong hồn hiu quạnh.

(*Tương tư chiều*)

Người ta đoán thấy dáng điệu đê mê bát ngát của người thi sĩ đa tình trong lúc say sưa đau đớn, người ta hưởng những vị chua chát kỳ dị đằm thắm của nỗi xót thương. Có phải không, ông đã gợi ra hết được những điều mong manh u ẩn trong lòng người và cùng với chúng ta cùng chung những lời thở than tuyệt vọng.

Bởi vì nhà thi sĩ biết yêu, theo nghĩa rộng rãi nhất của tình yêu. Ông có tấm lòng đắm đuối của tất cả mọi người : yêu nhan sắc, yêu non sông, yêu thơ ca, và yêu cả những nỗi buồn thương, nhớ tiếc. Mà yêu là yêu chứ không nghĩ đến tại sao yêu ? Ông trả lời cho lòng ông rằng :

Ai đem phân chất một mùi hương
Hay bản cầm ca ! Tôi chỉ thương,
Chỉ lặng chuồi theo dòng cảm xúc,
Như thuyền ngư phủ lạc trong sương.

Làm sao cắt nghĩa được tình yêu !
Có nghĩa gì đâu, một buổi chiều
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt,
Bằng mây nhè nhẹ, gió hiu hiu...

("*Vì sao*")

Cho nên nhà thi sĩ bao giờ cũng có cớ để cho tâm hồn rung động. Một ngày chủ nhật bỏ phí đi quá nửa, đủ khiến ông xa xôi nghĩ đến những ngày dần phai :

http://tieulun.hopto.org

Thong thả chiều vàng, thong thả lại...
Rồi đi... đêm xám tới dần dần...
Cứ thế mà bay cho đến hết
Những ngày, những tháng, những mùa xuân.

(*Giờ tàn*)

Ông ví những giờ trong những ngày tốt đẹp ấy như những bó hoa tươi mà ông ôm ấp trong tay, nhưng ông phải tiếc than vì bó hoa không còn được mãi :

Vừa mới khi mai tôi cảm thấy
Trong tay ôm một bó hoa cười.
Ngọn gió thời gian không ngớt thổi,
Giờ tàn như những bó hoa rơi.

(*Giờ tàn*)

Mùa xuân với những tiếng chim ca ánh sáng ; với những nụ cười thắm, kết bằng những cánh hồng, với hơi gió xuân thơm nhởn nhơ và vô ý, lả lơi thổi cho cành mai cợt ghẹo nhánh đào, với những tiếng cây reo hớn hở mà nghệ thuật của ông đã đúc vào những câu thanh lịch xiết bao đậm đà :

Giữa vườn ánh ỏi tiếng chim vui.
Thiếu nữ nhìn sương chói mặt trời.
Sao buổi đầu xuân êm ái thế !
Cánh hồng kết những nụ cười tươi.

*
* *

Ánh sáng ôm trùm những ngọn cao,
Cây vàng rung nắng, lá xôn xao ;
Gió thơm phơ phất bay vô ý
Đem đụng cành mai sát nhánh đào.

(*Nụ cười xuân*)

Đêm trăng có những ánh vàng reo thành tiếng dưới ngọn bút ông :

Trong vườn đêm ấy nhiều trăng quá,
Ánh sáng tuôn đầy các lối đi.

http://tieulun.hopto.org

Tôi với người yêu qua nhè nhẹ
Im lìm không dám nói năng chi

(*Trăng*)

Mùa thu với những hoa lá tả tơi và xao động, với những luồng run rẩy lạnh lẽo, với những đêm quang sáng và những ngày buồn tênh :

Thỉnh thoảng nàng trăng tự ngẩn ngơ...
Non xa khởi sự nhạt sương mờ...
Đã nghe rét mướt luồn trong gió...
Đã vắng người sang những chuyến đò...

(*Đây mùa thu tới*)

Ở tình cảnh nào, Xuân Diệu cũng có lời mềm mại, hoặc sán lạn, đê mê, hoặc lả lơi sung sướng, hoặc buồn bã tha thiết như tiếng thở than tận cõi sâu kín của tâm hồn.

Nhà thi sĩ ấy bảo rằng :

Tất cả tôi run rẩy tựa dây đàn.

Mà đó là những dây đờn huyền bí kết bởi muôn sợi tình cảm thiết tha, bởi những cảnh sắc, anh linh khiến cho nhà thi sĩ dễ xúc động hát lên những tiếng đẹp đẽ ngọt ngào đã yên ủi được chúng ta trong cuộc đời hiện thực.

Sự cảm động dồi dào và quý báu của ông còn cho ta thấy nhiều hứng vị của cái chân tài đặc biệt ấy. Tôi mong rằng sẽ được dịp nói đến thơ của Xuân Diệu nhiều hơn, để lại được ca tụng nhà thi sĩ của tuổi xuân, của lòng yêu và của ánh sáng.

(In trong báo *Ngày nay*, số 46
Mùa xuân 1937, tr. 23-28)

http://tieulun.hopto.org

NHÀ THƠ MỚI NHẤT TRONG CÁC NHÀ THƠ MỚI(*)

HOÀI THANH

Bây giờ khó mà nói được cái ngạc nhiên của làng thơ Việt Nam hồi Xuân Diệu đến. Người đã tới giữa chúng ta với một y phục tối tân và chúng ta đã rụt rè không muốn làm thân với con người có hình thức phương xa ấy. Nhưng rồi ta cũng quen dần, vì thấy người cùng ta tình đồng hương vẫn nặng.

Ngày một ngày hai cơ hồ ta không còn để ý đến những lối dùng chữ đặt câu quá Tây của Xuân Diệu, ta quên cả những ý tứ người đã mượn trong thơ Pháp. Cái dáng dấp yêu kiều, cái cốt cách phong nhã của điệu thơ, một cái gì rất Việt Nam, đã quyến rũ ta. Đọc những câu :

Nếu hương đêm say dậy với trăng rằm,
Sao lại trách người thơ tình lơi lả ?

hay là :

Chính hôm nay gió dại tới trên đồi,
Cây không hẹn để ngày mai sẽ mát :
Trời đã thắm, lẽ đâu vườn cứ nhạt ?
Đắn đo gì cho lỡ mộng song đôi !

ta thấy cái hay ở đây không phải là ý thơ, mà chính là cái lối làm duyên rất có duyên của Xuân Diệu, cái vẻ đài các rất hiền lành của điệu thơ.

Nhưng thơ Xuân Diệu chẳng những diễn đạt được cái tinh thần cố hữu của nòi giống. Vả chăng tinh thần một nòi giống có cần gì phải bất di bất dịch. Sao lại bắt ngày mai phải giống hệt ngày hôm qua ? Nêu ra một mớ tính tình, tư tưởng, tục lệ, rồi bảo : người Việt Nam phải như thế, là một điều tối vô lý. Thơ Xuân Diệu còn là một nguồn sống dào dạt

---

(*) Tên bài viết do người tuyển chọn đặt.

http://tieulun.hopto.org

chưa từng thấy ở chốn nước non lặng lẽ này. Xuân Diệu say đắm tình yêu, say đắm cảnh trời, sống vội vàng, sống cuống quýt, muốn tận hưởng cuộc đời ngắn ngủi của mình. Khi vui cũng như khi buồn, người đều nồng nàn, tha thiết.

Nhưng sự sống muôn hình thức mà trong những hình thức nhỏ nhặt thường lại ẩn náu một nguồn sống dồi dào. Không cần phải là con hổ ngự trị trên rừng xanh, không cần phải là con chim đại bàng bay một lần chín vạn dặm mới là sống. Sự bồng bột của Xuân Diệu có lẽ đã biểu hiện ra một cách đầy đủ hơn cả trong những rung động tinh vi. Sau khi đọc đi đọc lại nhà thơ có tâm hồn phức tạp này, sau khi đã tìm kiếm Xuân Diệu hoài, tôi thấy đây mới thực là Xuân Diệu.

Trong cảnh mùa thu rất quen với thi nhân Việt Nam, chỉ Xuân Diệu mới để ý đến :

Những luồng run rẩy rung rinh lá...

cùng cái :

Cành biếc run run chân ý nhi.

Nghe đàn dưới trăng thu, chỉ Xuân Diệu mới thấy :

Lung linh bóng sáng bỗng rung mình

và mới có cái xôn xao gửi trong mấy hàng chữ lạ lùng này :

Thu lạnh, càng thêm nguyệt tỏ ngời ?
Đàn ghê như nước, lạnh, trời ơi,
Long lanh tiếng sỏi vang vang hận :
Trăng nhớ Tầm Dương, nhạc nhớ người.

Cũng chỉ Xuân Diệu mới tìm được nơi đồng quê cái cảnh :

Mây biếc về đâu bay gấp gấp.
Con cò trên ruộng cánh phân vân.

Từ con cò của Vương Bột lặng lẽ bay với ráng chiều đến con cò của Xuân Diệu không bay mà cánh phân vân, có sự cách biệt của hơn một ngàn năm và của hai thế giới.

Cho đến khi Xuân Diệu yêu, trong tình yêu của người cũng có cái gì rung rinh. Người hồi tưởng lại :

http://tieulun.hopto.org

Rượu nơi mắt với khi nhìn ướm thử ;
Gấm trong lòng và khi đứng chờ ngày
Và nhạc phấn dưới chân mừng sánh bước ;
Và tơ giăng trong lời nhỏ khơi ngòi ;
Tà áo mới cũng say mùi gió nước ;
Rặng mi dài xao động ánh dương vui.

Còn rất nhiều câu có thể tiêu biểu cho lối xúc cảm riêng của Xuân Diệu. Tôi chỉ dẫn một ví dụ này nữa. Trong bản dịch *Tỳ bà hành* của Phan Huy Vịnh có hai câu :

Thuyền mấy lá đông tây lặng ngắt
Một vừng trăng trong vắt lòng sông

tả cảnh xung quanh thuyền sau khi người tỳ bà phụ vừa đánh đàn xong. Một cái cảnh lặng lẽ, lạnh lùng, ẩn một mối buồn âm thầm, kín đáo. Thế Lữ có lẽ đã nhớ đến hai câu ấy khi viết :

Tiếng diều sáo nao nao trong vắt,
Trời quang mây xanh ngắt màu lơ.

Mặc dầu hai chữ "nao nao" có đưa vào trong thơ một chút rung động, ta vẫn chưa xa gì cái không khí bình yên trên bến Tầm Dương. Người kỹ nữ của Xuân Diệu cả tình lẫn cảnh trở nên xôn xao vô cùng. Người kỹ nữ của Xuân Diệu cũng bơ vơ như người tỳ bà phụ. Nhưng nàng không lặng lẽ buồn, ta thấy nàng run lên vì đau khổ :

Em sợ lắm. Giá băng tràn mọi nẻo ;
Trời đầy trăng lạnh lẽo suốt xương da.

Ngay từ khi trăng mới lên, nàng đã thấy :

Gió theo trăng từ biển thổi qua non :
Buồn theo gió lan xa từng thoáng rợn.

Chỉ trong thơ Xuân Diệu mới có những thoáng buồn rờn rợn như vậy.

Ngay lời thơ Xuân Diệu cũng có vẻ chơi vơi. Xuân Diệu viết văn tựa trẻ con học nói hay như người ngoại quốc mới võ vẽ tiếng Việt. Câu văn tuồng bỡ ngỡ. Nhưng cái dáng bỡ ngỡ ấy chính là chỗ Xuân Diệu hơn

http://tieulun.hopto.org

người. Dòng tư tưởng quá sôi nổi không thể đi theo những đường có sẵn. Ý văn xô đẩy, khuôn khổ câu văn phải lung lay.

Nhưng xét rộng ra, cái náo nức, cái xôn xao của Xuân Diệu cũng là cái náo nức, cái xôn xao của thanh niên Việt Nam bây giờ. Sự đụng chạm với phương Tây đã làm tan rã bao nhiêu bức thành kiên cố. Người thanh niên Việt Nam được dịp ngó trời cao đất rộng, nhưng cũng nhân đó mà cảm thấy cái thê lương của vũ trụ, cái bi đát của kiếp người. Họ tưởng có thể nhắm mắt làm liều lấy cá nhân làm cứu cánh cho cá nhân, lấy sự sống làm mục đích cho sự sống. Song đó chỉ là một cách dối mình. "Chớ để riêng em phải gặp lòng em", lời khẩn cầu của người kỹ nữ cũng là lời khẩn cầu của con người muôn thuở. Đời sống của cá nhân phải vin vào một cái gì thiêng liêng hơn cá nhân và thiêng liêng hơn sự sống.

Bởi Xuân Diệu đã gửi trong thơ của người lẫn với một chút hương xưa của đất nước, bao nhiêu nỗi niềm riêng của thanh niên bây giờ – Xuân Diệu mới nhất trong các nhà thơ mới – nên chỉ những người lòng còn trẻ mới thích đọc Xuân Diệu mà đã thích thì phải mê. Xuân Diệu không như Huy Cận vừa bước vào làng thơ đã được người ta dành ngay cho một chỗ ngồi yên ổn. Xuân Diệu đến giữa chúng ta tới nay đã ngót năm năm mà những tiếng khen chê vẫn chưa ngớt. Người khen, khen hết sức ; người chê, chê không tiếc lời. Song những ai chê Xuân Diệu, tưởng Xuân Diệu có thể trả lời theo lối Lamartine ngày trước : "Đã có những thanh niên, những thiếu nữ hoan nghênh tôi".

Với một nhà thơ còn gì quý hơn cho bằng sự hoan nghênh của tuổi trẻ.

Tháng 7-1941

(Trích *Thi nhân Việt Nam*,
NXB Văn học, Hà Nội 1998, tr. 33 - 37)

http://tieulun.hopto.org

MỘT THI SĨ RẤT GIÀU LÒNG YÊU DẤU(*)

VŨ NGỌC PHAN

Người ta còn nhớ cái hồi tập *Thơ thơ* của Xuân Diệu ra đời cách đây bốn năm. Có lẽ trừ thanh niên, còn hầu hết mọi người trí thức đều phải chặc lưỡi mà kêu : Thơ đâu lại có thứ thơ quái gở như thế !

Người ta đã không thể chịu được nhiều câu, như những câu này :

- Lẫn với đời quay, tôi cứ đi,
Người ngoài không thấu giữa lòng si.
Cũng như xa quá nên ta chỉ
Thấy núi yên như một miếng bìa.

(*Thơ thơ*)

Những người chê ngây ngô quá, "Tây" quá ; nhất là về âm điệu, những bài hoàn toàn mới của Xuân Diệu có nhiều câu gần như những lời nói tầm thường. Người ta đã phê bình thơ của Xuân Diệu theo khuôn sáo cũ, người ta đọc thơ Xuân Diệu mà vẫn tưởng nhớ đến thơ Yên Đổ, thơ Xuân Hương.

Nhưng muốn cho công bình, ta phải phê bình tập *Thơ thơ* trong hoàn cảnh mới của nó, nghĩa là hãy hiểu lấy nguồn hứng của Xuân Diệu và những ý tưởng rất mới của ông ; ta cũng lại phải chú ý đến những chữ, những câu, những vần, những điệu trong những bài thơ mới ấy, để hiểu lấy cái nhạc điệu mới nữa.

Dù là thơ mới hay thơ cũ, nếu đã là thơ hay, cũng không qua được hai điều này : ý nghĩa và âm điệu. Ý nghĩa được khoái hoạt, hùng hồn và thú vị, mới là những ý nghĩa phát ra bởi những tư tưởng thâm trầm ; âm điệu được du dương là nhờ ở cú pháp phân minh, chữ dùng tề chỉnh và quán xuyến. Thơ đã không có âm điệu thì thơ không còn phải là thơ và thơ đã vô nghĩa thì cũng còn kể là thơ được.

(*) Tên bài viết do người tuyển chọn đặt.

http://tieulun.hopto.org

Xuân Diệu là người đã đem đến cho thi ca Việt Nam nhiều cái mới nhất. Hồi xưa, người ta chỉ tìm trong thơ ông rặt những cái dở, không kể đến cái hay, nên mới chỉ có rặt những lời chỉ trích.

Ta hãy thử đọc mấy câu thơ mà ý và lời đều thật mới của Xuân Diệu :

Hãy uống thơ tan trong khúc nhạc
Ngọt ngào than gọi thuở xa khơi...

Rồi khi khúc nhạc đã ngừng im,
Hãy vẫn ngừng hơi nghe trái tim
Còn cứ run hoài, như chiếc lá
Sau khi trận gió đã im lìm.

(*Huyền diệu - Thơ thơ*)

Mới đọc, ai cũng tưởng như "ngô nghê" và "Tây" một cách sống sượng. Nhưng nếu suy nghĩ một chút, ta không thể dùng hai chữ "ngô nghê" mà phê bình được. Thật ra nếu ngũ quan bị kích thích, thi nhân chứa chan tình cảm mà phát ra lời thơ, thì trong trí tưởng tượng, những cái vô hình cũng có thể hoá ra hữu hình : thơ có thể ví như những thỏi nước đá mát lạnh và cảm đến não cân người ta, còn nhạc có thể ví như một thứ rượu mùi, tuy ngọt, tuy đậm đà, thơm tho, mà có thể làm cho người ta say tuý luý.

Dùng chữ, dùng lời một lối "cách mệnh" như thế, mới đầu có sự khó hiểu là thường ; nhưng rồi với thời gian người ta sẽ hiểu.

Bây giờ người ta đã hiểu thơ Xuân Diệu. Người ta thấy thơ Xuân Diệu đằm thắm, nồng nàn nhất trong tất cả các thơ mới. Cả ý lẫn lời đều thiết tha, làm cho nhiều người thanh niên ngây ngất. Hãy nghe :

... Không gì buồn bằng những buổi chiều êm
Mà ánh sáng đều hoà cùng bóng tối.
Gió lướt thướt kéo mình qua cỏ rối ;
Vài miếng đêm u uất lẩn trong cành ;
Mây theo chim về dãy núi xa xanh
Từng đoàn lớp nhịp nhàng và lặng lẽ.
Không gian xám tưởng sắp tan thành lệ.

http://tieulun.hopto.org

Thôi hết rồi ! Còn chi nữa đâu em !
Thôi hết rồi, gió gác với trăng thềm,
Với sương lá rụng trên đầu gần gũi.
Thôi đã hết hờn ghen và giận dỗi,
(Được giận hờn nhau ! Sung sướng bao nhiêu !)
Anh một mình, nghe tất cả buổi chiều
Vào chầm chậm ở trong hồn hiu quạnh.
Anh nhớ tiếng. Anh nhớ hình. Anh nhớ ảnh.
Anh nhớ em, anh nhớ lắm ! Em ơi.

(*Tương tư chiều - Thơ thơ*)

Những lời say sưa tha thiết như thế, nếu thi sĩ không rất nồng nàn với cuộc sống thì không tài nào diễn ra được.

Bài *Nhị hồ* (*Thơ thơ*, in lần thứ hai, tr. 37) toàn bài âm điệu cực du dương. Mấy câu này ngâm lên, nghe gần như những tiếng phát ra tự mấy đường tơ :

Nhị hồ để bốc niềm cô tịch,
Không khóc nhưng mà buồn hiu hiu.

Sương nương theo trăng ngừng lưng trời.
Tương tư nâng lòng lên chơi vơi...

Hai câu sau có thể ví với tiếng âm nhạc lúc đang lên bổng. Bài *Chiều* (*Thơ thơ,* in lần thứ hai, tr. 66) cũng là một bài tuyệt xướng, có hai câu này thật là ngây ngất, tỏ ra tác giả có những cảm giác khác thường :

Không gian như có dây tơ.
Bước đi sẽ đứt, động hờ sẽ tiêu...

Bài *Viễn khách* (*Thơ thơ,* in lần thứ hai, tr. 67), lời lẽ cứng cáp, tả mối sầu phân ly thiết tha một cách lạ :

... Mây lạc hình xa xôi ;
Gió than niềm trách móc.
Mây ôi và gió ôi !
Chớ nên làm họ khóc.

http://tieulun.hopto.org

Mắt nghẹn nhìn thâu dạ ;
Môi khô hết níu lời...
Chân dời, tay muộn rã...
Kẻ khuất... kẻ trông vời...

Đến mấy câu này lại càng chan chứa xuân tình, làm cho người ta mường tượng đến một tình yêu dịu dàng, đằm ấm.

Chúng tôi ngồi, vây phủ bởi trăng thâu,
Tay trong tay, đầu tựa sát bên đầu.

Tình yêu bảo "Thôi các ngươi đừng khóc,
Các ngươi sẽ đoàn viên trong mộng ngọc".

(*Biệt ly êm ái-Thơ thơ*)

Trong tập thơ của Xuân Diệu có những câu hương vị đậm đà như thế, bắt ta phải cảm qua các giác quan, cũng như Xuân Diệu đã cảm vậy. Với những nguồn hứng mới : yêu đương và tuổi xuân, dù là lúc vui hay lúc buồn, Xuân Diệu cũng ru thanh niên bằng giọng yêu đời thấm thía.

Tâm hồn thi sĩ ở như mấy câu thơ này :

... Trong tôi, xuân đến đã lâu rồi ;
Từ lúc yêu nhau, hoa nở mãi
Trong vườn thơm ngát của hồn tôi.

Bởi thế thơ ông là cả một bầu xuân, thơ ông là bình chứa muôn hương của tuổi trẻ.

Xuân Diệu thật là một người có tâm hồn thi sĩ. Ông làm thơ với sự nồng nàn, tha thiết, nên ông không phải một tay thợ thơ, một tay có tài gọt giũa, từng chữ từng câu. Cũng vì thế mà trong tập *Thơ thơ* của ông, đã có những đoạn thật du dương xen với những đoạn quá tầm thường về cả ý lẫn lời và âm điệu, chỉ kéo lại được cái thành thật mà thôi.

Tầm thường về ý, như mấy câu này ở bài *Yêu* :

... Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu ?
Cho rất nhiều, song nhận chẳng bao nhiêu...

Người ta thấy Xuân Diệu tính toán cả tình yêu, người ta thấy ông phàn nàn về sự thiệt thòi. Trong yêu đương mà cũng không hoang phí,

http://tieulun.hopto.org

như thế mới thật hiếm. Về chỗ đó, người ta có thể bảo thi sĩ là người theo chủ nghĩa : "có đi có lại...".

Rồi Nàng Thơ cũng đã có lần bị ông ruồng rẫy vì điều lợi : Thi sĩ đã mê công danh nhiều hơn là mê Nàng Thơ. Đó cũng là một sự tính toán thiệt hơn, và đó cũng tỏ ra Xuân Diệu không theo gót được Verlaine và Rimbaud, tuy có lần ông đã ca tụng cái tính hào hoa phóng dật của hai nhà thơ này. Hãy đọc bài *Mùa thi* của ông :

Thơ ta hơ hớ chưa chồng,
Ta yêu, muốn cưới, mà không thì giờ :
Mùa thi sắp tới ! - Em Thơ,
Cái hôn âu yếm xin chờ năm sau !

(*Thơ thơ*)

Như vậy, Nàng Thơ không khỏi sốt ruột, có lẽ nàng đành đi đánh bạn với những người như Verlaine hay Rimbaud, những anh không cần thi cử, không cần danh lợi.

Nhưng chính vì có cả cái hay lẫn cái dở, cả những cái rất thấp với những cái rất cao, nên đọc *Thơ thơ* tôi thấy thú vị hơn đọc những tập thơ tuy không có dở, nhưng đến hay cũng không có nốt.

*
* *

Xuân Diệu ở đâu cũng đem theo một hồn thơ bát ngát và mơ màng. Trong quyển *Phấn thông vàng*[1] mà Xuân Diệu gọi là một tập tiểu thuyết ngắn, tôi chỉ thấy rặt thơ là thơ. Không phải thơ bằng những câu có vần có điệu ; không phải thơ ở những lời đẽo gọt, mà thơ ở lối diễn tình tình cùng tư tưởng, ở những cảnh vật cỏn con mà tác giả vẽ nên những nét tỷ mỷ, khi ảm đạm lúc xinh tươi, tuỳ theo cái hứng của tác giả.

Ai muốn tìm những việc xếp đặt có thứ tự, ai muốn tìm những truyện xây dựng trong khuôn thiết thực, ai muốn tìm những lời bóng bẩy đọc nghe thật kêu, tôi khuyên không nên đọc *Phấn thông vàng* :

Trong bài tựa, Xuân Diệu đã nói : "Ở đây chỉ có một ít đời và rất nhiều tâm hồn". Nhưng có thể nói : trong *Phấn thông vàng*, đời đã tự thu gọn lại, gần như tiêu tán, để nhường chỗ cho tâm hồn tự do xâm chiếm,

---

(1) Do NXB Đời nay, Hà Nội, xuất bản năm 1939.

http://tieulun.hopto.org

tràn lan, không biết đâu là bờ bến. Ví dụ, tác giả chọn *cái dây và cái dây không đứt* để phiếm luận về lòng người và tình yêu, nhưng thật ra có phải chỉ cái dây mới tiêu biểu được cho tấm lòng và cho tình cảm con người ta đâu !

Vật gì mà chẳng được ? Miễn là có chút sinh khí thì thôi. Cái sống, cái sống cỏn con, nhưng phải có suy nghĩ có tư lự, có mơ mộng thật nhiều. Đó là tất cả cái náo nức, cái rùng rợn, cái thê lương trong tâm hồn một người đa cảm.

Nhưng có lẽ Xuân Diệu đã chú trọng về ý nghĩa, vì tình cảm thái quá, nên không nghĩ đến sự lựa lời. Lời chẳng qua chỉ là những dấu hiệu để ghi ý nghĩ và tình cảm, vậy cứ gì lời thanh lời thô, lời nào phô diễn được hết tình, hết ý, đều có thể dùng được cả. Bởi thế, trong *Phấn thông vàng*, ta thấy những câu : "từng triệu thúng buồn", "cục bóng" "thượng lên ngất nghểu trên tờ giấy", v.v. Mà cái gì "thượng lên" ? Cái tên người, tên một anh "học trò tốt" ! Dùng chữ như thế, Xuân Diệu hơi giống Céline. Hơi giống, vì khi nào thấy cái tiếng Pháp phong phú khi không đủ dùng, Céline còn đặt thêm ra nữa, đến cả những chữ rất thô bạo, ông cũng không từ.

Nhưng cái hay của *Phấn thông vàng*, có phải ở thể văn không ? Tôi đã nói, nó gần như thơ mà, nó là những bài thơ trường thiên không vần, không điệu, nó là những bài thơ tự do để phô diễn hết cả cảm tưởng của tác giả về những người những vật, tuy chỉ có những cuộc đời rất nhỏ, nhưng gợi hứng cho thi nhân lại nhiều. Vì gần như thơ, mà không phải hẳn thơ, nên ngoài những câu thô bạo lại có những đoạn réo rắt như khúc bi ca.

Hãy nghe một đoạn trong *Cái dây không đứt* :

"... Luôn luôn thắc mắc, lo toan không ngớt, xôn xao không ngừng, yêu như thế tức là đổ dầu cho đèn sáng mãi, thêm củi cho lửa không tàn, là giữ màu tươi thắm, thêm bao thú vị cho tình yêu, yêu như thế quả là sẽ thêm tơ chỉ cho sợi dây thêm bền, chứ đâu có phải giằng kéo sợi dây cho mỏng ?".

Thật là một tấm lòng yêu dào dạt, băn khoăn.

Rồi đây, một lũ "linh hồn" lang thang, vơ vẩn, một xốc "linh hồn" bị xã hội ruồng bỏ, mà tác giả ám chỉ vào bọn mèo hoang, "những con mèo sống trong tối, lút trong đêm, trùm trong bí mật ghê sợ của một

http://tieulun.hopto.org

cuộc đời vô định, khác xa những con mèo sang trọng trong những gia đình trưởng giả, nằm chuốt lông trên chiếc bông gối êm ấm..." Mà lang thang nào phải tầm thường ! Những con mèo hoang ấy "chui trong ống khói đen, nằm trong máng khô nước. Chúng đi nhẹ như sự rụt rè, chúng nhảy mau, chúng lượn nhanh, chúng vọt cao, chúng bổ thấp. Chúng khinh luật thăng bằng, không sợ chiều dưới không nể chiều trên... chúng sống trong một cái đời ở trên cuộc đời..."

Rồi đến *Truyện cái giường* cái giường cũ mới thật cảm động ! Hai cuộc đời, có thể đời một người đàn bà mệnh bạc, mà cũng có thể là đời một nhân vật hết thời vận. Cái đoạn rất nên thơ trong *Truyện cái giường* là đoạn thứ đồ gỗ ấy nằm trong xó tối mà nhớ quê hương, nhớ rừng xanh. Cái giường của Xuân Diệu làm tôi nhớ đến "những chiếc áo cũ" của Diderot, của Sedaine, của Béranger. Tôi không có ý so sánh giá trị mấy bài văn, tôi chỉ nói những loại ấy đều tương tự nhau, chỉ khác một đằng thì người chủ nhớ thương vật cũ, còn một đằng cái giường của Xuân Diệu tự tủi phận mình.

Hãy nghe những lời kêu gọi rất nên thơ của cái giường :

"Lửa hồng ở đâu ? Ta nhớ rừng xanh ! Ta muốn về quê hương, quê hương chung của muôn vật, muôn loài, ở đó tất cả đều như nhau, không phân biệt gì nữa. Lửa hồng ở đâu ? Lửa hồng ở đâu ?".

Mà cái giường cũ gọi lửa để làm gì ? Để mình được thiêu, được hoá ra khói mà bay về rừng.

Thật là thơ, thơ và thơ ! Ai có chút tư tưởng về đạo Phật không khỏi nghĩ đến sự thiêu hoá, đến sự bay về "thế giới cực lạc". Nhưng một kẻ vô tín ngưỡng như tôi chỉ thấy nó có tính cách thơ mà thôi. Tôi muốn tưởng cái giường của Xuân Diệu là cái giường đang ốm tương tư, đang nhớ nhung cây bạn và đang khao khát được biến ra khói biếc để bay về xứ sở, bay về chốn rừng xanh núi đỏ.

Nhưng *Phấn thông vàng* không phải hạng sách yêu dấu của tất cả mọi người, nó thuộc loại sách của người ưa suy nghĩ, muốn sống một đời tinh thần đầy đủ.

Người ta thấy, dù ở văn xuôi hay ở văn vần, bao giờ Xuân Diệu cũng là một thi sĩ, một thi sĩ rất giàu lòng yêu dấu.

(In trong *Nhà văn hiện đại*, quyển ba,
NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1981)

http://tieulun.hopto.org

TÂM HỒN THƠ XUÂN DIỆU

NGUYỄN DUY BÌNH

Cách đây 25 năm, Cách mạng tháng Tám bùng nổ, đảo lộn tất cả. Những con người mới hôm qua bị giày xéo dưới gót bọn đế quốc phong kiến, làm mồi cho đủ thứ tai hoạ : đói rét, bệnh tật, dốt nát, hủ tục v.v., những con người hiền lành, nhẫn nhục ấy vụt đứng lên, vung tay gạt bọn cướp nước, bọn bóc lột. Cả cái trật tự thuộc địa nửa phong kiến bị lật nhào lổng chổng.

Ngay từ những ngày đầu, Xuân Diệu lao vào giữa biển người cách mạng. Anh làm thơ ca ngợi đất nước sống lại tưng bừng, mừng nhân dân được giải phóng. Anh xông vào các cuộc đấu tranh. Anh chửi bọn phản động :

... Tẩy chay tuyển cử ? - Cứ tẩy chay !
Dân Việt Nam tôi cứ tuyển cử !
Quốc gia liên hiệp... Quốc gia liên...
Nhưng hiệp với ai, ông nói thử ?
- Những quân liếm gót sạch bong rồi,
Mới dám anh hùng như thế chứ...[1]

Thơ của Xuân Diệu nhanh nhẹn xuống đường, quắc mắt nảy lửa, đánh vào mặt bọn bán nước. Thi sĩ nhập vào đội ngũ chiến sĩ cách mạng một cách hăng say. Tranh đấu trở thành niềm vui lớn của nhà thơ : "Từ ngòi bút cũ tự đâm vào lòng mình mà phanh phui mổ xẻ, nay đã chĩa ra đâm được kẻ thù một cách quyết liệt lợi hại, lại chẳng sướng sao !"[2].

---

(1) Xuân Diệu ghi một cuộc "biểu tình đả đảo tổng tuyển cử" do bọn tay sai giặc Tưởng diễn ở Thủ đô. Xem báo *Độc lập*.

(2) Xuân Diệu, *Đi trên đường lớn*, NXB Văn học, Hà Nội, 1968, tr. 106.

http://tieulun.hopto.org

Trong "Lời đưa duyên" *Thơ thơ* (1938), Xuân Diệu viết : "Tôi sợ mất sự sống của tôi, tôi không muốn nó rơi rớt chảy trôi theo ngày tháng". Anh mong được cất giấu những mảnh đời mình trong những trang thơ :

Nếu trang giấy có động mình tuyết bạch,
Ấy là tôi dào dạt với âm thanh ;
Hồn thắc mắc vẫn đi về với sách,
Dưới tay ai xem lại nỗi lòng mình.

(*Lời thơ vào tập Gửi hương*)

Anh bước vào thơ với tấm lòng nóng bỏng say mê sự sống và niềm khao khát được thương mến, cảm thông. Nhưng cái xã hội thuộc địa nửa phong kiến thù địch với sự sống tiến lên. Hạnh phúc có chăng cũng mong manh như "bào ảnh" : "Ta được em chăng lại mất liền". Hồn thơ thương người chung chung rải *Phấn thông vàng* để mong xoa dịu nỗi khổ của người đời, bị đè nặng dưới cái thực tế phũ phàng :

Nỗi đời cơ cực đang giơ vuốt,
Cơm áo không đùa với khách thơ.

Trong không khí ngạt thở của xã hội thuộc địa nửa phong kiến những năm 1939 - 1945, nhiều bạn thơ của Xuân Diệu bế tắc đi vào Đạo, Vũ trụ, Siêu hình, v.v. riêng anh không muốn đi đâu, "mãi mãi ở vườn trần". Cách mạng đến, anh hoà ngay vào khối người trần thế. Vì tình yêu sự sống, và cũng vì tấm lòng thương yêu con người, anh mê Cách mạng. Nhưng cuộc kháng chiến trưởng thành đòi hỏi lập trường kiên định. Tình cảm dân tộc, lòng thương người, yêu cuộc sống chung chung theo lối tiểu tư sản không đủ nữa. Tình thế đòi hỏi phải đứng hẳn về phía công nông, xác định lập trường chiến đấu của công nông. Đã có lúc Xuân Diệu cảm thấy hồn thơ không theo kịp cách mạng, trong anh có một cái gì "cứ chùn dần, cứ cuốn lại"[1].

Phải chờ đến cuộc Cách mạng ruộng đất năm 1953, nghĩa là năm năm sau, anh mới vượt được cái nhìn siêu giai cấp, nhận thức được chỗi sống mới sẽ nảy sinh qua đấu tranh giai cấp để giải phóng cho con người khỏi ách bóc lột. Anh viết : "Hai đợt làm đội viên phát động quần chúng giảm tô... tiếp tục tái tạo tôi trong quần chúng nông dân... tôi đã

---

(1) Xuân Diệu, *Những bước đường tư tưởng của tôi*, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1958, tr. 30.

http://tieulun.hopto.org

bắt rễ vào đất quần chúng"[1]. Từ đấy nhà thơ đã có con mắt phân biệt giai cấp để nhìn nhận. Anh thấy rõ rằng chính cuộc đấu tranh giai cấp dưới sự lãnh đạo của Đảng sẽ tiêu diệt những lực lượng thù địch với sự sống, với tình thương để cho sự sống được tái sinh, tình thương được thực hiện.

Dân cày ta đã đứng lên,
Nụ cười đem lại ở trên môi già.
Mẹ dù đau đớn mù loà,
Ánh xuân sẽ rọi chan hoà tâm can.

(*Bà cụ mù loà*)

Bài thơ *Bà cụ mù loà* là một trong những bài hay viết về giảm tô và cải cách ruộng đất.

Những bài thơ của anh viết về Bác Hồ kính yêu của chúng ta sâu sắc, có những đoạn thơ rất chân tình, cảm động, như hai câu thơ nói niềm hối hận của những cán bộ về những sai lầm của mình (1953) :

... Trên đầu tóc Bác sương ghi,
Chắc đôi sợi đã bạc vì chúng con.

Đảng vĩ đại của chúng ta đã tổ chức ba mươi mốt triệu người Việt Nam thành một đội ngũ anh hùng đang đánh bại bọn đế quốc Mỹ, kẻ thù số một của loài người. Dân tộc Việt Nam đã vượt lên trên mọi thử thách, sống mạnh, sống hiên ngang hơn bao giờ hết. Giữa những ngày chiến tranh phá hoại ác liệt, Xuân Diệu đã cùng các bạn văn nghệ sĩ đến những nơi chiến đấu căng thẳng. Xen với tiếng súng, anh đã góp tiếng thơ đánh Mỹ. Chủ nghĩa anh hùng đi vào thơ anh gắn liền với sức sống kỳ lạ của con người Việt Nam:

Trái tim chúng ta là một đá nam châm cực mạnh
Trái tim đập giữa cuộc đời như chiếu lên toả ánh
Trái tim dũng mãnh, đập hộ cho cả thế gian !
Ở đây sáng ngời chính nghĩa, ở đây tình nghĩa
Việt Nam !

(*Sự sống chẳng bao giờ chán nản*)

---

(1) Xuân Diệu, *Vệ quốc làm thơ* (6-1949) trong tập *Tiếng thơ*.

http://tieulun.hopto.org

Cách mạng đã đem trái tim cô đơn, quằn quại giữa "một cái kềm bằng sắt" đặt vào giữa trái tim lớn của nhân dân anh hùng. Anh nói lên niềm tự hào của dân tộc, và cũng là niềm tự hào của riêng anh, một chiến sĩ trong đội ngũ 31 triệu trùng trùng điệp điệp.

Cảm xúc anh hùng là một nhân tố hoàn toàn mới trong thơ anh, nảy sinh từ những ngày đầu cách mạng. Hồi ấy anh viết liền hai bài thơ dài mang tính chất tráng ca : *Ngọn quốc kỳ* và *Hội nghị non sông*. Lần đầu tiên trong đời mình anh cố gắng in bóng dáng nhân dân anh hùng vào thơ. Kể ra thì thực tế cách mạng của anh còn ít, chưa theo kịp cảm xúc thơ say mê nồng nhiệt, nên chủ nghĩa anh hùng ở đây còn đậm màu *lãng mạn tưởng tượng*. Nhưng điều quan trọng là cảm xúc thẩm mỹ của Xuân Diệu đã hướng về một chân trời mới : những con người bình thường đang mở ra một thời kỳ lịch sử hào hùng oanh liệt :

Dân quân ăn mặc đủ màu quê
Nâu lẫn, chàm pha, đen trắng kề,
Đủ cỡ áo quần may đủ kiểu
Tấm bào tơi lá trải sơn khê !

(*Ngọn quốc kỳ*)

Tia lửa đầu tiên ấy ngày càng bừng lên. Giờ đây, giữa lúc chủ nghĩa anh hùng cách mạng chiếu sáng cả bầu trời văn học nghệ thuật Việt Nam, thơ Xuân Diệu cũng ánh lên những hình ảnh ngời ngợi của con người Việt Nam mang sức sống phi thường đứng vững giữa mưa bom, bão đạn, đang đánh thắng đế quốc Mỹ.

Cảm xúc anh hùng dậy lên khá nhạy bén, phong phú trong thơ anh. Có khi đó là hình ảnh kỳ vĩ theo kiểu :

Đạn đại bác bay về phía cung điện Mùa Đông
Sông Nêva bỗng nghe một tiếng sấm rung
Vỡ lịch sử ra làm hai nửa !

(*Cách mạng tháng Mười Nga*)

Có khi là "tiếng cười của thời gian khúc khích" ủng hộ những lực lượng cách mạng, có khi là hình ảnh con chim chích choè nhảy nhót trên ba nghìn xác tàu bay Mỹ...

*
* *

http://tieulun.hopto.org

Nhưng còn "tình yêu", lĩnh vực mà người ta vẫn cho là sở trường của Xuân Diệu ?

25 năm qua, mọi sức lực phải dồn vào mũi nhọn đánh trả quân thù. Cũng như anh chị em văn nghệ sĩ khác, Xuân Diệu phải đem thơ đi *ứng chiến* kịp thời : bảo vệ ngọn cờ, bảo vệ quyền dân chủ, chống phong kiến, đánh Pháp, đánh Mỹ, đấu tranh tư tưởng, xây dựng chủ nghĩa xã hội v.v. Trong cuộc chiến đấu lâu dài con người vẫn sống, trai gái vẫn yêu nhau. Chiến tranh khiến cho họ xa cách, họ cần một tình yêu chung thuỷ.

Nếu trong *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió*, anh xót xa cho tình yêu mong manh tội nghiệp : "Ta được em chăng lại mất liền", thì ngày nay anh ca ngợi tình yêu bền vững với đất trời :

Khuôn mặt xinh em mãi rỡ ràng
Là sách nghìn trang sách vạn trang
Sớm mai anh thấy mặt trời mọc,
Chiều hôm anh đọc ánh trăng vàng.

(*Mặt em*)

Trước kia, họ ngồi bên nhau mà "em là em, anh vẫn cứ là anh", họ giấu nhau những "mộng không ngờ", "những điều quá thực". Cái xã hội đầy chông gai, cạm bẫy ấy buộc những con người yêu nhau mà phải "giữ miếng" với nhau. Chúng ta đang xây dựng một quan hệ mới : người với người là bạn. Những người yêu nhau cùng chung lý tưởng, cùng chung cách nhìn, có thể tin cậy :

Chuyện trước ta chưa kể một lời,
Mà anh đã hiểu tận sâu khơi,
Vai anh khi để đầu em tựa
Cân cả buồn, vui của một đời.

(*Tình yêu san sẻ*)

Ngày trước Xuân Diệu có cái duyên của hơi thơ tinh tế dịu dàng để nói mối rung cảm đầu tiên của một tình yêu chớm nở :

Con đường nhỏ nhỏ gió xiêu xiêu,
Lả lả cành hoang nắng trở chiều,
Buổi ấy lòng ta nghe ý bạn
Lần đầu rung động nỗi thương yêu.

(*Thơ duyên*)

http://tieulun.hopto.org

Ngày nay thơ Xuân Diệu lại có cái duyên khác, không kém phần hấp dẫn của một tình yêu thắm thiết, thuỷ chung, như biển yêu bờ :

Bờ đẹp đẽ cát vàng,
Thoai thoải hàng thông đứng,
Như lặng lẽ mơ màng
Suốt ngàn năm bên sóng.
Anh xin làm sóng biếc
Hôn mãi cát vàng em ;
Hôn thật khẽ thật êm,
Hôn êm đềm mãi mãi.

(*Biển*)

Phơi trải ra để tìm sự thông cảm và thu lại để hút nhuỵ của đời. Đó là nhu cầu rất lớn của Xuân Diệu. Nếu trước Cách mạng anh chỉ biết tìm môi trường thông cảm ở tình yêu, ở nghệ thuật, trong cái "liên tài" giữa những kẻ tài tình (và anh đã thất vọng) thì ngày nay anh có thêm cả bầu trời rộng của những tình yêu lớn với Tổ quốc, nhân dân và cả bạn bè trên thế giới. Thơ anh đã được giới thiệu ở nhiều nước.

Đối với cách mạng, Xuân Diệu đã khá nhạy để sớm nghi ngờ vốn liếng cũ của mình : "Chúng ta không tin ở cái tri thức lắt léo, quặt quẹo, kỳ khu vì lên cao mãi, mà rời hẳn sự sống, lơ lửng như ma trơi, nở những hoa phong lan yểu mạng". Thời đại mới, đối tượng mới, lý tưởng mới đòi hỏi thẩm mỹ mới. Mấy năm liền anh sáng tác rất ít, kiên nhẫn làm công việc sưu tầm, giới thiệu thơ quần chúng, bộ đội, dân công v.v. với hy vọng đi tìm chất thơ mới trong nhân dân, cải tạo cái cảm xúc thẩm mỹ của mình. Rồi hồn thơ anh hướng về một cái đẹp khác : "Ta yêu cái sần sùi chưa chải chuốt, ta yêu cái sức lực sắt đồng trong giọng nói nhiều khi "dùi đục", ta thích những tảng đá to lăn ra là cả một ngọn núi biết đi" (1949)[1]. Anh phấn đấu để đem cái hằng ngày vào thơ và cho lời thơ gần gũi với tiếng nói hằng ngày. Cứ lấy những nét thực tế ra mà nói : Hạnh phúc mới và cả "tai nạn" nữa cũng đến với anh từ cái thích mới này.

Tâm sự về bài thơ *Núi Ba Vì và hồ Suối Hai*, anh viết : "... phải nói lúc đang còn lao động. Nói hay là không nói ? Nói thì phải chịu một

(1) Xuân Diệu, *Vệ quốc làm thơ*, Sđd.

http://tieulun.hopto.org

nguy cơ có thể xảy đến là lộc cộc"[1]. Anh không sợ lộc cộc. Thất bại là mẹ thành công ! Anh cứ làm. Viết những câu thơ "chải chuốt" thanh tú là nghề riêng của anh :

Núi sông đã đẹp lắm thay
Non hồ thêm một vẻ hay khác thường
Hồ là mắt đắm soi gương
Lại là nôi biếc ru vờn bóng non

(*Núi Ba Vì và hồ Suối Hai*)

Diễn tả "cái đẹp sần sùi" là ước mơ mới của anh, tốn nhiều công sức mà vẫn còn "lộc cộc".

Bên trong thoai thoải mặt tường nghiêng
Chân đập cần ngăn nước thấm xuyên :
Phải gỡ đất mềm, thay đất sét.
Rồi xây lát đá, nước trùm lên

(*Núi Ba Vì và hồ Suối Hai*)

Điều đáng quý là anh không chịu sống yên trên sở trường cũ mà cố tạo cho mình một bản lĩnh mới để phục vụ thời đại mới. Anh viết : "Tôi biết mấy câu về hồ-con-mắt và hồ-chiếc-nôi hay hơn, nhưng tôi tha thiết với mấy câu thơ hãy còn lộc cộc trên đây"[2].

Xuân Diệu cố luyện cho thơ mình thêm một vẻ đẹp mới. Anh đã có những thành công và cũng bị chê vì nhiều bài chưa đạt.

Anh chủ trương thà có thơ trung bình mà ứng chiến kịp thời, còn hơn là không có. Chưa có súng, thì cứ vác đá mà ném.

Tôi từng làm thơ về gió về mây
Tôi làm thơ về tư tưởng đêm nay.
Bọn chúng cười ta làm thơ chính trị,
Nếu hình thức có hơi non một tý,
Chúng vui mừng la ó vỗ tay ran ;
Mặc chúng kêu rêu lá rụng, hoa tàn,
Tôi thẳng thắn ngợi ca nền chuyên chính.

(*Vô sản chuyên chính*, 7 - 1957)

---

(1), (2) *Đi trên đường lớn*, Sđd, tr. 86, 88.

http://tieulun.hopto.org

Chúng ta thông cảm với nhiệt tình muốn phục vụ kịp thời. Nhưng đưa thơ "hơi non một tý" ra để ứng chiến, thì đó là chuyện vạn bất đắc dĩ. Nghệ thuật vốn khó tính, nó không chịu được cái trung bình, dù là trung bình khá. Đã là thơ thì phải hay, phải xúc động lòng người. Muốn cho chuyện thường ngày trở thành thơ phải qua con đường khám phá, sáng tạo. Một câu nói thường ngày nếu không chứa đựng bên trong nó một sức khám phá, nếu không biểu hiện được sự sáng tạo cũng chỉ là "văn xuôi" không thành thơ được. "Hình thức có hơi non một tý" cũng có nghĩa là cảm xúc chưa thật chín, nội dung chưa thật sâu. Là một nhà thơ đồng thời là một cây bút phê bình chịu khó suy nghĩ, có lẽ Xuân Diệu không lạ gì những điều đơn giản ấy. Nhưng ở đời "lực bất tuỳ tâm" là chuyện vẫn xảy ra.

Một nét đặc biệt trong phong cách Xuân Diệu từ thuở *Thơ thơ, Gửi hương cho gió* là lòng ham mê đến đắm say, đến cực đoan. Tạng người của anh không chịu được cái từ tốn ; anh đòi "cắn" đòi "ngoạm" sự sống ; anh muốn "ôm cả trái đất", "Ghì trước trái tim ghì trước ngực". Không những ngày nay mà ngay từ trong cuộc kháng chiến chống Pháp trước đây anh chịu khó đi vào quần chúng để bình thơ và để lắng nghe tìm hiểu nhân dân. Anh "ký cóp" khá nhiều sự việc và lời ăn tiếng nói khá độc đáo, và sinh động của những người lao động. Một số bài thơ đã vọt ra trực tiếp từ cái vốn tươi rói, nóng hổi ấy mang theo cả cái bề bộn, ứ tràn của cuộc sống. Nhưng cái ứ tràn bề bộn này cũng có lúc làm hại thơ anh. Có lúc anh chưa thật chủ động đối với tư liệu, người đọc chỉ mới thấy cái khéo tay sắp xếp, chứ chưa nghe được tiếng vọng từ chốn sâu thẳm của tâm hồn.

Anh say mê với cái đẹp toát ra trực tiếp từ sự vật, từ cuộc đời. Đối với loại thơ này, nếu không thành công thì nhược điểm sẽ đến ngay. Đối với loại thơ có "chải chuốt", cách điệu thì nội dung có non một tý vẫn còn lại cái nhạc, cái điệu, cái vần... nên vẫn có bóng dáng thơ. Còn với loại thơ gần với tiếng nói hằng ngày, nếu chất bị non, thì câu thơ đổ ngay lập tức, không biết bấu víu vào đâu mà đứng. Ở anh, vẫn còn một số bài thơ chưa chín, còn sượng.

Ánh sáng của cách mạng 25 năm qua đã tiếp sức và tạo điều kiện cho tài năng Xuân Diệu đâm chồi nảy lộc, nở thêm nhiều hoạt động mới.

http://tieulun.hopto.org

Anh giới thiệu thơ cổ điển (Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Tú Xương,...), nghiên cứu ca dao cổ, thơ quần chúng hiện nay, viết về các nhà thơ hiện đại (thơ Hồ Chủ tịch, Tố Hữu, Chế Lan Viên, Huy Cận,...), dịch và bàn về các nhà thơ thế giới (Maiacốpxki, Nazim Hikmet,...), viết báo đấu tranh chống nhóm Nhân văn - Giai phẩm, viết tiểu luận về các vấn đề của thơ, viết về một số nhà thơ trẻ,...

Nhà phê bình Xuân Diệu đã được mến yêu và có tín nhiệm. Anh để nhiều thì giờ để đọc những bài thơ trên báo tường, trong sổ tay của công nhân, bộ đội, của anh địa chất, của người thợ rừng... để bình luận, giới thiệu. Anh "trò chuyện với những bạn làm thơ trẻ". Ngòi bút viết phê bình và tiểu luận của anh linh hoạt, tinh tế, sâu sắc. Tác phẩm xưa và nay qua những lời phê bình và giới thiệu của anh sáng đẹp hơn lên. Phải nhận rằng có những lúc anh không kìm được mình mà "bốc" lên hoặc suy diễn hơi quá đi. Chất lượng của các bài viết cũng chưa đều. Nhưng nói chung những phát hiện, khám phá của anh khá thú vị, bổ ích. Anh đã đem được khiếu nhạy cảm của người nghệ sĩ giúp cho bạn đọc đi sâu vào cái hay cái đẹp của thơ, giúp cho thơ phát huy tác dụng tích cực vào đời sống. Anh lớn tiếng bảo vệ tính chân thực, giản dị trong thơ, ca ngợi sứ mệnh vẻ vang của nhà thơ được đem cả tâm hồn tài năng phục vụ nhân dân, phục vụ đường lối chính trị của Đảng. Anh công khai không chút rụt rè đề cao tính đảng, tính nhân dân của văn học nghệ thuật. Kết thúc một bài báo chống nhóm Nhân văn - Giai phẩm, anh xác định : "Thơ của ta phải có nội dung quần chúng, có hình thức quần chúng, thơ của ta phải có tính đảng, phải trung thành không lay chuyển với sự nghiệp của Đảng, của nhân dân"[1].

(In trong báo *Văn nghệ*, số 373, năm 1970)

---

(1) *Những bước đường tư tưởng của tôi*, Sđd, tr. 143.

http://tieulun.hopto.org

CON ĐƯỜNG SÁNG TẠO CỦA MỘT NHÀ THƠ(*)

HOÀNG TRUNG THÔNG

TỪ NHÀ THƠ LÃNG MẠN CHỦ NGHĨA ĐẾN NHÀ THƠ HIỆN THỰC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Xuân Diệu thực sự là một nhà thơ. Hơn nữa anh là một nhà thơ lãng mạn trước khi đến với cách mạng. Nếu như Paul Eluard đã nói về những nhà thơ Pháp "từ chân trời của một người đến chân trời của mọi người", thì những nhà thơ Việt Nam dưới thời Pháp thuộc đau thương có thừa, nước mắt có thừa, thậm chí nỗi đau thắt ruột, nước mắt tràn mi mà họ không khóc nổi, khóc không ra tiếng, còn có nước mắt đâu nữa mà khóc. Đôi lúc họ lại cười, cười gượng, nhưng rồi họ đã đi đến chân trời của niềm vui thật sự niềm vui cách mạng. Câu thơ của Nguyễn Du, nhà thơ cổ điển vĩ đại nước ta :

Vui là vui gượng kẻo mà
Ai tri âm đó mặn mà với ai

muốn miêu tả một sự vui gượng, cười gượng. Nhưng những nhà thơ Việt Nam đến với Cách mạng với cả tấm lòng của họ, không hề gượng cười, gượng vui mà là cười thật sự, mặc dù cuộc đời chưa phải lúc nào cũng hoàn toàn vui, chỉ có tiếng cười không có tiếng khóc.

Nhìn chung, sức hấp dẫn của thơ Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám 1945, là ở lòng yêu da diết cuộc sống, ở sự chân thực của tình cảm, và ở nghệ thuật làm thơ vừa giản dị vừa tinh vi và đúc đọng. Ngay trong bài *Tựa* viết cho tập thơ đầu của Xuân Diệu, *Thơ thơ* (1938), nhà thơ lớp trước Thế Lữ đã nói đặc điểm của Xuân Diệu : "Xuân Diệu là một người của đời, một người ở giữa loài người. Lầu thơ của ông xây dựng trên đất

---

(*) Tên bài do người tuyển chọn đặt.

http://tieulun.hopto.org

của một tấm lòng trần gian ; ông đã không trốn tránh mà lại còn quyến luyến cõi đời, và lời nguyện ước của ông có bao nhiêu sức mạnh" :

Ta ôm bó, cánh tay ta làm rắn,
Làm dây đa quấn quýt cả mình xuân,
Không muốn đi, mãi mãi ở vườn trần,
Chân hoá rễ để hút mùa dưới đất.

Chỉ lấy bốn câu mở đầu bài *Vội vàng* (1937) cũng đủ thấy tính chất xúc cảm của Xuân Diệu, một tâm hồn nhạy với màu sắc, nhạy với mùi hương ; thế giới của cái đẹp đẽ, cái thơm tho đã thành máu thịt của tấm lòng yêu đời ấy :

Tôi muốn tắt nắng đi
Cho màu đừng nhạt mất
Tôi muốn buộc gió lại
Cho hương đừng bay đi...

Xuân Diệu trước kia mơ và yêu ; và anh cũng buồn, cái buồn của một thế hệ nhà thơ bị bế tắc chưa tìm ra con đường đi chân chính của mình. Hầu như tất cả tâm hồn của anh đã dành cho mơ và yêu, mặc dầu anh biết rằng trong cái xã hội cũ của đồng tiền làm chủ :

Cơm áo không đùa với khách thơ

mặc dù đôi lúc anh cũng phải kêu lên :

Ta bỏ đời mà đời cũng bỏ ta.

Nhưng một người yêu tha thiết con người, loài người, cuộc sống, sự sống như anh làm sao mà bỏ cuộc đời được. Anh cố níu lấy con người, sự sống như níu lấy chính mình, và anh đã chiến thắng. Không phải hiểu một cách giản đơn : Cách mạng đã chiến thắng anh, mà chính có phần anh đã chiến thắng mình, tất nhiên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa nhân đạo cách mạng là một sức mạnh chinh phục rất lớn.

Khi nhà thơ đã từng viết :

Làm sao sống được mà không yêu
Không nhớ không thương một kẻ nào

thì tấm lòng yêu thương rộng lớn của nhà thơ tất yếu phải hướng về quần chúng lao động chứ không thể hướng về những kẻ có kè kè một

http://tieulun.hopto.org

túi tiền : Cái đau đớn mà chúng ta phải chứng kiến là có những trái tim "nhà thơ" hướng về túi đôla mặc dù nhân danh tự do trí tuệ, nhân phẩm nhân quyền.

Xuân Diệu là một nhà thơ tự soi vào tấm gương của lương tâm mình mà không cảm thấy xấu hổ, vì anh viết cho tuổi trẻ. Anh say mà không đắm, anh mơ mà không màng. Dầu có lúc thoát ly thực tế, nhưng anh không đi vào siêu hình. Anh thiên về cảm xúc, về cảm tình cho nên cũng có nhà phê bình cho anh là duy giác chủ nghĩa (sensualisme). Nhưng nếu như cảm giác là bắt nguồn cho thơ, thì Xuân Diệu rất tinh tế về cảm giác nhưng không bao giờ dừng lại ở đó, ở chủ nghĩa cảm giác ; mà thơ anh vươn lên tình cảm và trí tuệ mặc dù tính cảm giác ở thơ anh rất đậm.

Ngay từ ở trên ghế nhà trường, Xuân Diệu đã làm thơ và những bài thơ tình yêu của anh đã chiếm lĩnh tâm hồn người đọc, đặc biệt là những người đọc trẻ tuổi. Người ta nói Xuân Diệu là nhà thơ của tình yêu. Điều đó hoàn toàn đúng với thơ văn của anh. Vừa mới đăng một số bài thơ trên báo chí, Xuân Diệu đã có một vị trí xứng đáng trong làng thơ Việt Nam, mặc dầu cũng có những người trong giới phê bình đã từng phê phán anh mà nói rằng thơ anh không Việt Nam, chịu quá đậm ảnh hưởng câu thơ của Pháp. Họ nói rất nặng lời. Thực ra không phải hoàn toàn như vậy. Ngày nay đọc lại mà xem. Đó là những lời phê bình có tính bảo thủ không muốn tiếp nhận những cái mới lạ từ bên ngoài vào. Họ theo một trường phái cực đoan "phương Đông thuần tuý", không chấp nhận những cái gì đổi mới. Xuân Diệu có chịu ảnh hưởng thơ ca phương Tây không ? Tất nhiên là có. Anh đã từng viết :

Hơn một loài hoa đã rụng cành
Trong vườn sắc đỏ rũa màu xanh

Anh ca ngợi Rimbaud và Verlaine :

Tôi nhớ Rimbaud với Verlaine
Hai chàng thi sĩ choáng hơi men

Cũng như khi anh viết :

Yêu là chết ở trong lòng một ít

http://tieulun.hopto.org

thì người ta nghĩ ngay đến câu thơ Pháp :

Partir c'est mourir un peu
(Đi là chết một ít)

Nhưng anh lại rất phương Đông, rất Việt Nam, khi anh viết về những đoá hoa, lá cỏ, ánh trăng, tiếng đàn. Chẳng hạn bài thơ *Nguyệt cầm* diễn tả âm hưởng tiếng đàn nguyệt, một thứ đàn của phương Đông :

Trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh
Trăng thương trăng nhớ hỡi trăng ngần,
Đàn buồn đàn lặng ôi đàn chậm,
Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngân.

Là một nhà thơ như hàng trăm nhà thơ Việt Nam sống dưới chế độ thực dân Pháp, Xuân Diệu có lòng yêu nước chống chế độ thực dân và muốn hướng tới một lý tưởng cao đẹp giải phóng Tổ quốc, mặc dầu trong thơ anh có lúc nói :

Mau với chứ vội vàng lên với chứ
Em em ơi, tình non đã già rồi.

Có lúc trong thơ văn anh, chúng ta cảm thấy một nỗi cô đơn. Anh đã từng viết :

Cuộc đời cũng đìu hiu như dặm khách
Mà tình yêu như quán trọ bên đường

Có lúc xót thương những người đau khổ, anh kêu lên :

Cho tôi đau mà bớt khổ loài người
Tôi nguyện sẽ chết trên cây thánh giá

Lời nói hơi đại ngôn nhưng biểu lộ một tâm trạng thực. Anh viết những truyện ngắn về "Mèo hoang", "Chó hoang" (Trong *Phấn thông vàng*) để nói lên nỗi cô đơn trong xã hội thời ấy.

Xuân Diệu là một nhà thơ và gần như suốt cả cuộc đời mình là mơ thơ, yêu thơ và say thơ. Anh là một nhà thơ tiểu tư sản trước khi đến với Cách mạng. Đó là điều ai cũng dễ dàng nhận thấy. Nhưng anh lại là nhà thơ tình yêu đã làm say mê những bạn đọc trẻ tuổi. Có lúc người ta đã phê bình anh là nhà thoát ly cuộc đấu tranh của dân tộc và giai cấp mà

http://tieulun.hopto.org

đưa tuổi trẻ vào mơ mộng và yêu đương. Nhưng chính nhờ ngọn lửa tình cảm say mê đó mà khi đến với cách mạng, anh đã đem sự say mê thơ hoà vào sự say mê cuộc đấu tranh cách mạng của dân tộc và nhân dân. Trừ Tố Hữu và một số nhà thơ cách mạng đi trước anh, anh là người ngợi ca cách mạng sớm nhất và say sưa nhất. Những trường ca đầu tiên của anh sau Cách mạng tháng Tám 1945 *Ngọn quốc kỳ*, *Hội nghị non sông* đánh dấu một giai đoạn chuyển biến đặc biệt, làm ngạc nhiên người đọc. Từ đó đến nay, trên bước đường sáng tác của mình, anh đã viết trên 40 tác phẩm kể cả thơ, văn, tiểu luận và dịch thuật. Nhà thơ lãng mạn Xuân Diệu trước đây nặng về xúc cảm kết tinh trong nhiều tập thơ nổi tiếng, đã đến với cách mạng và trở thành người ca ngợi cách mạng tích cực, thậm chí còn làm bài thơ rất chính trị với nhan đề *Chuyên chính vô sản*.

Ngày nay nhà thơ ấy đã 66 tuổi (1982). Và dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, anh vẫn còn có sức sáng tạo lớn. Đồng thời với những bài thơ viết về cuộc sống mới, những bài thơ yêu nước chống bọn xâm lược từ phương Tây, và từ phương Bắc, anh đã làm trên 400 bài thơ tình. Cái gì đã đưa lại cho nhà thơ một nguồn cảm hứng mới, một nguồn xúc cảm mới mà sự sáng tạo thơ văn không hề vơi cạn ? Đó chính là lòng yêu nước, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa nhân đạo cách mạng, tinh thần coi trọng sự sáng tạo của con người đã làm cho nhà thơ có được một niềm tin, một lòng tự hào, một tính năng động để sáng tác. Bước đường đi của một nhà thơ từ chế độ cũ sang chế độ mới tất nhiên không phải dễ dàng. Nhưng với dân tộc, với nhân dân, với lý tưởng mà mình đã tin theo, nhà thơ ấy không chịu để những tư tưởng tư sản chi phối. Cái điều thú vị là mặc dù gặp bao nhiêu sóng gió, bao nhiêu khó khăn của những cuộc chiến tranh ác liệt, và cuộc sống khắc khổ, anh vẫn đứng vững trên vị trí của một nhà thơ chân chính.

Nhà thơ Xuân Diệu, như tôi đã viết, sống dồi dào, sáng tác dồi dào. Nếu như trước khi gặp cách mạng anh là một nhà thơ yêu thiết tha cuộc sống và đầy tình nhân đạo nói chung (trong tập truyện ngắn *Phấn thông vàng*) nhưng chưa giác ngộ về đấu tranh giai cấp và về hành động xã hội, thì khi đến với cách mạng, anh lại trở thành một nhà thơ nhập cuộc (poète engagé), nhập cuộc với tất cả trí tuệ, tình cảm và tâm hồn của mình cho dân tộc, cho quần chúng lao động, cho phẩm giá con người.

http://tieulun.hopto.org

Tôi cùng xương thịt với nhân dân của tôi

Và :

Không ! Tất cả tâm hồn ta đã quyện
Với đất này, không thể gỡ ra xong

Tốt hơn hết là ta hãy nghe nhà thơ nói về những bước đường tư tưởng của mình, nói một cách thành thật không giấu giếm, không tô vẽ, như không phải nói với chúng ta mà nói với chính mình, một thứ tự bạch (confessions) của một nhà thơ hoàn toàn đi với cách mạng, đi với lý tưởng mà mình mong đợi, mến yêu, và sẽ chiến đấu vì nó hết sức mình cả đời mình.

Trong một bài dài *Những bước đường tư tưởng của tôi*, viết tháng tám năm 1957, Xuân Diệu đã nói khá sâu sắc về mình và thế hệ những nhà thơ cùng lứa với mình. Tôi chỉ trích lại vài đoạn sau đây để chúng ta thêm hiểu về anh và cũng là thêm hiểu về những nhà thơ từ chân trời cũ đến chân trời mới :

"Lớn lên đi học đến Thành chung rồi "tú tài", tôi yêu thơ vô hạn, rất mê thích văn học. Những điều kiện của gia đình và xã hội đã làm tôi buồn sẵn, lại học một nền văn học nặng buồn bã, than thở, bi quan. Ở lớp nhất, thơ Tản Đà (1888-1939) đã ru tôi, nhưng cũng để lại cho tâm hồn tôi một vị cay đắng : *Gió hiu, trăng lạnh tiếng ve sầu - Ếch kêu đầy phố tiếng xe hơi - Vèo trông lá rụng đầy sân.*

Tất cả mọi sự chẳng qua cũng vèo ! Tôi thuộc nhuyễn bài thơ Đoàn Như Khuê : *Biển thảm mông mênh sóng lụt trời*. Em thiếu niên mới chớp mi mắt nhìn ra cuộc đời, đã thấy một rèm giọt lệ ! Vào năm đầu bậc Thành chung, tôi nhìn miệng ông giáo quốc văn đọc, say mê uống từng lời du dương êm ái : "Giả sử ngay khi trước, Liêu Dương cách trở, duyên chàng Kim đừng dở việc ma chay... ". Sao mà văn thơ cứ tiếc nuối một cái gì ; có một cái gì bình rơi gương vỡ, rụng cải rơi kim ở trong văn học !

Đồng thời, *Tuyết hồng lệ sử* dịch của Từ Trẩm Á[1] mê lịm tôi trong điệu ca từ thật là réo rắt, tất cả cuốn sách là một cuộc nhặt hoa rơi, chôn hoa rụng, khóc hoa tàn ! Lớn thêm vài tuổi, văn học nước Pháp bắt đầu huyền diệu tôi với *Cái hồ* của Lamartine :

---

(1) Nhà văn lãng mạn Trung Quốc.

http://tieulun.hopto.org

Ừ rồi cứ trôi đi mãi mãi
Trong đêm trường trở lại được nao !

Tôi đã bắt đầu có ý thức lửng khửng lại không chịu đi, trong lúc ngoại vật và thời gian thì cứ đẩy cho con người mất hút vào vĩnh viễn. Bây giờ trong tôi có hai lực lượng : một mặt, tuổi thanh niên đưa đến cho tôi những luồng máu nóng rực, say mê, hăng hái ; một xã hội phong kiến đế quốc cùng với hệ thống tư tưởng văn hoá cũ đã chụp lên tâm trí tôi một lớp đau buồn ảm đạm, càng học lên nhiều, càng bi quan bế tắc. Tôi thấy trong tôi ào lên một nguồn thơ sôi nổi, mới mẻ ; nhưng tôi vừa tập tễnh đến ngưỡng cửa của làng văn thì La Bruyère đã lắc đầu niêm yết một câu bất lực : "Tất cả đều đã nói cả rồi, và người ta đến muộn quá, từ bốn ngàn năm nay đã có những con người, và họ suy nghĩ"[1]. Phương ngôn Âu Tây cũng nói : "Không có cái gì mới ở dưới mặt trời". Trước tôi 100 năm thi sĩ Musset đã kêu lên : "Ta sinh ra muộn quá trong một thế giới già quá chăng ?". Trước tôi năm mươi năm, thi sĩ Verlaine cũng kêu lên : "Ta sinh quá sớm hay là quá muộn - Ta đến trong đời này để làm gì ?"[2]. Mộng Hà, nhân vật chính của *Tuyết hồng lệ sử*[3] và *Ngọc lê hồn*[4] hay sầu, say, và thổ huyết, đã tự tóm tắt tâm hồn bằng ba bước : uống rượu xong thì "ngà ngà mà say, ngây ngây mà sầu, rồi lại rầu rầu mà khóc". René[5], ông tổ của Mộng Hà ở Pháp, thì đi giữa mây, sương, gió, bị ám ảnh bởi con quỷ của trái tim "nó là một con rắn tự nhai mình" ; Werther, ông tổ xa hơn nữa của Mộng Hà ở Đức thì dùng súng lục tự tử vì không lấy được người thiếu nữ đã hứa hôn với người khác trước khi gặp anh...

Từ 1934 về sau, những sách tôi đọc nói sự cùng đường một cách tinh vi, sâu sắc hơn ; nó cũng không còn là sự lãng mạn ít hay nhiều mơ mộng nữa, mà là một sự bi quan có triết lý. Những điều tôi thu hoạch được, góp chắp cổ với kim, Đông với Tây, chứng minh trước trí tuệ một

---

(1) "Tout est dit, et l'on vient trop tard depuis 4000 ans qu'il y a des hommes, et qui pensent".

(2) "Suis-je né trop tôt ou trop tard ? Que viens-je en ce monde."

(3), (4) Hai tiểu thuyết lãng mạn của Từ Trầm Á (Trung Quốc).

(5) Nhân vật của Chateaubriand (tiểu thuyết *René*).

http://tieulun.hopto.org

bài toán dẫn đến số không. Bôđơle (Baudelaire) kêu thét lên như đang bị cháy nhà hay lửa cháy vào người :

"Ôi đau đớn ! Ôi đau đớn ! Thời gian ăn cuộc đời"[1].

Sau khi đã tự phanh phui những ảnh hưởng tiêu cực mình đã nhận trong một thời đại mà nỗi đau buồn, sự cô đơn, lòng chán nản đã xâm chiếm phần đông các nhà thơ sống trong sự bế tắc cố nhiên không phải tất cả mọi nhà thơ đều như thế, vì có những nhà thơ đến với Cách mạng rất sớm, sớm có ý thức về dân tộc và giai cấp công nhân – Xuân Diệu, một nhà thơ rất thành thực với lòng mình và cả trong thơ của mình, đã thốt lên :

"Cách mạng đến ! Cách mạng Việt Nam mang tới cái mà văn học tư sản Pháp không có nổi, là sự hành động (l'action). Không phải thứ "hành động để mà hành động" (acte gratuit) của André Gide mà hành động cách mạng, hành động cùng với quần chúng, hành động có mục đích và hiệu quả. Những ngày Cách mạng tháng Tám, tôi cùng bao nghệ sĩ trí thức khác say sưa mỗi người một việc, ngày đêm công tác. Hoạt động, công tác cách mạng đã giải quyết sự hoang mang vô bổ của trí tuệ tôi, nhưng trí tuệ trở lại trong cái ý nghĩa cơ bản của sự lao động. Thực dân Pháp đánh Nam Bộ, rồi toàn quốc kháng chiến. Đảng giao nhiệm vụ giết giặc cứu nước cho ngòi bút tôi. Tôi rộng mở bước vào kháng chiến trường kỳ, và tư tưởng của tôi còn gặp gỡ, trải vượt nhiều chặng đường lên xuống không phải là đơn giản...".

Anh lại cũng đã giải thích sự "không đơn giản" đó trong anh. Sau một thời kỳ giác ngộ, cái cũ trở lại, có lúc anh cũng đã "lại tìm những lối đoạn trường mà đi" như Nguyễn Du đã nói. Anh viết :

"... Tuy vậy, dù sao, tôi cũng mới giác ngộ trên lý thuyết. Có lẽ cái vui sướng lớn của tôi là tự nhấc ra được khỏi một hệ thống chết, mà vào một hệ thống sống, nghĩa là tự cứu được mình. Mà đến với chủ nghĩa xã hội vì mình, thì chóng chầy những đau ngứa phiền toái cũ lại phát ra..."

"Từ xưa, tôi cứ "thương người chung chung". Tôi vẫn mơ ước một xã hội mà mọi người sung sướng ; nhưng muốn đến đó, phải biết thương những con người cụ thể, phải có thương ai ? ghét ai ? phải qua con đường

---

(1) "Ô douleur ! Ô douleur ! Le temps mange la vie".

http://tieulun.hopto.org

đấu tranh giai cấp để xoá giai cấp. Con đường có rất nhiều đau đớn, nhưng không qua nó thì không đi được tới đâu. Sợ đi qua con đường đó, tức là tôi vẫn ôm cái chủ nghĩa xã hội không tưởng, cái chủ nghĩa xã hội làm sẵn từ trên trời rơi xuống".

"Và một mặt khác nữa, càng đi sâu vào cách mạng, sự sáng tác càng gian nan. Từ trước, tôi viết cho những người "có học", tức là, trên nét lớn, những tiểu tư sản trở lên trong xã hội cũ. Bây giờ những con người "vô học" cũ, nhờ cách mạng, họ đã có học, họ đã đọc sách và họ biết cả phê bình nữa ; họ yêu cầu phải nói đến họ, những người lao động ; không có lý gì họ nai lưng ra đổ mồ hôi, đổ máu nhiều nhất mà trên sân khấu của các tác phẩm, lại chỉ có những người khác. Những người "có học" lớp trước kia, bây giờ cũng đã thay đổi cả yêu thích cũ, chính họ lại cũng đòi hỏi nói về những người lao động. Mà đó cũng lại càng là cái nhược điểm rất sâu sắc của tôi.

Những nhược điểm rất sâu sắc, chủ quan của tôi không đáp được những đòi hỏi khách quan của kháng chiến trong hai, ba năm trời, trong tôi có một cái gì cứ chùn dần, cứ cuốn lại. Ngoài mặt thì như không có gì xảy ra, nhưng ở chỗ tinh vi, kín nhẹm nhất, có một sự rút trốn. Cái chất hưởng thụ, cầu an tích luỹ trong thể xác và tâm trí tôi hàng mấy chục năm, nay làm thành một sức ỳ khó lay chuyển. Gian khổ, khó khăn không phải chỉ ở đằng xa, nơi quần chúng vẫn chịu và gánh, mà đến đụng chạm ngay bản thân tôi ; tôi không thể "kháng chiến vui vẻ, cách mạng vui vẻ" nữa. Tự tôi mình theo tinh thần của giai cấp vô sản, gay lắm ! Tôi đâm ra hờn, tủi đối với những người đấu tranh với tôi, tôi tự ái giai cấp, bám lấy các thứ chức tước, danh hiệu cũ. Sáng tác cái mới thường thường bị thất bại, tôi quay về dựa lưng vào các thứ "của chìm" : tác phẩm ngày trước của mình. Kỳ tình tôi vẫn biết đứng chỗ cũ không thể được nữa, tuy nhiên, lại ngại sang đứng chỗ mới ; tâm trạng tôi như người bị chẹt, tinh thần bất ổn, vẫn gần với quá khứ, vẫn xa vợi với tương lai. Cứ chạy sang bên này rồi chạy sang bên kia, thật là đau đớn".

Những năm đầu đi với cách mạng, tâm trạng của nhà thơ là thế. Có sự níu kéo giữa cái mới và cái cũ, vừa tích cực tham gia đấu tranh cách mạng vừa vướng vất cái buồn tiêu cực. Rồi anh đã vượt qua như các bạn thơ cùng lứa tuổi của anh.

http://tieulun.hopto.org

Một vài nhà văn Việt Nam thường nói : tôi đến với cách mạng phải là một sự "lột xác". Họ nói một cách vừa đùa bỡn vừa nghiêm túc mặc dù Đảng không bao giờ dùng đến những từ ngữ đó. Nhưng các nhà văn lại nói với lòng chân thành, với ý muốn tha thiết thay đổi cuộc đời của mình, tư tưởng và sáng tác của mình.

Xuân Diệu không hề dùng đến chữ "lột xác", mà anh thực sự đã thay đổi, thay đổi theo tư tưởng của giai cấp công nhân. Nhưng anh nghĩ rằng nhiều bài thơ trước kia của anh vẫn có giá trị. Người nghiên cứu khoa học chúng ta có nhiều người tất nhiên cũng nghĩ thế, vì văn học bao giờ cũng mang dấu ấn một thời đại. Tại sao chúng ta có thể tái bản lại những bài thơ tư tưởng thiền, những bài thơ tư tưởng Nho giáo mà lại không in những tác phẩm lãng mạn chủ nghĩa mà những tác phẩm còn có phần tích cực và có sự nối tiếp giữa thơ cổ điển và thơ hiện đại. Chúng ta đã làm việc đó, dù chưa mạnh dạn, và còn phải làm nhiều hơn. Lênin đã từng nói ý này : "Chúng tôi, những người vô sản, chúng tôi có một cái dạ dày rất khoẻ, chúng tôi đủ sức tiêu hoá tất cả".

Anh luôn luôn ca tụng cái mới xã hội chủ nghĩa, phấn đấu cho cái mới xã hội chủ nghĩa. Hàng trăm bài bút ký và bài thơ đã biểu hiện cuộc sống mới, con người mới Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Anh viết hàng bao nhiêu bài tiểu luận và phê bình để khẳng định cái mới trong văn học xã hội chủ nghĩa, nhưng không phải anh không chê trách bệnh sơ lược thường thấy trong một số tác phẩm của nền văn học của chúng ta.

"... Những tác phẩm mắc bệnh sơ lược gây tác hại là làm cho người ta hiểu sai thực tế, tưởng cách mạng là toàn hồng, gây bệnh chủ quan và lý tưởng hoá. Do thiếu vốn sống và xa đời thực, những tác phẩm sơ lược thường tẻ nhạt, làm người đọc dễ chán, gây một sự hờ hững nào đó của công chúng đối với nền văn học mới, làm nền văn học mới kém tác dụng đi nhiều...".

Anh khen ngợi sự phê bình hiện nay với tính khoa học và nghệ thuật của nó, nhưng anh lại phê phán "một sự phê bình gò bó, máy móc, không hiểu được đặc trưng của văn nghệ, coi một thiên truyện ngắn bằng như một bài xã luận, bắt một tác phẩm nào cũng có đủ các yếu tố

http://tieulun.hopto.org

chính trị, đủ công nông liên minh, đủ vai trò của Đảng, đồng thời đủ vai trò của Mặt trận, lại đủ bảo vệ hoà bình thế giới v.v. chất lên lưng con ngựa tác phẩm nhiều thứ quá, đến nỗi nó cất bước không được nữa. Những người phê bình lại thường non gan, không dám để cho những vai phản diện phát biểu sợ nó phản tuyên truyền, hoặc mới thấy tác giả nói ít nhiều khuyết điểm của cán bộ hay của nông dân đã vội lo là bôi nhọ... Những quan niệm hẹp hòi trên đây gò bó các tác giả, làm họ ít dám phát huy sáng tác, dễ khiến họ cầu an, đi theo con đường vô sự nhất, không dám sai âm binh dậy, sợ không điều khiển nổi thì rắc rối to... ".

Nhưng rồi anh lại cho rằng bệnh sơ lược không phải là bản chất của nền văn học xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa xã hội không chấp nhận bệnh sơ lược trong tác phẩm văn học mặc dù nó vẫn tồn tại cũng như nó tồn tại đầy rẫy trong văn học phương Tây - với những câu chuyện rẻ tiền để kiếm tiền và tiền kiếm được thường nằm trong túi những nhà kinh doanh xuất bản tư bản. Anh viết :

"Theo tôi thấy, chúng ta không độc quyền về bệnh sơ lược ; văn dở thì cổ kim, Đông Tây, đời nào và ở đâu cũng có. Những nền văn học trước Cách mạng vô sản có biết bao nhiêu quyển sách tiên thiên bất túc, bị công chúng ruồng bỏ ngay từ lúc mới đẻ ra. Văn học phong kiến cũng đã có những tác phẩm sơ lược của mình, với những câu chuyện rẻ tiền của những tráng sĩ mờ nhạt, những trận đấu kiếm vô nghĩa lý, những "nữ hiệp", những "quái kiệt", những phi thân, những bửu bối, tung ra không đúng chỗ, những loạn trong cung mà dân chúng không muốn nghe...

Văn học tư sản khi đã mắc bệnh sơ lược thì càng xuống giá "ba xu", với những chuyện tình tiền, chuyện mọc sừng quanh quẩn, chuyện trinh thám nhạt thếch, chuyện tâm lý chán như một cái ngáp dài, chuyện khiêu dâm hạng bét,... Ở Việt Nam ta, những thơ văn sơ lược trước Cách mạng tháng Tám vẫn là số nhiều. Biết bao nhiêu bài thơ anh anh em em đã làm chán tai độc giả ! Có những người đã viết những truyện thơ mộng về nông thôn, ca tụng đời sống hiền hoà của nông dân giữa đồng lúa xanh rờn dưới trời xanh quang đãng. Bệnh sơ lược phải đâu ở trong bản chất của nền văn học mới chúng ta nay !"

Xuân Diệu là một ngòi bút chiến đấu, không ngừng chiến đấu, chiến đấu rất tích cực cả về chính trị và văn chương, cả về tiểu luận phê bình

http://tieulun.hopto.org

và thơ ca. Bút lực của anh thật là mạnh mẽ, phong phú, uyển chuyển dù không phải lúc nào cũng chân xác. Nhưng các bạn đọc quý anh, trọng anh, một nhà thơ có tài năng đi từ thế giới cũ đến thế giới mới, đi từ sáng tạo này đến sự sáng tạo khác, tinh thông văn học trong nước và văn học thế giới, một người có công với nền văn học mới, một người đáng bậc thầy cho các thế hệ nhà thơ trẻ.

Xuân Diệu mê say cái mới của cách mạng, cái mới xã hội chủ nghĩa. Không những trong cuộc sống mà cả trong văn học. Anh biết, trong chế độ mới, xã hội mới, cái mới dù đang là mầm xanh non, nhưng cái mầm xanh non sẽ trở thành những cây lực lưỡng. Không những anh nghĩ như thế mà anh đấu tranh cho nó trở thành như thế. Anh chống lại những gì cản trở nó trưởng thành, ngăn chặn nó phát triển. Đôi khi anh luyến tiếc cái cũ, nhưng anh thích nhất vẫn là cái mới, cái cũ sẽ héo hắt đi, nhưng cái mới sẽ sinh sôi nảy nở.

Anh nói về Baudelaire, một nhà thơ thần tượng của anh xưa kia và bây giờ anh vẫn mến phục. Nhưng anh hiểu qua bài thơ *Du lịch*, Baudelaire nói tâm trạng những kẻ đi để mà đi, thế giới dù nơi nào thì cũng là "*một khóm dừa ghê rợn trong một xa mạc chán chường*". Câu kết thúc của bài thơ *Du lịch* :

Hỡi Thần chết, bác lái già, đến giờ rồi !
Hãy nhổ neo.
Xứ sở này làm ta chán, hỡi Thần chết !
Sắp buồm chèo !
... Lặn xuống đáy vực sâu, địa ngục hay
thiên đường sắp tới ?
Xuống dưới đáy Vô tri – để đi tìm cái mới !

Baudelaire đi tìm cái mới để đi tìm đến sự bế tắc dù ông cũng chống chọi và đập phá. Xuân Diệu đi tìm cái mới để đi đến lý tưởng của cách mạng, lý tưởng của nhân dân, tìm đến nội dung mới, nghệ thuật mới. Vì anh cho rằng "cái mới trước tiên ở trong thực tại khách quan của cách mạng". Anh nói đến vai trò của thiên tài nhưng anh cũng lại nói "trước tiên là đi nghiên cứu sức sáng tạo của quần chúng".

Anh là người dịch rất nhiều thơ văn của các nhà thơ lớn ở nước ngoài, nhưng cũng là người đi sưu tầm thơ ca quần chúng Việt Nam từ

http://tieulun.hopto.org

những câu ca dao xưa đến thơ ca quần chúng hiện tại. Anh lấy cái mới trong văn học hiện đại, văn học cách mạng để bù đắp thêm cái vốn hiểu biết sâu sắc về văn học Việt Nam và văn học thế giới. Anh thích cái mới nhưng không nhầm nó với cái "lạ", vì lạ không có nghĩa là mới– cái mới trong văn học thì ai chẳng muốn có. Nhưng cái mới nào ? Anh muốn nói đến cái mới cách mạng mà chống lại chủ nghĩa tân thời (modernisme). Còn cái "lạ" ? Anh cho rằng cái lạ đi xa văn học. Mặc dù tôi không hoàn toàn đồng ý với anh, nhưng nếu như một nhà thơ chỉ chạy theo cái lạ, thì rồi nhà thơ ấy sẽ đi đến đâu, thơ sẽ đi đến đâu ? Đi đến sự bế tắc.

Trên kia tôi đã nói, Xuân Diệu biểu dương cái mới, cái mới nảy sinh trong cuộc đấu tranh của dân tộc, của nhân dân lao động, của đất nước mà nhà thơ mến yêu vô hạn. Chúng ta hãy lấy một số câu thơ của anh mà đối chiếu, so sánh :

Em sợ lắm. Giá băng tràn mọi nẻo.
Trời đầy trăng lạnh lẽo suốt xương da

Đó là câu thơ viết năm 1939. Và đây là câu thơ sau này :

Hãy nhìn đời bằng đôi mắt xanh non.

Trước kia anh viết :

Hoa nở để mà tàn
Trăng tròn để mà khuyết
Bèo hợp để chia tan
Người gần để ly biệt

Thì giờ đây anh viết :

Ngói mới ! Ôi muôn ngàn sức lực
Trải ra thành rộng, dựng thành cao.

Anh đã từng nhắc lại cái tâm trạng bi luỵ xưa kia :

Thuở đau ấy, sao dễ dàng tê tái
Một bóng trăng đi, một luồng gió tới
Rụng lá trên cây, nhạt nắng trong chiều
Khóc còi tàu đem khuất mắt người yêu,

http://tieulun.hopto.org

Khóc với nhạc sầu biệt người chín suối,
Tìm can đảm trong vô cùng yếu đuối,
Vẫy mùi soa đưa tiễn cả thời gian,
Gắng ươm hoa trên những đống tro tàn.

Thì sau này đi với cách mạng, anh sẽ nói :

Ôi Tổ quốc thân yêu nghìn lần ca ngợi
Nay càng thêm tha thiết với tim ta
Mỗi thôn xóm, mỗi cánh đồng vàng rợi
Mỗi cây rơm đứng nghĩ ngợi bên nhà
Mỗi hè phố chao ôi chân bước nện
Như có gì náo nức lắm bên trong

Trong bài thơ *Lệ*, viết năm 1957, nhà thơ đã nhắc lại nỗi vô vọng cũ :

Trái đất ba phần tư nước mắt
Đi như giọt lệ giữa không trung...

để mà sau đó, nói đến cái ấm áp của một loại nước mắt mới ; cái giọt lệ cảm thông chan hoà với quần chúng :

Xưa lệ sa, ta oán hận đất trời
Nay lệ hoà, ta lại thấy đời vui

Anh cảm thấy tràn ngập niềm vui trong cuộc sống mới :

Hồn tôi cánh rộng mở
Hai bên gió thổi vào
Nghĩ những điều hớn hở
Như trời cao cao cao

Xuân Diệu chắt chiu và hăm hở với những cái mới trong cuộc sống, trong từng con người, dù cái mới này hãy còn xanh non. Anh chống lại những kẻ nào muốn phá nó. Anh viết về những trái sấu mới nhú trên cây :

Trái non như thách thức
Trăm thứ giặc thứ sâu
Thách kẻ thù sự sống
Phá đời không dễ đâu

http://tieulun.hopto.org

Đó là một cách nói bóng bẩy. Còn đối với kẻ thù cụ thể đến xâm lược đất nước mình, thì anh quất những ngọn roi trực tiếp, anh bắn những viên đạn thơ ca rất chính xác để tiêu diệt chúng.

Trong bài *Những đêm hành quân* :

Tôi cùng xương thịt với nhân dân của tôi
Cùng đổ mồ hôi, cùng sôi giọt máu
Tôi sống với cuộc đời chiến đấu
Của triệu người yêu dấu gian lao.

Xuân Diệu đã có một bước chuyển biến dài, một sự đổi mới trong tâm hồn và cả trong thơ, cùng với sự đổi mới của nhân dân, của đất nước và cả của nhân loại.

Xuân Diệu là một nhà văn nêu tấm gương cần mẫn sáng tác, say mê lao động nghệ thuật và không mệt mỏi suy nghĩ và sáng tạo. Khối lượng tác phẩm văn học kể từ khi anh là một nhà thơ, nhà văn hiện thực xã hội chủ nghĩa thật là lớn. Cố nhiên sáng tác của anh không phải lúc nào cũng đều tay, có lẫn cả ưu và nhược điểm, nhưng khi đã chọn đúng đường, chọn con đường cách mạng, đấu tranh cho dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tài năng của nhà thơ đã được nhân lên, sức sáng tạo của nhà thơ đã được phát triển toàn diện. Anh cắm rễ sâu trong mảnh đất phì nhiêu của nền văn học dân tộc mình với bao nhiêu tiểu luận, phê bình có giá trị, đồng thời anh đã tiếp nhận một cách sinh động những tinh hoa của nhân loại với những công trình dịch thuật và giới thiệu thơ văn thế giới đặc sắc.

Từ một người sống trong chế độ thuộc địa và nửa phong kiến anh đến với cách mạng, với chủ nghĩa xã hội.

Từ chủ nghĩa cá nhân tiểu tư sản anh đến với chủ nghĩa tập thể của giai cấp công nhân.

Từ chủ nghĩa lãng mạn, không ít phần tiêu cực trước kia, ("Là thi sĩ nghĩa là ru với gió - Mơ theo trăng và vơ vẩn cùng mây"), anh đến với chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa lấy thế giới quan cách mạng làm lý tưởng, lấy cuộc sống thực của nhân dân lao động làm nguồn cảm hứng và nghệ thuật giản dị, chân thực, phong phú, sâu sắc là những giá trị thẩm mỹ trong sáng tác của mình.

http://tieulun.hopto.org

Từ dân tộc, anh mở rộng tầm nhìn ra nhân loại, hay cũng có thể nói, từ nhân loại, anh nhìn lại dân tộc mình một cách đúng đắn hơn, sâu sắc hơn, phong phú hơn.

Cuộc phấn đấu của Xuân Diệu vẫn tiếp tục trên con đường lớn của anh ; không chệch cái mục tiêu đẹp đẽ mà anh nhằm tới suốt đời mình. Tôi nghĩ rằng, tốt hơn hết, là chúng ta lại nghe Xuân Diệu, ở tuổi ngoài 60, trên tạp chí *Orion* số 12 năm 1980 (Nhà xuất bản *Corvina, Budapest*) nói một cách tổng hợp về đời làm thơ và quan niệm về thơ của anh :

"... Tôi muốn nói rằng tôi là cũ và tôi là hiện đại, và cả hai phương pháp sáng tác, hai "hồn thơ", hai "bút pháp sáng tác" hai giai đoạn lịch sử của nước tôi hoà lẫn trong tôi.

- Tôi đã biết trong thời trẻ của tôi cái thú của sự buồn rầu, đã thưởng thức những êm dịu của niềm cô đơn vắng vẻ ; tôi đã có trong các bài thơ về trước của tôi những vọt tràn lãng mạn và những hơi tiếng của chủ nghĩa tượng trưng ; tôi không chút nào từ bỏ các sáng tác về trước của mình ; nhưng tôi nói như Paul Eluard "từ chân trời của một người đến chân trời của mọi người" ; tôi tìm thấy một hạnh phúc giàu có hơn, trọn vẹn hơn, sáng tạo hơn trong khi ở với cha tôi là Nhân dân và mẹ tôi là Tổ quốc, với lại, khi người ta là thi sĩ trong nước Việt Nam đã tranh đấu quyết liệt để có thể "tồn tại" chứ không phải "không tồn tại", và đang còn đấu tranh gay gắt để có thể "còn", trong cái xứ sở mà thiên nhiên còn chế ngự với bão táp của nó, hạn hán và lụt lội của nó ; trong cái đất nước mới được giải phóng trong toàn bộ của mình, nhưng các hậu quả của chiến tranh còn nặng nề đến thế, thì làm thế nào, thế nào mà một thi sĩ lại có thể không là chiến sĩ ? Nhận là một thích thú, nhưng cho là một niềm vui còn to lớn hơn ; và người thi sĩ dâng hiến tài năng của mình cho hàng triệu các bà mẹ của chúng tôi, họ là Tổ quốc. Chính Khổng Tử cũng từng nói : "Vui nhạc một mình, và với nhiều người cùng vui nhạc, cái hưởng thụ nào là vui hơn ?". Bởi vậy cho nên tôi rất sung sướng viết cho nhân dân của tôi, và tôi lại còn làm một anh hát xẩm, tôi đến giữa quần chúng, và làm những cuộc bình thơ, trong đó dĩ nhiên tôi cũng đọc thơ tôi. Vâng, tôi học ở trường của Nazim Hikmet và của Pablo Neruda, của Petofi và của Vápdarốp, tôi là một con người hành động và mơ mộng, bằng thơ...".

http://tieulun.hopto.org

... "Tôi có cái mà người ta gọi là một "tâm hồn", cái gì đó nó là hương toát ra tinh vi nhất, huyền bí nhất của tâm trí, cái tiềm thức nó là hầm nhà của trí tuệ ta, cái "tâm hồn" kia nó là của tôi và cũng là của mọi sinh vật và đồ vật, nó làm nên sức quyến rũ, và niềm thơ lớn lao của cuộc sống ; tôi sẵn sàng dò la mọi điều huyền bí, tôi không xa lạ với các cuộc ngao du trí tuệ, chúng khả dĩ làm phong phú nội tâm của mình ; tôi muốn sáp nhập vào thơ cái xử sở thần tiên mà âm nhạc mở ra cho chúng ta, không chỉ tạo ra những câu thơ du dương, vang động, đầy tính nhạc, mà còn cấu tạo nên những "chất xạ mê ly" đầy ảo thuật huyền bí, nhờ có phép luyện kim đơn của ngôn ngữ... Tôi có một quan niệm mở bung đối với thơ ; trong tình yêu, người ta không bao giờ cho là yêu đương đã đủ ; trong thơ, người ta là một thi sĩ và người ta là tất cả thơ ; người ta là Nhà thơ".

Chúng ta nở một nụ cười rất bầu bạn và thông cảm khi thấy nhà thơ, mặc dầu tuổi đã nhiều, vẫn viết cho "nàng thơ" của anh, ai đó :

Hãy còn ấm ức ở trong anh
Một cái tin hồng, một nỗi xanh
Muốn lại bắt đầu như tuổi trẻ
Niềm tâm sự lá kể cùng oanh...

Và trong tập thơ thứ 15 ra đời năm 1982, *Thanh ca*, tên một loại xoài ở các tỉnh phía Nam, và cũng có nghĩa là tiếng ca thanh tú, tôi thấy phương pháp tạo hình tượng của anh vẫn đầy sức trẻ :

Trái tim tôi : một cái túi tràn trề
Hột lúa, hột mè[1], *hột bông, hột cải*
Tim tôi chứa, mà hồn tôi thì vãi
Gió đưa hột cải ở lại trong vườn ;

Sang xuân, hoa cải nở lại vàng tươi
Gió thổi chập chờn bướm mơn không khí
Ôi ! Cái đất miền Nam, đất mầm, đất nhuỵ
Tôi thích làm cây cải bến sông Ba.

---

(1) Mè (tiếng miền Nam) : vừng.

http://tieulun.hopto.org

Sông Ba là một con sông ở miền Nam Trung Bộ ; đến đây tôi thấy cần nói rằng : trong máu của Xuân Diệu có miền Nam, trong cấu trúc của tâm hồn anh, có yếu tố miền Nam miền đất mới hơn, sôi nổi bồng bột hơn phần đất cũ ở phía Bắc ; anh là con của một nhà nho xứ Nghệ Tĩnh và một cô thợ làm nước mắm ở Bình Định.

Trong tập *Thanh ca*, có thơ viết cho trẻ con :

Một bé ra đời trong triệu bé
Chuyện này không lạ đã muôn năm
Nhưng xao xác mãi, luôn luôn mới
Là mối duyên xe lòng với lòng.

Xúc cảm của anh tỏ ra không mòn, và kết hợp khăng khít với tình cảm, khi ăn một "*Trái cam xanh vỏ*" :

Ôi ! Ruột vàng đã ngọt
Nhưng vỏ chưa vội vàng
Hăng trẻ sực vào mũi
Như một làn sóng hương...

... Tôi ước một bàn tay
Giữa vạn trùng yêu nhớ
Bóc cho tôi bâng khuâng
Một trái cam xanh vỏ...

Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888), một nhà thơ mù của nước ta, (cũng như Mintơn là nhà thơ mù của nước Anh) đã từng viết để nói với học trò của mình :

Sau trời Thúc Quý tan mây
Sông trong biển lặng, mắt thầy sáng ra.

Cũng như ông đã tự nói với mình :

Sự đời thà khuất đôi tròng thịt
Lòng đạo xin tròn một tấm gương

Hai con mắt của nhà thơ vĩ đại ấy đã sáng lại rồi. Ba mươi năm nay của cách mạng Việt Nam là tấm gương sáng treo giữa nhân hoàn. Đó là bài học thuỷ chung với cách mạng, trung thành với cách mạng.

http://tieulun.hopto.org

Một nhà thơ cộng sản Pháp Louis Aragon lại cũng đã viết về Đảng của mình :

Đảng đã cho tôi sáng mắt sáng lòng

(Mon parti m'a rendu les yeux et la mémoire)

Mắt Xuân Diệu đã sáng, sáng thật sự, không phải chỉ sáng từ đôi mắt, mà sáng từ tấm lòng.

Trước khi được đọc bài *Các bậc thầy văn hoá, các người đứng về phía ai ?* của M. Gorki, anh đã tự chọn lấy con đường của mình, đứng về dân tộc, đứng về giai cấp công nhân, về nhân dân lao động. Và chính vì thế anh đã trở thành một trong những khuôn mặt văn hoá lớn của Việt Nam hiện nay.

NHỮNG TRANG THƠ, TRANG ĐỜI, TRANG NGHỆ THUẬT

Trên kia tôi đã nói Xuân Diệu từ nhà thơ lãng mạn chủ nghĩa đến nhà thơ hiện thực xã hội chủ nghĩa, nhưng thực ra khó mà nói một cách rành rọt như vậy, vì trong thơ lãng mạn của Xuân Diệu cũng có những yếu tố hiện thực, hay trong thơ hiện thực của anh, lẽ nào không có chất lãng mạn. Ai chẳng biết Victor Hugo là người sáng lập ra chủ nghĩa lãng mạn, thế mà sau này Louis Aragon lại gọi ông là nhà thơ hiện thực (Victor Hugo, poète réaliste). Ấy cái khó khăn cho người nghiên cứu văn học là tìm hiểu xem một nhà thơ lãng mạn ở đâu và hiện thực ở đâu ? Trong phần này tôi sẽ không trở lại vấn đề đó nữa, mà muốn nói một số vấn đề khác, những trang thơ, trang đời, trang nghệ thuật trong thơ Xuân Diệu.

Hoài Thanh có lý khi anh viết :

"Bởi Xuân Diệu đã gửi trong thơ của người lẫn với một chút hương xưa của đất nước, bao nhiêu nỗi niềm riêng của thanh niên bấy giờ – Xuân Diệu mới nhất trong những nhà thơ mới – nên những người lòng còn trẻ mới thích đọc Xuân Diệu, mà đã thích thì phải mê..." (*Thi nhân Việt Nam*).

Cái náo nức, cái xôn xao, cái đắm say trong thơ Xuân Diệu là cái náo nức, xôn xao, đắm say trong cuộc đời, nhất là cuộc đời tuổi trẻ.

http://tieulun.hopto.org

Tuy có lúc Xuân Diệu viết :

Xin đừng cười ! Đời có nghĩa chi đâu ?

Rồi anh lại nói :

Nhưng nghĩ lại sống vẫn là hơn chết
Gần hơn xa, yêu mến ngọt ngào thay

Ngay cả trong bài thơ *Hư vô* tưởng như tác giả sẽ đi vào siêu hình, thì chúng ta lại bắt gặp một câu thơ rất trần thế :

Kẻ đựng trái tim trìu máu đất
Hai tay chín móng bám vào đời

"Đời" là nỗi niềm của nhà thơ ấy, dầu nhà thơ thời trẻ chưa giải thích nổi hay giải thích còn đơn sơ, nhưng muốn "bám vào đời" là lẽ sống của nhà thơ vốn tha thiết sống :

Tiếc nhau chi, mai mốt đã xa rồi
Xa là chết, hãy tặng tình lúc sống
Chớ chia rẽ- dễ gì ta gặp mộng -
Những dòng đời muôn kiếp đã chia trôi

Cuối bài *Giới thiệu*, nhà thơ đã phải viết :

Nỗi đời cay cực đang giơ vuốt
Cơm áo không đùa với khách thơ.
Nhưng thoát sao ra lối hổ hùm
Nuốt đời bao kẻ hái văn thơm

Muốn nói gì thì nói, dù cuộc đời vô nghĩa hay hư vô, ở dặm khách hay trong lòng, cuối cùng nhà thơ phải nhận thấy "cuộc đời cay cực", "cuộc đời cơm áo" và làm sao cho thoát ra khỏi "lối hổ hùm".

Đến đây nhà thơ lãng mạn đã bước đầu trở thành một nhà thơ hiện thực rồi, và trong cuộc sống hiện thực anh lại vẫn nghĩ lãng mạn về *Đời* trong bài thơ *Trở về* :

Việt Nam sau một thời lao khổ
Bây giờ cười như hoa nở...
Hội loài người vui vẻ lắm ngày mai
Tôi sẽ xin Đời – về một sớm mai

http://tieulun.hopto.org

Sau này khi đi cải cách ruộng đất, Xuân Diệu chợt nhớ đến chữ *Đời*, một tiếng thơ đã ám ảnh anh bao nhiêu năm tháng. Anh xúc động ghi lại hình ảnh một *Bà cụ mù loà* :

Một đời của mẹ héo hon
Có hai con mắt chết mòn cả hai
Quanh năm chỉ một đêm dài
Sáng trời không thấy mặt người thân yêu

Sự thực, đời anh, cuộc đời mới dầu chưa toàn vẹn nhưng đã là *Một khối hồng*, dầu còn có sự đấu tranh giữa *Riêng chung* nhưng đã cất cao cho anh *Hồn tôi đôi cánh* và cuộc đời dù còn khó khăn gian khổ, đã là một cuộc đời vui. Anh tự dặn mình :

Hãy nhìn đời bằng đôi mắt xanh non

Không có đôi mắt ấy thì làm sao nhìn thấu cuộc đời. Ngày xưa người ta nói "Các nhà thơ hãy nhìn bằng đôi mắt Kim Cương" (*Thương lang thi thoại*, đời Tống). Kim Cương là vị bảo vệ Phật pháp rất cảnh giác nghiêm khắc nhưng cũng rất công bằng. Còn ta thì có lúc nói "Phải có con mắt của Trung ương". Đôi mắt xanh non mà Xuân Diệu nói đây không chỉ là đôi mắt trẻ con, đó là đôi mắt trong sáng xanh tươi : *Tôi giàu đôi mắt*.

Chao ôi ! Giữa cuộc đời và con người biết bao nhiêu vấn đề : lạc quan có, bi quan có, vui buồn có, căm giận có, tỉnh táo có, điên loạn có. Thơ xưa và thơ nay của Xuân Diệu tuy có khác nhau, khác nhau rất xa nhưng cùng chung một nỗi lòng : hãy bám lấy cuộc đời. Những bài thơ sau Cách mạng, chẳng cần phải dẫn ra nhiều, bạn đọc sẽ tự thấy vì toàn bộ những trang thơ đó là trang đời hay nói đúng hơn là những trang đời đã đổi. Và Xuân Diệu đã cố gắng nhìn đời bằng đôi mắt của Đảng, thế giới quan cách mạng, mặc dù trong bài này bài khác còn có những sự hạn chế nhất định.

Tuổi trẻ, tình yêu, thời gian là một đề tài có sức hấp dẫn lớn trong thơ Xuân Diệu. Anh luôn luôn tự thấy mình là trẻ kể cả khi tuổi đã nhiều rồi. Cái náo nức cái dạt dào trong thơ anh chính là biểu trưng cho cái chất trẻ đó. Khi còn trẻ anh viết :

http://tieulun.hopto.org

Tôi đã yêu từ khi chưa có tuổi

nhưng khi có tuổi rồi thì lại :

Đã hôn rồi hôn lại
Cho đến mãi muôn đời
Đến tan cả đất trời
Anh mới thôi dào dạt

(*Biển*)

Thực ra thì trước Cách mạng, Xuân Diệu là một nhà thơ của tuổi trẻ, ca ngợi tuổi trẻ, đưa lại cho lớp trẻ một rạo rực mới, không gò bó :

Và lòng ta như ngựa trẻ không cương
Con ngựa trẻ ngất ngây đường diệu viễn

để rồi nói :

Chỉ là gió nhưng lòng tôi thả bướm...
Chỉ là trăng nhưng tôi thấy thần tiên
Như tuyệt diệu : bởi hồn tôi xanh quá

Chính bởi cái "hồn xanh quá", hồn của tuổi trẻ, mà anh khát khao tình yêu, những câu thơ tình yêu đã say mê tuổi trẻ "khi ấy lòng xanh mới đoản tình". Hồn xanh hay lòng xanh thì cũng thế. Nghĩa là rất trẻ đã yêu rồi. Tôi sẽ không trích lại đây những câu thơ tình đắm say đó, vì trong "Tuyển tập thơ" đã có khá nhiều. Thơ tình của Xuân Diệu xưa kia là một sự day dứt mặc dầu câu trả lời cũng đơn giản :

Làm sao sống được mà không yêu ?

và rồi anh lại trả lời hộ cho nhà thơ :

Sao lại trách nhà thơ tình lơi lả

Giá như thơ tình của Xuân Diệu chỉ dừng lại ở chỗ này, hiền lành và êm dịu :

Trong vườn đêm ấy nhiều trăng quá
Ánh sáng tuôn đầy các lối đi
Tôi với người yêu qua nhẹ nhẹ
Im lìm không dám nói năng chi

Hay :

Anh chỉ có một tình yêu thứ nhất
Anh cho em nên anh đã mất rồi

http://tieulun.hopto.org

Nhưng đến bài *Xa cách* thì tình yêu đã bao gồm nhục dục. Không sao ! Tôi còn nhớ khi tôi đến Cộng hoà Dân chủ Đức, một nhà thơ rất nổi tiếng, Pôn Vinxơ, đã hỏi tôi : Ở nước các anh có những bài thơ tình yêu nhục dục hay không ? Và tôi đã trả lời qua loa cho xong chuyện. Tôi nói : ngay từ cuối thế kỷ mười tám, chúng tôi đã có một nhà thơ nữ đã làm những bài thơ như thế. Đó là trường hợp thơ Hồ Xuân Hương. Nhưng hãy nghe những câu thơ của Xuân Diệu :

Hãy sát đôi đầu, hãy kề đôi ngực !
Hãy trộn nhau đôi mái tóc ngắn dài
Những cánh tay ! Hãy quấn riết đôi vai !
Hãy dâng cả tình yêu lên sóng mắt !
Hãy khắng khít những cặp môi gắn chặt
Cho anh nghe đôi hàm ngọc của răng ;
Trong say sưa anh sẽ bảo em rằng :
"Gần thêm nữa, thế vẫn còn xa lắm !"

Thật ra tính chất của bài *Xa cách* là lý tưởng của tình yêu : "Làm thế nào đôi ta hoàn toàn là một", và đây là một đòi hỏi của tình cảm, của tinh thần, đây là cao độ nhất của yêu thương, và đòi hỏi hoà nhau làm một cũng là đòi hỏi cái vô tận, cái vĩnh cửu.

Những bài thơ tình của Xuân Diệu viết sau Cách mạng và gần đây có biết bao âu yếm, và cái đằm thắm này bao gồm cả cảnh vật, ta hãy thưởng thức những từ sóng sánh, sóng đôi :

Đường tình đã nở hoa xoan
Hiu hiu gió gợn, hân hoan lá chờ
Trên cao ngan ngát hương đưa
Em ơi tìm tím mơ mờ chùm hoa

Anh chú ý đến giọng nói của người yêu ngồi sau xe, một hiện tượng rất Việt Nam :

Sau xe những tiếng em phơ phất
Cởi hết ưu phiền gửi gió mây
Ước được ngàn năm nghe giọng ấy
Đèo em đi mãi cuối không gian
Và khi không nói em im lặng
Anh vẫn nghe hay tựa tiếng đàn

http://tieulun.hopto.org

Từ trong hàng năm trăm bài thơ tình của Xuân Diệu, tôi muốn chép ra đây một bài thơ rất trung thực và trong đó có cái kỳ diệu, có sự thần tiên của tình yêu :

Đêm trăng đường Láng
Em là một ngôi sao mới băng
Xuống đây đi với anh đêm trăng

Hai con mắt dễ thương, dễ ghét
Đôi mắt : nguồn mặn nồng tha thiết

Em đưa anh vào trong bóng trăng
Anh đưa em cành liễu thung thăng

Đường Láng thơm bạc hà, cánh giới
Ôi trăng soi trên lá xà cừ...

Anh với em bên bờ đêm biếc
Những xóm mờ mến thương quen biết

Trăng như sương trên ruộng lúa xanh
Gió như chim xao động trong cành...

Khi nói đến tuổi trẻ với thời gian, tôi xin nhắc với bạn đọc bài *Thời gian* (trong tập *Thơ thơ*) với hình tượng nước và thuyền :

Dưới thuyền nước trôi
Trên nước thuyền chuồi
Và nước và thuyền
Xuôi dòng đi xuôi

Bài thơ làm người ta phảng phất nhớ đến bài thơ *Dưới cầu Mirabeau* của Apollinaire mặc dù nội dung hơi khác.

Trong thơ Xuân Diệu trước Cách mạng, tuy anh còn rất trẻ nhưng đã sớm tính đến tuổi già, với những chữ "Vội vàng", "Giục giã", "Ngắn ngủi" trong thơ anh. Anh yêu đời :

Ta muốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn

http://tieulun.hopto.org

Nhưng rồi anh lại lo, cả một tuổi trẻ đó sẽ không được hưởng mãi, và sẽ qua đi :

Mau với chứ, vội vàng lên với chứ
Em, em ơi, tình non đã già rồi
Con chim hồng, trái tim nhỏ của tôi
Mau với chứ ! Thời gian không đứng đợi

Đây là một bài thơ về tình yêu nhưng thực ra cũng là một bài thơ về tuổi trẻ. Cũng như khi anh nói :

Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối
Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm

thì chúng ta cũng không thể chỉ hiểu một cách giản đơn là sự hưởng thụ mặc dù có chữ chợt tối, nhưng nỗi đau của chúng ta là "buồn le lói suốt trăm năm".

Vội vàng, ngắn ngủi và giục giã là tâm tư của một thế hệ trẻ lúc bấy giờ, gồm những lớp trẻ lúc đó đã giác ngộ hoặc chưa giác ngộ cách mạng. Nhưng khi Xuân Diệu nói :

Sao ngắn ngủi là những giờ họp mặt
Sao vội vàng là những phút trao yêu
Vừa nắng mai sao đã đến sương chiều

Cái khao khát của tuổi trẻ trong thơ Xuân Diệu thì rất thú vị nhưng cái tiêu cực cũng lại nằm trong đó vì xã hội lúc bấy giờ không giải quyết nổi và ngay chính nhà thơ cũng không giải quyết nổi bằng thơ.

Cách mạng là một đề tài lớn của Xuân Diệu. Phải hiểu cách mạng bao gồm chủ đề yêu nước, kháng chiến, đấu tranh, thống nhất nước nhà, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Không biết bao nhiêu tập thơ của anh cũng như của các nhà thơ khác đều tập trung xung quanh đề tài này và thành công lớn nhất của văn học nước ta cũng là ở đó.

Xuân Diệu mở đầu cuộc đời cách mạng của mình bằng hai tác phẩm lớn *Ngọn quốc kỳ* và *Hội nghị non sông*. Tuy những tác phẩm này còn thiếu chất liệu của cuộc sống nhưng hơi thở cách mạng đã phả vào đây mạnh mẽ và là một bước chuyển đặc biệt của nhà thơ.

http://tieulun.hopto.org

Tập *Ngọn quốc kỳ* vừa có hơi anh hùng ca vừa có tính châm biếm sâu sắc, là một thành công ban đầu của nhà thơ Xuân Diệu cách mạng. Đây là một đoạn miêu tả quân du kích :

Dân quân ăn mặc đủ màu quê
Nâu lẫn, chàm pha, đen trắng kể
Đủ cỡ áo quần, may đủ kiểu.
Tấm bào tơi lá trải sơn khê !
Thèm : ăn măng trúc, đói : cơm khô
Khát : suối bên đèo tuôn nước lã
Cheo leo xác mệt, tối nghiêng nằm
Thân lót bằng rơm, đầu gối rạ.
Đâu có màn che, đâu trướng rủ ?
Chỉ có hồn thiêng ru giấc ngủ
Thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu quân nhu
Nhưng dạ anh hùng thì thật đủ !

Tôi tưởng như đọc *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu. Nhưng đây không phải là văn tế mà là văn mừng. Lời văn hào hùng đó chính là để khẳng định lá cờ thiêng liêng của Tổ quốc do những dòng máu anh hùng để lại, và chống các thứ cờ "ba que" xỏ lá của bọn bán nước, bán mình cho Tàu Tưởng và Mỹ Tưởng.

Xuân Diệu đả kích chúng :

Có xông pha tranh đấu mới nêu cờ

và :

Phải đâu là vì gấc đỏ vì son.
Mà quẩn quanh trên mảnh giấy con con
Ông hoạ sĩ vẽ ra cờ xanh đỏ.

Còn cờ của chúng ta thì sao ?

Đây quân du kích dao chen ánh,
Giữ lá cờ sao vàng lấp lánh.
Cờ như mắt mở thức thâu canh,
Như lửa đốt hoài trên chót đỉnh.

http://tieulun.hopto.org

Cờ như nắng mãi ấm luôn luôn,
Sưởi khắp lòng ai nghe vắng lạnh.
Sớm không canh giữ lấy hồn thiêng,
Bay mãi trên trời, treo sứ mệnh !

Bài thơ trường thiên này là duyên đầu của Xuân Diệu với cách mạng. Từ một nhà thơ lãng mạn, viết được những vần thơ có tính cách sử thi như vậy, ta phải nói đến sự cố gắng rất lớn của nhà thơ :

Gió reo, gió reo, gió Việt Nam reo

và :

Nếp cờ bay chen vỗ sóng bài ca...

Tôi đã viết khá dài về *Ngọn quốc kỳ* để không viết thêm về *Hội nghị non sông* nữa, tôi trích bốn câu trong đoạn nói về cuộc Nam tiến của dân tộc ta, từ hồi đó (1946), Xuân Diệu đã có ý thức về thống nhất đất nước :

Đường đi ngăn trở, ở đôi bên ;
Mạch máu quê hương vẫn chảy liền.
Hạt giống lìa cây ăn đất mới,
Lá xanh thương cội lúc nào quên.

Về sau này, Xuân Diệu vẫn theo mạch thơ ấy, yêu nước, chống xâm lược và thống nhất Tổ quốc. Tôi sẽ không điểm lại từng tập thơ, bài thơ của anh. Tôi chỉ nhắc lại ở đây một vài đoạn trong hai bài thơ :

Đã mấy khi tôi thức với non sông
Trọn những đêm ròng, mắt chong chân bước,
Đêm hành quân thả tâm hồn đi trước.
Yêu với căm, hai đợt sóng ào ào
Vỗ bên lòng, dội mãi tới trăng sao.

Giữa đêm tối, gần xa là biển mực,
Chính là lúc trái tim càng sáng rực ;
Khi mắt không nhìn được bốn thước xa,
Chính là khi nghe cả núi sông nhà...
Tôi như đứa trẻ con đôi mắt khép
Sờ mặt mẹ trên ngón tay tha thiết ;

http://tieulun.hopto.org

Tôi hiểu đêm hôm nay thôn xóm nghĩ gì,
Đằng chân trời ấp ủ những điều chi...

(*Những đêm hành quân*)

Và đây là những cảnh đổi mới ở một làng xã hội chủ nghĩa :

Những dòng máng đào thêm đang chảy,
Đi ta đi trong xã Ngô Quyền
Xem thuyền chở, chèo đưa, nước đẩy
Đỡ cho người gánh nặng vai khiêng.

Một vườn màu táo ngon Thiện Phiến
Cây không cao, cành trĩu xuống gần :
Ông lão hái, bị đầy quả chín,
Đuổi chào mào kẻo nó tham ăn.

Một bờ ao trong làng Thư Thị
Khoai môn từ ngấn nước trèo lên...
Và cái bến Triều Dương hoan hỉ
Xe xuống phà rộn rịp đôi bên.

(*Một mảnh đất*)

Xuân Diệu viết nhiều. Anh tha thiết với cuộc sống mới. Anh yêu đất nước, yêu cách mạng, yêu Đảng. Anh muốn mỗi trang thơ là một trang đời, nhưng những trang đời trong trang thơ lại đòi hỏi gắt gao. Có khi anh đáp được, có khi anh chưa đáp được.

Trên kia tôi đã nói Xuân Diệu là nhà thơ của tình yêu và tuổi trẻ. Tôi muốn nói thêm Xuân Diệu là nhà thơ cảm xúc nhạy bén. Cảm xúc nhạy bén không những là về thời sự tình yêu mà còn là thời sự chính trị, không những về thiên nhiên mà còn về Tổ quốc, không những về đất nước của mình mà còn về quốc tế.

Năm 1962 anh viết bài *Biển* :

Anh không xứng là biển xanh
Nhưng anh muốn em là bờ cát trắng
Bờ cát dài phẳng lặng
Soi ánh nắng pha lê...

http://tieulun.hopto.org

Bờ đẹp đẽ cát vàng
Thoai thoải hàng thông đứng
Như lặng lẽ mơ màng
Suốt ngàn năm bên sóng...
Anh xin làm sóng biếc
Hôn mãi cát vàng em
Hôn thật khẽ, thật êm
Hôn êm đềm mãi mãi
Đã hôn rồi, hôn lại
Cho đến mãi muôn đời
Đến tan cả đất trời
Anh mới thôi dào dạt...
Cũng có khi ào ạt
Như nghiến nát bờ em
Là lúc triều yêu mến
Ngập bến của ngày đêm...

Mượn hình tượng biển và bờ để nói một cái gì rộng lớn, lớn như tình yêu mà lớn hơn cả tình yêu.

Biển đối với những nhà thơ khi trước là một nỗi cô đơn, mênh mông, một nỗi sầu thăm thẳm, nếu có nói đến cái đẹp của biển thì cũng là một cái đẹp của cái buồn vô tận. Huy Cận cũng đã từng nói :

Vạn thuở chờ mong một cánh buồm

Xuân Diệu cũng đã từng viết trong *Lệ* :

Trái đất : ba phần tư nước mắt
Đi như giọt lệ giữa không trung

Nhưng đến năm 1962 khi anh viết *Biển*, thì là sự thay đổi lớn về tư tưởng, biển và bờ anh dùng để nói một sự kết hợp muôn đời, cái nhịp điệu tình yêu như sóng vỗ bờ.

Xuân Diệu đã có lần kể với tôi về bài *Biển* này : "Biển nằm trong cuộc đời tôi là vì tôi ở Quy Nhơn từ khi còn nhỏ. Bố tôi dắt tôi ra biển, gió nồm thổi mát quá, tôi ngủ say. Đến khoảng 9 giờ rưỡi đêm, không thức dậy được nữa, bố tôi đành phải vác tôi lên vai. Lúc bấy giờ

7B- XD
http://tieulun.hopto.org

tôi mới 9, 10 tuổi đầu, trên vai bố tôi, chập chờn thức ngủ, tôi vẫn còn nghe tiếng sóng biển. Biển Quy Nhơn có núi Phương Mai ở bên phía trái và có hòn Cù lao Xanh, những cái đó đã vào tâm hồn tôi từ thơ bé, nhất là khi tôi qua Gành Ráng sóng biển cứ vỗ vào bờ và nhịp điệu của biển vào trong thơ tôi".

Xuân Diệu nhạy cảm với những cảnh thiên nhiên. Trong bài *Thơ duyên* anh viết về mùa thu :

Mấy hiếc về đâu bay gấp gấp,
Con cò trên ruộng cánh phân vân.
Chim nghe trời rộng dang thêm cánh,
Hoa lạnh chiều thưa sương xuống dần.

Tôi thích nhất là câu thơ *Con cò trên ruộng cánh phân vân*. Tất nhiên là phải có cánh phân vân của con cò trên ruộng nhưng cái hay là ba chữ "cánh phân vân". Con cò trên ruộng lững lờ đôi cánh không biết nên bay cao hay bay thấp, bay gần hay bay xa, bay lên hay đỗ xuống, nhập vào đồng ruộng hay lên quãng trời xanh. Dầu là nghe trời rộng mà *dang thêm cánh* nhưng mà vẫn cứ phân vân. Nhưng *hoa lạnh chiều thưa sương xuống dần*. Bốn câu thơ trong một "*bài thơ dịu*".

Trong một bài thơ khác cũng nói về mùa thu *Đây mùa thu tới*, Xuân Diệu muốn khêu gợi phong cảnh khi mới chớm vào mùa thu nó mang nỗi buồn của mùa thu :

Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang
Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng

Những chữ *đìu hiu, chịu tang, tóc buồn, lệ ngàn hàng, run rẩy, khô gầy, rét mướt, mỏng manh, vắng người, u uất, hận chia ly* tất cả gợi lên xa xăm và thương nhớ. Hai câu cuối cũng nói lên nỗi buồn, một sự ngơ ngác, mà tạo ra được một hình ảnh đẹp :

Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói
Tựa cửa nhìn xa, nghĩ ngợi gì.

Nhưng sau Cách mạng về mùa thu, *Mùa thu vàng sáng* thì không còn đìu hiu, chịu tang... như trước nữa, mà là mùa thu mát mẻ, hoà dịu, một mùa thu vui :

http://tieulun.hopto.org

Mùa thu vàng sáng tới rồi đây
Áo nắng em phơi gió thổi đầy
Áo trắng hai tà phơ phất hoá
Áo vàng em mặc cánh thu bay

Những lá thu xanh điểm chút vàng
Tóc em ngược nắng toả hào quang
Em đi, đôi cánh tay bên ngực
Như một lâu đài giữa ánh dương

Cứ đến mùa này anh thêm yêu
Hồn dang thêm cánh đến bao nhiêu
Biếc trời, trong nước, xa thanh núi
Cao rộng tình ta rực ráng chiều

Có thể bài thơ này chưa có sức rung động bằng những bài thơ trước vì nó không buồn, nhưng nó mới vì nó lạc quan. Lạc quan cách mạng, và càng mặn nồng, không phải mặn nồng hắt hiu mà mặn nồng thắm thiết. Nó yêu đời, nghệ thuật đã đổi mới, nhưng đổi mới hơn lại là những câu thơ này :

Thu từ đây không thu thẩm thu sầu
Mà thu sướng, nhuộm màu xuân mát mát
Lá biếc xanh xanh trời mờ ngát ngát
Da tươi thịt thắm nở lại cùng sương

Xuân Diệu thích yêu hoa và ta không thể kể hết những bài thơ về hoa của anh, nhưng tôi lại thích mùi hương trong cảm xúc. Đó là mùi hương nghệ thuật của anh. Ví dụ trong bài *Hoa đêm*, Xuân Diệu đã đưa đến cho ta một mùi hương mới :

Là màu sắc hay chỉ là âm điệu ?
Là hương say hay ấy chính rượu thơm ?
Gió canh khuya hay nghìn ngón tay ôm ?
Trăng mối lái phủ màng tơ ảo mộng...
Gió chắp cánh cho hương càng toả rộng
Xốc nhau đi vào khắp cõi xa bày...
Và hương bay thì hoa tưởng hoa bay...

http://tieulun.hopto.org

Niềm hương trong bài *Buồn trăng* kết hợp với cái bao la vô tận của thế gian, của vũ trụ :

Gió nọ mà bay lên nguyệt kia,
Thêm đem sương cánh xuống đầm đìa.
Ngẩng đầu ngắm mãi chưa xong nhớ,
Hoa bưởi thơm rồi : đêm đã khuya.

Niềm hương sẽ được phát triển thêm là mùi hương của những cây thơm quả ngọt trong bài thơ *Vườn Thuận Vi* :

Cam, quýt thêm na, ổi rộn ràng,
Hái hoa ngâu rực chiếc nong vàng.
Canh khuya chợt thức nghe hoa ngát,
Giấc ngủ như là đã ướp hương.

Cũng là hương ngâu, mà ở đây nhà thơ đã nói đến sự ướp hương cả trong giấc ngủ thì sức cảm thụ thật là sâu sắc. Nhưng vẫn chưa bằng khi nhà thơ viết :

Tôi cầm mùi dạ lan hương,
Trong tay, đi đến người thương cách trùng.
Dạ lan thơm nức lạ lùng,
Tưởng như đi mãi không cùng mùi hương.

Từ hương ướp giấc ngủ đến tay cầm mùi hương, Xuân Diệu đã từ cảm giác đưa đến cảm xúc và từ cảm xúc đưa đến sự cảm động, sự xúc động, và chúng ta nhận lấy hương ấy của thơ, cũng như khi chúng ta nghe nhà thơ đang lắng tiếng nhị hồ, khêu gợi những sự tích xưa :

Nhị hồ để bốc niềm cô tịch,
Không khóc nhưng mà buồn hiu hiu...

Rồi hai câu thơ mềm, hai câu thơ không có tiếng trắc chỉ có tiếng bằng :

Sương nương theo trăng ngừng lưng trời,
Tương tư nâng lòng lên chơi vơi...

vừa để nói một âm bằng trong tiếng nghe và âm bằng trong tâm hồn.

Đến bài *Nguyệt cầm* thì Xuân Diệu càng nghe tiếng đàn lạnh, có thể buồn, lặng, chậm, nhưng hơn nữa : lạnh. Ở đây, không gian bốn chiều, nhưng lạnh là chủ yếu :

http://tieulun.hopto.org

Thu lạnh càng thêm nguyệt tỏ ngời,
Đàn ghê như nước, lạnh, trời ơi !

đến sau này, năm 1967 Xuân Diệu lại viết bài *Đàn* :

Em nâng đàn tới ngang mày,
Và em hạ xuống vừa tay ôm đàn.
Ngón tay em nhạc chứa chan,
Mến tuôn trên phím, yêu tràn vào dây.

Ở đây thì không còn là nghe, là cảm giác, mà là tình cảm mến yêu trên một phím đàn :

Những khi xa cách một mình,
Nhớ em đàn, nhớ hồn thanh cây đàn.

Xuân Diệu có thể viết những bài thơ như thế nhưng lại có thể viết những bài thơ chính trị thuần tuý, không phải chỉ là đất nước với núi non sông hồ cây cỏ và những anh hùng chiến sĩ, anh còn rung động với sức xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, sức chiến đấu với giặc ngoại xâm của nhân dân ta và sự thống nhất đất nước, tình quốc tế vô sản.

Về phần này Xuân Diệu viết rất nhiều và tôi cũng sẽ không đi sâu vì trên kia phần "cách mạng", đề tài lớn của Xuân Diệu, tôi đã nói rồi.

Từ *Ngọn quốc kỳ* đến *Những đêm hành quân*, từ *Hội nghị non sông* đến *Sự sống chẳng bao giờ chán nản*, từ *Mã Pí Lèng* đến *Thăm bãi tha ma máy bay giặc Mỹ*, Xuân Diệu vẫn giữ được chất liệu thực, chất trữ tình, và đôi khi kết hợp được với chất châm biếm đả kích sâu sắc.

Một nhà thơ lớn thường bao gồm được trong bản sắc thơ của mình không những nhiều đề tài của cuộc sống mà nhiều phương thức biểu hiện của thơ ca.

Chẳng hạn trong *Ngọn quốc kỳ* và *Hội nghị non sông* kể cả *Mã Pí Lèng*, Xuân Diệu dùng lối thơ thất ngôn trường thiên, với cách dùng có khác nhau, đây là theo nhạc điệu cổ thể :

Bốn phương nhạt nhẽo đời không sắc,
Sáng sớm ngưỡng trông về Việt Bắc.
Dưới còn hùm sói nhục nhân gian,
Trên đã thanh bình không có giặc.

http://tieulun.hopto.org

Hoang mang phương dưới hận đòi cơn,
Tổ quốc lên cao lánh tủi hờn.
Hồn nước ở đây Khu Giải phóng,
Ngoài kia còn tối cả giang sơn.

(*Ngọn quốc kỳ*)

và đây là nhạc theo điệu Đường luật :

Những từ khăn gói bước chân ra,
Thanh kiếm mang đi rọi sáng loà.
Cắt đá bổ đèo thân giữa gió,
Chém tre đẵn gỗ ở cùng ma.
Bước vừa đặt xuống, dựng chòi lên ;
Phá sậy lau ra, ruộng cấy liền.
Năm tháng vun trồng cơm mọc chậm.
Thắt dây lưng bụng, vững lòng tin.

(*Hội nghị non sông*)

Đến *Mã Pí Lèng*, dùng nhạc điệu cổ thể, nhưng không ghép từng khổ 4 câu hoặc 8 câu, mà lần đầu tiên anh sáng chế khổ thơ 6 câu :

Từ năm chục thước cao, ta bửa,
Búa đập xuống choòng, choòng nảy lửa.
Vẹt núi đi như mũ ông công,
Như khẩu mía bổ làm hai nửa,
Tạo ra đường mới hiện ra dần,
Phẳng tựa bàn tay ta mở ngửa !

Nếu tình cảm, tư tưởng của Xuân Diệu được thể hiện sâu sắc trong thơ mình, thì gốc cũng chính là nguồn cảm xúc và bắt đầu từ cảm giác, mà sự xuất phát từ cảm giác ở Xuân Diệu lại mạnh hơn. Anh hít thở không khí của gia đình của đất nước và sau này của cả một thời đại. Anh say mê sống, say mê yêu, say mê thơ, say mê tuổi trẻ cũng như say mê Tổ quốc, Đảng, và Cách mạng.

Anh dốc lòng làm thơ và cố tìm con đường thơ riêng của mình. Về nội dung thì thời trước thơ anh dầu hay cũng còn những hạn chế nhất định về tư tưởng ; nhưng sau này người ta đòi hỏi thơ anh có sự

http://tieulun.hopto.org

nhuần nhuyễn hơn trong một số bài. Phải nói sự đòi hỏi đó là chính đáng, tuy nhiên một nhà thơ trong khi muốn thay đổi hình thức thơ, mở rộng khuôn khổ thơ của mình, cũng phải tìm tòi từng bước. Có bài đã thành công, có bài mới coi như là những thử nghiệm ban đầu. Vấn đề là ở tấm lòng của nhà thơ, tôi nhấn mạnh, nhà thơ cách mạng có đi sâu vào cuộc sống cách mạng của nhân dân lao động hay không, và có tìm tòi những hình thức thể hiện quần chúng lao động hay không ? Xuân Diệu đã cố gắng làm việc đó. Anh cố gắng là nhà thơ quần chúng, vừa làm thơ, kể cả những thể thơ quần chúng, vừa đọc thơ, bình thơ để nhân dân lao động thưởng thức được thơ. Anh lao động không mệt mỏi, say sưa trên những chuyến đi, miệt mài trên bàn viết.

Và trong bài viết này, tôi chỉ giới thiệu với bạn đọc chúng ta có một Xuân Diệu nhà thơ.

Tháng 5 - 1982

(Lời giới thiệu in trong *Tuyển tập Xuân Diệu*, tập I,
NXB Văn học, Hà Nội, 1983)

http://tieulun.hopto.org

VÀI CẢM NGHĨ VỀ VĂN XUÔI XUÂN DIỆU

NGUYỄN ĐĂNG MẠNH

Văn xuôi Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám chủ yếu gồm trong hai tập *Phấn thông vàng* và *Trường ca*. *Phấn thông vàng* là một tập tuỳ bút tâm tình (tác giả gọi là "truyện ý tưởng"). Xen vào đấy có một ít truyện ngắn : *Người học trò tốt, Cái hoả lò, Đứa ăn mày, Toả nhị kiều*. *Trường ca* là áng văn thật đẹp, lời trau ý chuốt, chứa đầy thơ. Cả hai tác phẩm đều mang đậm một đặc tính chung : tính trữ tình. Nội dung trữ tình khi thì sôi sục, mãnh liệt - "anh yêu đứt ruột ; yêu quặn lòng, điên dại, ghê gớm, yêu tưởng giết được người (...) Em có thấy máu của hồn anh trên giấy chăng ?" (*Sợ*), khi thì tha thiết vỗ về như ru lòng người trong tình mến thương - "Tuổi nhỏ đấy ư ? Hai ta còn một đêm dài, ngồi đây em, nằm đây em, dựa đây em ; ở lại đây, em đừng đi nữa nhé !" (*Giã từ tuổi nhỏ*).

Vì thế tôi không muốn tách biệt văn Xuân Diệu với thơ Xuân Diệu. Văn hay thơ thì vẫn là hình ảnh phập phồng nóng hổi của một trái tim đắm say sự sống, mùa xuân, tuổi trẻ và tình yêu.

Thực ra thì có rất nhiều tứ thơ của Xuân Diệu đã được ông diễn đạt lại bằng cách của văn xuôi.

Chẳng hạn, cái tứ "xuân không mùa", "xuân vĩnh viễn". Ờ, mà sao không như thế được, khi ta sống trên một đất nước nhiệt đới không có mùa thu lá rụng và mùa đông tuyết phủ ? Nhưng cái chính là con mắt của tuổi trẻ và tình yêu đã nhìn trời đất ra như thế. "Vườn mà biết ngắm thì là vườn trời (...), mắt xanh trong vắt, cứ nhìn muôn vật, muôn vật rực rỡ hào quang". Vì thế Xuân Diệu phát hiện "Thu cũng là một mùa xuân (...) Xuân tới thu là hai bình minh trong một năm (..) Đầu xuân là bình minh ấm của lòng tôi, đầu thu là bình minh mát của lòng tôi (...) và ấm hay mát, thu hay xuân, lòng tôi cũng rạo rực những tiếng mùa ái tình ghé môi gọi lời trong gió..." (*Thu*).

http://tieulun.hopto.org

Thơ Xuân Diệu hay văn Xuân Diệu cũng có hàng loạt bài nói về vẻ đẹp hùng mạnh, tràn đầy sức sống của thanh niên, cái tuổi "tay chân bằng mầm, mắt bằng hồ, lòng bằng lửa, miệng bằng hoa" (*Giã từ tuổi nhỏ*).

Một cái tứ khác cũng luôn luôn trở đi trở lại trong thơ cũng như văn Xuân Diệu : tình yêu thì lớn, tự thấy giàu có đến thừa thãi mà kẻ tiếp nhận thì chẳng ra sao. Xuân Diệu gọi là tình yêu lớn gặp người yêu nhỏ (*Sợ*). Thực ra thì đúng như ông nói : "Người ta khổ vì thương không phải cách - Yêu sai duyên và mến chẳng nhằm người" (*Dại khờ*). Đôi mắt long lanh, chân thật, Xuân Diệu nâng trái tim nóng hổi của mình trên hai bàn tay trân trọng, vồn vã chào mời trong cái thế giới những kẻ cần tiền hơn là cần tình. Người ta từ chối. Tình yêu trở thành đơn phương. Như tình yêu của loài thông trên bãi biển rắc nhị vàng vào trời đất mênh mông (*Phấn thông vàng*).

Sau này trong *Trường ca*, Xuân Diệu kể chuyện *Chú lái khờ*, đưa quan niệm tình yêu một chiều kia lên thành một tư tưởng nghệ thuật. *Chú lái khờ* là một hình ảnh tượng trưng. Chú giàu muôn ức triệu, bạc vàng châu báu đầy rương, đầy hòm. Muốn phân phát cho đời tất cả, chú bèn ghé vào một chốn hồng lâu, rồi giả cách say rượu mê man, để chùm chìa khoá hớ hênh trước những cặp mắt thèm muốn của mọi người. Người đời gọi chú là khờ, không biết chú cố tình như thế. Vì chú chính thực là thi sĩ : "Thi sĩ ghé vào nhân gian, trọ một vài đêm, tìm đôi an ủi. Lòng để ở ngoài ngực, tay thờ ơ hay là tay ham hố, tay nào cũng lấy được ít nhiều ngọc châu. Và họ lấy chưa vừa ư, thì người thi sĩ sẽ tự tay lấy vào cái lõi sống còn của mình, để mà phân phát".

Nói đến tình yêu trong thơ và văn Xuân Diệu, tôi nghĩ đến ý kiến của Ăngghen về Véctơ. Ông ca ngợi "nhà thơ đầu tiên và trọng yếu nhất của giai cấp vô sản Đức" này "đã biểu hiện một tình nhục dục và những sự thèm muốn nhục dục thật là lành mạnh và cường tráng"[1]. Tôi chưa đọc Véctơ, không biết có nên nói như thế về Xuân Diệu được chăng, chỉ biết rằng Xuân Diệu thuộc vào số những người đầu tiên đưa vào văn chương ta cái quan niệm tình yêu là sự giao cảm của cả tâm hồn lẫn thể xác. Không, chớ vội nghĩ oan cho Xuân Diệu ; cái điểm lành mạnh của ông là không bao giờ quên cái gốc là ở hồn người. "Hồn không đẹp đẽ

---

(1) C. Mác và F. Ăngghen, *Về văn học và nghệ thuật*, NXB Sự thật Hà Nội, 1958, tr. 372.

http://tieulun.hopto.org

thì ngửi được đoá hồng nhung hay sao ?" (*Đoá hồng nhung*). Điều ấy tạo ra ở Xuân Diệu, mỗi khi cảm hứng về mùa xuân và tình yêu nổi dậy, một nhỡn quan riêng về thế giới, khiến trời đất cỏ cây sông núi hiện lên với một vẻ đẹp thật là tình tứ và đầy tính sắc dục. Ông nhìn những bông hồng nhung thành những cặp môi hôn và gọi là những "đoá hôn" (*Đoá hồng nhung*) ; nhìn phấn thông vàng toả bay trong gió, ông thấy "ái tình tản mạn ôm ấp không gian" (*Phấn thông vàng*). Thời tiết bốn mùa đối với ông cũng vậy : "Xuân, người ta vì ấm mà cần tình ; Thu, người ta vì lạnh sắp đến mà cũng rất cần đôi" (*Thu*). Ông thấy "nắng hạ đốt người một cách cực lạc" và "rét đông khía vào da thịt làm giây cả máu xương !" (*Giã từ tuổi nhỏ*), v.v.

Khẳng định mối quan hệ mật thiết giữa thơ và văn Xuân Diệu không có nghĩa xem chúng hoàn toàn là một. Văn vẫn có nhiều khả năng thuật tả chuyện đời cặn kẽ hơn thơ. Cho nên cái phần gắn bó với đời và hiểu biết về đời của Xuân Diệu được thể hiện đầy đủ hơn, đậm nét hơn trong văn xuôi. Nhưng "đời" trong con mắt Xuân Diệu hồi ấy thực ra chỉ giới hạn ở cái môi trường chật hẹp và tù túng của những tầng lớp tư sản, tiểu tư sản, nên càng yêu đời, càng thấy ngán cho đời. *Toả nhị kiều* đã cho ta hít thở trong bầu trời không khí của cái "đời" ấy. Ôi cuộc đời chỉ như một vũng ao tù dưới cái ánh sáng lúc nào cũng úa vàng bảng lảng như một buổi chiều dài, trong đó, vật vờ ngoi ngóp những kiếp sống mờ mờ nhạt nhạt, cử động lặng lẽ, ngơ ngác như những kẻ không hồn. Cái chất đắm say sôi nổi của Xuân Diệu càng dễ phản ứng một cách ngao ngán với cuộc đời viên chức trong xã hội cũ. Hồi làm tham tá nhà đoan ở Mỹ Tho, ông đã soạn ra bài *Kinh cầu nguyện của những kẻ đi làm*. Bài văn tạo được cái giọng đều đều buồn tẻ như lời cầu nguyện với cái điệp khúc : "Thượng đế thương lấy chúng tôi, chúng tôi là những kẻ đi làm". Người viên chức chỉ ao ước, hàng ngày ngồi trước cái bàn giấy, viết chữ không sai, làm bốn phép tính không nhầm, thời giờ thì đi nhanh, công việc thì không nhiều, ở nhà mấy đứa con không ốm đau và vợ thì không đi đánh bài... Khi chết đi, thiên đường có rộng rãi thì cũng xin cho một chỗ, ở xó xỉnh nào cũng được : "Chỗ nào thì cũng xong, miễn là trước mặt chúng tôi đừng có một cái bàn giấy".

Mở rộng tâm hồn về phía những lớp người cùng khổ, còn có bài *Thương vay* : Hình ảnh một bà lão nhà quê nghèo khó một mình thui thủi

http://tieulun.hopto.org

đi trong bóng tối trên đường vắng. Lưng không, mắt mờ, chân chậm, bà cụ đi về đâu đêm nay. Một cuộc đời chắc chắn có "một lịch sử khổ sở hết chín phần mười". Không, tác giả không nghĩ mình chỉ tưởng tượng vu vơ mà "thương vay". Ông cho rằng "Bao giờ lòng thương lại chẳng có duyên cớ ở trên cái đời cùng cực, đau đớn, khốn khổ, rách rưới, cô đơn này".

Tôi nghĩ rằng có thể nói đến một chủ nghĩa hiện thực trữ tình, như một dòng phụ lưu trong sáng tác thơ văn của Xuân Diệu hướng về những kiếp người mờ mờ nhân ảnh, sống mà như không hề có mặt ở đời. Và những sinh mệnh nhỏ bé tội nghiệp cần được yêu thương mà bị đời hắt hủi. Người ta chán, người ta đuổi đi... Những linh hồn bơ vơ, tương lai mù mịt... (*Chó mèo hoang, Đứa ăn mày, Truyện cái giường,...*)

Sau Cách mạng tháng Tám, cái cánh cửa nhìn đời của Xuân Diệu bỗng được mở toang ra về phía cuộc sống rộng lớn của nhân dân. Có thể nói, đối với lớp nghệ sĩ như Xuân Diệu, công lao to lớn trước nhất của cách mạng là như thế : ném họ vào cái biển hùng vĩ và sôi động của cuộc sống nhân dân. Bây giờ không phải tình yêu lớn và người yêu nhỏ, cuộc đời hẹp nữa, mà ngược lại, ngược hẳn lại. "Dân chúng ! Mà dân chúng ở đâu ra thế ? Hồi Pháp thuộc, người ta rời rạc làm ăn, chỉ có những mớ lẻ tẻ rộn ràng, cúi những mặt riêng tây dưới cái đói, cái sợ. Bây giờ không biết dân chúng ở đâu mà nhiều vậy ! Nghe tin Giải phóng quân trên chiến khu trở về, đã qua cầu Sông Cái, thế là hồi 8 giờ đêm hôm ấy, tôi chạy băng ra đường thì đã thấy đồng thời từ các phố, các ngõ, các hẻm, các kẹt, tuôn ra không biết cơ man nào là anh thợ, chị làm công, là ông nhà buôn, là người công chức, bà hàng tấm, em trẻ con, tiếng guốc, tiếng chân bần bật chạy ra như mưa rào ; những lối nhỏ trút dăm chục người ra những phố to, tôi được trông thấy ngay trước mắt sự tạo thành chớp nhoáng của quần chúng, quần chúng vĩ đại ! Ra đến Bờ Hồ, Godard, thì đã thành sông Nhị Hà người ; tôi cuống cuồng, chạy đi vòng ra sau để đón đầu Giải phóng quân. Hoan hô chiến sĩ Việt Minh ! Hoan hô chiến sĩ Việt Nam ! Cả Hà Nội vỡ rối như ong, họp lại, kêu la cháy họng" (*Mùa thu thứ nhất*).

Trước cảnh tượng ấy, những câu chuyện tâm tình của cái tôi tiểu tư sản dù phong phú thế nào cũng trở thành nhỏ bé, nhạt nhẽo. Bây giờ

http://tieulun.hopto.org

cái đáng ghi chép là cuộc đời lớn đang sục sôi ngoài kia, trên quảng trường Ba Đình khi Bác Hồ đọc *Tuyên ngôn Độc lập* (*Ngày Độc lập*), ở những chiến luỹ, chiến hào trên đường phố Thủ đô ngày toàn quốc kháng chiến, mà hình ảnh những anh Vệ quốc, tự vệ, dân quân mặc áo trấn thủ xanh sẵn sàng hy sinh vì nước làm ứa nước mắt đồng bào (*Chiếc áo trấn thủ*) ; ở những lớp Bình dân học vụ mở ngay trong vùng địch chiếm, vừa học, vừa canh gác, ở những đêm liên hoan văn nghệ tự biên tự diễn mà đồng bào náo nức rủ nhau đốt đuốc đi hàng chục cây số để xem (*Lòng yêu văn hoá*), ở những chiếc xe đạp giản dị trở thành con ngựa sắt kỳ diệu bon bon trên đường kháng chiến (*Chiếc xe*), ở những "thành phố nứa" nhộn nhịp ấm áp trong đêm, nằm trên huyết mạch lưu thông từ Việt Bắc xuống khu Ba, khu Bốn, mà những cái tên giản dị Thanh Cù, Ấm Thượng, Đại Từ, Cao Vân, Úc Sơn, Bố Hạ, Cầu Bố, Cầu Giát, Chợ Đại, Cống Thần, v.v. như đọng lại biết bao kỷ niệm của cuộc đời kháng chiến (*Những thành phố Nứa*) ; ở những đêm rừng rực lửa đuốc dân công tiếp vận (*Dân công tiếp vận*), ở những đại hội nông dân tố khổ, thời cải cách ruộng đất (*Thư cán bộ*), ở ngày hội tưng bừng giải phóng miền Bắc, tiếp quản Thủ đô (*Hai mươi năm giải phóng Thủ đô*), ở công cuộc lao động xây dựng miền Bắc (*Khúc hát tháng năm*) và đấu tranh giải phóng miền Nam (*Thư gửi thành đồng*), ở không khí hừng hực cả nước chống Mỹ (*Chúng tôi đã đè lên thác dữ, Ngày xuân, khi mà hoa Hà Nội cũng chiến thắng, Nguyễn Thái Bình một luồng sáng*, v.v.). Rồi đại thắng mùa xuân 1975, miền Nam giải phóng, đất nước thống nhất, ngày Tổng tuyển cử đầu tiên trên toàn cõi Việt Nam (*Mài sắt nên kim, Chúng ta vô thành phố rực rỡ tên vàng, Những ngày rộng lớn ở quê Nam, Nỗi niềm thống nhất của đất nước ta, Ngày hội Non sông, v.v.*) Trước mắt Xuân Diệu, cuộc đời lớn cứ mở thêm mãi, cả chiều dài, chiều rộng, chiều cao. Từ Tổ quốc mình mở sang đất nước bạn : Liên Xô, Hunggari, Bungari, Ấn Độ, v.v. (*Tổ quốc, Cảm tưởng Mátxcơva, Làng Môndavi, Bungari thân thiết, Ký sự thăm nước Hung, thăm Ấn Độ*, v.v.) Đâu đâu cũng toàn những cảnh tượng lớn, những sự kiện lớn, những con người mến yêu và vĩ đại. Xuân Diệu say sưa tìm hiểu, chiêm ngưỡng và ghi chép, thuật kể, ngợi ca. Lối tuỳ bút trữ tình trước kia không làm nổi công việc ấy, văn xuôi Xuân Diệu chuyển sang thể bút ký, ký sự hoặc tuỳ bút – bút ký. Tâm hồn chăm chú hướng ra bên ngoài và ngòi bút thì

http://tieulun.hopto.org

khơi mạnh một dòng bút ký chảy xiết, liên tục từ Cách mạng tháng Tám trở đi, tạo thành một cuốn phim thời sự - chính trị phong phú, bề bộn ghi lại một phần bộ mặt của lịch sử cách mạng Việt Nam trong ngót 40 năm.

Nhưng nói như thế không có nghĩa là cái tôi Xuân Diệu tự thủ tiêu trên những trang viết của ông. Ngày xưa, trong *Phấn thông vàng*, *Trường ca*, hình ảnh của *cái tôi* ấy lấn át hình ảnh của hiện thực. Ngày nay cuộc đời lớn của đất nước, của nhân dân là đối tượng thể hiện chủ yếu của văn xuôi Xuân Diệu. Tuy nhiên, một khi đã hoà hợp với đời, *cái tôi* của ông cũng lớn dần lên trên những trang bút ký. Đây là *cái tôi* của công dân, *cái tôi* chiến sĩ cách mạng trên mặt trận văn hoá tư tưởng. Những nỗi niềm sướng vui đau khổ của nó cũng là những nỗi niềm vui sướng khổ đau của nhân dân, của đất nước : "Tôi thương yêu, kính trọng, cúi đầu chào hỏi, ôm riết vào cánh tay nhân dân ấy ! Đang ở xa xôi, công tác trên miền Bắc, tôi kính cẩn giơ hai bàn tay qua sông Hiền Lương, sờ những nét mặt thương yêu quý trọng của đồng bào, đây là xương thịt, là máu mủ của tôi" (*Thư gửi thành đồng*).

Cái tôi công dân ấy cũng là *cái tôi* rất vui, rất trẻ.

Thực ra, như ta biết đấy, từ ngày xưa, *cái tôi* ấy đã muốn gắn bó với cuộc sống, với mùa xuân, tuổi trẻ và tình yêu. Nhưng rút cục vẫn thấy mình cô độc giữa cuộc đời lạnh giá. Cá nhân không hoà hợp được với xã hội, nên tình yêu, tuổi trẻ cũng như mùa xuân thật là mong manh. Giống như cô Kiều giữa đêm thề nguyền với chàng Kim đã nơm nớp nỗi lo hạnh phúc chỉ là ảo ảnh. Xuân Diệu giữa tuổi thanh xuân đã nghĩ đến ngày phải "Giã từ tuổi nhỏ". Ngày nay, cách mạng đã đặt ông vào giữa lòng của đời sống nhân dân, trong mùa xuân của dân tộc và của nhân loại. Xuân bây giờ mới thật là "Xuân không mùa", "Xuân vĩnh viễn" : "Đời thật trẻ. Sự sống hiện giờ thật trẻ. Sống ba mươi năm của đời người, bây giờ tôi mới thật tình trông thấy thời gian to rộng quanh tôi bắt đầu trẻ đến vô cùng. Mà ví thử tuổi tôi bây giờ là năm, sáu mươi, tôi cũng cứ thấy đời trẻ" (*Đời trẻ*).

Nhưng cách mạng đem lại sự tươi trẻ cho tâm hồn, đồng thời cũng đem lại sự già dặn cho trí tuệ, cho tư tưởng. Ngày xưa Xuân Diệu chỉ biết sống với những tình cảm, cảm xúc tự nhiên tự phát của mình.

http://tieulun.hopto.org

Không bao giờ nghĩ đến phân tích, lý giải một cái gì, cũng chẳng băn khoăn về ý nghĩa của sự sống của mình cũng như của xã hội. Ngày nay nhà nghệ sĩ ấy đồng thời là nhà tuyên truyền chính trị, nhà lý luận mácxít nữa. Vì thế *cái tôi* Xuân Diệu trong bút ký của ông sau Cách mạng tháng Tám còn là *cái tôi* chính luận : Nó phân tích lý giải niềm vui thời đại (*Đời trẻ*), nó phát hiện con người mới trong cuộc sống mới (*Tin vui*), nó tranh luận với những kẻ còn hoài nghi bản chất tốt đẹp của xã hội ta trong những ngày cách mạng gặp khó khăn (*Mùa xuân thắng*), nó phân tích, đánh giá công lao của Đảng (*Mùa xuân 40 năm, Những suy nghĩ trong ngày Đảng ta 45 tuổi*), nó nghiên cứu con người và sự nghiệp bất tử của Bác Hồ (*Bác Hồ của chúng ta, Bác Hồ thương yêu*), nó phân tích ý nghĩa của đại thắng mùa xuân 1975 (*Mài sắt nên kim*), nó tìm hiểu ảnh hưởng to lớn của Cách mạng tháng Mười (*Cách mạng tháng Mười mở đường lớn cho nhân loại*), nó nghiên cứu và lý giải chính con người tư tưởng của mình (*Những bước đường tư tưởng của tôi, Tôi mang trong người tôi quê hương thống nhất*), v.v. Người nghệ sĩ Xuân Diệu hết sức tự hào vì có được tư tưởng của Đảng Mác – Lênin làm xương cốt cho tâm trí mình, làm chất thép cho thơ văn mình : "Người trí thức tiểu tư sản nhiều xúc cảm, nhiều tình cảm, nhưng yếu mềm. *Nay ở trong thơ nên có thép*, thép là vũ khí, là công cụ, thép là khoa học, thép là chính nghĩa, là lẽ phải (...) Cái ý thức giai cấp vào trong tâm hồn người làm thơ, cho anh cái sức mạnh nội tại, sức mạnh cấu trúc" (*Những suy nghĩ trong ngày Đảng ta 45 tuổi*).

Tóm lại cái tôi ấy trở lại trong bút ký Xuân Diệu với một bản chất khác. Hình ảnh của nó ngày xưa chỉ biết "quấn quýt cả mình xuân" (*Thanh niên*) nay luôn luôn quấn quýt bên "mình" của Tổ quốc, của nhân dân, của cách mạng, không muốn tách rời.

*

* *

Con người Xuân Diệu dường như sinh ra để làm thơ. Một trái tim giàu có, chân thật, sôi nổi, hết sức nhạy cảm. Nhưng con người ấy cũng không thể không đến với văn xuôi, nhất là từ sau Cách mạng tháng Tám. Vì đấy là một tâm hồn rất đỗi thèm khát tri âm tri kỷ, không phải chỉ trong giới tao nhân mặc khách, mà với tất cả mọi người. Đường lối

http://tieulun.hopto.org

văn nghệ nhân dân, văn nghệ đại chúng của Đảng đã đáp ứng rất trưng nhu cầu đó của Xuân Diệu. Muốn đông đảo đại chúng có thể hiểu được mình, muốn mọi khuynh hướng thị hiếu đều có thể đến với mình, tại sao lại chỉ làm thơ ? Thơ có thể tác động thấm thía vào lòng người, nhưng đúc quá, kín quá, khó nói được gì nhiều. Văn xuôi cho phép nói đầy đủ hơn, cặn kẽ, chi tiết và mạch lạc sáng sủa hơn. Vả lại có phải lúc nào cũng có thể làm thơ được đâu, mà Xuân Diệu thì luôn luôn muốn lên tiếng với đời, giao tiếp với đời.

Nhưng văn xuôi Xuân Diệu là văn xuôi của một người làm thơ, của một thi sĩ đầy kinh nghiệm. Đọc những áng văn của ông, thấy rất nhiều kỹ thuật thơ được vận dụng.

Chẳng hạn như kỹ thuật cấu tứ. Toàn bài xoay quanh một trung tâm, một thứ hạt nhân tư tưởng – hình tượng của tác phẩm. Người viết phải làm cho cái hạt nhân ấy nở ra, phát triển lên, biến hoá thành nhiều lớp lang với những màu sắc và giọng điệu khác nhau – ở đấy, những trí thức phong phú về đời sống, về văn hoá văn học, những quan sát tinh tế, độc đáo về thiên nhiên, xã hội đã giúp ích rất nhiều cho nhà thơ – bút ký. Nhưng mở ra rồi lại phải biết thu về, để toàn bài vẫn là một cơ thể thống nhất cùng bám vào một cái xương sống duy nhất cùng rung lên trong một tình cảm chung. Nhiều bài trong *Trường ca* đã được viết theo lối ấy, lại thêm giọng điệu trữ tình đầy nhạc tính, chúng thực sự là những bài thơ văn xuôi : *Hoa học trò, Đẹp trai, Giã từ tuổi nhỏ,...* Trong *Triều lên* là những bài bút ký – tuỳ bút : *Ngày Độc lập, Chiếc áo trấn thủ, Đứa con độc lập, Mùa xuân thắng,* v.v. ; trong *Và cây đời mãi mãi xanh tươi* là *Mùa xuân 40 năm, Một buổi sáng trên biển Hạ Long,* v.v. ; trong *Mài sắt nên kim* là *Chúng ta vô thành phố rực rỡ tên vàng, Kỷ niệm 20 năm giải phóng Thủ đô, Ngày xuân, khi mà hoa Hà Nội cũng chiến thắng,...*

Để giữ cho dòng cảm nghĩ trở đi trở về với cái tứ của bài viết, cũng như trong sáng tác thơ, Xuân Diệu hay dùng và dùng rất đạt "kỹ thuật điệp khúc".

Chẳng hạn trong bài *Ngày Độc lập*, để truyền cho người đọc "cái cảm giác trội nhất, ăn sâu vào tâm khảm quốc dân hôm ấy" là hình ảnh giản dị và gần gũi một cách hết sức bất ngờ của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với đồng bào trong buổi đầu ra mắt, bài viết trở đi trở lại cái điệp khúc

http://tieulun.hopto.org

bằng chính câu hỏi "phá cách" đột ngột của Bác khi đọc bản Tuyên ngôn lịch sử : – "Đồng bào có nghe rõ không ?". Tác giả gọi đấy là "làn điệu vô hình" tạo nên sự giao cảm của vị Chủ tịch nước với hàng vạn tâm hồn.

Chiếc áo trấn thủ là một bài bút ký ghi lại không khí căng thẳng của Hà Nội đêm 19-12-1946. Hình ảnh những chiếc áo trấn thủ xanh quyên góp của đồng bào ngày "Mùa đông binh sĩ" xuất hiện đồng loạt trên ngực những người lính bảo vệ Thủ đô "phập phồng như một tấm lòng" ; vừa là hình tượng hạt nhân của bài viết vừa là nét nhạc chủ đạo được láy đi láy lại.

"Súng trong tay họ. Lựu đạn võng lưng họ. Ống quần chít chân họ. Và trên ngực, trên ngực, những chiếc áo trấn thủ xanh".

"Súng đạn là sức mạnh, nhưng chăn áo là cảm với tình (...) Sắt lửa có giết, nhưng vẫn còn chỗ trái tim đập. Trái tim đập dưới áo trấn thủ, trái tim đập nơi áo trấn thủ" v.v.

Có những điệp khúc mượn ngay những câu thơ quen thuộc của người xưa, được vận dụng một cách đúng chỗ nên trở thành sáng tạo. Chẳng hạn bài *Một buổi sáng trên vịnh Hạ Long*, điệp khúc là câu thơ mượn của Trần Nhân Tông "Sơn hà vạn cổ điện kim âu – Núi sông vạn thuở vững âu vàng" đã diễn tả được thật là hàm súc tâm trạng sảng khoái và đầy tự hào của tác giả trước phong cảnh hùng vĩ và tuyệt vời mỹ lệ của Tổ quốc trên biển Hạ Long khi Giônxơn vừa phải chấm dứt cuộc leo thang chiến tranh ra miền Bắc.

Kỹ thuật thơ còn giúp Xuân Diệu điểm xuyết trong bài viết của mình những chi tiết, những hình ảnh đẹp, vừa ngụ nhiều ý nghĩa vừa đầy chất thơ, giống như những nhãn tự trong một bài thơ cổ điển. Hình ảnh ấy thường đặt ở phần kết thúc của bài bút ký khiến lời văn đã hết mà dư ba còn mãi. Kết thúc bài *Tôi mang trong người tôi quê hương thống nhất*, tác giả đã chọn được một hình ảnh rất tự nhiên mà rất tượng trưng cho quê hương thống nhất : sự sinh hoạt chan hoà giữa đồng bào miền Bắc và đồng bào miền Nam tập kết trước cửa chợ Đồng Xuân Hà Nội : các bà má búi tóc, khăn sọc vắt vai, những cán bộ khu Năm quần áo màu xám "xita", các em bé miền Nam hát lanh lảnh vui chơi bên lề đường với các em bé Bắc, các cô thiếu nữ Hà Nội thanh tao, các anh bộ đội mũ bọc lưới dưới có sao vàng...

http://tieulun.hopto.org

Ở bài *Mùa xuân thắng* là hình ảnh cây bàng Hà Nội mùa đông, lá bị cháy rét xịt lại một màu rỉ sắt. Bỗng một con gió thốc tới "Cây bàng lại trút lá, say sưa. Cành của nó nhẹ bớt đi, chọc lên cao hơn. Bấy giờ tôi mới nhìn kỹ : thì ra ở những cành trụi nhất, đã ló những chút mầm xanh rồi. Cây bàng ! Có phải ngươi là hình ảnh của những cuộc đấu tranh mới, cũ ? Có phải ngươi dạy cho ta một bài học về cuộc chiến đấu để giành lấy mùa xuân ?".

Riêng tôi cứ thấy vương vấn mãi với cái kết thúc đơn sơ bình dị này của bài *Đời trẻ* :

"Tôi đạp chiếc xe đạp đi qua, với anh bạn cưỡi con ngựa. Một thiếu niên mười lăm tuổi trên đồi vừa chạy xuống, ngừng lại với đứa con bé, reo lên : "Con ngựa, con ngựa, thích không ! Con ngựa !". Và em đứng nhìn con ngựa đi qua, với hai mắt xanh. Có phải em chưa hề trông thấy con ngựa đâu. Nhưng lòng em trẻ, vui, em thấy cái gì cũng đáng trầm trồ khen ngợi cả. Con ngựa đi qua đồi hôm ấy, chứ cái ba lô đi qua, chắc em cũng sẽ bảo : – Cái ba lô ! Thích không ! Cái ba lô !", v.v.

Trong bài *Bác Hồ của chúng ta*, Xuân Diệu viết : "Tôi không khóc những khi tôi được thấy Bác, gặp Bác, nhưng có qua bản thân mới nói được cụ thể ấn tượng Bác để trong mỗi người chúng ta". Đây cũng là một kinh nghiệm viết văn làm thơ của Xuân Diệu. Dĩ nhiên "kỹ thuật" này còn phụ thuộc vào những kỷ niệm riêng, từng trải riêng của người cầm bút có quan hệ nhiều ít thế nào với đất nước, với quê hương, với những sự kiện lớn của lịch sử và những con người tiêu biểu cho thời đại.

Thật khó mà kể ra cho hết những điều gọi là "kỹ thuật" viết văn của Xuân Diệu. Nào là "kỹ thuật" đưa đẩy bằng văn chương kim cổ : một thứ văn "lẩy" *Kiều*, "lẩy" *Chinh phụ, Lục Vân Tiên*, "lẩy" ca dao tục ngữ – Xuân Diệu là cả một cái kho sống về ca dao, tục ngữ của cả Trung Nam Bắc – "lẩy" cả thơ hiện đại, thơ thế giới. Đúng là những liên hệ, liên tưởng nhằm diễn đạt một cách sinh động và biến hoá những cảm nghĩ của mình dựa vào một vốn văn học uyên bác. Có những liên tưởng hết sức bất ngờ : trong bài viết về ngày bầu cử quốc hội đầu tiên sau ngày Tổ quốc thống nhất (*Ngày hội non sông*). Từ cảm nghĩ về những má già miền Nam, gần suốt đời sống trong đau khổ, tăm tối, nay tự tay bỏ lá phiếu bầu cho những nguyện vọng của mình. Xuân Diệu liên hệ đến hai bàn tay chắp lại trước bàn thờ Phật của bà mẹ Thôi Oanh Oanh –

http://tieulun.hopto.org

cũng như của biết bao bà mẹ miền Nam trong xã hội cũ đầy oan ức : – "Trong đời bao sự đau lòng – Xin đem gửi cả vào trong lạy này". Bây giờ lịch sử đã lật sang trang, những bàn tay ấy cầm lá phiếu bầu với bao tin tưởng ở tương lai đất nước mình, tương lai con cháu mình : "– Tôi bầu cho Bác Hồ vĩnh cửu muôn đời, tôi bầu cho Tổ quốc Việt Nam, tôi bầu cho Chủ nghĩa xã hội"... Nào là "kỹ thuật" luôn luôn đổi giọng, giọng sôi nổi, giọng trầm lắng, giọng hùng biện, giọng trữ tình, giọng miền Bắc, giọng miền Nam, miền Trung,... nào là "kỹ thuật" dồn vãn từ thấp đến cao, cho đến cao trào, v.v. Văn chương cũng như tình yêu, còn có hàng trăm cách làm duyên làm dáng khác ở những cây bút có kinh nghiệm. Nhưng trong lĩnh vực nghệ thuật, kỹ thuật dù khéo léo tinh xảo đến đâu tự nó cũng không thể tạo nên được một giá trị thẩm mỹ nào. Xuân Diệu hiểu hơn ai hết, cái bí quyết thần thông nhất vẫn là ở trái tim, ở tâm hồn. Trái tim chân thật, sức yêu mãnh liệt và cặp mắt xanh non (Xuân Diệu thích nói đến hai chữ "xanh non" hay "biếc rờn" của cặp mắt thanh niên), ấy là tất cả kinh nghiệm nghệ thuật sống còn của ông :

"Lá không vàng, lá không rụng, lá lại thêm xanh ; ấy là mùa thu đã về (...) Thu không phải là mùa sầu. Ấy chính là mùa yêu, mùa yêu nhau bằng linh hồn, mùa những linh hồn yêu mến nhau" (*Thu*). Văn Xuân Diệu là như thế đấy : mới mẻ, trẻ trung, nhiều khi táo bạo. Nhưng thực ra ông chỉ nói sự thật, sự thật của trời đất, sự thật của lòng mình mà thành ra yêu thế thôi. Tất nhiên là phải nói bằng lòng yêu mến, bằng tình đắm say.

Nhưng trước Cách mạng, thích gì nói thế, Xuân Diệu nào có phải buộc cho mình một trách nhiệm gì đâu. Sau Cách mạng thì không thể như thế nữa. Lòng yêu phải mở rộng ra rất nhiều. Cách mạng đòi hỏi người nghệ sĩ phải có trái tim lớn lắm, khoẻ lắm. Vẫn có thể tiếp tục nói về tình yêu, về mùa thu..., nhưng phải nói nhiều hơn về chính trị, về thời sự, về cách mạng... Ôi, giữ cho được không bao giờ vơi cạn, không bao giờ đuối sức mạnh tình cảm, cảm xúc của mình thật khó vậy thay ! Huống chi tuổi càng cao, tâm hồn cứ trẻ mãi được sao ! Có ai nghĩ đến đằng sau những trang văn tươi mát là cuộc phấn đấu quyết liệt với tuổi già của người cầm bút : "Dường như suốt cuộc đời riêng của tôi, luôn luôn tôi học tập cái niềm vui trẻ đó, cứ dăm năm một, tôi lại phấn đấu

http://tieulun.hopto.org

đổi mới tâm hồn mình lên một bậc, cho kịp với tuổi thanh xuân lứa nọ nối bước lứa kia" (*Niềm vui lớn của tuổi trẻ*).

Anh đã không uổng công. – Xin gọi anh là anh như vẫn thường gọi trước khi anh mất. – Tôi không nói rằng anh vẫn giữ nguyên được cái chất ham hố, trẻ trung như thuở xưa, nhưng quả thật tôi chưa bao giờ thấy cái bóng của tuổi già in trên những trang bút ký của anh cho dù là những trang viết cuối cùng. Từ ngày đất nước thống nhất, được đi đi về về thăm quê Nam, hình như anh có trẻ thêm ra, một phần vì niềm vui lớn của dân tộc, một phần vì được tắm gội trong không khí những kỷ niệm của tuổi ấu thơ trên mỗi bước đi trên quê mẹ ? Này đây, anh lại lội xuống cái bàu sen nơi trường làng xưa mà tuổi nhỏ anh thường lội qua ; này đây anh ôm trái xoài Thanh ca Bình Định mà lòng tưởng thấy cái làng Tân Điền thuở nào anh thường tới để lượm xoài rụng : này đây anh lại đi vào bóng mát của những khu "vườn địa đàng" Nam Bộ "có những con sóc tự sinh, nhảy chuyền từ ngọn dừa này sang ngọn dừa kia, và cái đuôi sóc cong còn in lên nền trời..." (*Về lại quê Nam*). Không hiểu sao hình ảnh "cái đuôi sóc cong còn in lên nền trời" cứ gợi cho tôi hình dung rất rõ đôi mắt của Xuân Diệu vẫn còn rất đỗi "Xanh non".

Hà Nội, cuối thu 1986

(In trong *Tuyển tập Xuân Diệu, tập II - Văn xuôi*
NXB Văn học, Hà Nội, 1987, tr. 5 - 17)

http://tieulun.hopto.org

NHÀ THƠ LÃNG MẠN TIÊU BIỂU NHẤT(*)

LÊ ĐÌNH KỴ

Sau Tản Đà, Xuân Diệu có lẽ là "thi sĩ" nhất trong số các nhà thơ hiện đại. Đã là thi sĩ thì ít nhiều đều lãng mạn. Tiêu biểu cho thơ tiền lãng mạn là Tản Đà. Tiêu biểu cho thơ lãng mạn toàn thịnh sau 1930 là Xuân Diệu.

Một thời gian dài sau Cách mạng, thơ lãng mạn được coi là nặng khuynh hướng bi quan, thoát ly. Thế nhưng Xuân Diệu đã xuất hiện trong phong trào Thơ mới với tất cả lòng say mê yêu đời, khao khát cảm thông, đòi yêu và được yêu. Không mãi du dương trong cõi tiên như Thế Lữ, lên tiếng chê trách trường phái thơ Loạn đương thời, Xuân Diệu, nói như Thế Lữ trong Lời tựa tập *Thơ thơ* (1939) "Là một người của đời, một người ở giữa loài người. Lầu thơ của ông xây dựng trên đất của một tấm lòng trần gian..."

Ta ôm bó cánh tay ta làm rắn
Làm dây đa quấn riết cả mình xuân
Không muốn đi mãi mãi ở vườn trần
Chân hoá rễ để hút mùa dưới đất.

Những bài thơ có tên *Dâng, Mời yêu, Lạc quan, Nụ cười xuân, Xuân không mùa*... Thơ này không thầm thì, không cốt thâm trầm, mà thích kêu to, nói lớn, vì nó chân tình thiết tha, say đắm nên không ai thấy đôi khi nó cũng khá ào ạt :

– Mau với chứ vội vàng lên với chứ...
– Anh nhớ em, anh nhớ lắm em ơi...
– Em phải nói, phải nói và phải nói...

Vội vàng sống, *giục giã* yêu, tận hưởng giờ phút hiện tại. Đời người ngắn ngủi, thời gian không đợi, chủ đề đó không mới lạ, chuyện bình

(*) Nhan đề do người tuyển chọn đặt.

http://tieulun.hopto.org

chúc dạ du (cầm đuốc chơi đêm) xưa nay Đông Tây đã có, Nguyễn Công Trứ đã cổ vũ nó – nhưng phải chờ đến Thơ mới và với Xuân Diệu mới có cái say sưa, hối hả, quyết liệt này :

Hái một mùa hoa lá thuở măng tơ,
Đốt muôn nến sánh mặt trời chói lói ;
Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối,
Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm.

Nếu có gì là "hưởng thụ" ở đây, thì không phải theo nghĩa vật dục tầm thường, mà đó chỉ là biểu hiện của khát vọng được sống, được hưởng hoa thơm trái ngọt của đời, của tình yêu. Mà yêu không phải là hưởng thụ, nếu quan niệm khác đi e không tránh khỏi rơi vào chủ nghĩa khổ hạnh, chấp nhận cái "*buồn le lói suốt trăm năm*", chấp nhận sống tẻ nhạt, phí phạm.

Nhà thơ đã thử "*định nghĩa*" tình yêu :

Làm sao cắt nghĩa được tình yêu !
Có nghĩa gì đâu, một buổi chiều
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt,
Bằng mây nhè nhẹ gió hiu hiu...

(*Vì sao*)

hay :

Yêu là chết ở trong lòng một ít

(*Yêu*)

Không đúng chút nào ! Tình yêu ở Xuân Diệu không *nhè nhẹ, hiu hiu*, đau khổ có nhưng lòng nhà thơ không bao giờ nguội lạnh, không *chết*, dù là *một ít*, mà sôi nổi, nồng nàn, cuồng nhiệt :

Như kẻ hành nhân quáng nắng thiêu,
Ta cần uống ở suối thương yêu ;
Hãy tuôn âu yếm, lùa mơn trớn,
Sóng mắt, lời môi, nhiều – thật nhiều...
... Trời cao treo như chén xanh êm ;
Biển đắng không nguôi nỗi khát thèm.
Nên lúc môi ta kề miệng thắm,
Trời ơi, ta muốn uống hồn em !

(*Vô biên*)

http://tieulun.hopto.org

Khát vọng giao cảm, yêu thương có một đối tượng chắc chắn hơn là thiên nhiên. Với tình yêu, với thiên nhiên Xuân Diệu đều thiết tha say đắm như nhau. Ngôn ngữ dành cho thiên nhiên, ngôn ngữ của thiên nhiên cũng là ngôn ngữ của tình yêu. Ở *Với bàn tay ấy*, chuyện tình yêu, chuyện "*bàn tay ấy ở trong tay*" để lại dấu ấn suốt đời trong cái khoảnh khắc thiên nhiên không bao giờ quên :

Một tối bầu trời đắm sắc mây,
Cây tìm nghiêng xuống nhánh hoa gầy,
Hoa nghiêng xuống cỏ trong khi cỏ
Nghiêng xuống làn rêu, một tối đầy

Những lời huyền bí toả lên trăng,
Những ý bao la rủ xuống trần,
Những tiếng ân tình hoa bảo gió,
Gió đào thổ thẻ bảo hoa xuân.

(*Với bàn tay ấy*)

Ở Hàn Mặc Tử là cái *hồi hộp* trong sự chờ đợi ngây ngất : "*Hoa lá ngây tình không muốn động – Lòng em hồi hộp chị Hằng ơi !*" Ở Xuân Diệu không chờ đợi mà là một sự đuổi bắt, một cuộc giao tình có một không hai giữa thiên nhiên, vạn vật :

Nguyệt lác đác tiếng nở giòn lách tách ;
Lòng phơi phơi chừng đợi cái ong châm...
Miệng thở ra hương, hương toả tình ngầm,
Hoa kỹ nữ đã mở lời trêu ghẹo...

Chàng gió lạ đi khuya ngoài khuất nẻo
Nghe tiếng thơm liều liệu đến tìm hương.
Cánh du lang tha thướt phấn qua tường ;
Áo công tử dải là vương não nuột.

Này hoa ngọc đã giật mình trắng muốt,
Thoảng tay tình gió vuốt – bỗng lao đao...
Hương hiu hiu nên gió cũng ngọt ngào ;
Hôn nhẹ nhẹ mà đầu hoa nặng trĩu...

(*Hoa đêm*)

http://tieulun.hopto.org

Người ta hay nói đến "khoảnh khắc thơ", có những khoảnh khắc tâm hồn cũng như những khoảnh khắc thiên nhiên. Nói khoảnh khắc vì nó chỉ diễn ra ở một lúc nào đó và sẽ nhanh chóng trôi qua, mà chỉ có câu thơ, bức hoạ, bản nhạc,... mới ghi lại tươi nguyên, sống động, níu giữ, giành giật ra khỏi cái dòng chảy vô tình của thời gian. Những khoảnh khắc như thế ta bắt gặp nhiều lần trong thơ Xuân Diệu :

Gió thầm, mây lặng, dáng thu xa.
Mới tạnh mưa trưa, chiều đã tà.
Buồn ở sông xanh nghe đã lại,
Mơ hồ trong một tiếng chim qua.

(*Thu*)

Những "dây tơ" trong không gian mỗi người hình như đã có dịp cảm thấy, nó mong manh biết bao, được thơ ghi lại thì nó còn lại mãi :

Không gian như có dây tơ
Bước đi sẽ đứt, động hờ sẽ tiêu.

(*Chiều*)

Cũng như khoảnh khắc trăng này – thơ về trăng thì cũng không ai qua được Xuân Diệu :

Bàng khuâng chân tiếc dậm lên vàng,
Tôi sợ đường trăng tiếng dậy vang,
Ngơ ngác hoa duyên còn núp lá,
Và làm sai lỡ nhịp trăng đang
Dịu dàng đàn những ánh tơ xanh,
Cho gió du dương điệu múa cành ;
Cho gió đượm buồn thôi náo động
Linh hồn yểu điệu của đêm thanh.

(*Trăng*)

Trẻ trung, sôi nổi, thơ Xuân Diệu đặc biệt gần gũi với tuổi trẻ đương thời : Điều này do tạng người, tạng thơ của Xuân Diệu, nhưng có lẽ còn có gốc gác trong thời điểm lịch sử lúc bấy giờ. Xuân Diệu bắt đầu làm thơ thời Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1936 - 1939), có được một chút tự do nào đó, cho phép người ta hy vọng. Có bài lấy tên *Lạc quan* :

http://tieulun.hopto.org

Vườn cười bằng bướm hót bằng chim ;
Dưới nhánh không còn một chút đêm :
Những tiếng tung hô bằng ánh sáng
Ca đời hưng phục trẻ trung thêm.

(*Lạc quan*)

Ta thấy không chỉ lạc quan do trời đất đưa lại mà còn do "*đời hưng phục*" – một cách nói rất thời thế.

Nói chung, âm hưởng chính của Thơ mới là buồn, cô đơn, Xuân Diệu cũng không tránh khỏi tình trạng chung. Dù sao lòng yêu đời, khát vọng sống thì không bao giờ tắt ở nhà thơ :

Một ít nắng, vài ba sương mỏng thắm,
Mấy cành xanh, năm bảy sắc yêu yêu.
Thế là xuân. Tôi không hỏi chi nhiều.
Xuân đã sẵn trong lòng tôi lai láng...

(*Xuân không mùa*)

Thế còn nỗi buồn trong Thơ mới và ở Xuân Diệu ? Nó có đó, nhưng là mặt trái của lòng yêu đời, của những say mê không được đáp ứng. Nhà thơ đã mượn chuyện hoa lá để ngụ chuyện đời, chuyện mình :

Hoa ngõ đem hương gởi gió kiều,
Lá truyền tin thắm gọi tình yêu.
Song le hoa đợi càng thêm tủi.
Gió mặc hồn hương nhạt với chiều,

(*Gửi hương cho gió*)

Nhà thơ đã ví mình như một thứ kim loại dễ dàng chịu sức hút của muôn vật muôn loài :

Tôi chỉ là cây kim bé nhỏ
Mà vạn vật là muôn đá nam châm,
Nếu hương đêm say dậy với trăng rằm.
Sao lại trách người thơ tình lơi lả ?

(*Cảm xúc*)

Chính lòng yêu đời, nhạy cảm đã giúp nhà thơ cảm nhận ra những mối tương giao thầm kín, sự giao hoà, hô ứng giữa sự vật với nhau và

http://tieulun.hopto.org

với con người. Về mặt này Baudelaire đã có ảnh hưởng đáng kể đến Xuân Diệu. Tâm hồn nhà thơ như hút vào sự vật, lắng nghe bản hoà tấu âm thầm, "*huyền diệu*" giữa màu sắc, hương vị, âm thanh :

Này lắng nghe em khúc nhạc hường
Dẫn vào thế giới của Du dương
Ngừng hơi thở lại, nghe trong ấy
Hiển hiện hoa và phảng phất hương.

(*Huyền diệu*)

Thơ tư duy bằng ấn tượng, bằng âm điệu, bằng trực cảm, bằng liên tưởng, phát hiện ra mối liên hệ giữa các sự vật tưởng như vô can, cách xa nhau – cũng là một cách nhận chân tính thống nhất trong tính đa dạng của thế giới bên ngoài cũng như bên trong con người. Đó cũng là cái huyền diệu của tâm hồn thi nhân và từ sự sống đi vào thơ ca. Bài thơ vừa trích ở trên lấy tên là *Huyền diệu*. Cái huyền diệu cũng đạt tới được nhờ ngôn ngữ say nồng, táo bạo, cho đến bây giờ vẫn là mới và rất sáng tạo, chả trách mà đương thời có người chê Xuân Diệu là Tây, là lai căng, mất gốc ! Nhưng bây giờ thì đã rõ, tư duy ấy, cảm xúc ấy là phải đi với ngôn ngữ ấy, không thể khác được. *Nhan sắc ơi, bình minh quá, tháng giêng cười, tuôn âu yếm, lùa mơn trớn, rượu nơi mắt, gấm trong lòng, chùm mong nhớ, khóm yêu đương, hoa kỹ nữ, gió phong lưu, tình thổi gió, trăng mối lái, trăng vú mộng, tắt nắng đi, buộc gió lại...* đó là ngôn ngữ, đó cũng là tâm hồn Xuân Diệu. Còn những cách nói lúc đầu nghe lạ tai : *Hôm nay lạnh mặt trời đi ngủ sớm – Non xa khởi sự nhạt sương mờ – Hơn một loài hoa đã rụng cành* thì lại là cách nói bình thường, chẳng phải của riêng một nước nào, mặc dầu nguồn gốc "Tây" của nó là điều không ai phủ nhận.

Xuân Diệu có bài *Cảm xúc* có thể xem như là một thứ tuyên ngôn của Thơ mới :

Là thi sĩ, nghĩa là ru với gió
Mơ theo trăng, và vơ vẩn cùng mây,
Để linh hồn ràng buộc bởi muôn dây,
Hay chia sẻ bởi trăm tình yêu mến.

http://tieulun.hopto.org

Đây là quán tha hồ muôn khách đến ;
Đây là bình thu hợp trí muôn hương ;
Đây là vườn chim nhả hạt mười phương,
Hoa mật ngọt chen giao cùng trái độc...

(*Cảm xúc*)

Ru với gió, mơ theo trăng, để linh hồn ràng buộc bởi muôn dây, bởi muôn tình yêu mến, đó là thân phận muôn đời của thi sĩ. Cái vườn thơ cho chim đến *nhả hạt mười phương* cũng là điều đáng mong ước cho sự giàu có của thơ ca Việt Nam. Tất nhiên không nên để cho những trái độc chen vào khu vườn đầy hương sắc ấy.

Cách mạng đến với Xuân Diệu như là lời giải đáp cho bao nhiêu chờ đợi thiết tha của anh. Không ngạc nhiên trong số các nhà thơ mới đứng ngay vào hàng ngũ cách mạng, Xuân Diệu là người hưởng ứng nhạy nhất, với *Ngọn quốc kỳ, Hội nghị non sông, Mẹ con,...* chứng tỏ giữa hai giai đoạn sáng tác giữa trước và sau Cách mạng không phải chỉ có đứt mà còn có sự nối tiếp.

(In trong *Thơ mới những bước thăng trầm*,
NXB Tác phẩm mới, Thành phố Hồ Chí Minh, 1988)

http://tieulun.hopto.org

SỰ ĐA DẠNG CỦA XUÂN DIỆU

MÃ GIANG LÂN

Khoảng mười năm trước Cách mạng tháng Tám 1945, Xuân Diệu xuất hiện và trở thành một trong những nhà thơ nổi tiếng của phong trào Thơ mới. Xuân Diệu viết nhiều thể loại, chuyển từ đề tài này sang đề tài khác, bút pháp biến hoá và gây ấn tượng mạnh.

Thơ Xuân Diệu thời kỳ này (*Thơ thơ, Gửi hương cho gió*) có tiếng vang lớn trong bạn đọc, nhất là trong tầng lớp thanh niên và đem đến cho thơ ca Việt Nam một tiếng nói mới, trẻ trung say đắm. Ông thể hiện niềm say sưa khát khao cuộc sống, nồng nhiệt với tình yêu. "Làm sao sống được mà không yêu – Không nhớ không thương một kẻ nào ?". Sống và yêu đều sôi nổi như muốn thoát ra ngoài nếp sống buồn tẻ hằng ngày. Không trốn lên tiên "mãi mãi ở vườn trần". Ông yêu người, yêu đời và phong cảnh đất nước. Cái bâng khuâng ở đồng quê :

Mây biếc về đâu bay gấp gấp
Con cò trên ruộng cánh phân vân

và đường nét không gian, thời gian đầy gợi cảm :

Con đường nhỏ nhỏ gió xiêu xiêu
Lả lả cành hoa nắng trở chiều

Sâu xa hơn vẫn là tâm hồn nhà thơ rộng mở, siêng năng sống hoà cùng trời đất, cỏ cây, tạo vật :

Chiều mộng hoà thơ trên nhánh duyên
Cây me ríu rít cặp chim chuyền.

Thiên nhiên trong thơ Xuân Diệu rất đẹp nhưng bao giờ cũng buồn. Ở bài *Đây mùa thu tới*, hai câu thơ mở đầu tả cảnh, cảnh buồn :

Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang
Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng

http://tieulun.hopto.org

những chữ *đìu hiu, chịu tang, tóc buồn, lệ ngàn hàng* gợi hình và gợi cảm xúc mạnh. Cái buồn ở lòng người thấm vào cây, cảnh. Hai câu thơ tiếp theo như một tiếng reo thầm khi mùa thu đột ngột hiện ra :

Đây mùa thu tới, mùa thu tới
Với áo mơ phai dệt lá vàng

Một niềm vui chợt đến nhẹ nhàng, một chút yêu đời, yêu cuộc sống. Câu thơ thứ tư mô tả bầu trời mùa thu - không gian mùa thu. Cái không gian nghệ thuật ấy như chiếc áo màu "mơ phai" choàng cho mùa thu, tạo cho mùa thu một dáng vẻ tươi sáng thanh nhẹ. Nhờ vậy mà đoạn thơ có buồn nhưng không hiu hắt bi thương.

Là nhà thơ tình yêu số một của Việt Nam, nhưng càng về sau Xuân Diệu càng bộc lộ nỗi đau khổ của con người cô đơn, bế tắc không tìm thấy hướng đi trong cuộc sống xã hội. Cái say sưa ban đầu đã pha nhiều chán nản : *"Ta bỏ đời mà đời cũng bỏ ta"*. Tình yêu cũng không quên được nỗi buồn, ngột ngạt xót xa : *"Chết không gian khô héo cả hồn cao"*. Cái *hồn cao* ấy không gì khác hơn là cái phẩm chất quý báu mà nhà thơ giữ được và cũng là một cách để phân biệt mình với xã hội lúc bấy giờ. Có điều cái hồn cao ấy muốn thực sự có ý nghĩa đúng đắn, trọn vẹn, thì chỉ có một cách là tích cực tham gia vào quá trình làm thay đổi cuộc sống của cả xã hội cả dân tộc, tức là cách mạng.

Và cũng chính vì vậy, khi cuộc sống có những thay đổi, ông đã nhanh chóng đón nhận và hoà nhập vào cuộc sống. Ông chào mừng Cách mạng một cách hào hứng bằng những hành động công dân cụ thể và bằng cả tâm hồn tài năng của mình. Chỉ trong ba tháng Xuân Diệu đã sáng tác và xuất bản hai trường ca *Ngọn quốc kỳ* (11-1945) và *Hội nghị non sông* (2-1946). Cả hai trường ca đều mang âm hưởng hùng tráng, cảm hứng lãng mạn về Tổ quốc trong không khí lạc quan hừng hực đấu tranh bảo vệ thành quả cách mạng. Cuối năm 1946, Xuân Diệu cùng với một số văn nghệ sĩ khác tham gia chuyến đi vào mặt trận nam Trung Bộ. Sau đó là những ngày ông hoà mình vào cuộc kháng chiến toàn quốc. Sống với quần chúng, lòng yêu nước, ý thức dân tộc của ông được nâng lên nhiều. Từ đó thơ ông có những màu sắc mới. Các tập thơ *Dưới sao vàng, Sáng, Mẹ con, Ngôi sao* đánh dấu một bước chuyển quan trọng trong đời sống thơ ông.

http://tieulun.hopto.org

Từ nhà thơ lãng mạn, Xuân Diệu nhanh chóng trở thành nhà thơ cách mạng, nhà thơ nhân dân. Thơ ông đã biểu hiện được cái phong phú của cuộc sống kháng chiến và tâm hồn của quần chúng cách mạng. Ông đã có những câu thơ thấm thía ân tình về công ơn cảm hoá tái tạo của Đảng, ông cũng nói được những băn khoăn day dứt, ân hận của mình một cách chân thành trước hình ảnh Bác Hồ, vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc :

Trên đầu tóc Bác sương ghi
Chắc đôi sợi đã bạc vì chúng con.

Trong những năm tháng xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống Mỹ, thơ Xuân Diệu bám sát cuộc sống, giàu tính hiện thực, tính thời sự, tràn đầy những hình ảnh, ấn tượng cảm giác và có những thành công xuất sắc, tạo được những tập thơ hay. *Riêng chung, Mũi Cà Mau – Cầm tay, Một khối hồng, Hai đợt sóng, Tôi giàu đôi mắt, Hồn tôi đôi cánh, Thanh ca*, ở tập thơ nào cũng thấy ông đang tìm tòi chưa chịu ngừng nghỉ, chưa chịu ổn định. Ông chịu khó đi khoẻ, lắng nghe, ghi chép.

"Tay siêng làm lụng, mắt hay kiếm tìm" cho nên có được nhiều hình ảnh mới, cảm xúc mới và những tứ thơ độc đáo có sức khái quát cao.

*
* *

Nét lớn xuyên suốt trong thơ Xuân Diệu là tiếng nói sôi nổi tha thiết một cách bộc trực, một năng lực cảm thụ tinh tế dồi dào. Ông quan sát tỷ mỷ những đổi thay trong cuộc sống xung quanh, ông muốn chiếm lĩnh thực tại rộng lớn. Trong nhiều bài thơ ông muốn đưa cái hằng ngày vào và làm cho lời thơ gần gũi với tiếng nói hằng ngày,... Tất cả những điều ấy xét cho cùng vẫn là xuất phát từ tấm lòng và ý thức gắn mình với vận mệnh của đất nước.

Một nét đặc sắc nữa trong thơ Xuân Diệu là giàu hương vị cuộc đời, gây tác động mạnh bằng cảm giác. Tạo được cảm giác câu thơ có hình khối, tức là tạo ra được những thực thể vật chất gây hứng thú cho người đọc :

Ánh sáng ôm trùm những ngọn cao
Cây vàng rung nắng lá xôn xao.

http://tieulun.hopto.org

Người đọc đồng thời với việc thoả mãn thị giác là được thoả mãn nhiều giác quan khác :

Khi tôi chưa biết khôn mà da tôi đã biết mát
rờn theo gió
Hiu hiu gió nồm, lo ló vừng trăng.

Cảm giác trong sáng gây nên những hào hứng mát tươi. Ngày miền Nam được giải phóng, Xuân Diệu đi giữa Sài Gòn, ông ghi lại cảm động : *"Lòng sướng vui như muốn vỡ oà chan hoà nước mắt"*. Ông reo lên sung sướng khi gặp lúa xuân xã Nam Bình : *"Vui sao cảnh rơm vàng – Vực đường làng ta dậy !"*. Ông tự hào về những đặc sản của đất nước : *"Mùa thu chuối vàng trứng cuốc – Chuối dài đến suốt mùa đông"*. Nhiều câu thơ của ông nhịp nhàng, mềm mại, nghiêng về cảm giác, có dư vị lan toả.

Xuân Diệu tinh tế, nhạy cảm. Thơ ông nhiều màu, nhiều vẻ, ông làm chủ được ngôn ngữ vần điệu và các thể thơ một cách vững vàng thuần thục. Nhưng bản lĩnh nghệ thuật ông bộc lộ rõ ràng nhất là ở mảng thơ tình. Trước đây ở *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió* tình yêu chứa chan say đắm, nhưng là tình yêu của hai cá thể cũng chỉ biết cuộc sống cá thể của hai người nên không khỏi có lúc cô đơn. Chỉ tính riêng sau Cách mạng, thơ tình của ông đã có đến năm trăm bài, nghĩa là cái suối tình trong ông vẫn tuôn chảy dạt dào trên nền tư tưởng mới, tình yêu lứa đôi hoà cùng niềm vui, lo toan của xã hội. Tình yêu đẹp đắm say mà không cá nhân ích kỷ. Cái đẹp ở đây là rất cuộc đời, là rất riêng mà hoà chung cùng mọi người. Viết về đôi mắt người yêu đã có bao người và bao cách nói hay rồi, đến Xuân Diệu, ông vẫn có cách nói riêng sáng tạo của mình :

Không phải anh hôn nơi mắt,
Anh hôn cái nhìn của em.
Mắt em một vừng yêu mến,
Thắt anh trong lưới êm đềm.

Viết về sự kỳ diệu của tình yêu, ông không đi ra ngoài cuộc sống. Thủ pháp quen thuộc của ông là mượn thiên nhiên để gửi gắm tình người. Ở đây ông lại quay về truyền thống dân tộc. *Một buổi sớm mai,*

http://tieulun.hopto.org

Hoa nở sớm, Cây thông đứng trước biển, Hoa "anh ơi", Hoa ngọc trâm,... làm cho người đọc bỗng nhiên nhớ đến những nhà thơ cổ điển của chúng ta vẫn thường tính sự chuyển vận của thời gian và tâm hồn con người qua sự đổi thay của hoa lá cây cỏ. Một buổi sớm mùa xuân bên hồ Tây, anh chiêm ngưỡng tạo vật mơn mởn sức sống :

Hây hây những bóng xanh cây ổi
Cong một bờ đê đã bật chồi.

Không những cây ổi bật chồi mà khúc đê cong cũng bật chồi. Mùa xuân đẹp lắm, chỉ đợi em thôi :

Mùa xuân đã về, hương đẫm ướt
Em đi chưa về, anh ngẩn ngơ.

Tình và cảnh chan hoà là vậy.

Trong thơ tình đôi lúc Xuân Diệu còn muốn gửi gắm những điều sâu xa. Từ những hiện tượng cụ thể, ông nâng lên ý nghĩa triết học. Ông nói tới những nguyên nhân và kết quả của hai cá thể trong "vũ trụ tình" là thống nhất biện chứng :

Có em nên mới là anh
Có em, anh mới hai mình giàu thêm
Thêm mình, vì có thêm em
Mình thêm em nữa, cho nên thật mình.

Ông chỉ ra thuộc tính của tình yêu là nỗi nhớ thường trực :

Uống xong lại khát là tình
Gặp rồi lại nhớ là mình của ta.

Câu thơ khái quát, không cầu kỳ, nhưng cũng không rơi vào đơn giản. Tình yêu cao quý, lâu dài, bền chặt không bị không gian ngăn cách, không bị thời gian bào mòn... Thơ tình Xuân Diệu có sự thông cảm, chăm chút, tôn trọng giữa những người yêu nhau. Đó là những con người nhân hậu bao dung. Có những lúc hờn, giận, trách, ghen và đây cũng lại là tín hiệu của tình yêu.

Từ những kinh nghiệm sáng tác và năng lực cảm thụ thơ, Xuân Diệu có ưu thế và có đóng góp trong những hoạt động phê bình, giới thiệu thơ, dịch thơ. Ông giới thiệu những tinh hoa của văn hoá dân tộc :

http://tieulun.hopto.org

Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Cao Bá Quát, Nguyễn Đình Chiểu, Đào Tấn, Tản Đà,... Ông trân trọng ca ngợi cái hay, cái đẹp của ca dao cổ truyền và thơ ca quần chúng cách mạng. Ông viết về thơ Hồ Chủ tịch, Tố Hữu, Tú Mỡ, Huy Cận, Thế Lữ, Trần Đăng Khoa,... Ông dịch và giới thiệu các nhà thơ lớn Nazim Hikmet, Maiacốpxki, Dimitrova, Pablo Neruda, Nicôla Ghiden, các nhà thơ Bungari, Hunggari. Phải nhận rằng qua những phát hiện, phân tích của ông các tác phẩm càng lộ ra cái đẹp, cái sâu sắc. Từ những bài viết của ông, các nhà thơ như được xuân hoá, trẻ thêm. Đến lĩnh vực này, người đọc vẫn nhận ra một Xuân Diệu như đã gặp trong thơ ở cách nói bộc trực, say sưa, muốn nói cho đủ hết. Ông nói về quá trình chuyển biến tư tưởng tình cảm, nghệ thuật của mình, về quan điểm giữa tình cảm và trí tuệ trong thơ. Ông trình bày những quan niệm sáng tác : cách xây dựng bài thơ, tứ thơ, hình ảnh thơ, cách chọn từ, vần điệu,... Ông gây ấn tượng và cuốn hút người đọc bằng những khám phá bất ngờ, bằng những suy nghĩ tâm đắc, bằng hành văn sinh động, bằng những liên tưởng so sánh độc đáo theo cách riêng của mình.

Văn xuôi Xuân Diệu cũng mang một hình thức hoàn mỹ và rất thơ. Tập truyện ngắn *Phấn thông vàng*, các tập bút ký *Trường ca, Việt Nam ngàn dặm, Ký sự thăm nước Hung, Triều Tiên* cùng với nhiều bài ký khác đã khẳng định ở ông sự mẫn cảm dồi dào.

Xuân Diệu là một nhà thơ đa dạng, sử dụng được nhiều thể loại. Không những thế, ông còn là một nhà hoạt động xã hội tích cực phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân. Ông là đại biểu Quốc hội khoá I (1946 - 1960). Ông làm báo, làm xuất bản, làm công tác đào tạo nhà văn. Ông là một trong những hạt nhân tham gia việc chuẩn bị và thành lập Hội Nhà văn Việt Nam. Ông đã đến nhiều vùng của đất nước từ địa đầu Đồng Văn tới chót mũi Cà Mau để làm thơ và bình thơ hơn bốn trăm buổi trước công chúng. Ông góp phần không nhỏ trong các hoạt động văn hoá, phát triển tình hữu nghị giữa Việt Nam với nhiều dân tộc anh em trên thế giới. Xuân Diệu đã nhiều lần đi thăm Liên Xô, Bungari, Hunggari,... là thành viên Đoàn đại biểu nhà văn Việt Nam dự Hội nghị trù bị các nhà văn Á châu ở Niu Đêli, Ấn Độ (1958), được mời sang Pháp nói chuyện về thơ Việt Nam (1981), dự lễ mừng thọ nhà thơ dân tộc Cuba Nicôla Ghiden bảy mươi tuổi tại La Habana (1982),...

http://tieulun.hopto.org

Sự sáng tạo và đóng góp của Xuân Diệu thực sự mang một tầm cỡ lớn mà phần lớn những tác phẩm có giá trị của ông lại được hoàn thành trong lòng cuộc sống cách mạng.

Tháng 6 năm 1983 Xuân Diệu được công nhận là Viện sĩ thông tấn Viện hàn lâm nghệ thuật Cộng hoà Dân chủ Đức, một viện hàn lâm mà trong danh sách các viện sĩ thông tấn, chúng ta gặp nhiều tác giả lớn quen thuộc : M. Sôlôkhốp, C. Ximônốp, Tr. Aitmatốp (Liên Xô) Nicôla Ghiden (Cuba), Raphaen Anbécti (Tây Ban Nha), L. Aragon (Pháp). Và ở Việt Nam chúng ta vẫn gọi ông bằng một danh hiệu gần gũi thân tình mà nhiều ý nghĩa : Xuân Diệu nhà thơ – nghệ sĩ của Cách mạng và Nhân dân. Ông đã được Hội đồng Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng nhất.

Tháng 12 - 1985

(In trong *Nghệ Tĩnh - Gương mặt nhà văn hiện đại*
NXB Văn hoá, Hà Nội, 1990)

9B- XD

http://tieulun.hopto.org

XUÂN DIỆU VÀ NIỀM KHÁT KHAO GIAO CẢM VỚI ĐỜI

NGUYỄN ĐĂNG MẠNH

Tôi được tiếp xúc nhiều với Xuân Diệu bắt đầu từ cái hồi anh phụ trách tờ *Tác phẩm mới*, đâu như khoảng năm 1968, 1969 gì đó, tôi có đến anh mấy lần về chuyện bài vở. Thấy tôi viết bản thảo kín cả hai mặt giấy, anh lấy làm ái ngại. Anh lục tìm cho tôi một cuộn giấy báo chưa in, bảo rọc ra mà làm bản thảo dần :

– Bản thảo phải viết một mặt, sửa chữa tiện. Khi cần gấp, người ta có thể đưa sắp chữ ngay không cần đánh máy. – Thì ra anh quan tâm đến người khác một cách rất cụ thể.

Từ đó, thỉnh thoảng tôi lại đến thăm anh, nhất là khi chán nản, muốn tìm ở anh một không khí làm việc trở lại.

Hồi viết về Nguyễn Tuân, tôi có lúc thấy bí quá, xoay trở mãi không sao đi được phần đầu. Tôi được Xuân Diệu phổ biến kinh nghiệm :

– Quy luật viết – viết phê bình hay sáng tác thơ cũng thế – là quy luật cóc nhảy. Viết đoạn đầu mà tắc thì cứ bỏ đấy, viết sang phần khác, rồi đến lúc nào đó, quay trở lại, tự nhiên sẽ thấy thông thuận. Vẽ người cũng thế, cứ gì phải vẽ từ đầu xuống, có thể vẽ từ dưới lên cũng được chứ.

Rồi anh tìm lời động viên tôi :

– Mình cũng thế thôi, nhiều khi đặt bút viết mà đầu cứ rỗng không, chẳng có chữ nào. Viết như bị đòi nợ, đến hẹn rồi mà không có xu nào trả. Thế mà rồi cũng viết được đấy. Tập trung suy nghĩ mãi vào một điểm rồi nó bật ra.

Trò chuyện với Xuân Diệu đến độ thân mật thì anh không chỉ nói chuyện văn mà còn nói chuyện đời. Mà chuyện đời không chỉ trên những đạo lý lớn mà nhiều cái tỷ mỷ, thiết thực :

http://tieulun.hopto.org

- Này, muốn viết được đều đặn, phải có vật chất bồi dưỡng. Có tài không đủ, phải có sức nữa. Đêm nào mình định viết một cái gì đấy, buổi chiều thế nào cũng phải mua vài lạng thịt. Mình cứ viết hết bài nọ đến bài kia, luôn luôn ở tình trạng phải cố sức. Không bồi dưỡng, không viết được.

Rồi anh cho biết giá thịt bây giờ bao nhiêu, thịt lẫn xương bao nhiêu, loại thịt nạc, thịt thăn bao nhiêu. Rồi giá trứng gà, trứng vịt. Anh tính toán ăn cái gì bổ hơn mà rẻ hơn.

Buổi sáng hôm ấy, anh vừa nói chuyện với tôi vừa để ý nghe ngóng tiếng con gà mái cục tác ngoài sân sau. Anh cười lớn và giải thích :

- Con gà có tật ăn trứng, thành ra khi nó đẻ, nhà thơ phải biết mà "chộp" ngay lấy.

Có những nhà văn sản xuất ra nghệ thuật thì ít mà sống một cách "nghệ sĩ" thì nhiều. Xuân Diệu không thế, mà ông như một người căn cơ, chu đáo nhất. Anh muốn tạo điều kiện để dồn tâm lực vào nghệ thuật đến mức tối đa. Như thế không phải là nói sự tách rời hay đối lập giữa con người của đời sống và nghệ thuật của anh ta. Trái lại, đây là nói sự thống nhất, thống nhất cao độ của lối sản xuất văn chương hiện đại, Xuân Diệu không muốn phân tán thì giờ và tài hoa, sức lực vào những cái gì không có ích cho sản xuất. Chỗ đứng và giá trị của nhà văn là ở chỗ sản xuất cho tốt, cho hay, cho nhiều. Ôi, đời người thì ngắn ngủi mà nghệ thuật biết bao là khó khăn. Có dồn tất cả tinh lực, tất cả thì giờ của một kiếp người vào đấy cũng không đủ. Xuân Diệu nghĩ thế, và anh đặt lên trên hết chất lượng và số lượng của trang viết. Anh tập thể dục, anh giữ vệ sinh, anh ăn uống cho đủ lượng đủ chất và điều độ, tiết kiệm... để viết. Viết ngày, viết đêm. Đang có hứng, có đà, thì không thể dừng lại. Vả lại sách in, bài đăng báo có thời hạn của nó. Mùa hè anh xoay trần ra viết. Trông con người anh đang viết, lắm lúc thấy không có vẻ gì là "thi sĩ" cả. Một sự lao động cật lực, căng thẳng, hối hả. Một sự đánh vật với ý tứ, chữ nghĩa, vần điệu, hình ảnh,... và với thời gian. Cái này rút cục mới là kẻ thù đáng gờm nhất của anh. Phải, thời gian – "Mau với chứ, vội vàng lên với chứ !" – anh phải tranh thủ từng phút, từng giây. Ngày xưa, anh sợ thời gian cướp đi của anh những lạc thú của tuổi trẻ và tình yêu. Ngày nay, anh sợ thời gian cướp đi của anh những tháng ngày anh sống và làm việc cho đời, cho cách mạng.

http://tieulun.hopto.org

Nhưng bản chất Xuân Diệu là một bản chất tích cực. Anh lao vào công việc. Làm việc và làm việc. Cứ làm việc thật tốt, thật nhiều cho đời thì sẽ được sống mãi với đời. Tôi đã thấy có lần anh phát cáu, văng tục lên với chính sự làm việc quyết liệt của mình : "Chỉ muốn vất mẹ nó đi, sao lại nhận viết làm gì ! Khổ quá ! Mệt quá !". Nhưng tôi biết, thanh toán xong cái "của nợ" ấy chưa ráo mực, anh sẽ lại nhận ngay một "com măng" khác.

*

* *

Với Xuân Diệu, làm thơ, viết văn thực sự là một nghề nghiệp. Đã là nghề thì "nhất nghệ tinh nhất thân vinh". Đừng trông cậy vào cái gì khác, trừ khi anh không thật tâm đi vào nghề này. Muốn "nghệ tinh" thì phải khổ luyện. Cứ xem những cái tên sách của Xuân Diệu : *Dao có mài mới sắc, Mài sắt nên kim,...* Anh viết bài *Sự lao động cật lực của nhà nghệ sĩ thiên tài*, nêu lên tấm gương lao động nghệ thuật "dễ sợ" của Mikenlăng.

Hồi Xuân Diệu xuất hiện trong phong trào Thơ mới, thấy những cách tân táo bạo của anh có dấu vết ảnh hưởng rõ rệt của thơ Pháp, nhiều người tưởng đâu anh chỉ đọc nhiều Muýtxê, Véclen, Bôđơle, v.v. rồi bật lên thành thi sĩ. Muốn tự giải phóng, muốn thật là mình, Thơ mới không chỉ học ngoài, mà trước hết phải học trong, học ông cha mình. Thơ mới thực ra có gốc truyền thống rất sâu, căn bản không phải ở thể cách này, thể cách khác của thơ, mà ở cái nhạc điệu tâm hồn riêng của người Việt Nam thấm nhuần trong ấy. Xuân Diệu là con một ông tú kép, tất nhiên có điều kiện tiếp xúc với văn học cổ. Anh đã học nghề thơ thật là kiên tâm, bền chí và đã tập tành qua đủ mọi thể tài của thơ ca truyền thống. Anh giải thích : cái máu ông đồ Nghệ đã truyền cho anh đức tính cần cù ấy, hoà với dòng máu bên ngoại nồng nàn cái gió biển Quy Nhơn. Bốn, năm quyển vở thời học sinh anh còn giữ được ghi đặc những sáng tác của nhà thơ mới tương lai : nào thơ thất ngôn bát cú, niêm luật nghiêm minh tề chỉnh, nào thơ tứ tuyệt, thơ trường thiên cổ thể, thơ lục bát, song thất lục bát. Cả văn tế, hát nói, hát xẩm, ca dao,... Dịch cả thơ Tô Huệ đời Tần. Đặc biệt làm rất nhiều từ khúc, cứ dựa theo những bài mẫu trên báo *Nam phong* mà làm hết điệu này đến điệu khác, hàng vài ba chục điệu. Lại phỏng theo một số bài của Tản Đà, Trần Tuấn Khải

http://tieulun.hopto.org

(*Thề non nước, Gánh nước đêm,...*) tập làm những bài tương tự về vần điệu, về cách láy âm, v.v. Tập theo thơ truyền thống rồi lại tập theo thơ Tây. Từ dịch đến mô phỏng, rồi sáng tác. Con chim non vẫy vẫy đôi cánh vụng về tập theo mẹ, rồi cứ chuyền xa, chuyền xa dần, cuối cùng cất mình bay bay vào không trung.

Tìm hiểu bước đầu tập nghề của các nhà văn, nhà thơ, thấy không phải ai cũng giống ai. Có những cây bút thành công ngay từ những sáng tác đầu tay. Nhưng nhiều nhà văn sau này đi rất xa mà lúc đầu tưởng chừng không có tài cán gì lắm. Đây là trường hợp cái tài như kho vàng nằm sâu dưới đất. Phải bới, rồi phải đúc, phải luyện mãi mới thành. Mới hay cái quyết định sự nghiệp của một nhà văn là cái trữ lượng chất kim loại quý kia có lớn hay không chứ không phải mỏ chìm hay mỏ nổi.

Như vậy là sự dùi mài khổ luyện cuối cùng lại là để tìm thấy cái thực chất của mình cùng với cái cách nói cái giọng nói riêng của nó. Cố nhiên, trong cái "tôi" riêng ấy, đã kết tinh biết bao mối quan hệ xã hội và nhiều ảnh hưởng văn hoá rất tinh vi.

Nhưng không nên nghĩ rằng khi đã "thành" rồi thì nhà thơ không còn gặp khó khăn, chật vật gì nữa. Quả thực có những bài thơ hay viết ra rất dễ dàng. Nhưng lao động thơ đâu có phải chỉ bắt đầu từ lúc đặt bút viết. Nhìn chung mỗi bài thơ ra đời lại là một cuộc "mài sắt nên kim".

– Này, – Xuân Diệu nói – có bài thơ chỉ trung bình thôi nhưng nhà phê bình phải hiểu cái đóng góp mới mẻ của nó ở chỗ nào. Thí dụ, bài *Bản đồ huyện Ý Yên*, cũng ca ngợi đất nước nhưng bằng cách nhìn một cái bản đồ. Có thể phê : đây chỉ là một bài thơ trung bình thôi, nhưng tác giả đã đưa ra một cách ca ngợi mới... Bài thơ hay, hương nó tự toả ngát, không cần nhà phê bình khen, vì ai cũng thấy rồi. Cái cần nhà phê bình là những bài thơ trung bình.

– Thơ có hai loại. Một loại nói về một sự thực của cuộc sống. Loại này cũng khó nhưng còn dựa được vào chất bột thực tại. Nếu mình có sức, có bản lĩnh thì có thể nhào vắt ra được. Còn loại bài tổng hợp thì khó lắm, rất chật vật. Cái tứ bài thơ *Sự sống chẳng bao giờ chán nản* nảy ra trong một đêm liên hoan văn nghệ ở một xã thời chống Mỹ. Cái tứ nảy ra làm mình ứa nước mắt. Khó là tìm ra cái tứ trung tâm, khái quát tất cả. Tuy thế từ cái chung đến khi hoàn thành bài thơ cũng còn vất vả lắm.

http://tieulun.hopto.org

– Có những người làm thơ như là cuộc đời sẵn có cái gì thì lấy luôn làm câu thơ, không gia công sáng tạo cho sâu sắc. Thơ không có xác, có chất. Đọc xong không thấy đọng lại cái gì. Nhà văn phải đẻ ra chữ. Câu chữ phải là của mình, phải đẻ ra câu ra chữ của mình mới là nhà văn thực sự.

Trò chuyện với Xuân Diệu, thấy anh là cả một kho kinh nghiệm lớn. Từ tuổi mười lăm, mười sáu cho tới nay, hơn năm mươi năm làm văn, làm thơ, anh chỉ biết có một nghề này. Vì thế anh luôn luôn có ý thức rút kinh nghiệm. Kinh nghiệm của mình, kinh nghiệm của người. Đọc đủ sách Đông, Tây, kim, cổ. Đọc rất kỹ lưỡng, trăn trở băn khoăn về từng câu, từng chữ của người xưa. Rồi vừa làm thơ, vừa bình luận thơ, đem luôn công việc bếp núc của mình ra mà phân tích, phán xét rất tỷ mỷ. Và viết thành bài, thành sách về đủ các ngõ ngách của nghề. Cái công này của Xuân Diệu thật không nhỏ. Đó là một người thợ cả của nghề thơ, là ông giáo sư của trường chuyên nghiệp về thơ. Những bài, những sách kia là những tập giáo trình sẽ còn có ích lâu dài cho những ai muốn đi vào cái nghề rất đỗi khó khăn này.

*
* *

Xuân Diệu làm việc gì cũng chú ý rút kinh nghiệm. Anh hay đi nói chuyện chỗ này, chỗ kia, và anh cũng rút kinh nghiệm tỷ mỷ lắm.

- Phải để ý từ cái bàn kê thế nào. Lọ hoa có khi cần, có khi không cần thì phải bỏ đi. Rồi ánh sáng trong phòng. Cửa nên đóng hay nên mở. Cả cách sắp xếp ghế ngồi cho người nghe, cự ly mùa hè, mùa rét nên thế nào. Chán nhất là người nghe không trông thấy người nói. Nghe bằng loa phóng thanh mà ! Gặp trường hợp ấy mình thường lấy chuyện Tô Đông Pha ra đùa. Tô Đông Pha râu rậm. Cô em gái làm thơ giễu :

Tìm nửa ngày trời không thấy miệng,
Bỗng nghe tiếng nói phát từ râu.

Bây giờ người nghe tôi nói chuyện :

Tìm nửa ngày trời không thấy mặt
Bỗng nghe tiếng nói phát từ loa.

Ấy, thỉnh thoảng cũng phải khích động như thế cho người nghe sôi nổi lên, đỡ chán. Tôi nói chuyện mà người nghe lặng im, sợ lắm. Phải tỏ

http://tieulun.hopto.org

cho người ta biết là mình thích nghe chứ ! Vợ chồng nói chuyện với nhau ban đêm. Vợ nói, chồng thỉnh thoảng cũng phải ờ lên chứ, để chứng tỏ mình chưa ngủ, vẫn nghe.

Đúng là Xuân Diệu sợ nhất sự im lặng : "Cốt nhất là em chớ lạnh như đông". Anh không chịu nổi và cũng không tin được thứ tình yêu chỉ để trong lòng. Không, tình yêu cũng phải cất tiếng nói lên chứ ! Cũng rất Xuân Diệu là bài thơ *Phải nói : "Em phải nói, phải nói và phải nói"*.

Người ta phát hiện trong lĩnh vực thơ tình ở ta, Xuân Diệu là một trong những người đầu tiên đã thực sự hoà nhịp linh hồn với xác thịt. Tình yêu phải thực sự là tình yêu của con người trần tục, chứ không phải thứ tình mà người phương Tây gọi là Platôních và Biêlinxki từng chế giễu : "Chỉ làm đẹp lòng các vị bảo hộ hậu cung vua chúa phương Đông mà thôi". Tuy nhiên cái đích mà tình yêu nhằm đạt tới phải là sự hoà hợp cao độ của tâm hồn. Thơ Xuân Diệu không chỉ chú trọng thính giác và thị giác. Như thế còn xa xôi, cách bức quá. Phải huy động cả khứu giác, vị giác và xúc giác để có thể tiếp cận sát sạt, và ôm riết, quấn riết lấy cuộc đời. Con người ấy sinh ra để mà yêu, nên suốt đời khao khát tình yêu – "Kẻ uống tình yêu dập cả môi". Nhưng tình yêu phải là cái đó : trái tim đỏ thắm của em, tâm hồn xanh thẳm của em – "Trời ơi, anh muốn uống hồn em". Đấy là giây phút giao cảm tuyệt vời của những con người.

Thơ Xuân Diệu nói giao cảm đầy đủ hơn là nói yêu. Sung sướng thay là luôn luôn được giao cảm với đời. Ta hiểu vì sao ngay trước Cách mạng tháng Tám, dù có lúc hoang mang bế tắc, Xuân Diệu vẫn không chấp nhận những trường thơ Điên, trường thơ Loạn, các thứ triết lý siêu hình rắc rối, cũng như lối thơ gọi là "chủ nghĩa kín mít" (hermétisme) của *Xuân Thu nhã tập*. Anh cần có người giao cảm, thật hiểu người, nên nhất quyết không nói bằng thứ tiếng nói nào khác tiếng nói của đồng loại.

Nhưng ở cái thời Thơ mới, Xuân Diệu đã không tìm được niềm giao cảm ấy. Bi kịch lớn nhất của anh là ở đấy. Vì anh đi tìm giao cảm ở cái xã hội đồng tiền – tiền trao cháo múc. Nhà thơ lãng mạn "Mơ theo trăng và vơ vẩn cùng mây" thế mà đã nhiều lần phải nói đến cơm áo và đồng tiền. Quyển vở nháp hồi học sinh còn ghi mấy câu thơ chua chát :

http://tieulun.hopto.org

Giai nhân là của
Bạc vàng tiền của
Và hoa hương
Là của chủ vườn.

Đối với xã hội ấy, phải có tiền mà anh lại chỉ có tình. Lúc ấy hình như anh đã hiểu được phần nào rồi đấy. Anh chẳng tự trách là *Dại khờ* đó sao :

Người ta khổ vì thương không phải cách
Yêu sai duyên, và mến chẳng nhằm người
Có kho vàng nhưng tặng chẳng tuỳ nơi...

Cho nên tình của anh, dù chân thành mãnh liệt đến thế nào cũng chỉ như *Nước đổ lá khoai* ("Lòng ta là một cơn mưa lũ – Đã gặp lòng em là lá khoai"). Tình yêu thành ra chỉ có một chiều như *Phấn thông vàng*, như bông hoa rừng *Gửi hương cho gió*. Cái tôi Xuân Diệu hồi ấy có lúc cũng kiêu ngạo lắm – ví mình như Hy Mã Lạp Sơn – nhưng nhiều khi cũng thật tội :

... Có gửi tình đi chẳng có về
... Và hãy yêu tôi, một giờ cũng đủ
Một giây cũng cam một chút cũng đành...

Đó là lý do khiến Xuân Diệu đã chào đón Cách mạng một cách vồ vập nhiệt tình hơn ai hết. Nhiệt tình và đầy lòng biết ơn. Và Cách mạng cũng chào đón anh vì Cách mạng rất trân trọng những tình cảm đẹp đẽ chân thành. Bây giờ không phải là sự giao cảm của hai mái đầu lẻ loi giữa cuộc đời đen bạc "Hai người nhưng chẳng bớt bơ vơ" mà là sự giao cảm, của hàng vạn, hàng triệu người. Phải chăng cái vĩ đại nhất của Cách mạng chính là đã tạo ra được cuộc giao cảm lớn của cả dân tộc trên tình yêu nước, tình đồng chí, đồng bào ? Và trên cơ sở ấy, tình yêu cũng trong sáng biết bao ! Vui quá ! Cách mạng đông vui quá ! Đúng là một ngày hội – "Hội vui quá thế mà mình không biết" ! Xuân Diệu đắm mình trong tin và yêu. Và đã tin yêu, thì "phải nói". Anh viết một mạch những vần thơ sôi nổi ngợi ca cách mạng : *Ngọn quốc kỳ, Hội nghị non sông, Dưới sao vàng,...* Lại dùng vũ khí thơ đập vào mặt bọn Việt cách, Việt quốc – chúng mày định chia rẽ, phá rối cuộc giao cảm vĩ đại này à !

http://tieulun.hopto.org

Kể từ ngày ấy, qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ cũng như công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, anh viết không ngừng, không nghỉ. Viết về mọi đề tài. Kể làm sao cho hết những đề tài thơ của Xuân Diệu : về Đảng, về Bác Hồ, cả về chuyên chính vô sản, về chỉnh huấn, cải cách ruộng đất, về đấu tranh thống nhất nước nhà, về những sự kiện thời sự, về những chiến công của ta và tội ác của giặc, về những thành tựu của chủ nghĩa xã hội trên các mặt nông nghiệp, công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải..., về anh bộ đội, người nông dân, công nhân, về thầy giáo, về anh địa chất. Đất nước đã thuộc về nhân dân, về mình rồi thì ở đâu chả có thể tìm thấy niềm giao cảm. Tất nhiên anh cũng viết nhiều về tình yêu. Dù sao đây cũng là một giao cảm mãnh liệt và kỳ diệu nhất của con người. Anh kiên trì sáng tác thơ tình và cũng kiên trì đấu tranh cho sự phát triển hợp lý của thơ tình. Rồi anh dịch thơ, viết nghiên cứu và phê bình văn học. Phê bình cũng là sự giao cảm tri âm tri kỷ giữa những người làm thơ và đọc thơ chứ sao ! Và, anh viết nhiều, viết say sưa hơn bất cứ nhà nghiên cứu, phê bình chuyên nghiệp nào. Anh còn đi nói chuyện. Ai tính được cho đến nay anh đã nói chuyện bao nhiêu lần. Nói ở mọi nơi, nói với nhiều đối tượng khác nhau. Nói ở hội nghị, nói trên đài phát thanh, trên vô tuyến truyền hình, nói trong nước, nói ngoài nước. Phải đâu anh chỉ có nhu cầu viết và nói. Anh còn muốn tiếp xúc với người đời, với thật nhiều người, ở mọi nơi, mọi lúc. Anh muốn gặp tất cả và tỏ bày với tất cả những cảm nghĩ tin yêu của mình và đón nhận những giao cảm của mọi người. Những ai từng tiếp xúc nhiều với Xuân Diệu thường được nghe anh kể lại với một thích thú đặc biệt về một người chữa xe đạp thuộc thơ anh, một hành khách trên một chuyến tàu Phâycu – Tuy Hoà nào đó nhường chỗ cho anh vì biết anh là nhà thơ Xuân Diệu, một anh hàng nước mía nào đấy ở một thị xã kia cũng vui sướng phát hiện ra anh và đãi anh một cốc nước mía ba đồng... Không có sự giao cảm giữa những con người thì cuộc đời chỉ là sa mạc, chỉ là hư vô. Nào ở đâu, ở đâu, có ai còn chưa biết sự có mặt của Xuân Diệu trên đời này với trái tim tha thiết yêu thương ? Câu hỏi đó không ngừng thôi thúc nhà thơ

Đồng Xa, ngày 25-5-1985

Báo *Văn nghệ*, số 29 (ngày 10-7-1985)

http://tieulun.hopto.org

ANH ĐÃ "SỐNG HẾT MÌNH" CHO CUỘC SỐNG VÀ CHO THƠ

HÀ MINH ĐỨC

Gần nửa thế kỷ đến với thơ, Xuân Diệu đã miệt mài trong lao động sáng tạo. Từ phong trào Thơ mới đến các giai đoạn phát triển của thơ ca sau Cách mạng tháng Tám, ở chặng đường nào Xuân Diệu cũng có những đóng góp quan trọng. Sáng tác, phê bình, nghiên cứu, dịch thuật và nói chuyện về thơ, Xuân Diệu có mặt ở tất cả các hoạt động của thơ, đưa thơ về với cuộc sống và công chúng văn học. Nói về phong trào Thơ mới cũng là nói về mối băn khoăn suy nghĩ da diết của Xuân Diệu trong mấy chục năm qua. Anh muốn có một sự đánh giá chính xác, công bằng về hiện tượng văn học nhiều màu vẻ và phức tạp này. Theo thời gian những ý kiến đánh giá về Thơ mới ngày càng thoả đáng hơn. Cảm nhận thấy điều đó nên Xuân Diệu hay nói vui "mình phải luyện I-ô-ga để sống lâu và bảo vệ cho quan điểm của mình về Thơ mới". Công lao của Xuân Diệu trong phong trào Thơ mới thật không nhỏ. Có lần nói chuyện với anh Tế Hanh về Thơ mới, tôi hỏi : "Nếu cần chọn năm nhà thơ tiêu biểu nhất trong phong trào Thơ mới thì theo anh đó là những ai ?". Tế Hanh suy nghĩ và bảo : "Kể cũng khó, nhưng theo tôi thì phải kể đến Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử...". Tôi lại hỏi : "Nếu chọn một người tiêu biểu nhất thì theo anh là ai ?". Anh Tế Hanh trả lời nhanh hơn : "Đó là Xuân Diệu". Những đóng góp của Xuân Diệu cho Thơ mới cần được nghiên cứu một cách nghiêm túc với tinh thần khoa học và sự nhạy cảm nghệ thuật. Trong những năm chống Mỹ cứu nước,tôi đã đề nghị anh Xuân Diệu để được nghe những ý kiến của anh về phong trào Thơ mới và riêng về những sáng tác của anh. Dạo ấy vào khoảng tháng mười năm 1969. Thành phố lúc này sơ tán nên đã vợi người và một ngày báo động đến mấy lần. Tôi gửi cho anh những câu hỏi và anh trả lời dần sau các lần

http://tieulun.hopto.org

gặp gỡ. Cứ một tháng khoảng hai lần tôi lại được gặp anh. Câu chuyện có lúc trọn vẹn trong hai ba tiếng đồng hồ, có lúc bị ngắt quãng vì báo động. Tôi nhớ nhất là vào một đêm trăng, thành phố mất điện, anh Xuân Diệu rủ tôi ra ngồi nói chuyện dưới bóng cây hoàng lan trong vườn. Trăng vào cuối thu rất sáng và Xuân Diệu nói về nghệ thuật của bài *Nguyệt cầm*. Anh muốn nhấn mạnh đến sự cộng hưởng của ánh sáng và âm thanh. Tiếng đàn trong đêm trăng, tiếng nước suối thánh thót, không gian mở ra mênh mông và thời gian như ngưng đọng lại. Anh đọc xong và ngâm theo điệu Nam Ai, bài thơ ngân vang lên trong nhạc điệu. Đêm ấy trở về giọng ngâm của anh làm tôi xao xuyến mãi. Xuân Diệu đã nhập thân hoàn toàn vào con người linh thiêng của nghệ thuật. Anh bồi hồi xúc động có thể như chính lúc làm ra bài thơ đó. Lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất tôi được nghe anh ngâm thơ theo giọng đặc biệt trên. Từ đây khi nói về Thơ mới tôi dè dặt và thận trọng hơn trong từng suy nghĩ. Tôi đã đôi lần phát biểu về Thơ mới và vẫn mong có dịp nói kỹ hơn về hiện tượng văn học này.

Sau Cách mạng tháng Tám, Xuân Diệu đã góp phần mở đầu cho thơ ca cách mạng với hai trường ca *Ngọn quốc kỳ* và *Hội nghị non sông*. Trong những năm gần đây, khi trường ca phát triển tôi có lần hỏi anh về hai sáng tác bất hủ này. Anh nhận xét rằng "nhiều người viết trường ca bằng việc, mà mình viết trường ca bằng hồn". Câu nói cô đúc của anh đã chỉ ra một yêu cầu quan trọng của trường ca : không thể quá tham lam kể sự việc mà phải đến với trang viết bằng tâm huyết và những xúc động sâu xa của tâm hồn. Xuân Diệu là người góp phần cho hương thơ đi vào cuộc sống. Anh làm thơ, viết tiểu luận khẳng định mối quan hệ hàng đầu giữa thơ và cuộc sống. Có thể nói anh là một trong những nhà thơ đi nhiều và có mặt ở rất nhiều miền đất nước, từ Mã Pí Lèng đến chòm đảo Cô Tô, từ đồng đất Thái Bình đến vùng tuyến lửa khu Bốn và sau ngày đất nước thống nhất, anh có mặt ở nhiều tỉnh miền Nam. Mở rộng đề tài, ôm nhiều sự sống vào trong thơ, thơ anh bắt được nhiều tình ý lạ. Anh đến với thực tế một cách nhiệt tình và cuộc sống cũng nuôi dưỡng ở anh lòng yêu thiết tha sự sống và con người. Thơ Xuân Diệu sau Cách mạng đã phản ánh nhiều mặt của hiện thực lớn của đất nước từ tập thơ *Riêng chung*, đến *Mũi Cà Mau – Cầm tay*, từ *Tôi giàu đôi mắt* đến *Thanh ca*.

http://tieulun.hopto.org

Điều thú vị nhất ở anh là những đóng góp về thơ tình. Từ những trang thơ tình trong *Thơ thơ* đến những bài thơ tình viết lúc cuối đời, Xuân Diệu là nhà thơ tình bậc nhất trong thơ ca của thời kỳ hiện đại. Nhiều mạch của tình yêu cuộc sống ở tác giả được chuyển thành tình yêu lứa đôi, anh viết thơ tình với một khiếu năng và tài năng đặc biệt. Khác với một số nhà thơ viết thơ tình bằng chính cuộc đời riêng của mình, Xuân Diệu viết thơ tình cho mình nhưng đúng hơn là cho tuổi trẻ và cho cuộc đời. Sáu bảy trăm bài thơ tình, con số khổng lồ ấy đã nói lên bao xúc động trong trái tim yêu đương của Xuân Diệu. Phải chăng những vui mừng, xót xa ấy đã giày vò trái tim anh suốt trên nửa thế kỷ và gây nên cả những cơn xúc động lúc anh sắp qua đời. Một phần quan trọng của thơ tình Xuân Diệu vẫn chưa được giới thiệu. Trong những năm mà việc in thơ tình còn chưa rộng rãi, Xuân Diệu đã chấp nhận để nhiều anh chị em trẻ được chép thơ tình chưa in của anh. Nhiều bài thơ tình của Xuân Diệu đã trở thành nhịp cầu cho những trái tim. Xuân Diệu rất vui về chuyện này. Anh cho rằng không gì đền bù hơn là bài thơ tình đã góp phần xe duyên cho đôi lứa. Tôi cũng như nhiều anh em nghiên cứu khác đã được đọc những bài thơ tình chưa in của anh. Nhiều bài có sức hấp dẫn riêng đặc biệt. Anh Xuân Diệu cho rằng viết thơ về tình yêu được đền bù, tình yêu ngọt ngào trong hạnh phúc cũng hay nhưng không hay bằng thơ viết về tình yêu không may mắn, không được đền đáp, anh có nhiều bài thơ tình có tứ lạ giàu sức tưởng tượng. Nếu trong thơ viết về cuộc sống cái hữu hình trong thơ anh thật đậm nét và cụ thể thì trong lĩnh vực thơ tình Xuân Diệu có khả năng nói rất giỏi về những cái vô hình. Anh cho rằng tình yêu phải đúng phạm trù, nếu không đúng phạm trù thì cho dù thật gần gũi vẫn có sự ngăn cách. Từ đấy nảy sinh bài thơ *Tấm kính giữa đôi ta*. Anh chú ý đến ánh mắt trong tình yêu, ánh mắt làm cho chén nước hoá rượu nồng, ánh mắt như những sợi dây đan lưới vây bọc lấy người yêu, ánh mắt trong chớp giây mà có lượng thông tin rất cao. Nhiều tứ thơ hay đã nảy sinh từ ánh mắt của người yêu. Thơ tình của anh đã đi vào lòng nhiều thế hệ thanh niên.

Nếu với thơ Xuân Diệu biểu hiện tài năng như bẩm sinh của người nghệ sĩ, thì ở các hoạt động khác cho thơ, anh là người lao động cật lực. So sánh giữa làm thơ và viết nghiên cứu có lần anh Xuân Diệu bảo với

http://tieulun.hopto.org

tôi : "Làm thơ tuy vất vả nhưng có cảm xúc bù đắp khi suy nghĩ. Viết nghiên cứu dễ tổn thọ". Biết thế nhưng anh đã đầu tư vào hoạt động này phần lớn công sức của mình. Đối với thế hệ chúng tôi, anh là tấm gương lao động nghệ thuật. Mỗi lần đến thăm anh, tôi thường thấy anh đang ngập trong công việc. Anh rời bàn làm việc, vồn vã chào hỏi khách rồi kể ngay vào việc : "Mình đang phải trả nợ. Cái tiểu luận về Tú Xương gay quá". Một dịp khác anh lại phân trần : "Thơ Tản Đà dễ chinh phục người đọc, nhưng những vấn đề của thơ Tản Đà lại thật là hóc búa". Anh vừa nói vừa vỗ vào đầu, những món tóc xoã xuống vầng trán rộng. Những giây phút ấy tôi thấy ở anh vẻ đẹp đặc biệt của khuôn mặt đang suy nghĩ và sáng tạo. Xuân Diệu làm việc không mệt mỏi. Anh làm việc như để trả nợ cho cuộc đời. Hết việc này lại đến việc khác, hăm hở, nhiệt tình. Có lẽ cái giây phút sung sướng nhất ở anh là lúc vừa hoàn thành xong một công việc. Và sau đó lại bắt tay vào một việc khác. Có lần tôi nói với anh : "Anh cả nể nên nhận nhiều đơn đặt hàng quá". Xuân Diệu cười : "Mình tự làm vất vả mình, song đó là niềm vui. Như thế là xã hội còn tín nhiệm mình. Vả lại cũng phải để cho các nhà xuất bản và báo chí thúc giục, có thế mới chịu làm đúng hạn, mới được việc". Xuân Diệu khéo léo kết hợp yêu cầu của xã hội với kế hoạch lâu dài của bản thân. Trong phạm vi nghiên cứu và phê bình văn học anh đã phác hoạ ra từ hai chục năm về trước những dự kiến công việc sẽ làm. Công trình *Những nhà thơ cổ điển Việt Nam* của anh là kết quả của quá trình sáng tạo ấy. Anh trân trọng những nhà thơ cổ điển của dân tộc và muốn khám phá ra cái thế giới riêng của mọi người. Anh viết *Hồ Xuân Hương Bà Chúa thơ Nôm* và từ cái đột phá điểm ấy, Xuân Diệu mở ra với Nguyễn Du nhân dịp kỷ niệm 200 năm năm sinh ; rồi Tú Xương, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Đình Chiểu, Tản Đà, Nguyễn Trãi,... Anh chưa có dịp nói nhiều đến Cao Bá Quát, Nguyễn Bỉnh Khiêm, những đỉnh thơ mà anh hâm mộ. Có lần nói chuyện với anh về chùm thơ mùa thu của Nguyễn Khuyến, tôi tỏ ý hơi ngạc nhiên vì Nguyễn Khuyến đã bắt được cái ý thu, hơi thu trên khung cảnh của một vùng đất đồng chiêm trũng. Xuân Diệu gật đầu đồng tình mà bảo : "Cái tài là ở chỗ ấy. Không cần đến rừng thu, hồ thu mà chỉ là ao thu thôi, và ngày nay sự nghiệp của nhiều nhà thơ chúng ta không khéo lại thua mấy câu "Ao thu lạnh lẽo nước trong veo", "Ngõ trúc quanh co khách vắng teo". Xuân Diệu

http://tieulun.hopto.org

trân trọng với cái hay, cái đẹp trong từng câu thơ cổ. Ở mỗi thế giới thơ, anh say sưa chiêm ngưỡng, tìm tòi khám phá. Trong câu chuyện về nghiên cứu văn thơ cổ tôi đặt một số câu hỏi với anh. Với khối lượng nghiên cứu lớn như thế anh giải quyết làm sao cho đầy đủ vấn đề tư liệu. Xuân Diệu nói rõ mục đích và phương pháp của mình : "Mình chỉ chú ý những bài đặc sắc, và tìm hết cái riêng độc đáo của mỗi nhà thơ qua những bài thơ hay. Mỗi người có một cách tìm tòi và đóng góp". Tôi nghĩ cách làm của anh là vô cùng quan trọng. Dĩ nhiên là công việc của Xuân Diệu không thể thay thế được việc làm của nhiều nhà nghiên cứu khác. Tìm hiểu một tác giả như Nguyễn Du, một tác phẩm như *Truyện Kiều*, có thể tiếp cận từ nhiều góc độ và khai thác theo nhiều phương pháp nghiên cứu. Chỉ riêng về văn bản học cũng đòi hỏi nhiều công sức. Xuân Diệu chú ý chủ yếu ở khâu cảm thụ và phê bình văn chương cổ qua những áng thơ hay của từng tác giả. Quả thật anh đã có nhiều khám phá tinh tế, mới lạ làm cho người đọc yêu thích và kính trọng hơn tài năng của các nhà thơ cổ điển của dân tộc. Công lao ấy một đời nghiên cứu chưa dễ đã có thể làm được. Với thơ ca của các thời kỳ hiện đại, Xuân Diệu luôn quan tâm gắn bó. Những bài tiểu luận và phê bình thơ của Xuân Diệu từ những năm kháng chiến chống Pháp cho đến những tổng kết về thơ nhân các cuộc thi thơ của báo *Văn nghệ*, các bài tựa cho các tuyển thơ hiện đại luôn luôn bộc lộ nhiệt tâm xây dựng, vun đắp cho phong trào thơ. *Dao có mài mới sắc, Và cây đời mãi mãi xanh tươi, Mài sắt nên kim, Lượng thông tin và những kỹ sư tâm hồn ấy, Công việc làm thơ.* Cứ nghĩ đến những cái tên sách cũng hình dung ra những điều nhà văn định tâm sự, nhắn gửi. Nghề văn là một nghề lao động công phu, kiên trì và sáng tạo, Xuân Diệu đòi hỏi thơ phải có chất lượng, và mang vẻ đẹp của thơ. Thơ không dung hoà với sự kể lể dài dòng, với sự buông thả tuỳ tiện. Anh quan tâm đến lao động câu chữ. Có lúc anh tỏ ra nghiêm khắc khi nói về nghề và chuyện bếp núc của thơ. Anh ít tham gia vào việc phê bình, đánh giá các tác giả và tác phẩm cụ thể nhưng luôn băn khoăn suy nghĩ về công việc phê bình thơ. Phải xác định cho đúng giá trị thật của các hiện tượng văn học. Phải công bằng trong nhận xét đánh giá. Anh vẫn thường nói : "Cái nguy hiểm của các nhà phê bình là dùng quá nhiều thước đo. Với người này thì cái thước là

http://tieulun.hopto.org

một trăm xăng-ti-mét, với người khác cái thước lại chỉ còn bảy mươi xăng-ti-mét. Tôi nói thế cũng là nói để răn mình vì tôi cũng là nhà phê bình". Xuân Diệu không chỉ giới thiệu những bông hoa trong vườn nhà, anh muốn giới thiệu cái đẹp muôn màu vẻ của những nền thơ của các dân tộc với bao hương sắc lạ. Những năm đầu xây dựng hoà bình chủ nghĩa xã hội anh dịch và giới thiệu thơ Aragon, Eluard, rồi Maiacốpxki. Anh dịch và giới thiệu thơ Petofi, Nazim Hikmet, Blaga Dimitrova, Pablo Neruda, Nicôla Ghiden. Nhiều nền thơ các nước xã hội chủ nghĩa anh em trở nên gần gũi với bạn đọc Việt Nam qua bản dịch của anh. Dịch và giới thiệu thơ bè bạn, Xuân Diệu không làm theo cảm hứng yêu thích riêng tư, mà theo một kế hoạch lâu dài. Khối lượng công việc thực đồ sộ. Anh chiếm lĩnh dần từng trận địa. Anh lần lượt chuyển từ thơ Liên Xô sang khu vực Đông Âu, rồi Cuba và châu Mỹ Latinh. Xuân Diệu đã góp phần làm cho chúng ta thêm giàu có về tinh thần và đông vui hơn với thế giới bè bạn. Xuân Diệu cũng là nhà thơ có nhiều bầu bạn trên thế giới. Hồn thơ anh rộng mở, trái tim anh có những giao cảm đằm thắm với nhiều tiếng nói thơ ca bè bạn. Anh nói say sưa về Nazim Hikmet về Pablo Neruda và Blaga Dimitrova. Xuân Diệu ca ngợi "chất thơ của Hikmet quyến rũ ta bằng những chuyện đời thường, cái hàng ngày bình dị mà lớn lao. Đọc Hikmet lắm khi quên rằng mình đọc thơ mà đang đứng giữa cuộc đời". Hikmet lớn lao mà bình dị. Tôi nghĩ rằng Xuân Diệu có chịu ảnh hưởng một phần của Hikmet trong một số bài thơ của anh. Anh khen ngợi Blaga Dimitrova. Anh cho rằng "người phụ nữ ngang phần trí tuệ với đàn ông thì đã hơn đàn ông phần tình cảm rồi. Chị Blaga Dimitrova có thể lại vượt hơn nhiều cây bút nam giới cả cái trí nữa". Cứ thế, mỗi nhà thơ được anh yêu mến và phát hiện những vẻ đẹp riêng. Đến với những bản dịch có khi phải chuyển dịch qua nhiều ngôn ngữ khác nhau, Xuân Diệu đã vượt qua bao khó khăn để đem lại cho bạn đọc cái giá trị tương đối thật của nó. Xuân Diệu cố đem lại cái hồn của bài thơ có lúc như được lọc ra chắt ra từ cái vỏ bề bộn của ngôn từ. Xuân Diệu đã dịch thơ với một tâm hồn thi sĩ. Tôi thích đọc những trang thơ dịch tin cậy của anh nhưng còn yêu mến hơn tấm lòng của nhà thơ với những tiếng nói bè bạn.

http://tieulun.hopto.org

Tình cảm của anh cũng được bù đắp lại xứng đáng. Mùa hè năm 1979 trong một chuyến thăm Bungari, tôi và Trần Đăng Khoa đã có dịp đến thăm nhà thơ nữ cao tuổi Bungari ở biệt thự của bà ở chân núi Vitôsa. Bà vui mừng với tập thơ Bagriana dịch ra tiếng Việt và nói : "Tôi đã đến được với các bạn qua tập thơ này. Tôi cảm ơn Xuân Diệu. Và Xuân Diệu cũng đã đến với chúng tôi cùng với nhiều nhà thơ Việt Nam tiêu biểu khác. Đó là một phần công sức của Blaga". Bà nói và tươi cười chỉ vào nữ thi sĩ Blaga Dimitrova. Và như chợt quên một điều gì bà giơ ngón tay trỏ lên nhà nhìn vào để ngẫm nghĩ rồi đi thẳng vào thư viện. Một lát sau bà cầm ra một tuyển tập thơ tình. Bà vui vẻ giới thiệu : Đây là một tập thơ tình mà tôi tuyển chọn theo ý của riêng tôi. Tôi bắt đầu bằng Puskin và kết thúc bằng Xuân Diệu. Tôi đón nhận tập sách ở tay bà và xem phần mục lục. Hai bài thơ tình xinh xắn của Xuân Diệu kết thúc một cách có ý nghĩa tập thơ tình chọn từ nhiều nước này. Những câu chuyện như thế có thể tìm thấy nhiều trong quan hệ của Xuân Diệu với bè bạn của nhiều nước. Anh có nhiều bạn thơ trên đất Pháp. Khi anh qua đời chị Mireille Gansel đã viết những lời trân trọng tiếc thương một nhà thơ lớn. Anh là viện sĩ thông tấn của Viện Hàn lâm nghệ thuật nước Cộng hoà Dân chủ Đức. Lầu thơ của anh có một khung cửa mở rộng để đón nhận ngọn gió tự bốn phương thổi tới. Để tạo được những giao lưu thực sự, anh đã lao động vất vả, nhất là trong điều kiện sách báo nước ngoài đến với chúng ta một cách thất thường. Tôi nghĩ rằng Xuân Diệu đã nắm bắt được chỗ trùng mạch tình cảm trong khâu giao cảm quan trọng giữa thơ ca và bạn đọc thơ ca của nhiều dân tộc. Anh là người đi hàng đầu trong việc giới thiệu và đón nhận những giá trị thơ ca trên dòng giao lưu của dân tộc ta và các nước khác.

Xuân Diệu tìm hiểu khám phá những đóng góp của thơ ca cổ điển dân tộc nhưng anh không rơi vào khuynh hướng phục cổ. Anh hiểu kỹ càng, tinh tế từng tình ý, từng chi tiết ngôn từ trong văn thơ cổ trên chỗ đứng của nhà thơ hiện đại. Anh trân trọng vốn thơ ca quý báu của dân tộc nhưng không tự đóng cửa mình lại. Xuân Diệu đến với bè bạn trên thế giới trên thế đứng vững chắc và niềm tự hào về nền thơ dân tộc. Anh đã lao động không mệt mỏi với tư cách một nhà nghiên cứu và phê bình văn học, một dịch giả. Anh còn say mê đóng góp cho thơ qua công việc của một diễn giả. Xuân Diệu đã nói chuyện thơ hàng trăm buổi trên

http://tieulun.hopto.org

khắp các miền đất nước. Nhiều lần nghe anh nói chuyện tôi thấy anh có một cái duyên nói rất độc đáo. Anh chăm chú đến hội trường. Khoảng cách giữa diễn giả và người nghe, ánh đèn, micrô với một yêu cầu nghiêm khắc như một diễn giả chuyên nghiệp. Nhưng khi đứng trước mặt công chúng thì anh chỉ là một nghệ sĩ với tất cả những nét đáng yêu và hồn nhiên nhất. Anh muốn có sự giao cảm thực sự trong câu chuyện. Những tràng vỗ tay của công chúng khi câu chuyện đến cao trào hoặc kết thúc một đoạn bình thơ diễn cảm làm anh thực sự xúc động. Anh cúi đầu xuống rất lâu để cảm tạ người nghe. Và câu chuyện lại tiếp tục như lúc mở đầu. Xuân Diệu nói chuyện có điệu bộ để tăng thêm sự diễn cảm. Anh thu mình lại để bắt chước những cô thiếu nữ e thẹn trong những câu ca dao giao duyên. Anh nói đến kẻ thù với giọng đay nghiến băm bổ khi bình bài *Sự sống chẳng bao giờ chán nản*. Anh như tự ru mình và mềm mại trong điệu bộ khi đọc những bài thơ tình. Câu chuyện của anh có lúc thật mạnh mẽ sôi nổi khi cần bảo vệ một điều gì. Kết thúc buổi nói chuyện anh vẫy tay chào mọi người và sau đó thường ngồi một mình yên lặng như để nhớ lại những giây phút sôi nổi đã qua. Có thể lúc này anh cũng thấm mệt sau hai ba tiếng đồng hồ hoạt động liên tục. Gặp gỡ, chuyện trò, giao tiếp với quần chúng là nhu cầu nội tại là một vùng khâu hoạt động của Xuân Diệu. Mỗi lần anh đến với công chúng lại cảm thấy như được tiếp sức thêm. Sau những chuyến đi thực tế nhiều ngày trở về, Xuân Diệu kể lại với bè bạn về những buổi nói chuyện. Anh hào hứng nói về đêm bình thơ cho công nhân gang thép Thái Nguyên. Anh vừa nói vừa tìm tờ áp phích trải rộng trên bàn. Tờ áp phích hoan nghênh nhà thơ Xuân Diệu đến với công nhân gang thép. Anh trách cứ tôi đã không lưu ý và biết đến đầy đủ cái hay của bài thơ *Sự sống chẳng bao giờ chán nản*, một bài thơ có sức chinh phục công chúng. Một lần khác anh lại kể về chuyến đi bình thơ ở phía Nam. Tên tuổi anh đã đến với mọi người từ rất lâu trong thơ lãng mạn. Hôm nay công chúng nhiều tỉnh vừa được giải phóng lại được chào đón Xuân Diệu một nhà thơ cách mạng. Người say sưa chiêm ngưỡng anh từ khuôn mặt, vầng trán, đến dáng đi. Người nắm tay người xin chữ ký. Những miền quê hương mới, lớp công chúng mới đã đem lại cho anh bao phấn chấn nhiệt tình. Xuân Diệu say sưa nói, có ngày hai buổi thậm chí đến ba buổi cho những đối tượng khác nhau. Tôi còn nhớ vào

http://tieulun.hopto.org

những năm đầu chống Mỹ cứu nước anh vào chỗ sơ tán của trường Đại học Sư phạm Vinh để hội thảo khoa học và nói chuyện. Đây là vùng quê miền núi của Thanh Hoá. Ngoài những buổi hội thảo khoa học anh em chúng tôi thường gặp gỡ theo từng nhóm nhỏ để chuyện trò. Anh Xuân Diệu đã tranh thủ tất cả thời giờ để nói chuyện với cán bộ và sinh viên. Một buổi trưa thấy vắng bóng anh. Sát giờ họp chiều mới thấy anh đi từ phía nhà bếp trở về. Anh bảo : "Mình tranh thủ phục vụ anh chị em cấp dưỡng" và anh vui vẻ. "Thơ là nhu cầu của tất cả mọi người. Anh chị em bận rộn nên cũng thiệt thòi". Những lần đi nói chuyện ở các nơi không phải bao giờ Xuân Diệu cũng có được những điều kiện thuận lợi. Có lúc anh đi ô tô hàng đến một thị trấn rồi thầy trò một trường cấp III đem xe đạp ra đón. Khi ra về một thầy giáo cấp III vui vẻ xách lên ô tô theo anh mấy con gà, món quà nhỏ của nhà trường. Có lần anh đạp xe vào Thanh Xuân nói chuyện với sinh viên khoa Văn trường Đại học Tổng hợp. Khi ra về trời đã khuya, tôi đạp xe đi cùng anh và bày tỏ lòng biết ơn anh đã đến với tuổi trẻ của nhà trường. Anh vui vẻ nói : "Đến với anh em sinh viên mình cũng thấy như được trẻ lại". Lúc này anh cũng đã ngoài năm mươi tuổi nhưng tình cảm của anh lại đang như ở chính giữa độ thanh xuân. Sau này anh cũng đến với sinh viên khoa Văn mấy lần nữa. Anh đã để lại cho các em những ấn tượng sâu sắc và nổi lên nhất là tấm lòng trung thực và sức sống tươi trẻ của tâm hồn một nhà thơ. Anh có ý thức chống đỡ lại những biến đổi của thời gian và độ cao của tuổi tác. Và chính nhiệt tình gắn bó với cuộc sống, với công việc đã luôn luôn giữ ở Xuân Diệu chất thanh xuân của cuộc đời. Anh vẫn thường hay nói đến sự hồi sinh và những chu kỳ tái tạo của một cuộc đời thơ. Cái vòng đời của một người nghệ sĩ là hữu hạn song chu kỳ sáng tạo ở mỗi người có thể còn nhỏ bé hơn nhiều lần. Phải biết mở rộng sức sáng tạo và theo Xuân Diệu thì cái bí quyết, cái chìa khoá vẫn là ở cuộc đời. Anh thường nói : "Hết một chặng đường thơ tôi lại nghèo nàn đến kiệt sức, và cuộc sống lại hồi sinh cho tôi một chu kỳ sáng tạo mới". Xuân Diệu thiết tha yêu mến và trân trọng cuộc đời, cuộc đời rộng lớn mà gần gũi, cuộc đời nghiêm khắc mà ân cần độ lượng, cuộc đời có lúc như trớ trêu, vô tình mà công bằng chu đáo. Xuân Diệu tha thiết yêu cuộc sống, anh truyền cả tình cảm ấy đến bạn bè và đó là ngọn lửa không ngừng đốt cháy lên ánh sáng trên những

http://tieulun.hopto.org

trang sách thôi thúc anh trong mỗi công việc làm. Thời gian với anh là thời gian hữu ích, thời gian lao động. Khối lượng công việc thật lớn lao, phần của cuộc đời đặt nặng trên hai vai anh, phần của khát vọng sáng tạo không ngừng của người nghệ sĩ. Anh đã sống hết mình cho cuộc đời, cho thơ. Trong những lần đến thăm anh tôi chưa một lần thấy anh trong dáng vẻ nghỉ ngơi. Anh sinh ra để lao động, sáng tạo. Niềm vui lớn của anh cũng là những thành quả lao động. Anh đã chuẩn bị cho tác phẩm thứ năm mươi. Sức sáng tạo của anh như con tàu lao về phía trước. Chưa có dấu hiệu nào của sự ngừng nghỉ.

Mùa thu năm ngoái tôi đến thăm anh. Khi anh tiễn chân tôi ra cổng, tôi nhìn lại toà nhà hai tầng xinh xắn và buột miệng nói :

"Anh Xuân Diệu ạ, mai sau toà nhà này sẽ là một bảo tàng văn học đẹp cho hai anh".

Anh Xuân Diệu cười và bảo : "Đất nước mình khó khăn, nhà cửa lại thiếu thốn mình chỉ mong một cái pơlắc thôi, gọi là một dấu hiệu kỷ niệm".

Ý kiến chân thành và khiêm tốn của anh làm tôi xúc động và suy nghĩ lan man. Một toà nhà kỷ niệm, một căn phòng, một tấm biển... trong có nói lên một cái gì... nhưng sâu xa hơn, cuộc đời và tác phẩm của anh sẽ sống mãi trong lòng mọi người, sống mãi với thời gian.

(In trong *Xuân Diệu tình đời và sự nghiệp*
NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1996)

http://tieulun.hopto.org

XUÂN DIỆU - HOÀNG TỬ CỦA THI CA VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

ĐOÀN THỊ ĐẶNG HƯƠNG

Thơ của Xuân Diệu về một phương diện nào đó là một sự phản ánh một thời đại mới trong thi ca hiện đại Việt Nam hình thành từ trước Cách mạng, đã được tôi luyện trong máu lửa của cách mạng và đạt tới đỉnh cao của nó vào thế kỷ này ở Việt Nam. Nhà nghệ sĩ bậc thầy này đã thật sự có một ảnh hưởng lớn đối với sự phát triển của thơ ca hiện đại Việt Nam. Và chính ông, cũng giống như những nhà thơ cùng thời với ông (những nhà thơ đã nổi tiếng trong phong trào Thơ mới) đã kế thừa những thành tựu không thể chối bỏ được cũng như khắc phục được chính những nhược điểm và cả những khuyết điểm của chủ nghĩa lãng mạn thời kỳ đầu của ông, tuyên chiến với chủ nghĩa lãng mạn ấy và gột rửa tâm hồn thi sĩ khỏi những tàn tích của nó, cũng như phá vỡ những nền móng cũ để xây dựng nên những hình tượng mới của Cách mạng Việt Nam, tạo ra một nền thơ của tương lai. Chính ông, chứ không phải ai khác, một trong những chủ tướng của dòng thơ lãng mạn quá khứ đã xây dựng nên dòng thơ lãng mạn cách mạng cho nền văn học cách mạng xã hội chủ nghĩa. Và chính ông đã làm nên điều kỳ lạ trong văn học là bước qua cái bóng to lớn của mình trong quá khứ (ông là thi sĩ tiêu biểu của phong trào Thơ mới những năm 1936 - 1940) để trở thành nhà thơ lãng mạn của Cách mạng Việt Nam[1].

---

(1) Chúng tôi cho rằng cho đến những tác phẩm cuối đời, với những bài thơ hay nhất của mình, Xuân Diệu vẫn là một nhà thơ lãng mạn, một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất của dòng thơ lãng mạn cách mạng trong nền văn học xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Có nhà phê bình thời kỳ trước đây đã thẳm trách một vài sáng tác đây đó của Xuân Diệu sau Cách mạng là không phải thuộc phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa, bây giờ bằng cách nhìn đổi mới trong văn học, chúng tôi nghĩ rằng nếu nói phương pháp sáng tác cơ bản của Xuân Diệu vẫn là thuộc phương pháp sáng tác

http://tieulun.hopto.org

Khi viết rằng chính ông, Xuân Diệu, đã bước qua cái bóng to lớn trong quá khứ của mình để trở thành một ca sĩ của cách mạng, chúng tôi không hề có ý cường điệu, mà chỉ muốn nói rằng, đó là một cuộc cách mạng của chính tâm hồn nhà thơ, trong một cuộc cách mạng vĩ đại của cả một dân tộc nô lệ thành một dân tộc tự do, trong cuộc cách mạng đó là những cuộc cách mạng nhỏ không kém phần gian khổ trong mỗi con người của thời kỳ ấy thì Xuân Diệu của chúng ta đã hoàn tất được cuộc cách mạng đó. Đó không thể chỉ là một bước đi đơn giản khi mà một nghệ sĩ trong cuộc đấu tranh giữa cái mới và cái cũ, được nuôi dưỡng bởi một thế giới cũ và được cuốn đi trong cơn lốc của cách mạng (có lẽ còn phải viết thêm rằng Xuân Diệu là một trong những nhà thơ đã có tác phẩm đến với cách mạng sớm nhất ở thời kỳ đó). Xuân Diệu là một trong số không nhiều các nhà thơ đi từ quá khứ tới năm 1945 và qua cả năm 1975 vẻ vang, đã chiếm được vị trí cao đẹp trong đời sống tâm linh của dân tộc, phải chăng nền thơ ca cách mạng sau này đã ra đời và lớn lên cùng với những tác phẩm của các nhà thơ cách mạng trong đó có Xuân Diệu với *Ngọn quốc kỳ*, với tráng ca *Quân du kích*... Những tác phẩm đã ngân vang tiếng nói của Cách mạng :

Đi theo tiếng gọi nước non thiêng
Đứng dưới sao vàng ra kháng địch...

Ông là một trong những nhà thơ đầu tiên đã không rời xa những thành tựu trong quá khứ của mình (những thành tựu mà với những bước đi mới của Cách mạng Việt Nam hôm nay sẽ được xem xét lại và ghi nhận), và trở thành một trong những nhà thơ đầu tiên xây dựng nền móng cho nền thơ ca cách mạng Việt Nam trong tương lai. Sự có mặt của ông trong những cuộc đấu tranh vì vận mệnh của Tổ quốc, cho dù

---

lãng mạn, thì chúng tôi nghĩ là "chính xác" hơn và điều đó không hề hạ thấp nền văn học xã hội chủ nghĩa của chúng ta, nếu chúng ta sử dụng nhiều phương pháp sáng tác khác nhau bên cạnh phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa. Và sẽ dễ hiểu hơn nếu chúng ta nhìn nhận thơ Xuân Diệu như cách nhìn mở rộng của các nhà nghiên cứu Liên Xô đối với sáng tác của A. Blôc (ở đây chúng tôi không có ý định so sánh văn tài của hai nhà thơ) đã thừa nhận chủ nghĩa lãng mạn cách mạng của A. Blôc là thuộc nền văn hoá cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhưng đây là một vấn đề lý luận mà chúng tôi không có ý định mở rộng ở đây.

http://tieulun.hopto.org

vận mệnh ấy nhiều khi đã trải qua nhiều thử thách gian nan, chính điều ấy đã làm nên hình ảnh thơ ca của ông. Một nhà thơ lãng mạn ngày xưa đã hát những câu thơ cô đơn : *"Cuộc đời cũng đìu hiu như dặm khách"*, lại là người trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của dân tộc đã viết những câu thơ không thể quên được : *"Tôi cùng xương cùng thịt với nhân dân"*, viết một cách chân thành và giản dị như lẽ đời là thế mà không lên gân, không cường điệu. Một nghệ sĩ lớn đã đi với cách mạng bằng một tình yêu chân thành như thế chắc không phải là nhiều trong văn học Việt Nam và cả trong văn học thế giới. Điều đó có được là do sự phong phú giàu có của thế giới tinh thần của ông, sự mãnh liệt cảm thụ xã hội và khao khát lẽ công bằng và chân lý cho xã hội, tất cả những cái đó thấm sâu vào ông, trở thành máu thịt của ông để toả ra phản chiếu cuộc cách mạng của chúng ta.

Thơ ca của ông trước Cách mạng là tấn bi kịch của giới trí thức, giới nghệ sĩ Việt Nam - đứa con non yểu của cuộc hoài thai cưỡng hiếp giữa một nền văn hoá thực dân (chứ không phải nền văn hoá Pháp vĩ đại trong tình yêu và sự kính trọng của nhân loại) với một tâm lý văn hoá nô lệ chứ không phải nền văn hoá của dân tộc Việt) - cái bi kịch tâm hồn của đứa con yếu đuối và bị bỏ rơi ấy (chứ không nên tô vẽ cho nó những sắc mầu tươi sáng), nhưng trong nghệ thuật việc ông đã miêu tả một cách dũng cảm và cay đắng cái bi kịch ấy, bây giờ đọc lại, ta thấy nó mở rộng nhãn quan của chúng ta về tấn bi kịch tâm hồn của một tầng lớp, của một thời đại. Và đó là điều đặc biệt riêng của các sản phẩm tinh thần trong đó có các sản phẩm nghệ thuật của một thời đại, đó là lý do mà ngày nay và cả sau này mỗi chúng ta và các thế hệ độc giả kế tiếp vẫn đọc thơ ông thời kỳ này – thời kỳ ông còn là một trong những chủ tướng của phong trào Thơ mới – mà không để nó vào sọt rác của lịch sử (có lúc bản thân ông đã nghĩ như thế). Chính đọc thơ ông và các nhà thơ khác đương thời lúc đó, ta hiểu được một phần bi kịch của xã hội cũ và ở trong đó có một cái lõi thật sự, cái lõi cơ bản của thơ ca Xuân Diệu cũng như các nhà thơ lãng mạn lúc đó là : vì sao thế giới cũ cần phải sụp đổ. Và cũng vì lẽ đó mà các thế hệ độc giả hôm nay và cả mai sau nữa sẽ tiếp tục đọc và trân trọng thơ ông cũng như của các nhà thơ lãng mạn thời kỳ 1930 - 1945 và tiếp nhận những đóng góp to lớn của nó, đặc biệt về mặt thi pháp. Dòng thơ ấy thật sự đã đặt nền móng cho nền

http://tieulun.hopto.org

thi ca hiện đại Việt Nam thế kỷ XX (và nhiều nhà thơ lớn của cách mạng đương thời và sau này thật sự chịu ảnh hưởng của nó, trong đó có nhà thơ Tố Hữu).

Xuân Diệu đã để lại cho chúng ta bài học về cuộc đời, bài hát buồn của trái tim mình (trong thơ quá khứ của ông) và cả niềm hạnh phúc tinh thần của mình, sự hăng say xả thân vì cách mạng. Như trên đã nói, ông là nhà thơ lãng mạn cách mạng ; hình tượng lãng mạn của cách mạng và nhân dân cách mạng được nhà thơ miêu tả một cách say mê. Tôi nhớ rằng : các độc giả ở Liên Xô đã rất thích bài thơ Xuân Diệu viết về anh địa chất được dịch ra ở Liên Xô[1] bởi cái hình tượng anh địa chất cầm hòn đá trên tay mà đoán được tuổi của trái đất và những lời thơ về tình yêu của anh địa chất. Có lẽ hình tượng ấy gây ấn tượng là bởi vì nhà thơ đã hiểu một cách tỉnh táo tất cả sự gian khổ, phức tạp, và khó khăn của công cuộc xây dựng xã hội mới, và sự chân thành giản dị đến lạ lùng và với một tính chính xác lạ kỳ tái hiện lại một hình tượng trong thơ.

Có một điều lạ lùng là ngay từ lúc mới bắt đầu bước vào văn học ông đã là một bậc thầy, người đọc có cảm giác chưa bao giờ ông là một nhà thơ trẻ (không phải về vấn đề tuổi tác mà là vấn đề trình độ nghệ thuật của tác phẩm). Ta chưa quên rằng ngay từ lúc mới xuất hiện trong làng Thơ mới ông đã được coi là một nhà thơ tiêu biểu (thời kỳ 1936 - 1940). Ông đã là một chủ tướng của thơ lãng mạn ngày xưa, và trong dòng thơ lãng mạn Cách mạng hôm nay ông vẫn là một trong những vị tướng không mệt mỏi. Chính ông đã cùng với nhiều nhà thơ xưa tiến hành cuộc cách tân nổi tiếng về thi pháp thơ trên văn đàn Việt Nam trước Cách mạng, nhưng ông vẫn nhận thức rằng sự khẳng định và tiếp tục một số truyền thống tốt đẹp của nền thơ ca cổ điển dân tộc cũng có thể coi đó là một sự đổi mới. Giữa những năm kháng chiến ông đã viết bài tiểu luận *Những bệnh ấu trĩ của thơ thời đại*, mà tôi nghĩ rằng giá có in vào hôm nay thì giá trị tươi mới vẫn còn nguyên vẹn[2]. Như các nhà thơ lớn ở Việt Nam và của các dân tộc khác, Xuân Diệu đã kể cho chúng ta bằng một tình yêu lớn lao về đất nước của chúng ta,

---

(1) *Thơ Việt Nam hiện đại*, Matxcơva, NXB Tiến Bộ, 1981, tr. 75-76.

(2) In trong tập *Tiếng thơ*, NXB Văn nghệ, 1951, bài viết ngày 15-6-1949.

http://tieulun.hopto.org

nhân dân chúng ta, thơ ông truyền cho chúng ta nguyên vẹn một tình yêu Tổ quốc lạc quan và khắc khổ. Chúng ta đã và sẽ phải đi sâu vào các sáng tác của ông ngay cả ở những nơi mà tưởng như chúng ta đã hiểu hết rồi.

Các bài học của cuộc đời sáng tác của Xuân Diệu liên quan đến tài năng lớn của ông, sức lao động nghệ thuật ghê gớm và cả những dũng cảm trên con đường tìm tòi sáng tạo nghệ thuật. Thơ của ông, bao giờ cũng là thơ riêng của Xuân Diệu và dù có trộn lẫn giữa trăm ngàn câu thơ của các nhà thơ khác ta vẫn nhận ra thơ ông, cả sự tuyệt vời của những âm thanh được gảy lên từ cây đàn dây của trái tim một nghệ sĩ lớn đến những vẻ xù xì, thô thiển như chưa được bàn tay nghệ sĩ chạm đến, tôi nghĩ, ngay cả điều này ông cũng cố ý, cố ý như Rodin đã để lại trên những pho tuyệt tác của mình (ở đây lại một lần nữa tôi không có định so sánh tài năng) những mảng đá nguyên vẹn của thiên nhiên không hề chạm dao tới. Chính cái vẻ xù xì, thô thiển nhiều khi vụng về đến mức làm phật lòng bạn đọc khó tính, chính cả cái đó đã làm nên trọng lượng những câu thơ của ông. Mà ở một người lao động nhiều như ông, ông đã đọc rất nhiều, đã đóng một vai trò lớn trong việc giới thiệu và dịch thuật các tác giả nổi tiếng thế giới với bạn đọc Việt Nam, đã để lại những tiểu luận nghiên cứu về các nhà thơ cổ điển Việt Nam : Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, Nguyễn Đình Chiểu,... và một khối lượng lớn các bài viết về văn học hiện đại Việt Nam (hiện riêng sách đã xuất bản lên tới hàng nghìn trang) với một cách nhìn rộng rãi sâu sắc, thấu tình đạt lý và một khối lượng mà ngay một nhà nghiên cứu chuyên nghiệp cũng phải thèm muốn ; những tì vết trong những bài thơ, trong sáng tác của ông quyết không phải là một sự cẩu thả mà đó là những điều cố tình để làm nên một Xuân Diệu. Đã từng là nghệ sĩ bậc thầy của trường phái lãng mạn xưa, nhà thơ đã để lại cả một thế giới cảm giác đầy thanh âm, màu sắc và hương vị, chính Xuân Diệu đã vượt qua cái trau chuốt, cái tìm tòi nghệ thuật đi hơi quá xa đời sống thực của chính mình khi đi vào thế giới của âm thanh và màu sắc (chẳng hạn câu thơ của ông :

Sương nương theo trăng ngừng lưng trời
Tương tư nâng lòng lên chơi vơi...

http://tieulun.hopto.org

mà ông đã cố kéo những cảm xúc về một hình thức về gần với đời thường hơn, với quần chúng hơn từ khi ông gắn bó với cách mạng với nhân dân. Mà chúng ta có thể thấy rõ khi ông ghi chép và viết về thơ, hò vè của bộ đội, nhân dân trong kháng chiến bằng những bài viết rất cảm động[1]. Bây giờ trong thơ ông đã có thêm hình dung từ "nhân dân" để thay cho cái tôi xưa cũ cô đơn của nhà thơ lãng mạn ngày xưa.

Nói đến thơ Xuân Diệu mà không nói đến thơ tình yêu của ông thì có lẽ là một cái gì chưa đầy đủ, một mất mát lớn trên bộ mặt thi ca ông. Mặc dù thơ của ông có một cái gì rất riêng tư, ngay cả khi ông viết về những đề tài lớn, vẫn là những câu thơ tình riêng có của chàng Xuân Diệu hào hoa ngày xưa ấy. Ông là một trong những nhà thơ ít có của chúng ta đã liên kết được giữa tình yêu lớn (đất nước, cách mạng và nhân dân) với những tình yêu riêng tư làm một, đó là vì ông đã tiếp nhận và muốn người đọc tiếp nhận cách mạng như là một sự nghiệp riêng tư của bản thân mỗi người. Vì thế từ chàng Xuân Diệu ngày trước, mà theo lời kể của nhà văn Đặng Thai Mai đã có những cô gái ném hoa lên "mớ tóc buồn dợn sóng Quy Nhơn" khi chàng đi trên các phố Hà Nội. Theo lời kể đó thì Xuân Diệu đã làm một "người tình trong mộng" của cả một thế hệ độc giả thời ấy. Riêng tôi vẫn nghĩ, Xuân Diệu là một thi sĩ độc đáo nhất của tình yêu ở Việt Nam thế kỷ này (còn chín năm nữa thì hết thế kỷ XX này liệu chúng ta có thể hy vọng và kịp có một Xuân Diệu thứ hai nữa chăng ? Cầu mong cho lời dự đoán này của tôi không đúng).

Tôi vẫn nghĩ tình yêu trong thơ Xuân Diệu có vẻ gì lạ lắm, nó có vẻ là một nỗi khát khao, một nỗi ám ảnh về tình yêu như của trái tim nguyên thuỷ tự thuở mới có Adam và Eva trên trái đất. Một thứ tình nguyên sơ như thuở hồng hoang. Cái tình yêu ấy là một nỗi ám ảnh trong Xuân Diệu từ thuở bắt đầu cầm bút và ám ảnh luôn chúng ta là những kẻ hậu sinh và chắc là sẽ ám ảnh lâu dài các thế hệ sau này. Có lẽ Xuân Diệu đã yêu một tình yêu không phải trong cái thế giới của đời thường mà là nhà thơ đã yêu tình yêu của một thế giới tình yêu và đem tình yêu đó vào trong thế giới nghệ thuật của nhà thơ.

---

(1) Xem *Tiếng thơ*, NXB Văn nghệ, 1951.

http://tieulun.hopto.org

Đọc những bài thơ tình của Xuân Diệu ta có cảm giác theo nhà thơ đi vào trong những giấc mơ của tình yêu, mà chính nhà thơ ấy biết mình mơ nên sợ hãi cho lúc tỉnh sẽ phải đối diện với một hiện thực không phải của trong những cơn mơ vì thế những câu thơ ấy nó hấp tấp lo âu, nó run rẩy, vội vàng ngắt nhịp cả trong thi pháp của nó :

Mau với chứ vội vàng lên với chứ !
Em, em ơi tình non đã già rồi...

(*Giục giã*)

Nếu so sánh với một hồn thơ lãng mạn đương thời và không kém độc đáo như Hàn Mặc Tử thì nếu Hàn Mặc Tử cô đơn, cô đơn đến phát điên thì thơ Xuân Diệu yêu đến cuồng si. Nếu nhà thơ họ Hàn nảy sinh thi tứ trong những khoảnh khắc ngắn ngủi dài bằng cả cuộc đời, thì chắc hẳn tứ thơ của Xuân Diệu là sự khai hoa của cái cây tình yêu nảy sinh trong những giấc mơ của con người. Chắc là vì thế mà trong một tuyển thơ tình thế giới ở Rumani chỉ tuyển chọn hai bài thơ của Việt Nam : một của Hồ Xuân Hương và một của Xuân Diệu[1]. Trong thơ tình của Xuân Diệu, ta không thấy cái ái tình của nhục dục mặc dù Xuân Diệu không kiêng dè và không đi tìm một thứ tình yêu đã được thanh lọc hoá, đó không chỉ là một tình yêu cụ thể, mà là nhà thơ đi tìm một tình yêu và ám ảnh bởi tình yêu mạnh đến nỗi trong bài thơ *Biển* nổi tiếng của mình, nhà thơ có những câu thơ khát bỏng :

Đã hôn rồi, hôn lại
Cho đến mãi muôn đời
Đến tan cả đất trời
Anh mới thôi dào dạt...

Những câu thơ đã viết gần ba mươi năm về trước (năm 1962) mà nay đọc lại vẫn rùng mình vì bàng hoàng, vì ấn tượng nó gieo lại trong trái tim ta. Có lẽ trong thơ tình hiện đại Việt Nam, Xuân Diệu là người đã đem đến một xúc cảm mới lạ và lạ lùng đặc biệt nhất, cái nỗi khát khao, tiếc nuối, giấc mơ của những giấc mơ về tình yêu. Những giấc mơ của tình yêu mà Xuân Diệu vốn có của con người mà hình như nó đã mất đi trong cái đời thường của con người, nó giống như những giọt

(1) Theo Huy Cận - *Xuân Diệu, con người và tác phẩm*, NXB Tác phẩm mới, 1987.

http://tieulun.hopto.org

nước trong giấc mơ của người lữ hành trên sa mạc giữa ban ngày với cát vàng dưới chân, mặt trời trắng trên đầu và ảo ảnh về những ốc đảo xanh trước mặt. Xuân Diệu đúng là "chàng hoàng tử" của một tư duy lạ về tình yêu (từ của Saint - Exupéry). Thơ tình của Xuân Diệu là những mảnh thông điệp mà nhà thơ đã tiếp nhận có lẽ từ vô thức trong thế giới sáng tạo của tâm linh nhà thơ. Với Xuân Diệu, người đọc đã nhìn và cảm nhận về tình yêu một cách khác đi trước khi đọc thơ ông.

Khi viết đến những dòng này tôi nhớ lại vào một ngày xuân trong sáng, khi đến chúc Tết ông, tôi đã được ông sẽ sàng và đượm buồn đọc cho nghe những bài thơ của ông về tình yêu (những bài thơ tình của ông chưa kịp in và nghe nói đã lên tới nghìn bài) : một nỗi buồn dịu dàng trong sáng và một niềm vui thần thánh của tình yêu đã ngân lên trong trái tim tôi, và sau này khi ở xa nghe tin ông mất, không thể đến để vĩnh biệt ông, tôi đã giận mình khi đó không có cái can đảm của các cô gái Hà Nội nửa đầu thế kỷ này đã rắc những đoá hoa lên mớ tóc buồn dợn sóng của ông[1], lên mái tóc của chàng hoàng tử của thi ca Việt Nam hiện đại.

Để kết thúc, tôi muốn viết thêm rằng : thơ của Xuân Diệu là một loại *thơ thức tỉnh*, nó buộc người đọc phải suy nghĩ chứ không phải đem lại cảm giác an ủi vỗ về. Vì thế những bài thơ của ông, đặc biệt những bài thơ viết trong thời gian chiến tranh chống Mỹ được thế giới hâm mộ, đã được dịch và kêu gọi nhân loại đứng về phía cuộc kháng chiến thần thánh và chính nghĩa của chúng ta. Có lẽ cũng vì thế mà ông đã nhận được danh hiệu Viện sĩ và nhiều giải thưởng lớn trên thế giới. Ông là một nhà thơ lãng mạn của cách mạng, của nhân dân và đồng thời ông cũng là một người chiến sĩ kiên cường làm cho kẻ thù phải nể. Và khi viết bài này tôi không nghĩ là mình hiểu được Xuân Diệu, tôi chỉ muốn nói về cảm nghĩ của thế hệ tôi đối với ông, một tên tuổi chắc chắn sẽ đứng ở hàng đầu trong danh sách những nhà thơ hiện đại đã làm vinh dự cho nền văn học xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

(In trong Tạp chí *Tác phẩm mới*,
số 3 - 1992)

---

(1) Ý thơ của Xuân Diệu : "Tóc anh buồn dợn sóng Quy Nhơn".

http://tieulun.hopto.org

THƠ TÌNH XUÂN DIỆU NỒNG VÀ TRẺ

VŨ QUẦN PHƯƠNG

Nồng và trẻ đó là hai vị đặc sắc của thơ tình Xuân Diệu xuyên suốt cả đời anh. Tình cảm các nhà thơ lớn thường sâu sắc. Nhưng có cái sâu sắc bình đạm lại có cái sâu sắc nồng nàn (có thể so Nguyễn Khuyến với Tú Xương để thấy hai dạng thức tình cảm này). Xuân Diệu ưa nồng, thắm, dào dạt, bộc lộ. Trước Cách mạng, anh đòi hỏi :

Yêu tha thiết thế vẫn còn chưa đủ
Phải nói yêu trăm bận đến ngàn lần

(*Phải nói*)

Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
Và non nước, và cây, và cỏ rạng
Cho chếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,
Cho no nê thanh sắc của thời tươi
Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi !

(*Vội vàng*)

Sau Cách mạng, vẫn nỗi lòng dào dạt ấy :

Đã hôn rồi, hôn lại
Cho đến mãi muôn đời
Đến tan cả đất trời
Anh mới thôi dào dạt

(*Biển*)

Không đọc ngày tháng ghi dưới bài thơ, người ta khó mà phân được giai đoạn sáng tác của khá nhiều bài thơ tình Xuân Diệu. (Cũng xin nói nhỏ, nhiều thi sĩ lớp trước 1945 đã đưa đăng những bài thơ viết từ trước Cách mạng nhưng không đề ngày tháng, nhiều người kể cả các nhà

http://tieulun.hopto.org

nghiên cứu vẫn ngỡ là thơ mới viết cho nên cái sự phân chia hai giai đoạn, không phải là tất yếu với tất cả các tác giả, tác phẩm). Ý thơ này ai dám nói là không đồng nhất với thơ Xuân Diệu trước Cách mạng, thế mà nó lại được viết trong chủ nghĩa xã hội :

Uống xong lại khát là tình
Gặp rồi lại nhớ là mình của ta

(*Uống xong lại khát*)

Sức nồng ấm của tình cảm biến những chi tiết bình dị, những phút giây bình thường thành những sự kiện sáng chói của đời người Xuân Diệu gọi là tạo thần tiên. Anh tạo thần tiên khi đọc một lá thư đơn sơ. Chỉ đọc những câu nói thường như : "Ồ, mới nghiêng mình xem nước trong – Vui mừng em thấy má em hồng" đã đủ để anh kêu lên :

Em tôi ăn nói vô duyên quá
Em đốt lòng anh em biết không

(*Đơn sơ*)

Sau cách mạng, một việc đơn sơ khác là đèo người tình sau chiếc xe đạp tàng. Cảnh ấy vào thơ được đã là giỏi, thế mà lại còn thần tiên nữa :

Không cần nghĩa chữ cũng nghe hay
Sau xe những tiếng em phơ phất
Cởi hết ưu phiền gửi gió mây

Tình yêu nồng nàn đủ sức làm ấm cả cõi chết. Trong một bài thơ nhan đề *Đa tình*, Xuân Diệu tạo một tứ thơ độc đáo : sau khi chết không xương có chỉ huyền hồ bóng dáng, anh vẫn yêu và tình anh đủ làm đuốc sáng soi rạng cõi âm ty để nhận ra những Tây Thi, Lộng Ngọc, Điêu Thuyền, Tân Nhĩ, Dương Phi,... toàn những người đẹp nổi tiếng trong lịch sử nhân loại. Chết lại hoá... hội ngộ, đại hội ngộ :

Hồn đông thế tôi sợ gì cô độc
Ma với nhau thì ôm ấp cùng nhau
Kẻ đa tình không cần đủ thịt da
Khi chết rồi, thì tôi sẽ yêu ma

Đa tình thế, Xuân Diệu đáng được gọi là đệ nhất tình nhân của thời đại chúng ta. Anh đã yêu ngược vào thời gian, thắng cả cái chết. Và bây giờ, anh yêu choán cả không gian :

http://tieulun.hopto.org

Buổi chiều hôm ấy đáng muôn hôn,
Hôn gió hôn mây với cả hồn.
Hôn cái khúc đường, hôn cả bóng,
Hàng cây xanh biếc dưới hoàng hôn.

Khi yêu, anh coi Vũ trụ như bàn tiệc *Bữa tiệc đôi ta sáng nước mây*. Và một dáng áo treo trên mắc áo, một dấu nằm in trên giường nệm đều thành những ý thơ tình tứ :

Em đi để lại dáng hình,
Treo trên mắc áo cho mình thấy thương.

(*Áo em*)

Dấu nằm cũng vẫn xinh thay,
Đường vai phảng phất nét tay mơ màng.

(*Dấu nằm*)

Có lần Xuân Diệu tâm sự : anh muốn làm một từ điển bằng thơ về mọi cung bậc tình cảm trong cõi tình yêu, anh muốn vẽ bản đồ tình cảm của con người. Chúng ta kinh ngạc trước nhiều khám phá tinh tế, những phát hiện bất ngờ những góc khuất nẻo của tình người. Chúng ta đã có thể tra trong thơ tình Xuân Diệu những nhớ mong, chờ, được yêu, thất tình, nghi ngờ, chung thuỷ, tương tư và cả tương tư đơn phương :

Tương tư có nghĩa đôi bờ ngóng,
Anh một mình thôi cũng đợi chờ.

Thơ Xuân Diệu muốn định nghĩa tình yêu từ những biểu hiện sống động của những cặp người. Anh từ chối định nghĩa tình yêu bằng khái niệm :

Làm sao cắt nghĩa được tình yêu,
Có nghĩa gì đâu một buổi chiều.
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt,
Bằng mây nhè nhẹ, gió hiu hiu.

(*Vì sao*)

Anh định nghĩa bằng cảm giác, cảm xúc nên thơ tình của anh đã có một không gian hô hấp rộng lớn. Xuân Diệu vốn là nhà thơ nhạy về giác quan, cảm giác. Đó chính là một yếu tố tạo nên cái nồng nàn mê đắm

http://tieulun.hopto.org

trong phong cách thơ anh. Đó là dấu hiệu của tài năng. Rất hiếm thấy một nhà thơ lớn mà lại mù mờ giác quan. Xuân Diệu nghe cái lạnh từ :

Những luồng run rẩy rung rinh lá

(*Đây mùa thu tới*)

nghe thời gian từ :

Dưới gốc nào đâu thấy xác ve
Thế mà ve đã tắt theo hè

và nghe cái tĩnh lặng :

Ngẩng đầu ngắm mãi chưa xong nhớ,
Hoa bưởi thơm rồi, đêm đã khuya.

(*Buồn trăng*)

Anh cảm thụ cái đa tình của hoa :

Lá xanh yêu yêu thân tuyết bạch,
Nguyệt lác đác tiếng nở giòn lách tách.
Lòng phơi phới từng đợi cái ong châm,
Miệng thở ra hương, hương toả tình ngầm.
Hoa kỹ nữ đã mở lời trêu ghẹo.

(*Hoa đêm*)

Thi sĩ là đa sự, nhưng thiếu cái đa sự ấy, thì núi là đá, cây là cây lấy gỗ, đời nghèo đi biết bao nhiêu, chỉ với mấy câu thơ trên chúng ta biết thêm, có thêm một thế giới mộc thảo. Xuân Diệu là bậc thầy trong sự khám phá này. Ở bài *Nguyệt cầm*, anh cảm thụ âm nhạc tinh tế đến kinh sợ và khi diễn đạt thì đầy ấn tượng cảm giác :

Đàn ghê như nước, lạnh trời ơi,
Long lanh tiếng sỏi vang vang hận.

Xuân Diệu không tin lắm sự nhận thức không qua giác quan. Anh coi đó như nhìn núi từ xa, *Thấy núi yên như một miếng bìa*. Phải sống trong núi mới biết được núi cũng sống :

Có lẽ ông tiều sống giữa cây,
Đêm nay hồn lạnh đã theo mây.
Gió rừng có lẽ tuôn muôn gốc,
Có lẽ mưa im, xối đã đầy.

(*Núi xa*)

http://tieulun.hopto.org

Dùng cảm giác làm dấu ấn ghi lại những khoảnh khắc trong tình yêu là một cách vĩnh cửu hoá nó. Thoáng một người đẹp ngang đường, ghi lấy cái chao đảo trời đất :

Một luồng ánh sáng xô qua mặt,
Thắm cả đường đi, rực cả đời.

(*Tình qua*)

Một con đường nhỏ, một cành cây nắng nhuộm, qua giác quan Xuân Diệu, sẽ lưu giữ mãi :

Con đường nho nhỏ, gió xiêu xiêu,
Lả lả cành hoang, nắng trở chiều.

Lúc đã cao niên, giác quan Xuân Diệu vẫn nhọn sắc, điều này đã góp phần không nhỏ vào năng lực phân tích phê bình thơ của anh : Trong thơ tình, nó giúp anh tạo không khí riêng cho từng bài thơ, cho cả đời thơ, giúp người đọc nhập cuộc vào tình ý của câu chữ một cách hồn nhiên, trực giác :

Lâm râm mưa chuyện trên cành,
Thì thầm lá nói qua mành nước se.
Phòng anh nghe tiếng mưa đi,
Em xa chẳng hiểu làm chi giờ này.
Khí đêm man mác qua tay,
Có mưa thưa nhẹ thêm ngây vị hè.

(*Mưa*)

Đoạn thơ dựng rất nhiều cảm giác, tổng hợp nhiều giác quan, gợi ấn tượng cái trong trẻo thanh nhẹ, nó là mưa hay là nỗi nhớ, thấm thía nhưng không u buồn.

Thiên nhiên trong thơ Xuân Diệu không bị bẹt xuống như trong bưu ảnh mà nó động cựa là nhờ cảm giác của anh, anh không chỉ nhìn bằng mắt, nghe bằng tai mà cả xúc giác, khứu giác, tổng hợp giác :

Lá bàng non ngon lành như ăn được

hay :

Một trái xoài xanh hai hàng răng trẻ
Cắn phập vô ai thấy cũng phải thèm.

http://tieulun.hopto.org

Trong thơ tình, Xuân Diệu rất coi trọng cảm giác, thiếu cảm giác thơ tình yêu thành ra văn kiểm điểm, nhưng anh không cảm giác chủ nghĩa, không sa xuống bản năng, anh đề cao tình yêu trong khía cạnh tinh thần. Từ rất trẻ anh đã nhận xét : *Từ lúc yêu nhau hoa nở mãi*. Sau này anh vẫn ca hát :

Đỉnh non cao vút em ơi
Cao vút em ơi
Là trên đỉnh chót tình người yêu nhau.

Xuân Diệu không cao đạo, trong tình yêu phải có thân xác.

Hãy sát đôi đầu, hãy kề đôi ngực
Hãy trộn nhau đôi mái tóc ngắn dài !
Những cánh tay ! Hãy quấn riết đôi vai
Hãy dâng cả tình yêu lên sóng mắt,
Hãy khăng khít những cặp môi gắn chặt.

(*Xa cách*)

Những đòi hỏi này, phải đến Xuân Diệu, thơ Việt Nam mới dám mạnh dạn diễn đạt. Đấy cũng là bước nhảy từ tình yêu thần tiên kiểu Thế Lữ *Tiên nga xoã tóc bên nguồn* đến tình yêu trần thế của Xuân Diệu. Chính vì những giác quan ấy mà Xuân Diệu bám rất chắc vào mặt đất *Hai tay chín móng bám vào đời*. Trong tình yêu, con người ấy rất duy vật, anh không luận về tình yêu, càng không thích triết lý trên chín tầng cao mà quên mất người yêu đang đi chân đất phía dưới. Thơ yêu của anh gắn với người tình, anh không ngại nói thân thể nhưng anh biết :

Nếu anh lạc mất hồn em,
Thì ôm thân thể khôn tìm tình yêu

(*Khắc mộng*)

Nồng nàn say đắm cũng chính là một biểu hiện của sức trẻ. Nhưng nói đến chất trẻ của Xuân Diệu là nói tới cách cảm thụ cuộc sống, cảm thụ thời gian của anh. Trong văn chương Việt Nam chưa có ai yêu tuổi trẻ đến tôn thờ, đến hốt hoảng âu lo như Xuân Diệu *"Em mười sáu tuổi chỉ một lần ; em không có đến hai lần cái tuổi hai mươi, em chẳng bao giờ có lại tuổi mười tám. Em chỉ có một tuổi vui, em sẽ có*

http://tieulun.hopto.org

một trăm năm buồn (...). Tội thay cho bao nhiêu đàn ông, con đeo trước mặt, vợ bám sau lưng, suốt kiếp làm một người đời, mà chưa hề làm gã con trai". Xuân Diệu từng vội vàng :

Tôi muốn tắt nắng đi,
Cho màu đừng nhạt mất.
Tôi muốn buộc gió lại,
Cho hương đừng bay đi.

Anh muốn hãm nhịp đi của thời gian để tận hưởng tuổi trẻ anh từng giục giã :

Mau với chứ, vội vàng lên với chứ,
Em, em ơi tình non đã già rồi.

(*Giục giã*)

Trước đây có người phê anh sống gấp, hưởng lạc, cá nhân ích kỷ. Chúng ta bình tĩnh và khoa học để nhìn nhận vấn đề này. Nó là vấn đề liên quan đến tất cả mọi người. Ai cũng có một cuộc đời, tiêu dùng nó ra sao để trăm tuổi về già không hì hụi nuối tiếc. Có bao nhiêu triết gia là có bấy nhiêu cách trả lời. Nhà thơ cách mạng Hunggari, người đã chết trên chiến luỹ năm 27 tuổi, Sandơ Petofi viết :

Sống vì gái đẹp và rượu ngon,
Chết hy sinh cho Tổ quốc.
Đời ai được thế này,
Là người sung sướng nhất.

Quan niệm ấy là có lý. Nó cao cả trong sự hy sinh và hồn nhiên trong đời thường. Biết sống để nếm được cái ngọt ngào của cuộc sống là cách sống tích cực. Chủ nghĩa nhân đạo cộng sản không ngừng mở rộng quyền hưởng thụ của con người, Xuân Diệu muốn kéo dài tuổi trẻ để hưởng lạc thú. Đừng hiểu lạc thú là chơi bời hư hỏng. Lạc thú của đời, trước hết là lòng yêu đời :

Đi sao được khi mặt trời vẫn nở
Bỏ sao đang những mái ngói yên buồn
Đường rất lặng với hàng cây hay nhớ
Xa sao đành mắt đẹp của hoàng hôn

(*Tình mai sau*)

http://tieulun.hopto.org

Để có được lòng yêu mến ấy, để thấy hàng cây biết nhớ và đôi mắt đẹp của hoàng hôn, Xuân Diệu không thể bàng quan, ù lì, quan liêu với xung quanh. Nghe tiếng gió rít giữa trời đông, Xuân Diệu xót xa với nỗi khổ bao nhiêu kiếp người, làm sao để thấy trong gió rít bao nỗi u ẩn cơ hàn của nhân sinh. Đây là những câu thơ viết trước Cách mạng tháng Tám :

Gió vừa chạy, vừa rên, vừa tắt thở
Đem trái tim làm uất cả không gian
Gợi bóng hình những thân thể cơ hàn
Với môi tím, với cảnh nghèo vạc mặt

(*Tiếng gió*)

Trong những năm chống Mỹ, anh có *Những đêm hành quân*

Tôi cùng xương thịt với nhân dân của tôi
Cùng đổ mồ hôi, cùng sôi giọt máu

Một cách sống như thế không thể là hưởng thụ cá nhân. Khi anh kêu gọi tuổi trẻ hãy sống hết, hưởng hết cái phần trẻ của chính mình là kêu gọi một cách sống nghệ thuật, khám phá, tràn đầy lòng yêu đời, Xuân Diệu rất lo khi con người đói khổ quá chỉ còn đủ sức tìm nhu cầu vật chất mà quên đi nhu cầu tinh thần. Tình yêu, với Xuân Diệu là nhu cầu tinh thần rõ rệt, là nội dung của tuổi trẻ.

Nhà thơ mời yêu, kêu gọi tuổi trẻ hãy biết yêu say đắm :

Làm sao sống được mà không yêu

và :

Mở miệng vàng... và hãy nói yêu tôi

Anh mượn lời kỹ nữ để mời gọi, chủ đề bài thơ này rộng hơn phạm trù tình yêu, nhưng xét trong cõi tình yêu nó đã rất sâu sắc :

Chớ để riêng em phải gặp lòng em
Tay ái ân du khách hãy làm rèm
Tóc xanh tốt em xin nguyền dệt võng

Tay anh và tóc em, em và anh đủ tạo nên một khoảng không gian hạnh phúc có rèm có võng. Lời mời yêu ở đây có gì xót thương, đó là

http://tieulun.hopto.org

lời mời của nghệ sĩ trước cuộc đời, người kỹ nữ ở đây là hồn thơ Xuân Diệu đó.

Thời gian luôn luôn là ám ảnh của mọi thi nhân. (Tản Đà : *Ngày xanh như ngựa, đầu xanh bạc*). Nhưng với Xuân Diệu nó tạo một sức ép lớn. *Tội không chờ nắng hạ mới hoài xuân*. Nên ngay khi đang thanh niên, anh đã vẽ ra cái già, cái chết để tự báo động cho mình :

Hết ngày, hết tháng, hết ! em ơi
Kinh hãi không gian quặn tiếng còi

(*Hết ngày hết tháng*)

Xuân Diệu rất nhạy cảm với bước đi của thời gian, kèm theo với sự nhạy cảm đó là nỗi lo âu :

Thời gian rót từng giọt buồn tê héo
Sự sống đi như hương bỏ hoa chiều

(*Thanh niên*)

Đang ở tuổi trẻ đã sợ đến cái lúc *tuổi trẻ lại cười ta đã trẻ, cái lúc họ được yêu mà ta chỉ được thương*. Xuân Diệu muốn giữ rịt lấy tuổi trẻ, lòng yêu đời làm rung động cả câu thơ, các động từ đều cựa quậy, anh ví tuổi trẻ như cái bánh thần tiên :

Ta ôm choàng, ôm riết bánh thần tiên
Ta ôm bó, cánh tay ta làm rắn
Làm dây đa quấn quýt cả mình xuân
Không muốn đi, mãi mãi ở vườn trần
Chân hoá rễ để hút mùa dưới đất

Với Xuân Diệu, sống không có nghĩa là tồn tại mà là phải sống trong tuổi trẻ, trong khát khao mãnh liệt, trong yêu đương mê say :

Ta uống mê vào hơi thở của người
Ta bấu răng vào da thịt của đời
Ngoàm sự sống để làm êm đói khát

Những câu thơ tả bước đi của thời gian thường là những câu thơ cực kỳ tinh vi của Xuân Diệu, anh cảm nghe nó từ mọi phía và bao giờ cũng gây xao xuyến :

http://tieulun.hopto.org

- Gió lạnh rồi đây sắp nhớ nhung
Sương the bảng lảng bạc cây tùng
- Xuân đang tới nghĩa là xuân đang qua
Xuân còn non nghĩa là xuân sẽ già
- Hoa thu không nắng cũng phai màu
Trên mặt người kia in nét đau

Khi tuổi đã cao, Xuân Diệu ví mình như trái cam sành Bố Hạ, ruột đã chín vàng nhưng vỏ cứ còn xanh, còn cái vị hăng nồng của tuổi trẻ, câu thơ bâng khuâng ao ước :

Tôi ước một bàn tay
Trong vạn trùng yêu nhớ
Bóc cho tôi bâng khuâng
Một trái cam xanh vỏ

(*Trái cam xanh vỏ*)

Trong đời sống thường ngày Xuân Diệu quý từng phút thời gian, anh chạy đua với nó, ngót bảy mươi tuổi vẫn không chịu để lộ một sợi tóc bạc và rất sửng sốt nếu được gọi bằng bác bằng cụ. Lúc trẻ anh kinh hoàng nghĩ đến cái chết, giờ đây anh bình tĩnh hơn chấp nhận quy luật nhưng luôn luôn phấn đấu :

Đã không tránh được thì tôi tiếp
Một cách đau thương nhưng ngẩng đầu

vì :

Ai có thích gì đi mãi mãi
Vào trong cái cõi chẳng mô tê.

Đó chính là biểu hiện của lòng ham sống. Xuân Diệu sống trẻ, sống yêu cho đến phút cuối :

Hãy để cho tôi được giã từ
Vẫy chào cõi thực để vào hư
Trong hơi thở chót dâng trời đất
Cũng vẫn si tình đến ngất ngư

(In trong *Tạp chí Văn học*, số 12-1995)

http://tieulun.hopto.org

MỘT MÙA THƠ NỞ RỘ

(*Trích*)

NGUYỄN HOÀNH KHUNG

Trong nửa sau những năm ba mươi, lá cờ đầu của phong trào Thơ mới được chuyển qua tay Xuân Diệu. Xung quanh Xuân Diệu và Huy Cận (được gọi là nhóm Huy - Xuân) là một loạt thi sĩ, có người cũ và có người mới sáng tác, như Nguyễn Đình Thư, Phạm Hầu, Phan Khắc Khoan, Thu Hồng, Huyền Kiêu, Yến Lan, Tế Hanh,... Họ làm thành dòng chính của Thơ mới thời kỳ này. Bên cạnh dòng chính đó, có hai xu hướng Thơ mới đáng chú ý hơn cả : "thơ điên" (còn gọi là "Trường thơ loạn" của nhóm thơ Bình Định tập hợp xung quanh Hàn Mặc Tử) và xu hướng thơ được gọi là "tả chân", chuyên tả cảnh - trừ Nam Trân đi vào cảnh xứ Huế, còn thì đều tả cảnh quê : Anh Thơ, Bàng Bá Lân, Đoàn Văn Cừ. Đi vào đồng quê nhưng không chỉ để tả cảnh quê mà còn với cả hồn thơ "chân quê" thì chỉ có Nguyễn Bính, thi sĩ Thơ mới có công chúng rộng rãi nhất.

Với Xuân Diệu - nhà thơ mới nhất trong các nhà Thơ mới, tiêu biểu đầy đủ nhất cho thời đại (thời đại chữ "tôi" - NHK thêm) - cái "tôi" đã thật sự được giải phóng. Nó không còn dáng vẻ bỡ ngỡ, dè dặt trước đó, mà nó phát biểu hết sức thành thật, táo bạo những cảm xúc, khát khao của trái tim đang tràn đầy, cháy bỏng của nó. Thơ Xuân Diệu là niềm khát sống, khát yêu đến cuồng nhiệt. Con người ấy muốn uống cạn, một cách vồ vập, "cái ly tràn đầy sự sống" - lời Tago. *Vội vàng* là bản tuyên ngôn sôi nổi của quan niệm nhân sinh mới mẻ đó. Nhưng đồng thời, Xuân Diệu hiểu rất rõ sự trôi chảy của thời gian, sự tàn phai của tuổi trẻ, nỗi bất trắc của cuộc đời. Vì vậy, con người yêu sống nồng nàn ấy luôn "vội vàng", "giục giã" để tận hưởng cuộc sống. Xuân Diệu muốn đốt sáng lên ngọn lửa trái tim và tuyên chiến quyết liệt với tình trạng "chết mòn" mà ông gọi là "nỗi đìu hiu của cái Ao Đời bằng phẳng" :

http://tieulun.hopto.org

Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối,
Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm.

Không thể không coi đó là một thái độ nhân sinh tích cực : dứt khoát không chấp nhận cuộc sống tẻ nhạt, mù tối, vô danh vô nghĩa.

Trong thơ Xuân Diệu toát lên một nhu cầu mãnh liệt : được cảm thông. Con người rất có ý thức về bản ngã ấy không phải là một cái "tôi" khép kín, chỉ biết có mình, mà là cái "tôi" luôn mở ra với cuộc đời. Cái "tôi" ấy cần "phơi trải", "trình bày", ân cần hơn mọi sự ân cần là một tâm hồn khao khát tìm gặp những tâm hồn. Nhà thơ trải đi những hạt "phấn thông vàng", "gửi hương" của lòng mình "cho gió" bốn phương, mong mỏi đến với những tâm hồn đồng cảm.

Con người khát sống, khát yêu, khát khao giao cảm ấy trở thành một nhà thơ tình cỡ lớn, như một tất yếu ! Bởi vì trên đời có gì khiến cho con người cảm thấy được sống đầy đủ, mãnh liệt bằng tình yêu, và có niềm giao cảm nào trọn vẹn, tuyệt vời bằng tình yêu ? Không bằng lòng với tình yêu mơ màng, xa xăm như Thế Lữ hay Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu huy động cả linh hồn và thể xác, mọi giác quan để hưởng ứng tình yêu một cách vồ vập, ham hố, luôn "thèm muốn vô biên tuyệt đích". Lần đầu tiên ở Việt Nam, tình yêu được quan niệm một cách chân thành, táo bạo, mới mẻ đến thế : một tình yêu đích thực, vừa rất đỗi trần tục, đậm sắc dục, nhưng đồng thời thật lý tưởng, đòi hỏi trước hết là sự giao hoà tuyệt đối của hai tâm hồn. Ngay trong những câu thơ nồng nàn, đầy nhục cảm trong bài *Xa cách* (*Hãy sát đôi đầu, hãy kề đôi ngực...*) thì trong chiều sâu cảm hứng, chính là niềm khao khát tới đau đớn sự giao cảm trọn vẹn về linh hồn của con người trong cái cuộc đời lạnh lùng, đẩy mỗi cá nhân vào một hòn đảo cô đơn đó.

Bi kịch của tâm hồn Xuân Diệu cũng chính ở đó. Muốn hiến dâng tâm tình chân thành, si mê, thèm khát sự giao cảm với đời, nhưng đáp lại chỉ là sự hờ hững, lạnh nhạt (*Nước đổ lá khoai*), là sự cô đơn có tính chất nghiệp dĩ của cái "tôi". Tác giả *Thi nhân Việt Nam* đã khái quát thấm thía : "Đời chúng ta nằm trong vòng chữ *tôi*. Mất bề rộng, ta đi tìm bề sâu. *Nhưng càng đi sâu vào càng thấy lạnh*" (NHK nhấn mạnh). "Là người tiêu biểu đầy đủ nhất cho cái "tôi" Thơ mới. Xuân Diệu là người có ý thức "đi tìm bề sâu" nhất và đồng thời rùng mình trước cái lạnh đó

http://tieulun.hopto.org

sớm nhất. Đến Xuân Diệu, tâm trạng cô đơn không còn âm thầm, lặng lẽ như ở người xưa, mà trở thành một cảm giác rất nhục thể, đặc biệt sâu sắc, da diết, thấm thía tận xương tuỷ :

Em sợ lắm, giá băng tràn mọi nẻo
Trời đầy trăng lạnh lẽo suốt xương da

Cái "tôi" đã đào tới tận đáy của nó, bỗng cảm thấy tất cả sự nhỏ bé, trơ trọi của nó trong một thế giới bao la xa lạ. Cuối cùng, nó sợ bắt gặp chính nó : "*Chớ để riêng em phải gặp lòng em*" - tức là nó mơ hồ hiểu rằng không thể lấy cá nhân làm cứu cánh cho cá nhân. Vậy là, với Xuân Diệu, Thơ mới đã lên tới đỉnh cao để rồi bắt đầu đi vào khủng hoảng, bế tắc.

Khó nói hết vai trò cách tân to lớn của Xuân Diệu đối với thơ ca Việt Nam khi đó. Đúng là "Xuân Diệu là người đã đem đến cho thi ca Việt Nam nhiều cái mới nhất" (Vũ Ngọc Phan). Cái mới ấy trước hết là ở một nguồn sống mới, một cách cảm xúc mới, được diễn đạt bằng một giọng điệu, một ngôn ngữ nồng nàn, trẻ trung chưa từng có. Đồng thời, do chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa tượng trưng Pháp để đi sâu vào cái huyền diệu bên trong "của cái tôi" Xuân Diệu có những rung cảm tinh vi để cảm thụ và diễn tả những biến thái tế vi của trái tim và ngoại cảnh. Không ít câu chữ trong thơ Xuân Diệu còn sượng, quá "Tây", nhưng dần dần, với bút lực sáng tạo dồi dào, Xuân Diệu đã nhanh chóng đạt tới độ nhuần nhị, tinh tế, vừa mới mẻ thanh tân vừa Việt Nam. Nhà nghiên cứu Phạm Thế Ngũ nhận xét : "Sau 1940, người ta không còn mè nheo Xuân Diệu về tật ngô nghê, người ta ngâm nga và bắt chước. Thi sĩ với tác động màu nhiệm của thiên tài, vừa giáo hoá mình vừa cảm hoá người, lôi công chúng vào chia sẻ và thưởng ngoạn ngôn ngữ mình, biến nó thành mẫu mực của thưởng thức" (*Việt Nam văn học sử giản ước tân biên*, tập III, Sài Gòn, 1965).

Tên tuổi gắn liền với Xuân Diệu là Huy Cận và đôi bạn thơ này trở thành trung tâm của phong trào Thơ mới nửa sau những năm ba mươi.

(In trong *Xuân Diệu thơ và đời*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1996)

http://tieulun.hopto.org

NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG THƠ XUÂN DIỆU(*)

HÀ MINH ĐỨC

I - *THƠ THƠ* VÀ *GỬI HƯƠNG CHO GIÓ* - NHỮNG MÙA HOA HƯƠNG SẮC MỘT THỜI TRONG THƠ

"Nhà thi sĩ ấy là một chàng trai trẻ hồn hậu và say mê tóc như mây vướng trên đài trán thơ ngây, mắt như bao luyến mọi người, và miệng cười mở rộng như một tấm lòng sẵn sàng ân ái..." (Thế Lữ).

Và Xuân Diệu đã đến với cuộc đời. Như một sứ giả của thi ca mang theo tình yêu, niềm vui, hương sắc và cũng khát khao hạnh phúc và sự giao cảm với mọi người.

Với thơ Xuân Diệu, cuộc đời trước mắt mở ra biết bao tươi đẹp từ "nụ cười xuân", "khúc nhạc thơm", "vầng trăng nao nức" đến "buổi chiều ngẩn ngơ". Xuân Diệu vốn xem trần thế là nơi hội tụ của niềm vui. Khi Xuân Diệu chưa đến cuộc đời cũng vẫn như xưa, một đất nước không có chủ quyền. Thơ ca không nói được những bất công đau khổ trong xã hội. Và hơn thế nữa biết bao buồn vui của cuộc đời thường, của sự sống cũng không đến với thơ ! Thiên nhiên tươi đẹp qua năm tháng chuyển mùa trở nên nghèo nàn, khô héo qua lối viết của thơ ca cũ nặng về tính rập khuôn ước lệ. Rồi tình đời, tình người cũng không khỏi khô cạn theo tháng năm.

Các nhà thơ mới và đặc biệt là Xuân Diệu đã đem đến trong thơ cái đẹp của sự sống, của thiên nhiên tạo vật và của tình người. Con người trong sự sống tự nhiên và quy luật vĩnh hằng của nó, cũng vui buồn, khát khao hạnh phúc và luôn hy vọng ước mơ. Mùa xuân tới thiên nhiên cũng bừng dậy sức sống non tơ và mùa thu lại gợi vẻ đẹp lặng lẽ,

---

(*) Nhan đề do người tuyển chọn đặt.

http://tieulun.hopto.org

thẳm sâu của tạo vật. Từ vẻ đẹp của bầu trời, ngọn núi, dòng sông cho đến một bông hoa, một nhành cây xanh tươi luôn đem đến cho con người bao niềm vui khích lệ... Xuân Diệu đã miêu tả trong thơ sức sống và cái đẹp chủ yếu trong thiên nhiên tạo vật và tình yêu lứa đôi, nơi mà sự sống biểu hiện đến mức hoàn thiện và gợi cảm nhất. Xuân Diệu yêu đời và qua thơ mang đến lòng yêu đời cho lớp trẻ. Nhà thơ như đang mở lòng ra để đón sự sống :

Nghìn trái tim mang trong một trái tim
Để hiểu vào giọng suối với lời chim
Tiếng mưa khóc lời reo tia nắng đọng

(*Cảm xúc*)

Xuân Diệu ca ngợi sự sống dồn tụ ở mùa xuân, chồi búp non tơ, bông hoa hé nở... những dấu hiệu đích thực của một cuộc sống đang lên. Và trong cuộc đời là tuổi trẻ. Tác giả thích thú nhất là tuổi mười chín, vừa qua đi tuổi hoa bước vào thời kỳ thanh xuân, thời điểm mà sức mạnh và vẻ đẹp gắn bó trên từng đường nét khoẻ khoắn, thanh tú của cơ thể.

Mười chín tuổi mặt trời đang óng ả
Ánh sáng ca lanh lảnh tiếng đời ngân
Bông hạnh cười : mười chín tuổi thanh tân
Gánh nhẹ nhõm trên thân hình măng mọc

Tuổi thanh niên mang theo biết bao niềm vui thú hứa hẹn cho những ngày hiện tại. Gắn bó với cuộc đời chính là gắn bó với tuổi xuân, khi tất cả đang còn ở độ thanh xuân.

Xuân Diệu ca ngợi tuổi trẻ yêu đời, "tuổi trẻ muôn năm".

Người ríu rít như một rừng chim núi
Người xôn xao như một vạn cây rừng.

Có tuổi trẻ là có sự sống, và có sự sống là có sức mạnh để gắn bó với đời. Xuân Diệu là nhà thơ mà lầu thơ ở giữa vườn trần vì nhà thơ hiểu rõ không nơi nào sự sống lại hội tụ, niềm vui lại đằm thắm như ở giữa cuộc đời. Chuyện xưa Từ Thức lên tiên nhưng vẫn nhớ thương và trở về với làng quê vì không ở đâu sự ràng buộc gắn bó thiết tha như

http://tieulun.hopto.org

quan hệ giữa người và người. Thế Lữ cũng đã tìm đến thế giới tiên cảnh nhưng tình yêu cho dù ở chốn bồng lai cũng vẫn xa lạ nằm trong trí tưởng tượng của con người. Xuân Diệu bày tỏ tấm lòng mình :

Không muốn đi, mãi mãi ở vườn trần
Chân hoá rễ để hút mùa dưới đất.

Và chính ở độ tuổi thanh xuân mọi khả năng của con người phát lộ và tỏ ra nhạy cảm sắc bén nhất. Chưa có nhà thơ xưa nào lại ham muốn hoà nhập với đời đến thế :

Sống toàn tim, toàn trí, sống toàn hồn
Sống toàn thân và thức nhọn giác quan.

(*Thanh niên*)

Xuân Diệu đã chấp nhận một triết lý nhập thế, và đi tìm những niềm vui và cảm xúc mạnh, một tình yêu vô biên và tuyệt đích :

Hãy tuôn âu yếm lùa mơn trớn
Sóng mắt, lời môi, nhiều - thật nhiều

(*Vô biên*)

Tình yêu trong những giây phút đằm thắm nhất, đam mê nhất không hạ thấp con người mà thực sự đã nâng con người lên tầm cao mới :

Rồi ngó mê nhau, ta mỉm mắt cười
Và lặng lẽ thấy lòng cao chín bệ
Không cần nói. Trái tim dường mở hé
Hoa muôn năm nghe nở tiếng thần tiên.

(*Kỷ niệm*)

Thế giới nhân vật trong thơ Xuân Diệu là những con người khao khát sống, thèm muốn hạnh phúc và yêu đương. Này là những chàng trai xao xuyến với cảnh với tình :

Lòng anh rạo rực không duyên cớ
Khi nắng chiều tơ giỡn với cành.

(*Có những bài thơ*)

Thiên nhiên tươi đẹp quyến luyến lấy nhau làm cho con người trong cảnh ngộ càng thấy thêm trống vắng :

http://tieulun.hopto.org

Tơ liễu giong gần tơ liễu êm
Bướm bay lại sánh bướm bay kèm
Nghìn đôi chim hót chàng trai ấy
Không có người yêu để gọi "em"

(*Rạo rực*)

Tác giả tạo cho khung cảnh yêu đương vẻ đẹp yêu kiều của hoa lá nào "chùm thương nhớ", "khóm yêu đương". Tất cả đã sẵn sàng như còn trong đợi chờ :

Đến đây em hái giùm đôi lộc
Kẻo tội lòng anh tủi ước mơ

(*Dâng*)

Và nàng là những cô gái mà tâm tình rất kín đáo nhưng không kém phần rạo rực trong yêu thương khi mùa xuân tới :

Mùa xuân chín ửng trên đôi má
Xui khiến lòng ai thấy nặng nề

(*Nụ cười xuân*)

Trạng thái chờ đợi, mong ước trong tình yêu lứa đôi được Xuân Diệu miêu tả chân thực, tinh tế với nhiều cảm thông. Một mùa thu tới cũng tạo nên bao nhớ mong trong tình cảm riêng của người thiếu nữ. Xôn xao, lặng lẽ và đợi chờ :

Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói
Tựa cửa nhìn xa nghĩ ngợi gì

(*Đây mùa thu tới*)

Nhưng chắc chắn Xuân Diệu không dừng ở đây. Xuân Diệu thích miêu tả sự sống ở trạng thái dâng trào, ở thời điểm náo nức của đôi lứa trong tình yêu của tạo vật đang độ dâng hương sắc. Và đó cũng là lúc sự sống có biểu hiện thắm tươi và hấp dẫn nhất :

Ta muốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu

http://tieulun.hopto.org

Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
Và non nước, và cây và cỏ rạng
Cho chếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng
Cho no nê thanh sắc của thời tươi
Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi.

(*Vội vàng*)

Vẫn chưa đủ, Xuân Diệu muốn tất cả mọi đối tượng ở trong cuộc phải bộc lộ đầy đủ sự đam mê qua lời nói, ánh mắt, miệng cười, tay riết... Tình yêu không trầm sâu mà phải nổi sóng, cơn sóng yêu đương sẽ tràn bến bờ và dâng lên những chốn vô biên những miền tuyệt đích.

Yêu tha thiết thế vẫn còn chưa đủ
Phải nói yêu trăm bận đến nghìn lần
Phải mặn nồng cho mãi mãi đem xuân,
Đem chim bướm thả trong vườn tình ái...

(*Phải nói*)

Tuy nhiên cho dù tình yêu đam mê có dậy sóng nhưng vẫn có một giới hạn mà Xuân Diệu không muốn vượt qua từ tình cảm thanh cao sang miền trần tục. Cũng vì thế mà tình cảm yêu đương trong thơ vẫn như con tàu lao về phía trước không dừng, không chấm dứt, không ngượng ngùng, chán nản, hối hận. Xuân Diệu lúc nào cũng hối hả, nhập cuộc, chiếm lĩnh miền đất hứa này. Tác giả rất có ý thức về hiện tại. Thời gian nghệ thuật trong thơ Xuân Diệu là thời gian của hiện tại. Hiện tại luôn được miêu tả trong tương quan với quá khứ, so sánh với quá khứ. Xuân Diệu yêu mến cuộc đời và tuổi trẻ hiện nay nhưng lo lắng vì hiện tại sẽ và đang đi làm quá khứ. Chưa có nhà thơ nào trong phong trào Thơ mới có ý thức về thời gian rõ rệt như Xuân Diệu. Khi đã chán nản và quay lưng lại với cuộc đời hiện tại, khi đã thoát ly hiện thực và đắm chìm trong những thế giới xa xôi và xa lạ thì thời gian cũng bị xoá nhoà ranh giới và ít có khả năng tạo giao cảm và biểu hiện. Xuân Diệu yêu đời, quan tâm đến thời khắc, nhịp đời và những phút giây hạnh phúc nhưng vẫn rất lo lắng về sự mong manh và ngắn ngủi của thời gian và hạnh phúc hiện tại :

http://tieulun.hopto.org

Tháng giêng ngon như một cặp môi gần
Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa ;
Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân
Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua
Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,
Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất.

(*Vội vàng*)

Với thiên nhiên tạo vật, Xuân Diệu cũng cảm nhận với bao thương cảm xót xa sự tàn úa của cỏ cây theo thời gian trôi chảy :

Ờ nhỉ sao hoa lại phải rơi ?

Câu hỏi đó mang ý nghĩa tu từ và đằng sau câu chữ là một tấm lòng. "Hoa nở để mà tàn" có thể nào thoát khỏi quy luật khắc nghiệt đó của tạo hoá. Vừa mới đây còn là một bó hoa thắm tươi và hiện tại đã rơi vào cảnh hoa tàn, lá rụng :

Ngọn gió thời gian không ngớt thổi
Giờ tàn như những cánh hoa rơi.

(*Giờ tàn*)

Như thế là ở hai phạm vi mà sự sống trào dâng mạnh mẽ và vẻ đẹp phát lộ, hiện hình gợi cảm nhất đã bị thời gian ngăn chặn lại. Thời gian như triền gió thổi, nhân lên sức mạnh bên trong để cho tạo vật sinh sôi nảy nở và đến được độ chín của hoa thơm mật ngọt. Nhưng rồi chính thời gian cũng xoá đi tất cả những gì đã có để lại rơi vào hư vô quên lãng. Chính vì tuyệt đối hoá hiện tại mà Xuân Diệu lo ngại cho tương lai. Lấy cái tôi làm trung tâm của cuộc sống, quan tâm đến sự hưởng thụ, đến cách sống vội vàng nên ngại ngùng đổi thay và lo lắng sự già nua :

Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,
Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại.
Còn trời đất nhưng vẫn còn tôi mãi,
Nên bâng khuâng tôi tiếc cả đất trời.

(*Vội vàng*)

http://tieulun.hopto.org

Thơ Xuân Diệu vì thế ít nói tới tương lai. Và cả phong trào Thơ mới cũng dường như không có phạm trù tương lai.

Gấp đi em, anh rất sợ ngày mai,
Đời trôi chảy lòng ta không vĩnh viễn.

(*Giục giã*)

Từ *Thơ thơ* đến *Gửi hương cho gió*, thơ Xuân Diệu đã đi hết một chặng đường. *Thơ thơ* với bao cảm xúc non tơ của tiếng nói thơ ca đầu. Yêu thương, tươi trẻ, tin cậy lời thơ như mở ra một thế giới mới c a tuổi trẻ yêu đời. *Gửi hương cho gió* mang theo nhiều tâm tư tình cảm của những tháng năm mà Xuân Diệu cảm nhận sâu sắc cảnh ngộ bế tắc của mình và những nhà thơ cùng thế hệ. Với *Thơ thơ* Xuân Diệu có thể viết :

Tôi khờ khạo lắm, ngu ngơ quá
Chỉ biết yêu thôi chẳng hiểu gì.

(*Vì sao ?*)

Nhà thơ như lạc giữa thế giới yêu đương và trái tim tâm niệm những điều thầm kín của một tình yêu lý tưởng ban đầu. Con người đa tình, đa cảm ấy chỉ có thể tồn tại có ý nghĩa trong quan hệ gắn bó với mọi người. Tình bạn, tình yêu, tình đời, tình người :

Làm sao sống được mà không yêu
Không nhớ không thương một kẻ nào ?

Nhưng rồi trong tình yêu Xuân Diệu không dễ tìm thấy sự bù đắp, có lẽ cũng là lẽ thường tình, nhất là khi người con trai đến với tình yêu quá nhiệt thành, vội vã, vụng về và đặt ở đấy quá nhiều mong ước :

Yêu là chết ở trong lòng một ít,
Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu.
Cho rất nhiều nhưng nhận chẳng bao nhiêu,
Người ta phụ hay thờ ơ chẳng biết.

(*Yêu*)

Và khi đã bước vào quỹ đạo của tình yêu, và được chấp nhận thì mỗi người cũng là một vũ trụ riêng không dễ hoà đồng. Tình yêu là sự gặp gỡ giữa hai trái tim, hai tâm hồn trong một thời điểm ngẫu nhiên và

http://tieulun.hopto.org

từ đấy tự nguyện đi chung một nẻo đường. Và tự nhiên là người trong cuộc phải có ý thức để tạo nên sự hoà hợp giữa hai thế giới có nhiều bí mật. Trong thơ Xuân Diệu tình yêu lứa đôi được biểu hiện với nhiều mẫu hình và tâm trạng nhưng nhất quán đều in đậm bản sắc riêng : nhiệt tình, gắn bó, khao khát, nhưng không được thoả mãn. Đã gần gũi nhưng vẫn thấy còn xa cách, đã yêu đương nhưng không thể lạnh lùng mà phải nói, phải bộc lộ. Tác giả đi tìm tuyệt đích và vô biên nhưng chỉ gặp hữu hạn. Trạng thái đối lập này tạo nên nhiều bi kịch. Và cuối cùng là sự cô đơn :

Tôi là một con chim không tổ,
Lòng cô đơn hơn một đứa mồ côi.

(*Đối trá*)

Tôi là một kẻ bơ vơ
Yêu những ái tình quạnh quẽ
... Tôi là một kẻ điên cuồng
Yêu những ái tình ngây dại.

(*Thở than*)

Có người cho rằng niềm vui nỗi buồn, trong thơ tình Xuân Diệu chỉ là nỗi buồn thuần tuý ở trong thơ, mang nhiều tính chất ngôn từ, ít thấy những dấu vết của một tình yêu hiện hữu, ít thấy bóng dáng của đối tượng hiện hình theo một cách nào đấy. Có thể là như thế, nhưng phần có được thật sự đã là một đóng góp quan trọng. Xuân Diệu đã nói được tình yêu lứa đôi của thời kỳ hiện đại với nhiều trạng thái tình cảm, nhiều cung bậc trong tình yêu, hợp với tâm lý của tuổi trẻ hôm qua và cả của ngày mai, hay nói đúng hơn Xuân Diệu đã mở được cánh cửa của quy luật tình yêu muôn đời. Tuy nhiên cuộc đời vần xoay trong những tháng năm nhiều biến động, Xuân Diệu không thể cứ vây mãi giữa tình yêu.

Nỗi buồn trong những mối tình không được đền đáp cũng không đau khổ bằng khi giáp mặt với những bề bộn phức tạp của cuộc đời cụ thể. Nhà thơ của gió mây cũng phải nghĩ đến chuyện cơm áo đời thường :

Nỗi đời cơ cực đang giơ vuốt,
Cơm áo không đùa với khách thơ.

http://tieulun.hopto.org

Cuộc đời hiện tại dần dần được nhận ra rõ rệt không phải ở vẻ bên ngoài mà trong bản chất. Tiếng gà gáy, âm thanh khoẻ khoắn đó của tự nhiên cũng như sắc màu rực rỡ của hoa phượng đỏ có thể tạo nên nhiều liên tưởng đẹp nhưng với tâm trạng buồn thì tình cảnh lại trở nên đối nghịch. Trong thơ Xuân Diệu cũng rất ít có những câu thơ lại nặng nề đến thế.

Tiếng gà gáy buồn nghe như máu ứa,
Chết không gian khô héo cả hồn cao.
Thắm tuyệt vọng hai hàng bông phượng lửa,
Thê lương đời như trải mấy binh đao.

(*Hè*)

Thơ thơ và *Gửi hương cho gió* chủ yếu là tình cảm đắm say với hiện tại nhưng giờ ở vào thời điểm mà cuộc sống hiện tại trở nên tù túng bế tắc, nhà thơ không khỏi ngao ngán mà nhận ra sự thật đắng cay :

Chúng ta nay trong cuộc thế ao tù.

Hình ảnh ao tù biểu trưng cho cuộc đời cũ cũng đã được Xuân Diệu nhắc đến trong văn xuôi. Tính chất tù đọng, vây hãm của cuộc đời cũ làm mất đi sự trong trẻo và sinh lực của cuộc sống. Và không phải ngẫu nhiên mà trong *Gửi hương cho gió* Xuân Diệu đã có một lần thoát vãng hiện tại để mơ xưa. Giấc mơ không có gì quyến luyến gắn bó nhưng cũng nói lên một thái độ với đời :

Ai có nhớ những thời hương phảng phất,
Hạc theo trăng, tiên còn lẫn với người.
... Người thuở ấy du dương từng kiểu bước,
Thân mình thơm khoá buộc dải hương la.
Son phấn dịu dàng. Tay áo thướt tha,
Chàng trai trẻ cũng xinh dường thiếu nữ.

(*Mơ xưa*)

Một thoáng xưa để lại trở về với hiện tại, Xuân Diệu là nhà thơ của cuộc đời mới. Từ cách cảm cách nghĩ cho đến những rung động trong thơ đều mang màu sắc hiện đại. Từ bỏ ước lệ và ngôn từ cách điệu của thơ ca xưa, Xuân Diệu là nhà cách tân đích thực của thi ca. Thơ cũ ràng

http://tieulun.hopto.org

buộc trong lễ giáo và đạo lý cũ, trong những cách biểu hiện có tính quy phạm, ước lệ. Trong phong trào Thơ mới, mỗi nhà thơ có một thế giới nghệ thuật và phong cách riêng thể hiện sức sáng tạo của cá nhân không trộn lẫn với cái chung mờ nhạt và công thức. Xuân Diệu là người viết có ý thức về các phạm vi biểu hiện của thơ, về hình ảnh ngôn từ, nhạc điệu. Nhà thơ ghi nhận và miêu tả đối tượng trong không gian và thời gian cụ thể của cuộc đời và của nghệ thuật. Đó là không gian trần thế rất gần gũi, không hề xa lạ. Không gian thấm vị đời nhưng được gạn lọc không náo động, xô bồ mà thanh cao, gợi cảm, thích hợp cho đôi lứa trong yêu đương. Đó là một buổi chiều êm dịu :

Không gian như có dây tơ,
Bước đi sẽ dứt động hờ sẽ tiêu.
Êm êm chiều ngẩn ngơ chiều,
Lòng không sao cả hiu hiu khẽ buồn.

(*Chiều*)

Và một đêm trăng tráng lệ :

Huy hoàng trăng rộng nguy nga gió
Xanh biếc trời cao bạc đất bằng.

(*Buồn trăng*)

Và một bức tranh thu gợi cảm với nhiều phát hiện kín đáo :

Gió thầm, mây lặng, dáng thu xa
Mới tạnh mưa trưa, chiều đã tà.

(*Thu*)

Không gian được miêu tả gắn với thời gian như một cặp phạm trù nghệ thuật được sử dụng sáng tạo, linh hoạt :

Chúng ta nay trong cuộc thế ao tù,
Đốt điếu thuốc chiêu hồn sương quá khứ.

(*Mơ xưa*)

Xưa và nay, quá khứ và hiện tại được miêu tả trong không gian và thời gian nghệ thuật, gợi tình, gợi cảm. Xuân Diệu là nhà thơ có sự cảm nhận mạnh mẽ, kết hợp được ý thức sáng tạo với sự nhạy cảm của các giác quan. Này là thị giác, thính giác, khứu giác đều có mặt và lên tiếng

http://tieulun.hopto.org

nói riêng trước đối tượng miêu tả hơn nữa còn bắt được những giao cảm bên trong. Trong bài thơ *Đây mùa thu tới* Xuân Diệu chỉ rõ trường hợp câu thơ :

Những luồng run rẩy rung rinh lá

được viết từ sự quan sát tinh vi những thay đổi của vườn thu khi gió lạnh của mùa thu đã đến. "Không kể đến nghệ thuật láy âm, láy từ mà chủ yếu phải chú đến frisson của thế kỷ XX, frisson của thơ hiện đại. Điều mình muốn nói là những rung động của nhạc điệu và giao cảm bên trong. Phải có sự quan sát lắng nghe tinh tế mới bắt được những rung động trong thiên nhiên. Không phải là sự mô phỏng hiện tượng thiên nhiên mà là giao cảm tinh vi. Câu chữ mang hơi thơ hiện đại". Điều quan trọng không phải chỉ ở sự cảm nhận tinh vi của giác quan, mà Xuân Diệu đã tìm được tiếng nói giao hoà giữa các giác quan, lấy yếu tố này để biểu hiện đối tượng kia. Trong vườn xuân Xuân Diệu đã sáng tạo biết bao khi viết :

Tóc liễu buông xanh quá mỹ miều,
Bên màu hoa mới thắm như kêu.

Xuân Diệu đã tạo được sự giao hoà giữa màu sắc và âm thanh khi màu hoa như muốn cất lên tiếng nói. Linh hoạt mà mạnh mẽ khi nói lên niềm vui lạc quan trong một bản hợp tấu nhỏ, có ánh sáng, có âm thanh.

Vườn cười bằng bướm hót bằng chim,
Dưới cánh không còn một chút đêm.
Những tiếng tung hô bằng ánh sáng,
Ca đời hưng phục trẻ trung thêm.

(*Lạc quan*)

Xuân Diệu viết một cách sáng tạo theo phương châm : "những hương thơm, màu sắc và âm thanh cùng tương hợp".

Này lắng nghe em khúc nhạc thơm
Say người như rượu tối tân hôn...
... Hãy tự buông cho khúc nhạc hường
Dẫn vào thế giới của Du dương.

http://tieulun.hopto.org

Đôi khi những câu thơ tưởng như giản dị nhưng đã chứa đựng ở bên trong sự giao cảm của con người với cảnh vật và cách cảm nhận hiện đại :

Đã nghe rét mướt luồn trong gió,
Đã vắng người sang những chuyến đò.

(*Đây mùa thu tới*)

Anh một mình ; nghe tất cả buổi chiều
Vào chầm chậm ở trong hồn hiu quạnh.

(*Tương tư chiều*)

Với *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió*, Xuân Diệu đã thực sự đưa Thơ mới lên ngôi trên thi đàn với khuôn mặt trẻ trung, tươi thắm và hấp dẫn chưa từng có. *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió* hai thi phẩm mang dấu ấn của một tài năng sáng tạo thơ nhưng cũng lại chứa đựng nhiều phẩm chất riêng. *Thơ thơ* là niềm vui, ánh sáng, nụ cười của tuổi trẻ yêu đời, khát khao hạnh phúc. Và *Gửi hương cho gió* với giọng điệu trầm sâu hơn và đã thắm hương vị đời xót xa, cay đắng trong những năm tháng đất nước có nhiều chuyển động để thay đổi. Bút pháp nghệ thuật đều mới mẻ, sáng tạo hấp dẫn. Nhưng điều quan trọng là Xuân Diệu đã đem đến trong thơ sức sống mới, cách cảm nghĩ mới của một tâm hồn chan chứa lòng yêu đời đúng như Hoài Thanh nhận xét : "Thơ Xuân Diệu còn là một nguồn sống dào dạt chưa từng thấy ở chốn nước non lặng lẽ này. Xuân Diệu say đắm tình yêu, say đắm cảnh trời, sống vội vàng, sống cuống quýt, muốn tận hưởng cuộc đời ngắn ngủi của mình, khi vui cũng như khi buồn người đều nồng nàn tha thiết" (*Thi nhân Việt Nam*).

Tấm lòng ấy, tình yêu ấy khi đến với cuộc đời mới sẽ được mở rộng, nâng cao để có sức sáng tạo trên những chặng đường mới của thơ ca cách mạng.

II - NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG THƠ CÁCH MẠNG

Thật cũng khó hình dung bước chuyển biến kỳ diệu của Xuân Diệu từ một nhà thơ lãng mạn bậc nhất của phong trào Thơ mới trở thành nhà thơ cách mạng và có thơ hay ngay tự những ngày đầu. Điều đó có căn nguyên sâu xa ở cuộc đời và thơ của tác giả. Là nhà thơ lãng mạn nhưng tác giả đã cảm nhận rõ cái hiện thực tù túng "Chúng ta nay ở trong cuộc

http://tieulun.hopto.org

thế ao tù". Cho dù cuộc sống còn gợi bao nỗi niềm trăn trở, Xuân Diệu vẫn khát khao gắn bó giao cảm với đời. Từ mối tình đầu lý tưởng với nhiều sương khói lãng mạn :

Nếu hương đêm say dậy với trăng rằm
Sao lại trách người thơ tình lơi lả.

Và đến giây phút cuối đời :

Trong hơi thở chót dâng trời đất
Cũng vẫn si tình đến ngất ngư.

Là nhà thơ lãng mạn nhưng mạch thơ trong sáng, thanh cao và tràn đầy lòng khát khao yêu cuộc sống, Xuân Diệu đã sớm đến với phong trào Việt Minh. Xuân Diệu chào mừng Cách mạng với *Ngọn quốc kỳ* và *Hội nghị non sông*, những áng thơ được viết ra với tấm lòng hân hoan tràn đầy và chút ngây thơ đáng yêu của người nghệ sĩ trong mối duyên đầu với Cách mạng :

Lòng tiết trinh vui trong tiệc sáng loà
Tình nguyên thuỷ vẫn hãy còn run rẩy

Cách mạng tháng Tám đã đem lại những giá trị tinh thần hết sức lớn lao và màu nhiệm. Từ đây, trong hoạt động sáng tạo văn nghệ, con đường lớn nhất dẫn đến tương lai đã mở ra với một lý tưởng cao đẹp. lý tưởng ấy hiện hình trong hình ảnh và sức sống vững vàng của nước cộng hoà trẻ tuổi ngay từ trong những ngày đầu cách mạng, ở ngọn quốc kỳ tự hào và kiêu hãnh bay lượn trên bầu trời Tổ quốc, và trong lá phiếu mà hàng triệu người đang cùng giơ cao để biểu thị quyền làm chủ và lòng quyết tâm.

Xuân Diệu đã tìm nguồn sáng tạo cho *Ngọn quốc kỳ* và *Hội nghị non sông* từ những sự kiện chính trị và hình ảnh tươi đẹp đó. Lần đầu tiên trong đời thơ, Xuân Diệu bắt vào đề tài xã hội lớn. Tình cảm yêu nước và trách nhiệm công dân cũng như lòng thiết tha ngợi ca cuộc đời mới đã nâng sáng tác của anh lên. Âm hưởng thơ khoẻ khoắn, hào hùng khác hẳn với điệu thơ buồn hắt hiu trong cuộc đời cũ. *Ngọn quốc kỳ* và *Hội nghị non sông* có không khí náo nức rất vui của ngày dựng nước. Tuy chất liệu thực tế chưa nhiều vì cuộc đời mới còn đang mở ra trên những trang đầu tiên, nhưng Xuân Diệu đã tạo được chất men say lý tưởng.

http://tieulun.hopto.org

Ngọn quốc kỳ là khúc tráng ca rộn âm thanh và nhiều màu sắc. Lá cờ tung bay trong "Gió reo, gió reo, gió Việt Nam reo". Hơi thơ như cuốn lên theo triều gió lồng lộng cao xa. Và màu cờ rạng rỡ :

Vàng huy hoàng sinh giữa thắm hây hây
Thắm lộng lẫy nở quanh vàng rực rỡ

Xuân Diệu cố bắt lấy và tả được cái không khí rất phấn chấn và tươi mới của ngày đầu Cách mạng :

Có mấy bữa mà Việt Nam thắm cả
... Nếp cờ bay chen vỗ sóng bài ca.

Niềm vui hội hè của Cách mạng lại rộ lên qua cuộc Tổng tuyển cử. Lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, người dân lao động thực sự làm chủ vận mệnh của mình. Xuân Diệu nghĩ đến mỗi lá phiếu là một cánh bướm phất phới niềm vui :

Bỗng non sông lên một tiếng reo hò
Bươm bướm trắng nở mùa xuân đất nước
Bướm hoan hỉ trên cành mang hẹn ước
Cánh mong manh mà có sức di sơn.

Ngọn quốc kỳ và *Hội nghị non sông* nói lên một cách vui mừng sự có mặt của thơ ca trước yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng. Từ một nhà thơ lãng mạn, thoát ly, Xuân Diệu đã trở thành thời sự : tính chất thời sự trong thơ anh cũng bộc lộ ở một Xuân Diệu trào phúng bên cạnh một Xuân Diệu trữ tình. Chất trào phúng đả kích này ít nhiều có liên quan đến những trang viết về cuộc đời vô vị ngày xưa mà tác giả nói lên với giọng chua chát. Trong hoàn cảnh mới, khi đã có hướng, chất trào phúng trước kia trở thành vũ khí châm biếm sắc sảo đánh địch. Anh vạch trần bản chất xấu xa của bọn phản động tay sai bày ra các thứ trò để phá hoại phong trào. Chúng cũng trương lên đủ các thứ cờ, nào sao trắng nhợt nhạt, nào quẻ ly cổ lỗ, nào ba que, ba gạch lăng nhăng...

Cũng xanh, cũng đỏ cũng thì cờ,
Nấp bóng cờ ai ngó mập mờ ?
Thẹn với gió sương bay lấp ló,
Hổ cùng non nước phất bơ vơ.

http://tieulun.hopto.org

Chúng tổ chức các cuộc biểu tình để chống tuyển cử nhưng quang cảnh thì thật trơ trẽn và thảm hại :

Chen nhau đông tựa chùa bà Đanh,
Hăng hái như người đang ngái ngủ.

rồi bày trò tổng đình công nhưng lại hoá ra "tổng bất đình công" :

Tưởng chắc được dân nên mới tổng,
Mà dân không được thế là tong.

Xuân Diệu tỏ ra khá linh hoạt, sắc sảo. Trong tình hình sáng tác đương thời, khi thơ ca trong nước chuyển mình chưa thật sự tạo được những cảm hứng lớn nhuần nhuyễn về chủ đề cách mạng, thì *Ngọn quốc kỳ* và *Hội nghị non sông* là những đóng góp đáng kể. Ngày nay, sau một chặng đường dài lịch sử, tuy những tập thơ trên đã bị thời gian bao bọc trong một "áng sương kỷ niệm" nhưng vẫn còn ấm nóng và nồng nàn những cảm xúc ban đầu với Cách mạng. Sau này chúng ta bắt gặp trong thơ ca Việt Nam nhiều trường ca trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và đặc biệt trong những năm chống Mỹ. Phần lớn các trường ca đều dựa trên một dây cốt truyện hoặc sự kiện gắn với một chiến thắng của chiến trường, một vùng đất anh hùng, một nhân vật kiên cường. Xuân Diệu viết trường ca từ một hình ảnh (lá quốc kỳ), một cuộc họp quốc dân nên phần đóng góp rất quyết định là tâm hồn thơ và sức sáng tạo kỳ diệu.

Không phải ngẫu nhiên mà sau này Xuân Diệu khẳng định : "Trường ca của mình viết bằng hồn".

Đi vào cuộc kháng chiến lâu dài và gian khổ của dân tộc, Xuân Diệu lại bước vào một chặng đường với những thử thách mới. Giây phút sôi nổi ban đầu đã lắng xuống. Cảm hứng sáng tạo không thể chỉ dừng lại ở những tình cảm ngợi ca chung chung về một lý tưởng, mà phải đi sâu vào những cuộc đời và con người cụ thể. Làm sao có thể hiểu và viết được về quần chúng công nông binh, một đối tượng vốn còn xa lạ với những nhà thơ lãng mạn trước kia. Rồi sự nhận thức phải chuyển thành tình cảm, hoà nhịp với trái tim. Đến đây những khó khăn của một nhà thơ lớp trước lại xuất hiện cụ thể. Lúc này đứng trên lập trường dân tộc không đủ nữa. Phải làm sao có được một cảm hứng hết sức chan hoà với toàn bộ cuộc đời mới đang sinh sôi, trưởng thành trong lao động và

http://tieulun.hopto.org

chiến đấu. Xuân Diệu cảm thấy mình bị giày vò và xót xa khi không đáp ứng được những yêu cầu của xã hội. Có lúc thật sự bi quan :

Kéo dài tâm trạng lênh đênh,
Sống mà lắm lúc như mình bỏ đi.

Những giây phút tự cảm thấy lênh đênh ấy thực ra vẫn là trạng thái xuôi dòng cho một con thuyền cập bến. Tự đánh giá và duyệt lại mình một cách nghiêm khắc và chân thành là nhịp cầu gian khổ để đi vào một thế giới mới mà nhà thơ không thể trốn tránh và thoái thác được.

Cuộc chỉnh huấn trong thời kỳ kháng chiến đã đem lại cho Xuân Diệu một nhận thức mới :

Bước đầu tuy chửa là bao
Nhưng nghe đã rộng đã cao vô ngần.

Và đặc biệt quan trọng là những chuyến đi vào quần chúng. Bài học lớn lao và thấm thía nhất vẫn là thực tế đấu tranh gian khổ và dũng cảm của quần chúng cách mạng. Xuân Diệu viết được những bài thơ khá về phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất. Xúc động ghi lại hình ảnh bà cụ mù loà :

Một đời của mẹ héo hon,
Có hai con mắt chết mòn cả hai.
Quanh năm chỉ một đêm dài,
Sáng trời không thấy mặt người thân yêu.

Và nay đang hồi sinh lại trong chế độ mới :

Mẹ dù đau đớn mù loà,
Ánh xuân sẽ dọi chan hoà tâm can.

Xuân Diệu đồng thời cũng tự đánh dấu cái mốc mới trong quan hệ giữa nhà thơ và quần chúng cách mạng. Ngay từ sau Cách mạng, Xuân Diệu cũng đã tỏ ra "ngưỡng mộ" đám đông đang làm nên lịch sử :

Trong lúc tầm lên nhân loại mới,
Lòng tôi như thể chiếc nong xanh.

Nhân loại mới ấy đối với anh thật hấp dẫn. "Nhân loại mới nói cười như trẻ nhỏ" nhưng thực ra anh vẫn chưa thể hiểu sâu sắc. Trong mối

http://tieulun.hopto.org

quan hệ với quần chúng, Xuân Diệu vẫn chưa xác định đúng chỗ đứng và thái độ xử thế của mình. Rồi đây đi theo cách mạng, khoảng cách giữa nhà thơ và quần chúng sẽ dần dần được xoá bỏ.

Sự chuyển biến về tư tưởng của Xuân Diệu bộc lộ rõ nhất ở *Riêng chung*. Tuy Xuân Diệu có đạt được một số thành tựu nào đó với *Ngôi sao*, qua một số bài thơ viết về chủ đề cách mạng và phát động quần chúng nhưng *Ngôi sao* vẫn thiếu một cái gì đó thuần nhất, xác định bước phát triển riêng của một chặng đường thơ. Với *Riêng chung*, có thể còn thiếu một sự hài hoà giữa lý trí và tình cảm, giữa nhận thức lý luận và chất sống thực tế, nhưng *Riêng chung* vẫn là sự ghi nhận cụ thể những đổi mới của tâm hồn. Không phải ngẫu nhiên mà Xuân Diệu lại nhấn mạnh :

Hãy nhìn đời bằng đôi mắt xanh non.

Đôi mắt xanh non của tuổi thơ chưa hề bị cuộc đời làm đổi thay vẩn đục hay đúng hơn là cái nhìn mới mẻ, trong sáng với cuộc sống và con người. Nhìn lại cuộc đời xưa cũ, Xuân Diệu thấy rõ những gì mà cách mạng đem lại cho nhân phẩm và ấm no của con người. *Lệ* là bài thơ khái quát được những đổi thay của hai cuộc đời. Giọt lệ ngày xưa là nỗi niềm đau khổ không bao giờ cạn của trăm ngàn những cuộc đời bất hạnh trong xã hội đầy bất công :

Trăm ngàn kiếp lệ cuốn theo sông
Biển cuốn long lanh sóng vạn trùng
Trái đất ba phần tư nước mắt
Đi như giọt lệ giữa không trung.

Giọt nước mắt khổng lồ trong tưởng tượng ấy là tượng trưng mà cũng là hiện thực :

Xưa lệ sa – ta oán hận đất trời
Nay lệ hoà ta lại thấy đời vui.

Thiết tha với cuộc đời mới, Xuân Diệu cảm ơn Đảng, chế độ và khẳng định : "Tôi thẳng thắn ngợi ca nền chuyên chính". Xuân Diệu nghiêm khắc phê phán con người xưa cũ của mình, con người hay bi luỵ, bùi ngùi. Cuộc đấu tranh đi từ "riêng" đến "chung" không thể diễn

http://tieulun.hopto.org

ra nhẹ nhàng, thanh thản khi nhà thơ phải thật sự "chia tay" với con người cũ đã nhiều năm tháng cư trú trong mình. Xuân Diệu đã vượt qua những nỗi đau giày vò, trăn trở, nỗi đau của sự đổi thay và trưởng thành :

Cái đau trong cõi tinh thần
Đã đau một lúc dần dần lại đau.

Xuân Diệu tỏ ra tha thiết với chất thép người, với cái tơ non của sự sống và muốn ngụp lặn, hoà mình trong dòng người vô tận của quần chúng đang nổi lên những khuôn mặt đẹp đẽ, "mặt người ấm áp mặt người thanh" :

Những mặt người trông tựa suối lành.

Riêng chung nói đến cái chung và cái riêng trên bình diện đấu tranh và cọ xát về tư tưởng. *Riêng chung* là sức vươn tới của một tâm hồn hoà vào niềm vui và lẽ sống chung cao cả, là sự đẩy lùi, gạt bỏ những nhân tố tiêu cực, bi luỵ của con người cũ cản trở tiến bộ xã hội và giam hãm riêng con người nhà thơ trong vòng vây của chủ nghĩa cá nhân. Qua *Riêng chung*, tấm lòng nhà thơ mở về phía xã hội để ân cần chào đón, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn với mọi người. Cái cảm giác sung sướng no đủ bên một nhà máy xay mới hoàn thành, niềm vui dâng đầy như muốn ngụp bơi trong biển lúa chín, và nỗi rạo rực về màu đỏ "ngói mới" của đất nước đang dựng xây... tất cả những tình cảm đó tuy chưa thấm vị mồ hôi cần mẫn của người lao động nhưng đã nói lên sự gắn bó tự bên trong của nhà thơ với cuộc đời mới.

Từ *Riêng chung* mạch thơ của Xuân Diệu như sôi nổi, tuôn trào, hối hả chạy về nhiều phía của cuộc đời. Cái nút về tư tưởng đã được mở ra, anh có thể chủ động và tự tin để thời sự mà không hời hợt, gò bó, và tâm tình mà không uỷ mị tiêu cực.

Mũi Cà Mau - Cầm tay hai chùm thơ mới, đấu tranh và tình yêu, hai cái cực khác khau trong thơ Xuân Diệu trước kia đã tìm được một cái gạch nối đi về tự nhiên trên một lối cảm nghĩ và một dòng tâm tình. Từ *Riêng chung*, Xuân Diệu viết đều, viết khoẻ. Ông bước vào thời kỳ sinh sôi, mắn đẻ như con gà mái Thịnh Lang : "Cục tác ! Cục tác ! - Đẻ trứng này rồi tôi còn trứng khác". Những quả trứng hồng ấy đều sinh ra trong chu kỳ tuần hoàn của sự sống của dân tộc qua các giai đoạn đấu tranh

http://tieulun.hopto.org

cách mạng mà nhà thơ hết lòng gắn bó. *Mũi Cà Mau - Cầm tay* là tập thơ đấu tranh thống nhất đất nước ; *Một khối hồng* viết về thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội ; *Hai đợt sóng* và *Tôi giàu đôi mắt* là những tập thơ chống Mỹ cứu nước, Xuân Diệu rất thời sự và anh là nhà thơ thời sự trong ý nghĩa đẹp và tích cực của khái niệm này. Anh có những phản ứng nhạy bén, kịp thời trước những sự kiện của đời sống. Anh làm thơ chính trị. Anh làm thơ theo "commăng". Ở đâu và lúc nào anh cũng sôi nổi, nhiệt tình. Các tập thơ xuất hiện lần lượt qua các giai đoạn cách mạng. Giá trị các tập thơ không đồng đều và cũng không hẳn là tập thơ viết sau bao giờ cũng có giá trị hơn tập thơ của giai đoạn trước. Đó là hiện tượng thường thấy trong sáng tác văn nghệ. Xuân Diệu cũng không vượt khỏi quy luật chung ấy. Ở Xuân Diệu, bên cạnh phần lên xuống, không đồng đều về giá trị các tập thơ vẫn có một mạch thoai thoải đi lên. Anh vẫn thường xuyên lặp lại mình nhưng cũng luôn cố gắng để đem đến cho mỗi tập thơ một cái gì mới. Cái mới này là do cuộc sống ở mỗi giai đoạn cách mạng luôn vận động, đổi thay và Xuân Diệu cố bắt lấy, chớp lấy được mặt này hay mặt khác. Và cũng cần khẳng định là hướng đi lên rõ rệt của sức suy nghĩ và tầm tư tưởng trong các sáng tác. Ngược chiều với thời gian nhà thơ luôn phải chống lại xu hướng chung của năm tháng trôi qua làm cho hao mòn và mất dần đi phần nhạy cảm với cái tơ non của sự sống. Nhưng có thể lại thuận lợi và xuôi chiều, thời gian bồi đắp cho nhà thơ chiều rộng và sâu của tâm hồn. Những kinh lịch, chiêm nghiệm tích luỹ được, những năm tháng miệt mài trong sáng tạo, những quan hệ mới mở ra và khép lại, cái vui cái buồn, cái được cái mất,... tất cả sẽ góp phần tạo nên bài học lớn lao của cuộc đời. Sự từng trải trong cuộc đời không phải bao giờ cũng là tích cực nếu tự mình buông xuôi như một con thuyền bập bềnh trôi theo sóng nước, nếu không có một bản lĩnh để biết gạn đục khơi trong, biết hút vào phần nhuỵ hoa của đời sống và đẩy ra những cặn bã... Với những nỗ lực của tinh thần chủ động sáng tạo qua những chặng đường thơ sau Cách mạng, Xuân Diệu lại luôn được sự cổ võ của đường lối văn nghệ của Đảng và nhiệt tình của quần chúng cách mạng. Thơ của anh ngày càng có căn bản về tư tưởng khi anh xác định được chỗ đứng vững chắc của mình trong lòng quần chúng :

http://tieulun.hopto.org

Tôi cùng xương thịt với nhân dân của tôi,
Cùng đổ mồ hôi cùng sôi giọt máu.
Tôi sống với cuộc đời chiến đấu,
Của triệu người yêu dấu gian lao.

Những suy nghĩ chân tình trên đã rút ngắn lại khoảng cách giữa nhà thơ và quần chúng, cái khoảng cách luôn ám ảnh khi hữu hình khi vô hình và qua những chặng đường thơ Cách mạng, Xuân Diệu luôn phấn đấu để gạt bỏ. Cái tôi có phần riêng tư, cá nhân chủ nghĩa mất đi và dần thay thế bằng một cái tôi trữ tình chân thành, sôi nổi, đa dạng. Luôn bám sát những sự kiện chính trị, chan hoà với cuộc sống lao động và chiến đấu của quần chúng, Xuân Diệu có ý thức miêu tả cái phong phú của cuộc đời đang mở ra từ nhiều phía, đồng thời anh cũng tự bộc lộ và có mặt khắp nơi trong sáng tác. Anh nói lên trực tiếp mạnh mẽ lòng căm giận kẻ thù và tình cảm xót xa trước cảnh đồng bào miền Nam trong những ngày còn nước sôi lửa bỏng :

Sao tôi chỉ có hai bàn tay
Sao tôi chỉ có trái tim này
Tôi muốn hoá thành rừng thành lửa
Thành cơn thịnh nộ đất đá bay.

Anh nói lên tấm lòng gắn bó của nhà thơ với đất nước qua năm tháng, trong từng kỷ niệm thân thuộc hằng ngày cũng như trước những thử thách gian khổ, quyết liệt của cuộc chiến tranh cách mạng :

Ôi Tổ quốc thân yêu ngàn lần ca ngợi
Nay càng thêm tha thiết với tim ta
Mỗi thôn xóm mỗi cánh đồng vàng rợi
Mỗi cây rơm đứng nghĩ ngợi bên nhà
Mỗi hè phố chao ôi chân bước nện
Như có gì náo nức lắm bên trong
Không ! Tất cả tâm hồn ta đã quyện
Với đất này không thể gỡ ra xong.

Trong tấm lòng chung với đất nước, với chế độ, Xuân Diệu vẫn có những tình cảm và giọng nói riêng. Anh chân tình đến bộc bạch, đến

http://tieulun.hopto.org

không kìm hãm được mình. Anh say sưa nhìn cuộc đời mới trong lim dim đôi mắt, anh sôi nổi nói năng, tâm tình, thiết tha đến vồ vập mà vẫn như nghẹn lời :

Ôi ngàn vạn ngói nói xôn xao,
Như đất ta vui bỗng vọt trào.
Ngói mới ! Ôi ngàn muôn sức lực,
Trải ra thành rộng dựng thành cao.

Cũng một Xuân Diệu sôi nổi ấy về với thiên nhiên, anh muốn nhập vào, nhân lên với niềm vui của sự sống đang đơm hoa kết quả và bừng sắc khắp nơi. Mùa xuân trên bãi sông Hồng tươi tốt, Xuân Diệu như bị tràn ngập trong âm thanh, màu sắc, trong ngôn ngữ đắm say của các giác quan và dường như anh bất lực để chuyển thành tiếng nói. "Có lẽ mùa xuân líu lưỡi tôi".

Một sớm mai thanh rất ngọt ngào
Hồn tôi muốn cất giọng nam cao
Nói lời dây bí ra hoa lớn
Lời cát bờ sông sức sống trào.

Và cứ thế Xuân Diệu vừa tỉnh táo, vừa say sưa, ngơ ngác trước cuộc đời mới. Cái tôi trữ tình trong thơ Xuân Diệu đa dạng. Trong tâm hồn thơ anh có ngọn lửa nhiệt tình thường xuyên được nuôi dưỡng để bắt vào những đề tài thời sự và cái hằng ngày của cuộc sống, có cảm hứng khoẻ khoắn, hào hùng để ngợi ca, có chất trào phúng châm biếm sắc sảo, có sức suy nghĩ để đúc kết những suy tưởng khái quát, và có chất trữ tình đằm thắm. Những năng lực đó của tâm hồn thơ Xuân Diệu có khi rung động thành từng mảnh tương đối riêng rẽ để tạo thành những chùm thơ tình yêu, chùm thơ đả kích,... và nhiều lúc quyện hoà trong từng sáng tác cụ thể. Những bài thơ hay của anh từ sau Cách mạng đều mang những phẩm chất trên. Nhưng trong thơ Xuân Diệu còn thiếu hài hoà giữa các mặt, nhiều lúc anh không kìm hãm được mình để mặt này lấn át và xô đẩy lấn át mặt kia tạo nên nhiều dang dở trong sáng tạo. Xuân Diệu ít chủ động được cấu tứ của mình, anh sôi nổi tha thiết quá nên có khi trở nên lắm lời, anh nói và kể say sưa, lời thơ không kịp đọng thành ý, ý thơ không tìm được điểm tựa ở hình ảnh.

http://tieulun.hopto.org

Một khối hồng đau đáu trong tim
Một nỗi niềm nhắn nhe ấp ủ
Nói bao nhiêu cũng còn chưa đủ
Nói mãi mãi vẫn là chưa hết
Nói đến chết cũng hãy đang còn.

Nếu câu thơ, đoạn thơ trên dừng lại và kết thúc ngay từ lúc mở đầu thì có thể gây ấn tượng mạnh mẽ hơn. Nhưng Xuân Diệu vẫn không tự kìm được mình trong thơ, anh muốn nói cho đủ, cho hết. Bởi thế trong thơ anh ngoài những bài thơ, tứ thơ hàm triết lý, suy tưởng, còn thường thì câu thơ ít ẩn ý sâu xa. Xuân Diệu không có dụng ý và cũng không có năng lực chiếm lĩnh người đọc bằng sự "hàm súc" và "sự im lặng thành lời" của những câu thơ "ý tại ngôn ngoạn". Anh gây sức hấp dẫn chân tình, hồn nhiên, ở sự rung động và kể lể về cái thấy cái nghe, ở chất liệu của đời sống thực tế mà anh khát khao muốn ôm choàng lấy bằng vòng tay rộng và chiếm lĩnh từ nhiều góc độ và phạm vi khác nhau.

Đi vào đời sống thực tế là một hướng lớn mà Xuân Diệu thiết tha quan tâm về mặt lý luận cũng như trong thực tiễn sáng tác. Từ sau *Riêng chung* tới *Một khối hồng, Hai đợt sóng, Tôi giàu đôi mắt,* Xuân Diệu đã mở rộng diện phản ánh và hệ thống đề tài trong thơ để viết về thực tế xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống Mỹ cứu nước. Từ đỉnh Mã Pí Lèng xa xôi đến chùm đảo Cô Tô, từ vùng đồng chiêm trũng Nam Hà đến rừng Quỳ Châu gỗ quý, rồi ruộng lúa, vườn dâu Thái Bình đến nương sắn, đồi chè Phú Thọ. Xuân Diệu đi đến nhiều nơi, say sưa tìm hiểu ca ngợi cuộc sống và con người. Đất nước trăm vùng giàu đẹp, trăm nghề lao động cần cù, khéo léo. Nhưng tươi tắn nhất vẫn là gương mặt con người, đáng yêu đáng quý nhất vẫn là những tấm lòng ăn chịu với nắng mưa, đem mồ hôi và máu ra bền gan giữ gìn đất nước.

Ngay từ buổi đầu, qua *Ngọn quốc kỳ*, Xuân Diệu đã nói đến quân du kích, những con người mới đầu tiên xuất hiện. Anh chưa có sự sống trực tiếp mà thiên về lắng nghe. Nhưng với tấm lòng đầy ngưỡng mộ và yêu mến, Xuân Diệu đã phác tả được nhiều nét chân thật đáng yêu về những chiến sĩ áo vải "những kẻ hồn xanh như ngọc bích" :

http://tieulun.hopto.org

Dân quân ăn mặc đủ màu quê
Nâu lẫn chàm pha, đen trắng kể
Đủ cỡ áo quần may đủ kiểu
Tấm bào tơi lá trải sơn khê
Thèm ăn măng trúc đói cơm khô
Khát : suối bên đèo tuôn nước lã
Cheo leo xác mệt tối nghiêng nằm
Thân lót bằng rơm đầu gối rạ
Đâu có màn che đâu trướng rủ
Chỉ có hồn thiêng ru giấc ngủ
Thiếu ăn, thiếu mặc, thiếu quân nhu
Nhưng dạ anh hùng thì thật đủ.

Và từ đó hình ảnh con người mới đi vào thơ anh ngày càng cụ thể sinh động hơn. Xuân Diệu viết về chất thép người Trần Thị Lý, nụ cười Lê Quang Vịnh, về Bế Văn Đàn, Nguyễn Văn Trỗi,... những con người anh hùng mà tấm lòng với dân với nước vượt cao hơn mọi thử thách.

Tình yêu Tổ quốc là đỉnh núi bờ sông
Những lúc tột cùng là dòng huyết chảy.

Xuân Diệu hiểu rõ rằng chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam biểu hiện tập trung qua những điển hình tuyệt đẹp trên. Đồng thời cũng là phẩm chất chung của những con người mới lao động cần cù ngày đêm trên khắp miền đất nước. Đó là chất người của cụ Muỗi, người dân kháng chiến hết lòng yêu thương cán bộ "bù trì cho tất cả - Đáp trả có gì đâu", là thầy giáo Phụng hết lòng vì con em bản Mèo :

Biết anh như mảnh trăng đèo,
Vừa ôm rừng núi vừa theo xóm làng.

là chú Nhơn, người cán bộ miền Nam mảnh khảnh mà dẻo dai tận tuỵ với phong trào :

Hiền như đống trấu nhen âm ỉ,
Mà ngún trong tim rực lửa đào.

Rõ ràng những nhân vật trữ tình kiểu mới đã xuất hiện trong thơ Xuân Diệu đều tích cực, giàu lý tưởng, khác hẳn với một số hình bóng

http://tieulun.hopto.org

đã có trong thơ anh thời kỳ trước Cách mạng. Trước kia trong thơ Xuân Diệu cũng có nói đến một người kỹ nữ, một chú lái khờ, người lệ ngọc,... tưởng như là những con người trên ngẫu nhiên chạy qua cuộc đời thơ của tác giả, nhưng thực ra họ chỉ là những biểu tượng mà Xuân Diệu vay mượn để tự biểu hiện "Mình với ta tuy hai mà một".

Ngày nay những nhân vật trữ tình trong thơ anh đông vui, giàu khích lệ, luôn tạo được sự chia sẻ, chan hoà với cái tôi trữ tình của nhà thơ. Phần lớn họ là những con người có thực ở ngoài đời đang lao động và chiến đấu trên nhiều trận tuyến.

Đi vào đời sống thực tế, Xuân Diệu không thi vị hoá một cách dễ dàng. Anh không chỉ muốn nói tới kết quả mà nhấn mạnh cả quá trình đi đến kết quả. Xuân Diệu muốn đề cập tới sức lao động sáng tạo với tất cả tính chất phức tạp gian khổ của nó. Anh nói tới con kênh tưới nước mà không quên cảnh hạn hán ghê người, nói tới những con đường mới trên vùng đồng chiêm trũng và hiểu rõ "Phải bốn hòn đất chìm - Mới một hòn đất nổi - Một con đường đồng chiêm, Bằng bảy đường đồng bãi". Viết về hồ Suối Hai, một hồ chứa nước lớn và đẹp, Xuân Diệu muốn giới thiệu công sức đã tạo nên hồ : "Hơn hai trăm vạn thước khối đất - Xe chở vai khiêng đào lại đắp - Năm nghìn thước khối đổ bê tông - Mới được vững, cao dài chiếc đập". Và hình như tác giả cảm thấy còn chưa đủ, anh phải nói thêm về cách xây chân đập : "Phải gỡ đất mềm thay đất sét - Rồi xây lắp đá - nước trùm lên". Và cứ thế, ý định của anh là tốt và anh phải vất vả đánh vật với khối lượng to lớn của chất liệu thực tế để rồi không đạt được kết quả mong muốn. Suy nghĩ về đời sống sau Cách mạng, Xuân Diệu có một quan niệm đúng đắn khi nhấn mạnh về vận động rất nhanh chóng rất biện chứng của thực tế. Làm sao có thể nắm bắt được phần tính chất và điển hình của đời sống trong những thay đổi to lớn và kỳ diệu đó. Một số hiện tượng trong xã hội trước kia mang tính chất tương đối tĩnh và định hình, thời gian đã góp phần chọn lọc qua những cái trôi đi, lắng xuống, nhà thơ có thể dựa lưng vào những truyền thống và kinh nghiệm quen thuộc từ nhiều thế kỷ để suy nghĩ về xã hội. Cuộc sống mới lại rất phong phú, rất động không muốn dừng lâu ở sự chọn lọc để trôi đi cái đa dạng và phong phú của cuộc sống, anh muốn đưa từng mảng của sự sống vào thơ để nhà thơ và bạn đọc tìm đến một sự chọn lọc. Quan niệm và cách làm ấy của Xuân Diệu buộc thơ

http://tieulun.hopto.org

phải ôm, phải chứa đựng quá nhiều chất liệu bề bộn đến xô bồ của đời sống, ranh giới giữa thơ và văn xuôi do đó bị lẫn lộn và mất đi. Trong nhiều trường hợp thơ rơi vào kể lể dài dòng, trúc trắc và nghèo nàn nhạc điệu, giảm sút hẳn sức truyền cảm.

Có thể vì những lý do trên mà số người thích thơ Xuân Diệu lúc này chưa nhiều. Lẽ ra anh chỉ cần đem đến cho đời một vài quả đến độ thật ngọt chín và thơm hương thì anh lại dâng cả chùm quả còn nửa chín nửa xanh dang dở. Lẽ ra anh có thể tập trung sức để gây ấn tượng về chất lượng, Xuân Diệu lại phân tán năng lực qua số lượng. Đó là những biểu hiện chưa phù hợp với quy luật của thơ.

Tuy nhiên trong giới hạn của những cố gắng của mình, Xuân Diệu vẫn có đóng góp vào hướng lớn : Đưa thơ về với đời sống thực tế. Anh nắm bắt và đưa được chất sống khoẻ và trần trụi của sự sống vào trong thơ. Một thiên nhiên gay gắt mà con người đã tiến hành một cuộc đấu tranh đầy gian khổ và thắng lợi. Nào cảnh ruộng đồng hạn hán :

Xưa nhìn nỗi mạ cháy mà đau,
Hết cảnh khô bèo cạn đáy ao.
Con đỉa vắt qua mô đất chết,
Và người ngửa mặt ngóng trời cao.

và hôm nay con mương đã dẫn nước về đồng ruộng :

Hai bờ một nước ôm tha thiết,
Nước dợn tre xanh, ửng nắng hồng.

nào cảnh núi non hiểm trở :

Mã Pí Lèng danh bất hư truyền,
Sống - mũi - ngựa, núi cao thẳng đứng.
Núi điệp trùng núi toả bốn bên,
Đá gan trâu gãy choòng, đá cứng.
Sương mù dưới vực toả bay lên,
Bạc lẩn màu cây mờ đỉnh dựng !

và từ đó sức lao động đã chiến thắng để cho xe đi về xuôi ngược :

Mà đường hạnh phúc rộng thênh thênh

http://tieulun.hopto.org

Xuân Diệu nhạy cảm và tinh tế về cái thấy cái nghe, do đó miêu tả được nhiều bức tranh về đời sống. Quang cảnh nên thơ của xã Thanh Nga :

Sắn xanh quanh những ngôi nhà
Long lanh là mít, loà xoà cành tre
Một trăm đồi cọ múa xoè
Dây leo quanh gốc, nắng loe trên tàu

và vẻ đẹp riêng hấp dẫn của công việc lao động thuộc vùng tơ tằm Thuận Vi :

Tiếng kẻng ban mai kén dậy rồi
Nồi ươm thoăn thoắt những tay ai
Xoã tơ, tơ toả theo guồng cuộn
Lóng lánh như xe ánh mặt trời.

Từ những quan sát và lắng nghe cụ thể, Xuân Diệu có xu hướng muốn khái quát chân lý của sự sống biểu hiện trong sức mạnh của đấu tranh thiên nhiên và xã hội. Với sức mạnh nội tại tiềm tàng của nó, với quy luật phát triển biện chứng của tự nhiên và xã hội, sự sống luôn đi lên và vô địch. Nhìn một cánh bướm mong manh vượt qua dòng sông rộng, Xuân Diệu thấy rõ quy luật ấy của tự nhiên thật là tài tình và kỳ diệu :

Trước đôi cánh nhỏ,
Sông hoá vô cùng.
Bướm băng một mạch,
Vừa vờn cong cong.

Xuân Diệu cũng phát hiện ra sự sinh thành và phát triển đến kỳ lạ của sự sống trong tự nhiên qua một chùm sấu nhỏ :

Mấy hôm trước còn hoa,
Mới thơm đây ngào ngạt.
Thoáng như một nghi ngờ,
Trái đã liền có thật.

Tác giả đã không đặt câu hỏi trước cái kỳ diệu đến như huyền bí của sự vật : "Ôi từ không đến có - Xảy ra như thế nào ?". Không có một bàn tay thần thánh và phép nhiệm màu nào, ở đây chỉ có sự sống và phát

http://tieulun.hopto.org

triển theo quy luật biện chứng. "Nó sẽ lớn như trời vậy", nó sẽ vượt lên mọi thử thách, mọi sự cản trở, phá hoại :

Một ngày một lớn hơn,
Nấn từng vòng nhựa một.
Một sắc nhựa chua giòn,
Ôm đọng tròn quanh hột...

Trái non như thách thức,
Trăm thứ giặc, thứ sâu.
Thách kẻ thù sự sống,
Phá đời không dễ đâu.

Trong đấu tranh xã hội, quy luật ấy càng biểu hiện một cách quyết liệt hơn. Sự sống là ở phía chúng ta, những người cách mạng đang gieo trồng và chăm sóc nâng niu sự sống. Kẻ thù luôn gieo rắc cái chết, chúng dùng sức mạnh tàn bạo để huỷ diệt sự sống, nhưng cái chết đang từng ngày bao vây chúng. Hầu hết những bài thơ trữ tình đả kích của Xuân Diệu đều xoáy sâu vào chủ đề ấy. *Bàn tay ta, Toà án nhân dân thế giới, Đi thăm bãi tha ma tàu bay giặc Mỹ,...* đều vạch trần và lên án kẻ địch tàn bạo. Cái chết đã đến với chúng, cái chết đang đến với chúng "những cái thây ma lịch sử" những "bạo lực đã đi ngược chiều cuộc sống". Xuân Diệu cũng thường xây dựng tứ thơ để ca ngợi sự sống trên tinh thần vận dụng so sánh đối lập với cái chết. *Con chim và xác chiếc tàu bay Mỹ, Sự sống chẳng bao giờ chán nản* vừa trực tiếp đánh địch, biểu dương chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân ta, vừa hàm ý triết học về quy luật phát triển và tiêu vong trong cuộc sống. Những suy nghĩ của Xuân Diệu có lúc nhuần nhuyễn, nhưng cũng nhiều khi còn bỗ bã, tự nhiên qua lời nói trần trụi.

Phần thành công và chưa thành công trong hướng đi vào đời sống của thơ Xuân Diệu có tác dụng bồi đắp và ghi nhận những kinh nghiệm cần thiết cho phong trào thơ hiện nay.

Một đóng góp đáng chú ý của Xuân Diệu cho vườn thơ cách mạng thuộc về mảng thơ tình yêu. Nhà thơ của "tình yêu và tuổi trẻ" này trước cách mạng đã một thời say đắm và tự đóng khung mình lại trong thế giới yêu đương và mộng tưởng. Tuy nhiên trong xã hội cũ, tình yêu không phải là một lối thoát, một vương quốc riêng tư để cho hạnh phúc tìm đến và yên nghỉ. Xuân Diệu tỏ ra tha thiết, nồng nhiệt, vội vã trong

http://tieulun.hopto.org

tình yêu, nhưng chính anh cũng lại tự cảm thấy chua chát, chán chường. Cái tập thể nhỏ của đôi lứa tưởng như có thể chan hoà bằng trăm ngàn sợi dây thương mến và niềm đồng cảm sâu xa nhất, nhưng chính ngay ở nơi ấm cúng này có lúc lại thấm thía cô đơn và con người vẫn tự chia sẻ ra nhiều ngăn cách :

Em là em mà anh vẫn là anh
Có thể nào qua Vạn Lý Trường Thành.

Sau Cách mạng, trong nhiều năm đi theo kháng chiến Xuân Diệu ít viết thơ tình yêu. Hoà bình lập lại, có điều kiện để nghĩ đến cuộc sống và hạnh phúc riêng tư, thơ tình của Xuân Diệu lại đâm chồi nảy lộc. Có lẽ trong thơ đây là loại chủ đề mang nhiều tính chất riêng tư nhất và thường được khai thác trực tiếp hay gần gũi với cuộc đời tác giả. Theo thời gian, tình cảm có thể sẽ mất dần đi phần non tơ nhưng ở Xuân Diệu vẫn có một mạch thơ tình đằm thắm cho đến cuối đời. Thơ tình của Xuân Diệu ở chặng đường sau không còn nhiều chất sôi nổi ban đầu nhưng yếu tố tình cảm được kết hợp thêm với lý trí, với chiều sâu những chiêm nghiệm của bản thân, với bản lĩnh của một tâm hồn thơ lớn nên thơ tình có thêm nhiều phẩm chất mới. Hồn thơ của Xuân Diệu vẫn còn thấm nhuỵ, vẫn còn nhiều hương sắc, cách cảm nhận của tác giả về một mùi hương vẫn tinh vi tươi thắm như xưa. Hương thơm của hoa quả trong vườn hoa quả Thuận Vi như cùng đi vào giấc ngủ :

Canh khuya chợt thức nghe hoa ngát
Giấc ngủ như là đã ướp hương.

Hương hoa như là sự biểu hiện của bản sắc, hồn hoa. Xuân Diệu đã từng hình dung "hương bay thì hoa tưởng hoa bay" và làn hương kỳ diệu ấy tham dự vào những chuyện tình màu nhiệm :

Tôi cầm mùi dạ lan hương,
Trong tay đi đến người thương cách trùng.
Dạ lan thơm nức lạ lùng,
Tưởng như đi mãi không cùng mùi hương.

Tâm hồn thơ ấy được mở rộng, nâng cao với nhiều màu sắc mới. Những câu thơ lành mạnh, khoẻ khoắn mà không kém phần thiết tha

Anh đã đi với em trên đất nước,
Dép ta gần đôi lúc dẫm vào nhau.

http://tieulun.hopto.org

Con đường đẹp của đất nước cũng là con đường che chở cho tình yêu nảy nở. Bước sóng đôi gần gụi ấy trên cùng một hướng đi và cùng được dắt dẫn bởi một lý tưởng đẹp đã mang lại cho tình yêu những phẩm chất mới. Tình yêu không phải là chuyện huyền bí nhưng lại rất thiêng liêng, đắm say tha thiết, nhưng không vội vàng, vồ vập. Tình yêu ích kỷ, tầm thường là phép trừ, là sự chia sẻ năng lực của mỗi người. Xuân Diệu ca ngợi tình yêu mới mà sức mạnh của mỗi cá nhân luôn được cộng lại, nhân lên. Xuân Diệu cũng chỉ ra trong tình yêu có nỗi nhớ thường trực :

Uống xong lại khát là tình,
Gặp rồi lại nhớ là mình của ta.

có nguyện ước thường xuyên :

Nguyện miếng ngon đừng vắng bóng em
Nguyện cảnh đẹp có em bên cạnh
Nguyện tâm hồn như chim chắp cánh
Nguyện xương thịt như cây liền cành

có niềm vui vô tận :

Quanh ta ríu rít là đời
Bên em ai hát ai cười - là anh

và sự yêu thương thông cảm tự bên trong :

Vai anh khi để đầu em tựa
Cân cả buồn, vui của một đời.

Trong cái hữu hạn của một cuộc đời, một lứa tuổi, tình yêu luôn muốn trở thành vô biên, bất tận để không bị thời gian tàn phá, không bị không gian chia sẻ, ngăn cách :

Dẫu rằng hữu hạn đôi ta,
Yêu đương một thuở thành ca muôn trùng.

Với suy nghĩ này anh lập được nhiều ý thơ hay, nhiều tứ thơ mới lạ. Trên dòng trôi chảy của thời gian và trong cái mênh mông của đất trời, Xuân Diệu nghĩ đến khuôn mặt người yêu. Anh muốn đưa vẻ đẹp cụ thể của một cuộc đời hữu hạn này gắn vào cái vô tận của đất trời.

http://tieulun.hopto.org

Mặt em ở giữa khơ trời đất
Vô tận thời gian có mặt em
Đáy thẳm tâm hồn anh đã cất
Mặt em, hoa vĩnh viễn ngày đêm.

Anh không muốn đem tình yêu vào địa hạt huyền bí, nhưng muốn nhấn mạnh đến ý nghĩa thiêng liêng, cao cả của thứ quan hệ tình cảm thắm thiết đến kỳ lạ của đời sống con người. Anh không ca ngợi tình yêu một cách chung chung mà bao giờ cũng gắn với một cảnh ngộ, một sự việc để tạo nên những tình cảm chân thực và nhớ mong cụ thể. Một buổi chơi núi, một lần ngắm hoa, một chiếc áo người thương treo trên tường, một đôi đũa mun kỷ niệm, một lần tiễn đưa trong chiến tranh... từ những trường hợp cụ thể ấy Xuân Diệu nói đến tình yêu tha thiết và chung thuỷ. Anh khéo kết hợp giữa cái cụ thể với sức khái quát, kết hợp giữa tình yêu đằm ấm trong sự sống hàng ngày với tình yêu bay bổng cao đẹp.

Ca ngợi tình yêu tuyệt vời nhưng Xuân Diệu nói lên đúng đắn mối quan hệ giữa tình yêu với lý tưởng và nhiệm vụ cách mạng. Phút giây thử thách là sự xa cách, là năm tháng đợi chờ, người đi công tác, người đi chiến đấu xa :

Giặc Mỹ, giặc Mỹ phá đời chúng ta,
Anh cách em xa đôi ta đánh giặc.
Ta lại chúc nhau chân cứng đá mềm,
Gắn bó nhân dân, vững vàng công tác.

Và chắc chắn là những con người ấy với muôn ngàn nỗ lực trong công tác luôn có phần đóng góp vắng mặt của người yêu nơi xa vì sức mạnh của họ được nhân lên :

Một người chiến đấu với hai tâm hồn.

Điều đáng quý là những chùm thơ tình yêu của Xuân Diệu vẫn luôn tươi trẻ, thiết tha và được viết ra khi anh đã qua rồi lứa tuổi sôi nổi của thanh niên. Đã có trên gần bốn chục năm trôi qua, cái khoảng cách giữa những bài thơ tình đầu tiên của tâm hồn thơ trẻ Xuân Diệu trong thời kỳ Thơ mới với những sáng tác hôm nay. Chắc chắn anh không nói được nhiều về những sắc thái mới của tình yêu tuổi trẻ bây giờ. Ngoài những

http://tieulun.hopto.org

kỷ niệm được khai thác trực tiếp trong thơ tình yêu chủ yếu anh là người chứng kiến và chia sẻ gián tiếp ; anh là người thứ ba thân yêu nói hộ những nỗi niềm của tuổi trẻ, anh là người lấy sự phong phú và tình yêu của cuộc đời làm nên sự giàu có của bản thân mình. Với chừng mực đó càng thấy những cố gắng lớn của Xuân Diệu để giữ được chất thanh xuân của tâm hồn. Trong bản chất tốt đẹp và trong sáng của nó, tình yêu không có tuổi già và thi sĩ của tình yêu cũng nằm trong quy luật ấy vì họ luôn có nhu cầu sáng tạo và khát khao viết nên bản tình ca của cuộc đời. Sau Cách mạng tháng Tám, nhất là từ khi hoà bình lập lại thơ ca Việt Nam có điều kiện mở rộng và giao lưu với thơ ca thế giới, Xuân Diệu là nhà thơ tiên phong trong lĩnh vực này. Một mặt đi sâu và tìm hiểu truyền thống, Xuân Diệu giới thiệu tinh hoa của thơ Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát, Tú Xương, Nguyễn Khuyến, Tản Đà. Một mặt Xuân Diệu bỏ công sức để dịch thơ thế giới. Blaga Dimitrova nhận xét : "Xuân Diệu là dịch giả kiệt xuất với các bản dịch thơ Exênhin, Puskin, Maiakốpxki. Anh là người bạn lớn thân thiết của nền văn học Bungari từ Bôtép đến các nhà thơ trẻ sau này". Đối với những nền thơ ca phong phú của nước ngoài, hồn thơ của Xuân Diệu đã rộng mở đón chào và tiếp nhận cái mới cái hay. Xuân Diệu yêu thích thơ Aragon và Elsa cũng như tình yêu đằm thắm của hai người trong đời, trong thơ. Đây là một trong những trường hợp tiêu biểu của hiện tượng tuy là vợ chồng nhưng vẫn giữ được chất thơ tình yêu. Nhiều trường hợp khi đã bước vào quan hệ vợ chồng thì thơ cũng mang nhiều chất thơ vợ chồng. Xuân Diệu đặc biệt yêu thích và tìm được những nét gần gũi với thơ của Nazim Hikmet. Thơ Hikmet rất gần với cuộc sống, khai thác trong sự bộn bề của cuộc sống chất thơ sinh động. Xuân Diệu cũng yêu thích thơ của Nicôla Ghiden, nhà thơ Cuba. Chất dân gian giàu có của một vùng đã tạo bản sắc phong phú cho hồn thơ của Ghiden. Xuân Diệu yêu thích thơ Bungari mà những đại biểu ưu tú của thời hiện tại như Bagriana và Dimitrova. Những nét thông minh hoà hợp với chất trữ tình đằm thắm của tâm hồn thơ nữ tạo nên bản sắc độc đáo.

Và điều quan trọng là Xuân Diệu đã biết tiếp nhận chọn lọc những giá trị của thơ ca thế giới. Trong thơ Xuân Diệu thời kỳ sau Cách mạng có thể tìm thấy cách tiếp cận cái đẹp của đời thường như Nazim Hikmet, chất trữ tình tươi tắn và có chiều sâu tư tưởng của Aragon, và tính

http://tieulun.hopto.org

chiến đấu của thơ Maiakốpxki và thơ Xô viết. Không phải lúc nào anh cũng thành công nhưng rõ ràng thơ Xuân Diệu đã chủ động, tự tin khi mở rộng cảm thụ vượt qua những ranh giới của dân tộc trên hướng nhân loại hoá.

*
* *

Trong nhiều thập kỷ phát triển của những chặng đường thơ Cách mạng, Xuân Diệu đã chín lại với thực tế mới và nguồn thơ đã lại tỏ ra dạt dào, sung sức. Trong hoạt động sáng tạo thơ ca, những nỗ lực của anh bền bỉ, những mong ước của anh lớn lao, anh luôn tỏ ra năng động, sôi nổi trong thơ và ngoài thơ. Làm thơ, viết phê bình, lý luận về thơ, bình thơ và nói chuyện thơ, ở hoạt động nào Xuân Diệu cũng có phần đóng góp. Gần bảy mươi tuổi hiến dâng cho đời, ông hoàng của thơ tình, nhà thơ tiên phong của cách mạng đã làm việc hết mình. Anh đã cảm nhận sâu sắc về những nỗ lực sáng tạo của bản thân. Nếu Huy Cận mong ước được gieo hết hạt khi kết thúc cuộc đời thì điều ấy Xuân Diệu đã làm, đã thực hiện được. Năm năm trước khi qua đời, Xuân Diệu như đã tiên tri thấy phút đau đớn và kỳ lạ đó khi "đã sống hết mình" với thơ với đời :

Cái quả cam này đã vắt hết
Hiến cho non nước hiến đời thân
Tuy không biết đến bao giờ kiệt
Nhưng dẫu sao thì cũng phải dừng
Hãy để cho tôi được giã từ
Vẫy chào cõi thực để vào hư
Trong hơi thở chót dâng trời đất
Cũng vẫn si tình đến ngất ngư.

Nhận xét về Xuân Diệu nhà thơ Pháp, chị Mireille Gansel viết : "Xuân Diệu như một người hát dạo của nhân dân trong thời kỳ hiện đại". "Xuân Diệu là rễ cây và gió, là đất và nhạc. Cũng như những nhà văn lớn của Việt Nam, Xuân Diệu là nhà thơ bắt rễ sâu trong nhân dân".

(In trong *Khảo luận văn chương*,
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1997)

http://tieulun.hopto.org

TRƯỜNG HỢP XUÂN DIỆU

NAM CHI[*]

Khó có ai tổng kết được một đời người, dù khiêm tốn đến đâu. Huống hồ là một đời phong phú và sôi nổi như Xuân Diệu. Tuy nhiên, trong chút tình riêng với anh, tôi mạn phép tượng trưng sự nghiệp Xuân Diệu như một chuỗi dài cống hiến. Tôi mường tượng đời anh như một chuỗi cườm, đồ trang sức của các bà mẹ quê, mà mồ hôi thời gian làm sáng long lanh từng hạt một. Chuỗi hạt huyền ấy, tôi xin chia ra làm ba giai đoạn.

Trước hết là những đóng góp của anh vào phong trào Thơ mới. Tập *Thơ thơ* xuất bản một ngày Nôen 1938 là thịnh thời của Thơ mới, xuất hiện trước đó không lâu, và *Gửi hương cho gió* xuất bản năm 1945 là cao điểm, đồng thời là dứt điểm. Về ý lẫn lời, Xuân Diệu là người tạo sinh lực cho Thơ mới - hiểu theo nghĩa một trào lưu trong lịch sử văn học.

Những đóng góp của Xuân Diệu, trước 1945, có tính cách tự nhiên như một quy luật của bản năng sáng tạo, của con chim "ngứa cổ hát chơi".

Giai đoạn hai : với Cách mạng tháng Tám 1945, anh là nhà thơ lãng mạn nổi tiếng đi tiên phong vào thơ cách mạng, thơ kháng chiến, với *Ngọn quốc kỳ* (1945) và *Hội nghị non sông* (1946), cùng nhiều tập thơ khác tiếp theo.

Những cống hiến ở giai đoạn giữa này là một cố gắng vượt bực về ý thức, tình cảm, một hy sinh của con người cho một lý tưởng : giải phóng đất nước và phục vụ nhân dân.

Giai đoạn ba : sau 1945, về Hà Nội, anh vẫn tiếp tục làm thơ như trước, nhưng lại dành nhiều thì giờ nghiên cứu, theo hai hướng chính :

---

(1) Việt kiều ở Pháp.

http://tieulun.hopto.org

thơ văn Việt Nam cổ điển và văn học dân gian, bên cạnh một số bài về thơ hiện đại và thơ nước ngoài.

Những cống hiến của anh ở giai đoạn thứ ba này là sức lao động không ngừng nghỉ. Anh nghiên cứu trước hết là để bồi dưỡng trí tuệ và tình cảm của riêng anh. Đã là người Việt Nam thì ai cũng có tính chất Việt Nam ; nhưng tính chất ấy đậm hay nhạt là tuỳ người, tuỳ lúc, tuỳ sinh hoạt ; và chúng ta có thể giới hạn, hay phát huy tính chất đó, tuỳ nhu cầu.

Xuân Diệu dư biết tài năng và địa vị của mình. Nhưng nhà thơ lại có thêm tham vọng làm nhà thơ của dân tộc và nhân dân ; muốn đạt đến hoài bão đó, anh phải hiểu biết sâu rộng về dân tộc và nhân dân. Lăn lộn trong quần chúng sau Cách mạng tháng Tám, Xuân Diệu thấy rõ những hạn chế của mình, của người nghệ sĩ trí thức tiểu tư sản, "lỡ" thành danh trước Cách mạng. Chúng ta thấy điều này qua những bài nghiên cứu của Xuân Diệu về ca dao : anh rất thiết tha, rất cố gắng, mà vẫn không xuất sắc như khi nghiên cứu thơ cổ điển.

Trong các nhà văn, nhà thơ đi kháng chiến sau 1945. Xuân Diệu là một trong vài người hy sinh nhiều nhất. Hoàng Trung Thông, trong Lời giới thiệu cho *Tuyển tập Xuân Diệu*[1] và Vũ Quần Phương, trong một bài báo nhân kỷ niệm 50 năm làm thơ của Xuân Diệu[2], cho rằng sự tham gia cách mạng của anh có tính cách "tất yếu". Chữ "tất yếu" của hai nhà thơ - trong hai bài phê bình vừa ý Xuân Diệu - có tính cách đề cao Xuân Diệu, qua bản chất cách mạng của anh, đưa anh đến con đường cách mạng. Tôi ngờ lắm. Nói rằng người này "tất yếu" cách mạng, thì có nghĩa là người kia "tất yếu" phản động, vì bản chất phản động. Nói thế không tạo thêm hào quang cho ai. Lấy cái gì để đoán trước một người yếu đuối như Lưu Trọng Lư, ham vui như Nguyễn Tuân thì gắn bó với kháng chiến đến cùng, trong khi đó "người hùng" Lê Văn Trương bỏ về thành ? Tại sao, cũng trong nhóm Tự Lực, Thế Lữ là người không chịu được văn Kim Hà "nhà tôi là một cái nhà gạch" lại

---

(1) *Tuyển tập Xuân Diệu*, NXB Văn học, Hà Nội, 1983, tập I, tuyển thơ Xuân Diệu từ 1933 đến 1979.

(2) Báo *Nhân Dân*, ngày 27 - 8 - 1983.

http://tieulun.hopto.org

chấp nhận văn nghệ hiện thực, khi Khái Hưng, người bênh vực Kim Hà, người chủ trương cải tạo xã hội, lại chống lại cách mạng ? Cái gì giải thích tại sao Nguyễn Bính, trước Cách mạng làm thơ với phong vị bình dân, và khi kháng chiến, gắn bó với nhân dân, lại làm thơ... tiểu tư sản ? Nhân đây, cũng nên nhắc là Xuân Diệu rất thích bài *Cô hái mơ* của Nguyễn Bính, vì nó đáp lại cái nhu cầu mơ mộng của tuổi trẻ, và anh chua thêm : "Khi cách mạng kêu gọi thì không phải kẻ thực tế hưởng ứng mà những người mơ mộng, nhiều tình cảm, yêu người yêu đời, đáp lại trước nhất" (Trong bài *Đọc thơ Thế Lữ*)[1]. Tóm lại, về tâm lý, tôi rất hoài nghi về những công thức "tất yếu".

Chỗ mạnh của thơ Xuân Diệu trước Cách mạng là những hình ảnh tinh tế, những âm điệu gợi cảm, tiêu tao :

Trong gặp gỡ đã có mầm ly biệt
Những vườn xưa nay đoạn tuyệt dấu hài.

Những đặc điểm ấy, có cái giá trị của nó, nhưng không thể đưa vào thơ chiến đấu. Đối với một nghệ sĩ, không có gì đau khổ hơn là phải nhường cái thế mạnh, giữ lấy thế yếu. Và Xuân Diệu đã chấp nhận đau khổ đó một cách rất ý thức. "Càng đi sâu vào cách mạng, sự sáng tác càng gian nan. Từ trước tôi viết cho những người "có học", tức là, trên những nét lớn, những người tiểu tư sản trở lên trong xã hội cũ. Bây giờ, những con người "vô học" cũ, nhờ cách mạng, họ đã có học, họ đã đọc sách và họ biết cả phê bình nữa(...). Những người "có học" lớp trước kia, bây giờ cũng đã thay đổi yêu thích cũ, chính họ cũng đòi hỏi nói về những người lao động. Mà đó cũng lại là cái nhược điểm rất sâu sắc của tôi. Gian khổ, khó khăn không phải chỉ ở đằng xa, nơi quần chúng vẫn chịu và gánh, mà đã đụng chạm ngay bản thân tôi. Tôi không thể "kháng chiến vui vẻ, cách mạng vui vẻ" nữa (...). Sáng tác cái mới thường bị thất bại, tôi quay về dựa lưng vào các thứ "của chìm" : tác phẩm ngày trước của mình. Kỳ tình tôi vẫn biết đứng vào chỗ cũ không thể được nữa, tuy nhiên lại ngại sang đứng chỗ mới ; tâm trạng tôi như người bị chẹt, tâm thần bất ổn, vẫn gần với quá khứ,

---

(1) *Tuyển tập Thế Lữ*, NXB Văn học, Hà Nội, 1983, tr. 597.

http://tieulun.hopto.org

vẫn xa vợi với tương lai. Cứ chạy sang bên này rồi chạy sang bên kia, thật là đau đớn"[1].

Tôi tưởng tượng Xuân Diệu như một người thợ sơn vác một cái thang dài trong một căn phòng hẹp, không va bên này thì cũng chạm bên kia, mỗi va chạm là một lần nhói trong tim. Chúng ta cảm ơn những tâm sự chân thật của anh : theo cách mạng không phải dễ dàng, lúc nào cũng "Đi trên đường lớn". Nguyễn Đăng Mạnh, trong một bài rất phong phú về Xuân Diệu, đã có lý khi cho rằng Xuân Diệu "là cả một kho kinh nghiệm lớn, có ích lâu dài cho những ai muốn đi vào cái nghề rất đỗi khó khăn này"[2].

Xuân Diệu không phải là trường hợp duy nhất. Các nhà thơ thời đó vẫn dùng chữ "lột xác" - hơi quá sự thật một tý - để nói lên những khó khăn của họ trong cố gắng thay đổi phương thức sáng tác. Huy Cận, suốt nhiều năm, ít làm thơ. Từ *Lửa thiêng* (1940) đến 1958 anh không in thơ ; và thơ anh sau này, đề tài tuy có phần thay đổi, vẫn còn chút "hồn xưa gởi tiếng thời gian". Thơ Tế Hanh, Đoàn Văn Cừ, vẫn đôn hậu như xưa. Riêng Chế Lan Viên thì xoay làm thơ... triết lý, nghĩa là anh xoá ván cờ tướng, bày ra cờ échecs. Văn Nguyễn Tuân, không những trong tuỳ bút kháng chiến, mà còn sau này nữa, trong *Sông Đà*, vẫn còn "vang bóng một thời".

Riêng có hai người hì hục làm mới thơ mình, làm mới lòng mình, là Xuân Diệu và Lưu Trọng Lư. Anh Lư sáng tác ít hơn, ít xông xáo hơn, nhưng cũng vất vả lắm mới biện minh cho cuộc hoá thân của mình : chỉ có *Tiếng thu I* và *Tiếng thu II* mà thu tiếng mãi.

Thật ra, cả hai, và hầu hết các tác giả nổi danh trước Cách mạng, đều bị những ngộ nhận của lịch sử. Trước đây, các anh làm thơ để làm thơ như :

Với Nàng Thơ tôi có đàn muôn điệu
Với Nàng Thơ tôi có bút muôn màu.

(*Thế Lữ*)

---

(1) *Tuyển tập Xuân Diệu*, Sđd, tr. 33 - 34.

(2) Báo *Văn nghệ*, số 29, ra ngày 20 - 7 - 1985.

http://tieulun.hopto.org

Nhà thơ lấy Nàng Thơ làm đối tượng. Đơn giản hơn : câu thơ lấy mình làm cứu cánh. Sau này họ thay đổi đối tượng, họ làm thơ để phục vụ một trận đánh, một tổ lao động, một bà mẹ quê. So sánh hai lối thơ, ta nhớ câu ca dao :

Trắng da là bởi phấn giồi
Đen da là bởi em ngồi chợ trưa.

So sánh thơ Xuân Diệu trước và sau Cách mạng, thì khác chi so sánh cái nhan sắc của Nàng Thơ, "Người con gái lầu hoa" của Nguyễn Bính, suốt ngày ngồi điểm phấn tô son "bên song cửa", của Lưu Trọng Lư, với người thiếu nữ "Sớm qua chợ sớm, chiều qua chợ chiều", người vợ, "Vì chồng thiếp phải bắt cua", người con gái hiếu thảo "Nhịn cơm cho mẹ, mẹ già yếu răng". Marilyn Monroe nhất định là đẹp và đã có nhà thơ Việt Nam làm thơ ca tụng, và người cách mạng trung kiên nhất cũng có thể yêu vẻ đẹp của Marilyn, nhưng rồi lại phải trở về với các cô Út Sâm, Út Tịch, các bà mẹ Suốt, mẹ Tơm. Người ta chỉ so sánh những cái gì có thể so sánh, như hai phân số cùng mẫu số. Biết vậy, mà trong tiềm thức, ta vẫn "nhân tình gái nhớ chồng xưa" như lời thơ Nguyễn Trãi.

Ngoài ra, ta nói yêu thơ Xuân Diệu thời trước, thực ra ta chỉ yêu một kỷ niệm của thiếu thời. Hiện nay, ai trong chúng ta còn giữ hai cuốn *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió* ? Nếu có trong nhà, có ai đọc từ bài đầu đến bài cuối ? Chúng ta chỉ nhớ lõm bõm vài ba câu, rồi đem ra ngâm nga với nhau, vỗ đùi đắc ý. Nếu chịu khó đọc lại toàn tập, ta sẽ thấy nhiều bài đã xa lạ với chúng ta lắm.

Cuối cùng, ngộ nhận đi từ quan niệm sáng tác của Xuân Diệu. Ngày xưa, không làm thơ thì thôi, mà đã làm thơ phải hay – ít nữa là hay trong chủ quan của tác giả. Xuân Diệu có lần tự cho mình là Hy Mã Lạp Sơn, là "con của mặt trời" :

Ta là Một, là Riêng, là Thứ Nhất,
Không có chi bè bạn nổi cùng ta.

Bây giờ anh chủ trương làm thơ để đáp lại đòi hỏi của giai đoạn, hoàn cảnh, quần chúng : "Anh phải có gan nhận trước sự thất bại. Anh đừng sợ làm những bài thơ trung bình, không có những bài thơ

http://tieulun.hopto.org

trung bình thì không có những bài thơ hay"[1]. Anh nói để động viên bằng hữu viết mạnh, viết nhiều hơn nữa ; trong cái nhiều, may ra có cái hay, cái hay được nhân dân chọn lại càng quý.

Anh thường nhận "đơn đặt hàng" của độc giả, các đoàn thể, ra đề tài và ấn định thời gian - bài thơ *Khu Nam Ngạn, Hàm Rồng* (19-8-1965) phải làm xong trong 48 tiếng. Ý chí phục vụ là vậy, nhưng những yêu cầu nghệ thuật trong con người anh cũng khe khắt lắm.

Tôi cùng xương thịt với nhân dân của tôi,
Cùng đổ mồ hôi, cùng sôi giọt máu.

Bài này Xuân Diệu viết từ tháng tám 1965, rồi tắc mãi đến tháng năm 1966 mới làm xong. Bài *Cồn Cỏ* bắt đầu từ tháng năm 1965, đến tháng bảy 1966 vẫn tắc. Anh làm được ba khổ, đến đoạn thứ tư thì lạc giọng "tư tưởng đã có, nhiệt tình rất có, tài liệu cũng có, nhưng tác phẩm thơ còn quy luật nội tại của nó nữa. Tôi có thể tung hô lên trước cả thế giới niềm kính phục thương yêu vô hạn của tôi đối với Cồn Cỏ, nhưng bài thơ của tôi vẫn chưa xong"[2].

Như vậy, chỉ làm một bài thơ "trung bình" thôi, cũng không đơn giản. Rất nhiều nhà thơ không tán thành chủ trương thơ trung bình đó. Nhưng ta phải thấy cái lợi thiết thực của nó. Trước đây vài ba thế kỷ, khi ông cha ta sáng tác truyện *Tống Trân Cúc Hoa, Thoại Khanh Châu Tuấn* thì họ không có cao vọng sáng tác những tuyệt tác. Nhưng không có những tác phẩm kia thì ta không có thể loại truyện Nôm bằng thơ, không có *Truyện Kiều*, và sẽ không có Xuân Diệu, nghĩa là sẽ không có vấn đề, hay trường hợp Xuân Diệu.

Với Cách mạng tháng Tám 1945, thơ không còn là những âm vang huyền nhiệm vang vọng từ một đỉnh Thi Sơn nào đó, và cũng không còn là ánh sáng hắt hiu của "Một vì sao trơ trọi cuối trời quên" : nó là cuộc sống bình thường, cô đúc lại bằng những vần, những điệu. Xuân Diệu đã cướp một mâm tiệc Bồng Lai đem về làm một bữa cơm trần thế, cho những người vì cần ăn, chứ không phải ăn cho vui miệng. Thơ Xuân Diệu ngày xưa là áo gấm, thơ Xuân Diệu ngày nay là manh áo nâu, sứt chỉ đường tà.

---

(1) Xuân Diệu, *Đi trên đường lớn*, NXB Văn học, Hà Nội, 1988, tr. 127.

(2) Xuân Diệu, *Đi trên đường lớn*, Sđd, tr. 134.

http://tieulun.hopto.org

Dĩ nhiên là người ta có thể thích hay không thích, nhưng Xuân Diệu chọn lựa sáng suốt và đi đến tận cùng sự chọn lựa của mình. Huy Cận còn có phút đắn đo, Tế Hanh có lúc ngần ngại. Xuân Diệu là dòng nước chảy phăng về biển lớn - nơi hẹn hò của muôn nghìn chung thuỷ.

Chỉ những tên sách của Xuân Diệu cũng gợi ra được cơn gió xoay chiều.

Hãy trở lại bài thơ đầu tiên của *Thơ thơ* (1933) :

Làm sao sống được mà không yêu,
Không nhớ không thương một kẻ nào.
Hãy đốt đời ta muôn thứ lửa,
Cho bừng tia mắt, đọ tia sao.

Bài thơ tuổi mười bảy. Tình yêu của Xuân Diệu, trước Cách mạng, chỉ có một chiều : anh là loài hoa *Gửi hương cho gió*, anh là *Phấn thông vàng* không hò hẹn với nhân gian. Sau Cách mạng, thơ anh là *Cầm tay* (1960), là *Riêng chung* (1962), nghĩa là có đi có lại, giữa tình người. *Gửi hương cho gió*, mà không chờ đợi gì ở cuộc sống, là độ lượng của thiên nhiên. Nhưng cũng là niềm kiêu hãnh của kẻ bất cần đời. Vì cả cuộc đời không có gì đáng giá để trả ơn cho thi nhân – cho thiên tài – con người hào phóng chỉ cho mà không thèm nhận.

Cách mạng đã dạy cho Xuân Diệu bài học khiêm cung với tập thơ *Tôi giàu đôi mắt* (1970).

Giàu đôi con mắt, đôi tay
Tay siêng làm lụng, mắt hay kiếm tìm...
... Giàu đôi con mắt, đôi ta
Mến yêu vô hạn, lặng mà nhìn nhau.

Anh tự thấy thái độ "ban cho" của mình – từ đỉnh Hy Mã Lạp Sơn – là không bình thường. Trước khi làm thi sĩ, thì làm con người cái đã, và làm con người Việt Nam, có gốc có nguồn. Và anh thấy khó khăn. Anh không còn sáng tạo khơi khơi, phơi phới, *Thơ thơ* nữa, mà viết *Dao có mài mới sắc* (1963), *Mài sắt nên kim* (1977). Viết về nghệ sĩ Michel - Ange, anh đề tựa : *Sự lao động cật lực của nhà nghệ sĩ thiên tài*. Đã xa rồi, cái thuở "ngứa cổ hát chơi".

http://tieulun.hopto.org

Xuân Diệu là một trường hợp hãn hữu trong văn học hiện đại. Mỗi người nhìn anh một cách, thậm chí yêu anh cũng bằng cách yêu riêng. Bình sinh anh rất thích câu hát quê anh :

Thân em như miếng cau khô
Người thanh ưa mỏng, người thô ham dày.

Sau khi anh vĩnh viễn ra đi, sẽ có nhiều người viết về anh, rất uyên bác và sâu sắc. Bài này mục đích đưa lên nghịch cảnh của Xuân Diệu, nghịch cảnh của nghệ thuật cách mạng. Nhất định có điều tôi sai lầm hay quá đà. Ví dụ như, ở đoạn đầu tôi nói tới hy sinh. Làm sao có thể nói người nọ người kia hy sinh nhiều hay ít, khi sự hy sinh không cân đo được, và dân tộc ta từ nửa thế kỷ nay đã và đang tiếp tục hy sinh. Có những con người, những tài hoa, hy sinh trong quên lãng. Và những Thâm Tâm, Hoàng Lộc, Hồng Nguyên, Tô Ngọc Vân đã gửi tài hoa vào những nấm đất phôi pha.

Lạm dụng chữ hy sinh dùng với Xuân Diệu là chỉ để nói lên những đau đớn của nghệ thuật khi trở lại với nhân dân. Những quản ngại này chưa được soi sáng và đánh giá đúng mức, và Xuân Diệu, con người và tác phẩm, vẫn còn bị ngộ nhận từ phía bên này hay phía bên kia, đúng như rằng "nhất phiến tài tình thiên cổ luỵ". Trường hợp Xuân Diệu là điển hình cho những chuyển mình lớn lao của lịch sử, với những thành tựu và đổ vỡ của nó, trong nghệ thuật cũng như trong xã hội và trong tình người.

Với Việt kiều ở Pháp, Xuân Diệu có chút tình riêng. Năm 1946, với tư cách nhà báo, anh tham dự phái đoàn Phạm Văn Đồng sang Pháp đàm phán : mối duyên đầu với kiều bào đã nồng đượm và, về nước anh viết ngay *Việt Nam nghìn dặm* để nói về cuộc tranh đấu của Việt kiều - đặc biệt là các bác lính thợ, lính chiến - cho nước nhà độc lập, từ 1940 đến 1946. Mùa thu 1981, anh có dịp trở lại đất Pháp, tiếp xúc và nói chuyện thơ với Việt kiều ; về nước anh lại viết bài, và nhắc đến chuyến đi Pháp như một bông hoa đẹp trong đời anh.

Tuổi cao, Xuân Diệu vẫn mạnh khoẻ, từ thể xác đến tinh thần, nhất là anh viết rất sung sức. Vì vậy nghe tin anh mất, nhiều người sửng sốt, vì trong tiềm thức cứ tưởng là Xuân Diệu không bao giờ chết. Để chia

http://tieulun.hopto.org

nhau nỗi buồn hoang mang của một lớp độc giả, xin cùng nhau đọc những vần thơ anh làm năm 1939 :

Ngày thuở ấy, lâu rồi tôi đã chết
Tháng năm qua chôn lấp mộ hoang tàn.
Hoà với đất, mình tôi thôi đã hết,
– Nhưng hương hồn còn luyến ở không gian...

Khi còn sống, tôi vẫn hằng tan nát,
Nỗi phen đau, lòng vỡ lại tràn rơi,
Tình rải khắp. Huống hồ khi đã thác,
Sao không tan lưu chuyển giữa vòng đời ?

(*Tình mai sau*)

Bài tưởng mộ của tôi, chỉ loanh quanh mấy tình ý trên đây của Xuân Diệu.

Noel 1985

(In trong *Xuân Diệu tình đời và sự nghiệp*,
NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1996)

14B · XD

http://tieulun.hopto.org

XUÂN DIỆU TÙ NHÂN CỦA CHỮ *TÌNH*

(*Trích*)

CHU VĂN SƠN

... Thế giới thơ Xuân Diệu là thế giới của chữ *tình*.

Thế giới nghệ thuật của một thi sĩ trữ tình thường là một hệ thống gồm ba hình tượng cơ bản *Tôi - Em - Thế giới*. Với sự chi phối của chữ *tình*, bộ ba ấy ở Xuân Diệu sẽ có diện mạo cụ thể và đồng bộ : Tôi là một tình nhân, em là một giai nhân và thế giới là mảnh vườn tình. Tất nhiên chúng tồn tại trong thế song sinh và chuyển hoá sang nhau. Đồng thời mỗi hình tượng đều có mặt đối lập biện chứng của nó.

Tôi

Cái tôi phải là hình tượng trung tâm, là hạt nhân của một thế giới thơ trữ tình. Nó là hình ảnh phóng chiếu từ con người thực của tác giả theo nguyên tắc điển hình hoá. Nhưng có lẽ nó là cái con người tâm linh của tác giả được hình tượng hoá, là cái phần khát vọng thẩm mỹ sâu kín trong tác giả được nhân hình hoá thì đúng hơn. Dù có cội nguồn thế nào đi nữa thì trong văn bản thơ, trong một thế giới thi ca, nó cũng hiện ra như một con người với nhân dạng, nhân cách khá rõ rệt. Người ta có thể nhận ra nó qua những nét tự hoạ, qua tư thế trữ tình và giọng điệu trữ tình chủ đạo của hệ thống thi phẩm. Có người cho rằng nét độc đáo của *cái tôi* Xuân Diệu là sự phân cực.Tôi không nghĩ thế. Trong thực tế, một sự vật nói chung, một hình tượng nghệ thuật nói riêng, bao giờ cũng là sự thống nhất giữa các mặt đối lập. Là một hình tượng sống động, nên *cái tôi* nào cũng là sự hoà hợp của các đối cực, bao hàm cả chuyển hoá và xung đột. Phân cực không phải là nét riêng mà là điểm chung của mọi *cái tôi*. Nét độc đáo phải được tìm ở chỗ : diện mạo riêng của các cặp đối cực trong từng trường hợp là gì.

Là "tù nhân chung thân" của một chữ *tình*, *cái tôi* Xuân Diệu hiện ra với hai bản tướng cứ cùng nhau "khắc nhập khắc xuất" : vừa là tình nhân

http://tieulun.hopto.org

vừa là triết nhân. Cũng đến với tình yêu bằng cả hai con người ấy, nhưng nếu ở Tago (Tagore), thi hào Ấn Độ, tác giả *Thơ dâng*, con người triết nhân đậm hơn, thì ở Xuân Diệu, phần đậm hơn lại là con người tình nhân. Dù "với bạn ân tình hay với cảnh", thì bao giờ *cái tôi* ấy cũng thèm khát một luyến ái vô biên : "Nơi nào ta cũng kiếm vô biên".

Là tình nhân thì *cái tôi* trong *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió* gồm đủ cả hai con người : một gã tình si và một kẻ thất tình. Cả hai đều bị cầm tù trong cái lưới vô hình của tình ái.

Đối cực thứ nhất ở *cái tôi* tình nhân đó, hiển nhiên phải là gã tình si. Gã tự khai phả hệ mình thuộc "nòi tình" mang "gien" tình, mang ngọn lửa tình từ lúc chưa sinh, từ khi chưa có tuổi : "Thuở xưa kia là con của mặt trời - Tôi có lửa ở trong mình nắng dội - Tôi đã yêu từ khi chưa có tuổi - Lúc chưa sinh vơ vẩn giữa vòng đời". Gã tự hoạ mình với diên mạo một tình lang đầy quyến rũ : "Mặt tươi, môi đậm", với "đầu mây gợn, mắt mây qua", với đôi tay ái ân : "Tay ân ái như những làn thân thể - Đã ôm đời vào ngực để mơn ru", với vòng tay ham hố : "Ta muốn ôm - Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn - Ta muốn riết mây đưa và gió lượn", với đôi chân mê si : "Chân hoá rễ để hút mùa dưới đất"... Lúc nào cũng sẵn sàng tận hưởng "anh hút nhuỵ của mỗi giờ tình tự", sẵn sàng tận hiến "gửi hương cho gió". Còn toàn thân thì luôn choáng ngợp trong những rung động kỳ diệu đến lả mình : "Tất cả tôi run rẩy tựa dây đàn". Gã tình si luôn thành thực với những sở trường và sở đoản "chết người" của mình : "Tôi khờ dại lắm ngu ngơ quá - Chỉ biết yêu thôi chẳng hiểu gì"... Với một "tố chất" giời cho mà cũng là giời đày như vậy, cái tôi tình si ấy luôn tuyệt đối hoá tình yêu, và sẵn sàng tung ra nhiều quan niệm có thể nói là táo tợn gây hấn với luyến ái quan cũ kỹ của cái thế giới già nua đương thời : "Tài năng chi, Danh vọng kể mà chi - Kể chi Tiền với một kẻ mê si - Chỉ thấy nghĩa trong Ái tình vĩnh viễn", "Tôi không biết, không biết gì nữa cả - Chỉ yêu nhiều là tôi biết mà thôi". Đúng là tuyên ngôn của cơn khát vĩnh viễn, cơn khát luyến ái.

Nhưng *cái tôi* ấy cũng luôn là kẻ thất tình. *Cái tôi* ấy đã luôn sống nỗi cô đơn cố hữu của kiếp người, lại còn thường xuyên rơi vào cô đơn vì tình phụ. Nên ở Xuân Diệu thường thấy nỗi cô đơn nhân đôi. Càng say đắm lắm càng cô đơn nhiều. Càng hy vọng thì càng nhiều thất vọng.

http://tieulun.hopto.org

Điều oái oăm là ở chỗ cuồng nhiệt đam mê chỉ gặp lạnh lẽo, hững hờ : "Lòng anh là một cơn mưa lũ - Đã gặp lòng em là lá khoai". Từ chỗ bị vây giữa cô đơn, muốn bứt phá, vượt thoát khỏi buồn sầu đơn côi, đã tìm đến tình yêu, nhưng vô ích "Muốn trốn sầu đơn muôn vạn kiếp - Lại tìm sa mạc của tình yêu". Cho nên bộ dạng của *cái tôi* ấy đổi thay thật thê thảm. Nó vừa hiện ra trực tiếp và cũng hay vừa vận vào những đồ vật, những con vật như những hoá thân. Khi si tình thì "Lòng ta như ngựa trẻ không cương - Con ngựa trẻ ngất ngây đường diệu viễn". Nhưng khi thất tình thì "Lòng như chiếc thuyền hư không bến đỗ", như "con chim không tổ - Lòng cô đơn hơn một đứa mồ côi". Lúc mê si thì kiêu hãnh lạc quan "Nghìn buổi sáng bình minh xe chỉ thắm - Đem lòng tôi ràng rịt với xuân tươi", còn khi thất tình thì thê thiết kêu than : "Cô đơn muôn lần, muôn thuở cô đơn", và "Ta nằm đây như một ải quan xa", thậm chí "Trái tim buồn như một bãi tha ma". Nhiều khi kẻ thất tình ấy vận vào người khác : viên tướng trẻ bó gối, cung nữ, công chúa chưa chồng, đứa trẻ mồ côi, cô kỹ nữ,... Nghĩa là những thân phận tủi sầu từ cùng một kẻ cô đơn. Nhiều người cứ muốn giải thích bằng lý do xã hội. Rằng *cái tôi* ấy rơi vào đau khổ vì lòng Xuân Diệu tràn ngập khát khao luyến ái vô tư mà gặp phải xã hội đồng tiền dửng dưng, ghẻ lạnh. Làm như chỉ có xã hội trước kia mới có sự dửng dưng trong tình ái. Không phải vậy. Đây là bi kịch muôn thuở của con người và tình yêu. Mà chính Xuân Diệu cũng có lúc đã ý thức về nó một cách cay đắng : "Người ta khổ vì thương không phải cách - Yêu sai duyên và mến chẳng nhằm người - Có kho vàng nhưng tặng chẳng tuỳ nơi - Người ta khổ vì xin không phải chỗ". Có phải tình yêu lúc nào cũng được đền đáp đâu. Có phải sự si mê nào cũng được đón nhận bằng một tấm lòng tương xứng đâu. Có phải cặp nào cũng "phải duyên nhau" để mà "thắm lại" đâu. Chuyện "lệch pha", "khác kênh" dẫn tới vô duyên, thậm chí dẫn tới tình trạng "xanh như lá bạc như vôi" thì thời nào cũng có. Ngộ ra cái bi kịch truyền kiếp ấy, chính kẻ thất tình đã rất tủi hờn mà than rằng : "Người si muôn kiếp là hoa núi - Uổng nhuỵ lòng tươi tặng khách hờ". Vả chăng, bi kịch này còn thuộc về cái tạng riêng của chính *cái tôi* Xuân Diệu. Nghĩa là, "thất tình" đã như cái mầm vốn sẵn nằm trong những tâm hồn quá nhạy cảm. Đã là kẻ luôn "giấu sẵn một linh hồn hiu quạnh", thì chỉ cần một chút

http://tieulun.hopto.org

hẫng hụt, một chút thờ ơ là lập tức rơi vào trạng thái đơn côi : "Tôi một mình đối diện với tình không - Để lắng nghe tiếng khóc mất trong lòng". Và cứ thế để mặc cho sầu bi như một con ác điểu cắn xé những mảnh lòng đa cảm của mình : "Sầu ơi sầu em có biết diều hâu - Đã ăn xé một lòng thơ non dại"...

Nếu con người tình nhân là nhất thể hợp nên bởi sự chuyển hoá và xung đột giữa hai đối cực : gã tình si và kẻ thất tình, thì đến lượt nó, con người tình nhân lại là một đối cực hợp với một đối cực khác là con người triết nhân để làm nên hình tượng một *cái tôi* Xuân Diệu toàn vẹn. Con người tình nhân mải yêu đương, bận luyến ái, còn con người triết nhân thì ngẫm nghĩ đúc kết. Con người tình nhân cuống quýt vội vàng đi và thường xuyên vấp ngã, con người triết nhân thì quan sát để rút ra những bài học, những kinh nghiệm nhân sinh. Là triết nhân, Xuân Diệu hay băn khoăn tìm bản chất, nguồn cội của tình yêu, sức mạnh, giới hạn và ý nghĩa của ái tình,... "Làm sao cắt nghĩa được tình yêu - Nào có gì đâu một buổi chiều - Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt - Bằng mây nhè nhẹ gió hiu hiu", "Tình yêu muôn thuở vẫn là hương", "Yêu là chết ở trong lòng một ít - Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu", "Xa là chết, hãy tặng tình lúc sống",... Người xưa có triết lý dễ sợ, rằng "Đời là bể khổ tình là dây oan". Thì từ niềm khát khao gặp toàn những vô vọng của mình, chàng tình nhân bèn cất tiếng triết nhân mà tung ra một triết lý thật "dễ thương" : "Mà cảnh đời là sa mạc vô liêu - Mà tình ái là sợi dây vấn vít". Không những thế, triết nhân còn là sự lên tiếng của cái ham muốn lập thuyết thẩm sâu trong Xuân Diệu. Ông tìm cách cắt nghĩa sự nảy sinh tình duyên của con người rằng : sở dĩ tình duyên có thể nảy nở giữa hai cá thể xa lạ là bởi thế giới này là thế giới của yêu đương, tất cả đang trong một cuộc giao duyên lớn, con người phải bén duyên nhau là điều tất yếu. Lại nữa, tình duyên nảy nở còn bởi mỗi cá thể sinh ra đều mang trong mình niềm cô đơn cố hữu của kiếp người nên muốn thoát khỏi nỗi cô đơn chỉ có thể đến với nhau, bén duyên nhau, cưới lòng nhau. Theo Xuân Diệu, tình yêu là hạnh phúc kỳ diệu nhất, tình yêu cũng là phương cách duy nhất giúp con người thoát khỏi cô đơn. Nhưng rồi lại cũng chính Xuân Diệu nhận ra rằng : hoà hợp là tương đối còn cô đơn mới là tuyệt đối, tình yêu là một sức mạnh vạn năng, nhưng tình

http://tieulun.hopto.org

yêu cũng có những giới hạn không thể nào khắc phục. Thậm chí, ngay cả khi hai cá thể, hai thân xác đã hoà vào nhau làm một, không còn khoảng cách gì, thì Xuân Diệu thấy vẫn cứ còn khoảng cách : "Trong say mê anh sẽ bảo em rằng - Gần chút nữa thế hãy còn xa lắm", "Em là em ; anh vẫn cứ là anh - Chẳng thể nào qua Vạn Lý Trường Thành - Của hai vũ trụ chứa đầy bí mật". Hơn ở đâu hết, "lực bất tòng tâm" cái bi kịch lớn nhất ấy của con người thể hiện phũ phàng nhất là trong tình yêu. Sau này Xuân Diệu sẽ có dịp nói rõ về điều đó : "Muốn gần mãi mãi không xa - Muốn ôm nhau mãi thật là đau thương", hay "Núi cao chót vót chon von - Anh xây xây mãi không tròn tình yêu". Bây giờ, cũng một đúc kết ấy, nhưng *cái tôi* đây không nói bằng những triết ngôn bình tĩnh. Mà lời đúc kết của triết nhân Xuân Diệu lại nói trong giọng than thở cay đắng của một tình nhân : "Người si muôn kiếp là hoa núi - Uổng nhuỵ lòng tươi tặng khách hờ", "Tình đã cho không lấy lại bao giờ", "Từ ngàn xưa, người ta héo, than ôi - Vì mang phải một sắc lòng tươi quá",... Có khi trong khẳng định đầy tất yếu của một triết nhân vẫn nguyên giọng hổn hển của một tình nhân : "Gấp đi em anh rất sợ ngày mai - Đời trôi chảy, lòng ta không vĩnh viễn". Và thường khi, tuyên ngôn sống hùng hồn của một tình nhân nhập giọng vào triết luận riết róng của triết nhân : "Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối - Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm"... Phần lớn những triết lý của Xuân Diệu đề cập đến khía cạnh bi kịch của tình yêu. Con người triết nhân sống dậy mãnh liệt khi *cái tôi* ấy đang trải qua những khổ đau mất mát của kẻ thất tình. Phải chăng thất tình dễ khiến người ta thành triết nhân của tình ái ?

Ai đó đã hình dung về tình yêu thật chính xác : tình yêu như một con vật lạ, đói thì nó sống còn no thì nó chết. Có thể nói, đó là nghịch lý quái đản của tình yêu. Dường như tình yêu chỉ là tình yêu trong khao khát. Khao khát không đáp đền. Khi được đền đáp đã đầy thì nó lập tức nguội tắt. Những cơn đói giày vò trái tim, ấy là lúc tình yêu mãnh liệt nhất. Hãy đọc kỹ mà xem, tiếng lòng Xuân Diệu hoặc là nỗi khát cháy, hoặc là nỗi quạnh hiu. Đằng nào cũng là những cơn đói. Đằng thì đói cồn cào, đằng thì đói rời rã. Hiếm có phút thoả lòng, hiếm có phút no. Xuân Diệu đã sống đến tận cùng hai cực đói ấy. Nhưng Xuân Diệu chỉ

http://tieulun.hopto.org

là mình khi những cơn đói - khát ấy hành hạ. Không được đền đáp, đó là cái giá mà Xuân Diệu phải trả một cách tiền định cho tiếng thơ mình. Nói Xuân Diệu là tù nhân của chữ *tình* không hẳn là cách nói lạ hoá. Do cấu trúc tâm thể đặc biệt, khát khao luyến ái thức dậy quá sớm. Thậm chí nó như cái mầm lửa bẩm sinh, gặp ngọn gió thời đại đã nhanh chóng bốc thành đám cháy. Rồi suốt đời ngọn lửa ấy cứ thiêu đốt không thôi. Đã có lúc tôi nghĩ dường như thi sĩ được sinh ra dưới ngôi sao... "ái tinh". Hay khi vừa sinh ra đã chịu lời nguyền của bà mụ nào đó, bà đã giáng xuống đời thi sĩ một thứ bùa chú, nên suốt đời thi sĩ chỉ "loanh quanh" trong vương quốc của chữ *tình*. Hát ca rên rỉ trong vườn tình, ngâm ngợi than thở trong trường tình. Thậm chí, tôi đã hình dung số mệnh như một ác thần đã gieo vào lòng thi sĩ một cơn khát cháy lòng rồi trói chân cạnh nguồn nước trong mát. Cơn khát khiến cho thi sĩ nhìn ra tất cả sự thần tiên của nguồn nước mà một người thường không thấy. Càng khát lại càng trong mát thần tiên. Ấy thế mà chẳng thể nào uống được. Bằng cách đó, thần đã duy trì cơn khát. Bằng cách đó, kẻ khát cứ luôn phải hát lên những lời ca từ chính cơn khát của lòng mình. "Trời cao trêu nhử chén xanh êm - Biển đắng không nguôi nỗi khát thèm". Cái ác ý của trời cao là cứ trêu nhử suốt đời như thế. Nói cách khác, để chống lại nỗi tuyệt vọng giá băng, Xuân Diệu luôn đốt lên hy vọng. Và oái oăm thay, hy vọng không được đáp đền, mà ngọn lửa của nó lại thiêu đốt tâm can thi sĩ. Thế nên *cái tôi* ấy cứ triền miên trong cơn sốt luyến ái bất tận. Cái tôi kia không tự làm cho mình hạ sốt được. Tình Xuân Diệu vĩnh viễn đơn phương. Nhưng đơn phương lại mới thực là Xuân Diệu. Vì những lẽ đó, thơ tình Xuân Diệu phần lớn là lời "rao tình", "mời yêu", chứ chưa phải là sự trải nghiệm thực sự trong tình trường. Cũng có thể nói, thơ tình Xuân Diệu phần lớn là "tự tình".

Em

Coi tình yêu là cái duy nhất có ý nghĩa, nhưng tín đồ Xuân Diệu không xem người yêu như một đức Chúa, để chiêm bái phụng thờ. Niềm luyến ái đầy tính trần thế đã khiến Xuân Diệu đưa nàng về đúng nghĩa : *người tình*. Một người tình trần thế.

Nghiên cứu thơ trữ tình, người ta thấy có hiện tượng phổ biến này : trong mỗi chàng thi sĩ đều sống một người đàn bà. Người đàn bà ấy là

http://tieulun.hopto.org

hiện thân cho vẻ đẹp mà thi sĩ tìm kiếm, tôn thờ. Là cái đẹp bằng xương bằng thịt. Người ta gọi đó là Nàng thơ, là người tình lý tưởng của thi sĩ. Thế giới hình tượng thi ca được xem là sản phẩm sinh ra từ cuộc hôn phối âm thầm của hồn thi sĩ và người đàn bà huyền diệu đó. Người tình đương nhiên phải là một giai nhân. Song giai nhân ở mỗi người một khác. Cả Nguyễn Bính và Hàn Mặc Tử đều tìm đến "gái quê", mà chất quê mỗi người vẫn một khác. Gái quê của Nguyễn Bính phải là những cô gái còn giữ được những nền nếp chân quê, mang trong mình những mối tình quê, duyên quê. Còn gái quê của Hàn Mặc Tử lại là những cô gái xuân tình mà trinh khiết. Người tình của *cái tôi* Xuân Diệu không thuộc gái quê. Trái lại, đầy chất đô thị đài các. Nàng phải là một giai nhân yêu kiều kiêu sa. Nàng phải là hiện thân của kiều diễm. Ấy là "Những nàng hây hẩy tròn đôi tám", ta có thể thấy nàng với thân hình cẩm thạch hoàn mỹ : "Chỉ là tình, nhưng tôi rất mê man - Gồm vũ trụ gửi nơi hình cẩm thạch", với "da thịt du dương", đôi "má ngọc", "ngón tay thơ" mà mỗi cử chỉ đều ban ra một làn ánh sáng : " Ánh sáng ban từ một nét tay". Y phục của nàng hoặc là những "xiêm nghê nổi gió lùa" theo dáng cổ hay những y phục tân thời : "Tà áo mới cùng say mùi gió mới". Khi nàng xuất hiện thì "Một luồng ánh sáng xô qua mặt - Thắm cả đường đi rực cả đời". Nàng bước qua rồi mà vẫn lưu lại mãi ánh nhìn xao xuyến thần tiên : "Rặng mi dài xao động ánh dương vui", lưu lại mãi nét cười sáng trăng rằm : "Em vui đi răng nở ánh trăng rằm"... Vậy là, trong *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió* nàng hiện ra như một tình nhân đầy quyến rũ mời mọc. Có thể thấy, thi sĩ "mới nhất trong các nhà thơ mới" này tạo ra ở hình tượng giai nhân một điệu sống theo lối mới, với thủ pháp khắc hoạ mới. Nhưng về chuẩn thẩm mỹ, vẻ đẹp giai nhân của Xuân Diệu lại cũng nghiêng về cổ điển. Vẫn là vẻ đẹp thục nữ thuở nào : "Bên cửa ngừng kim thêu bức gấm - Hây hây thục nữ mắt như thuyền", vẫn là vẻ đẹp Quỳnh Như, Thuý Kiều, vẻ đẹp Bao Tự, Ly Cơ, Dương Quý Phi, Tây Thi,... Những hình ảnh mà văn chương cổ điển đã lưu lại trong ký ức tuổi thơ có thể xem là mẫu gốc của hình tượng giai nhân của Xuân Diệu. Với những chất liệu truyền thống được tái tạo như thế, cảm nhận của Hoài Thanh về thi sĩ có "y phục phương xa" này rằng : "giữa ta và người tình đồng hương vẫn nặng" là hoàn toàn có lý.

http://tieulun.hopto.org

Đấy là một đối cực.

Nàng còn hiện ra với một đối cực khác : giai nhân hờ hững phũ phàng. Xuân Diệu đã ví sự xa vời và bí ẩn của nàng với vực thẳm, với trời xa từng đem đến cho *cái tôi* kia biết bao thất vọng : "Đôi mắt của người yêu, ôi vực thẳm - Ôi trời xa vừng trán của người yêu - Ta thấy gì đâu sau sắc yêu kiều - Mà ta riết trong đôi tay thất vọng". Ví sự hờ hững lạnh lùng với lá khoai : "Lòng anh là một cơn mưa lũ - Đã gặp lòng em là lá khoai". Ví sự nhạt tình của nàng như màu phai hương tản : "Và như màu theo nắng nhạt hương phai - Theo gió mất tình người đà tản mác". Sự vô tình lạnh nhạt nhiều khi phũ phàng như một tội ác : "Em đã xé lòng non cùng giấy mới - Mây đầy trời hôm ấy phủ sơn khê", "Em ác quá! Lòng anh như tự xé...". Nhiều khi *cái tôi* tình si ấy đã kêu lên đầy hận sầu bất lực : "Hỡi lòng dạ sâu xa như vực thẳm"... Vì thế mà tình yêu đã bao lần bị dập tắt : "Mà trái tim đã ghê dáng những hờ - Đã chung phận của tro tàn bếp lạnh"... Tóm lại : quyến rũ mời mọc và hờ hững phũ phàng là các đối cực tạo nên hình tượng *giai nhân - tình nhân* của Xuân Diệu. Đây cũng là hai biểu hiện phổ biến mà ta vẫn thấy ở những người tình muôn thuở. Điều này làm nên khía cạnh trần thế của hình tượng người tình.

Và chúng ta cũng thấy tương quan lô gích giữa hình tượng *cái tôi* và hình tượng *giai nhân*. Hai cặp đối cực ở hai hình tượng này có quan hệ nhân quả với nhau. Nếu khía cạnh quyến rũ của giai nhân luôn "thôi miên" *cái tôi* kia khiến cho gã tình si luôn thức dậy với cõi lòng tràn ngập khát khao luyến ái, thì khía cạnh lạnh nhạt hững hờ lại muốn dập tắt ngọn lửa ái ân trong *cái tôi* kia, gieo vào lòng nó nỗi cô đơn, biến nó thành một kẻ thất tình. Chuyển hoá trong hình tượng *cái tôi* được khởi thuỷ từ đổi thay trong hình tượng giai nhân. Giai nhân trở thành nguồn sống của *cái tôi* ấy. Chúng đi đôi với nhau như đối ảnh của nhau trong thế giới thi ca này. Mối tương quan máu thịt đó cho ta thấy một hệ thống hình tượng trong thơ trữ tình bao giờ cũng tồn tại trong tính cấu trúc của nó mà tạo nên một chỉnh thể sống động. Và ở trường hợp Xuân Diệu, ta đã thấy thật nhỡn tiền, rằng hai hình tượng ấy nuôi sống nhau bằng một "thực đơn" duy nhất : *niềm luyến ái*. Nhìn riêng từng cá thể : luyến ái dồi dào khiến *cái tôi* rời bỏ nỗi cô đơn để hiển hiện như một gã tình si ; luyến ái nguội tắt, ấy là khi *cái tôi* kia chường ra bộ

http://tieulun.hopto.org

dạng một kẻ thất tình. Cũng như thế, khát khao luyến ái dâng lên, giai nhân hiện ra thật toàn vẹn là một người tình đắm say quyến rũ - "Ngừng mắt lại để trao cười bỡ ngỡ - Ấy là máu báo tin lòng sắp mở", còn khi luyến ái như hương đã tản mác đi, nàng sẽ chỉ là lá khoai, mặc cho *cái tôi* kia trút xuống những trận lòng. Nhìn song quan cả cặp cũng thế. Khi luyến ái tràn ngập trong tim, họ hiện ra như một đôi lứa đang miệt mài hút nhuỵ của mỗi giờ tình tự ; trái lại luyến ái suy giảm, "hạ đường huyết", thì lập tức "Em là em anh vẫn cứ là anh", hai khối cô đơn một Vạn Lý Trường Thành băng giá. Rõ ràng, họ là nhân vật của luyến ái và chỉ của luyến ái thôi. Bởi thế họ chính là cặp nhân vật hết sức điển hình cho lứa đôi muôn thuở, cũng tức là điển hình cho Thơ mới lãng mạn.

Thế giới

Và cũng bởi thế, cái thế giới mà trong đó họ tồn tại chỉ có thể là một tình trường. Vâng, như một lô gích tất yếu, thế giới bao quanh đôi tình nhân đó phải là môi trường dành riêng cho tình ái.

Tôi cũng cho rằng từ khi có con người thì thế giới thuộc về con người. Một thế giới được nhân hoá. Con người đồng hoá thế giới xung quanh bằng cách áp đặt vào nó *cái tôi* của mình. Nó trở thành thế giới của *cái tôi* và thế giới trong *cái tôi*. Điều này rõ nhất trong thơ lãng mạn. Cơ chế đồng hoá của nghệ sĩ thường là quy chiếu sự phong phú của thế giới bên ngoài về một mẫu gốc nào đó. Mẫu gốc này nằm sâu trong tâm thức nghệ sĩ và chi phối việc cảm nhận thế giới xung quanh của anh ta một cách âm thầm. Kết quả là hình ảnh thế giới đi vào trong nghệ thuật của nghệ sĩ đều qua khuôn hình của mẫu gốc ấy. Thậm chí, mỗi cảnh trí thiên nhiên đều như những phân thân, hoá thân, những biến thể khác nhau của cùng một mẫu gốc kia mà thôi. Cội nguồn của những mẫu này thường là những ấn tượng đầu lòng về khung cảnh thiên nhiên thực thời thơ ấu và ấn tượng ban sơ về những cảnh trí thiên nhiên được mô tả trong các tác phẩm nghệ thuật được tiếp xúc đầu đời. Chúng được tích hợp và nhào nặn theo những cách rất riêng tây mà tạo nên cái mẫu gốc cho từng tâm hồn nghệ sĩ. Việc tìm mẫu gốc không phải lúc nào cũng dễ dàng. Có những nghệ sĩ mà tiểu sử cung cấp được cho ta những tư liệu để thực hiện sự truy tìm. Nhưng không hiếm trường hợp, ta không thể biết tý gì về quãng niên thiếu của họ. Vả chăng, việc hình thành những mẫu gốc như thế cũng không phải giản đơn theo một cơ chế dịch chuyển trực tiếp hoàn toàn tương đồng : ngoài đời thế nào vào

http://tieulun.hopto.org

trong nghệ thuật sẽ thế ấy. Trái lại, nó rất biến hoá. Vì thế, lối đi thông thường và quyết định nhất trong việc truy tìm mẫu gốc của mỗi thi sĩ vẫn phải là "quy đồng mẫu số chung" của tất cả những cảnh sắc riêng rẽ, dựa trên sự lặp lại có tính quy luật của chúng. Lối đi này tất sẽ dẫn người nghiên cứu đến với hình ảnh tổng quát nào đó, bao trùm lên những "tử số riêng". Nó chính là mẫu gốc vậy. Mẫu gốc này sẽ thống nhất các mảnh không - thời gian riêng rẽ, cắt xẻ, tách rời về một tổng thể, vì thế nó cũng sẽ quy tụ các quan niệm căn bản của nghệ sĩ về một mối. Muốn nắm quan niệm tổng thể của nghệ sĩ, không thể không truy tìm mẫu gốc đó.

Đọc Xuân Diệu, sau muôn vàn những cảnh sắc cụ thể, những mảnh cắt xẻ của không gian, chung quy, vẫn có thể thấy, thế giới qua con mắt Xuân Diệu hiện ra như một tình trường, một vườn tình với hai diện mạo tổng quát phổ biến : *mảnh vườn tình ái và sa mạc cô liêu* (chữ dùng của chính Xuân Diệu là "vô liêu" - *Mà cảnh đời là sa mạc vô liêu*. Nhưng người đương đại ít dùng. Căn cứ vào nghĩa chữ và nội dung hình tượng, thiết nghĩ thay bằng "cô liêu" dễ cập nhật hơn). Mảnh vườn tình ái là diện mạo thế giới khi mà tạo vật thiên nhiên hiện vẻ tình tứ ngập tràn, khiến con người khát khao luyến ái. Còn hoang mạc cô liêu lại là diện mạo khác khi mà thế giới xung quanh *cái tôi* ấy hiện vẻ trống vắng hoang liêu cô quạnh, khiến con người rơi vào cô đơn. Trong thơ Xuân Diệu, hai diện mạo này không hoàn toàn phân liệt nhau, mà chuyển hoá, thậm chí, có lúc đan xen nhau. Rất có thể, đây không chỉ là ấn tượng tuổi thơ, mà ám ảnh này còn được hình thành bởi một con người đặc biệt : quá giàu khát khao luyến ái. Niềm luyến ái mãnh liệt và thường trực đến nỗi đã chi phối việc phân lập toàn bộ thế giới xung quanh thành hai diện mạo ấy. Bởi xét đến cùng, "tiêu chí" phân loại chỉ là một chữ *tình* thôi. Nó đã thành cặp mẫu gốc để cảm quan Xuân Diệu quy chiếu và quy nạp thế giới đa dạng này.

*
* *

Trước tiên, hãy bước vào *mảnh vườn tình ái*. Có thể thấy vườn là hình ảnh trở đi trở lại khá nhiều trong *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió* : "Vườn cười bằng bướm, hót bằng chim", "Vườn non sao! Đường cỏ rộng bao nhiêu", "Trong vườn đêm ấy nhiều trăng quá - Ánh sáng tuôn đầy các lối đi", "Trăng ở đó, đất vườn thêu bóng lá",... Đây không chỉ là

http://tieulun.hopto.org

mật độ xuất hiện dày của một vài khu vườn nào đó. Mà nó còn là cái ấn tượng bao trùm về cảnh quan của thế giới này trong mắt Xuân Diệu. Khi cần khái quát, chính Xuân Diệu sẽ gọi đó là *Vườn tình ái* : "Đem chim bướm thả vào vườn tình ái"... Đây là diện mạo căn bản của hình tượng thế giới trong thơ Xuân Diệu. Nhìn kỹ có thể thấy *vườn tình ái* chính là hình ảnh một thế giới đương khi "Tình thổi gió màu yêu lên phấp phới", khi "vạn vật nức xuân tâm". Nói cách khác, đó là thế giới trong trạng thái dậy tình. Trong đó, vạn vật thì giao duyên với nhau, con người cũng đang bén duyên, giao cảm, giao tình với nhau. Tình yêu đã thức dậy trong lòng vạn vật. Khát khao luyến ái làm cho cỏ cây, hoa lá, thảo mộc, chim muông, sông nước, mây trời..., tất tật đều rạo rực đắm đuối. Những "Chiều mộng hoà thơ trên nhánh duyên - Cây me ríu rít cặp chim chuyền - Đổ trời xanh ngọc qua muôn lá - Thu đến nơi nơi động tiếng huyền", những "Tối bầu trời đắm sắc mây", "Huy hoàng trăng rộng nguy nga gió - Xanh biếc trời cao bạc đất bằng", "Những lời huyền bí toả lên trăng - Những ý bao la rủ xuống trần". Diễn ra trong lòng cái vũ trụ mênh mông đó, là cảnh tượng luyến ái ngây ngất. Ở đây là cảnh : "Cây tìm nghiêng xuống cánh hoa gầy - Hoa nghiêng xuống cỏ, trong khi cỏ - Nghiêng xuống làn rêu một tối đầy - ... Những tiếng ân tình hoa bảo gió - Gió đào thỏ thẻ bảo hoa xuân", ở kia là "Ánh sáng ôm trùm những ngọn cao - Cây vàng rung nắng lá xôn xao - Gió xuân phơ phất bay vô ý - Đem đụng cành mai sát nhánh đào", chỗ khác lại là "Con đường nhỏ nhỏ gió xiêu xiêu - Lả lả cành hoang nắng trở chiều"... Đêm nào cũng thấy "Gió canh khuya như nghìn ngón tay ôm - Trăng mối lái phủ màng tơ thơ mộng". Khuya nào cũng là lúc muôn vạn hoa đêm xao xuyến động tình... Con người bước vào chốn này thì không ai còn có thể cầm lòng "vô tâm" được nữa : "Buổi ấy lòng ta nghe ý bạn - Lần đầu rung động nỗi thương yêu", "Vô tâm - nhưng giữa bài thơ dịu - Anh với em như một cặp vần", vì thế mà "Lòng anh thôi đã cưới lòng em"... Có lẽ không cần phải nhọc công dẫn chứng nhiều ta cũng có thể thấy rằng : dù cảnh trí có thể rất đa dạng với những mảnh cắt xẻ góc vườn, khóm cây, khung cửa, góc phố, con đường, dòng sông, mặt hồ,... tất cả chỉ là những "mảnh vỡ", những địa chỉ khác nhau, những biến thể, biến tướng khác nhau của cùng một hình tượng bao trùm : vườn tình ái. Trong đó, luyến ái đã phổ cho vạn vật luồng sinh khí riêng của nó. Tạo vật từ lớn lao nhất đến nhỏ nhoi nhất đều đang đồng loạt đưa duyên, giao duyên,

http://tieulun.hopto.org

bến duyên nhau. Luyến ái làm nên điệu sống của chúng. Luyến ái làm nên vẻ đẹp của chúng. Giăng giăng lên tất thảy là một "Nỗi yêu trùm không giới hạn - Dịu dàng toả xuống tự trời xanh". Theo với "Trăng ngà lặng lẽ như bông tuyết", lan toả theo những khúc nhạc thơm, những khúc nhạc hường, vườn tình cứ mở rộng mãi vào thế giới của du dương, thế giới huyền diệu, của mộng và thơ. Vì thế mà có lúc Xuân Diệu đã coi đó là cuộc hoà thơ kỳ diệu của sự sống, coi cả thế giới là một bài thơ dịu, một bài thơ tình mênh mông : "Chúng tôi ngồi giữa một bài thơ - Một bài thơ mênh mông như vũ trụ - Đầy khói hương xưa, tràn ân ái cũ", "Chúng tôi lặng lẽ bước trong thơ - Lạc giữa niềm êm chẳng bến bờ". Khi ấy kẻ yêu đương cảm nhận rất rõ ràng "Khí trời quanh tôi làm bằng tơ - Khí trời quanh tôi làm bằng thơ"... Ngay hồi *Thơ thơ* sắp ra, Thế Lữ đã cảm nhận thấy cái diện mạo này của thế giới thơ Xuân Diệu, khi cho rằng ở đó tràn ngập *xuân* và *tình*. Quả đúng là như vậy. Nhưng, như ở trên kia đã nói, lõi của *xuân* chính là *tình*. Nguồn sống bên trong là tình, biểu hiện ra ngoài là vẻ xuân. Cho nên, tổng hợp hơn, phải nói rằng thế giới Xuân Diệu là thế giới của chữ *tình*. Tất thảy đều là *tình*. *Tình* đem đến nguồn sống, *tình* đem đến vẻ đẹp : "Tình thổi gió, màu yêu lên phấp phới", "Ái tình đem máu lên hoa diện - Thiếu nữ nhìn đâu cũng thấy cười". Trong thế giới Xuân Diệu, cười là lúc tình tứ ngập lòng, nó là vẻ đẹp xuân tình của tuổi trẻ. Bước tới đâu cũng gặp những nụ cười của hoa cỏ, bướm chim và con người. Nhờ tất cả dậy men tình ái mà vườn tình tràn đầy ánh sáng huy hoàng, âm thanh thi vị, màu sắc thơ mộng, hơi ấm khêu gợi, hương thơm quyến rũ,... Lúc nào cũng sẵn bày những bữa tiệc trần gian, lúc nào cũng mời mọc những bước chân đôi lứa, lúc nào cũng hết mình tô điểm cho các cuộc tình tự thần tiên của những lứa đôi...

Có thể thấy, vào lúc hưng thịnh hoàng kim, ánh sắc bao trùm của vườn tình ái này là *thắm*. Tất thảy mọi thứ ở đây đều *thắm* : cây thắm, hoa thắm, gió thắm, trời thắm, đường thắm, mây thắm, môi thắm, miệng thắm, tin thắm, tên thắm, tuổi thắm,... hoặc biến thái khác của thắm là đào, hường, biếc : gió đào, nhạc hường, lá biếc,... Đây đúng là một đặc điểm nổi bật trong cảm quan Xuân Diệu. Trong tiếng ta, chữ *thắm* không chỉ là từ tương đương với sắc đỏ, nó còn là trạng thái rực rỡ tươi ròng như có hồn của màu sắc : đỏ thắm, xanh thắm, vàng thắm, hồng thắm..., nó cũng là trạng thái hài hoà hạnh phúc lý tưởng : tình thắm,

http://tieulun.hopto.org

duyên thắm - "Có phải duyên nhau thì thắm lại" (Hồ Xuân Hương). Dường như, trong thơ Xuân Diệu, *thắm* gồm cả mọi sắc thái đẹp đẽ nhất của nó. Thắm là vẻ xuân tình sung mãn nhất. Thắm là luyến ái ngất ngây dào dạt nhất. Vì thế mà vườn tình cũng mời mọc khêu gợi nhất : "Tóc liễu buông xanh quá mỹ miều - Bên màu hoa mới thắm như kêu - Nỗi gì âu yếm qua không khí - Như thoảng đưa mùi hương mến yêu", "Trời đã thắm lẽ đâu vườn cứ nhạt - Đắn đo gì cho lỡ mộng song đôi"... Bởi thế mà vườn tình cũng là vườn thắm chứ sao!

Để làm hiện lên diện mạo vườn tình, chỉ có ánh sắc không thôi chưa đủ. Muốn men tình ái dậy lên, muốn tình thổi gió màu yêu lên phấp phới, phải có một trường liên tưởng tương hợp nữa. Liên tưởng của Xuân Diệu cũng được điều hành bởi chữ tình, bởi khát khao luyến ái. Điểm tụ của mạch liên tưởng Xuân Diệu là tình nhân và tình tự. Nghĩa là từng tạo vật thiên nhiên, từng nét cảnh riêng rẽ thường được cảm nhận thông qua vẻ đẹp của tình nhân : "Trăng từ viễn xứ đi khoan thai lên ngự đỉnh trời tròn", "Chen lá lục những búp lài mở nửa - Hớp bóng trăng đầy miệng nhỏ xinh xinh", "Tóc liễu buông xanh quá mỹ miều",... Nói Xuân Diệu lấy con người ra làm chuẩn mực cho cái đẹp tự nhiên là có lý. Nhưng, cái người cụ thể mang đậm màu sắc Xuân Diệu phải nói là tình nhân : yêu kiều và tình tứ. Đồng thời, tạo vật cũng thường được quy chiếu về vẻ đẹp của những cuộc tình tự. Điều này buộc cái nhìn của thi sĩ phải phân lập vạn vật thiên nhiên thành những cặp đôi. Nhưng nếu chỉ là các cặp đôi không thôi chưa đủ, mà còn phải là quan hệ giữa chúng là gì. Trong cái nhìn thiên nhiên của thi sĩ Hồ Chí Minh, cũng có sự phân lập thành những cặp đôi : "Núi ấp ôm mây mây ấp núi", "Vạn trùng núi đỡ vạn trùng mây", "Chòm sao đưa nguyệt vượt lên ngàn", "Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa",... Nhưng các động thái kia nghiêng về quan hệ bằng hữu bầu bạn. Nên đó chỉ có thể là thiên nhiên thân ái. Còn quan hệ của các cặp đôi ở Xuân Diệu là tình tự. Đã tình tự thì không thể thiếu nhục cảm. Có thế mới thành ái ân. Thiên nhiên Xuân Diệu là thiên nhiên luyến ái : "Ánh sáng ôm trùm những ngọn cao - Cây vàng rung nắng lá xôn xao", "Tháng giêng ngon như một cặp môi gần", "Này hoa ngọc đã giật mình trắng muốt - Thoảng tay tình gió vuốt bồng lao đao", "Gió nọ mà bay lên nguyệt kia", "Sương nương theo trăng ngừng lưng trời", "Những tiếng ân tình hoa bảo gió - Gió đào thỏ thẻ bảo hoa xuân", "Gió chắp cánh cho hương càng toả rộng - Xốc nhau đi vào khắp cõi

http://tieulun.hopto.org

xa bay - Mà hương bay thì hoa tưởng hoa bay", "Con đường nhỏ nhỏ gió xiêu xiêu - Lả lả cành hoang nắng trở chiều",...

*
* *

Tương phản với *mảnh vườn tình ái* là cảnh quan *sa mạc cô liêu*. Đây không phải sa mạc theo nghĩa đen của chữ vốn gợi ra một vùng cát đá hoang vu mênh mông. Mà là diện mạo thế giới lúc hoang liêu cô quạnh khiến con người rơi vào trống vắng cô đơn. "Bãi xa cũng muốn làm sa mạc - Chẳng muốn ai đi - buồn, hỡi lòng!", "Muốn trốn sầu đơn muôn vạn kiếp - Lại tìm sa mạc của tình yêu", "Để tôi làm kẻ qua sa mạc - Tạm lánh hè gay ; - thế cũng vừa", "Họ chứa nhớ thương và ; - mỗi tối - Ấy là sa mạc của buồng hoa", "Mà tình ái là sợi dây vấn vít - Mà cảnh đời là sa mạc vô liêu"... Nếu *vườn tình ái* là dương bản, thì *sa mạc cô liêu* là âm bản. Sự tương phản này khá toàn diện : *vườn tình ái* là thế giới tình tứ hạnh phúc, vạn vật từng cặp đôi đang giao duyên, giao cảm, tất cả hình sắc, ánh sáng, thanh âm, hương vị đều mát tươi nồng thắm, con người hẹn hò gặp gỡ và tươi cười thụ hưởng ái ân, thời điểm của nó thường là bình minh, chiều mộng hay đêm trăng... ; *sa mạc cô liêu* lại là thế giới đơn côi bất hạnh, vạn vật chia rời ly tán thành từng cá thể lẻ loi, tất cả đều nhạt nhoà u uất, con người chia lìa xa cách, buồn sầu trơ trọi với cô đơn thời điểm của nó thường là những chiều thưa lạnh hoặc đêm giá băng : "Không gì buồn bằng những buổi chiều êm - Mà ánh sáng đang hoà cùng bóng tối - Gió lướt thướt kéo mình qua cỏ rối - Vài miếng đêm u uất lẩn trong cành - Mây theo chim về dãy núi xa xanh - Từng đoàn lớp nhịp nhàng và lặng lẽ - Không gian xám tưởng sắp tan thành lệ... Anh một mình nghe tất cả buổi chiều - Vào chầm chậm ở trong hồn hiu quạnh"... Ta có thể gặp ở *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió* nhiều biến thể của sa mạc cô liêu, ví như *cõi trần lạnh* : "Trên trần lạnh thẩn thơ dăm bóng nhạt", *chiếu xa vắng* : "Chiếu xa vắng một mình ta ở giữa", gọi là *chăn im lặng, chăn bóng tối, gối âm thầm, ải quan xa* : "Ta nằm đây như một ải quan xa" v.v. Dù là gì cũng vẫn là một không gian trống vắng, lẻ loi, cô quạnh, lạnh lẽo. Trong tương quan với hình tượng *cái tôi*, nếu *vườn tình ái* là dành cho *kẻ tình si*, thì *sa mạc cô liêu* là thế giới của *kẻ thất tình*. Chúng gắn bó với nhau như cá với nước vậy.

*
* *

http://tieulun.hopto.org

Nói đến hai diện mạo này của thế giới Xuân Diệu không thể không nói đến một quan niệm rất riêng về thời gian của thi sĩ. Ngay từ khi mới xuất hiện với những thi phẩm đầu tiên, người đọc đã thấy Xuân Diệu bị ám ảnh bởi thời gian. Và từ bấy đến nay, người ta cũng đã khám phá ra nhiều khía cạnh thú vị xung quanh cái *phong cách thời gian* của thi sĩ. Người ta thấy chàng tình nhân Xuân Diệu trình bày rõ hơn ai hết quan niệm mới về thời gian của thời đại mình. Trước, là quan niệm thời gian tuần hoàn, nay các thi sĩ Thơ mới thấy rõ ra thời gian tuyến tính. Nó không những không trở lại, mà mỗi khoảnh khắc trôi qua là mất đi vĩnh viễn, như con người vĩnh viễn mất đi một phần đời. Người ta thấy ra tất cả sự hà khắc : "Xuân đang đến nghĩa là xuân đang qua - Xuân còn non nghĩa là xuân sẽ già"... Nhưng đấy chưa phải điều thật đặc biệt. Thi sĩ có làm cho gấp gáp hơn những đơn vị đo thời gian giây phút, ngày đêm, năm tháng, mùa vụ,... thì cũng vẫn chưa phải là điều thật đáng nói. Đáng nói là Xuân Diệu chia lại bốn mùa trong năm thành hai thôi : mùa xuân và mùa còn lại. Mà phần còn lại hầu như không có, vì bốn mùa đều có thể thành xuân : "Xuân ở giữa mùa đông khi nắng hé - Giữa mùa hè khi trời biếc sau mưa - Giữa mùa thu khi gió sáng bay vừa - Lùa thanh sắc ngẫu nhiên trong áo rộng". Vậy là, trong vườn tình chỉ tồn tại duy nhất một mùa - mùa xuân. Đúng hơn, là mùa tình. Bởi luyến ái làm nên xuân, tình là cốt lõi là hồn vía của xuân : "Bình minh quá mỗi khi tình lại hứa - Xuân ơi xuân vĩnh viễn giữa lòng ta... Kể chi mùa thời tiết với niên hoa - Tình không tuổi và xuân không ngày tháng". Nhưng Xuân Diệu chia như vậy có lẽ chỉ nhằm mục đích tuyệt đối hoá tình ái. Thế thì e rằng tất cả sẽ ngưng đọng. Trong thực tế thời gian vẫn trôi và thi sĩ luôn bị dòng chảy trôi đó giày vò hành hạ. Vậy, thi sĩ đã đo đếm dòng chảy trôi lạnh lùng tàn nhẫn kia bằng cách nào ? Trong triết học, Becxông có đưa ra một quan niệm mới về thời gian, đó là *thời biến*. Còn nhà thi sĩ của chúng ta xây cất lên cái thế giới nghệ thuật riêng của mình bằng quan niệm thời gian khác lạ : *thời sắc*. Tất nhiên đây là quan niệm thời gian của một thi sĩ. Khước từ cái quan niệm thời gian ba thì quen thuộc : quá khứ - hiện tại - tương lai, Xuân Diệu tâm niệm về thời gian hai thì : *thời tươi* và *thời phai*. Nói cho đúng, cái ý niệm *thời sắc* này chi phối Xuân Diệu riết róng và thường trực hơn mọi ý niệm thời gian khác. Cho nên, trong thế giới nghệ thuật của thi sĩ, *thời sắc* là

http://tieulun.hopto.org

ý niệm thời gian bao trùm, thôn tính những ý niệm thời gian kia. Quan niệm này xuất phát từ niềm thiết tha vô bờ của nhà nghệ sĩ lãng mạn với vẻ đẹp vườn tình của thế giới. Mà sâu xa hơn là thiết tha với nguồn sống trẻ, vẻ đẹp trẻ của thế giới này. Nó là thời gian gắn liền với nhan sắc son trẻ của mỗi sự vật. Độ xuân thì chính là *thời tươi*, lúc vạn vật tràn đầy thanh hương sắc, con người cần phải ý thức triệt để điều đó mà mau mau tận hưởng : "Cho chếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng - Cho no nê thanh sắc của thời tươi". *Thời phai* là độ phai tàn phôi pha, vạn vật đều phải sợ : "Chim rộn ràng chợt đứt tiếng reo thi - Phải chăng sợ độ phai tàn sắp sửa". Không chỉ là hai thì tuần tự như hai mùa lớn luân phiên lấp kín cái chu kỳ thường niên, mà thời tươi và thời phai gắn liền với nhan sắc mong manh của mỗi một sự vật. Nhan sắc thắm là thời tươi, nhan sắc nhạt là thời phai. Nhân tố thúc đẩy sự vận hành thời gian hai thì này không thể là gì khác hơn niềm luyến ái. Tình nồng thắm làm nên thời tươi, tình lặng tắt làm nên thời phai. Mạch vận hành của *thời sắc* này cũng quyết định đến sự biến đổi biện chứng trong thế giới nghệ thuật Xuân Diệu. Nếu thời tươi đang làm cho một cảnh trí thiên nhiên trở thành *mảnh vườn tình ái*, thì thời phai là lúc vườn tình đang suy biến, phôi pha, phai lạt để trở thành *sa mạc cô liêu*. Vì thế không khỏi có lúc giữa vườn tình mà đã thấp thoáng lảng vảng đó đây cái bóng cô liêu của sa mac kia rồi : "Trăng sáng, trăng xa, trăng rộng quá - Hai người nhưng chẳng bớt bơ vơ", "Trăng ngà lặng lẽ như bông tuyết - Trong suốt không gian tịch mịch đời", "Mùi tháng năm đều rớm vị chia phôi - Khắp sông núi vẫn than thầm tiễn biệt"... Khi "Những vườn xưa nay đoạn tuyệt dấu hài" thì đó là lúc *vườn tình ái* sắp sửa thành *sa mạc cô liêu*. Âu đó cũng là biện chứng vì, như các cụ dạy, một khi trong âm có dương thì trong dương tất cũng có âm - "Trong gặp gỡ đã có mầm ly biệt". "Đời trôi chảy lòng ta không vĩnh viễn". Trong *thời tươi* đã ngầm chứa cái mầm của *thời phai*. Suy cho cùng, tình ái, niềm luyến ái là nhân tố điều hành dòng thời gian hai thì đặc biệt này trong vương quốc thi ca Xuân Diệu.

Như thế, *vườn tình ái* và *sa mạc cô liêu* vốn là những hình ảnh thực, đầy ấn tượng đối với thi sĩ, đã được tâm thức thơ ca Xuân Diệu dùng như cặp hình ảnh tổng quát để phân lập và quy chiếu thế giới này. Cặp hình ảnh tổng quát ấy đối lập với nhau một cách biện chứng. Nghĩa là

http://tieulun.hopto.org

chúng vừa tương phản nhau vừa chuyển hoá sang nhau làm nên hình tượng một thế giới toàn vẹn và sống động của Xuân Diệu.

*
* *

Tóm lại, toàn bộ thế giới nghệ thuật Xuân Diệu từ hình tượng *cái tôi*, hình tượng giai nhân, đến hình tượng thế giới đều được sinh ra từ chữ *tình*. Nói sát sạt hơn là sinh ra từ niềm *khát khao luyến ái*. Luyến ái là kiến trúc sư đảm trách mọi khâu từ mẫu hình tượng, lựa chọn nguyên liệu, đến điều hành xây cất mà sáng tạo ra toàn bộ vương quốc thơ Xuân Diệu. Luyến ái là Chúa sáng thế, chính nó mới là đấng hoá công tạo ra diện mạo không gian riêng, thời gian riêng. Chính nó thổi hồn trẻ, truyền nguồn sống trẻ, điệu sống trẻ cho vạn vật mà làm nên cõi yêu Xuân Diệu. Nói thế giới Xuân Diệu là thế giới của chữ *tình* là như thế. Xuân Diệu tạo ra nó bằng tâm huyết của mình để "cất giữ tuổi trẻ mình ở đó", để được sống mãi cùng mai hậu. Đừng vội dùng những nhận thức giáo điều để phê phán rằng quan niệm ấy là phiến diện, hay lệch chuẩn, là khuyến dụ con người chạy theo tiếng gọi của tình yêu. Mỗi nghệ sĩ chân chính dựng lên cái thế giới nghệ thuật của mình bao giờ cũng dựa trên một quan niệm riêng nào đó. Thì đây là cái quan niệm của riêng Xuân Diệu. Xuân Diệu không bắt những người khác ý phải theo ông. Thế giới ấy chỉ dành cho những ai đồng điệu, thanh khí, tri kỷ. Nó giúp con người thêm một lần nhận chân về ý nghĩa đích thực của sự sống trong cõi nhân sinh này, thế thôi.

Có lẽ tôi đã quá dài dòng về thi sĩ của chúng ta. Nhưng một đỉnh cao như Xuân Diệu thì nói dài bao nhiêu vẫn là chưa đủ. Bởi đúng như một đỉnh cao, Xuân Diệu luôn mời gọi và hứa hẹn những người đến. Thêm một người đến là Xuân Diệu thêm một lần được sống. Đến dài hay đến ngắn đều quý. "Mở miệng vàng và hãy nói yêu tôi - Dù chỉ là trong một phút mà thôi". Đó là tâm nguyện đau đáu lúc sinh thời của thi sĩ này.

Văn Chỉ, Quý Dậu - Quý Mùi
(In trong Ba đỉnh cao Thơ mới.
NXB Giáo dục, H. 2003)

http://tieulun.hopto.org

TOÀN TẬP XUÂN DIỆU VÀ DI SẢN VĂN HỌC CỦA ÔNG HÔM NAY

LƯU KHÁNH THƠ

Toàn tập Xuân Diệu được xuất bản là một việc làm cần thiết và có ý nghĩa về nhiều mặt. Sự hiện diện của *Toàn tập* sẽ làm cho chúng ta hiểu Xuân Diệu đầy đủ hơn, hiểu văn học Việt Nam hiện đại sâu và rộng hơn, tăng thêm niềm tự hào về những giá trị tinh thần cao quý của dân tộc. Bạn đọc yêu mến và hâm mộ tài năng của nhà thơ Xuân Diệu đã có thể bước đầu mãn nguyện khi được tiếp xúc với bộ toàn tập đồ sộ gồm 6 tập với gần 5500 trang, đóng bìa cứng, được trình bày trang trọng. Cho đến thời điểm này, đây là bộ sách sưu tập đầy đủ nhất các sáng tác của Xuân Diệu. Tập I in toàn bộ các sáng tác thơ của Xuân Diệu, cả trước và sau Cách mạng. Tập II in hai tập văn xuôi sáng tác từ trước Cách mạng (*Phấn thông vàng* và *Trường ca*) và 5 tập bút ký, tiểu luận sáng tác từ 1945 đến 1963. Tập III in 6 tập phê bình, tiểu luận sáng tác từ 1945 đến 1978. Tập IV in 3 tập bút ký, phê bình, tiểu luận sáng tác từ 1968 đến 1977. Tập V in cuốn phê bình tiểu luận cuối cùng của Xuân Diệu (1984) và những tác phẩm lẻ. Tập VI in toàn tập các bài tiểu luận về các nhà thơ cổ điển Việt Nam.

Lần đầu tiên bạn đọc mới có điều kiện đọc toàn bộ tác phẩm của Xuân Diệu. Bản thân tác giả Xuân Diệu chắc cũng sẽ hài lòng khi nhận thấy những đứa con tinh thần của mình được tập hợp lại trong 6 tập sách dày dặn, chắc chắn như vậy. Những đồng nghiệp, bạn bè trong giới văn nghệ ai cũng biết rằng Xuân Diệu là người cẩn thận, chi chút với từng con chữ của mình như thế nào. Mỗi khi chuẩn bị cho một tập sách ra đời, vì yêu cầu của các nhà xuất bản, của người biên tập mà phải bỏ bớt đi đoạn văn nào, bài thơ nào là ông đau xót và tiếc nuối như đứt từng khúc ruột. Lúc còn sống, Xuân Diệu mới chỉ kịp nhìn thấy *Tuyển tập*

http://tieulun.hopto.org

Xuân Diệu, tập I (Thơ), tập II (Văn xuôi). Tuyển tập lý luận phê bình, như ao ước của ông, chưa kịp ra đời. Bây giờ ở cõi hư vô, chắc ông đã phần nào thanh thản khi thấy toàn tập ra đời.

Đọc *Toàn tập Xuân Diệu* càng thấy di sản văn học ông để lại cho hôm nay và mai sau thật là đáng quý, đáng trân trọng. Trong sự nghiệp sáng tạo của Xuân Diệu, bên cạnh phần sáng tác thơ mà ông tâm huyết và đạt được tới đỉnh cao của vinh quang, còn một mảng khác không kém phần quan trọng, đó là *phê bình tiểu luận*. Gần 5 trong số 6 cuốn sách của bộ toàn tập là dành cho mảng sáng tác này. Khối lượng lớn đó đã phần nào nói lên tâm sức của một nhà thơ dành cho công việc phê bình văn chương. Bằng vốn hiểu biết phong phú cùng với dụng công tìm tòi nghiên cứu và sự tinh tế nhạy cảm của một nhà thơ tài năng, bằng lối viết luôn tràn đầy nhiệt tình, tràn đầy cảm xúc, Xuân Diệu đã mang đến cho những trang phê bình tiểu luận của mình một giọng điệu riêng, khá độc đáo – điều mà không phải nhà phê bình chuyên nghiệp nào cũng có được.

Xuân Diệu là người rất chú ý đến kỹ thuật và công việc bếp núc của người làm thơ. Ông đã đúc rút những kinh nghiệm quý báu của một đời không ngừng sáng tạo thành những bài tiểu luận bàn về nghề một cách cụ thể, chi tiết, đầy nhiệt tình. Những bài viết tập trung bàn về công việc sáng tác thơ có giá trị về nhiều mặt, không chỉ đối với những người sáng tác mà còn cần thiết đối với tất cả những người giảng dạy, phê bình và thưởng thức thơ ca. Xuân Diệu có ý thức và chủ động làm việc này từ rất sớm. Từ tập tiểu luận đầu tiên *Tiếng thơ* (1951) cho đến tập cuối cùng, ra đời trước khi ông mất một năm *Công việc làm thơ* (1984) đã giúp chúng ta thấy rõ và có hệ thống những quan điểm của Xuân Diệu về nghề nghiệp. Hầu như các vấn đề liên quan đến công việc làm thơ đều được ông đem ra phân tích, bàn bạc. Ông nói đến sức mạnh của nghệ thuật ngôn từ, sự trong sáng của tiếng Việt, cách tìm tứ cho một bài thơ, tư duy hình tượng, hình ảnh, nhịp điệu trong thơ, sự tương xứng trong ngôn từ thơ, mối quan hệ giữa hiện thực và thơ, giữa thơ và công chúng,... Xuân Diệu đã bàn đến cái lớn nhất là một trái tim, một trí tuệ, một tâm hồn thi sĩ. Và ông cũng nói đến điều nhỏ nhất là một chữ, một tiếng, một dấu ngắt câu trong dòng thơ,... Ngày nay nhìn lại, có thể thấy những quan niệm của ông không phải bao giờ cũng chính xác,

http://tieulun.hopto.org

có những điều cần phải xem xét và trao đổi, nhất là trong tình hình lý luận và thực tế sáng tác có nhiều biến động như hiện nay.

Trong nhiều bài viết, Xuân Diệu đã lưu ý bạn đọc một khuynh hướng viết văn ông tâm đắc : *gắn bó chặt chẽ với thực tế cuộc sống*. Từ màu xanh tươi của cuộc đời mà phóng túng trong suy nghĩ và bình luận. Ông say mê dẫn người đọc vào màu xanh trù phú, rậm rạp của những sự kiện, những vấn đề của văn học và đời sống. Xuân Diệu đã đến được với nhiều giá trị văn chương, đã có nhiều trang viết sâu sắc và tài hoa. Điều đó là nhờ vào sức đọc rộng rãi, sức suy nghĩ đào sâu và nhất là nhờ vào tư chất nghệ sĩ thiên bẩm của ông. Trong bài phê bình tập thơ *Ánh sáng và phù sa*, Xuân Diệu đã nhắc đi nhắc lại rằng ông luôn luôn tự nhủ mình "đừng có hẹp hòi ; vượt qua cái mà mình không thích thú lắm để hưởng lấy những ưu tú của một thi sĩ". Đó là một quan niệm rất đúng đắn. Người sáng tác viết phê bình không nên đem cái phong cách riêng, cái khẩu vị riêng của mình mà bắt mọi phong cách khác phải theo. Tuy nhiên, đọc một số bài phê bình của Xuân Diệu còn thấy ông chưa vượt qua khỏi sự phê bình theo thiên kiến chủ quan, áp đặt, chưa vượt qua khỏi sức ép của hoàn cảnh hoặc cái "tạng" và khẩu vị của mình. Đặc biệt là các bài viết về các tác giả có "dính" đến vụ Nhân văn – Giai phẩm (Lê Đạt, Văn Cao) một thời, được đọc lại trong không khí của ngày hôm nay, ta thấy Xuân Diệu tỏ ra khắt khe, riết róng và đôi khi, nói theo cách của Lênin, không tránh khỏi như là những "đòn thừa".

Đối với công việc tìm hiểu gia tài văn học của cha ông, Xuân Diệu là người có công rất lớn. Tình yêu lớn lao đối với những giá trị văn học của cha ông thấm vào từng trang viết, làm nên mạch đập run rẩy trên mỗi dòng chữ, tạo nên những ấn tượng sâu sắc nơi người đọc. Thấp thoáng đằng sau những tác giả cổ điển là hình dáng, tư tưởng của chính Xuân Diệu. Đấy là *cái tôi* hiện đại đi tìm *cái tôi* cá thể của người xưa. Bộ sách *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam* là một công trình nghiên cứu chững chạc và bề thế, có chất lượng và đạt hiệu quả cao. Chế Lan Viên đã đánh giá về đóng góp này của Xuân Diệu : "... chỉ một mình Diệu đã viết hầu hết các danh nhân văn học. Viết hay khó ai thay được". Các bài viết về văn học cổ điển của Xuân Diệu vừa chắc chắn về phương diện văn học sử, vừa vững vàng, độc đáo trong thẩm bình và suy nghĩ. Với tài năng đa dạng, với tấm gương lao động phi thường, với phẩm cách

http://tieulun.hopto.org

trung thực, "xuất sáo", đi đến tận bản chất vấn đề, Xuân Diệu là một trong những khuôn mặt văn hoá lớn của Việt Nam. Ông luôn mong muốn đem lại nguồn thơ, nguồn văn, nguồn tư tưởng cho đời.

*
* *

Việc làm toàn tập cho một tác giả đòi hỏi nhiều thời gian, công sức, kinh nghiệm và khả năng bao quát vấn đề của người biên soạn cũng như về phía nhà xuất bản. Công việc của người biên soạn toàn tập rất nặng nề. Ngoài những yêu cầu đặt ra đối với một tác giả làm sách thông thường, người làm toàn tập phải có những kiến thức về văn bản học, phải nắm được những phương pháp khai thác và xử lý tư liệu hiệu quả nhất. Ngoài văn bản còn phải khảo về lịch sử văn bản, cái nào được thay đổi, sửa chữa ra sao, từ lần in đầu trên báo, đến khi tái bản hoặc in thành sách, tác giả đã thêm bớt những gì, cần phải có chú thích đầy đủ. Chẳng hạn như bài *Tiếng không lời* in trong *Thơ thơ*, sau này đã được tác giả đổi tên là *Mây lưng chừng hàng*... Và còn nhiều sự thay đổi về câu chữ trong hàng loạt các bài thơ khác từ lần in đầu cho đến các lần sau. Trong cuốn *Thơ mới 1932 - 1945 : tác giả và tác phẩm* (NXB Hội Nhà văn, 1988) ở phần thơ Xuân Diệu, các dị bản này đều đã được chú thích. Ở phương diện quyền tác giả, mọi sửa chữa thay đổi đều được phép. Nhưng đối với người nghiên cứu nếu không nắm được các biến động về văn bản, lại đưa ra những quyết đoán về tác phẩm sáng tác trong giai đoạn trước nhưng đã được tác giả thay đổi, sửa chữa ở thời kỳ sau là điều không thể chấp nhận được. Dù cố gắng đến mức nào chăng nữa thì cũng không ai dám tin rằng một bộ toàn tập đã tập hợp được đầy đủ các văn bản của tác giả đó. Trong một bài viết trên *Tạp chí Văn học* (tháng 4 - 2000), nhà nghiên cứu Lại Nguyên Ân cho biết rằng khi được giao làm biên tập cho *Toàn tập Vũ Trọng Phụng*, điều làm ông ngại nhất là chữ *toàn tập*. Sao đã vội đặt tên *toàn tập* khi không dám chắc đã tìm được tất cả tác phẩm của tác giả này ? Điều e ngại của ông là có căn cứ, vì chỉ một tháng sau khi đã hoàn thành công việc, một nhà sử học người Mỹ chuyên viên nghiên cứu về Việt Nam đã cung cấp cho ông khoảng hai chục bài báo của Vũ Trọng Phụng được tìm thấy ở Thư viện Quốc gia Pháp thậm chí có bài ở chính Thư viện của Việt Nam. Điều đó nói lên rằng việc nghiên cứu, tìm hiểu về một tác giả chỉ riêng ở mặt

http://tieulun.hopto.org

văn bản học cũng cần phải thận trọng như thế nào. Đặc biệt là khi tác giả đó lại có một quá trình sáng tác dài, trải qua cả hai thời kỳ trước và sau Cách mạng như Xuân Diệu, khó khăn đó lại nhân lên gấp bội khi tình hình lưu trữ và bảo quản tư liệu ở nước ta còn nhiều mặt hạn chế, cộng thêm với hoàn cảnh chiến tranh bom đạn kéo dài nhiều năm.

Xét về mặt văn bản học, *Toàn tập Xuân Diệu* còn bộc lộ một số thiếu sót. Làm một bộ toàn tập không đơn giản chỉ là số cộng của các cuốn sách đã được xuất bản. Nhiều khi chỉ một bài thơ, một bài báo ngắn, một tư liệu quý hiếm ít được biết tới mà người làm sách sưu tầm được, có mặt trong bộ sách, còn có giá trị hơn nhiều những cuốn sách quen thuộc, ai cũng biết. Trong phần thơ trước Cách mạng của Xuân Diệu, *Toàn tập* còn thiếu một số bài thơ khá nổi tiếng, tiêu biểu như những bài *Hy Mã Lạp Sơn, Hoa đêm, Tình mai sau,...* Các bài này tuy không được đưa vào tập *Thơ thơ* hoặc *Gửi hương cho gió*, nhưng đã được in báo thời kỳ đó và sau này cũng đã được đưa vào *Tuyển tập (I)*. Khi nghiên cứu về Xuân Diệu, một số nhà phê bình cũng đã nhiều lần nhắc đến những bài thơ này.

Toàn bộ các bài viết của Xuân Diệu in trên báo *Ngày nay* cũng không được đưa vào toàn tập. Đáng chú ý là bài *"Thơ thơ" ra đời lời đưa duyên của tác giả*, in ở đầu tập *Thơ thơ* (NXB Đời nay, Hà Nội, 1938), đồng thời cũng được in trên báo *Ngày nay* số 142 (12 - 1938) cũng không thấy có mặt trong *Toàn tập*. Ở bài viết có tính chất "tuyên ngôn" về quan niệm nghệ thuật này, Xuân Diệu đã tâm sự rất chân thành và xúc động về nguyên nhân ra đời tập thơ đầu tay của mình.

Đọc những bài phê bình viết từ trước Cách mạng tháng Tám của Xuân Diệu được in chủ yếu trên báo *Ngày nay*, càng nhận thấy rõ hơn năng lực viết tiểu luận phê bình của nhà thơ Xuân Diệu được manh nha từ rất sớm, trong đó có những ý kiến rất có giá trị. Bài *Tính cách An Nam trong văn chương* (*Ngày nay* số 147 tháng 1 - 1939) đã thể hiện một quan niệm khá mới mẻ về bản sắc dân tộc trong sáng tạo nghệ thuật. Cách đây hơn nửa thế kỷ, nhà thơ Xuân Diệu đã có những ý kiến thật đúng đắn và cởi mở về một đặc tính quan trọng của nghệ thuật, mà cho đến hôm nay vẫn còn được bàn bạc và gây tranh luận rất nhiều. Trong số các nhà thơ lớn của dân tộc, Tản Đà là người được Xuân Diệu viết đầu tiên, ngay vài hôm sau khi đưa tang nhà thơ về, với tấm lòng tri

http://tieulun.hopto.org

âm, tri kỷ sâu sắc của một người đồng nghiệp lớp sau. Như vậy là tài thơ của một thi sĩ lớn như Tản Đà đã được Xuân Diệu đánh giá cao (*Một vài kỷ niệm về yêu thơ Tản Đà* (*Tao Đàn* số ra ngày 1 - 7 - 1939)... Phần lớn các bài viết quan trọng này đã được sưu tầm và in lại trong các tập sách của NXB Giáo Dục, Văn học, Hội Nhà văn,...

Toàn bộ những bài viết của Xuân Diệu gồm : thơ, bút ký, phê bình, đọc sách,... đã in trên tạp chí *Văn nghệ* xuất bản trong kháng chiến chống Pháp tại Việt Bắc cũng không thấy được nhắc đến trong *Toàn tập*. Những tư liệu này đều đã được sưu tầm và in lại trong bộ sách *Sưu tập Văn nghệ 1948 - 1954*, NXB Hội Nhà văn, 1999.

Ngay phần thơ sáng tác sau Cách mạng của Xuân Diệu cũng bị thiếu. Chẳng hạn như "chùm thơ đắng" được công bố lần đầu sau khi tác giả mất, đã được in trong cuốn *Thơ tình Xuân Diệu* (Hữu Nhuận và Vũ Quần Phương sưu tầm, tuyển chọn, NXB Văn học, 1988). *Chùm thơ đắng* với những bài như *Đời anh em đã đi qua, Vội gì vội, Anh đã giết em, Có em, Cứ phải là em,...* đã cho chúng ta biết thêm một khía cạnh khác trong khối lượng thơ tình đồ sộ của nhà thơ Xuân Diệu. Đây là những bài thơ tình khác rất nhiều so với những bài thơ đã được biết của Xuân Diệu. Nó cay đắng, mộc mạc, thực hơn và cũng dữ dội hơn.

Những thiếu sót này đã phần nào làm ảnh hưởng đến giá trị và độ tin cậy của bộ sách. Đó là một thiệt thòi của tác giả, cho bạn đọc, nhất là những bạn đọc lớp sau, khi tình hình tư liệu ngày càng khan hiếm, việc sưu tầm ngày một khó khăn hơn. Ở một yêu cầu cao hơn, việc làm toàn tập còn cần phải đặt ra vấn đề khai thác di cảo. Việc công bố thư từ, ghi chép, nhật ký,... trong một vài bộ toàn tập được xuất bản, đã thu hút sự chú ý của những người quan tâm. (Như *Toàn tập Hoài Thanh, Toàn tập Nguyễn Minh Châu*, v.v.).

Thông thường khi làm tuyển tập hoặc toàn tập, người biên soạn thường sắp xếp tác phẩm theo thời gian xuất hiện hoặc theo thể loại. Ở các tập II, III, IV của *Toàn tập* việc sắp xếp tác phẩm còn thiếu khoa học, nếu chia theo thể loại thì rất khó xác định, vì thường là trong một số cuốn sách của Xuân Diệu những bài ký và tiểu luận phê bình thường đan xen với nhau. Nên sắp xếp theo thời gian xuất hiện tác phẩm là hợp lý và khoa học nhất, vừa tiện cho việc tra cứu, vừa thấy được quá trình sáng tạo của tác giả. Với cách sắp xếp như hiện nay của *Toàn tập*

http://tieulun.hopto.org

Xuân Diệu thì có tác phẩm xuất bản năm 1945 lại được đặt sau tác phẩm xuất bản năm 1963, hoặc tác phẩm ra đời năm 1978 như *Lượng thông tin và những kỹ sư tâm hồn ấy* lại được đặt trước *Đi trên đường lớn* ra đời năm 1968 v.v. Ở phần *Những tác phẩm lẻ* của tập V có hai bài được in lại nguyên văn. Đó là bài *Nhà thơ Tú Mỡ* (tr. 349) đã được in ở tập III (tr. 930) và bài *Cảnh đẹp Hương Sơn* (tr. 409) đã được in ở tập IV (tr. 382). Sự trùng lặp này, gây lãng phí gần 50 trang sách. Đọc *Toàn tập Xuân Diệu*, cũng như đọc *Toàn tập* của nhiều tác giả được ấn hành trong thời gian gần đây, thấy việc sưu tầm biên soạn và xuất bản các bộ toàn tập của những tác giả tiêu biểu trong lịch sử văn học dân tộc là một công việc hết sức cần thiết, là "món nợ" tinh thần mà các thế hệ đến sau phải trả đối với nền văn học nước nhà. Soạn một bộ toàn tập là cả một công trình khoa học với những nguyên tắc của nó. Công việc cần phải được chuẩn bị và tiến hành với một sự tham gia đóng góp của các chuyên gia nghiên cứu nhiều năm về tác giả đó, có như vậy mới có được một bộ toàn tập với đúng nghĩa của nó. Bởi mục đích cuối cùng của toàn tập không chỉ vì riêng cho tác giả mà trước hết là vì đông đảo bạn đọc. Tất cả mọi việc làm và cố gắng của chúng ta đều không ngoài mục đích tạo ra những điều kiện thuận lợi nhất để có thể tìm hiểu kỹ và đánh giá đúng những tác giả lớn, những tên tuổi luôn là niềm tự hào cho nền văn hoá và văn học dân tộc.

(In trong Tạp chí *Nhà văn*, số 3 - 2003)

http://tieulun.hopto.org

B. Phần viết về tác phẩm

TỰA TẬP "THƠ THƠ"

THẾ LỮ

Nhà thi sĩ ấy là một chàng trai trẻ hiền hậu và say mê, tóc như mây vướng trên đài trán ngây thơ, mắt như bao luyến mọi người, và miệng cười mở rộng như một tấm lòng sẵn sàng ân ái. Chàng đi trên đường thơ, hái những bông hoa gặp dưới bước chân, những hương sắc nảy ra bởi ánh sáng của lòng chàng. *Thơ thơ* là cụm đầu mùa chàng tặng cho nhân gian. Và từ đây, chúng ta đã có Xuân Diệu.

Loài người hãy hiểu con người ấy !

Xuân Diệu là một con người của đời, một người ở giữa loài người. Lầu thơ của ông xây dựng trên đất của một tấm lòng trần gian ; ông đã không trốn tránh mà lại còn quyến luyến cõi đời, và lời nguyền ước của ông có bao nhiêu sức mạnh :

Ta ôm bó, cánh tay ta làm rắn,
Làm dây đa, quấn quýt cả mình xuân,
Không muốn đi, mãi mãi ở vườn trần.
Chân hoá rễ để hút mùa dưới đất.

Là một con người sinh ra để mà sống, Xuân Diệu rất sợ chết, sợ lặng im và bóng tối, hai hình ảnh của hư vô. Mục đích của đời người có phải là hạnh phúc đâu ! Mục đích chính là sự sống. Mà còn gì làm cho sự sống đầy đủ hơn Xuân và Tình ?

Cho nên Xuân Diệu say đắm với tình yêu và hăng hái với mùa xuân, thả mình bơi trong ánh nắng, rung động với bướm chim, chất đầy trong bầu tim mấy trời thanh sắc. Ông hăm hở đi tìm những nơi sự sống dồi dào tụ lại. Khi ông khao khát vô biên, tuyệt đích, chẳng phải ông muốn lên tới đỉnh cao nhất của sự sống đó sao ? Ham yêu, biết yêu, Xuân Diệu muốn tận hưởng tình yêu, vì ông thấy chỉ tình yêu mới gồm được bao nhiêu ý nghĩa.

http://tieulun.hopto.org

Nhưng xuân không dài dặc, tình có bền đâu ! Xuân với Tình cũng vô định như sự thực không bền, và lại còn mong manh hơn cuộc đời chảy trôi. Bởi thế, Xuân Diệu vội vàng, bao giờ cũng lo âu thắc mắc. Luôn luôn tận tâm, siêng năng mà sống, ông mau mau đem hết cả tâm hồn mà tặng cho đời, và ông cũng đòi hỏi hết cả tâm hồn của người yêu dấu, của trời đất, của mọi sự vật trên trần gian.

Ta thấy cả nỗi cuống quýt sảng sốt của thi nhân giơ tay với lấy giây phút qua, bám lấy bầu xuân hồng, và rền rĩ thở than với người yêu dấu. Người tình nhân ấy có những câu não nuột thấm thía, khiến nụ cười ta rung ở miệng cùng nước mắt ứa dưới hàng mi...

Sở dĩ Xuân Diệu tham lam tình yêu, chất chứa vào lòng, không chán không đủ, không nguôi, là bởi thi sĩ rất sợ cô độc. Ông muốn biến ra nhiều thân, hoá thành muôn ức, triệu, vì ông thấy người ta đều chỉ trơ trọi một mình. Ông tìm gần gụi vì ông quá riêng tây, ông thấy nỗi mênh mông của tâm hồn nên ông muốn thành một cây kim để hút vào mình thiên hạ.

Thơ Xuân Diệu do đấy mà buồn tịch mịch ngay trong những điều ấm nóng reo vui. Lạnh lùng ám khắp mọi nơi, "xa vắng gồm tự muôn đời", ở đâu cũng là nỗi nhớ nhung, thương tiếc. Lòng thi sĩ thấy rõ điều trái ngược : nồng nàn bởi vì thê lương, khăng khít nhưng vẫn hững hờ, bao nhiêu éo le của cảnh đời mà Xuân Diệu yêu tới đau khổ. Thơ Xuân Diệu là hơi thở thầm kín, giấu giếm, trong đó ẩn sự huyền bí ghê rợn của một đêm trăng, sự não nùng bao la của một buổi chiều, và tất cả tâm hồn khó hiểu của người, của cảnh.

Rồi càng khó hiểu, người thi sĩ càng cố tìm. Ông dò xét cái "thế giới bên trong", lượm lặt từng sợi tơ mềm yếu, từng mảnh nhớ thương, từng vụn sầu tủi. Ông nghiệm thấy rằng :

Phải can đảm mới bền gan yếu đuối,
Phải khôn ngoan mới dư trí dại khờ,

nên chịu mất một ít kiêu căng để được thêm rất nhiều sự sống. Vì ông đã du ngoạn trong xứ sở yêu mến, nói cho ta hay những đường lối ẩn khúc quanh co.

Ông còn nghe thấu sự mơ hồ, như đã thạo dò la những điều tinh tế. Con người phức tạp cũng đơn sơ, con người thiết thực cũng mơ mộng :

http://tieulun.hopto.org

ông có một trái tim, nhưng ông còn có một linh hồn. Ông tỏ ra đã từng vào trong thế giới của mọi sự u huyền : hương trầm âm nhạc, thời khắc, khói sương... tất cả đều nói cho ông nghe những lời chí lý và những dây liên lạc.

Với những câu thơ ít lời nhiều ý, súc tích như đọng lại bao nhiêu tinh hoa, Xuân Diệu lại là một tay thợ biết làm ta ngạc nhiên vì nghệ thuật dẻo dang và cần mẫn.

Nhưng ở trên nhà nghệ thuật, ở trên nhà thi sĩ, ta thấy lòng ta mến yêu một linh hồn mở rộng, một tấm lòng chào đón, một con người ân ái đa tình. Người ấy chắc không cần phải quá đợi chờ, van xin, vì lẽ nào cõi đời còn mãi mãi lạnh lùng vô tri, khi đã nghe tiếng đàn si mê của Xuân Diệu ?

(In trong *Thơ thơ*, NXB Đời nay,
Hà Nội, 1938)

http://tieulun.hopto.org

"THƠ THƠ" VÀ XUÂN DIỆU

TRẦN THANH MẠI

Sau cùng một người đã thành thi sĩ. Người ta thành thi sĩ cũng như Thái tử Tất Đạt Đa thành Phật, nghĩa là sau một thời kỳ dày công tu luyện, sau khi đã hết sức tìm kiếm lối đi của mình.

Không ai mới đẻ ra mà đã thi sĩ bao giờ. Không ai không học mà làm thơ. Không có thần đồng. Nói thần đồng, tức là nói chưa sống, mà làm thơ tức là sống, chỉ là sống.

Xuân Diệu là một người đã sống bằng tất cả sức mãnh liệt của hăm mấy xuân xanh. Ông sống giữa trần gian, và sống trong tinh thần. Với cặp mắt đen sáng, bao giờ cũng mở rộng, như tuồng bao giờ cũng ngạc nhiên, ông trông nhìn xem xét, quan sát, ghi nhớ, suy nghiệm, rồi phân phát.

Có nhiều người sống mà không biết mình sống. Trên một cánh đồng hiu quạnh, và người dân quê đẩy cày có con trâu kéo đằng trước, không tự biết họ đương làm cái gì. Người ấy vẫn đi, vẫn cầm roi đánh trâu, vẫn hò hét om sòm, nhưng họ làm việc ấy với một vô tư thái thậm, đến nỗi có lúc ta mường tượng lầm lộn người đi cày với cái cày, cái cày với con trâu, con trâu với khu ruộng với cảnh tượng trời đất tứ vi mà tất cả bao nhiêu vật ấy làm lại một bức tranh bất hoạt. Một dòng thác trên non cao đổ xuống không bao giờ là một cảnh sống, bởi vì vô giác, vô tri.

Đối với Xuân Diệu, người ta có thể nói rằng không có một tích tắc đồng hồ nào mà ông chịu bỏ qua, mà không tự hỏi trong khoảng thời gian ấy, trong cái "Sát-na" ấy - để dùng một chữ của nhà Phật - ông đã làm những gì, tình trạng tâm hồn ông ra sao, sự có ông trong khoảng ấy có nghĩa gì và những biến thái của toàn thể vũ trụ ra thế nào.

Bởi thế ông Xuân Diệu là một thi sĩ.

Tôi còn nhớ, ấy là vào khoảng năm 1935 ông có đến thăm tôi một lần tại nhà tôi, trên bờ sông An Cựu. Ông lúc ấy là một thiếu niên

http://tieulun.hopto.org

chừng 17, 18 tuổi trở lại, cao cao, gầy gầy, với một đầu tóc mây xanh nghít rậm rì, trông như một đại dương náo động, luôn luôn soi sáng bởi những luồng chớp của một cặp mắt trong veo, mở rộng giữa một khuôn mặt tươi cười, có ẩn nấp một ít tự tin và tự cao. Trong ngọn lửa của mắt, trong làn sóng của tóc, ngay thủa ấy, tôi đã thấy cái sức sống chất chứa ở trong ông. Ông có đọc cho tôi nghe ít bài thơ của ông làm và khi nghe ông, tôi đã liên tưởng đến một con rồng vẩy chưa khô, cánh chưa cứng, đang quần quại giữa một đám bùn, chỗ nó từ dưới đất chui lên.

Tôi thấy không sai. Nay con rồng ấy đã bay bổng.

Tôi nhìn nhận sự đó không phải chính vì quyển *Thơ thơ* mà nhà ấn hành Đời nay vừa mới xuất bản, mà cũng vì những truyện ngắn và những bài nghị luận văn chương nhỏ ông cho đăng trong mấy lúc này ở báo *Ngày nay*. Chẳng hạn tôi rất yêu bài *Đưa duyên* ông làm để giới thiệu cho độc giả quyển sách sắp ra đời của ông. Tôi rất tiếc rằng ông không để bài ấy vào sách mà lại phải cậy đến ông Thế Lữ đề tựa thay vào. Theo ý tôi thì bài *Đưa duyên* là một bài thơ hay hơn hết cả các bài thơ trong quyển *Thơ thơ*.

Còn quyển này là một xáo trộn của những cái hay và cái dở, một dung hoà của những áng văn tuyệt tác của một nhà thi sĩ chính thức với những tội lỗi của một tuổi trẻ ngây ngất vì mộng vinh quang, và say sưa vì kiêu ngạo. Quyển *Thơ thơ* là một cuộc cãi lộn không bao giờ ngừng.

Tôi không như ông Lưu Trọng Lư quá thuần tuý, quá tổng hợp mà trách cái Tây hoá thể của Xuân Diệu. Chẳng những tôi không lấy sự dùng những trợ từ : *của, bởi, nên, vì, nhưng, mà, sẽ,* v.v. mà Xuân Diệu hay dùng làm một thói xấu, mà lại còn cho đó là một sự cần. Ông Xuân Diệu đã làm rất hay khi ông đem ứng dụng vào văn chương những từ ngữ mới như : "Đại dương của thương nhớ", "Sa mạc của cô đơn", v.v. Ta không nên lấy làm ngây ngô sự "quá Tây" của ông, cũng như ta chưa từng lấy làm ngây ngô sự "quá Tàu" của các bậc văn nhân tiền bối. Vả chăng, về phương diện này, nhà thi sĩ *Thơ thơ* cũng đã tự bào chữa cho mình một cách thông minh chặt chẽ trong một số báo *Ngày nay* vừa rồi. Làm thế ông Xuân Diệu chỉ nối cái chí của Hoàng Tích Chu đó thôi. Khi đến gặp việc phải làm giàu cho văn chương, cho tư tưởng, thì ta không có quyền nói đến thuần tuý, hay đến ngây ngô. Quen hay chưa

http://tieulun.hopto.org

quen, tất cả vấn đề là ở đó. Trong khi chúng ta đều phục sức theo lối Tây, tại sao chúng ta lại không để cho một người được lấy lối Tây mà mặc cho tư tưởng của họ ?

Điều đáng trách ở Xuân Diệu là tính bất thuần nhất của ông. Trong quyển *Thơ thơ* có chỗ có những câu thật tài tình, thật điêu luyện, nâng cao vì một âm điệu chắc chắn hồn nhiên, nhưng lại có chỗ ở đó người ta thấy rõ ràng sự cẩu thả của tác giả, sự vội vàng và sự dễ dãi.

Còn gì đáng tiếc bằng, sau khi đã nhắm được câu tuyệt diệu như :

...Làm sao cắt nghĩa được tình yêu
Có nghĩa gì đâu một buổi chiều
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt,
Bằng mây nhẹ nhẹ gió hiu hiu.

(*Vì sao*)

...Trăng vừa đủ sáng để gây mơ
Gió nhịp theo đêm, không vội vàng,
Khí trời quanh tôi làm bằng tơ
Khí trời quanh tôi làm bằng thơ...

...Thu gồm xa vắng tự muôn đời
Sương nương theo trăng ngừng lưng trời,
Tương tư nâng lòng lên chơi vơi...

(*Nhị hồ*)

Và những bài hoàn toàn, tràn ngập một niềm cảm hứng cao siêu tinh tuý như bài *Cảm xúc*, khêu gợi như bài *Sắt* tha thiết, say sưa như bài *Phải nói*, du dương thanh khiết như bài *Trăng*, v.v. người ta gặp phải những đoạn khắc khổ như thế này :

...Có thể nào qua Vạn Lý Trường Thành
Của hai vũ trụ chứa đầy bí mật...

(*Xa cách*)

Vì vội đến kiếm tìm nhau, tôi sẽ
Chỉ thấy người thương nhưng chẳng
thấy tình thương

http://tieulun.hopto.org

Và như màu theo nắng nhạt, như hương
Theo gió mất, tình người đà tản mác...

(*Dối trá*)

Người đọc thơ sau khi được nhà thi sĩ đưa tới động Đào Nguyên ảo huyền khoái trá với những câu :

Hơn một loài hoa đã rụng cành
Trong vườn sắc đỏ rũa màu xanh ;
Những luồng run rẩy rung rinh lá
Đôi nhánh khô gày xương mỏng manh.

(*Đây mùa thu tới*)

liền bị một anh chàng nghịch ngợm xô đẩy xuống cái tầm thường, xấu xa, chán nản bằng những câu :

Xuân đương tới nghĩa là xuân đương qua,
Xuân còn non nghĩa là xuân sẽ già,
Và xuân hết nghĩa là tôi cũng mất.
Lòng tôi rộng nhưng lượng trời cứ chật,
Không cho dài thời trẻ của nhân gian...

(*Vội vàng*)

Ông Xuân Diệu thường hô hào sự bỏ lối sáo cũ. Nhưng lắm khi ông đã mâu thuẫn, tự dối mình. Ấy là những khi ông chen vào tác phẩm những bài tai hại như bài *Hoa nở để mà tàn, Bài thơ tuổi nhỏ, Mùa thi, Mười chữ*, v.v.

...Hoa nở để mà tàn
Trăng non để mà khuyết
Bèo hợp để mà tan
Người gần để ly biệt...

Sao mà thật thà thế, dễ dãi thế ? Sao mà tồi thế ? Ông đã là người thiên chức, có công trạng đi hái những hoa thơm, cỏ lạ ở phương xa, đem về cho chúng tôi thưởng thức. Ông như chú khách Triều Tiên bán rong các kỷ vật cỏn con tỷ mỷ, những vật ấy rút từ trong bầu kín ra là làm cho đẹp mắt ngạc nhiên, thích trí. Nhưng nếu chú khách buôn kia mà lại trình cho ta một thổ sản thông thường của ta thì ta thấy như chú

http://tieulun.hopto.org

muốn lường gạt ta vậy. Bài thơ mà ông Xuân Diệu đã tiêu đề bằng một cách long trọng và kiêu căng *Mười chữ* nó như vầy :

Mưa dầm - thu dưới nguyệt,
Máng chảy - suối trên nhà.

Ấy đấy ! Mười chữ ! Quả mười chữ thật ! Không kém không dư và rất dễ nhận. Nhưng mười chữ ấy phỏng có ngụ ý gì cao xa, thâm thuý, hay là có một âm điệu gì lâm ly hùng tráng ? Thơ xưa ta vẫn có những câu :

Nước chảy - khe súc miệng
Mưa tuôn - núi gội đầu.

cũng là "mười chữ" ; hay là :

Đất e bể cạn bù thêm nước
Non sợ trời nghiêng, đỡ lấy mây

thì còn thú vị hơn biết bao nhiêu ? Khi thấy ông Xuân Diệu tiêu đề bài thơ ông như thế, trong trí người đọc tự nhiên sinh ra cái ý rằng bài thơ nhất định phải tuyệt tác, và nếu kém một chữ hay dư một chữ, nó sẽ hoá ra vô nghĩa ngay.

Đời xưa và cả đến đời nay cũng vậy có nhiều nhà trưởng giả có một tập quán quái gở lắm : răng họ rụng ra, họ đem gói gắm cất kỹ, móng tay họ cũng thế. Không phải vì họ mê tín, sợ khi chết về âm phủ, không đủ răng mà nhai hay không đủ móng tay mà gãi. Chỉ vì họ quá yêu họ đi ! Vật gì trong người họ lìa ra khỏi, là họ không nỡ bỏ rơi, bỏ rớt, bỏ tồi, bỏ tàn. Chỉ thiếu chút nữa là họ cất cả những vật thường ngày họ đi tiện mà thôi !

Ông Xuân Diệu cũng gần như mấy nhà trưởng giả ấy. Chỉ vì ông quá tiếc một vật mà óc não ông đã cấu tạo ra nên ông không nỡ bỏ nó đi, mặc dầu nó chỉ gồm có mười chữ, mười chữ sáo !

(In trong *Đời văn, tập II*, Hà Nội, 1939)

http://tieulun.hopto.org

MỘT VÀI Ý KIẾN VỀ TẬP THƠ "NGÔI SAO" CỦA XUÂN DIỆU

HOÀI THANH

Hai mươi năm trước, thơ Xuân Diệu là vào loại thơ tiêu biểu nhất của phong trào Thơ mới. Thơ Xuân Diệu nói lên cái khát vọng tận hưởng cuộc sống của người thanh niên trí thức hồi bấy giờ, đồng thời cũng nói lên cái cô đơn, cái bơ vơ, cái bất lực của một lớp người nhỏ bé tự tách mình ra khỏi cuộc sống lớn của quần chúng công nông.

Đến khi quần chúng vùng dậy làm cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng thì người làm thơ và nói chung người xem thơ đều một lòng đi với cách mạng. Thơ Xuân Diệu nói lên được tấm lòng chân thành ấy. Cách mạng càng tiến lên, Xuân Diệu càng thêm gắn bó với quần chúng nhất là với quần chúng nông dân, nhờ đó, thơ Xuân Diệu càng thêm chắc về nội dung tình cảm, thêm giản dị về điệu, về lời. Và đã có lúc chúng ta tưởng như gặp một Xuân Diệu hoàn toàn mới.

Nhưng cuộc đấu tranh giữa mới và cũ trong thơ Xuân Diệu cũng như trong con người của mỗi chúng ta là một cuộc đấu tranh gay go. Trong cái mới sao cho khỏi rơi rớt lại những cái cũ. Cái phần cũ tôi muốn nói cái phần sống sượng, lệch lạc, giả tạo trong thơ Xuân Diệu cũng còn nhiều. Nhưng hôm nay tôi không định nói về phần ấy. Tôi muốn nói về cái phần đứng đắn, chân thành trong thơ Xuân Diệu. Tôi nghĩ rằng phần này đáng chú ý hơn.

Tôi thấy ở Xuân Diệu một niềm yêu đời không biết của thời nào nhưng đậm đà và sâu sắc :

Đời đáng yêu - nhiều lúc có gì đâu...
- Miếng ván chênh kêu giữa nhịp cầu,
Một buổi chiều sương nghe chó sủa,
Sân hè thóc trải liệng bồ câu.

http://tieulun.hopto.org

Tôi vừa nói một niềm yêu đời không biết của thời nào vì thời nào thì đời cũng đáng yêu. Bọn phá hoại tàn bạo nhất cũng không bao giờ phá hoại được hết niềm vui lớn vẫn nằm trong cuộc sống. Hoàng Thế Nhân không ngăn được bữa cháo dưới gốc đa trong phim *Bạch Mao Nữ*. Mặc dầu có Mỹ - Diệm, ở miền Nam hoa vẫn nở và trai gái vẫn yêu nhau.

Nhưng thực ra cái vui của Xuân Diệu không phải không có màu sắc thời đại. Một buổi sáng nhìn vào bụi cây, Xuân Diệu thấy :

Đầu nho nhỏ,
Mắt hay hay,
Những chú chim con nói chuyện ngày.

Thời nào mà không có những cảnh ấy. Nhưng bụi cây đây là một bụi cây ở Việt Bắc. Và có lẽ cũng phải ở Việt Bắc, phải có cái vui lớn do cách mạng và kháng chiến đưa đến, nhà thơ nhiều tình cảm cô đơn là Xuân Diệu ngày trước bây giờ đây mới nhận ra cảnh này. Cho nên chính Xuân Diệu cũng không khỏi ngạc nhiên :

Ấy có những ngày cũng lạ !
Vui về từ đá từ cây.
Vui tự trong lòng trong dạ
Vui từ thiên hạ về đây.

Niềm vui ấy thực ra đã đến với chúng ta từ những ngày tháng Tám một mùa xuân mới trong đời sống của dân tộc và trong đời sống của mỗi chúng ta :

Xuân lạ lùng thay ! Tràn tiếng quân ca,
Đến mãnh liệt, vỡ cả bờ sống cũ

Cả "một thế kỷ mùa đông" vỡ tan tành và từ đó Xuân Diệu say sưa trong cuộc sống mới tưởng chừng như :

Rượu đổ trong cành leo, bụi quấn
Men đã trùm lên nội cỏ, đồng sương
Khắp ngõ khoai như có ý lên đường,
Suốt nụ lộc cũng ra chiều hể hả.

Đất nước Việt Nam dưới ngòi bút Xuân Diệu hiện ra chan chứa vui tươi và trìu mến :

http://tieulun.hopto.org

Từ Lạng Sơn cho đến chót Cà Mau
Qua Hải Vân sông núi ước mơ nhau,
Dưới sắc đỏ, đánh bản đàn hợp tấu.

Những cảnh thiên nhiên trên đất nước chúng ta rực rỡ và như quấn quýt lấy người :

Tôi sang rú Treo thấy biếc rừng thông
Đi khúc nữa, tôi giữa đồng lúa dịu :
Ôi cái cuộc bao vây huyền diệu
Những lá chè, lá mít, những lá cau !
Những lá chòm lá xóm đẹp như nhau !
Quay bốn phía, chỉ một màu : Đất nước.
Thoang thoảng hương cau lồng phía trước,
Rập rờn lá mít ánh đằng sau

Chúng ta bỗng nhớ lại những câu thơ nổi tiếng ca ngợi phong cảnh Hương Sơn và sung sướng mà nhận thấy rằng trong thời đại chúng ta qua một cơn đấu tranh gian khổ những cảnh đơn sơ, quen thuộc, cảnh vườn cau, khóm mít đã được nâng lên hàng những phong cảnh tuyệt vời. Chỗ nào giờ đây cũng là phong cảnh Hương Sơn.

Tình yêu quê hương gắn liền với tình yêu lãnh tụ. Xuân Diệu là một trong những nhà thơ có những câu thơ nói về Bác tương đối thành công. Xuân Diệu nói lên được cái lo lắng âu yếm đối với Bác gắn liền với nỗi xót xa vì những lầm lạc của mình :

Trên đầu tóc Bác sương ghi
Chắc đôi sợi đã bạc vì chúng con !

Xuân Diệu cũng là người đã có những lời thơ thấm thía về Đảng. Bài thơ tặng Đảng Xuân Diệu viết trong dịp chỉnh huấn là một bài đã có tác dụng nhiều :

Hôm nay hết học kỳ chỉnh Đảng
Thấy bốn phương ánh sáng ùa vào
Bước đầu tuy chửa là bao,
Nhưng nghe đã rộng, đã cao vô ngần.
...

http://tieulun.hopto.org

Lòng Đảng tựa núi xanh hùng vĩ,
Tôi xin theo chung thuỷ đến cùng.

Kế đó Xuân Diệu được đi vào quần chúng thực hiện chính sách ruộng đất của Đảng. Cũng như đối với nhiều anh chị em văn nghệ khác, với Xuân Diệu đây lại là một sự biến chuyển mới trong tư tưởng và trong thơ. Tuy cũng chỉ mới là bước đầu nhưng nhân dân lao động đã nghiễm nhiên bước vào thơ Xuân Diệu và nhà thơ đã dành cho những người bạn mới của mình một sự săn sóc mặn mà, chu đáo. Anh chú ý đến những em :

Nước bẩn đầm thân bé,
Mũi chảy quệt ngang tay.
Em cười rất thơ ngây
Nhìn thuyền trôi, đắc ý.

Anh thương xót bà cụ mù loà :

Nghèo không sắm nổi cái khăn
Khổ như trái bưởi chìm lăn, dập vùi.

Anh bắt đầu nhìn cái cổng nhà địa chủ với cái nhìn của nông dân :

Sớm khuya lam lũ một mình
Cổng ngăn thăm thẳm nuốt hình chị Dung.

Anh âu yếm theo dõi một bà mẹ đi dự Đại hội Nông dân với đứa con ngủ thiếp trên tay :

Tay mẹ còn khe khẽ
Quạt phơ phất cho con,
Con nghênh nghênh má tròn,
Sữa còn vương trên má.

Bỗng :

Con cựa mình mở mắt,
Mẹ bế xốc lên hôn.

Và nhà thơ thông cảm với bao nhiêu hy vọng kín đáo có lẽ cũng chưa rõ rệt lắm của bà mẹ nông dân :

Mẹ hãy còn rách vá,
Con đã được áo hoa,

http://tieulun.hopto.org

Cổ đỏ, áo hoa cà,
Mẹ dành cho con mặc.
Nửa đời người mẹ khổ
Nhưng con sẽ sướng vui
Ruộng đất đổi tay người
Nụ cười mai sẽ nở.

Có được sự thông cảm ấy là cũng bởi anh đã từng cùng với nông dân :

Móc đất đắp bờ, lội bùn bì bõm ;
Cơm khoai xẻ bát, giường nát chung nằm ;
Đèn hắt hiu khêu gợi uất ngàn năm.

Anh đã từng sống qua cái không khí :

Tiếng hô rần rật Đại hội Nông dân
Giữa đấu trường, tên địa chủ toàn thân
Như cái giẻ trước dân cày bão táp.

Sau đó ít lúc, anh lại trở về nơi anh đã từng tham gia phát động quần chúng. Cái cảnh về làng ríu rít đến vui. Bà con quấn quýt hỏi han, anh cũng chạy đến chỗ nọ chỗ kia, chú ý từng ly từng tý :

Băng vườn, tạt lối quanh co,
Thăm làng, thăm xóm, chuyện trò mừng sao ?
Nghe tin sản xuất nâng cao,
Mở năm lớp học, giếng đào được ba.
Hỏi thăm sức khoẻ gần xa,
Trẻ em hết ghẻ, cụ già lành ho.

Phải gắn bó với quần chúng nhiều mới có được những lời thơ bình dị mà mặn mà như vậy.

Tình yêu Tổ quốc, yêu đồng bào đưa Xuân Diệu đến tình yêu những bạn bè của nhân dân ta trên thế giới, nhất là tình yêu quý Liên Xô :

Ta đi tới Mạc Tư Khoa phía trước
Cơm áo, mặt trời, nụ cười, suối nước
Mộng nghìn xưa thành sự thực nên thơ.

http://tieulun.hopto.org

Xuân Diệu đã tìm được những câu rất đơn sơ mà cũng rất xứng đáng nói lên cái vĩ đại bình tĩnh của Liên Xô, của chúng ta trước cái đê tiện hung hăng của chúng nó :

Nó nuôi dịch hạch, thả vi trùng
Ta thì đào nối Vônga đông.

Thái độ đối với thù cũng là một ưu điểm của thơ Xuân Diệu. Tôi thích những bài thơ đả kích Xuân Diệu đã ném vào mặt chúng nó trên báo *Độc lập* và báo *Sự thật* vào khoảng cuối năm 1945 đầu 1946. Hồi bấy giờ một bọn bán nước dựa vào thế quân đội Tưởng Giới Thạch đã bắt đầu làm cái việc hiện chúng đang tiếp tục ở miền Nam, cố phá hoại tổng tuyển cử, phá hoại nền tự do của Tổ quốc. Hằng ngày chúng ỷ thế quân Tưởng, bắt cóc, giết người, đánh người. Chính Xuân Diệu cũng đã bị chúng hành hung. Anh kể lại một trò hề biểu tình của chúng nó :

Hô đều như thể... đũa so le
Bước mạnh như là người... thất chí.

Nhà thơ ghi vội một vài phản ứng của đồng bào để thay cho lời bình luận :

- Bà ơi ! Dắt cháu ngó kỳ quan !
- Mợ nó ngừng tay ra ngắm tý.

Kèm theo đám "biểu tình" có :

Vài ông mặc lính bước xa xa
Hộ vệ đám người đem nước bán.
(Lính mặc áo giả trang kia,
Không phải Việt Nam, thưa các bạn !)

Và bài thơ kết thúc bằng một câu hỏi sâu cay nó bóc trần mặt nạ Nguyễn Hải Thần tên trùm bán nước hồi bấy giờ :

Thuê người - hỏi thật - mấy quan kim ?
- Gớm ! Cứ loè nhau chi thế cụ !

Đối với bọn cướp nước lúc đó đã gây chiến ở miền Nam, cũng như đối với bọn bán nước đang giết hại đồng bào ở miền Bắc, thơ của Xuân Diệu chất chứa căm giận. Xuân Diệu kêu gọi chiến đấu :

http://tieulun.hopto.org

Ném đi ! Bắn đi ! Gươm giáo chém đi !
Chặt ngang thân loài cướp nước gian phi,
Lũ cỏ dại, bắn vào hàng ngũ chúng !

Lời thơ nghe sang sảng, thôi thúc như lời hịch.

*
* *

Cố nhiên chúng ta còn phải đòi hỏi nhiều ở Xuân Diệu, chúng ta muốn có nhiều chất chiến đấu, chất quần chúng hơn nữa trong thơ Xuân Diệu. Nhưng qua những bài thơ vừa trích dẫn trên đây Xuân Diệu đã có một bước tiến quan trọng. Nhìn rõ ai bạn ai thù và yêu bạn, ghét thù, cái chân lý rất đơn sơ mà rất lớn ấy của thời đại, đã thấm vào hành động vào tư tưởng của Xuân Diệu và cũng đã biến thành những lời có giá trị thơ. Bước tiến ấy chứng minh rằng Xuân Diệu đã có sự cố gắng chân thành và sức giáo dục của Đảng, của nhân dân thật là lớn.

(In trong báo *Văn nghệ*, số 122, 1956).

http://tieulun.hopto.org

TẬP THƠ "RIÊNG CHUNG"(*) CỦA XUÂN DIỆU

PHAN CỰ ĐỆ

MƯỜI LĂM NĂM ÂN TÌNH CỦA ĐẢNG

Trong những nhà thơ lớp trước chuyển mình tham gia cách mạng, Xuân Diệu là một trong những người gắn bó với Đảng, với chế độ một cách chân thành. Xuân Diệu có ý thức rõ ràng về trách nhiệm người thi sĩ trong chế độ mới :

Tôi biết tôi người lính trong hàng trận
Không phải gậy toè đầu, mà mũi tên vót nhọn,
Không phải sỏi lăn lóc, mà viên gạch xây nhà.

Xuân Diệu cũng tự biết rằng một thi sĩ trước Cách mạng mà muốn trở thành "một thi sĩ trong cách mạng, của cách mạng", đó không phải là một việc dễ dàng. Nhưng Xuân Diệu đã có một thái độ rất dứt khoát, muốn ra sao cũng phải gắn chặt hành động thơ với lý tưởng cách mạng. Làm thơ về những chủ đề trước đây mình chưa quen, chưa có vốn tư tưởng và tình cảm đầy đủ, tránh sao được khỏi những chuệch choạc khô khan, trừu tượng ? Nhưng dù tự thấy rằng thơ mình lắm lúc còn yếu, còn gượng, "hình thức có hơi non một tý", Xuân Diệu vẫn tự nhủ rằng hãy cứ làm đi, "coi mỗi bài thơ của mình là một cái bước, một nấc thang, những bài thơ về sau sẽ vượt qua những bài thơ trước mà đi dần đến thành tựu"... Xuân Diệu đã đem hết sức mình làm thơ ca ngợi Đảng và chế độ, nói lên niềm vui sướng hân hoan trước những thành quả của cách mạng, phục vụ kịp thời những nhiệm vụ đấu tranh trong kháng chiến, trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh giải phóng miền Nam. Sự cố gắng kiên trì của Xuân Diệu đã mang lại kết quả : nhiều bài trong tập *Riêng chung* đã gây được cảm tình với người đọc bằng cái nhiệt tình cách mạng nồng nàn và sâu sắc của nhà thơ.

(*) Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1960.

http://tieulun.hopto.org

Đặc biệt Xuân Diệu đã có những bài thơ ca ngợi Đảng thắm thiết lạ thường. Nhà thơ đã tìm được một hình ảnh rất đúng, rất đẹp để nói lên cái vĩ đại lạ lùng của Đảng : *Gánh*.

Đảng như "một người chất vạn gánh trên vai", "ba mươi năm hết chuyến rồi lại chuyến" ! Đảng lo từ việc lớn đến việc nhỏ, lo từ lá rau, hạt muối đến việc chống lụt, hạn, chống nạn mù chữ, v.v.

Riêng đối với nhà thơ, công ơn của Đảng lại càng chí tình :

Đảng cho tôi xương sống của tâm hồn
Một rễ xâu các tế bào rời rã
Một tiếng gọi của biển người sâu cả
Đã vào làm cốt lõi của tim tôi...
Đảng đã cho tôi đứng thẳng làm người
Đường Đảng tôi đi, rộng mãi chân trời.

Ca ngợi chế độ, Xuân Diệu luôn luôn nhắc đến cuộc đời sầu khổ ngày trước của nhân dân cũng như của bản thân, và vạch rõ rằng chỉ có chế độ ta mới đem lại tự do, hạnh phúc và tình người lại cho con người (*Lệ, Mười lăm năm,...*). Bởi vậy, anh rất dứt khoát trong tình cảm của anh đối với chế độ. Mặc dù bọn phá hoại "la ó", "kêu rêu lá rụng hoa tàn", nhà thơ cất cao giọng "thẳng thắn ngợi ca nền chuyên chính" (bài *Chuyên chính vô sản*). Anh không ngần ngại làm thơ về những đề tài có tính chất thời sự như một thứ hàng quốc doanh mới sản xuất, một nhà máy mới xây, v.v. để qua những sự kiện mới đến trong cuộc sống, tuy "tầm thường" nhưng nhiều ý nghĩa ấy, mà biểu thị lòng tin yêu ở chế độ, sẵn sàng hân hoan, chào đón tất cả những gì mà chế độ mang lại (*Bia Việt Nam, Trước cổng nhà máy xay Nam Định, Trồng cây*, v.v.).

Mười lăm năm qua, Xuân Diệu đã gắn liền với Đảng, chế độ, đã "chia với nhân dân cay đắng ngọt bùi", "như gỗ thuyền ăn chịu cùng muối biển". Đến bây giờ thì giữa nhà thơ với Đảng với chế độ "đã thành xương thành thịt của nhau, không gì tách ra được nữa"...

Sự gắn bó mật thiết đó giữa nhà thơ với cách mạng đã giúp cho Xuân Diệu có một cái nhìn trẻ trung đối với cuộc sống. Bao nhiêu năm qua tuy nhà thơ "bớt vẻ tơ tằm" nhưng cuộc sống trong thơ Xuân Diệu "vẫn má đào hơ hớ" ! Ngày xưa thơ của anh đậm đà một mối tình đối với thiên nhiên, hoa cỏ, bốn mùa. Nhưng thiên nhiên đất nước trong thơ

http://tieulun.hopto.org

xưa đượm một nỗi buồn, một vẻ đìu hiu của tâm hồn Xuân Diệu... Ngày nay thiên nhiên, đất nước trong thơ Xuân Diệu đẹp đẽ lộng lẫy và mạnh khoẻ lạ thường. Nhà thơ say sưa với hình ảnh đất nước đang xây dựng :

Khắp nơi trên những đường tôi đi
Tôi đã nghe xao xuyến rầm rì
Ngói mới.

Trong thơ Xuân Diệu, Tổ quốc như bà "mẹ áo xanh" ngày càng đẹp lên vì những hàng cây mới : cây muỗm bên chùa cổ, cây đa mát cả đồng, "rặng liễu xanh như những nét mày", hàng tre xa thẳm ở chân trời như vệt mây...

Nhưng không chỉ nói thiên nhiên, Xuân Diệu còn nói đến những con người, nhất là những đồng bào đã cùng nhà thơ "chia ngọt xẻ bùi" trong những năm kháng chiến. Đó là "cụ Muỗi" ở Tuyên Quang, đó là những bà mẹ đi hàng mười lăm cây số để đến thăm những lớp học của anh em văn nghệ sĩ... Nói đến những hình ảnh quen thuộc đó, thơ Xuân Diệu ấm cúng lạ thường. Thật là "thấm nghĩa nặng tình" !

Lòng yêu người cũng như yêu thiên nhiên trong thơ Xuân Diệu bây giờ, sở dĩ có một nội dung mới, chính là vì cách mạng đã dần dần thay đổi tâm hồn nhà thơ, đem đến cho nhà thơ những tư tưởng và tình cảm mới.

NỖI NIỀM RIÊNG CHUNG

Xuân Diệu đặt tên cho tập thơ mới ra là *Riêng chung* "ý nói chế độ ta là hoà cá nhân vào tập thể, lấy tập thể giúp cho sự phát triển của mỗi cá nhân, tập thể nhất định không xoá những cá nhân (còn cá nhân chủ nghĩa thì phải xoá) ; và trong tập thơ, cũng có một số bài nói chuyện riêng, nhưng riêng ấy, theo ý tôi vẫn có ý nghĩa chung"[1].

Qua tập thơ ta thấy Xuân Diệu đã cố gắng hoà cái riêng vào cái chung, nâng cái "tôi" cho khớp với cái "ta" của thời đại. Những kỷ niệm, những tâm tư của Xuân Diệu cũng là những lo lắng, vui buồn của số đông người trong chúng ta.

Lệ là một bài thơ xúc cảm chân thành nói lên sự chuyển hướng của thi sĩ từ chế độ cũ qua chế độ mới. Nhà thơ nhắc đến những giọt lệ

---

(1) *Nghiên cứu Văn học*, số 10 - 1960.

http://tieulun.hopto.org

đau buồn ngày xưa, lúc ấy "kho của cải" của người thi sĩ "chỉ còn hàng lệ ngọc" và "khóc là ngôn ngữ để tỏ yêu đương". Bây giờ thỉnh thoảng nhà thơ cũng bị xúc động đến tràn lệ. Nhưng không phải là giọt lệ tê tái, bùi ngùi của ngày xưa mà là giọt lệ bắt nguồn "từ bao la vĩ đại, từ nghĩa lớn của nhân quần sông núi". Có được những giọt lệ "sung sướng", "chan chứa tình người" đó là nhờ công ơn của Đảng, của chế độ.

Tâm trạng "riêng" của Xuân Diệu trên đây đồng thời cũng là tâm trạng "chung" của khá đông những người nghệ sĩ, trí thức cũ chuyển mình đi theo cách mạng.

Thi sĩ Xuân Diệu có những kỷ niệm riêng về miền Nam. Nhà thơ nhớ "một vườn xoài trưa nắng" khi còn nhỏ, "nhớ quê Nam", nhớ con sông Gò Bồi, nhớ Tháp Chàm Bình Định, nhớ chợ búa đến đò khu Năm. Nỗi "nhớ" đó của Xuân Diệu cũng là nỗi niềm của những người miền Nam trên đất Bắc. Ngay cả cái câu chuyện "Cha đàng ngoài mẹ ở đàng trong" là chuyện "riêng" của nhà thơ, nhưng sao ta thấy gần gũi với chúng ta. Bài thơ có một cái gì ấm áp của tình cảm dân tộc, của tình cảm thống nhất.

Trong tập thơ *Riêng chung* có một chùm thơ nói về tình yêu. Đã lâu lắm không thấy Xuân Diệu làm thơ tình yêu. Người ta đón chờ... và, khá đông thanh niên đã bắt gặp nỗi lòng băn khoăn của mình trong bài thơ tình yêu có dáng dấp ca dao : *Hỏi*. Nhưng trong những bài khác, tình yêu của Xuân Diệu có một vẻ gì "riêng"quá, nó vẫn như còn vướng vất cái hắt hiu của thơ tình ngày trước, thấy tình yêu là một thứ hạnh phúc khó khăn, mong manh quá, nên vừa yêu vừa khắc khoải tự giày vò mình... (*Nhớ em, Phượng mười năm,...*). Những bài thơ ấy có lẽ không hợp cho lắm với tâm trạng yêu đương của thanh niên bây giờ. Chế độ ta đảm bảo thật sự cho họ quyền tự do yêu đương nên họ yêu một cách tự nhiên, thoải mái, gắn bó với xã hội hơn. Chính Xuân Diệu cũng phải nhận : "Họ lại càng yêu nhau hơn chục năm về trước". Tuy vậy, người ta đều biết rằng tình yêu là một chuyện kỳ diệu, nó đến trong lòng mỗi người, biểu hiện ở mỗi người một khác, không ai tự mình muốn thế này thế kia được... Trừ những người chưa thật biết yêu bao giờ, không ai lại hẹp hòi bắt bẻ Xuân Diệu sao lại yêu và nói chuyện yêu trong thơ một cách "riêng" như vậy. Tình yêu bao giờ chẳng là chuyện "riêng" ? Vấn đề chỉ đặt ra khi nào cần xét thái độ của người đang yêu trong cách

http://tieulun.hopto.org

giải quyết quan hệ giữa tình yêu và nhiệm vụ xã hội, giữa cái "riêng" và cái "chung". Trong những bài thơ tình của Xuân Diệu, có một bài nhỏ : *Em đến chơi*, trong đó Xuân Diệu tả nỗi lòng của một đôi bạn tình đến gặp nhau đúng vào một ngày mà tin vỡ đê đang làm cả nước lo lắng. Yêu nhau thì yêu nhau thật, nhưng "hạnh phúc hôm nay sao lại như không nỡ". Chính vì gắn bó như xương thịt với nhân dân, với chế độ, nên gặp lúc cần phải so sánh, thì cái vui "riêng" phải đặt sau cái lo "chung" của xã hội. Như vậy, ngay cả trong tình yêu là một địa hạt dễ có va vấp nhất giữa "riêng" và "chung", người ta thấy rõ ràng là Xuân Diệu cũng đã tự xác định trên nhận thức về mối quan hệ đúng đắn giữa cái "riêng" và cái "chung" rồi !

Trong tập thơ *Riêng chung*, có vấn đề gì khả dĩ gây được một nỗi niềm tâm sự cần phải giải quyết giữa cái "riêng" và cái "chung" như tên tập thơ đã gợi ra cho người ta hay không ? Chúng tôi chưa thấy rõ lắm.

ĐI SÂU HƠN NỮA VÀO ĐỜI SỐNG THỰC TẾ

Theo chúng tôi nghĩ thì có một vấn đề mà tập thơ *Riêng chung* đặt ra, không biết có liên quan gì với vấn đề nhà thơ muốn giải quyết hay không, nhưng đứng về lợi ích sáng tác của Xuân Diệu cũng như các bạn thi sĩ khác bây giờ nó vẫn cứ là một vấn đề cần tiếp tục giải quyết : đó là làm sao thâm nhập hơn nữa vào cuộc sống của quần chúng nhân dân, để không còn khoảng cách xa nữa giữa chủ quan của mình với yêu cầu khách quan của xã hội, của thời đại.

Xuân Diệu chân thành ngợi ca những cái đẹp của chế độ, những thành quả của cách mạng. Nhưng phải nói rằng thơ anh thành công nhất mới ở những bài nói lên tấm lòng chân thành của anh tràn đầy niềm tin yêu, biết ơn vô hạn đối với cuộc sống bây giờ, đối với Đảng, với chế độ. Anh say mê với rừng cây mới trồng như chiếc "áo xanh êm ái" phủ lên mình Tổ quốc, anh ca ngợi những cốc bia "vàng như đồng lúa chín", anh muốn phóng tầm mắt lên cao, "cao xây dựng", anh cám ơn người dân cày đã cho anh "bơi biển lúa, bơi, bơi, khoái trá lạ thường...". Nhà thơ nói đến cái đẹp với tư cách của một người ca ngợi, nhưng còn đứng ngoài mà ca ngợi. Nhà thơ chưa nói lên được những nỗi vất vả, những băn khoăn, những vui sướng của người lao động mồ hôi nước mắt đang xây dựng chế độ. Anh vẫn còn "tựa cổng - đứng chơi, nhìn vào nhà máy với nhìn trời", anh chưa hoà làm một với người công nhân máy xay,

http://tieulun.hopto.org

với người trồng cây, với người lo lắng từng giờ từng phút chăm sóc cho hạt lúa. Anh yêu mến họ, anh biết ơn họ, nhưng, ở một mức độ cần thiết, anh chưa thật là họ.

Phần lớn thơ của Xuân Diệu là những bài thơ trữ tình đậm đà tính chất lãng mạn cách mạng. Nhưng lãng mạn cách mạng ở đây, có những lúc, chưa bắt nguồn được từ một cơ sở hiện thực sâu sắc. Chúng tôi muốn nói : Xuân Diệu hãy còn chưa sống thật đầy đủ với những con người mới đang xây dựng chủ nghĩa xã hội. Vì thế, trong tập *Riêng chung* có một số bài thơ còn suy luận trừu tượng, mới dừng lại ở khái niệm. Điều này, trước ai hết, chính Xuân Diệu cũng đã nhận thấy và đã tự tìm cách giải quyết, là hãy cố gắng : "Lao động, lao động và lao động". Chúng tôi nghĩ : điều đó không phải là lỗi ở trình độ nghệ thuật của nhà thơ mà chính là biểu hiện của một vốn sống còn bị hạn chế. Nhà thơ rất yêu mến quần chúng nhân dân lao động, nhưng chưa thâm nhập vào cuộc sống đấu tranh lao động của họ để tích luỹ đầy đủ những tư tưởng và tình cảm của những người thật sự mới trong xã hội bây giờ...

Vấn đề đặt ra ở Xuân Diệu, cũng như ở một số nhà thơ khác hiện nay, là phải đi sâu hơn nữa vào cuộc sống của những con người mới, dù là có nói về mình cũng đồng thời nói lên tư tưởng, tình cảm, tâm tư của họ, do đó mới giúp ích cho họ nhiều hơn trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Một mặt đi sâu vào quần chúng, một mặt nhà thơ còn phải cố gắng diễn đạt bằng lối suy nghĩ và ngôn ngữ của quần chúng. Trong *Riêng và chung* có một số bài lối suy nghĩ hơi cầu kỳ ("Mẹ cùng con xây dựng cái bây giờ"). Có những câu thơ đọc lên nghe trúc trắc, khó nhớ vì chưa thật chú ý đến nhịp điệu (*Vô sản chuyên chính, Gánh, Chặt cái bùi ngùi*).

Giữ được bản sắc dân tộc thì thơ mới đi sâu được vào lòng người đọc.

Chúng ta hy vọng rồi đây, khi thi sĩ đi sâu hơn nữa vào cuộc sống mới, vườn thơ Xuân Diệu sẽ thơm ngát một mùa hoa mới, ấm cúng và "chan chứa tình người".

(In trong *Cuộc sống và tiếng nói nghệ thuật*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1972)

http://tieulun.hopto.org

TẬP THƠ "HỒN TÔI ĐÔI CÁNH"(*) CỦA XUÂN DIỆU

HỒNG DIỆU

Với *Hồn tôi đôi cánh*, thơ Xuân Diệu vẫn phong phú và đa dạng. Nhưng có thể coi nó gồm hai mảng đề tài chính : đề tài về đất nước và con người, và đề tài về tình yêu, từ *tình yêu* ta vẫn dùng để chỉ tình yêu lứa đôi, trai gái...

Nhiều bài về đất nước về con người tiếp tục chứng minh cho một chủ trương tích cực mà Xuân Diệu đề xướng và được nhiều người ủng hộ là mở rộng cửa cho cuộc sống vào thơ. Anh kiên trì đi theo con đường này và có những thành công đáng kể.

Tuy nhiên, phải nói ngay rằng thơ Xuân Diệu nhiều lúc còn ngổn ngang, bề bộn những chi tiết mà nhẹ về tình cảm. Hãy đọc mấy câu thơ này trong *Bài thơ những đồ hộp hoa quả* :

Dưa chuột phải non xanh, cùi dày, hạt nhỏ.
Không lấy cong queo, xây xát, bầm dập, sâu thối,
vàng úa, ong châm.
Một hộp dưa chuột : nước, cái bao nhiêu ;
Màu quả phải óng vàng, không được quả này đen,
quả kia trắng ;
Trong một phân khối cho phép còn mấy con vi trùng !
Không được một sợi tóc rơi vào, một hạt cát sẽ thành
đá nặng.

Rõ ràng ở đây, xét về chất thơ, không có hiệu quả nghệ thuật. Một vài bài khác rơi vào tình trạng ca ngợi chung chung như *Cồn Cỏ* hoặc như *Trẻ em với Bác Hồ*,...

(*) Nhà xuất bản Văn học, Hà Nội, 1976.

http://tieulun.hopto.org

Những lúc chín trong cảm xúc, Xuân Diệu có những ý thơ hay. Anh phát hiện và tiếp nhận được nhiều hương vị trong ngụm nước chè :

Chè Suối Giàng - tôi nâng lên môi
Chát sao ngẫm nghĩ hoá ra bùi
Ngậm càng đậm ngọt dư vang mãi...

Nhà thơ làm xúc động người đọc trong những ý mà ta đã từng nghe ở nơi này nơi khác :

Giết ông cụ bảy mươi hai tuổi,
Chơi cắt râu mà chặt cả cằm !
Giết bà cụ đã mù hai mắt
Chết khi còn sờ soạng tối tăm

Ôi ! Mương kênh xác chồng năm lớp
Anh giải phóng quân ơi, thảm thiết dường này !
Bé tám tháng ngồi trong máu ngập
Nào hiểu gì, đập đập hai tay.

Những câu như thế làm người đọc dễ cảm thông với Xuân Diệu khi nhà thơ được trở lại *Miền Nam quê ngoại* sau ba mươi năm xa cách, *Về thăm chị Bốn trên Plây Cu*, say với *Hương bắp ở Tuyên Hoá*, và một quả *Xoài Thanh Ca Bình Định* ngọt giòn... Chùm thơ viết sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng chứa đầy kỷ niệm, có chắt lọc.

Xuân Diệu vẫn gây được hứng thú cho người đọc ở những bài thơ tình. Viết nhiều về một đề tài, dù đề tài ấy là vĩnh cửu và hấp dẫn đến đâu cũng thường gặp nhiều khó khăn, sao cho không lặp lại người khác, sao cho không lặp lại chính mình. Xuân Diệu thì xưa nay đều làm nhiều thơ tình, và mỗi thời kỳ đều có bài hay. Trong thơ tình, Xuân Diệu cũng "sáu mươi tuổi vẫn một ngày tuổi trẻ" như anh đã viết về tình yêu của Aragon. Chiều sâu tâm trạng trong thơ tình của anh được gắn với không gian vô biên, thời gian vô tận. Thơ tình Xuân Diệu có sự chăm sóc, chiều chuộng giữa hai người, và diện quan hệ rộng mở từ hai người đến nhiều người. Một số bài như *Mùa thu vàng sáng* có sự đồng cảm giữa tình yêu với đất trời vô tình, *Chớm sang vị hè* và *Đêm trăng đường Láng* hoà cái say của tình yêu với cái mê của khí trời, cây cỏ.

http://tieulun.hopto.org

Trong *Hồn tôi đôi cánh*, có sự gắn bó, hài hoà giữa tình yêu với thiên nhiên đất nước. Thiên nhiên đất nước làm cho tình yêu đậm đà hương sắc, và tình yêu như cũng làm cho thiên nhiên đất nước thêm phần xinh đẹp. Khi những người yêu "đến giữa thiên nhiên" :

Tuyệt vời biếc núi xanh non
Hoa thêm tinh mới, trăng còn ngát thơm.

hoặc :

Nhẹ nhàng gió thổi tháng ba
Trong hơi thanh mát có hoà nồng say
Xuân còn, hè đã thoảng bay
Một niềm xa vợi ngất ngây khí trời...

Xuân Diệu là nhà thơ rất coi trọng nhạc điệu. Mấy câu sau đây trong bài *Nhớ mãi như in*, vần dính với vần, âm thanh quấn quýt :

Anh hãy còn nhớ mãi như in
Phút thần tiên anh được em nhìn
Em hoa niên đầu tiên gặp gỡ
Đêm êm đềm gió đỡ trăng lên.

Có khi, một câu nói, một cách nói của Xuân Diệu tác động mạnh đến người đọc, làm cho ý thơ nổi bật lên như hai câu cuối của bài *Em làm bếp* :

Em có tài nấu nướng
Anh có tài ngợi khen

Xuân Diệu cũng hay gợi cảm bằng cách sử dụng những từ sóng đôi mà ta đã gặp từ lâu (như ở *Thơ duyên*, 1939 : "Con đường nhỏ nhỏ gió xiêu xiêu - Lả tả cành hoang nắng trở chiều"). Trong *Hồn tôi đôi cánh*, thủ pháp này được dùng khá nhiều, nhất là những từ tượng thanh và tượng hình :

Đường tình đã nở hoa xoan
Lao xao gió gợn, hân hoan lá chờ
Trên cao ngan ngát hương đưa
Em ơi, tim tím mơ mờ chùm hoa

http://tieulun.hopto.org

Nhà thơ cũng rất hay thay đổi vị trí các từ so với cách xếp đặt thông thường, làm cho màu sắc, hương vị, kích thước,... tăng lên nhiều lần giá trị vốn có của nó. Chẳng hạn :

Em cười, đôi ngọc mắt đen

hay :

Biếc trời, trong nước, xa thanh núi
Cao rộng tình ta rực ráng chiều

Có những khi, việc sử dụng các từ sóng đôi và sắp xếp lại trật tự các từ được kết hợp trong một dòng thơ, làm cho câu thơ rất có duyên :

Bồi hồi sóng nước, bâng khuâng gió
Đầm đậm cá chuồn, thơm thơm khoai

Tuy nhiên, cũng có lúc người đọc lấy làm lạ, một ngòi bút đã viết những câu như thế mà còn để những tì vết lẽ ra không thể có.

Câu nói của Lênin : "Chủ nghĩa cộng sản là các Xô viết cộng với điện khí hoá cả nước" đã có hai lần nhà thơ diễn đạt lại, theo tôi đều hỏng. Lần thứ nhất :

Chủ nghĩa cộng sản là Xô viết cộng với điện
bừng cả nước,

và lần này :

Điện bừng cả nước sao sa
Cộng cùng vững chãi về ta chính quyền (!)

Lại như mở đầu *Bài thơ những đồ hộp hoa quả* nhà thơ viết :

Tôi muốn ôm cả vườn dứa chín siết chặt vào
giữa hai tay
Dù gai dứa đâm đau, tôi vẫn sáng cười hể hả

thì anh đã quá đà, làm giảm lòng tin của người đọc với tình cảm nhà thơ. Còn như câu *Đường cát, đường phèn, đường phổi hát ca* thì việc *hát ca* của các loại đường nghe không được sướng tai, dù hát ca dưới đất trời Quảng Ngãi giải phóng.

Tôi rất lạ, khi thấy một nhà thơ tinh tế và rất có ý thức trong việc chọn chữ, đặt câu như Xuân Diệu mà có chỗ sơ ý, rất sơ ý. Có một lần, nhà thơ trích hai câu thơ này của một người làm thơ trẻ :

http://tieulun.hopto.org

... Ta yêu lắm cửa sông mình thắm đỏ
suốt bốn mùa phù sa

và viết một cách gay gắt như sau : "Người viết thơ đã quá vô ý tứ... Ai là người Việt Nam, hiểu ngôn ngữ Việt Nam, tất cũng biết hai chữ "cửa mình" nghĩa là cái gì ; khi hạ chữ "cửa mình" ở trong cùng một câu với hai chữ "thắm đỏ" thì lại càng phải chú ý, phải vô hạn ý tứ, không được phép vô ý tứ ! Ấy thế mà người làm thơ nói về dòng sông, lại hạ một câu *Ta yêu lắm cửa sông mình thắm đỏ...*". Đó là tôi mới trích vài dòng, chứ phê phán câu thơ này, nhà thơ còn viết hàng trang(*). Trong khi đó, chính nhà thơ Xuân Diệu chứ không ai khác, đã có câu thơ không khác bao nhiêu so với câu thơ mà anh chỉ trích trên kia, câu thơ trong bài *Bão giải phóng ở miền Nam* :

Ta còn phải đi đến Quy Nhơn, cửa biển tức mình hãy còn
đập sóng(!)...

Có thể nói, so với các tập thơ trước của Xuân Diệu, cái hay trong *Hồn tôi đôi cánh* thường nằm trong chi tiết, trong từng ý, từng đoạn hơn là ở toàn bài. Tập thơ ít có những bài tương tự *Mũi Cà Mau*, hay *Quả sấu non trên cao...* là những bài người ta thường nhắc nhiều. Đành rằng, ngay đối với những tài thơ cỡ thế giới không phải bài nào cũng "Lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu" cả, nhưng vấn đề là tỷ lệ. Những "người lính trung bình" (chữ dùng của Xuân Diệu) trong tập thơ này còn nhiều. Và cũng nói theo anh, "rễ cúc" tất "hăng mùi cúc", nhưng lẽ đời, bao giờ người ta cũng thích hoa hơn thích rễ.

1977
(In trong báo Văn nghệ, số 8 năm 1978)

(*) Bài viết này tên là *Bàn về chất lượng của thơ*, đăng nhiều kỳ trên báo *Văn nghệ* nửa đầu năm 1977, sau còn đưa vào tập phê bình và tiểu luận *Công việc làm thơ*, NXB Văn học, Hà Nội, 1984.

http://tieulun.hopto.org

XUÂN DIỆU NÓI VỀ HAI TẬP "THƠ THƠ" VÀ "GỬI HƯƠNG CHO GIÓ"

HÀ MINH ĐỨC

Trong phong trào Thơ mới, thường một số nhà thơ nổi lên với một tập thơ tiêu biểu : Thế Lữ với *Mấy vần thơ*, Lưu Trọng Lư với *Tiếng thu*, Huy Cận với *Lửa thiêng*, Tế Hanh với *Hoa niên*, Anh Thơ với *Bức tranh quê*... Riêng với Xuân Diệu thì hai tập *Thơ thơ* (1938) và *Gửi hương cho gió* (1944) đều có giá trị, góp phần tạo nên phong cách Xuân Diệu, nhà thơ số một của phong trào Thơ mới thời thịnh kỳ. Ở mỗi tập thơ đều có những bài hay, tiêu biểu cho thơ Xuân Diệu. *Thơ thơ* có *Đây mùa thu tới*, *Tương tư chiều*, *Vội vàng*... và *Gửi hương cho gió* có *Lời kỹ nữ*, *Nguyệt cầm*, *Buồn trăng*...

Nhận xét về hai tập thơ, nhà thơ Huy Cận cho rằng : "Hai tác phẩm bổ sung cho nhau để tạo nên hồn thơ Xuân Diệu. Nói *Thơ thơ* hơn *Gửi hương cho gió* là không đúng vì nghệ thuật của *Gửi hương cho gió* chín hơn. Ngược lại cũng không thể nói *Gửi hương cho gió* hay hơn *Thơ thơ*. *Thơ thơ* có nhiều chất non tơ, rạo rực, thiết tha, và hồn thơ trong trẻo. *Gửi hương cho gió* đằm như than hồng phủ một lớp tro mỏng và cũng có xen vị đắng cay trong tình đời và tình yêu".

Nhà thơ Tế Hanh xem "*Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió* là một mạch. Xuân Diệu có dự trữ. Trong *Thơ thơ* đã giới thiệu *Gửi hương cho gió*, tuy tập sách phải sáu năm sau mới ra đời. *Gửi hương cho gió* ra đời khi không khí xã hội đã có nhiều biến chuyển chuẩn bị cho thời kỳ Cách mạng tháng Tám. *Thơ thơ* có hương vị của tập thơ đầu tươi trẻ, *Gửi hương cho gió* đằm sâu, thiết tha".

Nhà thơ Nguyễn Xuân Sanh cho rằng : "*Thơ thơ* ra đời trong tâm lý chờ đợi của xã hội và được hoan nghênh đặc biệt. *Gửi hương cho gió* không có được không khí xã hội đó. Thực chất đây là hai tập thơ hay của hai thời kỳ nhưng có chung một phong cách. Rất khó để nói tập nào

http://tieulun.hopto.org

hơn tập nào. Ở tập đầu rạo rực tươi trẻ, ở tập sau méditations của Diệu sâu hơn".

Trong những lần gặp gỡ Xuân Diệu để tìm hiểu những sáng tác của anh, Xuân Diệu đã kể, đã phân tích về nhiều bài thơ ở cả hai giai đoạn trước và sau Cách mạng. Có lần tôi hỏi anh ý kiến nhận định, đánh giá của tác giả về hai tập thơ *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió*. Xuân Diệu trả lời : "Cả hai đều là những đứa con tinh thần yêu quý của mình. Thật cũng khó để nhận xét. Hai tập đi liền mạch. *Thơ thơ* là premier jet, non tơ hơn. *Gửi hương cho gió* chín hơn, già dặn hơn. Bài hay nằm trong *Thơ thơ* nhiều : *Nụ cười xuân, Đây mùa thu tới, Vội vàng, Tương tư chiều, Ca tụng, Thơ duyên, Cảm xúc*. Tuy nhiên trong *Gửi hương cho gió* lại có những bài chín hơn về nghệ thuật, *Lời kỹ nữ* là bài hay nhất trong *Gửi hương cho gió*. *Nguyệt cầm* tinh vi và cao cường quá, phải láy luyến từng chữ, như từng nốt đàn". Xuân Diệu luôn bị ám ảnh bởi không gian và thời gian. Không gian và thời gian trong *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió* là không gian và thời gian của cuộc đời và trí tưởng tượng. Nói như Thế Lữ, lầu thơ Xuân Diệu xây dựng ngay trên đời Xuân Diệu không đi xa. Xuân Diệu ở ngay trong đời, vì thế không gian và thời gian của Xuân Diệu mang tính chất trần thế. Cả hai trăm bài thơ tình cũng bị thời gian và không gian ám ảnh. *Vội vàng, Giục giã* nói được sự trôi chảy của thời gian và cũng là sự trôi chảy của kiếp người ngắn ngủi. Tuổi trẻ và năm tháng yêu đương là thời gian của sự sống, thời gian thắm tươi, thời gian có ý nghĩa... *Buồn trăng* lớn vì gắn và tạo được không gian". Nói rồi Xuân Diệu ngâm nga :

Huy hoàng trăng rộng nguy nga gió
Xanh biếc trời cao bạc đất bằng

và anh nói tiếp "Cái không gian như ở ngoài cõi đời náo động" :

Trăng ngà lặng lẽ buông như tuyết
Trong suốt không gian tịch mịch đời

và bài kết lại ở một ý thơ về thời gian :

Hoa bưởi thơm rồi đêm đã khuya

Sử dụng không gian và thời gian là một vấn đề tinh vi của nghệ thuật thơ.

http://tieulun.hopto.org

Chúng ta nay trong cuộc thế ao tù
Đốt điếu thuốc chiêu hồn sương quá khứ

Chỉ hai câu thơ đã là hai phạm trù không gian và thời gian. *Lời kỹ nữ, Nguyệt cầm, Buồn trăng* là những bài thơ hay của *Gửi hương cho gió*. *Thu* cũng rất hay. *Thơ thơ* còn là búp, tơ non, hấp dẫn hơn. Còn *Gửi hương cho gió* lại lắng đọng hơn. Cũng có thể nói mỗi tập thơ có floraison riêng nhưng gần gũi nhau. Lúc mệt thích *Thơ thơ*, lúc khoẻ thích *Gửi hương cho gió*. Cũng phải chú ý tới atmosphère của từng tập. Huy Cận bảo : "Xuân Diệu tạo atmosphère rất giỏi. Chỉ hai câu thơ :

Con đường nhỏ nhỏ gió xiêu xiêu
Lả lả cành hoang nắng trở chiều

đã nói được không khí quyến luyến của cảnh vật".

"Atmosphère của *Thơ thơ* thanh thoát nhẹ nhàng, còn atmosphère của *Gửi hương cho gió* nặng nề hơn và nó cũng phản ánh không khí xã hội. Như trong bài *Hè* mình viết :

Tiếng gà gáy buồn nghe như máu ứa
Chết không gian khô héo cả hồn cao !
Thắm tuyệt vọng hai hàng bông phượng lửa :
Thê lương đời như trải mấy binh đao.

Thực ra thì nhà thơ đã không công bằng khi nói về mùa hè".

Tôi nói xen ngang vào : "Trong *Thơ thơ* có bài *Đây mùa thu tới* và trong *Gửi hương cho gió* có bài thơ *Thu*. Cả hai đều rất hay. Tôi nghĩ có lẽ cảm hứng nghệ thuật của anh thích hợp hơn với cái đẹp, cái buồn của mùa thu".

- Cũng có thể. Tuy nhiên không thể viết về mùa hè một cách thiếu khách quan như thế, tâm trạng của người viết không phản ánh được cái khoẻ cái đẹp của ngày hè".

Xuân Diệu ngồi lặng im và như đang tưởng nhớ về những ngày xa. Đã trên ba mươi năm trôi qua[1] kể từ ngày *Thơ thơ* được xuất bản. Tôi nói với anh : "Ước gì tôi được xem lại bản thảo đầu để hiểu lao động

---

(1) Tôi gặp Xuân Diệu ngày 28-3-1970.

http://tieulun.hopto.org

của anh trên trang viết". Xuân Diệu cười : "Trên đời không mấy khi ước gì được nấy. Nhưng hôm nay thì cậu gặp may rồi. Mình cũng chiều Hà Minh Đức". Nói rồi anh đứng dậy mở tủ sách, chọn trong các tập hồ sơ hai tập bản thảo khá dày dặn. Anh đem đến đặt trên bàn và bảo : "Đây là bản thảo *Thơ thơ* và đây là bản thảo *Gửi hương cho gió*". Tôi thật sự xúc động theo dõi bản thảo của từng bài thơ qua lời giới thiệu tuần tự của anh. Một điều đáng quý là mỗi bài thơ được in đều dính kèm theo những trang bản thảo được sửa chữa từ bản thảo đầu tiên, thứ hai, thứ ba... Đối với người làm công tác nghiên cứu thơ thì đây là một điều lý tưởng. Xuân Diệu nói với tôi nhiều về bản thảo bài thơ *Lời kỹ nữ*. Nhiều câu thơ được sửa chữa và nét mực có chỗ đã nhoè với thời gian. Câu thơ :

Người kỹ nữ đã chan hoà nước mắt
Lệ nghẹn tròng làm vỡ tiếng than.

được chữa lại là :

Lời kỹ nữ đã vỡ vì nước mắt
Cuộc yêu đương gay gắt vị làng chơi

Câu thơ :

Nếu tóc em là muôn sợi dây tình
Vấy buộc chặt cả thân hình yêu dấu

được chữa lại là :

Vì mình em không được quấn chân anh,
Tóc không phải những dây tình vướng víu.

Gấp lại hai tập bản thảo *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió* tôi chân thành hỏi anh : "Trong văn học nhiều tác giả thường bị thất lạc bản thảo, nhất là bản thảo thời kỳ đầu, tại sao anh lại giữ gìn được cẩn thận các bản thảo đến như thế". Xuân Diệu cười và nói : "Của mình thì phải có ý thức giữ gìn chứ, vả lại bọn mình nổi tiếng sớm".

Tháng 11-1995
(In trong *tạp chí Văn học*, số 7, tháng 12-1995)

http://tieulun.hopto.org

THƠ TÌNH CỦA XUÂN DIỆU

(Tựa cho tập thơ *Đây chùm thương nhớ* của Xuân Diệu)

HUY CẬN

Và bây giờ đến lượt tôi viết tựa cho Xuân Diệu ![1]

Thơ tình của Xuân Diệu có cần giới thiệu nữa không ? Vì nó đã thành một sự kiện trong đời sống tình cảm của nhiều thế hệ. Lời giới thiệu thấm thía nhất, ấy là những mối tình đã được thơ Xuân Diệu làm môi giới, đã nhờ thơ Xuân Diệu bắc cầu, và đã được thơ Xuân Diệu bồi đắp cho rễ thêm sâu, cho thêm sum suê cành lá. Thơ tình của Xuân Diệu đã được đăng báo, in sách, đã được dịch ra nhiều thứ tiếng nước ngoài, và – vinh dự cao sang – đã được chép trân trọng, nâng niu trong các quyển sổ tâm tình của bao lớp người trẻ tuổi, trong nhật ký trên đường hành quân của biết bao chiến sĩ. Thơ tình Xuân Diệu vang lên, bừng lên trong ký ức của bao nhiêu người có tuổi như một hoài niệm thân yêu, như hình ảnh đằm thắm của chính tuổi thanh niên của họ, như những năm tháng tuổi trẻ của họ còn sống lại, còn sống mãi trong những dòng thơ.

Xuân Diệu từ giã chúng ta ra đi một cách quá đột ngột. Đưa tiễn Xuân Diệu về nơi an nghỉ cuối cùng không chỉ có gia đình, bà con thân thích, không chỉ có bạn bè, đồng chí trong giới văn nghệ. Biết bao nhiêu người, đủ các lứa tuổi, chưa hề gặp Xuân Diệu nhưng đã đọc thơ Xuân Diệu, yêu thơ Xuân Diệu, sống thơ Xuân Diệu đã đến viếng nhà thơ của mình, đã "lòng thổn thức đầy" đưa tiễn nhà thơ như đưa tiễn một người thật là thân thương của đời mình.

Nếu chiều hôm ấy (21-12-1985) Xuân Diệu có thể sống lại chốc lát để thấy được đám tang vô cùng xúc động của mình, để thấy mình ra đi

---

(1) Xuân Diệu đã ba lần viết tựa cho tôi : Tựa *Lửa thiêng* (1940), Tựa *Hai bàn tay em* (1967), và Lời giới thiệu *Tuyển tập Huy Cận* (1985).

http://tieulun.hopto.org

trong sự ôm ấp của lòng người, trong sự ôm ấp và vô hạn tiếc thương của cả một xã hội, thì chắc hẳn chàng thơ cũng "ngậm cười nơi chín suối". Nếu có một nhà thơ rất đỗi tin yêu đời, và được đời yêu mến lại một cách mặn nồng, ruột rà, thắm thiết, đó là nhà thơ Xuân Diệu. Bạn đọc, bạn đời yêu Xuân Diệu không chỉ yêu thơ tình của anh, mà yêu anh qua toàn bộ sự nghiệp sáng tạo trong suốt nửa thế kỷ của anh. Nhưng, như anh thường hay nói vui, thơ tình là "đặc sản" của anh vậy.

Tình yêu không có tuổi, và thơ tình hay càng không tính tuổi được bao giờ. Thơ tình Xuân Diệu trẻ mãi, kể cả những bài thơ tình anh viết lúc đời đã vào thu. Tuy nhiên, lần theo năm tháng, lần theo tình cảm, lần theo sắc màu của cảm xúc, chúng ta cũng có thể thấy khi mờ khi tỏ những chặng đường hoặc là những giai đoạn trong thơ tình Xuân Diệu.

Trước hết thơ tình của Xuân Diệu thật sự là thơ tình, tình yêu của những người yêu. Cái rạo rực, thiết tha, nồng cháy trong *Thơ thơ*, ai mà đã không trải qua, không sống qua ít nhất là dăm ba lần trong tuổi trẻ của mình. Cái da diết, cái đằm thắm xen lẫn vị đắng cay trong *Gửi hương cho gió* có phải riêng gì của Xuân Diệu ! Riêng chăng là sự cảm quan đặc biệt sâu sắc - sâu sắc đến đau đớn - của tác giả trước những trạng thái tinh vi, những biến chuyển kỳ diệu của tình yêu, trước những đe doạ mất, còn của tình cảm nữa. Sở dĩ như vậy là vì : Thơ tình của Xuân Diệu trước hết "nói" về tình, nhưng thông qua tình yêu "nói" lên cảm xúc sâu thẳm về cuộc sống, về đời người. Bên cạnh những bài, những câu nói sự mê say, tha thiết, rạo rực, băn khoăn trong tình yêu, những bài mà ai nấy cũng thuộc nên tôi khỏi phải trích dẫn, chúng ta lại bồi hồi nhớ những câu như :

– Với bàn tay ấy ở trong tay
Tôi đã nguôi quên hận tháng ngày
– Anh một mình nghe tất cả buổi chiều
Vào chậm chậm ở trong hồn hiu quạnh
– Lòng kỹ nữ cũng sầu như biển lớn
Chớ để riêng em phải gặp hồn em
– Lòng tôi rộng nhưng lượng trời cứ chật
Không cho dài thời trẻ của nhân gian...

http://tieulun.hopto.org

Có thể nói bất cứ bài thơ tình nào của Xuân Diệu cũng mang theo nó âm hưởng, cộng hưởng của cuộc đời, của đời người. Cho nên ta không ngạc nhiên tại sao khi đọc xong một bài thơ tình của Xuân Diệu, ta thấy yêu người yêu của ta đến thế, yêu tình yêu đến thế, và yêu cuộc đời đến thế. Thơ tình Xuân Diệu, suy cho cùng, ngẫm cho kỹ, là bài ca sự sống. Có lẽ dần dần ta sẽ hiểu thấu điều này hơn. Xuân Diệu lúc còn sống (mới cách đây ba tuần thôi) vẫn muốn làm một quyển từ điển tình yêu bằng thơ của mình, ví dụ muốn hiểu trạng thái giận hờn trong tình yêu thì sẽ dẫn câu :

Thôi đã hết hờn ghen và giận dỗi.
Được giận hờn nhau sung sướng bao nhiêu

và từ tương tư sẽ được giải thích bằng cả bài *Tương tư chiều* và nhiều đoạn thơ khác. Anh chưa kịp làm từ điển tình yêu này, nhưng bạn đọc của thơ anh đã tra cứu nó trong đời tình cảm của họ. Năm tháng trôi qua. Giữa cuộc đời bận rộn của một cán bộ cách mạng, của một nghệ sĩ - chiến sĩ, cuộc đời chiến đấu, cuộc đời công tác, cuộc đời sáng tạo, Xuân Diệu – bên cạnh bao nhiêu đề tài và chủ đề mà anh vẫn đeo đuổi sáng tác– vẫn tiếp tục làm thơ tình và khi ra đi anh để lại cho chúng ta ngót 400 bài thơ tình chưa đăng báo, chưa xuất bản, 400 bài còn trinh.

Nhưng thơ tình về sau này của Xuân Diệu có gì khác thơ tình buổi trước ? Thơ vẫn là thơ, tình vẫn là tình. Nhưng người thơ, người tình đã sống nhiều ý sâu trong tình người, và lứa đôi vẫn là lứa đôi tình nhân, nhưng bên cạnh tình lại có thêm tình nghĩa. Đúng rồi, tình và tình nghĩa, nhưng tình nghĩa của người tình. Có phải chăng vì thế mà thơ tình Xuân Diệu về sau này vẫn say, vẫn đắm nhưng cái *giọng* thơ thì dường như đắm hơn, lắng hơn, vẫn rạo rực, nhưng là cái rạo rực của lửa ngún, của than hồng có phủ ít gio :

– Vai anh khi để đầu em tựa
Cân cả buồn vui của một đời
– Uống xong lại khát, là tình
Gặp rồi lại nhớ, là mình của ta
– Áo em gần với anh thay !
Những khi khoai sắn là ngày cùng nhau

http://tieulun.hopto.org

Cho đến thiết tha, da diết như bài *Biển*, vẫn toát lên một "nhịp đời" hồn hậu :

Đã hôn rồi hôn lại
Cho đến mãi muôn đời
Đến tan cả đất trời
Anh mới thôi dào dạt

Và có điều này, cần ghi thêm : Lứa đôi trong thơ tình Xuân Diệu sau này yêu nhau trong bối cảnh nhân dân chiến đấu cho sự sống còn của đất nước. Trong bối cảnh đó người yêu - đối tượng ca ngợi của thơ - không còn là một người yêu lý tưởng sống ngoài không gian và thời gian, mà là một người yêu cụ thể, những người yêu cụ thể, là những con người bình thường có hoạt động xã hội, có công tác, và có mang trái tim người yêu đắm đuối, yêu thiết tha khi "tưng bừng", khi thầm kín :

– Biết em công việc vẫn đang dồn
Anh cũng liền tay chưa lúc nghỉ
– Một tuần công việc tạm xong
Cầm tay chủ nhật hoà trong phố người
– Thôi em nghỉ việc, khuya rồi,
Chăn mưa em đắp cùng trời, với anh !

Có lẽ nhờ thế mà tình yêu rạo rực và đằm thắm đã rộng thêm kích thước của tình người :

– Nhưng từ may mắn yêu nhau
Đôi tim gắn với dài lâu triệu người
– Dẫu rằng hữu hạn đôi ta
Yêu thương một thuở thành ca muôn đời
– Chúng ta phấn đấu làm người
Dựng trời chung, lại có trời riêng ta
– Bởi tình là của chúng ta
Hát anh, hát chị cũng là hát tôi
– Ta trao cây cỏ cho người
Dài trên Cầu Diễn, rộng ngoài Thuỵ Khuê
Một vùng trời đất say mê
Được tình ta, sẽ gửi đi muôn đời

http://tieulun.hopto.org

Những người yêu nhau thường hay đi ra giữa thiên nhiên – đó là một quy luật – vì chỉ có kích thước của vũ trụ hoạ chăng mới đo được cái *không – bờ – bến* của xúc động tình yêu. Cho nên thơ tình Xuân Diệu về sau này càng ngày càng đượm hương sắc của thiên nhiên, càng nhịp nhàng với cái nhịp đi của trời đất :

– Vũ trụ là chốn anh được gặp em
Thời gian là nơi anh với em sinh cùng thời đại

– Muốn cầm hương quý, đợi em anh,
Anh cất hoa hương giữa ái tình
Muôn vạn hương triều thơm tựa biển
Em về thở lại giữa hồn anh

– Một lần đặt bước đôi ta
Gốc cây, đường cái bỗng là thịt xương

– Anh không xứng là biển xanh
Nhưng cũng xin làm bể biếc
Để hát mãi bên gành
Một tình chung không hết

– Trăng như sương trên ruộng lúa xanh
Gió như chim xao động trong cành
Em là một ngôi sao mới băng
Xuống đây đi với anh, đêm trăng

Thơ tình của Xuân Diệu đã vượt ra ngoài biên giới của xứ sở để làm giàu thêm cho cái kho tình thi của loài người. Một nữ thi sĩ nổi tiếng của Rumani làm một tuyển tập thơ tình cổ kim Đông Tây (chọn một số ít bài thôi) đã chọn của Việt Nam một bài của Hồ Xuân Hương và một bài của Xuân Diệu.

Làm sao cắt nghĩa được tình yêu ? Làm sao cắt nghĩa, được hết thơ tình Xuân Diệu ? Nó là cả một thế giới của tâm hồn, thế giới bên trong của con người. Sau cái tuổi hai mươi lãng mạn, yêu đời, tiếp đến những năm tháng dài của cuộc đời cách mạng thơ tình của Xuân Diệu đã là

http://tieulun.hopto.org

thơ tình của một nhà thơ cộng sản rất đỗi trung thực với người yêu, với đời, với cuộc sống. Thơ tình Xuân Diệu hoà một nhịp với thơ tình của những P. Neruda, những N. Hikmet, những L. Aragon.

Từ sự sống trở về sự sống, thơ tình của Xuân Diệu bắt nguồn từ sự sống của một con người, rất mực say mê, rất mực yêu đời, từ sự sống của những con người, đã trở về sự sống của muôn người thành viên của cuộc sống bao la, những con người gắn bó với cuộc đời, yêu nhau, yêu đời và do đó phấn đấu làm cho đời đẹp hơn, làm cho đời đẹp thêm mãi mãi.

Hà Nội, ngày 12-1-1986

(In trong *Xuân Diệu con người và tác phẩm*.
NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1987)

http://tieulun.hopto.org

XUÂN DIỆU QUA "THI HÀO DÂN TỘC NGUYỄN DU"

MAI QUỐC LIÊN

Xuân Diệu là một nhà thơ lãng mạn trước Cách mạng. Ngày xưa, anh cũng như phần lớn các nhà thơ khác, chịu ảnh hưởng trường phái lãng mạn suy đồi Pháp. Những bài thơ của anh trong phong trào Thơ mới mang một màu sắc xứ lạ : "*Người đã đến giữa chúng ta với một y phục tối tân và chúng ta đã rụt rè không muốn làm thân với con người có hình thức phương xa ấy*"[1]. Nhưng mặt khác, trong thơ Xuân Diệu ta cũng nhận ra được những xúc cảm dân tộc - một lòng yêu nước không nén nổi, dồn vào trong những âm hưởng, những hình ảnh :

Mây trắng về đâu bay gấp gấp
Con cò trên ruộng cánh phân vân.

Ta nghe trong câu thơ những nỗi niềm dân tộc, và điều đó, chính Xuân Diệu đã tiếp nhận một phần trong văn mạch dân tộc, trong ca dao, trong thơ ca cổ điển.

Những điều viết về Nguyễn Du hôm nay có gốc gác sâu xa trong lòng yêu ngày xưa ấy là như thế.

Có lẽ không cần phải nói rằng Nguyễn Du và *Truyện Kiều* là một nơi thử thách khá nhiều ngọn bút. Nhưng, Nguyễn Du, như lời Xuân Diệu, vẫn còn đủ sức làm "gãy lưng" nhiều nhà phê bình. Hàng mấy thế hệ đã để lại nhiều cách nhìn, cách đánh giá, và ngày nay, và trong tương lai, người ta sẽ còn tiếp tục viết, bàn luận tranh cãi về Nguyễn Du. Chính vì Nguyễn Du cũng như Sếchxpia, theo lời của V. Huygô, là một "*con người đại dương*". Nguyễn Du, *Truyện Kiều*, đó chính là cuộc sống, sinh động, bất tử. Vậy nên rất nhiều người muốn viết về Nguyễn Du, nhưng cầm bút lên rồi lại đặt xuống, e ngại. Mình sẽ nói được cái gì mới ?

---

(1) Hoài Thanh, *Thi nhân Việt Nam*.

http://tieulun.hopto.org

Thế mà trong chỗ khó khăn ấy, Xuân Diệu đã viết được những trang ý vị.

Phải đặt địa vị của mình là người ngồi trước một đầu đề "hạn vận" như đọc *Văn chiêu hồn* thì mới thấy được hết cái linh hoạt của ngòi bút Xuân Diệu. Kết hợp sự suy nghĩ, nhiệt tình, cảm xúc, vốn sống... trên từng trang, từng trang, Xuân Diệu đưa người đọc đi theo mình tìm kiếm Nguyễn Du qua bài văn giàu ý nghĩa ấy. Những ngày ở Gò Bồi, những ngày ở Quy Nhơn xa xưa, những kỷ niệm không thể quên của một cuộc sống buồn bã, vô lý và tức uất... bỗng lại hiện lên trên những trang viết về những *Văn chiêu hồn*, bổ sung cho những lời nhận xét, bình giảng trên từng khổ thơ một đã làm cho người đọc xích lại gần hơn với tấm lòng nhân đạo lớn rộng của Nguyễn Du, và nhận thấy "mỗi tiếng đau thương của Nguyễn Du, hiểu ngược trở lại, là một lời chúng ta ca ngợi chế độ xã hội chủ nghĩa của mình".

Về đoạn Kim - Kiều tái hợp, xưa nay có nhiều ý kiến. Có người nhìn thấy ở đấy sự cưỡng lại của Nguyễn Du đối với lô gích của cuộc sống đương thời. Kiều đáng lẽ chết chìm ở sông Tiền Đường, và chết như thế thì sức tố cáo của tác phẩm sẽ mạnh mẽ hơn, ấn tượng mà Nguyễn Du để lại cho người đọc sẽ sâu xa hơn, lâu dài hơn. Nhưng cũng có người nói trái lại : "Nếu Nguyễn Du kết thúc *Truyện Kiều* bằng cái chết của Kiều ở sông Tiền Đường, sẽ có hàng triệu người thất vọng. Nguyễn Du là nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn, Nguyễn Du đã đáp ứng nguyện vọng của quần chúng và hơn thế nữa, đã giải quyết vấn đề trên phương hướng tích cực". Chúng ta chưa vội nói cái ý kiến trên đây đúng hay sai, vấn đề tuy đơn giản, nhưng vẫn còn phải tốn nhiều giấy mực. Chỉ biết là trên vấn đề này, Xuân Diệu đã đưa ra ý kiến của mình có nhiều phát hiện mới : Anh nhìn thấy ngay trong đoạn kết của *Truyện Kiều*, nơi mà ta có thể trách cứ Nguyễn Du về nhiều điều, ý nghĩa tích cực của Nguyễn Du : Nguyễn Du đã viết nên ở đó một bản cáo trạng cuối cùng.

Những cái hay của các bài viết của Xuân Diệu còn nằm ở một khía cạnh khác. Có lẽ trên những nét lớn của vấn đề, Xuân Diệu chỉ có công làm sáng tỏ thêm, làm cho người đọc lĩnh hội được sâu hơn, trực tiếp hơn, chứ vị tất anh đã đưa ra một kết luận gì khả dĩ làm giật mình người đọc. Nhưng trên từng chi tiết, thì Xuân Diệu tỏ ra sắc sảo. Vô luận là nhận xét về nội dung, về nhịp điệu, tứ thơ, về câu về chữ... ở mặt nào,

http://tieulun.hopto.org

Xuân Diệu cũng có những phát hiện thú vị. Bởi vì anh yêu Nguyễn Du, say mê *Truyện Kiều* : "*Riêng tôi, vài chục năm nay đọc đi đọc lại đoạn Kim - Kiều gặp nhau, Kim Trọng tương tư Kiều, kể có trăm lần, hồ như đã thuộc, thế mà mãi gần đây, mới nghiên cứu lại, mới gọi là sơ bộ nhận thấy những tầng lớp trong đó, thật tài tình*". Thưởng thức Nguyễn Du như thế chả trách anh đã tìm ra được nhiều khía cạnh mới. Ví dụ thì nhiều lắm. Dẫn hai câu *Kiều* :

Hồng quần với khách hồng quần
Đã xoay đến thế, còn vần chưa tha.

Xuân Diệu phân tích : "*Hồng quần là ông Trời, hồng quần là quần đỏ, tức là người đàn bà, ông trời chi nhà anh, anh chỉ vật nhau tay đôi với phụ nữ, giỏi lắm đấy, anh chỉ quẩn chung quanh hai cái ống quần đỏ của đàn bà. Nói chữ kép "xoay vần" thì nghe ra có vẻ sang : Con tạo vần xoay. Nhưng Nguyễn Du tách ra làm đôi, chữ "xoay" đứng một mình, thì là xoay xở : đã xoay đến thế, là thằng kẻ cắp. Còn vần chưa tha, là đứa nhiễu sự. Nguyễn Du đã "đánh cho cái gọi là Trời một ngọn roi rất hiểm*".

Phân tích như thế thì từ chữ nghĩa mà làm cho người đọc hiểu nội dung. Nhiều chữ, nhiều câu của Nguyễn Du đã được Xuân Diệu khảo chứng và bình luận, câu nào chữ nào Xuân Diệu cũng làm ra rõ được một số cạnh khía thú vị. Nếu tôi không lầm, thì Xuân Diệu hẳn đã rất thích thú cách bình văn của Thánh Thán.

Xuân Diệu hấp dẫn người đọc còn về một cớ khác không kém phần quan trọng. Anh có một cách nói mới. Trong văn chương, có một cách nói mới không phải dễ. Ai không tìm được cho mình một cách nói mới mà chỉ dẫm chân lên những lối mòn, người đó đã làm tổn thương khá nhiều đến cái nội dung mà mình muốn truyền đạt. Cách diễn đạt, đó cũng là cách biển hiện của sự nhận thức đối tượng, chiều sâu của ý nghĩ và tình cảm.

Ta thấy Xuân Diệu có một cách viết thật thoải mái. Đọc anh, ta tưởng như đang cùng anh nói chuyện, không cố ý viết văn một cách khó khăn, bao giờ Xuân Diệu cũng nói được những điều mình nghĩ một cách dễ dàng thông suốt. Những bài viết một cách "cổ điển", quy phạm bao giờ cũng có một bố cục thật rõ rệt, một sự phát triển chủ đề thật cân đối... và đó là cái tốt của nó. Xuân Diệu thì hầu như ít chú ý đến điều đó,

http://tieulun.hopto.org

hay đúng hơn, cái mạch văn lôi cuốn, sôi nổi, ồn ào của anh đã làm cho ta không còn để ý là anh đã mấy phen "phạm trường quy". Anh say sưa theo đuổi những ý nghĩ của mình, phát triển nó, và nói liền một mạch, nói đến tận cùng của vấn đề, và chỉ đến lúc đó anh mới buông tha nó ra.

Và cũng vì sự dồn ép của nhiệt tình, mà câu văn Xuân Diệu ít khi mực thước. Điều này cách đây hơn hai mươi năm, Hoài Thanh đã từng nhận xét, ngày nay đọc lại vẫn thấy đúng. Câu văn của anh bị xô đẩy, dài ngắn không thường ; kể đó cũng là một phong cách trong ngôn ngữ văn xuôi.

Cuối cùng, nên nói đến một vài nhược điểm trong tập sách của Xuân Diệu. Xuân Diệu là một người nhiệt tình bồng bột. Mác trong thơ gởi Látxan, có nhận xét rằng nhân vật Hútten trong vở bi kịch *Phơranxơ Phôn Xíchkinhghen "tiêu biểu quá ư chuyên nhất cho nhiệt tình"* và *"điều đó dễ làm cho người ta chán"*[1]. Xuân Diệu lẽ tất nhiên không phải là Hútten, nhưng câu của Mác làm cho ta suy nghĩ. Xuân Diệu đã để lộ quá nhiều nhiệt tình của mình ra ngoài lời, và do đó đôi khi anh nói nhiều quá, trong khi đáng lẽ anh nên thâm trầm hơn, ẩn kín hơn, anh chỉ cần gợi ra mà người ta hiểu, ít lời mà hàm súc sâu xa. Người xưa đánh giá một bài văn hay theo ba tiêu chuẩn : *trầm, bác, tuyệt lệ*[2] và đề *trầm* lên trên ; vả lại, chính Xuân Diệu cũng đã nói : *"Văn hay trước hết chưa phải là hình tượng, âm thanh, sáng kiến... là những điều quan trọng lắm lắm, mà văn hay là trước hết là ở cái thế, ở sự phân tích được tâm lý của hoàn cảnh. Đọc văn cũng vậy, như người xem, chưa nên lác mắt vì quần áo trang sức, mà cho đến mặt đẹp cũng chưa đáng sợ. Hãy xem vầng trán suy nghĩ gì, và hai con mắt nó là gương của tâm hồn". Hãy xem vầng trán suy nghĩ gì*, đúng thế, mà nhất là ở văn bình luận, là nơi đòi hỏi nhiều trí tuệ.

Dẫu sao, trong biết bao người đã viết về Nguyễn Du, Xuân Diệu có lẽ là người đã đến gần Nguyễn Du hơn cả. Hỏi ai hơn nhà thơ tình lớn của thời đại chúng ta hiểu được Kim - Kiều : *"Ta cũng nòi tình, thương người đồng điệu"* ?

(In trong *Xuân Diệu tình đời và sự nghiệp*,
NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1996)

---

(1) *Mác, Ăngghen bàn về văn học nghệ thuật*, NXB Sự thật, Hà Nội, tr. 313.

(2) Lời của Dương Hùng, nhà văn đời Hán.

http://tieulun.hopto.org

NÓI VỀ BÀI THƠ "ĐÂY MÙA THU TỚI" CỦA XUÂN DIỆU

VŨ QUẦN PHƯƠNG

Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang
Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng :
Đây mùa thu tới – mùa thu tới
Với áo mơ phai dệt lá vàng.

Hơn một loài hoa đã rụng cành
Trong vườn sắc đỏ rũa màu xanh ;
Những luồng run rẩy rung rinh lá...
Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh.

Thỉnh thoảng nàng trăng tự ngẩn ngơ...
Non xa khởi sự nhạt sương mờ...
Đã nghe rét mướt luồn trong gió...
Đã vắng người sang những chuyến đò...

Mây vẩn từng không, chim bay đi,
Khí trời u uất hận chia ly.
Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói
Tựa cửa nhìn xa, nghĩ ngợi gì.

Trong các nhà thơ hiện đại, Xuân Diệu là người có năng lực cảm nhận tinh tế bước đi của thời gian. Có lẽ cũng do lòng yêu tuổi trẻ, muốn ngăn sự già nua tàn tạ nên nhà thơ luôn luôn cảnh giác với thời gian và kịp thời báo động (với chính mình) :

– Dưới gốc nào đâu thấy xác ve
Thế mà ve đã tắt theo hè

http://tieulun.hopto.org

– Gió lạnh rồi đây sắp nhớ nhung
Sương the bảng lảng bạc cây tùng
– Xuân đang tới nghĩa là xuân đang qua
Xuân còn non nghĩa là xuân sẽ già

Bài thơ *Đây mùa thu tới* nằm trong hệ thống cảm xúc ấy. Chúng ta sẽ thấy ở đây cái tinh tế của Xuân Diệu trong quan sát, cảm nhận, trong tình cảm và trong diễn đạt.

Người ta ai cũng có xúc cảm vào lúc trời đất chuyển mùa. Ở Bắc Bộ ta, ấy là lúc từ đông sang xuân, từ lạnh lẽo u ám sang ấm áp tươi sáng, thơ dễ vui, chào đón ; hoặc là từ lúc hạ sang thu (đúng hơn là thu sang đông), từ ấm nóng sang rét mướt, thơ thường u buồn như luyến tiếc những ngày tưng bừng đã đi qua. Các nhà thơ Việt Nam viết về mùa thu hay còn chiếm một tỉ lệ cao hơn thơ mùa xuân hay. Có lẽ do sức gợi cảm của gió đầu mùa se lạnh, của sương thu mờ ảo, "trăng thu bạch, khói thu xây thành"[1]. Hai câu thơ tả cảnh đẹp nhất trong *Truyện Kiều* là hai câu tả cảnh thu :

Long lanh đáy nước in trời
Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng.

Còn một lý do tạo sức gợi cảm của mùa thu nữa : đó là ảnh hưởng của thơ Đường, của mùa thu phương bắc trong văn chương cổ nước Trung Hoa đối với thi nhân ta. Thu phương bắc lạnh lắm, có tuyết, cây khô, lá rụng, thê lương tiêu điều. Mùa thu ở ta, cây lá còn xanh trời se lạnh chứ chưa phải đã rét mướt, mây thu cao xanh chứ chưa phải đã u ám. Cho nên mùa thu trong thơ nước ta nếu có tuyết, có lá vàng, cành khô, rét mướt là do cảm hứng từ sách vở gợi nên. Thực ra đây là mùa đông ở ta rồi. Cho nên những quan sát tưởng như không thực (vì mùa thu không có) lại hoá thực (vì nó có ở mùa đông) và nhà thơ cảm nhận được bằng chính giác quan mình. Bài thơ của Xuân Diệu có khung cảnh Việt Nam, nhưng nếu đổi là *Đây mùa đông tới* chắc hợp hơn. Không hiểu các bạn thế nào chứ tôi, khi đọc bài thơ, tôi cứ mường tượng lại những ngày rét đầu mùa đã trải của đời mình.

---

(1) Thơ Tản Đà.

http://tieulun.hopto.org

Thơ thu mở đầu bằng liễu, cũng là một ước lệ của văn chương một thời, không phải là một khám phá gì mới mẻ. Cây liễu không nhiều ở ta, nhưng lại nhan nhản trong thơ cổ điển bên Tầu. Cảm xúc của Xuân Diệu đã bị định hướng của văn chương cổ nên thơ mới chọn liễu để vào bài. Điều đáng nói ở đây là liễu của Xuân Diệu khác liễu của Đường, Tống. Liễu trong thơ Đường, Tống chỉ là *liễu*, thế thôi (cũng như núi là sơn, trăng là nguyệt) không kèm theo đặc tính xác định nào khác, chỉ đơn thuần khái niệm một loài cây. (Đây cũng là bút pháp độc đáo của Đường thi, tước hết chi tiết mà thơ vẫn gợi cảm – các nhà thơ hiện đại ít người học được – viết như nén lại mà khi đọc lại mở ra không cùng). Liễu, dưới mắt Xuân Diệu, có dáng đứng như chịu tang, bởi lá rủ xuống như tóc xoã, như lệ rơi, *lệ ngàn hàng*. Bài thơ sẽ phát triển trong không khí ảm đạm ly tán được gợi nên từ hình ảnh mở đầu này.

Bài thơ bốn đoạn, mười sáu câu, hai đoạn giữa là hai đoạn tả cảnh, một đoạn tả hoa, lá, cành, một đoạn tả trăng, sương, gió. Đủ để lên hết những bản sắc của thời tiết.

Hơn một loài hoa đã rụng cành
Trong vườn sắc đỏ rữa màu xanh ;

Hồi thơ Xuân Diệu mới xuất hiện trên thi đàn, người ta kêu "thơ ông *tây* quá", có lẽ cũng tại cách hành văn *hơn một loài hoa* hay động từ *rữa* (mà nhiều chỗ in là rủa) ở bài thơ này. Ngay cái đầu bài cũng như dịch nguyên từ tiếng Pháp, đúng như cách nói của họ : *Voici l'automne qui vient*. Dù sao cũng phải nhận đây là cách diễn đạt mới của thơ Việt Nam. Động từ *rữa* cho thấy một quan sát tinh vi : lá đỏ cứ lấn dần lá xanh từng tý một, khó nhận thấy, vậy mà một sáng nào đấy nhìn ra cả vườn thu đã đỏ rực. Màu lá đỏ thật ra chỉ ứng với loài cây bàng, còn vàng mới là màu chính của mùa cây trút lá. Nhưng màu sắc âm điệu cần một sự tương phản gay gắt nên Xuân Diệu chọn *đỏ* để chơi với *xanh*. Hai câu dưới mới là tuyệt bút, và lại rất Việt Nam :

Những luồng run rẩy rung rinh lá...
Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh.

Đầu đoạn thơ là hoa rụng, lá úa ; cuối đoạn, in trên nền trời, gây ấn tượng thị giác rất mạnh, là các nhánh cây trơ trụi, khô gầy. Tôi nói ấn tượng vì câu thơ có bảy chữ thì tới sáu chữ gợi cái khô gầy, run rẩy

http://tieulun.hopto.org

của cành. Đó là các chữ *nhánh, khô, gầy, xương, mỏng manh*. Hình ảnh khô gầy, trơ trụi sẽ gợi đến cảm giác rét mướt (cành mập mạp, lá sum suê không thể nào lại cho ta cảm nghe cái rét được). Xuân Diệu đã tạo được cái rét thấu xương, tê tái đến những nhánh của loài cây, trước hết bằng cái tài của ngôn ngữ, sau nữa là cái tài của lập ý :

Những luồng run rẩy rung rinh lá...

Gió thổi làm rung rinh, nghĩa thật chỉ có thế. Xuân Diệu đã *cảm giác hoá* hiện tượng thiên nhiên này để người đọc không chỉ thu nhận cảnh sắc bằng mắt (trông thấy lá rung rinh) mà bằng nhiều giác quan khác. Không nói *gió* mà nói *luồng run rẩy* tưởng như bản thân gió cũng cảm thấy lạnh, nó *run rẩy*, và không phải sự di chuyển của không khí (gió) làm cho lá động, mà lá rùng mình vì cảm thấy cái lạnh của gió mang tới mà rung rinh. Hiệu quả câu thơ là gợi cái rét chứ không phải là tả gió bay. Cái rét ở câu này (do lá cảm) tương ứng với cái rét ở câu dưới (do cành cảm) tác động vào giác quan người đọc bằng con đường trực giác. Phân tích thì dài dòng thế, chứ đọc lên không giải thích gì người nghe đã muốn xuýt xoa, trước là vì rét sau là vì hay.

Đoạn trăng, sương, gió, cũng có hai câu dưới đầy ấn tượng cảm giác :

Đã nghe rét mướt luồn trong gió...

Động từ *luồn* là do Xuân Diệu cung cấp cho thiên nhiên. Thiên nhiên ở đây chỉ có gió rét. Bản thân gió là rét, cố nhiên, gió đông bắc. Chữ *luồn* tách gió và rét ra làm hai, biến nó thành một thứ nhân vật biết hành động, tạo sự sinh động cho câu thơ và cho thấy, đây mới là hiệu quả chính, cái rét đầu chưa phải đã lộ mặt, nó luồn vào, nó ẩn thân ở trong gió. Diễn đạt như thế là tinh vi – chính đó là nét đặc sắc của Xuân Diệu và rộng hơn là của cả phong trào Thơ mới. Trọng tâm câu thơ vẫn là hướng vào cái rét (chứ không phải vào gió), nghĩa là vẫn phát triển ý đoạn trên, đoạn hoa lá cành. Câu cuối của đoạn thơ này có một bước chuyển, cái rét mướt sau khi tác động đến hoa, lá, cành, sương, gió đã tác động tới con người (nói chung) :

Đã vắng người sang những chuyến đò...

Câu thơ gợi một cảm giác quạnh vắng đìu hiu sông nước. Nhớ câu thơ Nguyễn Trãi năm thế kỷ trước trong bài thơ về mưa rét ở một bến đò :

http://tieulun.hopto.org

Dã kính hoang lương, hành khách thiểu (Đường ngoài nội hoang vắng ít người qua lại), *Cô chu trấn nhật các sa miên* (Chiếc thuyền lẻ loi gác mình lên bãi cát ngủ suốt ngày)[1]. Không gian sinh hoạt của con người mở ra ở cuối hai đoạn thơ tả cảnh đã dắt những mảnh cảm giác mà chúng ta thu nhận được trong bảy câu thơ trên vào một hướng tình cảm : bâng khuâng buồn vắng. *Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn*. Xuân Diệu rất biết những tình cảm buồn vô cớ của mình, hình như nó đến tự trời đất : khi thì do *trời nhẹ lên cao*, khi thì như ở bài này, do rét mướt làm tê tái thiên nhiên. Nhưng ở đây anh không trực tiếp tả lòng anh mà anh gợi lòng người. Bài thơ mở đầu bằng hình ảnh cây, một cây liễu, và kết thúc bằng hình ảnh con người, *ít nhiều thiếu nữ*. Người thiếu nữ này cũng là một nét của cảnh quan, nhưng là nét cao nhất, là cảnh quan biết cảm thụ, nghe được tất cả cái vắng lặng từ các cảnh quan khác dồn tới mà buồn. Chữ *hành khách* ở câu thơ Nguyễn Trãi còn là người nói chung, nhắc đến nó là để nói sự không có nó, thiếu nữ ở đây mới là con người cụ thể, đang tồn tại :

Ít nhiều thiếu nữ buồn, không nói
Tựa cửa nhìn xa, nghĩ ngợi gì.

Trạng thái buồn không xác định lý do, tư thế nghĩ ngợi cũng không xác định duyên cớ. Bài thơ dừng ở một trạng thái, một tư thế. Nó không khép lại trong một kết luận mà nó để ngỏ dành cho sự liên tưởng, sự cảm nhận riêng của từng người đọc. Cách kết luận này không có ở thơ Đường luật. Cái luật của thơ Đường là mở hai câu thơ năm, sáu và đóng ở hai câu cuối. Hình thức trói nội dung là như thế. Khuynh hướng cảm hứng của thời Thơ mới là thường *gợi mở*. Nội điều ấy cũng là lý do xuất hiện hình thức mới. Người thiếu nữ im lặng.

Tựa cửa nhìn xa, nghĩ ngợi gì.

Một tư thế, một ánh mắt, một khoảng không xa vời. Bài thơ hết ở chỗ người đọc bắt đầu cảm giác được cái điều người thiếu nữ không nói và bài thơ cũng không nói.

(In trong *Thơ với lời bình*.
NXB Giáo dục, Hà Nội, 1994)

---

(1) Trong bài *Trại đầu xuân đỏ* - Thơ chữ Hán của Nguyễn Trãi.

http://tieulun.hopto.org

"ĐÂY MÙA THU TỚI..." KHÔNG PHẢI LÀ MỘT TIẾNG REO

LÊ ĐÌNH TUẤN

Bài thơ *Đây mùa thu tới* rút ra từ tập *Thơ thơ* của Xuân Diệu xuất bản lần đầu năm 1938. Đây là một bài thơ hay, tiêu biểu cho phong cách thơ Xuân Diệu trước Cách mạng. Vì thế bài thơ đã được nhiều người phân tích, bình giảng. Chính Xuân Diệu trong một lần trò chuyện với Hà Minh Đức vào ngày 18 tháng 10 năm 1969 cũng nói rất thích bài thơ này[1]. Kể từ năm học 1990 - 1991, bài thơ được đưa vào sách giáo khoa văn của trường phổ thông trung học. Sau đó giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh trong sách *Văn 11* (sách viết cho giáo viên) đã gợi ý phân tích bài thơ. Từ đó các sách *Để học tốt Văn 11, Những bài văn hay lớp 11, Những bài làm văn...* lần lượt ra đời đều có hướng dẫn sơ lược hoặc phân tích kỹ bài thơ *Đây mùa thu tới*. Khi Bộ Giáo dục và Đào tạo cho công bố *Bộ đề thi* công khai môn văn thì 4 câu đầu bài của bài thơ được đưa vào bộ đề (câu 2 đề 17). Ở sách này người soạn đề cũng bình giảng khá kỹ bốn câu đầu của bài thơ. Đặc biệt tiếp theo bộ đề, đã xuất hiện hàng loạt các sách ôn luyện thi tốt nghiệp, đại học và cao đẳng của các nhà xuất bản ở địa phương và Nhà xuất bản Giáo dục. Tất cả những sách này cũng đều có hướng dẫn phân tích kỹ bài thơ *Đây mùa thu tới*[2].

Dường như tác giả của các cuốn sách nói trên đều thống nhất cho rằng : Tiếp nối thơ ca truyền thống về mùa thu, thơ thu của Xuân Diệu

---

(1) *Xuân Diệu thơ và đời*, NXB Văn học, Hà Nội, 1996.

(2) Tiêu biểu là những sách sau đây : *Văn 11*, Ban khoa học xã hội (SGV), NXB Giáo dục, 1996 ; *Những bài văn chọn lọc lớp 11*, Vũ Quốc Anh, Hà Bình Trị - NXB Giáo dục, 1997 ; 99 bài văn, Tạ Đức Hiển, NXB Giáo dục ; *Bộ đề văn* (in lần thứ 4) câu 2 đề 17 trang 121 ; *Học văn 11*, nhiều tác giả do Nguyễn Bá Thành chủ biên, NXB Giáo dục, 1995 ; *54 bài văn lớp 11*, Vũ Tiến Quỳnh, Nguyễn Viết Hùng, Nguyễn Thị Thao. NXB Đồng Nai, 1997...

http://tieulun.hopto.org

ở bài này cũng rất buồn, buồn đến ảm đạm thê lương. Nhưng trong câu thứ 3 :

Đây mùa thu tới – mùa thu tới

Các tác giả lại cho rằng đó là *tiếng reo*, tiếng *reo khẽ, reo thầm*, ít nhiều bộc lộ *niềm vui trẻ trung*. Chúng tôi nghĩ rằng trong bài thơ *Đây mùa thu tới*, câu thơ *Đây mùa thu tới - mùa thu tới* không phải có *tiếng reo* mà ngược lại...

Có lẽ không cần phân tích lại cả bài thơ ta cũng đều thống nhất về cảm nhận chung : bài thơ là một nỗi buồn ; buồn đến tang tóc, thê lương, ảm đạm,... Nếu cả bài thơ như vậy thì câu thơ *Đây mùa thu tới – mùa thu tới* đóng vai trò chủ âm của bài thơ không thể đứng riêng một cõi để trở thành một *tiếng reo* lạc điệu.

Thơ là tiếng nói của tâm trạng, cảm xúc. Trong một bài thơ, tâm trạng, cảm xúc của nhà thơ thường là thống nhất, không đối lập. Hơn nữa câu thơ *Đây mùa thu tới – mùa thu tới* là câu thứ ba của khổ thơ đầu mà hai câu trước đó là :

Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang,
Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng.

Sắc thu đẹp, hồn thu buồn, điều đó đã được nhà thơ diễn đạt bằng các hình ảnh nhân hoá rất độc đáo : *"Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang"*. Liễu như tóc người con gái, liễu rủ như ngàn hàng lệ chảy. Có lẽ không có cái buồn nào trong thơ da diết như cảnh thu này. Đó là nỗi buồn của tang tóc, mất mát, nghĩa là trong buồn có một nỗi đau... Tín hiệu vào thu như vậy thì câu thơ sau đó *Đây mùa thu tới – mùa thu tới* không thể hiểu là tiếng reo thầm, reo khẽ hay một niềm vui trẻ trung được.

Xuân Diệu trước Cách mạng đã từng quan niệm : Cuộc đời của mỗi con người chỉ có ý nghĩa khi *cái tôi* : *"là Một"*, *"là Riêng"*, *"là Thứ Nhất"* biết sống hết mình cho tình yêu, tuổi trẻ, ông nghĩ rằng thời gian một đi không trở lại, nghĩa là *tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại* (*Vội vàng*). Biết coi tình yêu tuổi trẻ là tất cả ý nghĩa của cõi đời nên Xuân Diệu rất sợ thời gian. Trong ba cái thì của thời gian ông coi thì hiện tại đáng giá ngàn vàng, nhưng hiện tại là hiện tại của tuổi trẻ tình yêu. Trước bước đi vội vã của thời gian, ông giục giã *Mau đi thôi, mùa chưa ngả chiều hôm*.

http://tieulun.hopto.org

Bởi vậy trong khoảnh khắc giao mùa từ hạ sang thu, Xuân Diệu như hình dung trước là mùa đông giá lạnh đã và đang đến. Nói đúng hơn, Xuân Diệu đã cảm nhận được một mùa đông buồn bã, đơn côi, giá lạnh, ngay trong khi mùa thu mới "khởi sự". Vì thế chúng tôi cho rằng câu thơ "*Đây mùa thu tới – mùa thu tới*" *mang ý nghĩa của một thông báo lo âu, hớt hải, nó như một lời nhắc nhở báo động. Trước hết nhà thơ báo động cho mình và sau là nhắc nhở cho người* vì thế mới đầu thu mà : Vạn vật, đất trời đang diễn ra một sự phai tàn rơi rụng, một không khí chia phôi giã biệt. Xuân Diệu ngơ ngẩn thấy thu đi trong khi thu chỉ mới vội về.

Bản thân nhịp điệu của câu thơ *Đây mùa thu tới – mùa thu tới* có gì gấp gáp vội vã chứ không gợi đến một tiếng reo, một niềm vui. Chính ông Văn Tâm đã có một nhận xét rất thoả đáng rằng "... ống kính nhà thơ như trượt lùi mà quay lia toàn cảnh cùng với những lời thuyết minh có nhạc nền là một giai điệu điệp khúc ngậm ngùi"[(1)]. Thiết nghĩ đã ngậm ngùi thì không thể reo vui được.

Một lần nữa chúng tôi nghĩ rằng câu thơ *Đây mùa thu tới – mùa thu tới* của bài thơ *Đây mùa thu tới* là một thông điệp thời gian, thông điệp có phần thảng thốt, lo âu chứ hoàn toàn không phải là tiếng reo dù cho reo khẽ hay reo thầm.

(In trong báo *Văn nghệ*, số 22
ngày 30-5-1998)

---

(1) *Giảng văn văn học Việt Nam*, NXB Giáo dục, tr. 322.

http://tieulun.hopto.org

THƠ TÌNH XUÂN DIỆU

NGÔ VĂN PHÚ

Xuân Diệu, một trong những chủ tướng của phong trào Thơ mới, là một người cả đời say đắm với thơ tình.

Nhiều bài thơ tình của Xuân Diệu từng là bài thơ gối đầu giường của nhiều thế hệ. Di sản thơ tình của ông lên tới 450 bài. Với giọng nói say đắm, cuồng nhiệt, thơ tình Xuân Diệu, mang một sắc thái, một phong cách riêng và có thể nói cũng là phần thành công nhất trong đời thường.

Tình gió thổi, mầu yêu lên phấp phới
Nhưng đôi ngày, tình mới đã thành xưa.
Nắng mọc chưa tin, hoa rụng không ngờ,
Tình yêu đến, tình yêu đi, ai biết...

Những câu thơ viết cách đây trên nửa thế kỷ vẫn tươi rói và hiện đại biết bao !

Tôi biết rằng nói nhiều về thơ tình của anh chi bằng để bạn đọc tiếp xúc với thơ còn hơn, vì nói nhiều cũng vô ích... Chỉ mong anh cho xin âm dương hai đồng sấp ngửa, rằng anh chấp nhận cho thằng bé đã dám chọn thơ của mình.

Tôi đắn đo mãi không biết có nên viết thêm vài dòng về tập thơ tình Xuân Diệu này.

Anh họ Ngô ở Hà Tĩnh, tôi cũng họ Ngô ở đất Kinh Bắc xưa. Ở nước ta, nhận họ hàng với nhau, gần đây, rất phổ biến. Tôi không hề nhận "người sang làm họ". Anh mến tôi, tôi biết, nhưng có lúc cũng ghét tôi. Tất nhiên tôi càng phải biết.

Chung quy cũng tại tập *Thanh ca* của anh, in ở Nhà xuất bản Tác phẩm mới. Dạo ấy, còn bao cấp, các nhà thơ cứ vài năm lại đem đến Nhà xuất bản một tập. Anh Xuân Diệu, và kể cả một vài anh khác nữa,

http://tieulun.hopto.org

cũng ham in nhiều. Tôi làm biên tập, kiêm trưởng ban Thơ của Nhà xuất bản thường có tâm trạng : Phải nói hết ý mình với anh kẻo anh ấy cho mình "lười". Nhưng cũng phải biết thương các anh, cũng muốn nhân thể một tập, in thêm dăm, bảy bài. Xuân Diệu khá có kinh nghiệm về việc thêm thơ. Ban đầu làm việc với anh, kết quả bằng lòng của cả hai phía là ba mươi bài. Sau anh đến nhà rỉ rả, khi thì với nhà thơ Ý Nhi, khi thì với giám đốc của Nhà xuất bản, rồi ngã ngũ lên tới gần năm mươi bài. Nói chung là tôi cũng chẳng dại gì mà chuốc lấy sự khó tính một mình, trong khi những người khác lại tỏ ra dễ dãi.

Anh có vẻ thoả mãn. Cần nói thêm khi còn đang "mặc cả" về số bài, trên đường về gặp nhau ở Cửa Nam, anh thường bảo tôi : "Cậu thông cảm với tớ... Tớ bây giờ về hưu rồi mà. Tể tướng hồi hưu bái huyện quan !".

Tôi kính trọng đáp lại : "Anh ơi, anh là tể tướng hồi hưu, chứ tôi có bao giờ được làm quan huyện đâu". Anh cười phá lên :

- Cậu đối đáp như thế là khá !

Rồi anh vui vẻ, nghe cả những đoạn thơ tôi đề nghị anh nên cắt đi, những bài anh nên bỏ. Một hôm, anh tiễn tôi ra khỏi nhà riêng ở Cột Cờ, anh còn bá vai tôi, bảo :

- Này, Ngô Văn Phú ạ, thuở cậu còn là sinh viên, tớ còn mê cậu ấy chứ.

Tôi hiểu chữ mê của anh có nhiều nghĩa, cám ơn anh và cũng thấy may cho mình !

Hai anh em cư xử với nhau khá thân tình. Chính anh (và một uỷ viên chung khảo) còn thông báo nhẹ với tôi rằng sẽ được giải thơ cao với bài *Tháng hai này đánh giặc*. Nhưng phải chờ cuộc họp cuối cùng của Ban Chung khảo.

Không may, chưa tới cuộc họp đó, thì tôi xếp nhuận bút một bài thơ của tập *Thanh ca* có bậc B2. Thế là anh Diệu nổi giận. Cũng là sự quá tin yêu anh, tôi đưa anh xem bảng xếp nhuận bút, và còn nói kèm một câu :

- Anh thông cảm... In thơ lúc nào cũng lỗ, nên có A2, B1 thì cũng phải có B2.

Nhưng với Xuân Diệu mà xếp thơ anh có B2 là không ổn. Anh gắt ngay với tôi sau khi xem xếp nhuận bút tập thơ ấy. Và, đến cuộc họp

http://tieulun.hopto.org

chót cuộc Chung khảo thi thơ anh là người đưa ra ý kiến để tôi không còn trong danh sách được giải thi thơ Báo *Văn nghệ* 1979 - 1980 nữa...

Tôi không lấy thế làm buồn giận anh. Tôi vẫn giữ nguyên tình cảm cũ với anh. Thực ra, với tôi, tôi càng thấy mình trước đây đến với các nhà thơ nổi tiếng, mình hơi thần thánh họ quá. Riêng anh Xuân Diệu, tôi cho rằng anh là người sống rất có tình. Nhưng cái phút bực tức của anh, thì có thể dễ mất bình tĩnh lắm chứ. Tôi cần cư xử hết sức bình thường với anh. Hình như anh Xuân Diệu sau này cũng có chút nghĩ lại gì đấy. Anh hay gặp tôi hơn, nói chuyện thơ, nhưng chuyện cũ *Thanh ca* thì không nhắc đến nữa.

Tôi vẫn yêu quý anh như xưa, và còn giữ nguyên những cảm giác lần đầu tiên lĩnh giải thơ *Tạp chí Văn nghệ* năm 1961, thấy Xuân Diệu, ngồi bàn tiệc với Chế Lan Viên, sau khi viết bài tổng kết cuộc thi thơ và vỗ vai bảo tôi :

– Này Ngô Văn Phú, em là cùng họ với anh đấy nhé !

Câu nói ấy tôi cảm động mãi.

Bây giờ "thằng em" chọn thơ của anh đây, anh Xuân Diệu ơi ! Những bài thơ nào anh ưng, chắc hẳn anh mỉm cười. Còn những bài thơ nào anh chưa ưng thì anh cũng đừng khiển trách nhé, bởi nhà thơ cũng nên nhường quyền cho bạn đọc của mình một chút, phải không anh Xuân Diệu !

Và nói với anh điều này cũng thừa, vì anh biết thuở làm thơ, anh cũng rất mến người nào mến mộ thơ anh, và anh càng quý những người nào có con mắt xanh với những bài thơ tình của anh.

Thì bây giờ, cả một tuyển tập thơ tình của anh đến với bạn đọc, mà sinh thời anh là một người "Tác phẩm đẳng thân" (tác phẩm cao bằng người) cũng chưa hề có một tuyển tập thơ tình cho cả đời thơ của mình.

Lời giới thiệu tập *Thơ tình* của Xuân Diệu
(In trong *Xuân Diệu tình đời và sự nghiệp*.
NXB Hội nhà văn, Hà Nội, 1996)

http://tieulun.hopto.org

XUÂN DIỆU : CHƯA AI THÔNG CẢM HẾT NỖI CÔ ĐỘC CỦA TÔI

VƯƠNG TRÍ NHÀN

Thật ra, cách tìm xuống... âm phủ để hỏi chuyện "các bậc tài hoa" đã chết như thế này đã được nhà văn Phạm Thị Hoài đầu têu với cuộc phỏng vấn Hồ Xuân Hương in ở *Lao động Chủ nhật* số 2 ra ngày 10-12-1989 ; người viết bài này chỉ học đòi mà phỏng theo. Chỗ khác nhau giữa chúng tôi là : Phạm Thị Hoài mượn hình thức hỏi chuyện để trình ra một ý nghĩ của mình về cuộc cách mạng tình dục ; bài phỏng vấn đó thực chất là một tiểu luận. Còn bài viết của tôi là bài phỏng vấn... thiệt ! Rất mong bạn đọc xa gần, nhất là những người có quen biết Xuân Diệu hồi ông còn sống, xác minh hộ xem người đối thoại với tôi hôm nay có phải là Xuân Diệu thật không, hay là một hồn ma nào khác.

– *Ông có biết rằng sau khi ông mất, đến nay* ***Tuyển tập Xuân Diệu*** (*bộ sách mà ông rất tự hào*) vẫn chưa ra tiếp tập cuối ?

– Biết chứ. Vì tập cuối là dành cho tiểu luận. Mà phần nòng cốt của nó – những bài viết về các nhà thơ cổ điển Việt Nam – cũng vừa được in lại vào năm 1987. Người ta đã no. Lỗi tại mình, mình có phần tham.

– *Biết thế, sao ông vẫn muốn để bộ* ***Các nhà thơ cổ điển Việt Nam*** *ra lần thứ hai ?*

– Hoàn cảnh lúc tôi sống khác, bây giờ khác.

– *Chắc cũng vì hiểu hoàn cảnh như thế, nên trong* ***Tuyển tập, tập 1,*** *ông cho in cả những bài thơ dở ?*

– Thơ hay tự bạn đọc biết tìm cho họ rồi. Nhiệm vụ của nhà thơ lúc làm tuyển tập cuối đời là đưa thêm cho họ thật nhiều, để họ đãi lại, may ra có được gì thêm.

– *Chỗ mạnh chính trong con người ông ?*

– Làm việc cật lực, làm việc không ngẩng đầu lên được nữa.

http://tieulun.hopto.org

– Thế còn chỗ yếu ?

– Cũng là làm việc cật lực đến mức không có thì giờ xem xét lại, đánh giá lại công việc của mình nữa. Người ta thích nhắc lại câu của Goethe : Khởi nguyên là hành động. Nhưng nên nhớ Goethe còn nói : Sự hành động làm tê liệt tư tưởng.

– Ông có nghĩ rằng trong giới văn nghệ sĩ nước ta, không thấy những trí thức cỡ lớn như R. Rolland, A. France ?

– ... Ờ ờ, cũng còn để xem đã.

– Kinh nghiệm tồn tại của ông trong văn học ?

– Lúc làm thơ thì phải thật trong sáng. Nhưng lúc in thơ lại phải thật cơ hội (cười). Cậu xem, trừ Tô Hoài, còn ai lắm đầu sách như mình nào ! Mà quá nửa sách của Tô Hoài là sách viết cho thiếu nhi.

– Phương châm sống của ông ?

– Vắt kiệt mình cho đời. Viết hết những điều muốn viết và có thể viết. Một người như Nguyễn Tuân biết nhiều mà viết quá ít.

– Vì cụ Nguyễn Tuân còn muốn sống cho đẹp.

– Có lẽ thế. Còn mình, mình nghĩ phần tinh hoa của người nghệ sĩ mà cũng là phần sống của đời họ là ở tác phẩm. Theo mốt hiện đại, không ai đếm xỉa đến cuộc sống riêng của anh lắm đâu, mà anh phải quá chăm chút đến mất thì giờ vì nó. Tôi sống chỉ cốt để phục vụ cái tôi viết.

– Nhiều người cũng muốn như ông, mà không xoay xoả nổi.

– Phải. Vì họ còn vợ đẹp con khôn, có người còn quyền cao chức trọng đủ thứ. Còn tôi, không có gia đình, tôi chỉ lấy viết làm vui. Sinh thời, tôi đã tập cho mình thói quen của mấy bà già nông thôn. Cậu có để ý thấy các bà ấy lúc nào cũng phải có việc gì đó để làm, rời tay cấy hái là lại lăn vào chuyện nhà cửa bếp núc nếu không thì cũng khâu vá hết ngày...

– Lúc sống, có điều gì mà ông cảm thấy chưa được thông cảm ?

– Sự cô độc và những cách thức của con người để sống chung mà cũng là để chiến thắng sự cô độc ấy.

– Tại sao những năm cuối đời, ông không tính chuyện viết hồi ký ?

http://tieulun.hopto.org

– Mình không muốn công nhận là mình đã già. Mình mải việc... Và chăng, hồi ấy viết hồi ký có cái phiền của nó. Ví dụ chuyện mình có mấy bài thơ tặng Nhất Linh, Hoàng Đạo, rồi chuyện mình chính thức có chân trong nhóm Tự lực văn đoàn, hồi ấy mình đã phải dẹp mãi, các sách văn học sử nó mới lờ đi cho. Ai hơi đâu mà lạy ông tôi ở bụi này ? Còn như, giá được sống đến bây giờ, trong hoàn cảnh Tự lực văn đoàn được đánh giá lại, thì mình sẽ trình bày chuyện ấy thật đàng hoàng.

– *Giờ đây, ở dưới suối vàng, ông nghĩ thế nào về đời mình ?*

– Mãn nguyện. Có thể coi là mãn nguyện được.

– *Nếu mai đây, các nhà văn học sử đánh giá lại về ông thì sao ?*

– Đấy là việc của họ. Nhưng vượt được bọn mình, đâu có phải chuyện dễ.

(In trong *Những kiếp hoa đại*,
NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1993)

http://tieulun.hopto.org

Chương hai

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ NGHỆ THUẬT

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

XUÂN DIỆU VÀ MỘT QUAN NIỆM CỞI MỞ VỀ TÍNH DÂN TỘC

VƯƠNG TRÍ NHÀN
Sưu tầm và biên soạn

Là một thành viên chính thức của Tự lực văn đoàn vào những năm trước 1940, đối với mấy tờ báo là cơ quan chủ chốt của Văn đoàn này như *Phong hoá, Ngày nay*, Xuân Diệu có sự cộng tác thường xuyên. Ở đó, chẳng những ông cho đăng thơ mà còn cho in truyện ngắn và tiểu luận.

Tuyển tập Xuân Diệu, tập II (in ra 1987) được xác định là dành riêng cho truyện ngắn, bút ký, song đã lấy vào một bài tiểu luận ngắn của tác giả *Gửi hương cho gió*. Đó là bài *Thơ của người* in trên *Ngày nay* số ra ngày 7-8-1938.

Lần này, chúng tôi xin giới thiệu một tiểu luận ngắn khác của Xuân Diệu in trên *Ngày nay* năm 1939 liên quan đến một vấn đề mà nhiều người hằng quan tâm, và giữa tháng 4-1994 vừa qua, đã trở thành chủ điểm của một cuộc hội thảo rộng rãi, đó là vấn đề tính dân tộc trong thơ.

Chúng ta sẽ gặp ở đây một cách hiểu khá rộng rãi của Xuân Diệu : ông không nghĩ tính cách dân tộc là một cái gì nhất thành bất biến. Ngược lại, từ kinh nghiệm riêng của một người làm việc, ông bảo chúng ta phải mở cửa, phải biết tiếp nhận. Có những cách nói ban đầu khó nghe rồi dần dần sẽ quen. Chừng nào còn là người Việt, những cái chúng ta viết sẽ là văn chương Việt Nam. Không phải chỉ có một lối "giản dị", "chân quê" mới là dân tộc, như có người đã nghĩ !

Về mặt giọng điệu, Xuân Diệu năm 1939 cũng là Xuân Diệu những năm về sau, tự nhiên, nhẹ nhàng mà không kém phần duyên dáng. Văn ông không sa vào biền ngẫu song lại luôn luôn tạo được âm hưởng riêng. Câu văn như lời trò chuyện dung dị, thỉnh thoảng lại có cái đột ngột của

http://tieulun.hopto.org

một thứ đối thoại tâm tình. Đọc những bài viết ra từ 1939 này, người ta vẫn nhận ra nét bút riêng của con người sau này sẽ viết nên *Tiếng thơ, Dao có mài mới sắc,... Và cây đời mãi mãi xanh tươi*, v.v.

Để lưu ý rằng bài viết ra đời đã hơn nửa thế kỷ và cũng là để tôn trọng một cây bút đã quá cố, chúng tôi cố ý giữ nguyên một số từ ngữ được Xuân Diệu sử dụng từ hồi ấy, từ cách gọi Việt Nam là An Nam, Trung Hoa là Tàu,... cho đến cách chép tên đầy đủ người nước ngoài mà không phiên âm, và thỉnh thoảng lại chú thích nguyên văn tiếng Pháp của một, hai danh từ mới nhập vào Việt Nam.

TÍNH CÁCH "AN NAM" TRONG VĂN CHƯƠNG

Có lẽ ý tôi sẽ ngược với rất nhiều người, song tôi cũng mong được có cái tự do tư tưởng, nói những điều tôi thành thực tin, dù bị công kích cũng đành.

Văng vẳng ở đâu đây, tôi được nghe người ta bảo : Văn chương An-nam phải có tính cách An-nam.

Thực là chí lý ; thực là một điều dĩ nhiên quá : Chẳng nhẽ viết văn An-nam lại hoá ra viết văn Tây ! Nhưng cái thuyết "tính cách An-nam" là một thuyết dễ làm cho ta nhầm ; chỉ một chút cố chấp, một chút hủ lậu cũng đủ biến cái thuyết đẹp đẽ kia thành ra một thuyết chật hẹp, nông nổi.

Người An-nam là người An-nam, chứ người Tây sao được ? Dù có Âu hoá đi nữa, cái đặc biệt của nòi giống vẫn còn ở trong máu, trong từng thớ thịt, từng miếng da. Văn chương Việt Nam cũng vậy. Cái ngô nghê phải chết, cái lố lăng phải mất, sự nô lệ trong văn chương không thể nào tạo nên được những tác phẩm lâu bền. Phải, văn mỗi nước có một tinh thần, khó có thể diễn tả ra cho rõ được ; ta phải có một thứ xúc cảm riêng để cảm nghe cái tinh thần ấy. Đời nào văn Việt Nam lại dung túng những lối văn sống sượng, một lối văn nô lệ cho văn Tàu hay văn Tây ! Trong văn chương cũng có một luật đào thải tự nhiên ; những cái phản với tinh thần quốc văn tất phải tiêu diệt.

Tôi nghĩ chúng ta không cần phải quá áy náy, lo rằng văn chương Việt Nam mắc cái bệnh "làm Tây" ; những cỏ dại không hợp với thuỷ thổ sẽ chết ngay từ khi gieo giống.

http://tieulun.hopto.org

Chúng ta phải giữ gìn cho tính cách An-nam. Điều này rất phải. Nhưng giữ gìn bờ cõi có phải là đóng hết cửa biển, tuyệt hết giao thông, bế tắc cả nước lại đâu ! Giữ gìn không phải là quẩn quanh trong vũng ao tù, không phải là đành tâm mến yêu một cảnh nghèo đói. Văn chương Việt Nam được giữ kín một cách chắc chắn là tiếng Việt Nam (la langue Annamite) có hình thức, có mẹo luật riêng. Ta biết rằng quốc văn dùng những chữ (les mots) An-nam, theo một cú pháp An-nam và theo cái "tinh thần" riêng, mà ta cảm nghe rất rõ ; tiếng An-nam cũng như một khí cụ ta biết khéo dùng cái khí cụ ấy, dùng cẩn thận thì thôi ; hà tất phải khư khư chạy đi tìm một cái cổ hủ nào rất vu vơ, mờ mịt ?

Cái học Âu-tây đã làm cho chúng ta tinh vi, kỹ lưỡng ; vì sao ta không nói những điều ấy trong văn Việt Nam ?

Ta viết văn An-nam ta tả những tình cảm của ta, thì có gì hại cho văn An-nam chứ ? Chúng ta là những người An-nam có chịu ảnh hưởng Âu-tây, nhưng vẫn là người An-nam. Mà người Âu-tây là gì ? Họ cũng là người. Trừ những điều riêng tây quá, chứ cái "kho", cái "đáy", cái "vốn" của con người ở đâu đâu cũng giống nhau. Trong lòng An-nam của chúng ta, vẫn có phần nhiều những ý, những tình, những cảm giác mà người Tây có. Xưa kia ta không nói là vì ta không ngờ ; bây giờ cái não khoa học của Âu tây đã cho biết rằng ta có, vẫn có đã lâu những của cải chôn giấu ở trong lòng, thì sao ta không nói ? Miễn là ta dùng tiếng An-nam và dùng đúng, tức là ta viết văn An-nam. Khi xưa, đất An-nam cũng vẫn có những dầu hoả đấy chứ ; cái dầu hoả mà khoa học Âu tây tìm ra trên đất An-nam có phải là dầu hoả tây hay không ?

Với lại có những cách phải dựa theo Tây mà nói, nếu không thì không nói được bằng cách nào. Ta phải nhận rằng xưa kia các cụ có mấy khi chịu dùng tiếng An-nam ! Một thứ tiếng để lâu quá, ít dùng quá thì cố nhiên ít được khéo léo. Chúng ta phải tạo thêm, phải bày đặt ra những cách dùng mới mà xưa kia các cụ không chịu tìm ; vả lại chúng ta ở thế kỷ hai mươi, chúng ta có những cái phức tạp mà các cụ không có. Cái phức tạp là đấy ư ? Thế nghĩa là muốn làm An-nam, phải giản dị, đơn sơ như thời trung cổ ư ?

Bởi thế, thỉnh thoảng chúng ta phải dùng những chữ ***bởi, của, trong*** *v.v., những tiếng đưa đẩy mà trước kia các cụ rất ít dùng ; và ta lại dùng theo cách có hơi lạ.*

http://tieulun.hopto.org

Tôi xin lỗi ông Hoài Thanh vì tôi đã nói : "đại dương của thương nhớ, sa mạc của cô đơn". Tôi nhận rằng chữ của *ngô nghê thực, song le nếu nói : "nỗi thương nhớ mênh mông như đại dương" thì hai câu rất khác nhau. Câu dưới là một sự so sánh (une comparaison), câu trên có chữ* của *là một sự chung hợp, một sự lẫn lộn (une métaphore). Ý của tôi phải dùng một cái métaphore mới tả được ; thì tôi phải dùng chữ của dầu cái chữ ấy nghe không quen tai.*

Tôi còn nói nhiều về vấn đề này. Một vấn đề mềm mỏng và hệ trọng bao nhiêu ! Cốt nhất không phải là thắng trong sự tranh luận ; cốt nhất không phải lòng tự ái ; chỉ một điều ta nên nghĩ, dầu ta phải hay trái, là tiếng Việt Nam mà ta yêu.

(*Ngày nay* ra ngày thứ bảy 28
Janvier 1939, số 117)
(In trong *Xuân Diệu tình đời và sự nghiệp*,
NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1996)

http://tieulun.hopto.org

CÁI "TÔI" ĐỘC ĐÁO - TÍCH CỰC CỦA XUÂN DIỆU TRONG PHONG TRÀO "THƠ MỚI"

LÊ QUANG HƯNG

Làm nên chiến thắng vẻ vang của phong trào Thơ mới qua mấy năm đấu tranh khá kịch liệt với thơ cũ, trước tiên phải ghi nhận công lao của Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Huy Thông. Khi Xuân Diệu, với trái tim si mê và rạo rực, với hồn thơ "Âu hoá" rõ rệt hơn xuất hiện thì những tháng năm "đại náo" trong làng thơ đã đi qua. Thơ mới vừa toàn thắng, ngọn cờ phong trào từ chủ tướng Thế Lữ được chuyển giao ngay sang bàn tay mới, và chàng thanh niên Xuân Diệu quả không phụ công sức của những người giành giật, khai phá, đã giương cao hơn nữa ngọn cờ, mau chóng trở thành vị đại biểu ưu tú nhất của một thời đại thi ca.

Buổi đầu xuất hiện trên thi đàn, ra mắt xã hội, *cái tôi* tiểu tư sản không khỏi bỡ ngỡ. Như chàng trai trẻ khoác bộ tân thời bước ra trình diện khi xung quanh mình còn khá đông các cụ, các bậc quần chùng, áo thụng đen, *cái tôi* thời này còn dè dặt, ý tứ, chưa bộc lộ đầy đủ mọi ham muốn cá nhân của mình. Lưu Trọng Lư đưa người đọc vào thế giới dường nửa hư nửa thực, thế giới của mộng mơ, của nhớ thương bằng những vần thơ trong sáng, đượm buồn trong nhạc điệu vấn vương êm đềm. Cuộc sống trong thơ Thế Lữ vẫn chưa phải là cuộc sống thực mà thường được khoác áo bồng lai tiên cảnh cho thanh cao. Tuy là ngọn cờ tiên phong của phong trào Thơ mới thời kỳ đầu, nhà thơ này vẫn chưa đoạn tuyệt hẳn với những ước lệ cổ điển. Giữa lúc ấy, Xuân Diệu xuất hiện. Gạt bỏ mọi giấc mộng sầu man mác ở Lưu Trọng Lư, mọi hoài bão mơ hồ của Thế Lữ, Huy Thông, Xuân Diệu dứt khoát và say sưa phát biểu thẳng những ước muốn riêng tư, những khát khao hưởng thụ của mình. Đến Xuân Diệu, *cái tôi* tiểu tư sản ngang nhiên đòi hỏi được thoả mãn một cách tối đa những nhu cầu của cuộc sống vật chất, của những tình cảm, cảm giác phức tạp, mãnh liệt.

http://tieulun.hopto.org

Có lẽ trong các nhà thơ mới chưa ai bộc lộ lòng ham sống đến mức thiết tha, cuồng nhiệt như Xuân Diệu :

Kẻ đựng trái tim trìu máu đất,
Hai tay chín móng bám vào đời.

(*Hư vô*)

"Lầu thơ của ông dựng trên đất của một tấm lòng trần gian, ông đã không trốn tránh mà lại còn quyến luyến cõi trần"[1]. Ví mình như cây kim bé nhỏ mà vạn vật là muôn đá nam châm, Xuân Diệu luôn ước ao sự hoà hợp khăng khít với thế giới thiên nhiên - vầng trăng, cây cỏ, hoa lá,... với mọi người - nhất là những người đương trẻ tuổi trẻ lòng. Không ít nhà thơ mới có những lần cảm thấy thú vị khi trầm mình trong nỗi cô đơn. Xuân Diệu rất sợ sự lẻ loi, sợ thờ ơ lạnh nhạt. Vì thế, trong các nhà thơ mới có lẽ cũng chưa ai trực tiếp bộc bạch nỗi lòng mình trong thơ, khao khát thực hiện bằng thơ cái nhu cầu đối thoại, giao tiếp như Xuân Diệu. Ông bộc lộ lòng ham sống, bộc lộ nỗi hốt hoảng trước sự chảy trôi của thời gian ; ông khẩn thiết kêu gọi mọi người hãy tận tâm, siêng năng mà sống, mà yêu "cho toàn vẹn tuổi xuân hiếm hoi của ta". Và những vần thơ si mê, đầy cuốn hút ấy "là những cái bỏng lưỡi, hay những cái đau răng vì đã uống tham lam vào suốt mặt trời, đã ăn hăm hở vào trái mùa xuân"[2].

Trời cao trêu nhử chén xanh êm,
Biển đắng không nguôi nỗi khát thèm.
Nên lúc môi ta kề miệng thắm,
Trời ơi, ta muốn uống hồn em !

(*Vô biên*)

Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối,
Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm.
Em vui đi, răng nở ánh trăng rằm,
Anh hút nhuỵ của mỗi giờ tình tự.

(*Giục giã*)

(1) Thế Lữ, "*Lời tựa* cho tập *Thơ thơ*", xuất bản lần thứ nhất, 1938.

(2) Xuân Diệu, "*Lời đưa duyên* cho tập *Thơ thơ*", 1938.

http://tieulun.hopto.org

Ta muốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn ;
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều...
...Hỡi Xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi !

(*Vội vàng*)

Có thể dẫn ra rất nhiều đoạn thơ nữa Xuân Diệu thể hiện đặc biệt sôi nổi nỗi ham yêu khát sống của mình. Có thể lập được một hệ thống động từ diễn tả khá đầy đủ các động tác mạnh bạo từng được Xuân Diệu vận dụng để bộc bạch nhiệt tình hưởng thụ cuộc sống nồng cháy, hăm hở đến kỳ lạ. Niềm ham sống được gửi cả vào niềm khao khát vô biên tình yêu và tuổi trẻ bởi ông coi đó là "phần ngon nhất của cuộc đời" Đến Xuân Diệu, cái *tôi* tiểu tư sản không còn yêu một cách rụt rè, nhớ thương bóng gió nữa. Thứ tình yêu xa xăm dè dặt, lẩn trong sầu mộng giờ đây trở thành tình yêu trần tục, "đắm say và... ầm ĩ". Với Lưu Trọng Lư, Thế Lữ, người yêu còn như "bông hoa phong kín ý yêu đương". Đến Xuân Diệu, "kẻ uống tình yêu dập cả môi" mà vẫn không lúc nào nguôi nôi khát thèm. Rõ ràng, tình yêu của cái *tôi* tiểu tư sản này mang nặng triết lý hưởng thụ. Niềm khao khát hưởng thụ cuộc sống trần tục, thèm muốn hoà hợp vô biên và tuyệt đích trong tình yêu được Xuân Diệu nói lên một cách chân thành, táo bạo. Cường độ cảm xúc cao được biểu hiện bằng thứ ngôn ngữ sinh động, giàu sức gợi cảm trực tiếp. Phải chăng, đây chính là nguyên nhân khiến thơ ông "mang theo một nguồn sống dào dạt chưa từng thấy ở chốn nước non lặng lẽ này" (*Thi nhân Việt Nam*).

Như vậy, với Xuân Diệu, phong trào Thơ mới lên đến đỉnh cao, ở độ tròn đầy, sung mãn nhất của nó. Lần đầu tiên, với Xuân Diệu, *cái tôi* tiểu tư sản ý thức được sâu sắc chính mình, mạnh dạn tỏ bày niềm ước vọng hưởng thụ cuộc sống.

Song, trên mới chỉ là một phía của *cái tôi* thơ mới. Tính chất biện chứng trong quá trình phát triển của chủ nghĩa cá nhân tiểu tư sản ở xã hội thực dân nửa phong kiến thời đó là : khi ý thức sâu sắc được bản ngã của mình đồng thời cũng là lúc cảm thấy đầy đủ nỗi cô đơn, sự vô

http://tieulun.hopto.org

nghĩa lý của tồn tại bản thân. Sáng tác của Xuân Diệu thể hiện rõ đặc điểm này. Có thể xem Xuân Diệu như chiếc bản lề khép mở hai chặng đời của *cái tôi* thơ mới : ở đỉnh cao nhất nó đồng thời bắt đầu khủng hoảng.

Lúc hăng hái tự thổi phồng mình, kiêu căng tuyên bố tuyệt giao với tất cả tự ví mình như đỉnh Hi Mã Lạp Sơn cao ngất :

Ta là Một, là Riêng, là Thứ Nhất
Không có chi bè bạn nổi cùng ta

cũng là lúc *cái tôi* tiểu tư sản ở Xuân Diệu bắt đầu cảm thấy lạnh lẽo, cô quạnh :

Hiu hắt nhỉ, bốn phương trời vô vỗ
Lạnh lùng chăng, sầu một đỉnh chon von ?...

(*Hi Mã Lạp Sơn*)

Nỗi cô quạnh ấy càng ngày càng ngấm sâu vào cơ thể khiến cái tôi này sợ hãi, hốt hoảng.

Khi nhìn nhận sáng tác của các nhà thơ mới, đặc biệt đối với những nhà thơ có mặt giữa phong trào trên dăm bảy năm, theo chúng tôi, một điểm quan trọng là phải chú ý tới tính chất quá trình. Không nên xem xét các tập thơ trước Cách mạng của Xuân Diệu, của Huy Cận, hay của Hàn Mặc Tử như một khối thống nhất, bất biến bởi dẫu đã trốn trong tháp ngà nghệ thuật vị nghệ thuật nhưng xã hội sóng gió, đầy biến động phức tạp hồi ấy không khỏi tác động tới các nhà thơ mới. Từ *Thơ thơ* (xuất bản năm 1938) đến *Gửi hương cho gió* (xuất bản năm 1845) *cái tôi* tiểu tư sản ở Xuân Diệu ngày một lún sâu vào bi kịch của một trái tim hiến dâng nhầm chỗ.

Bước vào tập *Thơ thơ*, chúng ta thấy Xuân Diệu còn ngồi cạnh người yêu, đang "hẹn hò", đang "được" tương tư. Nhưng sang *Gửi hương cho gió*, chỉ còn gặp nhà thơ đang rao món hàng tình yêu, phải "mời yêu" :

Mở miệng vàng ! Và hãy nói yêu tôi !
Dẫu chỉ là trong một phút mà thôi !

Lời khẩn cầu tội nghiệp ấy thành điệp khúc trong bài thơ *Mời yêu*. Tiếng kêu xin hạnh phúc tình yêu của Xuân Diệu thất thanh giữa xã hội đồng tiền điên đảo. Nó vô ích như nước đổ lá khoai :

http://tieulun.hopto.org

Lòng ta là một cơn mưa lũ,
Đã gặp lòng em là lá khoai.

Mưa biếc tha hồ rơi giọt ngọc,
Lá xanh không ướt đến da ngoài.

(*Nước đổ lá khoai*)

Thất vọng, cuối cùng nhà thơ tự lừa dối mình bằng tình yêu một chiều, có đi không có lại. *Phấn thông vàng* bay đi phân phát khắp mọi nơi. Xuân Diệu "gửi hương cho gió", trút tâm hồn mình cho nhân gian mà không cần tính toán. Một con người trước kia vốn "tự kiêu" là vậy mà giờ đây hết sức nhún nhường, tự nhận hết lỗi về mình để cầu xin :

Và hãy yêu tôi, một giờ cũng đủ,
Một giây cũng cam, một phút cũng đành :
Khổ tôi hát, loài người xin chớ phụ !
Cô hãy dịu dàng ; chầm chậm, thưa anh.

(*Lời thơ vào tập Gửi hương*)

Điều dễ nhận thấy là đến *Gửi hương cho gió* Xuân Diệu buồn hơn, ít mơ tưởng hơn. Nhiều bài thơ ngấm đậm nỗi buồn "yêu sai duyên và mến chẳng nhằm người", da diết cô sầu "khi yêu tình, khi theo mãi tình yêu". Trong văn chương Việt Nam trước đó, chưa bao giờ thấy cái cảm giác cô đơn như ở Xuân Diệu : Nỗi đơn côi tinh thần đã chuyển thành cảm giác cô đơn nhục thể, rất trực tiếp :

Em sợ lắm. Giá băng tràn mọi nẻo
Trời đầy trăng lạnh lẽo suốt xương da.

Lời van xin khẩn thiết "Chớ để riêng em gặp lòng em" của người kỹ nữ cũng là tiếng lòng của Xuân Diệu. Bởi quá sợ cô độc, đã có khi nhà thơ gấp gáp chạy chốn khỏi chính mình :

Ta bá cổ những con rồng gió lớn,
Không gian đâu ? Thuyền ta vượt trùng dương !
Lòng vỡ tung, ta say khướt đau thương,
Muốn đi gấp cho xương rời tốc độ,
Cho văng xé tay chân, cho rã riêng đầu cổ,

http://tieulun.hopto.org

Mái chèo đập mau, ta thoát ngoài ta !
Chín con rồng ! Nổi gió để buồm xa !

(*Sầu*)

Buồn hơn vì đã tỉnh hơn ! Song *Gửi hương cho gió*, Xuân Diệu dường như nhận ra sự khờ dại của mình. Nhiều bài thơ lúc này thể hiện rõ ý thức tự chiêm nghiệm, cắt nghĩa, phân tích (*Dại khờ, Chỉ ở lòng ta, Tặng thơ, Yêu mến,...*). Cuộc đời quá lạnh nhạt phũ phàng trong khi nhà thơ say sưa dâng trao cả tâm hồn. Ước ao càng thiết tha, nỗi đau càng da diết. Nỗi trớ trêu có thực ấy được Xuân Diệu tổng kết :

Từ ngàn xưa, người ta héo, than ôi
Vì mang phải những sắc lòng tươi quá !

(*Tặng thơ*)

Điều độc đáo đáng quý là niềm yêu cuộc sống yêu tuổi trẻ với tình yêu đến *Gửi hương cho gió* bị lý trí "đe doạ" làm héo mòn song vẫn cứ tươi xanh. Âu đó cũng là quy luật riêng của tình cảm ở những kẻ si tình : càng bị chối từ, ruồng rẫy, lại càng "bám chặt", càng yêu. *Gửi hương cho gió* vẫn có một mạch thơ đi theo con đường ấy (*Mời yêu, Giục giã, Hết ngày hết tháng, Đa tình,...*). Làm sao một người như Xuân Diệu dễ dàng dứt bỏ cái nghiệp đa tình ! Dễ gì tắt ngọn "lửa thiêng" trong tâm hồn để siêu thoát với "vũ trụ ca". Đau khổ vẫn chẳng nguôi yêu. Yêu, lại càng đau thêm. Đớn đau trong tỉnh ngộ, trong lúng túng giữa lưới chiều buông bủa. Ấy chính là cái bi kịch sâu sắc của hồn thơ Xuân Diệu. Cần chú ý tới tính chất xã hội của bi kịch này. Nỗi giằng xé ấy cũng là tiếng lòng thổn thức của biết bao người có lương tri, muốn sống có ý nghĩa thời trước. Từ *Thơ thơ* đến *Gửi hương cho gió* ; nỗi đau tinh thần trong thơ Xuân Diệu càng da diết hơn, càng hiện thực hơn.

Bi kịch ở hồn thơ Xuân Diệu khiến chúng ta củng cố vững chắc thêm một ý nghĩ : cần nhìn nhận phong trào thơ ca lãng mạn thoát li 1932-1945 một cách thật cụ thể, uyển chuyển. Nếu hiểu khái niệm thoát li theo nghĩa đứng ngoài dòng chảy lớn của lịch sử, rời bỏ các mâu thuẫn xã hội cơ bản thì thơ mới là thứ thơ thoát li, trốn tránh. Quả tình, các nhà thơ mới không dám nhìn thẳng ra xã hội. Quả tình, trong thơ mới còn quá hiếm hình bóng cuộc đời, số phận của bao người

http://tieulun.hopto.org

xung quanh. Trong cơn bế tắc, khủng hoảng, *cái tôi* thơ mới đã chạy trốn theo nhiều ngả đường khác nhau. Rốt cuộc, ngả nào cũng dẫn tới ngõ cụt. Song, cần phân biệt các kiểu nhầm lẫn, các lối trốn chạy. Chính ở đây, cần tránh thái độ "vơ đũa cả nắm", nhập cục trong một khái niệm "lãng mạn tiêu cực". Chế Lan Viên, ngay từ khi bước vào làng thơ, đã phủ định tuyệt đối hiện tại và trần gian. "Xếp bản ngã lại như giáo gươm, ta xin đầu hàng tất cả", từ "cõi âm điêu tàn", hỗn loạn, đến *Vàng sao*, nhà thơ lại trở nên "lạc giữa sao trời", ngày càng rơi vào những mộng mị huyền bí. Cùng một trường thơ loạn, Hàn Mặc Tử lại hướng hồn điên lên thượng giới, hoá thân vào vầng trăng biến hoá trong những cảm giác siêu thoát vừa bệnh hoạn vừa thanh khiết. Ngay Huy Cận, người bạn cố tri của Xuân Diệu, trong *Lửa thiêng* đang ôm nỗi đau đời thê thiết nhưng rồi cũng ung dung thoát ra ngoài cõi tục với niềm vui *Vũ trụ ca*. Như thế, dầu trốn đi đâu, dầu trốn trong sự bằng lòng hay trong nỗi đớn đau thì các nhà thơ trên đều gặp nhau ở một thái độ : ngày càng tránh xa trần gian, ngày càng tự rứt thoát khỏi chính lòng mình.

Xuân Diệu đã "lãng mạn", đã lầm lẫn theo hướng hầu như hoàn toàn ngược lại :

Nhưng nghĩ lại : sống vẫn là hơn chết,
Gần hơn xa : yêu mến ngọt ngào thay.

Dầu ngày càng hiểu ra cuộc đời là "biển đắng" song Xuân Diệu chẳng lúc nào nguôi nỗi khát khao. Ông vẫn hy vọng tìm riêng cho mình một chút ngọt ngào trong cái biển đắng muôn trùng ấy. Hãy xem nỗi sợ hãi chốn hư không của Xuân Diệu :

Tôi run như lá, tái như đông,
Trán chảy mồ hôi, mắt lệ phồng.
Năm đẩy, tháng dồi, tôi đã đến
Trước bờ lạnh lẽo của hư không.

(*Hư vô*)

Không trốn chạy. Không siêu thoát. Hư vô, hư không – theo quan niệm của Xuân Diệu – ấy là cõi chết ; còn cuộc đời này nó thật, nó đáng sống biết bao. Với Huy Cận trong *Vũ trụ ca* : "Ngồi xe nhật nguyệt cùng thiên nhiên - Làm bạn đi đường về vô định" và :"Ta đi về đâu ta

http://tieulun.hopto.org

chẳng biết - Chỉ biết trời xanh là ta say". Với Chế Lan Viên ở *Vàng sao* : Kiếp người ta như những "dạ tràng không dấu vết, đem mình đọ với hư vô, chết đi chưa kịp thấy hư vô", và : "Ái tình, danh vọng mà làm gì ? Văn chương, tư tưởng mà làm gì ? Cuộc đời, cái dằn xuống của một đồng tiền, run sợ trước sự mất còn của hai bề sấp ngửa ! Jéhovah ! Jéhovah ! Cho con tin thật ở ơn Ngài. Cho con có thể tìm đến lòng trời mà khóc !". Trần thế - với các nhà thơ này - quá ư vô nghĩa, đã là chốn hư vô. Mới thấy lòng yêu cuộc sống, yêu cõi tục của Xuân Diệu thật bền bỉ, da diết đến dường nào ! Đó là sức sống của hồn thơ Xuân Diệu. Và oái oăm thay đó cũng lại là nguồn gốc của bi kịch trong cõi lòng Xuân Diệu. Thơ Xuân Diệu thấm đẫm chất người, trĩu nặng nỗi đau nhân thế. Tự cổ chí kim, thơ đậm chất người, sâu nặng nỗi đau người vẫn là thứ thơ cảm hoá được nhiều người nhất. Phải chăng bởi thế, Xuân Diệu với Nguyễn Bính - mỗi người một cực trong phong trào Thơ mới, người thật "Âu Tây", kẻ quá cổ điển - song tiếng thơ đều tìm được nhiều cõi lòng đồng vọng đến vậy.

Cái tôi lãng mạn tiểu tư sản tự bộc lộ mình trong phong trào Thơ mới với lắm hình nhiều dạng khác nhau. Mỗi nhà thơ mới tiêu biểu là một cá tính sáng tạo. Cần chỉ ra độc đáo của cá tính sáng tạo này từ tâm tính tâm hồn đến tư duy nghệ thuật, từ nội dung tư tưởng - cảm xúc đến thi pháp.

Quy luật thăng trầm cùng bi kịch của cuộc đời *cái tôi* thơ mới được thể hiện khá đầy đủ trong sáng tác của Xuân Diệu - vị đại diện ưu tú nhất cho thời đại thơ ca. Cùng chung nỗi đau lớn của những kẻ bị vô thừa nhận trong xã hội nô lệ thời đó, nhưng kiểu băng bó, chữa chạy nỗi đau của các nhà thơ lãng mạn tiểu tư sản không giống nhau. Chính cách chấp nhận nỗi đau của Xuân Diệu, chính bi kịch luôn giằng xé cõi lòng kẻ "hai tay chín móng bám vào đời" tạo nên ý nghĩa nhân văn của tiếng thơ ông. Cần trân trọng, nâng niu khát vọng sống nồng cháy bền bỉ ấy.

Tháng 10-1989

(In trong *Tạp chí Văn học*, số 5, 1990)

http://tieulun.hopto.org

XUÂN DIỆU, NỖI ÁM ẢNH THỜI GIAN

ĐỖ LAI THUÝ

Đi đâu mà vội mà vàng...
(Ca dao)

Không phải đến Xuân Diệu, thơ Việt Nam mới đụng đến thời gian. Xưa, Nguyễn Du đã từng than : *Ngày vui ngắn chẳng tày gang* ! Gần chúng ta hơn, Tản Đà cũng tặc lưỡi : *Trăm năm là ngắn, một ngày dài ghê* ! Nhưng chỉ với Xuân Diệu, thời gian mới trở thành một nỗi *ám ảnh*. Thời gian trong thơ ông không chỉ là cảm xúc, là thi hứng, mà còn là nhân tố kiến trúc của tác phẩm nghệ thuật. Có thể nói, Xuân Diệu như nhìn đời bằng con-mắt-thời-gian ; "chất Xuân Diệu", phong cách thơ ông là ở đó.

Xuân Diệu có hẳn một bài thơ trực tiếp trình bày quan niệm của ông về *Thời gian*. Ông ví thời gian như dòng nước chảy, đời người như con thuyền trôi. Dòng nước thời gian cứ trôi vô tình, không để ý đến tình cảm, ý chí người đi trên thuyền (*Nước không vội vàng, – Cũng không trễ tràng, –Nước trôi vô tình*). Thời gian cũng như đời người "một đi không trở lại"(*Thuyền không trở về, – Nước cũng mất luôn*). Nhưng thời gian mất là mất số tháng ngày hữu hạn trong cái quỹ "ba vạn sáu ngàn ngày là mấy" của đời người, còn thời gian khách quan thì tồn tại vĩnh viễn như trời và đất. Đời người, do vậy, càng trở nên thoáng chốc và quý giá.

Dùng hình tượng dòng nước để nói thời gian không phải là một phát hiện mới mẻ gì. Trước Xuân Diệu hơn nghìn năm, Lý Bạch đã nói trong bài thơ mời rượu (*Tương tiến tửu*). Cái *khác* của nhà thơ Việt Nam, sinh sau đẻ muộn, chỉ là sự lồng vào đấy một quan niệm mới, khoa học về thời gian. Sáng tạo riêng của ông, có lẽ, ở hình tượng *ngọn gió thời gian*.

http://tieulun.hopto.org

Các cụ xưa thích dùng cái cụ thể, cái hữu hình (*dòng nước*) để tượng hình hoá cái trừu tượng, cái vô hình (*thời gian*). Chắc hẳn với họ, thời gian còn nằm trong khoảng mù mờ của ý thức. Xuân Diệu và thế hệ ông đã khái niệm hoá được thời gian, nên thi nhân dám dùng cái vô hình này (*ngọn gió*) để chỉ cái vô hình kia (*thời gian*). Hơn nữa, gió có tốc độ nhanh hơn, biến hoá hơn nên phù hợp hơn với sự cảm nhận thời gian của lớp người mới. Nói vậy, không có nghĩa là hình tượng thời gian trong thơ Xuân Diệu sẽ sa vào trừu tượng. Trái lại, nó rất cụ thể. Hay đúng hơn, nó nằm trên đường biên của cụ thể và trừu tượng. Một đường biên luôn chuyển động và khó nắm bắt.

Thời gian, với Xuân Diệu, mang tính lưỡng giá... Một mặt, ngọn-gió-thời-gian đem tuổi trẻ, tình yêu đến ("*Tình thổi gió, màu yêu lên phấp phới*"). Và sự sống, tình yêu lại được gió mang đi gieo vãi khắp nơi (*Gửi hương cho gió, Phấn thông vàng*). Tạo vật được tiếp thêm sinh khí, sự giao cảm với đồng loại, mỗi khi có gió đến thăm ("*Hoa cúc dường như thôi ẩn dật. – Hoa hồng có vẻ bận soi gương*"). Mặt khác, gió cũng mang lại bao sự phôi pha, úa héo. Cảnh tượng một khu vườn khi gió đi qua :

Cây bên đường, trụi lá đứng tần ngần,
Khắp xương nhánh chuyển một luồng tê tái ;
Và giữa vườn im, hoa run sợ hãi
Bao nỗi phôi pha, khô héo rụng rời.

(*Tiếng gió*)

Trên cây đời, *lá* đã rụng, lìa cành ; *hoa* tuy còn ở trên cây, nhưng đang run sợ hãi. Lá và hoa đều là những *âm điệu* của phôi pha, nhưng nhấn vào đâu, nốt nhạc nào, thì không chỉ tuỳ thuộc vào ngón tay của nhà nghệ sĩ, mà còn phụ thuộc vào cả thời đại. Nguyễn Du đã làm *văn chiêu hồn* lá : *Mảnh thân chiếc lá biết là về đâu* ? Thơ Tản Đà ngập những lá : *lá thu, lá hồng, lá vàng, bóng lá, xác lá,...* Biểu tượng của phôi pha ở Xuân Diệu lại không phải là lá mà là hoa. *Hoa* với *hương* thơm và *màu sắc* ! Các nhà thơ – nhà nho tài tử, kể cả người chót là Tản Đà, dễ cảm với lá, với tính chất phiêu linh và trải nghiệm của nó. Còn với Xuân Diệu, nhà thơ của lớp người mới, của mùa xuân, của tuổi trẻ, sự phôi pha tàn lụi còn đang ở dự cảm, ở sự thấy trước, biết trước do

http://tieulun.hopto.org

nhận thức được tính khách quan của thời gian. Hoa là hiện tại. Là sự sống đang sống chưa hết cái đời sống tự nhiên của nó. Sự tàn phai của một bông hoa gieo một ấn tượng mạnh hơn : *Hơn một loài hoa đã rụng cành* (*Đây mùa thu tới*) ; *Bông hoa rứt cánh rơi không tiếng – Chẳng hái mà hoa cũng hết dần* (*Ý thu*). Và, sau cùng, là sự ngạc nhiên, tự hỏi : *– Ừ nhỉ ! Sao hoa lại phải rơi ?* (*Ý thu*).

Ở Xuân Diệu, cũng như ở nhiều nhà thơ khác, mùa thu thường choán một chỗ đặc biệt trong thơ. Phải chăng bởi tính giao mùa ? Hè đã qua nhưng nắng tháng Tám còn rám cùi bưởi. Đông chưa đến mà tín hiệu đã nườm nượp phía chân trời. Nằm áp giữa hai khối nóng lạnh đó, thu là một lãnh thổ bị lấn cả đôi đầu nên hay có những *trở trời*. Những khi không có sự đảo chiều thời tiết này, không gian lửng lơ treo một cân bằng mỏng mảnh, thu là khoảng ngưng kỳ diệu thuận cho tạo vật bừng sắc một lần trước khi đi vào héo úa. Các nhà thơ xưa thường chớp lấy cái giây phút an lạc vĩnh hằng này của trời đất để nương gửi cái hài hoà của tâm hồn mình (Nguyễn Khuyến : *Thu điếu, Thu vịnh, Thu ẩm*). Xuân Diệu, ngược lại, cảm ứng mạnh với các trạng huống trở trời của mùa thu. Sự tồn tại *kép*, thậm chí *tam trùng* của khí hậu (hè, thu, đông) và trạng thái *đang* tàn phai (chứ chưa phải đã *mất, hết, thiếu, vắng*) của tạo vật làm cho con người dễ cảm nhận được sự hiện diện của thời gian. Bài thơ *Đây mùa thu tới* với điệp khúc *Đây mùa thu tới – mùa thu tới* ! không chỉ là tiếng báo mùa, mà là sự hối thúc của thời gian.

Mùa thu là thế giới của phôi pha : *Lá ÚA cành KHÔ vẫn RỤNG* dồn ! Từ sự phai của cảnh vật *áo mơ PHAI dệt lá vàng* đến sự phai của lòng người : *Một chút hương PHAI của ái tình ; – Để lòng ước với tình PHAI ấy*... Sự cảm nhận này, khi chưa ý thức được, nhất là ở các thiếu nữ đã tạo nên nỗi "buồn không nói" (*Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói*), hoặc nỗi "buồn vô cớ" (*Hôm nay trời nhẹ lên cao – Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn*).

Nỗi buồn ấy tồn tại trong "vô thức tập thể" của cả một lớp người. Nó tạo nên một khí hậu tinh thần đặc biệt lúc bấy giờ như một thứ "bệnh thời đại". Đó là bệnh nuối tiếc thời gian. Không hiểu do trời phú cho một cảm quan đặc biệt, hay do một "ám ảnh thơ ấu" nào, Xuân Diệu, hơn những thi sĩ khác, đã ý thức sâu sắc được sự mất mát thời gian :

http://tieulun.hopto.org

Thong thả chiều vàng thong thả lại...
Rồi đi... đêm xám tới dần dần...
Cứ thế mà bay cho đến hết
Những ngày, những tháng, những mùa xuân.

(*Giờ tàn*)

Mất thời gian là mất tất cả. Thậm chí, cả cái tưởng như tuyệt đối : *Sự thật hôm nay không thật đến ngày mai* ! Từ nỗi "*BUỒN không nói*", mang tính chất vô thức, chuyển thành mối "*HẬN tháng ngày*", rồi cuối cùng là "*nỗi KHỔ vô hình*", sự thức nhận thời gian do mùa thu gợi lên đã trở thành sâu sắc, đông giá. Thời gian không chỉ làm thay đổi khách thể mà đổi thay cả chủ thể nữa :

Cái bay không đợi cái trôi,
Từ tôi-phút-ấy sang tôi-phút-này.

(*Đi thuyền*)

Sự thay đổi của con người, từng phút, từng phút, sẽ làm nó mất tuổi trẻ và, cuối cùng, là cái chết. Cái thuyết tuần hoàn, luân hồi chuyển kiếp chỉ có tác dụng khi con người tin rằng nó là một bộ phận của cái đại ngã vũ trụ. Nghĩa là, thời gian là một vận động tuần hoàn. Trăng tròn rồi lại khuyết, khuyết rồi lại tròn, không có gì mất đi cả. Còn khi con người là cá nhân, cá thể, đặt cuộc đời mình vào giới hạn trăm năm thì các thuyết đó không giải quyết được gì hết. Con người trở nên lạnh nhạt với đời sống sau khi chết. Và người ta nhận thức được ý nghĩa của cái chết nằm trong ý nghĩa của đời sống. Sống như thế nào, điều đó mới quan trọng. Bởi vậy, cá nhân cô đơn phải tự tìm lấy phương thuốc của mình và cho mình ngay ngày hôm nay, trên cõi đời này.

Các phương thuốc của người xưa dù khác nhau đến đâu vẫn không thể tránh khỏi thang thoát ly."Trẻ Nho già Lão" hoặc "Vào Nho ra Phật" là phương châm ứng xử của cả vùng văn hoá Đông Á. Các nhà thơ cùng thời với Xuân Diệu chủ yếu vẫn tuân theo ứng xử trên, tuy biểu đồ giao động của họ có biên độ lớn nhỏ khác nhau. Người này đi tìm sự xê dịch trong không gian bằng những chuyến "giang hồ vặt" như Nguyễn Tuân, Nguyễn Bính,... kẻ khác đi vào nhảy đầm, thuốc phiện như Vũ Hoàng Chương, Vũ Bằng, Đinh Hùng,... ; người thứ ba đi tìm cuộc sống ở

http://tieulun.hopto.org

ngoài đời bằng "thiên thai" hoặc mơ mộng như Thế Lữ, Lưu Trọng Lư,... Chỉ có Xuân Diệu là cứ ở trong đời, bám riết lấy trần thế, níu cuộc sống mà chống lại thời gian :

Ta ôm bó, cánh tay ta làm rắn,
Làm dây đa quấn quýt cả mình xuân.
Không muốn đi, mãi mãi ở vườn trần,
Chân hoá rễ để hút mùa dưới đất.

Một quan niệm sống "dấn thân", khoa học và thực dụng như vậy thật xa vời với truyền thống phương Đông. Hẳn nó chỉ có thể được xây dựng trên nhận thức mới về thời gian. Và điều đó, một lần nữa, được trình bày bằng văn xuôi một cách rõ ràng : *Thời gian chỉ là sự cử động. Nếu tôi đứng, nếu máu tôi ngừng... thời gian của tôi sẽ không còn nữa* (*Thương vay*, trường ca). Bởi vậy, để thời gian không mất đi, con người phải không ngừng vận động, phải "lẫn với đời quay". Nhưng điều quan trọng là phải quay ngang với tốc độ quay của cuộc đời, ngang với nhịp điệu chuyển vần của vũ trụ. A. Einstein đã phát hiện ra là nếu đi ngang với tốc độ của ánh sáng thì tháng ngày sẽ trở nên vĩnh cửu. Săn tìm tốc độ, coi tốc độ là cứu cánh chẳng những là trái ngược với tư tưởng của một xã hội nông nghiệp cổ truyền là nhìn thời gian trôi qua một cách thư thái mà còn là một ý tưởng rất hiện đại của thơ Xuân Diệu. Thi nhân ao ước có *Cặp hài vạn dặm* để đi khắp không gian trong chốc lát và, quan trọng hơn, đi ngang với tốc độ của ngọn-gió-thời-gian : *Ta theo gió mạnh, gió nhanh, – Gió hung dữ, gió sát sanh, gió cuồng !* Chỉ có chế ngự được thời gian thì mới chế ngự được sự phai tàn của đường nét, màu sắc, âm thanh và lòng người :

Đi mau ! Trốn nét ! Trốn màu !
Trốn hơi ! Trốn tiếng ! Trốn nhau ! Trốn mình !

Nhưng đạt được một tốc độ như vậy chỉ là ảo tưởng. Xuân Diệu thực tế hơn, đã thay thế đôi giày cổ tích bằng *lối sống đón trước* để bắt kịp thời gian : *Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân*. Bởi vậy, *Vội vàng* là một triết lý sống, một ứng xử nghệ thuật của nhà thơ. Thế giới thơ Xuân Diệu đầy những từ ngữ *Giục giã, Vội vàng, mau, mau lên, gấp,...* bởi thi nhân e sợ *lỡ làng, muộn màng, không kịp, lỡ thì,...*

http://tieulun.hopto.org

– Mau với chứ, vội vàng lên với chứ,
Em, em ơi tình non đã già rồi ;
– Mau với chứ ! Thời gian không đứng đợi.
Tình thổi gió, màu yêu lên phấp phới
Nhưng đôi ngày, tình mới đã thành xưa.
– Gấp đi em, anh rất sợ ngày mai,
Đời trôi chảy, lòng ta không vĩnh viễn.

Thắng vượt thời gian bằng tốc độ không đủ, mà phải thắng bằng cả *cường độ sống* nữa. Cường độ sống có thể có nhiều cách hiểu, nhiều cách lý giải. Nhưng, *trước hết*, phải trân trọng bám níu lấy sự sống trong mọi hình thái đa dạng, từ vi đến vĩ của nó. "*Tôi sợ mất sự sống của tôi, không muốn nó rơi rớt chảy trôi theo dòng ngày tháng, tôi đã ráng bỏ từng mảnh đời tôi trong hàng chữ, để gửi đi, gửi cho người, cho người bốn phương*" (*Lời đưa duyên – Thơ thơ*). *Thứ hai*, thi nhân biết sống với hiện tại. Đây cũng là một đặc sắc của Xuân Diệu mà cùng thời ít ai đạt được. Trong xã hội cổ truyền, khi thời gian là tuần hoàn, quá khứ là khuôn vàng thước ngọc thì phút giây hiện tại mỏng manh là vô nghĩa. Coi trọng hiện tại cũng là một ý tưởng thiền, là tư tưởng hiện sinh thuần khiết. *Thứ ba*, phải biết nén tối đa sự sống vào một khoảng khắc thời gian nhỏ nhất : *Trút ngàn năm trong một phút chơi vơi.*

Thơ Xuân Diệu là một sự khát thèm sự sống. Ông ca ngợi mọi hình thái chứa giàu sự sống : *mùa xuân* : thời kỳ của sự sống sinh sôi ; *tuổi trẻ* : lúc sức sống tràn đầy ; *tình yêu* : sự bùng nổ của sức sống... Vũ trụ của thi nhân là một vũ trụ của một sự thụ hưởng cuộc sống, trong đó hình thái thụ hưởng cơ bản, cổ sơ là trội nổi hơn cả. Thơ ông đầy những động tác : uống (*uống hồn em*), ôm (*Ta muốn ôm – Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn*), cắn (*Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi !*), môi (*Tháng Giêng ngon như một cặp môi gần*)... Xuân Diệu tự định nghĩa mình : *Tôi kẻ đưa răng bấu mặt trời, – Kẻ đựng trái tim trào máu đất, – Hai tay chín móng bám vào đời.* Và tư thế thường trực của thi nhân là :

Mau đi thôi ! mùa chưa ngả chiều hôm,
Ta muốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn ;
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,

http://tieulun.hopto.org

Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
Và non nước, và cây, và cỏ rạng,
Cho chuếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,
Cho no nê thanh sắc của thời tươi ;
– Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi !

Mặc dù vồ vập sự sống như vậy, nhưng biết sống với phút giây hiện tại là rất khó, bởi vì cái hiện tại tuy thực, nhưng nó rất mỏng manh. Nhưng hình như sự việc lại bắt đầu từ đó, từ cái nghịch lý này. Hạt nhân nguyên tử tuy nhỏ bé nhưng lại chiếm hầu như toàn bộ khối lượng của nguyên tử. Phút giây hiện tại là sự cô đặc thời gian. Biểu dương hiện tại và dồn nén thời gian vào hiện tại, Xuân Diệu viết :

Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối
Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm.

Lúc này, cái thời gian khách quan đo đếm được bằng máy móc không tồn tại nữa, mà chuyển qua thời gian của cảm giác, tâm trạng. Đó là thứ *thời gian tâm linh*, không có quá khứ, hiện tại, tương lai, khoảng khắc, thiên thu. Đó là nỗ lực phi thời gian hoá của con người trên chính thời gian. Với trực giác về thời gian đó, con người mau chóng đạt tới sự vĩnh cửu – sự vĩnh cửu trong giây lát. Từ sự vĩnh cửu đó, con người bước sang hạnh phúc vì trút được gánh nặng thời gian. Như vậy, thời gian khoa học không phải là tất cả, mà chỉ là một chiều kích trong con người. Thời gian làm tâm linh biến cái thoáng chốc thành cái vĩnh cửu, tức là không gian hoá thời gian, tĩnh hoá cái động. Hàn Mặc Tử đã từng viết : *Van lạy không gian xoá những ngày.*

Một hình thức chiến thắng thời gian khác là lấy chủ quan thắng khách quan, tức là lấy cái năng lượng, nội lực trong lòng mình để chủ quan hoá cái khách quan ; biến cái mùa xuân giới hạn, định kỳ của thiên nhiên thành Xuân vĩnh cửu, *Xuân không mùa* :

Xuân không chỉ ở mùa xuân ba tháng ;
Xuân là khi nắng rạng đến tình cờ,
Chim trên cành há mỏ hót ra thơ ;
Xuân là lúc gió về không định trước.

http://tieulun.hopto.org

Đông đang lạnh bỗng một hôm trở ngược,
Mây bay đi, để hở một khung trời.
Thế là xuân. Ngày chỉ ấm hơi hơi,
Như được nắm một bàn tay son sẻ...

Ở Xuân Diệu, cái "xuân lòng" của ông chủ yếu phát xuất từ tình yêu. Xuân Diệu nổi tiếng là một nhà thơ của tình yêu. Nhưng sự hấp dẫn của thơ Xuân Diệu, sức bền lâu của nó, không phải ở những ngôn từ mà bây giờ ít nhiều đã ngả màu cải lương, không phải ở giọng điệu tha thiết chàng nàng, chính là xuất phát từ một triết lý sống thấm đẫm. Đó là tình yêu có khả năng chiến thắng thời gian, bởi vì tình yêu là sự sống, *sự sống bất tử, sự sống chẳng bao giờ chán nản*. Thơ tình Xuân Diệu sau này mất cái triết lý ấy làm hậu thuẫn để trở nên vụn vặt, tủn mủn. Tình chỉ còn lại là "một chút nghĩa cũ càng".

Xuân Diệu đã từng viết : *Làm sao cắt nghĩa được tình yêu*. Nhưng thực ra sự *định nghĩa* của ông rất rõ ràng : *Tình yêu với ông là sự sống*. Tình yêu vốn là sự tự có của thiên nhiên. Nó có ý nghĩa cổ sơ một cách sâu xa. Tình yêu có ở vạn vật. *"Tình yêu của loài cây xa xôi, viễn vọng như thế, không toan tính gần gũi như loài người. Hoa thông để nhị vàng chảy ra tự trong lòng, và chỉ biết từng nấy. Có một việc là yêu, là gửi đi, là cho. Phấn thông sẽ đến, sẽ không đến ? Kể làm chi"* (*Phấn thông vàng*).

Cơ sở sâu xa của tình yêu là sự sống, nên tình yêu là sự cảm thông, sự giao cảm của tạo vật với nhau :

– Một tối bầu trời đắm sắc mây,
Cây tìm nghiêng xuống nhánh hoa gầy,
Hoa nghiêng xuống cỏ, trong khi cỏ
Nghiêng xuống làn rêu, một tối đầy

Những lời huyền bí toả lên trăng,
Những ý bao la rủ xuống trần,
Những tiếng ân tình hoa bảo gió,
Gió đào thổ thẻ bảo hoa xuân.

(*Với bàn tay ấy*)

http://tieulun.hopto.org

– *"Trong đêm nhung, hoa trống cách vời hoa mái, gọi nhau bằng chút niềm bối rối trong không khí, chỉ gần nhau bằng mảnh phấn hương. Còn những đoá hoa của môi người, ứng nhau thì được đến tầm nhau, gắn thành đoá hoa cảm giác. Thời gian đừng đi qua, đôi cặp môi người đánh dấu vào nhau để lấy một phút giây cực lạc, cùng khấn ép một quãng nhỏ không gian ; và từ ấy trong kỷ niệm trăm năm, còn mãi một điểm hồng".*

(*Phấn thông vàng*)

Tình yêu là sự sống, sự sống là mùa xuân, mùa xuân là tuổi trẻ nên tình yêu trong thơ Xuân Diệu đồng nghĩa với tuổi trẻ, mùa xuân :

Xuân của đất trời nay mới đến ;
Trong tôi xuân đã đến lâu rồi :
Từ lúc yêu nhau, hoa nở mãi
Trong vườn thơm ngát của hồn tôi.

(*Nguyên đán*)

Xuân Diệu làm nhiều thơ xuân : *Nụ cười xuân, Xuân rụng, Xuân đầu, Xuân không mùa,...* Và có lẽ, cái tên Xuân Diệu (Sự kỳ diệu của mùa xuân ?) cũng nằm trong chuỗi cảm xúc ấy ! Đặc biệt, cái nhìn tình yêu – sự sống của Xuân Diệu đã cho phép thi nhân nhìn ra, khám phá ra ý nghĩa mới của mùa thu. Ông làm nhiều thơ về mùa thu (*Đây mùa thu tới, Ý thu, Thu,...*), một lẽ, thu tăng sự cảm nhận thời gian, lẽ khác, thi sĩ thấy mùa thu là mùa yêu. *"Với lòng tôi trời đất chỉ có hai mùa Xuân và Thu, hai mùa đặc biệt ý nhị, hai mùa có bình minh. Từ xuân sang hè là từ ấm sang nóng, từ thu sang đông là từ mát sang lạnh, sự thay đổi làm ta bực tức mà lại không có gì thực mới cả ; đông với hè chỉ là một sự thái quá của thu với xuân... Xuân với thu là hai bình minh trong một năm, sự thay đổi hệ trọng nhất của tâm hồn. Và bởi vậy thu cũng là một mùa xuân ; Đầu xuân là bình minh ấm của lòng tôi, đầu thu là bình minh mát của lòng tôi. Và ấm hay mát, thu hay xuân, lòng tôi cũng rạo rực những tiếng gọi mùa, ái tình ghé môi gọi lời trong gió..."* (*Thu*, trường ca).

Nhưng mọi thứ tình yêu của tạo vật, của thời tiết cuối cùng cũng quy vào tình yêu trai gái của con người. Con người không chỉ là tinh hoa của trời đất "người ta là hoa đất", mà còn chính là trời đất vũ trụ. *Tình yêu là*

http://tieulun.hopto.org

sự sống với con người không chỉ là chuyện duy trì và bảo vệ nòi giống, mà còn là một hình thái đầy đủ nhất của sự sống. Trong tìm về sự hoà hợp nguyên thuỷ, sự hợp nhất ban đầu của hai người yêu nhau chỉ có thể đạt được bằng cả cường độ lẫn tốc độ tình yêu. Tình yêu khắc phục được sự phôi pha của thời gian, nguôi đi nỗi "hận thời gian" : *"Với bàn tay ấy ở trong tay, Tôi đã nguôi quên hận tháng ngày"*.

Trong tình yêu, bởi thế, Xuân Diệu rất sợ khoảng cách, cả khoảng cách tâm hồn lẫn khoảng cách thể xác, cả khoảng cách thời gian :

Tiếc nhau chi, mai mốt đã xa rồi ;
Xa là chết ; hãy tặng tình lúc sống.
Chớ chia rẽ dễ gì ta gặp mộng !
Những dòng đời muôn hướng đã chia trôi.

(*Tặng thơ*)

Thi sĩ kiếm tìm, một cách tuyệt vọng sự hợp nhất tình yêu trong sự hợp nhất thể xác :

Hãy sát đôi đầu ! Hãy kề đôi ngực !
Hãy trộn nhau đôi mái tóc ngắn dài !
Những cánh tay ! Hãy quấn riết đôi vai !
Hãy dâng cả tình yêu lên sóng mắt !
Hãy khắng khít những cặp môi gắn chặt
Cho anh nghe đôi hàm ngọc của răng ;
Trong say sưa anh sẽ bảo em rằng,
"Gần thêm nữa ! Thế vẫn còn xa lắm !"

(*Xa cách*)

Tình yêu không chấp nhận cô đơn, không chấp nhận cá lẻ, không chấp nhận khoảng cách đến nỗi người kỹ nữ, nhân vật tưởng đã dày dạn với chia xa, cũng biết bao đau khổ khi tiễn khách vì sợ cảnh mình gặp lòng mình :

Khách ngồi lại cùng em trong chốc lát ;
Vội vàng chi, trăng sáng quá khách ơi.
Đêm nay rằm : yến tiệc sáng trên trời ;
Khách không ở, lòng em cô độc quá.

(*Lời kỹ nữ*)

http://tieulun.hopto.org

Bởi vậy, Xuân Diệu luôn luôn khao khát tình yêu. Thi sĩ thấy tình yêu như một nguồn nước mà mình như kẻ qua sa mạc. Ông luôn luôn bị một cơn khát siêu hình giày vò. Bầu trời trong mắt ông thành chiếc chén :

Trời cao trêu nhử chén xanh êm ;
Biển đắng khôn nguôi nỗi khát thèm ;
Nên lúc môi ta kề miệng thắm
Trời ơi, ta muốn uống hồn em.

(*Vô biên*)

Ông rất hiện đại và thành thật trong chuyện "quảng cáo" mình để *Mời yêu*, luôn luôn lo sợ phải rơi vào tình cảnh "*Lan mấy đoá lạc loài sơn dã – Uống mùi hương vương giả lắm thay*" của người cung nữ xưa. Như cây thông kia, ông gửi hương phấn của tình yêu cho gió để hy vọng gặp được tình yêu. Thơ tình Xuân Diệu đầy một sự hồi hộp, phấp phỏng, đầy lạc quan và bi quan, đầy hy vọng và thất vọng. Tình yêu quả thật đã khó tìm kiếm, những lời *Mời yêu* kia cứ như *Nước đổ lá khoai*. Thậm chí ngay cả khi có tình yêu rồi thì nó cũng không mang lại được sự hợp nhất :

Em là em ; anh vẫn cứ là anh
Có thể nào qua Vạn Lý Trường Thành
Của hai vũ trụ chứa đầy bí mật.

(*Xa cách*)

Hạnh phúc trên đời này là không có thật chăng ? Thơ tình Xuân Diệu là tiêu biểu nhất của thế hệ thi sĩ 1932 - 1945, một thế hệ tìm thấy ở tình yêu những điều to lớn hơn bản thân nó. Họ thấy ở đó cả cứu cánh, phương tiện, sự hưởng lạc, nơi trú ẩn,... Nó phát triển, giống và khác, với tình yêu của thế hệ nhà nho tài tử trong thời đại Nguyễn Du. Đó cũng là tình yêu có gắn với *yếu tố xác thịt* (Nguyễn Du, Nguyễn Gia Thiều, Hồ Xuân Hương,...). Đó cũng là tình yêu gắn liền với *sự mất mát, hạnh phúc mong manh* (*Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn – Khuôn xanh biết có vuông tròn mà hay ? – Kiều*). Nhưng sự giống nhau chỉ là bề ngoài. Thế hệ nhà thơ tài tử tin hạnh phúc do tình yêu mang lại là *có thật*. Và con người có quyền được hưởng hạnh phúc ấy, nhưng thực tế xã hội đã làm cho hạnh phúc tan vỡ, cho nên con người phẫn uất,

http://tieulun.hopto.org

phản kháng. Tình yêu với thế hệ Thơ mới chỉ là một trái cây có vẻ ngọt, bao nhiêu người hăm hở bập môi vào mới biết đó là một trái đắng. Chính trong hạnh phúc, tình yêu đã chứa đựng khổ đau. Đến với tình yêu như là một đối tượng để hưởng thụ, dần dà các nhà thơ mới coi tình yêu chỉ là một phương tiện để giải thoát.

Có lẽ sự giống nhau và khác nhau này nằm ở trong loại hình cái tôi. Cái tôi tài tử chủ yếu vẫn là cái tôi đại diện, nhưng ý thức cá nhân đã được thời đại thức tỉnh. Nó khao khát đi đến tình yêu và hưởng thụ hạnh phúc, coi đó là chuyện tự nhiên : "Tài tử với giai nhân nợ sẵn". Trong khi đó cái tôi cá nhân trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể bấy giờ mang tính lưỡng giá. Một mặt, nó phát triển hơn, được tự do hơn. Mặt khác, càng lên cao nó càng cảm thấy mình chông chênh hơn. Xét cho cùng, sự bi quan đó là do nó bị tước mất quan niệm cũ về thời gian. Với quan niệm thời gian tuần hoàn, con người dù hạnh phúc hay đau khổ, được yêu hay thất tình đều có được sự bằng an nào đó trong tâm hồn. Còn khi đã thấy thời gian là một chiều thì mảnh đất dưới chân sụp đổ. Cái ta bền vững thủa nào đã mất. Tình yêu, hạnh phúc cũng chỉ là một vật trôi nổi với thời gian, và cuối cùng sẽ kết thúc cùng với đời người. Còn neo được trên dòng thời gian hoạ chăng là con thuyền nghệ thuật ?

Xuân Diệu tìm đến với thơ ca như là một phương tiện triển vọng để đến với bất tử, tức có danh tiếng để chiến thắng thời gian. Có thể thế hệ tài tử quan niệm *danh tiếng* (công danh) khác với thế hệ Thơ mới. Nguyễn Công Trứ coi công danh cũng là một thứ công nghiệp, một thứ nghĩa vụ của kẻ sĩ :

– Đã mang tiếng ở trong trời đất
Phải có danh gì với núi sông

hoặc :

– Không công danh thì nát với cỏ cây

Còn thế hệ Thơ mới ham mê bất tử, danh tiếng, bắt nguồn từ cảm giác bất an ngấm ngầm do tư thế đơn độc của cá nhân trong một thế giới xa lạ. Nếu ý nghĩa của đời sống trở nên đáng nghi ngại. Nếu tương quan của con người với chính mình và với người khác không đem lại an bằng thì danh tiếng là một phương tiện có thể khoả lấp cái nghi ngờ đó. Cũng như công cuộc xây Kim tự tháp của người Ai Cập hay lòng tin vào sự

http://tieulun.hopto.org

bất tử của tín đồ Kitô giáo, danh vọng có khả năng "nâng cấp" đời sống cá nhân từ tình trạng chật hẹp, bất trắc lên bất diệt. Nếu tên tuổi của một người được thời đại mình biết đến, và nếu y còn có thể hy vọng rằng tên tuổi đó sẽ được thế kỷ sau truyền nhắc thì cuộc đời y sẽ có ý nghĩa, do nó sẽ phản ánh được trong cuộc đời của người khác. Như vậy, con người đã thoát khỏi thời gian cá nhân hữu hạn để sống với thời gian lịch sử lâu dài hơn.

Với Xuân Diệu, sự say mê danh tiếng đồng nghĩa với sự say mê một sự nghiệp thơ ca, say mê cái đẹp, say mê nghệ thuật. Nghệ thuật với ông cũng chính là Tình yêu – Sự sống. *"Tình yêu có bao giờ mất ! Phấn thông vàng không gặp hoa cái chăng, thì phấn cũng đã làm lộng lẫy không gian... Sự phung phí đã trở thành mỹ thuật"* (*Phấn thông vàng*). Như vậy, những mối tình không kết trái, những mối tình không, những mối tình đau khổ đã thăng hoa thành nghệ thuật. Nghệ thuật bao giờ cũng xuất phát từ sự phung phí, nhưng bản thân nó lại không phải là sự phung phí. Nghệ thuật là một công cụ giao nối vạn vật, bởi vậy thi sĩ, theo thiên chức của mình, chỉ là một médium của vạn vật. Một khi đã nắm được nghệ thuật, nghệ sĩ có thể tìm lại được *thời gian đã mất* bằng cách đưa được quá khứ về với hiện tại. Trong bài *Nhị hồ*, qua mỗi một khúc điệu lại lấy lại được một không gian khác, một thời gian khác :

Cây cỏ bình yên, khuya tĩnh mịch
Bỗng đâu lên khúc Lạc - âm - thiều...
Nhị hồ để bốc niềm cô tịch
Không khóc, nhưng mà buồn hiu hiu...

Điệu ngả sang bài Mạnh Lệ Quân.
Thu gồm xa vắng tự muôn đời.
Sương nương theo trăng ngừng lưng trời,
Tương tư nâng lòng lên chơi vơi...

Tiếng đàn thầm dịu dẫn tôi đi
Qua những sân cung rộng hải hồ.
Có phải A Phòng hay Cô Tô ?
Lá liễu dài như một nét mi.

http://tieulun.hopto.org

Thơ cũng là sự vĩnh cửu hoá, sự không gian hoá thời gian. Trong thơ cất giấu mùa xuân, cất giấu tuổi trẻ :

Xuân ta đã cất trong thơ phú
Tuổi trẻ trong thơ thắm với đời

(*Tặng bạn bây giờ*)

Biểu tượng của sự vĩnh cửu của cái đẹp, của nghệ thuật trong thơ Xuân Diệu là *Trăng*. Thi sĩ làm nhiều thơ về trăng : *Trăng, Ca tụng, Nguyệt cầm, Buồn trăng*. Thơ Xuân Diệu nói chung và các bài thơ trăng nói riêng tồn tại hai phong cách, khi thì tách riêng ra, khi thì xen kẽ nhau : phong cách lãng mạn và phong cách tượng trưng. Phong cách lãng mạn trực tiếp bày tỏ ý nghĩ, tâm trạng, cảm xúc như bài *Ca tụng*. Phong cách tượng trưng tác giả ẩn mình đi để cho biểu tượng tự phát ngôn, ví như *Nguyệt cầm*... Sự xen kẽ hai phong cách này ở các bài *Trăng, Buồn trăng*,... Cái nhìn tượng trưng phản ánh một thế giới của những bản chất. Nó vượt lên trên kinh nghiệm để thành những chủng loại của một *Thơ*, một cái *Đẹp*, một *lý tưởng*,... Quá trình đi đến một sự vĩnh cửu hoá nghệ thuật để chiến thắng thời gian cũng là quá trình Xuân Diệu chuyển sang cái nhìn tượng trưng. Từ *Cảm xúc* thi nhân đã đi đến *Cảm giác* (*Huyền diệu*) trong sự nhất thể hoá của chúng. Nhà thơ đã sử dụng các thủ pháp như *biểu tượng hoá, thực thể hoá, âm nhạc*,... *Nguyệt cầm* là *đàn trăng*, là *đàn* (nghệ thuật) và *trăng* (thiên nhiên vĩnh cửu), là nghệ thuật vĩnh cửu :

Trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh,
Trăng thương, trăng nhớ, hỡi trăng ngần.
Đàn buồn, đàn lặng, ôi đàn chậm.
Mỗi giọt sương tàn như lệ ngân.

Mây vắng, trời trong, đêm thuỷ tinh,
Linh lung ánh sáng bỗng rung mình
Vì nghe nương tử trong câu hát
Đã chết đêm rằm theo nước xanh.

http://tieulun.hopto.org

Thu lạnh càng thêm nguyệt tỏ ngời,
Đàn ghê như nước, lạnh, trời ơi...
Long lanh tiếng sỏi vang vang hận :
Trăng nhớ Tầm Dương, nhạc nhớ người...

Bốn bề ánh nhạc : biển pha lê
Chiếc đảo hồn tôi rợn bốn bề
Sương bạc làm thinh, khuya nín thở
Nghe sầu âm nhạc đến sao Khuê.

Thơ Xuân Diệu là một thế giới rộng mở, đa thanh. Trong bản giao hưởng âm thanh này nổi lên những giai âm như *Mùa thu* : Sự nhận thức thời gian ; *Vội vàng* : một ứng xử với thời gian, một triết lý thời gian ; *Gửi hương cho gió* : tình yêu như là sự chiến thắng thời gian ; và sau cùng *Thơ thơ* : nghệ thuật như là sự vĩnh cửu hoá thời gian. Trong từng bài thơ, từng giai đoạn thơ, những âm giai này thay nhau nổi lên làm *chủ âm* (dominante) khiến cho toàn bộ sáng tác của Xuân Diệu vừa phong phú, đa dạng, vừa xuyên suốt nhất quán.

(In trong *Con mắt thơ*.
NXB Lao động, Hà Nội, 1992)

http://tieulun.hopto.org

XUÂN DIỆU VÀ VIỆC TÌM HIỂU GIA TÀI VĂN HỌC CỦA ÔNG CHA

VƯƠNG TRÍ NHÀN

Trong kho tàng văn học nước nào cũng vậy, có một bộ phận được gọi là cổ điển. Đó là những tác phẩm tác giả chịu được mọi thử thách của thời gian. Mãi mãi, đó là những giá trị được bạn đọc yêu thích ; dù đã đọc đi đọc lại hàng trăm lần rồi, người ta vẫn cứ muốn có một bản trong nhà, thỉnh thoảng giở ra xem lại. Tác phẩm như có mặt bên chúng ta, cùng chúng ta sống qua mọi buồn vui của cuộc đời. Càng từng trải, càng có kinh nghiệm đời hơn, chúng ta càng thấu hiểu và tâm đắc với những điều từng được viết ra hết sức sâu sắc đó.

Công trình nghiên cứu công phu

Khi lấy việc bình giải, cắt nghĩa, suy nghĩ thêm về thơ Nguyễn Trãi, *Kiều*, thơ Hồ Xuân Hương, thơ Cao Bá Quát, thơ Nguyễn Khuyến, thơ Tú Xương, thơ Nguyễn Đình Chiểu, Xuân Diệu đã nhận lấy một công việc dũng cảm : Nói về những cái tưởng như ai cũng biết rồi, ai cũng đã nhiều lần nghe tới. Nói sao để có những phát hiện mới, cái đó thật khó.

Có điều, đó cũng là một công việc chạm đến tình yêu văn học của mọi người, nếu làm tốt, ắt những trang nghiên cứu sẽ lan truyền rộng, xa. Phê bình nghiên cứu mà cũng có sức mạnh phổ biến, như chính sáng tác vậy.

Và đó chính là ưu điểm nổi bật của bộ sách chúng ta đang nói, hai tập *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam* (Hà Nội, 1981 - 1982).

Những bài viết tập hợp ở đây thu góp công trình tác giả theo đuổi mấy chục năm trời. "Công trình kể biết mấy mươi" – đó là những công trình nghiên cứu chững chạc, kỹ lưỡng. Viết về bất cứ tác phẩm nào, nhà nghiên cứu Xuân Diệu cũng đối mặt với từng dòng từng chữ, đọc đi đọc lại nhiều lần ; sau khi tìm kiếm khá đầy đủ những tư liệu liên quan trực

http://tieulun.hopto.org

tiếp đến "đương sự", lại đọc rất kỹ những ý kiến trước mình đã viết về tác phẩm tác giả đó, để thẩm định, kê cứu. Đọc sử. Đọc các hợp tuyển văn học. Khi cần, nghe thêm các chuyện "ngoài rìa". Viết về Tú Xương, không quên viết về Nam Định hồi đầu thế kỷ. Viết về Nguyễn Khuyến, dừng lại ở từng điển cố đứng đằng sau hai câu thơ chữ Hán, để bàn về sự sâu sắc của cụ Tam nguyên khi sử dụng những điển cố này v.v. Tác phẩm càng lớn – như trường hợp *Kiều*, thơ Hồ Xuân Hương – sự tìm kiếm tài liệu kê cứu càng nhiều. Nhờ thế cuối cùng, bao giờ Xuân Diệu cũng có được cái tự tin ung dung "Vâng, các vị bàn thế nào, tôi đã đọc cả ; giờ tôi xin bàn thêm".

Sự tin cậy của công chúng cũng như của anh em trong giới đối với các bài viết Xuân Diệu từng cho đăng rải rác mấy chục năm nay là bằng chứng chứng tỏ lao động nghiên cứu văn học của anh có chất lượng và đạt năng suất cao. Các bài viết vừa chắc chắn trên phương diện văn học sử, vừa vững vàng trong thẩm định.

Phẩm chất nghệ sĩ

Nhưng sở dĩ người ta nhớ và thích văn nghiên cứu của Xuân Diệu, cái chính là do tác giả đã mang vào đây tất cả tâm huyết của một người sống chết với văn học, yêu vô cùng tiếng mẹ đẻ, yêu sự nghiệp của cha ông. Nói theo chữ Xuân Diệu thường dùng, cái "tình yêu đầy rẫy" đó đã thấm vào văn anh, làm nên mạch đập run rẩy trong mỗi dòng chữ, làm nên sức cuốn hút của từng trang viết.

... "Lòng Xuân Hương là lửa, tay Xuân Hương có điện, nên các chữ đều sống cả lên". Không cứ nói về Xuân Hương, mà về bất cứ ai, Xuân Diệu cũng tìm bằng được cái lửa, cái điện của riêng người đó. Mà tìm ở đâu ? Tìm ngay ở những vang hưởng tác phẩm gợi lên trong lòng mình. Luôn luôn anh đặt mình ở cái thế còn phải vươn lên nữa, hoàn thiện nữa, mới hiểu hết cái đẹp cái hay của tác phẩm. Khi phân tích tác phẩm, anh lại luôn luôn đặt mình vào địa vị người sáng tác, để nói cho thấu đáo từ việc dùng một chữ, đặt một câu đến cấu tứ chung của cả bài.

Trên mọi trang sách, đối tượng được bàn cụ thể là những nhà thơ cổ điển Việt Nam. Nhưng đằng sau đó, Xuân Diệu còn chạm đến những vấn đề lớn hơn : thế nào là sáng tạo ? Có phải sự sáng tạo thường công

http://tieulun.hopto.org

phu và kỳ lạ biết bao, bởi vì, độc đáo thay, nó còn đây với thời gian và người ta có thể bàn mãi không hết.

Về phương diện này, *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam* của Xuân Diệu có thể rất có ích với những ai muốn hiểu và cảm thấy còn phải đọc nhiều mới hiểu được thế nào là thơ, thế nào là văn học.

Cuốn sách phổ cập

Trước khi trực tiếp viết về các giá trị văn học cổ điển, Xuân Diệu từng là tác giả của nhiều tuỳ bút, tiểu luận bộc bạch những cảm nghĩ của một người làm thơ trong chế độ mới : *Những bước đường tư tưởng của tôi, Phê bình giới thiệu thơ, Dao có mài mới sắc*, v.v. Trong những áng văn xuôi đó, nhiều lần nhà thơ muốn kêu lên nỗi sung sướng là được sống trong thời đại này, có một công chúng rất tri âm tri kỷ là đại chúng nhân dân, khiến mình phải cố gắng rất nhiều mới khỏi phụ lòng những bạn đọc thân quý đó.

Với *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam*, lại một lần nữa ý hướng phục vụ đại chúng của Xuân Diệu được bộc lộ rõ. Trong văn phê bình nghiên cứu, luôn luôn anh hiện ra như một diễn giả kỹ lưỡng, tỷ mỷ. Anh không yêu cầu gì ở người nghe, ngoài một điều tối thiểu là lắng nghe anh. Về phần mình, anh đã chuẩn bị tất cả cho ta, và đã cho hết lòng. Đối diện với mỗi tác phẩm cổ điển, anh chia sẻ với ta từng biến thái bé nhỏ xảy đến trong tâm trí. Đó là một lối viết muốn đào cùng tát cạn mọi hiện tượng, phanh phui bằng hết mọi bí mật trong sáng tác văn học. Trong không ít trường hợp, người đọc cảm thấy người nghiên cứu ở đây là một người lắm lời, và có phần tán ra quá rộng, không tuân thủ một quy luật trong giao tiếp, một quy luật mà chắc tác giả biết rất rõ : Cần gợi nhiều hơn nói ; cần ngắn gọn, hàm súc. Tuy nhiên, đây đã là cố tật của anh. Mượn một cách nói mà người ta vẫn nói về những người có cá tính mạnh mẽ :

– Không thế thì không phải là Xuân Diệu !

Đi đầu trong việc tìm hiểu gia tài văn học cổ điển

Bên cạnh sáng tác thơ, sự nghiệp nghiên cứu dịch thơ nước ngoài Xuân Diệu khá đồ sộ. Anh từng là tác giả của gần chục công trình giới thiệu thơ thế kỷ XX. Đối với thế hệ nhà văn mới viết từ sau Cách mạng –

http://tieulun.hopto.org

phần lớn không có khả năng tự mình giao tiếp đón nhận sáng tác hôm nay của thế giới – công việc môi giới của Xuân Diệu quả rất có ích.

Nhưng tôi cho rằng cái công của Xuân Diệu trong việc trở về với cội nguồn thơ dân tộc lại còn đáng quý hơn một bậc nữa.

Đọc văn thơ nước ngoài, hiểu được cái hay của nó, học được nó, không phải là dễ. Nhưng sự lôi cuốn ở đây rất lớn, lúc nào ta cũng có nguyện vọng muốn đọc thêm hiểu thêm.

Trong khi đó, do điều kiện đặc biệt của sáng tác văn học cổ điển trong các thế kỷ trước, đối với những người cầm bút hôm nay, việc tiếp xúc đôi khi là cả một trở ngại, cả về văn tự lẫn thói quen cảm xúc, viết lách. Ta có thể nói như vẹt rằng phát huy truyền thống dân tộc, nhưng lúc cầm trên tay những trang văn xuôi Phạm Đình Hổ, *Thiên Nam ngữ lục* hay *Lục Vân Tiên*,... vẫn thấy ngần ngại. Thà để thì giờ hướng ra nước ngoài hơn là đánh vật với những sáng tác lủng củng điển cố và vần vèo theo kiểu cách rất cũ đó ! Nếu không phải là thường xuyên thì đây đó, tôi, anh, nhiều người chúng ta đã nghĩ như thế. Bởi vậy, chúng tôi càng thấy có thêm lý do để ghi công Xuân Diệu. Với những trang viết của anh và quan trọng hơn, với thái độ chân thành và hết mình đi sâu vào văn học cổ điển của anh, lớp người viết đi sau chúng tôi cảm thấy càng phải quyết tâm hơn trong việc trở lại với truyền thống văn học dân tộc. Kết quả chúng tôi tìm, cách chúng tôi làm trong việc phân tích đánh giá văn học cổ điển nhất định sẽ là khác anh. Nhưng một tình yêu lớn vẫn thống nhất chúng ta lại : tình yêu với những sáng tác làm nên lịch sử văn học nước nhà. Mỗi thế hệ phải có phần đóng góp của mình vào việc làm mới gia tài do ông cha để lại.

1982

(In trong *Xuân Diệu tình đời và sự nghiệp*.
NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1996)

http://tieulun.hopto.org

CÁI "TÔI" TRỮ TÌNH VÀ PHƯƠNG THỨC BIỂU HIỆN CÁI "TÔI" TÌNH YÊU TRONG THƠ XUÂN DIỆU TRƯỚC CÁCH MẠNG

LƯU KHÁNH THƠ

Trong bài đầu cuốn *Thi nhân Việt Nam*, có tên *Một thời đại trong thi ca*, Hoài Thanh đã viết : "Ngày thứ nhất... chữ *tôi* xuất hiện trên thi đàn Việt Nam, nó thật bỡ ngỡ. Nó như lạc loài nơi đất khách. Bởi nó mang một quan niệm chưa từng có ở xứ này : quan niệm cá nhân. Xã hội Việt Nam từ xưa không có cá nhân, chỉ có đoàn thể : lớn thì quốc gia, nhỏ thì gia đình. Còn cá nhân, cái bản sắc của cá nhân chìm đắm trong gia đình, hoà tan trong một quốc gia như giọt nước trong biển cả..."[(1)]. Cái mới của các nhà Thơ mới là đã dám xét *cái tôi* cá nhân như là đối tượng phản ánh nghệ thuật, vừa là chủ thể sáng tạo nghệ thuật.

Con người cá nhân và *cái tôi* riêng đã được thơ mới lãng mạn chú ý ngay từ khi nó mới ra đời. Hầu hết các nhà thơ mới đều đề cao *cái tôi*, coi đó là điểm hội tụ, và cũng có thể là điểm sáng của thế giới tinh thần con người. Một thế hệ thi sĩ mới xuất hiện cùng với một hệ thống các quan niệm thẩm mỹ mới – *Cái tôi* trữ tình mang nhiều màu sắc phong phú, đa dạng, làm nên những sáng tạo mới trong cả một thế hệ thơ ca. Những phong cách, những gương mặt đã tạo nên "thời đại chữ tôi", với cái nghĩa trọn vẹn và tuyệt đối của nó.

Xuân Diệu ra đời như một đỉnh cao của phong trào Thơ mới. Hơn bất cứ nhà thơ nào khác, ông đã bộc lộ trong thơ một *cái Tôi* trữ tình phong phú và độc đáo. Tìm hiểu phương thức biểu hiện *cái tôi* trữ tình, đó cũng là một hướng tiếp cận với thế giới nghệ thuật riêng của Xuân Diệu, nhằm qua đó hiểu rõ hơn bút pháp và phong cách của nhà thơ.

---

(1) Hoài Thanh, Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội, 1988.

http://tieulun.hopto.org

Trong toàn bộ sáng tác của Xuân Diệu trước 1945, thơ tình yêu là mảng đề tài ông chú tâm nhiều nhất và đồng thời nó cũng đem lại cho thơ ông một giọng điệu riêng. Hơn ở bất cứ lĩnh vực tình cảm nào khác trong thế giới thơ trước Cách mạng, *cái tôi* trữ tình của nhà thơ đã được bộc lộ một cách đầy đủ và trọn vẹn, trước hết và chủ yếu qua mảng lớn những bài thơ tình yêu.

I – CÁI TÔI TRỮ TÌNH NHẬP THÂN VÀO ĐỐI TƯỢNG PHẢN ÁNH

Xuân Diệu trong *Lời kỹ nữ* đã miêu tả sâu sắc nỗi cô đơn của người kỹ nữ :

Lòng kỹ nữ cũng sầu như biển lớn
Chớ để riêng em phải gặp lòng em

Sinh thời khi nói về bài thơ này, Xuân Diệu cho biết người kỹ nữ trong thơ cũng chính là mình. Mối quan hệ du khách – nhà thơ – người kỹ nữ được thể hiện trong một tương quan đặc biệt. Tác giả đã hoàn toàn hoá thân và đồng nhất với thân phận người kỹ nữ. Thân phận hai người có những điểm tương đồng. Cả hai cùng chân thành, tha thiết với cuộc đời, nhưng đều gặp sự thờ ơ, lạnh lẽo (*Tình du khách : thuyền qua không buộc chặt*). Hình ảnh người kỹ nữ cũng giống như nhà thơ, đem tiếng đàn mua vui cho người đời, nhưng rồi tất cả đều ra đi, chỉ còn lại nỗi cô đơn tuyệt vọng. Thật ra mô típ người kỹ nữ không phải đến Thơ mới mới có, mà đã có và trở nên quen thuộc trong thơ cổ điển. *Tỳ bà hành* của Bạch Cư Dị nói đến mối giao tình của một kỹ nữ với du khách Tư mã Giang Châu. Đó là chuyện của những cặp giai nhân – tài tử, tri âm – tri kỷ. Hình ảnh người con gái giang hồ vốn cũng đã xuất hiện trong thơ của nhiều nhà Thơ mới khác, và có trước Xuân Diệu khá lâu. *Bi Xuân Nương* của Phan Văn Dật ra đời vào năm 1927. Đó là lời độc thoại của người con gái làng chơi than thở cho thân phận và cảnh ngộ của mình. *Giang hồ* của Lưu Trọng Lư lại diễn đạt hai tư thế, hai tâm trạng, không phải trong đối thoại, càng không phải trong cảm thông với nhau giữa người gái chơi và khách chơi. Nguyễn Bính trong *Oan nghiệt* đứng ở nhân vật *tôi* kể về mình và gia đình mình. Tố Hữu trong *Cô gái sông Hương* để cho nhân vật tự kể về số phận của mình. Và ở phía đối diện, nhà thơ ngỏ lời chia sẻ và tin tưởng đời cô sẽ đổi thay tốt đẹp hơn.

http://tieulun.hopto.org

Xuân Diệu trong *Lời kỹ nữ* là Xuân Diệu hoá thân để qua mối giao tình của người kỹ nữ với du khách mà nói quan hệ nhà thơ với người yêu, và với cuộc đời. Bài thơ thể hiện đậm đà nhất và đạt hiệu quả nhất sự hoá thân, sự nhập thân của nhà thơ vào đối tượng. Với Xuân Diệu nhân vật thơ của mình có một tâm thế khác, một sứ mệnh khác. Xuân Diệu đã trao cho nhân vật đóng chính vai nhà thơ, đóng chính bản thân mình.

Phương thức thể hiện *cái tôi* trữ tình theo dạng này còn được thể hiện trong một số bài viết về thiên nhiên trong gắn bó với tình người. Quả khó ai có thể vượt qua Xuân Diệu khi ông miêu tả tâm trạng bâng khuâng, mơ hồ của người con gái trước buổi giao mùa của đất trời :

Mây vẩn từng không chim bay đi,
Khí trời u uất hận chia ly.
Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói,
Tựa cửa nhìn xa, nghĩ ngợi gì.

(*Đây mùa thu tới*)

Ở đây nhà thơ đã hoá thân vào hình ảnh người thiếu nữ để thể hiện một tình yêu e ấp và trinh nguyên, vừa gần gũi vừa xa vời. Sự hoá thân không có gián cách về mặt cảm xúc thẩm mỹ này đã làm nên cái hồn riêng, cái duyên riêng trong thơ Xuân Diệu.

II – CÁI TÔI ĐƯỢC BIẾN HOÁ QUA NHIỀU HÌNH ẢNH

Ý thức về *cái tôi* trước hết được biểu hiện qua những đại từ nhân xưng. Trước phong trào Thơ mới – nói đúng hơn – trước Tản Đà – thơ ca dường như né tránh chữ *tôi*. Chỉ đến Thơ mới, chữ *tôi* đích thực mang sắc thái cá nhân, chuyên chở cái riêng – đối tượng biểu hiện và chủ thể sáng tạo mới thật sự xuất hiện. Đúng như nhận xét của giáo sư Lê Đình Ky : "Cảm hứng sáng tạo gắn liền với cá nhân tự ý thức, tự khẳng định đưa đến một bước ngoặt quyết định trong lịch sử thơ ca Việt Nam phát triển theo hướng hiện đại – Thơ mới là thơ của *cái tôi*"[1]. Có lẽ trên

---

(1) Lê Đình Ky, *Thơ mới những bước thăng trầm*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1993, tr. 46.

http://tieulun.hopto.org

thi đàn Thơ mới, Thế Lữ là người đầu tiên bộc lộ *cái tôi* của mình một cách đầy đủ, qua việc đưa ra một quan niệm mới về nghệ thuật, về con người, về người nghệ sĩ :

Tôi là kẻ bộ hành phiêu lãng
Đường trần gian xuôi ngược để vui chơi

(*Cây đàn muôn điệu*)

Cái tôi tự nhận thức, *cái tôi* thức tỉnh khi con người biết phân thân, biết biến mình thành đối tượng miêu tả của chính mình đã diễn ra trong suốt quá trình của Thơ mới từ Thế Lữ đến Huy Cận (*Chàng Huy Cận khi xưa hay sầu lắm*). Nhưng ở Xuân Diệu, có lẽ hơn ai hết, đã tự thể hiện *cái tôi* của cá nhân – *cái tôi* riêng của mình một cách phong phú nhất – qua nhiều sự biến hoá nhất, và mỗi hoá thân là một góc, một khía cạnh của con người thơ.

Tôi là con chim đến từ núi lạ
Ngứa cổ hót chơi

(*Lời thơ vào tập Gửi hương*)

Ở đây Xuân Diệu thể hiện *cái tôi* nghệ sĩ thể hiện quan niệm nghệ thuật hồn nhiên của mình, như một cách tiếp tục Thế Lữ. Nghệ thuật đến với nhà thơ như một bản năng, một thiên hướng bẩm sinh, không gắn gì với nhân sinh thế sự.

Tôi là con nai bị chiều đánh lưới,
Không biết đi đâu, đứng sầu bóng tối.

(*Khi chiều giăng lưới*)

Khác với hình ảnh con nai tráng lệ và ngơ ngác của Lưu Trọng Lư, con nai của Xuân Diệu trở về với cốt cách nai – con thú hiền lành, tội nghiệp không làm hại ai, là mồi cho mọi loại thú dữ. Trong thơ Xuân Diệu, nó vẫn là con nai nạn nhân, không phải của các loài thú mà là của hoàng hôn, của bóng chiều, của đêm về. Cả thời gian và không gian của thiên nhiên cùng giăng lưới. Và với lưới giăng này, nai không thể thoát bằng đôi chân khoẻ ? Nó chỉ có thể đứng yên trong màn đêm vây kín ; và màn đêm, lưới đêm cũng có thể hiểu như là cả một *khối sầu*.

http://tieulun.hopto.org

Cái sầu và nỗi buồn lại đến với nhà thơ trong *cái tôi* hoá thân :

Tôi như chiếc thuyền hư, không bến đỗ
Tôi là một con chim không tổ
Lòng cô đơn hơn một đứa mồ côi.

(*Đối trá*)

Buồn gắn với cô đơn, hoặc cô đơn mà buồn, trong hình ảnh của *thuyền không bến* và *chim không tổ*. Chim là đối tượng được nhà thơ gửi gắm không phải chỉ một lần : từ con chim "ngứa cổ hót chơi" đến "con chim không tổ" và lúc này là "con chim bơ vơ" :

Anh chỉ là con chim bơ vơ
Lạnh lùng bay giữa gió, sương, mưa

(*Muộn màng*)

Trong hình ảnh của nai, của chim, nhà thơ cảm nhận thân phận yếu đuối, nhỏ nhoi trong một thế giới mênh mông và rợn ngợp. Cái thế giới ấy cũng đã hơn một lần đến với cảm nhận của Xuân Diệu trong hình ảnh một hòn đảo :

Chiếc đảo hồn tôi rợn bốn bề

(*Nguyệt cầm*)

Nhưng ngay khi nhà thơ muốn hoá thân vào cả một Hy Mã Lạp Sơn – là ngọn núi cao nhất thế giới, sừng sững trong không gian, thì nỗi cô đơn vẫn cứ bám riết nhà thơ như một định mệnh :

Ta là Một, là Riêng, là Thứ Nhất
Không có chi bè bạn nổi cùng ta.

(*Hy Mã Lạp Sơn*)

Ở một phía khác của con người sầu muộn, cô đơn là sự đắm say, khao khát giao cảm với đời. Càng tách riêng ra trong sự cô đơn, càng cảm nhận nỗi buồn nhân thế (khác với nỗi buồn không gian và vũ trụ ở Huy Cận), Xuân Diệu càng khao khát đến với đời :

Tôi chỉ là một cây kim bé nhỏ,
Mà vạn vật là muôn đá nam châm.

(*Cảm xúc*)

http://tieulun.hopto.org

Cây kim ở đây nhỏ bé quá trước bao la của từ trường. Nó buộc phải chịu đựng sức hút từ muôn mặt của nam châm. "Cây kim Xuân Diệu" thật nhỏ bé trong không gian nhưng vẫn là một tâm hồn mở ra trên mọi hướng để chờ đợi, để đón nhận tình yêu như một lẽ tự nhiên của sự giao hoà giữa đất trời... Nhà thơ vừa biện hộ và cầu mong cho sự giao cảm ấy.

Giữa sầu muộn, cô đơn và khao khát đến với đời, giữa tình cảm vừa như đối lập và đơn độc, vừa như gắn bó ấy, hiện lên thật rõ cốt cách Xuân Diệu – một *cái tôi* khao khát yêu, yêu từ khi chưa có tuổi và yêu cho đến chết, một đời yêu và suốt đời yêu ; đau khổ vì yêu và hạnh phúc vì yêu... Một tình yêu vừa vật chất vừa tinh thần, vừa trần tục vừa lý tưởng, vừa đắm say vừa ngờ vực, vừa gần gũi vừa cách xa.

Làm sao sống được mà không yêu ?

Có thể nói, hơn ở đâu hết, lĩnh vực tình yêu là nơi *cái tôi* trữ tình của nhà thơ được bộc lộ một cách đầy đủ và trọn vẹn. Vẫn Xuân Diệu đấy, Xuân Diệu của niềm khao khát, của một tình yêu thiết tha, nồng cháy. Dường như lý do tồn tại của chàng thi sĩ tài hoa này là tình yêu. Mối dây liên kết chàng với cuộc sống trần gian này cũng vẫn chính là tình yêu :

Tôi đã yêu khi đã hết tuổi rồi,
Không xương vóc, chỉ huyền hồ bóng dáng.

(*Đa tình*)

Nhà thơ khao khát cầu xin :

Và hãy yêu tôi một giờ cũng đủ
Một giây cũng cam một chút cũng đành

(*Lời thơ vào tập Gửi hương*)

Chân thành rất mực :

Tôi khờ khạo lắm ngu ngơ quá
Chỉ biết yêu thôi, chẳng hiểu gì

(*Vì sao*)

Có lẽ chưa bao giờ chúng ta gặp ở một nhà thơ, ở một tập thơ như *Gửi hương cho gió* nhiều đến thế sự bày tỏ tình yêu tha thiết, nhiều đến

http://tieulun.hopto.org

thế những lời van vỉ tội nghiệp (*Lời thơ vào tập Gửi hương, Tặng thơ, Mời yêu, Chiều đợi chờ,...*).

Trong đời thực không có, nhà thơ đành tìm hạnh phúc tình yêu trong tưởng tượng. Tưởng tượng ở nơi người trần và trong cõi trần. Nhưng nếu cõi trần và người trần không có, thì tưởng tượng tìm sang cõi ma :

Hồn đông thế tôi sợ gì cô độc.
Ma với nhau thì ôm ấp cùng nhau.
... Kẻ đa tình không cần đủ thịt da.
Khi chết rồi thì tôi sẽ yêu ma.

(*Đa tình*)

Có nhà thơ nào nói được đủ mọi cung bậc, mọi trạng thái, mọi góc cạnh của tình yêu như Xuân Diệu ?

III – SỰ ĐỒNG NHẤT CỦA CÁI TÔI TRỮ TÌNH VỚI THIÊN NHIÊN

Với phương thức biểu hiện này thiên nhiên đã trở thành nhân vật trữ tình. Tác giả không có mặt trực tiếp nhưng dường như có mặt ở khắp nơi. Sự đồng nhất cái *tôi* trữ tình với sự vật và thiên nhiên vốn là một yếu tố thi pháp đặc biệt của thơ ca dân gian.

Khi đi trúc chửa mọc măng,
Khi về trúc đã cao bằng ngọn tre.
Khi đi lúa chửa chín vè,
Khi về lúa đã đỏ hoe ngoài đồng.
Khi đi em chửa có chồng,
Khi về em đã con bồng con mang.

Tiếp thu truyền thống dân tộc, Xuân Diệu tiếp tục mở rộng thi pháp đặc biệt của thơ ca dân gian, để chuyển tải những vấn đề, những cảm xúc phức tạp và trừu tượng hơn. Trước sau, thơ Xuân Diệu vẫn mang giọng điệu của một nhà thơ lãng mạn, có dấu ấn đặc sắc cá tính riêng của mình.

Không chỉ là người cảm nghe rất tinh những rung động của thiên nhiên như nhiều nhà thơ khác trong phong trào Thơ mới.

http://tieulun.hopto.org

Với Anh Thơ :

Hoa mướp rụng từng đoá vàng rải rác
Lũ chuồn chuồn nhớ nắng ngẩn ngơ bay

Với Huy Cận :

Lớp lớp mây cao đùn núi bạc
Chim nghiêng cánh nhỏ bóng chiều sa

Tâm hồn Xuân Diệu nhiều khi như cùng giao hoà, cùng run rẩy với thiên nhiên, Bài thơ *Huyền diệu*, với lời đề từ rút ở một câu thơ của Baudelaire : "Mùi hương, sắc màu và âm thanh cùng giao hoà" vừa như diễn tả một trạng thái của tâm hồn. Cảm nghe về âm thanh, về hình ảnh, về sắc màu khác của thiên nhiên, trong mối giao hoà gắn bó với con người, Xuân Diệu có lẽ đã tạo ra được một thế giới thơ riêng của mình, không lẫn với bất cứ nhà thơ mới nào khác.

Phải chăng vì tiếp thu được cái nguồn mạch trong trẻo của thơ ca dân gian, nên khi *cái tôi* trữ tình được đồng nhất với thiên nhiên thì nó mang một phẩm chất mới trong trẻo và tươi sáng. Cảnh thiên nhiên tươi thắm đang chào đón con người, với con người đang yêu thì cái gì cũng đẹp, cũng xanh non.

Của ong bướm này đây tuần tháng mật ;
Này đây hoa của đồng nội xanh rì ;
Này đây lá của cành tơ phơ phất ;
Của yến anh này đây khúc tình si ;

(*Vội vàng*)

Hoà vào cảnh sắc thiên nhiên, cái *tôi* trữ tình cũng vẫn mang một nỗi buồn, nhưng là cái buồn dịu nhẹ, êm ái. Đó là cái *tôi* trong quan hệ gắn bó với đời, được thể hiện bằng sự hoà hợp giữa thiên nhiên với thiên nhiên, giữa thiên nhiên với hồn người.

Một tối bầu trời đắm sắc mây,
Cây tìm nghiêng xuống nhánh hoa gầy.
Hoa nghiêng xuống cỏ, trong khi cỏ
Nghiêng xuống làn rêu, một tối đầy.

(*Với bàn tay ấy*)

http://tieulun.hopto.org

Có thể nói, với phương thức biểu hiện này, Xuân Diệu đã đem đến cho *cái tôi* trữ tình của mình một luồng sinh khí mới. *Cái tôi* yêu đời, yêu sự sống, hoà nhập với thiên nhiên, với cuộc đời.

Sự kìm nén *cái tôi* và việc thể hiện các mặt của *cái tôi* trong thơ vốn luôn được coi là một đóng góp quan trọng của phong trào Thơ mới. Xuân Diệu "nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới", như cách đánh giá của Hoài Thanh, là người đã thể hiện được trong thơ một *cái tôi* trữ tình nhiều màu sắc, phong phú và đa dạng. Bằng tài năng của mình Xuân Diệu đã tạo dựng được một phương thức biểu hiện với một hệ thống hình ảnh riêng. Điều đó làm nên bản sắc riêng của thơ ông mà không một nhà thơ mới nào đương thời với ông có được.

(In trong *Tạp chí Văn học*,
số 10-1994)

http://tieulun.hopto.org

NỖI BUỒN VÀ SỰ CÔ ĐƠN TRONG THƠ XUÂN DIỆU

(Qua hai tập *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió*)

LÝ HOÀI THU

Buồn và *cô đơn* không phải là tâm trạng của riêng ai mà là một thứ *tâm bệnh chung của chủ nghĩa lãng mạn*. Trong quan niệm của các nhà lãng mạn, buồn và cô đơn dường như mang theo vẻ đẹp thanh tao và trong sạch. Có lẽ *xuất phát từ ý thức đó mà trong hành trang sáng tạo của các nhà văn, nhà thơ lãng mạn chưa bao giờ thiếu vắng nỗi buồn và sự cô đơn*.

Phong trào Thơ mới và văn chương lãng mạn Việt Nam nằm trong quỹ đạo đó của chủ nghĩa lãng mạn, không thể không tiếp nhận những ảnh hưởng lý tưởng thẩm mỹ đã trở thành "thâm căn cố đế" của trào lưu nghệ thuật lớn này. Tuy nhiên, việc *lý giải nỗi buồn và sự cô đơn* trong Thơ mới không chỉ căn cứ trên cơ sở những lý thuyết riêng của chủ nghĩa lãng mạn mà còn phải dựa vào những tiền đề tình cảm chung của nhân loại cũng như sự tác động cụ thể của những điều kiện khách quan đương thời đến các nhà thơ. Không có đủ can đảm và đức tin để dấn thân vào con đường cách mạng, các nhà thơ lãng mạn chỉ biết tỏ thái độ bất hoà với thực tại bằng cách lẩn trốn vào cái "tôi" cá nhân và làm ngơ trước những biến động dữ dội đang diễn ra hàng ngày, hàng giờ của đời sống xã hội. Cái "tôi" trong thơ mới dù đã trốn vào nhiều nẻo đời hun hút khác nhau, nhưng ở đâu nó cũng buồn và cô đơn, bơ vơ lạc lõng. Dĩ nhiên là không phải đến thơ lãng mạn mới có chuyện buồn, từ Nguyễn Du với nỗi đau nhân tình thế thái trong *Truyện Kiều* đến Đặng Trần Côn với nỗi cô đơn thiếu phụ trong *Chinh phụ ngâm* ; từ Nguyễn Gia Thiều với nỗi buồn cung nữ tê tái trong *Cung oán ngâm khúc* đến Hồ Xuân Hương với những rủi ro chồng chất của kiếp hồng nhan ; từ Nguyễn Công Trứ với nỗi vinh nhục ê chề đến Tản Đà "tài cao,

http://tieulun.hopto.org

phận thấp, chí khí uất" v.v. đều không thể gọi là vui. Nhìn rộng ra những áng thơ hay của Đông, Tây, kim, cổ hầu như đều...buồn. Thi sĩ thời nào cũng coi buồn đau là nghiệp chướng của đời mình. Hơn thế nữa, họ coi việc tìm về nỗi đau là tìm về với mạch đập chung của thi ca nhân loại với đáy sâu tâm hồn con người. "Nỗi buồn đó là buồn chung của con người ; Bọn thi sĩ chúng tôi nhẹ lòng nhẹ dạ nên lĩnh mang giùm cho tất cả nhân gian" (Xuân Diệu – Tựa tập *Lửa thiêng*). Nói như vậy là đúng nhưng cũng cần phải nhấn mạnh thêm : Sở dĩ cái *buồn* trong Thơ mới trở thành tâm thế chung của cả một thời đại là bởi nó gắn chặt với sự khẳng định cái "tôi" cá nhân. "Phương Tây đã trả tâm hồn lại cho chúng ta... Người thanh niên Việt Nam có dịp ngó trời cao đất rộng nhưng cũng nhân đó mà cảm thấy cái thê lương của vũ trụ, cái bi đát của kiếp người" (Hoài Thanh – *Thi nhân Việt Nam*)... Có thể nói rằng : Thơ mới đã tích tụ lại trong mình tất cả *nỗi đau nhân thế và nỗi buồn thời thế* để viết nên bản đại hoà tấu mà tất cả các cung bậc đều ngậm ngùi, đau xót, ảo não, tái tê,...

Hồn thơ Xuân Diệu đã lớn lên trong bối cảnh hết sức phức tạp ấy của xã hội, những nghịch cảnh vui ít buồn nhiều của gia đình cùng những ảnh hưởng của văn chương, sách vở. Mặc dầu vậy, nhà thơ vẫn sống một thời tuổi trẻ hết sức sôi nổi, "có đau buồn và yêu đương", vẫn muôn phần tha thiết với cuộc đời dù nhiều lúc ông cảm thấy đơn độc lẻ loi : "Những điều kiện gia đình, xã hội đã làm tôi buồn sẵn, lại học một nền văn học nặng buồn bã, than thở, bi quan. Ở lớp nhất, thơ Tản Đà đã ru tôi nhưng cũng để lại cho tâm hồn tôi một vị đắng... Em thiếu nhi chớp mi mắt nhìn ra cuộc đời đã thấy một rèm giọt lệ... Tôi thấy trong tôi ào lên một nguồn thơ sôi nổi, mới mẻ, nhưng tôi vừa tập tễnh đến ngưỡng cửa làng văn thì La Bruye đã lắc đầu niêm yết một câu bất lực : "Ta sinh ra quá muộn trong một thế giới già quá chăng ?" Véclen : "Ta sinh ra quá sớm hay là quá muộn". Bôđơle : "Ôi đau đớn, thời gian ăn cuộc sống"... (Xuân Diệu – *Những bước đường tư tưởng của tôi*, tr. 9, 10).

Đó là những căn nguyên khiến thơ Xuân Diệu đắm đuối, nồng nàn là thế vẫn không ngăn được cảm giác "buồn tịch mịch trong những điều ấm nóng reo vui" (Thế Lữ). Vốn là một tâm hồn đa sầu, đa cảm, tuy không ảo não thê thiết như Huy Cận, không lâm vào bi kịch số phận đớn đau

http://tieulun.hopto.org

như Hàn Mặc Tử, không chán chường tuyệt vọng như Vũ Hoàng Chương,... nhưng đọc thơ Xuân Diệu vẫn thấy nặng nỗi buồn : Buồn khi nhìn ra rặng liễu, buồn khi chiều buông lưới, buồn khi thu đến, buồn khi xuân đi, buồn khi gió sớm bay về, buồn khi viễn khách đi, buồn cùng trăng, sầu cùng kỹ nữ, buồn có cớ và buồn vô cớ,... Có những nỗi buồn xâm chiếm tâm hồn một cách nhẹ nhàng, êm ái :

Hôm nay trời nhẹ lên cao,
Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn.

(*Chiều*)

Hoặc :

Gió sáng bay về thi sĩ nhớ,
Thương ai không biết, đứng buồn trăng.

(*Buồn trăng*)

Có những nỗi buồn ám ảnh bởi chia ly, cách trở :

Buổi chiều ra cửa sổ ;
Bóng chụp cả trời tôi !
Ôm mặt khóc rưng rức ;
Ra đi là hết rồi.

(*Viễn khách*)

Nhưng thấm thía hơn cả là nỗi buồn mang theo cảm giác cô đơn :

Anh một mình nghe tất cả buổi chiều
Vào chầm chậm ở trong hồn hiu quạnh

Nếu trước kia, thiên nhiên từng là đối tượng để Xuân Diệu gửi gắm lòng say mê cuộc sống và khát vọng tình yêu thì giờ đây ông lại tìm đến và ký thác vào đó những tâm sự buồn, cô đơn của lòng mình : một rặng liễu mùa thu với nỗi buồn tang tóc, thiếu phụ ; một hàng cây thay hoa trút lá mà như ngấm nỗi đau chia lìa thân thể ; một cơn gió cũng mang theo từng mảnh tâm hồn nhức nhối ; một vầng trăng đơn chiếc lạnh lùng ; một áng mây buồn u ám... Nhưng trước thiên nhiên, nỗi buồn của Xuân Diệu thường chỉ diễn ra trong từng khoảnh khắc. Có những nỗi buồn ập đến bất chợt và cũng tan biến đi rất nhanh. Vì vậy, thơ Xuân Diệu không để lại ấn tượng ảm đạm thê lương mà nỗi buồn cứ thoắt đến lại thoắt đi, mơ hồ phảng phất, buồn đó nhưng lại vui ngay đó...

http://tieulun.hopto.org

Sự "chuyển kênh" liên tiếp của trạng thái cảm xúc qua một số bài như *Đây mùa thu tới, Buồn trăng* đã tạo nên nhiều hình ảnh thú vị bất ngờ. Nhờ đó mà thơ Xuân Diệu đa dạng, có nhiều tầng ý nghĩa và đặc biệt là hiện đại hơn các nhà thơ cùng thời về cả hai phương diện tư duy và hình ảnh thơ.

Âm hưởng chung của Thơ mới là buồn. Một sự liên kết những nỗi buồn cá thể thành nỗi sầu thế hệ. Bi kịch tinh thần lớn nhất của người nghệ sĩ lãng mạn trước Cách mạng tháng Tám là ở chỗ không thể dung hoà với cuộc đời đen bạc, bon chen nhưng cũng không dễ dàng dứt bỏ (yêu đời nhưng đau đời). Xuân Diệu là nhà thơ bộc lộ rõ rệt nhất tính chất "nhị nguyên" phức tạp đó của Thơ mới : Nghĩa là trong nỗi buồn đau của thi nhân bao giờ cũng ẩn chứa lòng yêu đời và niềm say mê quyến luyến với con người. Đó chính là hình ảnh : "Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói – Tựa cửa nhìn xa nghĩ ngợi gì" làm ấm lòng người trong khung cảnh "Mây vẩn tầng không chim bay đi – Khí trời u uất hận chia ly" của bài *Đây mùa thu tới*. Hoặc là hình ảnh đặc tả những thiếu nữ chan chứa niềm yêu đời : "Bên cửa ngừng kim thêu bức gấm – Hây hây thục nữ mắt như thuyền" trong buổi chiều thu buồn man mác : "Buồn ở sông xanh nghe đã lại – Mơ hồ trong một tiếng chim qua" ở bài *Thu...*

Đọc Xuân Diệu, ta bắt gặp nỗi buồn chung của cả thế hệ về nhân tình thế thái :

Buồn thế hệ ta cũng đang u uất ;
Chúng ta đau, thôi em tới đây mà !

(*Sầu*)

Cùng những cám cảnh thương tâm của phận nghèo thi sĩ :

Nỗi đời cay cực đang giơ vuốt
Cơm áo không đùa với khách thơ.

(*Giới thiệu*)

Hay bức tranh toàn cảnh ngột ngạt của thời thế :

Chúng ta nay trong cuộc thế ao tù
Đốt điếu thuốc chiêu hồn sương quá khứ.
v.v.

(*Mơ xưa*)

http://tieulun.hopto.org

Nhưng day dứt và ám ảnh hơn tất cả là những nỗi *sầu muộn riêng tư* của muôn đời tình ái : có những nỗi buồn của một thứ tình yêu đơn phương, những đổ vỡ mất mát, những thất vọng chua chát... Một nhà thơ đã chọn tình yêu làm cứu cánh cho đời mình như Xuân Diệu thì không có gì lạ, khi người thấy nỗi buồn trong tình yêu là nỗi buồn lớn nhất. Song chính điều đó đã tạo ra sức hấp dẫn đặc biệt của thơ ông trước Cách mạng tháng Tám : Xuân Diệu đã lôi cuốn người đọc bằng *nỗi niềm da diết cô sầu* và giọng điệu tiêu tao ấy. Đó là thực tế không thể phủ nhận, cũng như không thể không thừa nhận cái hay của thơ lãng mạn thường nằm trong cái buồn. Tuy nhiên nhiều khi rên rỉ quá cũng trở nên nhàm chán. Nhưng tất cả những gì gọi là "thương vay, khóc mướn" đã qua đi, chỉ còn lại với hậu thế những nỗi buồn đau đích thực. Nó kêu gọi sự cảm thông và có sức mạnh chinh phục lòng người. Nửa thế kỷ trôi qua, nhiều thế hệ bạn đọc đã tìm được sự đồng cảm sâu sắc trong những vần thơ nặng nỗi u buồn của Xuân Diệu.

Song về thực chất, buồn chưa phải là khía cạnh tiêu biểu của hồn thơ Xuân Diệu. Ông chỉ sử dụng nó như một thứ nguyên liệu không thể thiếu cho quá trình sáng tác của một nhà thơ lãng mạn. Cái làm nên tố chất đặc biệt của hồn thơ Xuân Diệu chính là nỗi cô đơn.

Là một người tha thiết với cuộc đời, với tình yêu, nhưng kỳ lạ thay, ông càng muốn gắn bó khăng khít thì càng thấy chia xa, hững hờ ; càng khát khao được cảm thông, chia sẻ thì càng thấy đơn độc. Khi Xuân Diệu ý thức được đầy đủ, sâu sắc bản ngã của mình cũng chính là lúc ông cảm thấy cô đơn hơn bao giờ hết :

Hiu hắt nhẽ, bốn phương trời vò võ,
Lạnh lùng chăng, sầu một đỉnh chon von.

(*Hy Mã Lạp Sơn*)

Cô đơn bao giờ cũng buồn, nhưng buồn chưa phải là cô đơn. Buồn có thể san sẻ, giải toả còn cô đơn thì hình như không. Càng leo lên đỉnh tháp cái "tôi", Xuân Diệu càng thấy ngợp vì cô đơn :

Ta cao quá thì núi non thấp lắm,
Chẳng chi so, chẳng chi đến giao hoà.

(*Hy Mã Lạp Sơn*)

http://tieulun.hopto.org

Đối diện với cuộc đời, với tình yêu, khoảng cách giữa *mộng* và *thực* luôn khiến ông cảm thấy *chơi vơi, hụt hẫng*. Cũng chung mặc cảm về thân phận lạc loài, bị ruồng bỏ, song nếu như Vũ Hoàng Chương đã tìm đến với sự quên lãng, say sưa (*Mời say*), hay cố vẫy vùng để thoát khỏi tình cảnh khủng khiếp đó (*Phương xa*), hoặc như Huy Cận – nhà thơ đã tự chất chứa vào mình tất cả nỗi sầu vạn kỷ và nỗi buồn của Thơ mới – cũng có lúc phải cầu Thượng đế đến giải thoát cho mình, thì trái lại, Xuân Diệu cứ khư khư giữ lấy nỗi "sầu đơn muôn vạn kiếp" và tự đày đoạ mình trong cô độc ngay giữa cõi đời. Có lúc nhà thơ tự gọi mình là "chàng sầu". Có lúc hoá thân vào "con nai chiều", "con chim không tổ", "núi xa", "Hy Mã Lạp Sơn", "Người kỹ nữ" v.v. như những tiểu vũ trụ đơn độc giữa hoang liêu sa mạc cuộc đời. Cũng ngơ ngác trước cuộc đời như con nai vàng của Lưu Trọng Lư ít ra còn có bước đi được để lại đằng sau tiếng lá vàng xào xạc, còn "con nai chiều" của Xuân Diệu không thể cất bước vì hoàn toàn bị bủa vây giữa rừng chiều tội nghiệp.

Tôi là con nai bị chiều đánh lưới,
Không biết đi đâu, đứng sầu bóng tối.

(*Khi chiều giăng lưới*)

Trong hai bài thơ mượn hình tượng núi non để mô tả sự cô đơn bất biến của lòng người thì có lẽ bài *Núi xa* được viết vào thời kỳ đầu chớm xuất hiện trạng thái cô đơn. Còn bài *Hy Mã Lạp Sơn* viết vào thời kỳ sau : là cao điểm của sự cô đơn, báo hiệu sự khủng khoảng về mặt tinh thần của cái "tôi" cá nhân. Tất nhiên cô đơn là tâm trạng rất thường tình của những người đa cảm, nhưng từ nỗi cô đơn riêng tư mà tự coi mình cao hơn, thanh sạch hơn hết thảy thiên hạ thì cái kiểu tự suy tôn ấy tránh sao khỏi khó chịu với người đời ! Kể cũng lạ, con người đã có lần khiêm nhường tự ví mình "là cây kim bé nhỏ" mà cuộc đời vạn vật là "muôn đá nam châm" giờ tự nâng mình lên độ cao chót vót và từ trên cao ấy gửi xuống thế gian bức thông điệp lạnh lùng :

Ta là Một, là Riêng, là Thứ Nhất,
Không có chi bè bạn nổi cùng ta.

Sự thực bài thơ này của Xuân Diệu chỉ nặng về đại ngôn mà nhẹ về sức cảm hoá lòng người. Thậm chí có lúc gây cảm tưởng như một sự

http://tieulun.hopto.org

lạc giọng. Cái cung cách ẩn mình vào những thực thể vũ trụ siêu phàm và kiên quyết khép lòng lại để tuyệt giao với đồng loại như trong bài thơ là rất xa lạ với hồn thơ Xuân Diệu. Nếu chọn một bài thơ đặc sắc nhất vừa bộc lộ đến tận cùng nỗi cô đơn, vừa tiêu biểu cho cái tạng riêng của Xuân Diệu thì đó phải là bài *Lời kỹ nữ*. Mặc dầu cũng có nói đến "cuộc yêu đương" nhưng bài thơ nhất thiết không phải là bài thơ tình với đúng nghĩa của nó. Cao hơn tất cả thứ tình cảm không cội rễ, không gắn bó của khách làng chơi – gái giang hồ, Xuân Diệu muốn bày tỏ nỗi cô đơn kinh khủng của lòng người – Một nỗi cô đơn tự mình không chịu đựng nổi nhưng cũng không thể chia sẻ cùng ai. Phải có sự đồng cảm sâu sắc với cảnh ngộ đáng thương của người con gái giang hồ, Xuân Diệu mới có thể hoà tan vào trong nỗi cô đơn buốt giá của nhân vật trữ tình từ những chuyển động của thân thể đến cảm giác tâm hồn :

Em sợ lắm. Giá băng tràn mọi nẻo
Trời đầy trăng, lạnh lẽo suốt xương da

Bài thơ mở đầu bằng cái giọng mời mọc tha thiết "rất Xuân Diệu" ! "Khách ngồi lại cùng em trong chốc nữa – Vội vàng chi, trăng sáng quá khách ơi" và kết thúc bằng hình ảnh được diễn tả một cách tinh vi bằng cảm giác để nói lên nỗi cô đơn rợn ngợp trong lòng người cũng không thể là của ai khác : "Xao xác tiếng gà. Trăng ngà lạnh buốt – Mắt run mờ, kỹ nữ thấy sông trôi". Lời van vỉ của người kỹ nữ không níu nổi bước chân du khách cũng như tình cảm thành thật của người nghệ sĩ đã bị người đời phũ phàng cự tuyệt. Đó là bi kịch tinh thần đau xót của các nhà thơ lãng mạn mà Xuân Diệu đã cảm nhận và thể hiện vô cùng thấm thía qua bài thơ. Cùng chung chủ đề *Giang hồ* của Lưu Trọng Lư, *Dáng tình* của Vũ Hoàng Chương nhưng *Lời kỹ nữ* của Xuân Diệu khơi sâu vào tâm thức thời đại, đạt tới tầm trí tuệ cao hơn và ý nghĩa nhân bản sâu sắc hơn.

Bên cạnh việc phản ánh thực trạng tinh thần đau xót, cái tâm thế cô đơn của cái "tôi" cá nhân tiểu tư sản, thơ Xuân Diệu tập chung vào khía cạnh bi kịch tinh thần lớn hơn, nếu không muốn nói là lớn nhất đời ông : Đó là nỗi cô đơn của bi kịch tình yêu. Khát vọng tình yêu càng lớn thì thất vọng càng nhiều. Có thể ngờ đâu người lĩnh xướng số một của dàn đồng ca tình ái 1932-1945 lại là người luôn luôn cô đơn trong tình yêu.

http://tieulun.hopto.org

Trên con đường tìm kiếm vị ngọt ngào của hạnh phúc ông thường xuyên phải nếm vị cay đắng bất hạnh. Tuy nhiên những mối "lương duyên trắc trở", "mộng đẹp không thành" là nội dung quen thuộc của tình yêu trong Thơ mới : một Nguyễn Bính với chuyến đò *Lỡ bước sang ngang*, một T.T.Kh. với *Hai sắc hoa tigôn*,... Xuân Diệu trong buổi đầu của tình yêu còn được an ủi bởi niềm vui "hẹn hò", "gặp gỡ", được cùng nhau sánh bước dưới đêm trăng... Về sau, ông chỉ còn trơ trọi, đơn độc một mình. Nhiều khi ông cảm thấy mình như con chim bơ vơ không tổ, như "chiếc thuyền hư không bến đỗ". Những bài thơ như *Chỉ ở lòng ta, Tặng thơ, Thở than, Yêu mến*,... cho thấy Xuân Diệu bước vào tình yêu như bước vào một thế giới bị bủa vây giữa cô đơn, sầu tủi. Nếu trước kia nhà thơ còn có hai ta, em và anh thì giờ đây chỉ còn lại một mình : "Anh một mình nghe tất cả buổi chiều", "Tôi một mình đối diện với tình không" và một trái tim buồn" như một bãi tha ma". Nhưng đồng thời Xuân Diệu bước vào thế giới tình yêu là đã mang theo một trái tim nhân hậu : rất mực chân thành và vị tha. Đây là một phẩm chất đặc biệt cao quý của "vị hoàng đế tình yêu" này. Dầu tình yêu đã cướp đi của ông rất nhiều niềm vui sôi nổi và trả lại cho ông sự đau khổ triền miên nhưng không vì thế mà ông coi khinh, căm ghét. Từ *tầm cao* đó của tình yêu, ông viết nên những câu thơ có sức hút đặc biệt :

Nếu bỏ được trái lòng cho gió cuốn
Đem vứt đi như là trái chua cay
Nếu một chiều có thể rải tung bay
Tất cả linh hồn thổn thức
Nhưng mỗi lần sờ tay lên nén ngực
Lại nghe tình nhiều hơn số ngón tay.

(*Thở than*)

Những câu thơ : "Bao nhiêu sầu, ôi sầu biết bao nhiêu – Khi yêu tình, khi theo mãi tình yêu" như những nhịp đập nặng nề của một trái tim thấm mệt, cô đơn. Nhưng kỳ lạ thay, giữa cõi đau tình ái vẫn vang lên điệp khúc mời yêu tha thiết :

Mở miệng vàng, và hãy nói yêu tôi !
Dẫu chỉ là, trong một phút mà thôi !

http://tieulun.hopto.org

Có thể thấy từ *Thơ thơ* đến *Gửi hương cho gió*, tình yêu trong thơ Xuân Diệu càng lún sâu vào trạng thái cô đơn. Ở *Thơ thơ* tình yêu là một thứ mộng đẹp, chứa chan hy vọng, sang *Gửi hương cho gió* phần nhiều bị vỡ mộng, chua chát. Càng về cuối ông càng ngấm nỗi cô đơn từ những bài học tình yêu của chính đời mình :

Người ta khổ vì thương không phải cách
Yêu sai duyên và mến chẳng nhằm người

(*Đại khờ*)

Cuộc đời cũng như tình yêu vốn trái khoáy, thất thường, Xuân Diệu cứ mải miết đi tìm sự "vô biên", "tuyệt đích", càng gắng gỏi tìm kiếm sự "gần gũi", Xuân Diệu càng trở nên "riêng tây". Nếu làm một phép so sánh "cùng kênh" giữa Xuân Diệu và Huy Cận ta thấy Huy Cận buồn nhiều hơn nhưng Xuân Diệu lại cô đơn hơn. Một lần nữa, Xuân Diệu lại hiện lên như một gương mặt tiêu biểu của phong trào Thơ mới bởi ông đã đi gần hết giới hạn cuối cùng của sự cô đơn. Bằng những nỗi đau riêng tư, Xuân Diệu đã bộc lộ khá đầy đủ nội dung cảm hứng về cái cô đơn – một hội chứng tinh thần tưởng đã vô phương cứu chữa của thơ lãng mạn 1932-1945.

Điều đáng quý là nỗi cô đơn dù lớn cũng không đưa Xuân Diệu đến chỗ bi quan, bế tắc như Vũ Hoàng Chương, đau đớn tuyệt vọng như Hàn Mặc Tử... Bao trùm lên cả hai tập thơ vẫn là khát vọng sống mãnh liệt, dâng trào. Xuân Diệu đã từng sống và yêu, đau khổ, cô đơn lại càng yêu da diết, càng bị chối từ càng bám chặt cõi nhân gian. Có thể gọi nỗi buồn và sự cô đơn trong thơ Xuân Diệu là "mặt trái của lòng yêu đời, của những say mê không được đáp ứng" (Lê Đình Ky), hoặc "là sự trá hình của lòng ham đời, là cái tật dĩ nhiên của kẻ yêu sự sống", theo sự thú nhận của chính nhà thơ.

11 - 1994

(In trong *Tạp chí Văn học*, số 5 - 1995)

http://tieulun.hopto.org

NGHỆ THUẬT CẤU TỨ TRONG THƠ TÌNH XUÂN DIỆU

LƯU KHÁNH THƠ

Xuân Diệu, nhà thơ tiêu biểu nhất của phong trào Thơ mới là một người cả đời thuỷ chung và say đắm với thơ tình. Nhiều bài thơ tình của Xuân Diệu trong *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió* viết cách đây hơn nửa thế kỷ cho đến nay vẫn giữ nguyên sự tươi trẻ như lúc ban đầu. Sau Cách mạng tháng Tám, Xuân Diệu vẫn làm nhiều thơ tình và có rất nhiều bài nổi tiếng. Khối lượng thơ tình của Xuân Diệu khá phong phú, mang một phong cách riêng và là phần đặc sắc nhất trong đời thơ của ông.

Thế giới nghệ thuật trong thơ Xuân Diệu nói chung và trong thơ tình nói riêng được tạo lên bằng nhiều yếu tố, hình ảnh, cấu tứ, ngôn ngữ, nhịp điệu... trong đó nghệ thuật cấu tứ nói lên như một yếu tố quan trọng, giúp cho việc nhận diện phong cách sáng tạo của nhà thơ.

Tứ trong thơ là một vấn đề khá lý thú. Thông qua việc lựa chọn và tạo dựng tứ thơ có thể thấy được cách phản ánh hiện thực và tư duy nghệ thuật của người sáng tác. Đã có một số ý kiến bàn bạc trao đổi về vấn đề này. Nguyễn Xuân Nam đưa ra nhận xét : "Nói đến ý ta nghĩ đến những điều xảy ra trong trí óc suy nghĩ. Còn tứ phải là những ý không ở dạng quan niệm nữa, đã thể hiện trong hình tượng"[(1)]. Mã Giang Lân cho rằng : "Tứ thơ là hình dạng của ý thơ. Tứ thơ không phải là hình tượng thơ, nhưng tứ thơ chỉ đạo trực tiếp và tạo nên sự vận động của hình tượng thơ. Tứ thơ chi phối cả bài, nó định hình cho bài thơ"[(2)]. Xuân Diệu vốn là người quan tâm đặc biệt đến kỹ thuật làm thơ. Ông rất coi trọng vai trò của nghệ thuật cấu tứ và đã đưa ra một cách lập luận : "Lao động thơ, trước hết là kiếm tứ... Làm thơ, khó nhất là tìm tứ. Ý thơ

---

(1) Nguyễn Xuân Nam, *Suy nghĩ về tứ thơ, Tạp chí Văn học*, số 2 - 1981.

(2) Mã Giang Lân, *Suy nghĩ thêm về tứ thơ, Tạp chí Văn học*, số 6 - 1983.

http://tieulun.hopto.org

chưa phải là sự sống, nhưng tứ thơ thì đã là sự sống rồi, ý là của chung mọi người, tứ mới là riêng của mỗi thi sĩ"[1]. Quan niệm nghệ thuật này đã theo ông trong suốt quá trình sáng tạo, trở thành một phẩm chất cơ bản của thơ tình Xuân Diệu. Tìm hiểu kinh nghiệm thực tế và thành quả sáng tác của nhà thơ Xuân Diệu, chúng ta lại càng có điều kiện hiểu biết đầy đủ và thấu đáo hơn vai trò của nghệ thuật cấu tứ và trước hết là những đặc sắc tạo nên phong cách riêng của ông. Trong lâu dài của lịch sử bị lễ giáo phong kiến đè nặng và gần như mất hẳn bản sắc và sức sống, đến thời kỳ Thơ mới, lần đầu tiên, trong thơ Việt Nam, tình yêu bừng lên với nhiều màu sắc mới, như một sức công phá, như một sự giải toả. Thơ tình Xuân Diệu là tiêu biểu cho thế hệ thi sĩ của thời kỳ Thơ mới, thế hệ tìm thấy ở tình yêu những điều lớn lao hơn chính bản thân nó, vừa như một chỗ trốn, cũng lại vừa như một lối thoát cho đời sống tinh thần một lớp người. Xuân Diệu là người đầu tiên đem đến cho thơ Việt Nam quan niệm tình yêu mới mẻ của con người hiện đại. Trong số các nhà thơ lúc đó, Xuân Diệu cũng là người bộc lộ được nhiều trạng thái nhất của tình yêu trong thơ và cũng là trong đời. Với chủ đề tình yêu, Xuân Diệu đã có nhiều bài thơ hay, mang những nét độc đáo riêng. Sự thành công của những bài thơ đó một phần là do nghệ thuật xây dựng tứ. Tứ thơ dẫn dắt cảm xúc, tạo một chỉnh thể liên kết giữa hình ảnh, chi tiết, ngôn ngữ, nhịp điệu nhằm đạt tới hiệu quả nghệ thuật. Trong thơ tình Xuân Diệu chúng ta thường gặp một số kiểu cấu tứ gần nhau, có thể nhận dạng như sau :

1. Tứ thơ chi phối cả bài, định hình ngay từ lúc mở đầu và cho đến khi kết thúc. Bài thơ thường chỉ có một tứ chủ đạo, xuyên suốt. Kiểu bài này chiếm một số lượng khá lớn trong thơ tình Xuân Diệu. Khảo sát trong cuốn *Thơ tình Xuân Diệu*[2] tỷ lệ này là 40 bài trong tổng số 65 bài được tuyển chọn. Tứ triển khai theo kiểu này thường liền mạch, thống nhất trong cách cảm xúc cũng như trong cách thể hiện. Nó thường được sử dụng để biểu hiện một trạng thái tình cảm nhất quán.

---

(1) Xuân Diệu, *Tìm tứ cho một bài thơ*, in trong *Công việc làm thơ* ; NXB Văn học, Hà Nội, 1984.

(2) *Thơ tình Xuân Diệu*, Ngô Văn Phú sưu tầm biên soạn, NXB, Hội Nhà văn, Hà Nội, 1992.

http://tieulun.hopto.org

– Mau với chứ, vội vàng lên với chứ,
Em, em ơi, tình non đã già rồi.

(Giục giã)

– Người ta khổ vì thương không phải cách,
Yêu sai duyên và mến chẳng nhằm người.

(Dại khờ)

– Yêu là chết trong lòng một ít,
Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu.

(Yêu)

– Tình yêu muốn hoá vô biên,
Một ngày yêu, muốn kết liền ngàn năm.

(Tình yêu muốn hoá vô biên)

2. Bên loại tứ thơ xuyên suốt toàn bài là loại tứ thơ bộc lộ ở phần kết, gây sự bất ngờ và đạt hiệu quả mạnh. Kiểu cấu tứ này thường sắc sảo và mới lạ. Ở một số bài, với những hình ảnh và cảm xúc tự nhiên tứ thơ dường như đến rất dễ dàng, khó nhận thấy một sự sắp xếp gò bó nào. Người đọc không dễ nhận thấy bài thơ đã được dẫn dắt như thế nào bởi sự uyển chuyển và tinh tế trong cấu tứ thơ. *Thăm hồ Rítxa* là một ví dụ. Mở đầu bài thơ tràn đầy niềm vui trong khung cảnh một buổi sáng nhà thơ cùng người yêu thăm cảnh đẹp trên hồ :

Hai ta dưới nước trên trời,
Tàu con rẽ sóng giữa chơi vơi hồ.
Cuối thu vàng núi quanh bờ,
Nước non trong sạch ai ngờ thần tiên.
Em cười đôi ngọc mắt đen,
Nửa in sắc nước nửa chen sắc trời.

Mạch thơ tưởng cứ trôi đi bình yên, để chuyển vào phần kết thật bất ngờ, làm thành điểm sáng của tứ thơ :

Đây là anh tưởng tượng thôi,
Nước ơi chỉ một mình tôi ngắm hồ.

Bài *Đời anh em đã đi qua* cũng có một kiểu cấu tứ như vậy ở khổ thơ đầu tác giả say sưa nói về hạnh phúc, về sự kỳ diệu của những giây

http://tieulun.hopto.org

phút đôi người yêu được ở bên nhau. Nhưng rồi cuộc chia tay đã đến. Và nỗi buồn cô đơn được miêu tả thật xót xa cụ thể :

Từ đây anh lại trong đời,
Bữa cơm ngồi với một đôi đũa cầm.
Giường kia một bóng anh nằm,
Phòng văn một sách đăm đăm sớm chiều.

Đau khổ là như vậy nhưng cái kết của bài thơ thật bất ngờ, không phải là một lời than, một sự oán trách, thù hận mà lại là lòng biết ơn sâu nặng :

Muôn vàn cảm tạ em yêu
Chắt cho anh biết bao nhiêu ân tình.

Kiểu cấu tứ này xuất hiện không nhiều trong thơ tình Xuân Diệu, nhưng nó để lại những ấn tượng đậm nét.

3. Loại tứ ngầm không bộc lộ rõ trong bài. Tứ thơ không được định hình rõ nét, tuỳ theo đối tượng cảm thụ khác nhau mà tứ thơ được xác định với những góc độ khác nhau, ở kiểu bài này, tứ thơ khó mà được phân định rạch ròi. Chẳng hạn như bài *Đây mùa thu tới*. Có thể nói tứ thơ của bài là cảnh thiên nhiên mùa thu, hoặc cũng có thể nói tứ của bài là tâm trạng của người thiếu nữ đang yêu trong buổi trời đất giao mùa. Cái hay và sức hấp dẫn của những bài như vậy không phụ thuộc vào tứ thơ nữa. Nó chịu sự tác động của những yếu tố khác.

Ở một cảm xúc nghe rất bâng khuâng về trời đất, không gian :

Những luồng run rẩy rung rinh lá
Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh
... Đã nghe rét mướt luồn trong gió

Nhưng ở đây không chỉ có cảnh lá thu và tâm trạng thu, mà còn có hình ảnh :

Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói
Tựa cửa nhìn xa nghĩ ngợi gì.

Thấp thoáng một tình yêu trong trẻo và không lời. Ở một cách nhìn tinh tế, với cảm giác mơ hồ bâng khuâng :

http://tieulun.hopto.org

– Hôm nay trời nhẹ lên cao,
Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn.
...Êm êm chiều ngẩn ngơ chiều,
Lòng không sao cả hiu hiu khẽ buồn.

(*Chiều*)

Cái buồn đó có vẻ là vô cớ, nhưng thực ra là có nguyên cớ ở tình yêu.

Có khi bài thơ đạt tới vẻ đẹp hoàn mỹ là nhờ vào nhạc điệu thích hợp trong từng câu thơ :

Trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh,
Trăng thương, trăng nhớ, hỡi trăng ngần.
Đàn buồn, đàn lặng, ôi đàn chậm.
Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngân.

(*Nguyệt cầm*)

Kiểu bài này nghiêng về lối thơ trực cảm. Cái tôi thường *bộc lộ trực tiếp bằng cảm xúc*. Đó là một ứng xử nghệ thuật và cũng là một điểm mạnh trong thơ tình Xuân Diệu trước Cách mạng.

Xuân Diệu quan niệm thơ tình là một phần của cuộc sống, thậm chí là phần quan trọng nhất. Tình yêu là đề tài lớn mà nhà thơ chung thuỷ suốt đời, không lúc nào nhàm chán. Xuân Diệu "đã yêu từ khi chưa có tuổi" và sẽ còn yêu khi đã trở về với cát bụi : "Trong hơi thở chót dâng trời đất – Cũng vẫn si tình đến ngất ngư". Để có thể biểu hiện mọi cung bậc, mọi trạng thái của tình yêu không bị trùng lặp, đơn điệu, bản thân Xuân Diệu đã khổ công suy nghĩ, tìm tòi và *vận dụng rất nhiều từ thơ*. Ông có ý thức rõ rệt về vấn đề này : "Mình phải để dành, phải chắt chiu từng từ một, không được lãng phí... Tình thì mênh mông, phải có tứ thì bài thơ mới đứng được"[(1)]. Tài năng thiêm bẩm của một thi sĩ kết hợp với sự dụng công tìm tòi, đã tạo nên trong thơ Xuân Diệu *nghệ thuật cấu tứ phong phú, đa dạng và độc đáo*.

Là nhà thơ yêu đời yêu sự sống và khao khát tình yêu, hạnh phúc. Xuân Diệu rất sợ cô đơn, sợ khoảng cách. Một người vồ vập với sự sống,

---

(1) Dẫn theo Hà Minh Đức "Lời giới thiệu" *Thơ tình Xuân Diệu*, NXB Đại học và giáo dục chuyên nghiệp, Hà Nội, 1992.

http://tieulun.hopto.org

với tình yêu như Xuân Diệu, hơn ai hết lại là người luôn nói về sự cô đơn, xa cách. Nỗi ám ảnh trong đời đã thăng hoa thành nghệ thuật. Với ý tưởng này, Xuân Diệu đã tạo ra được nhiều tứ thơ khác nhau : *Trăng, Xa cách, Lời kỹ nữ, Vô biên, Vội vàng, Nước đổ lá khoai*,... ý thì chung nhưng mỗi bài là một sáng tạo về phương diện tứ. Và nhờ đó mỗi bài đem tới sự cảm thụ thẩm mỹ khác nhau. *Trăng* là cảm giác rợn ngợp trước thiên nhiên : "Trăng sáng, trăng xa, trăng rộng quá ! – Hai người nhưng chẳng bớt bơ vơ". Khoảng cách tâm hồn và khoảng cách thể xác luôn là nỗi khắc khoải trong bài *Xa cách* "Dẫu tin tưởng chung một đời, một mộng – Em là em, anh vẫn cứ là anh – Có thể nào qua Vạn lý Trường thành – Của hai vũ trụ chứa đầy bí mật". *Lời kỹ nữ* là bài nói đến cảm giác cô đơn tận cùng, cô đơn đến rợn ngợp, bằng một tứ thơ sáng tạo : "Chớ để riêng em gặp lòng em". Người kỹ nữ, nhân vật tưởng như đã dày dạn với các cuộc chia ly cũng không chịu đựng nổi cô đơn : "Khách không ở, lòng em cô độc quá". Có thể nói đây là một bài thơ có vẻ đẹp trọn vẹn, vừa điêu luyện về nghệ thuật, vừa sâu sắc về ý tưởng. Hình ảnh, nhịp điệu và thể thơ đều phục vụ cho tứ của bài.

Tâm trạng phổ biến nhất trong thơ tình Xuân Diệu là ý thức về khoảng cách, cái khoảng cách không dễ mất đi ngay cả lúc tình yêu nồng thắm nhất. Nhà thơ luôn mong ước sự hoà quyện tuyệt đối : "Nên lúc môi ta kề miệng thắm – Trời ơi ta muốn uống hồn em" (*Vô biên*). *Vội vàng* có những liên tưởng rất gợi cảm và độc đáo. "Hỡi xuân hồng ta muốn cắn vào ngươi". Dựa trên ý của ca dao, bài *Nước đổ lá khoai* phát triển tứ bằng hình ảnh so sánh : "Lòng ta là một cơn mưa lũ – Đã gặp lòng em là lá khoai".

Trong tất cả các nhà thơ hiện đại có lẽ Xuân Diệu là người đưa lại cho ta nhiều hơn cả một nhận thức về tình yêu không chỉ trong cô đơn và khoảng cách, mà còn là trong bù đắp và mất mát, trong hạnh phúc và khổ đau, bởi lẽ trước hết ông là thi sĩ số một của tình yêu – người tràn đầy một niềm khao khát giao cảm với đời, cả tinh thần và vật chất ; một niềm giao cảm luôn luôn được tìm tòi, lật trở để đi đến tận cùng các giới hạn, các khía cạnh của tình yêu.

Một định nghĩa bao quát và sát hợp về tình yêu : Tình yêu là gì ? Và tình yêu được đặc trưng ra sao so với các tình cảm khác. Đó là cả một

http://tieulun.hopto.org

hệ cấu tứ Xuân Diệu đã tìm cách giãi bày trong suốt cả cuộc đời thơ của mình.

Làm sao cắt nghĩa được tình yêu !
Có nghĩa gì đâu, một buổi chiều

(*Vì sao*)

Cái buồn "vô cớ" mà ta thường thấy, có thể được gây nên bởi nhiều loại tình cảm, nhưng có lẽ cái đậm nhất, cái gây lưu luyến, bâng khuâng, vẩn vơ nhiều nhất vẫn cứ là tình yêu – nó vốn là di sản của ca dao mà Xuân Diệu đã chuyển được sang thơ mình.

Tình yêu là "vô biên" và "tuyệt đích". Trong cuộc đời, tình yêu có cùng với con người, có với lịch sử con người. Do vậy nó không bao giờ cũ. Chính trong sự "vô biên" và "tuyệt đích" mà mỗi thời thơ, mỗi thế hệ thơ, mỗi nhà thơ đều có thể đến với cái *không cùng* của tình yêu, trong sự tìm kiếm không ngừng. Tứ thơ đó là quen thuộc nhưng không hề cũ :

Anh thèm muốn vô biên và tuyệt đích,
Em biết không ? Anh tìm kiếm em hoài !

(*Phải nói*)

Tình yêu là khổ đau, mòn mỏi :

Yêu là chết trong lòng một ít,
Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu.

(*Yêu*)

Lại một tứ khác, không mới. Nhưng không dễ khơi hết cả các tầng sâu của nó. Xuân Diệu đã triển khai tứ thơ theo hướng của một cái "chết trong lòng". Sự đơn phương ở đây quả là da diết. Một sự đơn phương hình như theo riết cuộc đời Xuân Diệu – như ta biết sau này. Tình yêu luôn luôn là sự thử thách trong suốt cả cuộc đời con người. Chính sự nhận thức về nỗi buồn đau của chia phôi, của mất mát của không đến được nhau ấy, mà Xuân Diệu đi tới sự tổng kết về tình yêu trong một tứ thơ lớn :

Những người yêu của muôn xưa,
Yêu muôn năm với bây giờ đang yêu.
Hỡi ai lướt sóng cưỡi triều,
Biển ân tình có trải nhiều xót xa ?

http://tieulun.hopto.org

Tình yêu là riêng, là không san sẻ, là sở hữu tuyệt đối... Tất nhiên như vậy khó mà không đi kèm những lo âu, khắc khoải. *Hỏi* là một tứ thơ nhẹ nhàng mà da diết vẫn trong câu hỏi lớn về tình yêu, giữa bao lạnh lùng và vô tâm của con người :

Hàng ngày em nói bao lời,
Với cha, với mẹ, với người xung quanh ;
Với đường phố với cây xanh ;
Sao em không nói với anh một lời ?

Cũng vẫn Xuân Diệu đấy, Xuân Diệu của ba mươi năm trước, trong cô độc của lòng và cô tịch của không gian thời gian mà ngùi ngẫm than tiếc cho tình yêu đã hết, đã tàn phai khi không còn nữa những hờn ghen, giận dỗi :

Thôi đã hết hờn ghen và giận dỗi,
(Được giận hờn nhau ! Sung sướng bao nhiêu)
Anh một mình nghe tất cả buổi chiều
Vào chậm chậm ở trong hồn hiu quạnh.

(*Tương tư chiều*)

Có thể nói đến chăng một thứ *từ điển nhỏ* trong thơ tình Xuân Diệu (như ao ước lúc sinh thời của chính nhà thơ). Có được loại từ điển đó chính là nhờ vào mọi khả năng cấu tứ phong phú và độc đáo. Nhưng cơ bản vẫn là ở cái tình dào dạt, tràn đầy mà Xuân Diệu luôn gắng khơi hết mọi dáng hình, mọi cung bậc của nó – ngay từ khi bước vào đời thơ và trong suốt cả đời thơ của mình.

Tình yêu không là riêng mà gắn hoà với những tình cảm khác, đó là nét bổ sung trong mảng thơ tình của Xuân Diệu sau 1945, có thể vì thế mà có mất đi một ít nhung tơ nào đó. Tình yêu có bớt đi sự cô đơn, rợn ngợp, sự say đắm, khắc khoải nhưng vẫn còn đó sự đằm thắm và tha thiết. Cùng với mùa Xuân và mùa Thu quen thuộc trong thơ tình Xuân Diệu trước Cách mạng gắn với sự gấp gáp, giục giã, vội vàng, gắn với buồn nhớ, cô đơn, thơ tình Xuân Diệu sau này đã "chớm có vị hè" ấm áp, dẫu vẫn còn là mong manh :

Tình yêu muôn thuở em ơi,
Hôm nay lại đượm hương đời màu xoan.

http://tieulun.hopto.org

Ý xuân trong lúc chứa chan,
Tình đôi ta lại chớm sang vị hè.

(*Chớm sang vị hè*)

Sự chuyển đổi cảm xúc này cũng được thể hiện trong những chuyển đổi của tứ thơ trong phần thơ sau Cách mạng của Xuân Diệu.

Chỉ riêng trong lĩnh vực đời sống gia đình với các chuyển hoá hoặc biến thái của tình yêu, Xuân Diệu đã viết hàng chục bài thơ và đã xây dựng được nhiều tứ thơ hay. Cùng một chủ đề, nhưng mỗi bài thơ có những sắc thái tình cảm khác nhau, thích hợp với từng tâm trạng và hoàn cảnh cụ thể. Ở mạch thơ này Xuân Diệu ít xao động, ít biến hoá hơn so với trước. Vẻ đẹp của thơ tình Xuân Diệu giờ đây hướng về sự giản dị, đời hơn và cũng thực hơn. Cái tình trong thơ Xuân Diệu đã hoà quyện và nương nhờ vào tứ. Có lúc Xuân Diệu đã vận dụng nhiều tứ thơ để biểu hiện một trạng thái tình cảm. Cũng là để nói về nỗi nhớ mong khi xa vắng :

Trong buổi chiều hôm bóng nhá nhem
Anh ra trước cổng đứng chờ em.
Nhận từng vóc dáng từ xa tới
Lọc lấy một hình anh thuộc quen.

(*Đứng chờ em*)

Và :

Anh đợi em giữa buổi chiều như thế
Một buổi chiều – đời nhịp với đôi ta.
Anh là quê hương của em, em sắp lại nhà
Em là quê hương của anh, anh mừng đi đón.

(*Một buổi chiều*)

Một loạt bài như : *Dấu nằm, Trách em, Quạt, Em làm bếp, Áo em, Anh thương em khi ngủ, Hiểu*... đều nói đến tình cảm yêu thương chi chút trong cuộc sống thường ngày, gần gũi mà vẫn mới lạ. Tứ thơ gần với từng sự việc cụ thể trong cuộc đời, trong tình yêu : "Ghe lui còn để dấu dằm – Người yêu đâu vắng dấu nằm còn thương" (*Dấu nằm*) ; "Vai anh khi để đầu em tựa – Cân cả buồn vui của cuộc đời" (*Hiểu*) ; "Ước được ngàn năm nghe giọng ấy – Đèo em đi mãi cuối không gian –

http://tieulun.hopto.org

Và khi không nói, em im lặng – Anh vẫn nghe hay tựa tiếng đàn" (*Giọng nói*).

Sức sáng tạo dồi dào trong nghệ thuật cấu tứ đã đem đến cho thơ Xuân Diệu những nét độc đáo, in đậm trong trí nhớ người đọc. Ông luôn luôn có ý thức xây dựng những tứ thơ mới lạ, không giống ai mà cũng không lặp lại chính mình. Nói về đôi mắt người yêu có dễ chưa ai viết được như Xuân Diệu : "Không phải anh hôn nơi mắt – Anh hôn cái nhìn của em – Mắt em một vừng yêu mến – Thắt anh trong lưới êm đềm" (*Hôn cái nhìn*). Ánh mắt của người yêu có thể biến chén nước thành rượu nồng say chết người (*Chén nước*). Bài *Chầm chậm đừng quên* cũng có một tứ thơ độc đáo. Khi yêu nhau, giữa hai người như có những sợi dây vô hình gắn bó ; khi chia tay họ phải cởi cho hết từng mối dây và những vết hằn của nó còn làm đau đớn đến suốt đời. Đó là nỗi đau của sự nguôi quên : "Muôn sợi ngàn dây đã thắt nhau – Em ơi, chầm chậm tháo gì mau – Tháo dây, rứt cả vào da thịt – Anh biết bao giờ mới hết đau". Cái bi kịch đó chỉ thật sự chấm dứt khi người thi sĩ đa tình này đã "vẫy chào cõi thực để vào cõi hư".

Xuân Diệu là nhà thơ sống để mà yêu và yêu để mà sống. Suốt cả chặng đường dài của một đời thơ, bên cạnh những mảng bài mang cảm hứng công dân sâu đậm, trái tim Xuân Diệu vẫn thức đập với những bài thơ tình nồng nàn, say đắm. Xuân Diệu rất tự hào về thơ tình của mình. Và người đời cũng đánh giá cao mảng thơ này của ông. Sức hấp dẫn và vẻ đẹp của thơ tình Xuân Diệu có được, một phần lớn cũng là nhờ ở nghệ thuật cấu tứ phong phú và độc đáo của ông. Với chủ đề tình yêu và các cách thể hiện đa dạng, thơ Xuân Diệu đã góp phần giúp cho con người hiểu rõ hơn những tình cảm sâu kín của chính mình.

(In trong *Tạp chí Văn học*,
số 4 - 1994)

http://tieulun.hopto.org

THẾ GIỚI KHÔNG GIAN NGHỆ THUẬT CỦA XUÂN DIỆU QUA "THƠ THƠ" VÀ "GỬI HƯƠNG CHO GIÓ"

LÝ HOÀI THU

Sinh thời, Xuân Diệu là một nhà thơ rất tâm đắc và nhạy cảm với phạm trù "không-thời gian" mà ông gọi chung là kích thước của toàn vũ trụ.

Bằng con mắt của một nhà khoa học, ông chỉ ra rằng "Thời gian cũng là một chiều của không gian, và không gian cũng là một chiều của thời gian, không tách rời nhau được ; mọi vật luôn luôn chuyển động, cho nên chúng ta sống trong một vũ trụ có bốn chiều mà chiều thứ tư là thời gian". Ông đòi hỏi người cầm bút phải có "rất nhiều không gian ở trong tâm hồn", "rất nhiều thời gian ở trong tâm trí", và đặc biệt thích thú câu thơ của Xanh-Jôn Pécxơ : "Những đám mây như những mảng thế kỷ đang du hành"... cùng hai câu thơ của Trần Tử Ngang : "Ai người trước đã qua – Ai người sau chưa đẻ"...

Khảo sát quá trình sáng tác của ông, người ta dễ dàng tìm thấy *những điểm tương đồng, đối xứng giữa hai trục thời gian và không gian trên đồ thị vận động của hình tượng thơ*". Đây chính là "chiếc chìa khoá" giúp chúng ta "giải" được một số "mã không gian" trong hai tập *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió*.

Ai cũng biết Xuân Diệu là nhà thơ của lòng yêu đời và niềm say mê ân ái. Thời gian trong tác phẩm của ông nghiêng về trục hiện tại – Đó là khoảng thời gian con người ý thức được sự tồn tại của mình, đang được sống, được yêu, được nếm trải... Không gian của ông, vì vậy, tất yếu phải là *không gian trần thế*. Ông không có những khoảng không gian ngút ngàn mây nước với ý thức muốn chiếm lĩnh cả khoảng không vũ trụ như Huy Cận, cũng không có những không gian Thiên đường, Bồng lai, những cảnh "sơn lâm bóng cả cây già" như Thế Lữ, không qua siêu

http://tieulun.hopto.org

thoát, mờ ảo như Hàn Mặc Tử... Không gian trong thơ Xuân Diệu bao giờ cũng gắn bó với những cảm xúc vui, buồn của thi nhân và là cái nền bao quanh câu chuyện tình tự lứa đôi. Đó là nơi gặp gỡ của những tình cảm yêu đời, yêu người tha thiết, nơi con người có quyền "Cảm xúc", "Hẹn hò", "Yêu", "Tương tư", "Thở than", "Sầu",... Là thế giới kỳ diệu của thiên nhiên với những "nụ cười xuân", những đêm trăng "huyền diệu", những "sương mờ"... Đọc *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió*, người ta rất dễ hình dung ra mặt bằng không gian vui tươi và ấm áp chan hoà của Xuân Diệu : một không gian trẻ trung với những cô gái mười tám, đôi mươi "má hồng phơn phớt mắt long lanh", những chàng trai "đương sức lực tươi xanh – Bước vạm vỡ như là đi chinh phục"... Nó khác xa với những hình khối, đường nét tạo hình "rất không gian", "Nhớ không gian", "Buồn bã không gian", "Sầu không gian",... nhưng quá đỗi u trầm và hoang vắng trong *Lửa thiêng* của Huy Cận. Chính lòng yêu da diết cuộc sống trần thế đã chi phối đến hình thức tổ chức không gian trong tác phẩm của Xuân Diệu. Cả mặt đất và bầu trời bát ngát trong *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió* dường như chỉ dành cho những người đang yêu. Bước chân vào thế giới đó người ta có cảm tưởng như đang được "du ngoạn trong xứ yêu mến" với những "môi kề", "má sánh", "tay trong tay",... Nói theo hình ảnh đã được không gian hoá của Vũ Ngọc Phan : Thơ Xuân Diệu là "bình chứa muôn hương của tuổi trẻ".

1. *Vườn* là một trong những không gian tiêu biểu chứa đầy ý tưởng của thơ Xuân Diệu. Vườn có thể là một không gian trừu tượng : Là cõi dương thế đông vui, ấm áp đối lập với âm thế tăm tối lạnh lẽo (*Không muốn đi ở mãi mãi vườn trần ; Nước ngọt vẫn tuôn vườn đợi hái...*). Hoặc là không gian tâm tưởng của chủ thể trữ tình (*Trong vườn thơm ngát của hồn tôi ; Tất cả vườn anh rất đợi chờ...*). Song nhiều nhất vẫn là những khu vườn thiên nhiên cụ thể (*Giữa vườn ánh ỏi tiếng chim vui ; Trong vườn đêm ấy trăng nhiều quá...*). Và dù đó là không gian tâm hồn hay không gian thiên nhiên thì vườn trước hết phải là biểu tượng sinh động của sức sống. Khác với hình ảnh "vườn Địa đàng" vắng bóng con người trong *Lửa thiêng* của Huy Cận, vườn trong thơ Xuân Diệu là nơi con người tìm ra sự hoà hợp với thiên nhiên, cao hơn là sự sống. Nó ngập tràn những hình ảnh hoa, lá, cỏ, cây, nắng, sương, chim, bướm,... Nếu không gian vườn ấy được mô tả dưới ánh sáng ban ngày thì tất cả đều trở nên long lanh rực rỡ :

http://tieulun.hopto.org

– Tóc liễu buông xanh quá mỹ miều
Bên màu hoa mới thắm như kêu
– Vàng tươi thược dược cánh hơi xoè
Ửng rạng phù dung nghiêng mặt hoa.

Dưới độ khúc xạ của ánh mặt trời : "Sương chói mặt trời" ; "Tung hô bằng ánh sáng" ; "Hoa ngang ngửa thắm"... nhà thơ tạo nên những hình ảnh thật sắc nét, mềm mại :

– Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh
– Trong vườn sắc đỏ rũa màu xanh
– Hình eo, dáng lá, sắc xinh xinh
– Hãy làm dáng điệu xuân ôm ấp
Ánh sáng ban từ một nét tay.

Nhưng nếu là ban đêm, bút pháp tạo hình không gian của Xuân Diệu lại thay đổi : từ không gian nhìn thấy (màu sắc, đường nét) ông chuyển sang không gian nghe thấy, cảm thấy (âm thanh, hương vị) ; từ không gian vườn, kết hợp với trăng tạo thành một không gian ghép : *Vườn – Trăng*... Nhờ sự kết hợp này, những khu vườn đêm của Xuân Diệu trở nên lung linh, mờ ảo sực nức hương thơm (*Trăng, Buồn trăng, Hoa đêm*), hài hoà trong cách tạo dựng không gian tầng thấp – tầng cao, bầu trời – mặt đất (*Với bàn tay ấy*). Đặc biệt, là nó chứa đầy gió : "Gió du dương", "Gió đượm buồn", "Gió nhịp theo đêm", "Gió đào thổ thẻ",... Trong đêm thanh vắng, gió vừa là những kênh truyền thông giữa vũ trụ bao la, vừa là sợi dây nối liền bầu trời, mặt đất. Nhiều bài thơ của ông từ một địa điểm không gian cụ thể và tương đối tĩnh tại, nhờ sức phong toả của gió bỗng vận động và biến hoá khôn lường, từ một không gian hẹp thành không gian rộng, từ một không gian tầng thấp vươn lên tầng cao, từ mặt đất vươn tới bầu trời, từ trạng thái thăng bằng đến trạng thái không trọng lượng,... Những bài thơ như *Nhị hồ, Nguyệt cầm, Buồn trăng* cho thấy Xuân Diệu hầu như bứt khỏi mặt đất là lập tức bị "choáng" ngay :

Sương nương theo trăng ngừng lưng trời
Tương tư nâng lòng lên chơi vơi...

Xuân Diệu khó lòng làm chủ những không gian tầng cao như Huy Cận. Đây là một đặc điểm tiêu biểu thể hiện khả năng và ưu thế chiếm

http://tieulun.hopto.org

lĩnh không gian của nhà thơ. Có thể ông không nung nấu ý thức chiếm lĩnh không gian như với thời gian nhưng rõ ràng nhiều khi người ta cảm thấy dường như ông không đủ sức chế ngự những khoảng không gian cao rộng, trong khi đó, bằng tốc độ và cường độ sống của mình, ông đã phần nào chiến thắng sự trôi chảy của thời gian. Hồn thơ Xuân Diệu dù tung hoành trên khắp vòm trời thì cuối cùng vẫn phải tìm cách hạ xuống mặt đất. "Vườn trần", đó thực sự mới là chỗ đứng, là "vương quốc" riêng của Xuân Diệu.

2. Giã từ bầu trời, trở về mặt đất, Xuân Diệu đã tìm về những không gian hẹp và gần gũi hơn cho vừa tầm trò chuyện tình tự của mình. Tâm hồn khát khao giao cảm với đời ấy luôn tự tìm đến những không gian giao lưu, hoà hợp. Chính vì vậy, cùng với "*vườn*", "*con đường*" cũng là một trong những sự hoá thân của không gian trần thế chứa nhiều ẩn ý trong thơ ông. "*Con đường*" trước hết phải là một không gian cụ thể, nhưng đồng thời còn có nghĩa là một con đường đời hoặc con đường tình yêu. Con đường trong thơ Xuân Diệu có lúc đông, lúc vắng, lúc tấp nập vui vẻ, lúc thưa thớt buồn bã... Những lúc tâm trạng con người phấn chấn, vui tươi, con đường trở thành không gian vui vầy của đám đông, mang tâm trạng của đám đông :

– Một luồng ánh sáng xô qua mặt,
Thắm cả đường đi, rực cả đời.

Những lúc buồn, con đường trở thành sở hữu của cá thể thi nhân, mang tâm trạng của chính thi nhân :

– Cuộc đời cũng đìu hiu như dặm khách
Mà tình yêu như quán trọ bên đường

Tuy nhiên, đọc Xuân Diệu, ấn tượng mạnh mẽ nhất thuộc về "con đường tình yêu". Đặc biệt chỉ bằng hai câu :

– Con đường nhỏ nhỏ gió xiêu xiêu
Lả lả cành hoang nắng trở chiều

Ông đã *tạc vào không gian thơ hình ảnh một con đường tình yêu với những nét tạo dáng thật tuyệt vời*. Đó thực sự là con đường mang theo phong điệu tài hoa, bay bổng của Xuân Diệu mà người ta không thể lầm lẫn nó với "con đường quê" của Tế Hanh hay "một khúc đường thơm" của Huy Cận...

http://tieulun.hopto.org

3. Khác với *"vườn"*, *"con đường"* – những địa danh vừa là nơi tình tự, vừa là nơi diễn ra sự giao lưu tình cảm giữa cá nhân với cuộc đời, không gian *"nhà"*, *"căn phòng"* hiện lên như một sự ngăn cách với thế giới xung quanh. Đó hoàn toàn là *không gian cá nhân*. Dù căn phòng ấy được mở cửa để thông ra hoàng hôn như trong bài *Tương tư chiều* hay khép lại kín mít để con người tự gặm nhấm nỗi đau của mình như trong bài *Riêng tây* thì đó vẫn là một không gian lạnh lẽo, tù túng mà con người đang muốn thoát ra... Từ đó, có thể nghiệm thấy rằng : Thơ Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám có sự mâu thuẫn giữa độ ấm nóng và kích thước không gian. Không gian trần thế mênh mông là thế lại ấm áp, trong lúc đó không gian rất hẹp của cá nhân như một căn phòng lại thường lạnh lẽo. Những bài thơ *Tương tư, Chiều, Viễn khách, Riêng tây, Xa cách, Lời kỹ nữ,...* đã góp phần khẳng định sự bế tắc của không gian cá nhân trong Thơ mới : càng đi sâu vào cái tôi, "càng thấy lạnh"...

4. Góp phần thể hiện những nỗi sầu ly biệt, những cách trở, xa xôi trong tình ái – một mô típ quen thuộc của thơ ca lãng mạn – Xuân Diệu đã tìm đến *không gian dòng sông*. Thơ ông không có một dòng *Tràng giang* điệp điệp buồn như Huy Cận, không có cái lưu luyến tiễn đưa như *Bến sông đưa khách* của Thế Lữ, cái dứt tình đượm màu "bâng khuâng khó hiểu của thời đại" trong *Tống biệt hành* của Thâm Tâm. Sông của Xuân Diệu đơn giản chỉ là một không gian chở nặng tâm tư :

– Buồn ở sông xanh nghe đã lại
– Đã vắng người sang những chuyến đò
v.v.

Một không gian rời rạc, hững hờ :

– Người giai nhân bến đợi dưới cây già
Tình du khách : Thuyền qua không buộc chặt
– ... Bên ấy, bên này
Cũng cách xa như những bờ xa cách
Không có thuyền qua, không cánh bay...

Như vậy dòng sông vừa là sự miêu tả trực tiếp, vừa mang ý nghĩa ẩn dụ, gián tiếp. Bằng cách ấy, ông đã tạo thêm một lớp nghĩa mới cho thơ.

5. Để tăng thêm sự biểu đạt tâm trạng, Xuân Diệu đã tạo nên một không gian tâm trạng : *Không gian nắng* ; Đây là một không gian không

http://tieulun.hopto.org

có hình thù cụ thể nhưng nó lan toả và lấn chiếm gần như toàn bộ cả hai tập thơ (Trong khi đó chỉ có vài bài có không gian mưa : *Mười chữ*, *Riêng tây*, *Nước đổ lá khoai*,...). "*Nắng*" đối với Xuân Diệu cũng là một kiểu tương tư. Tuỳ theo sắc độ của tình cảm mà "điều chỉnh" màu đậm nhạt của nắng : "Nắng vàng", "nắng rọi", "nắng xôn xao", "nắng đào", "nắng nhạt", "nắng trở chiều", "nắng cũ", "nắng mới", "nắng phai", "nắng nhỏ", "nắng chói", "nắng xưa", "nắng ngã", "nắng cháy", "nằng hồng nung"... Nắng trong thơ Xuân Diệu không được tạo dựng theo chiều không gian thẳng đứng : "Nắng xuống, trời lên, sâu chót vót" như Huy Cận. Nắng ở đây thường là sự xâm chiếm lan toả nhẹ nhàng : "*Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt ; Hôm nay trời nhẹ lên cao – Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn*..." Nhìn chung, nắng trong thơ Xuân Diệu bao giờ cũng mang theo những xao động nội tâm. Nhiều khoảng không gian nắng được chuyển hoá thành không gian tâm hồn : *Nắng nhỏ bâng khuâng chiều lỡ thì ; Nắng nhỏ cành vương vấn*...Qua không gian nắng, nhà thơ gửi gắm được nhiều trạng thái xúc cảm khác nhau, đồng thời tạo được sự hoà hợp giữa tâm hồn và ngoại cảnh.

6. "*Sương*" ở trong thơ Xuân Diệu có thể được coi là một *không gian dung hoà* giữa mưa và nắng. Cũng như nắng, sương là một không gian nhìn thấy, tuy không có hình dạng cụ thể nhưng đó chính là "*hệ sinh thái*" *nuôi dưỡng tâm trạng thi nhân*. Tỷ lệ những câu thơ viết về sương trong *Gửi hương cho gió* nhiều gấp 3 lần so với *Thơ thơ*. Điều đó phần nào nói lên rằng : Càng về sau, tâm hồn nhà thơ càng có nhiều uẩn khúc, có lúc tự mình không hiểu nổi mình : *Sương với bóng không nghĩa gì tỏ rõ*. Nếu ở *Thơ thơ* "sương" là sự thể hiện những tình cảm lãng mạn bay bổng của thi nhân : *Nghe hát ân tình giữa gió sương ; Non xa khởi sự nhạt sương mờ* thì sang *Gửi hương cho gió*, "sương" trở thành nỗi vương vấn sầu muộn : *Mênh mông ai lạc giữa vòm sương ; Sương dẫu chưa buông lệ ảm trời ; Mắt buồn đâu đã khép trong sương ; Vừa nắng mai sao đã đến sương chiều ;*... Rõ ràng, "sương" đã trở thành một không gian mang nhiều ẩn ý trong thơ Xuân Diệu.

7. Ở một số bài thơ viết về thời gian, Xuân Diệu mở rộng thêm không gian "*Mây*", "*Nước*", "*Thuyền*". Đó là những không gian chuyển động nhưng đôi khi bị gò theo "khuôn triết lý" nên ít nhiều bị mất đi vẻ

http://tieulun.hopto.org

đẹp tự nhiên như ta vẫn thường thấy trong những bức tranh không gian mây nước khoáng đạt của Huy Cận, hài hoà thơ mộng của Hàn Mặc Tử (*Đi thuyền, Thời gian*). Tất nhiên khi không bị gò vào những ý tưởng triết học, không gian "mây", "nước" được trả lại thiên nhiên với tất cả vẻ đẹp thơ mộng vốn có của nó : *Mây vẩn tầng không chim bay đi ; Mây biếc về đâu bay gấp gấp ; Nắng hồng nung mây bạc chảy ngân nga, Mây bạc trôi trong nắng gợn trời ;* ... Thỉnh thoảng ông đưa vào một lối nói bình dân trong những câu thơ có cặp không gian trùng : "Thuyền – Bến" : *Chiếc thuyền lòng nước đẩy phải trôi theo ; Tôi như chiếc thuyền hư không bến đỗ ;* ... Những câu thơ ấy đã góp phần làm nên sự đa dạng của thơ Xuân Diệu trong mảng không gian nhỏ này.

8. Cuối cùng, với tư cách là một nhà thơ quyết liệt nhất trong việc khẳng định những "giai điệu cá nhân" : "*Cái tôi*" trong thơ Xuân Diệu cũng là một phạm trù không gian chiếm giữ một "vùng trời", "vùng đất" riêng với nhiều kích thước khác nhau. Đó có thể là những khoảng không gian tương đối cụ thể như "núi" (*Núi xa, Hy Mã Lạp Sơn*), "Chiếc đảo – Hồn tôi" (*Nguyệt cầm, Trăng,...*), nhưng cũng có thể trừu tượng hơn – là "không gian khát vọng" (*Sầu, Mênh mông*). Khi cái "bản ngã cá nhân" ý thức được một cách sâu sắc sự cô đơn của mình giữa "đại ngã vũ trụ" thì không gian cái tôi được đẩy lên độ cao tột cùng vũ trụ *Ta lên cao như một ý siêu phàm*, nhưng chính đó cũng là lúc cái tôi lâm vào tình thế bi đát nhất : *Ta bỏ đời mà đời cũng bỏ ta*...Trong tình yêu, ý thức về *cái tôi* quá lớn khiến nhà thơ luôn nhìn thấy một "Vạn Lý Trường Thành" ngăn chia "hai vũ trụ bí mật" lứa đôi. Đó thật là một không gian không thể nào vượt qua nổi...

Đi vào thế giới không gian nghệ thuật của thơ Xuân Diệu là bước vào một vương quốc nghệ thuật riêng với nhiều tầng, mảng, hình khối không gian khác nhau. Cao và thấp, rộng và hẹp, hữu hình và vô hình,... Tất cả những yếu tố thuộc đường nét, hình thù không gian đó đã chi phối trực tiếp đến bút pháp tạo hình và hệ thống hình ảnh của cả hai tập *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió*.

Hà Nội 1-1995

(In trong *Tạp chí Văn học*, số 1 - 1996)

http://tieulun.hopto.org

BÀI THƠ "*HUYỀN DIỆU*" CỦA XUÂN DIỆU VÀ QUAN NIỆM "TƯƠNG ỨNG CÁC GIÁC QUAN" CỦA BAUDELAIRE

NGUYỄN LỆ HÀ

1. *Huyền diệu* (*Thơ thơ* - 1938) là một trong những bài thơ tiêu biểu thể hiện "tính hiện đại" (la modernité) của thơ Xuân Diệu trước Cách mạng. Cùng với những bài thơ khác (*Nguyệt cầm, Nhị hồ, Đây mùa thu tới, Vội vàng,...*) *Huyền diệu* đã góp phần đưa Xuân Diệu trở thành "nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới"(1).

Chọn câu thơ nổi tiếng của Charles Baudelaire (1821-1867) trong bài *Tương ứng* (*Correspondances*, 1846-1847) : *Les parfums, les couleurs et les sons se repondent* (Hương thơm, màu sắc, âm thanh đáp ứng nhau) làm đề từ cho bài thơ, Xuân Diệu đã bộc lộ niềm tâm đắc của ông với quan niệm thẩm mỹ của nhà thơ Pháp thế kỷ XIX : quan niệm "tương ứng giữa các giác quan" (correspondance des sens). Thật ra, Baudelaire không phải là người đầu tiên phát biểu về vấn đề này. Trước ông, nhà văn Đức Hoffmann (1776-1882) đã từng tuyên bố : "Không chỉ trong mơ... mà ngay cả khi thức, khi tôi nghe nhạc, tôi tìm thấy *sự tương hợp và sự thống nhất nội tại giữa màu sắc, âm thanh và mùi hương*". Với Hoffmann, từ "mùi thơm của những bông cúc nâu, đỏ", người ta có thể nghe được "những âm thanh trầm và sâu thẳm của những chiếc kèn ôboa"(2). Nhưng chính với bài sonnet kỳ diệu *Tương ứng*, Baudelaire đã trở thành người mở đầu khuynh hướng "tương ứng cảm giác" (correspondances sensorielles) trong thơ Pháp. Lần đầu tiên trong lịch sử thi ca, nhà thơ đã tạo nên những "tương ứng" làm xáp lại gần nhau các lĩnh vực cảm xúc vốn cách xa nhau hay những cảm giác mà mối liên hệ

---

(1) Hoài Thanh, Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội, 1989, tr. 121.

(2) Ch. Baudelaire, *Œuvres Complètes*, Éd. Seuil, Paris, 1968, tr. 232.

http://tieulun.hopto.org

của chúng vốn "bị lãng quên" hoặc mờ nhạt (*Hương thơm, màu sắc, âm thanh đáp ứng nhau. Có những mùi hương mát như da thịt trẻ con. Êm nhẹ như tiếng sáo, xanh mướt như cỏ non...*). Tuy nhiên, đấy không phải là thủ pháp ghép loại cảm giác một cách đơn thuần theo một sơ đồ giản lược : a + b + c hoặc a kết hợp với b, với c, d... ($a \cap b \cap c \cap d$). Baudelaire quan niệm vũ trụ là "*một thể thống nhất âm u và sâu thẳm*" với biết bao mối tương quan bí ẩn và "mọi vật luôn được biểu hiện bằng *một trường hợp qua lại* (une analogie réciproque), từ cái ngày Thượng đế sáng tạo ra thế giới *như một tổng thể phức tạp và không thể chia cắt*" (*R. Wagner et Tannhauser*, 1861)[1]. Tư tưởng triết học này đã nâng quan niệm "tương ứng" của Baudelaire thành "tổng hoà các giác quan", tạo nên một thi pháp quan trọng của thơ Baudelaire cũng như thơ tượng trưng sau này, mài sắc giác quan của nhà thơ, khiến thơ ca, với khả năng chiếm lĩnh và biểu hiện thế giới một cách tinh vi, mầu nhiệm, dần dần trở nên những "ma thuật" (*sorcellerie évocatoire* - Rimbaud).

2. Sự bùng nổ cảm giác của Xuân Diệu xuất hiện đầu tiên ở bài thơ *Huyền diệu* trong trạng thái náo nức đến đắm say của một tâm hồn nồng nhiệt, thiết tha giao cảm với đời. Bài thơ gồm bốn khổ, mỗi khổ bốn câu, nhưng đã có sáu câu mở đầu bằng những cụm từ trùng điệp ở thức mệnh lệnh : *Này lắng nghe em – Hãy nghe ; Ngừng hơi thở lại – Hãy vẫn ngừng hơi ; Hãy tự buông ; Hãy uống* tạo nên âm điệu réo rắt, lan toả của các vòng sóng câu thơ.

Và chiếc cầu giao cảm linh diệu giữa cái "tôi" tràn đầy cảm xúc của nhà thơ với "em" chính là khúc nhạc. Âm nhạc tạo nên sự *hợp nhất tình yêu* trong *sự hợp nhất cảm xúc*. Âm nhạc cùng dẫn dắt nhà thơ đi từ *cảm xúc* đến *cảm giác* trong sự nhất thể hoá của chúng.

Huyền diệu chìm trong tiếng nhạc. Đó là "một lâu đài kiến trúc đầy âm vang" mà âm hưởng chủ đạo của nó là cảm hứng về quan niệm "tương ứng các giác quan". Sự ngưỡng mộ không che giấu của Xuân Diệu đối với Baudelaire thể hiện không chỉ ở lời đề từ bài thơ, ở cách ghép từ mới lạ gợi nhớ quan niệm của nhà thơ Pháp thế kỷ trước trên bề mặt câu chữ (*khúc nhạc thơm, khúc nhạc hường*) mà còn ở "nhạc tính"

---

(1) Ch. Baudelaire, *Œuvres Complètes*, Sđd, tr. 513.

http://tieulun.hopto.org

(musicalité) của toàn bài cũng như ở những rung động "huyền diệu" trong tâm hồn thi nhân.

Trong bốn khổ của bài thơ, ba khổ đầu miêu tả tiếng nhạc. Nhà thơ đã tạo nên những "tương ứng cảm giác" giữa *âm thanh, màu sắc, hương thơm* (khúc nhạc *thơm*, khúc nhạc *hường*), giữa *thính giác, vị giác, khứu giác*,.. (từ hình ảnh so sánh độc đáo : "khúc nhạc thơm" với "rượu tối tân hôn" và hương thơm...), giữa *thơ* và *nhạc* (Hãy uống *thơ* tan trong *khúc nhạc*). Ở khổ một và hai, chủ thể trữ tình đạt tới trạng thái hạnh phúc viên mãn. Âm nhạc dẫn con người vào "thế giới của Du dương", thế giới thần diệu với hương thơm, sắc hồng. Nhưng để đến được "Thiên đường nhân tạo" ấy, cần phải nỗ lực nén cảm xúc (*lắng nghe, tự buông, ngừng hơi thở lại*). Chỉ có vậy, con người mới đạt tới sự "thăng hoa" cảm giác :

Như hương thấm tận qua xương tuỷ,
Âm điệu thần tiên, thấm tận hồn.

Nhưng cũng chính âm nhạc kéo con người ra khỏi trạng thái đê mê, ảo giác. Giờ đây không còn là "âm điệu thần tiên" nữa mà là những âm thanh của cuộc sống hằng ngày, là "giọng suối", "lời chim", thậm chí "tiếng khóc người". Hình ảnh so sánh cụ thể (âm thanh với âm thanh) ở khổ thơ thứ ba đưa nhà thơ phiêu diêu trong "xứ sở thần tiên" trở về với đời sống hiện thực, từ *cảm giác hỗn loạn* trở về *cảm xúc chân thực* với hoài niệm về một "thuở xa khơi" :

Rồi khi khúc nhạc đã ngừng im

Khổ thơ cuối cùng kết thúc bằng một hình ảnh so sánh xúc động : trái tim run rẩy như chiếc lá sau trận gió. Tiếng nhạc đã tắt, nhưng tiếng lòng vẫn ngân vang. Hòn sỏi đã ném xuống làn nước ao phẳng lặng, tạo những dư ba, xung động sâu xa. Và cũng như ở khổ thơ trên, một lần nữa, nhân vật trữ tình của bài thơ lại nỗ lực : *Hãy vẫn ngừng hơi nghe trái tim* để có thể thấu hiểu cảm xúc mới mẻ đang diễn ra trong tâm hồn mình.

Như vậy, hành trình của bài thơ là hành trình của cái "tôi" nhà thơ, đi từ *cảm xúc* (say đắm, nồng nhiệt) đến *cảm giác* (được hoà lẫn, nhất thể hoá) và trở lại *cảm xúc* (trong sự hoà đồng với cuộc sống, trong giao cảm mãnh liệt với thế giới bao quanh). Từ những "tương ứng" giữa

http://tieulun.hopto.org

cảm xúc - cảm giác, và giữa các giác quan với nhau, bài thơ thể hiện chiều tương ứng thứ ba : giữa tình yêu và cảm giác.

3. Quan niệm "tương ứng các giác quan" của Baudelaire luôn được kết hợp với bình diện tương ứng khác mang tính chất siêu hình : Tương ứng giữa "thế giới nhìn thấy" với "thế giới không nhìn thấy". Tự nhiên, đối với Baudelaire, là một Ngôi đền (temple), trong đó vang lên "những lời mơ hồ, bí ẩn". Từ thế giới đó, cái "tôi" nhà thơ dồn nén trong trạng thái "nhập định" (extase), "siêu thăng". Tinh thần nhà thơ thoát ra khỏi sự cầm tù của thể xác, như một làn hơi nhẹ về phía Siêu nhiên :

Vút bay lên tận những vùng trời tươi sáng và thanh bình (*Lên cao-Élévation*).

Trạng thái "nhập định" này hướng Baudelaire nhìn thế giới bao quanh như "những khu rừng biểu tượng", cảm giác của nhà thơ đối với sự vật trở nên sắc cạnh, tinh vi hơn. Nhà thơ của những "tương ứng" đã trở thành "người tiên khu" của Chủ nghĩa Tượng trưng.

Với *Huyền diệu*, Xuân Diệu đã đạt tới những giây phút "cực lạc" trong âm thanh gợi cảm giác thần tiên. Nhưng thế giới hiện tại, con người trần thế đáng say đắm hơn. Bởi thế, nhà thơ luôn muốn chia sẻ cảm giác tinh tế của mình với những tâm hồn khác, trong một thế giới nghệ thuật phong phú.

Quan niệm thẩm mỹ của Baudelaire in dấu trong thơ Xuân Diệu, góp phần tạo nên trong thơ ông những rung động tinh vi, những xốn xang mới mẻ.

Hơn một trăm năm đã qua đi, song chân trời thơ Baudelaire vẫn tiếp tục mở rộng. Thơ Baudelaire được tiếp nối qua các nhà thơ tượng trưng (Mallarmé, Verlaine, Rimbaud) và các nhà thơ hiện đại Pháp (P. J. Jouve, P. Valéry,...). Vượt qua không gian, Baudelaire nhanh chóng đến với các nhà thơ mới Việt Nam (Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Vũ Hoàng Chương, Bích Khê,...) gợi nên khắp nơi những ám ảnh kỳ lạ. Và với *Huyền diệu*, cuộc gặp gỡ Xuân Diệu - Baudelaire hẳn là một cuộc gặp gỡ khó quên.

(In trong *Tạp chí Văn học*, số 10-1994)

http://tieulun.hopto.org

TINH THẦN PHỤC HƯNG TRONG LÝ TƯỞNG THẨM MỸ CỦA XUÂN DIỆU THỜI TRƯỚC 1945

LÊ QUANG HƯNG

Nếu ở thơ ca trung đại ta bắt gặp những thi nhân chiêm nghiệm (về sự thế, về lẽ đời) thì đến phong trào Thơ mới ta được chứng kiến những cái tôi trong quá trình tiếp xúc, tham dự trực tiếp cùng cuộc sống. Đó quả là một cuộc cách mạng lớn lao trên tiến trình tư duy nghệ thuật thơ ca dân tộc.

Quan hệ tiếp xúc với thế giới khách quan ở các nhà thơ mới đã diễn ra theo những mức độ không giống nhau và chưa phải là đã phá sạch các bức tường ước lệ. Vẫn còn những giới cách, những bưng chắn âm u. Vẫn còn những bước chân dè dặt bên lề. Song, đối với Xuân Diệu đó là một *cái tôi* lồ lộ giữa quá trình sự sống với nỗi đam mê mãnh liệt. Thi sĩ "mới" nhất trong các nhà thơ mới này luôn ham sống đủ đầy, mãn nguyện trong mối giao cảm với mọi người, với cuộc đời. Tự ví mình như "cây kim bé nhỏ" mà "vạn vật là muôn đá nam châm", Xuân Diệu cũng cảm thấy như "nghìn trái tim mang trong một trái tim". Đã không ít người chỉ ra đặc điểm nổi bật này ở tâm hồn thơ Xuân Diệu. Nhưng nguyên nhân của niềm khao khát ấy là gì, quan hệ giao cảm đã diễn ra như thế nào ? Trả lời các câu hỏi ấy chính là mới lý tưởng thẩm mỹ độc đáo của Xuân Diệu trước Cách mạng.

Ai từng đọc *Lời đưa duyên* của tác giả *Thơ thơ* (1938) rồi *Lời thơ vào tập Gửi hương* (1945) chắc đều thấy rõ ràng rằng với thi sĩ Xuân Diệu làm thơ là một cách trốn chạy khỏi cô đơn, một cách khắc phục sự vô danh trên cõi đời này. Nhà thi sĩ ham yêu, ham sống luôn ở trong tâm thế hướng về, ôm ấp sự hoà hợp, đồng cảm gắn bó. Cái hình ảnh tâm lý tinh thần ấy đã "phổ" vào ngôn ngữ thơ ca thành các kiểu

http://tieulun.hopto.org

hình tượng cặp đôi. Trong các nhà thơ mới có lẽ không ai tài hoa và tình tứ như Xuân Diệu khi thể hiện tình trạng sóng đôi, cặp đôi của thế giới vạn vật :

Ánh sáng ôm trùm những ngọn cao,
Cây vàng rung nắng, lá xôn xao ;
Gió thơm phơ phất bay vô ý
Đem đụng cành mai sát nhánh đào.

(*Nụ cười xuân*)

hay :

Chiều mộng hoà thơ trên nhánh duyên,
Cây meríu rít cặp chim chuyền.
Đổ trời xanh ngọc qua muôn lá,
Thu đến nơi nơi động tiếng huyền.

(*Thơ duyên*)

Trong quan niệm về cái đẹp của Xuân Diệu, cái gì cũng song phương, cũng có đôi và cần gọi đôi. Cũng bởi thế, nhà thơ than tiếc khi lòng mình như một "cơn mưa lũ" "đã gặp lòng em là lá khoai". Những cơn mưa biếc tuôn muôn giọt ngọc từ tấm lòng đa tình nồng nàn ấy phải được chạm, phải được hứng đựng bằng cái gì xứng đáng chứ không thể là thứ "lá khoai không ướt đến da ngoài". Trên con đường khắc phục nỗi cô đơn, vượt khỏi sự tồn tại vô danh của kiếp người, cái tôi Xuân Diệu đã tìm đến niềm giao cảm. Đó cũng là quá trình cái tôi ấy tìm cách hiện thực hoá bản thân mình vào thế giới (chứ không phải tự hoà tan nó). Nhà phân tâm học hiện đại Venkart cho rằng khát vọng vươn tới tự do (bên trong và bên ngoài) chính là nhu cầu và hành vi cơ bản của con người. Theo ông : "Bất cứ hành động sáng tạo nào cũng là một cách đi tới tự do", do thế một trong những cội nguồn của sáng tạo nghệ thuật là nghệ sĩ muốn vượt qua giới hạn của sự cô đơn dường như tất yếu dẫn tới cái chết và thiết lập mối giao lưu với người khác, mới có thể tự hiện thực hoá bản thân nghệ sĩ[1]. Quan niệm này rất đáng chú ý để giải thích động cơ sáng tạo, hành vi giao cảm ở Xuân Diệu. Đã nói tới giao cảm

---

(1) Xem : *Triết học và mỹ học phương Tây hiện nay* (Nhiều tác giả), NXB Văn hoá, Hà Nội, 1992, tr. 73-74.

http://tieulun.hopto.org

tất phải có hai phía tác động qua lại lẫn nhau : "tôi" và ngoại giới. Vậy, theo nhu cầu của Xuân Diệu mỗi yếu tố ấy phải ra sao ? Trong quá trình giao cảm, phía nào chi phối phía nào, quyền hành thuộc về ai ?

Không phải ngẫu nhiên mà Xuân Diệu hay tả mùa xuân trong thơ ông thường ngập tràn ánh sáng, ríu rít thanh âm cùng bát ngát hương. Không phải ngẫu nhiên kẻ thi sĩ khát tình này luôn giục giã "yêu tha thiết, thế vẫn còn chưa đủ", luôn kêu gọi "Hãy tuôn âu yếm lùa mơn trớn – Sóng mắt, lời môi – nhiều, thật nhiều !" (*Vô biên*). Ngoại giới – trong nhu cầu giao cảm của Xuân Diệu – phải là thiên nhiên đầy hương sắc, ở độ đẹp rực rỡ, tươi thắm nhất, phải là con người (thường là nhân vật "em") rộng lòng đón chờ chia sẻ cùng "tôi". Ngồi ôm ấp, mơn trớn với người yêu mà thi sĩ cứ khát khao "gần thêm nữa ! Thế vẫn còn xa lắm !" (*Xa cách*). Yêu tha thiết đến mấy vẫn còn chưa đủ "Nếu em yêu mà chỉ để trong lòng". Tình yêu phải được tỏ bày bằng ngôn ngữ. Không chỉ một mà "Phải nói yêu trăm bận đến ngàn lần". Nói – lại không chỉ bằng miệng, thành tiếng – mà bằng "lời riêng" của mọi giác quan được phát động đến đỉnh điểm cơn mê đắm :

Em phải nói, phải nói và phải nói
Bằng lời riêng nơi cuối mắt đầu mày
Bằng nét vui, bằng vẻ thẹn, chiều say,
Bằng đầu ngả, bằng miệng cười, tay riết
Bằng im lặng, bằng chi anh có biết !
Cốt nhất là em chớ lạnh như đông
Chớ thản nhiên bên một kẻ cháy lòng
Chớ yên ổn như mặt hồ nước ngủ

(*Phải nói*)

Trong niềm mong muốn đi tới sự đồng cảm, hoà trộn cùng ngoại giới như vậy, "tôi" phơi trải lòng mình, đem hết tâm tình mà tặng cho người yêu dấu :

Lòng tôi bốn phía mở cho trăng
Khách lại mười phương cũng đãi đằng
Nước ngọt sẵn tuôn, vườn đợi hái,
Đường không ngăn cấm, cỏ chờ băng

(*Phủ trải*)

http://tieulun.hopto.org

Cái tôi Xuân Diệu nhiều khi đạt đến sự liên kết huyền diệu với thế giới vạn vật :

Tôi để da tay ý dịu tràn
Gửi vào cây cỏ chút mơn man
Chân trần sung sướng nghe da đất
Tôi nhận xa xôi của dặm ngàn.

(*Đi dạo*)

Dầu hiểu tình yêu là "biển đắng", "tôi vẫn không nguôi nỗi khát thèm". Dầu biết "đã gặp lòng em là lá khoai", trận mưa lòng của "tôi" vẫn tuôn đổ mà "không hề oán hận" (*Nước đổ lá khoai*). Đủ thấy vẻ cường tráng lẫn nỗi bi kịch của *cái tôi* Xuân Diệu thời đó như thế nào !

Quá trình giao cảm đã diễn ra hai chiều quan hệ : ngoại giới tác động vào "tôi" và ngược lại.

Hoài Thanh từng chỉ ra một cách chí lý rằng : "Sự bồng bột của Xuân Diệu có lẽ đã phát biểu ra một cách đầy đủ hơn cả trong những rung động tinh vi"[1]. Không ai như Xuân Diệu đã diễn tả tài tình đến vậy những trạng thái hoà cảm tinh tế, huyền diệu giữa lòng người cùng ngoại giới. Tâm hồn ông luôn tìm thấy "nguồn sống dồi dào" trong những "hình thức nhỏ nhặt" và cảnh vật thiên nhiên thường đóng vai trò tác nhân gợi tình, xui khiến niềm ham yêu khát sống (*Nụ cười xuân, Huyền diệu, Vội vàng, Với bàn tay ấy, Xuân đầu, Rạo rực,...*). Mặt khác không ít khi cái buồn lạnh từ ngoại giới cũng khơi gợi, cũng truyền lây nỗi buồn (lắm lúc vu vơ) ở lòng người (*Đây mùa thu tới, Chiều, Tương tư chiều, Xuân rụng, Khi chiều giăng lưới,...*).

Chiều quan hệ thứ nhất như vậy (ngoại giới vào "tôi") đã bắt đầu thể hiện sự "khác người" của Xuân Diệu (năng lực hoà cảm). Nhưng xét sang nhiều tác động ngược lại ("tôi" hoà mình vào ngoại giới) ta mới càng nhận rõ vẻ độc đáo, sự khoẻ mạnh của cái tôi này. Lịch sử phát triển nghệ thuật nhân loại phản ánh cố gắng của con người tìm cách ngày càng khẳng định mạnh mẽ hơn bản lĩnh, in ấn sắc nét hơn bộ mặt cá nhân mình trong thế giới tác phẩm do mình tạo nên. Quá trình

---

(1) Hoài Thanh, Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*.

http://tieulun.hopto.org

vận động khá nhanh sang phạm trù hiện đại hoà nhập với thế giới của nền văn hoá nghệ thuật Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đã minh chứng cho quy luật này, trong đó thơ mới tạo một bước ngoặt đổi thay về chất. Nếu như ở các thời đại trước, con người khẳng định mình một cách "ly tâm" – họ đồ chiếu cái tôi của họ vào thế giới xung quanh và cuối cùng thế giới này thu hút nhân cách của họ - thì từ đây, cá nhân khẳng định nhân cách riêng của nó như là "hướng tâm" – thu hút vào mình cả thế giới. Tuy nhiên, sức chi phối ngoại giới của *cái tôi* thơ mới không ngang bằng nhau. Thơ Thế Lữ mở ra một thế giới nhân vật ở chốn trần gian lẫn cõi tiên giới. Để một nhân vật nào đó xuất hiện, ông thường dựng cảnh trước đã, đặt người vào cảnh rồi mới tả tâm sự, tính tình. Thiên nhiên trong thơ Thế Lữ đóng vai trò nền cảnh, dựng khung. Nhân vật trong thế giới thơ Xuân Diệu dường như chỉ có "tôi" và đối tượng (người yêu) hay chính "tôi" tự phân thân ra mà trò chuyện (với *Thân thể, Tuổi nhỏ, Thanh niên,...*). Đặc biệt, với nhà thi sĩ "giấu sẵn một mặt trời giữa ngực" này, hàng đầu phía trước là "tôi" cảnh vật cũng là trong mắt "tôi", bị chi phối bởi "tôi", mùa xuân, thời gian cũng chẳng nghĩa lý gì khi "tôi" không còn là "tôi" nữa (*Giờ tàn, Với bàn tay ấy, Vội vàng, Xuân đầu,...*). Nhà thơ từng khẳng định rằng "Kể chi mùa, thời tiết với niên hoa" mà "Xuân đã sẵn trong lòng tôi lai láng" (*Xuân không mùa*). So sánh với lược đồ diễn biến cảm xúc của *Nhan sắc* (Thế Lữ) với *Vội vàng* (Xuân Diệu) thì càng rõ sự khác nhau này.

Bài *Nhan sắc* của Thế Lữ :

Bước 1 : Thiên nhiên êm lặng, thơ mộng - Cô em "có đôi má hây hây" buông mái tóc mây dài với "đôi mắt như say như đắm".

Bước 2 : "Vẻ xanh tươi trong trời đất" tuần hoàn vĩnh viễn còn "vẻ đẹp giai nhân đắm đuối, rõ ràng" đâu được lâu bền.

Bước 3 : "Vậy thì yêu đi, yêu mãi, bạn lòng ơi" vì tấm lòng xuân có thể chiến thắng được thời gian :

Vì em ơi, khi nặng mang tình ái,
Thì xuân sắc nắng sương tuy dầu dãi.
Ngày xuân xanh khe khắt vô tình qua,
Nhưng lòng xuân muôn tuổi vẫn không già.

http://tieulun.hopto.org

Bài *Vội vàng* của Xuân Diệu :

Bước 1 : "Tôi muốn tắt nắng đi", "tôi muốn buộc gió lại" để giữ mãi vẻ đẹp tươi tắn, ngon lành của cảnh sắc thiên nhiên mùa xuân.

Bước 2 : Làm sao chế ngự nổi thời gian nên "Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân" ; "Xuân hết nghĩa là tôi cũng mất" ; xuân của đất trời cũng tuần hoàn đấy nhưng nghĩa lý gì "nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại". "Tôi" nhìn thấy sự chia ly, tàn phai ở thế giới vạn vật ngay khi chúng ở độ sung mãn nhất :

Còn trời đất, nhưng chẳng còn tôi mãi,
Nên bâng khuâng tôi tiếc cả đất trời ;
Mùi tháng năm đều rớm vị chia phôi,
Khắp sông núi vẫn than thầm : tiễn biệt.
Con gió xinh thì thào trong lá biếc,
Phải chăng hờn vì nỗi phải bay đi ?
Chim rộn ràng bỗng đứt tiếng reo thi,
Phải chăng sợ độ phai tàn sắp sửa ?

Bước 3 : Chỉ còn một cách là huy động triệt để, mạnh mẽ mọi bộ phận cơ thể, mọi giác quan mà hưởng thụ gấp tuổi trẻ sự sống.

Từ hai lược đồ diễn biến cảm xúc ở hai bài thơ tiêu biểu trên, chúng ta thấy rõ : đến Xuân Diệu, quan hệ giữa cái tôi với ngoại giới thật bền khít hơn rất nhiều. Cái tôi ấy lồ lộ, sừng sững trước ngoại giới trong những nhận thức lý trí, trong xúc cảm khát khao giao hoà, hưởng thụ trọn vẹn mọi hạnh phúc trần gian mà tạo hoá ban phát cho con người. Với Xuân Diệu, tiêu chuẩn cao nhất để đánh giá thẩm mỹ là vẻ đẹp cùng sức sống của con người trong tuổi trẻ đủ đầy và tình yêu viên mãn. Chính từ cái tôi mang lý tưởng thẩm mỹ như thế mà thơ Xuân Diệu chứa đựng một thế giới (thiên nhiên, sự vật) có hình thể và màu sắc, được cảm nhận, miêu tả, chứa chan tình tứ và đậm tính sắc dục. Trong thế giới ấy, tất cả được "người hoá" dưới ánh sáng một quan điểm mỹ học : cái đẹp của con người là chuẩn mực, là tối cao.

Như thế, ở Xuân Diệu, sức mạnh nội cảm của cái tôi đã toả chiếu thế giới bên ngoài ; mọi cái bên ngoài đã hiện lại theo cái nhìn của "tôi", trong ước muốn của "tôi". Điều ấy chứng tỏ vai trò chi phối, lấn át

http://tieulun.hopto.org

của cái bên trong bởi vì "cái gì chỉ sống một cuộc sống bên ngoài đều là một vật đã chết rồi đối với tình cảm sâu sắc, khi tình cảm không thấy từ cái bên ngoài kia toát ra linh hồn, cái ý nghĩa sâu xa của nó, cái thâm ý bên trong"[1].

Sự phân tích như trên đã dần hé mở cho chúng ta đi tới giải đáp một câu hỏi then chốt : năng lực giao cảm, sức mạnh chi phối của "tôi" theo Xuân Diệu, bắt nguồn từ đâu ?

Với Xuân Diệu, quá trình "tôi" chi phối ngoại giới đồng thời cũng là quá trình "tôi" hưởng thụ tuổi trẻ và tình yêu. Trong quan niệm của nhà thi sĩ này, hạnh phúc tình yêu gắn liền cùng tuổi trẻ ; tình yêu và tuổi trẻ là "phần ngọt nhất của cuộc đời" nên ở đó dồn tụ mọi ý nghĩa sự sống. Làm sao con người ta thưởng thức được trọn vẹn trái ngon của tình yêu khi không còn tuổi trẻ, khi chẳng được (hay mất đi) sự đủ đầy, cường tráng của thân thể ? Bởi thế, quan niệm về cái đẹp, về hạnh phúc ở đời của Xuân Diệu không chỉ là chuyện tinh thần, chuyện tri thức. Nó gắn liền cùng sự giao cảm bằng các giác quan hưởng thụ xứng đáng những vật chất. Thơ ông thấm đượm tinh thần Phục hưng là vì thế. Nếu Thế Lữ đem cái "lòng xuân muôn tuổi vẫn không già" để đọ với "nắng sương dầu dãi", để khắc phục thời gian "khe khắt vô tình qua" thì Xuân Diệu hốt hoảng với tình nhân "Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn - Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại", khi *Thanh niên* đang bỏ mình đi khiến mình sẽ đến ngày "hình xiêu" và "sắc lợt" :

Ôi Thanh niên ! Người mang hết xuân thì,
Hình ngực nở, nụ cười tươi, màu tóc láng.
Già sẽ đến, giơ tay xua ánh sáng,
Đuổi bướm chim, làm sợ cả hoa hương ;
Và dần dà càng rõ rệt bộ xương
Mà bạn hữu sẽ đặt nằm dưới đất.
Không còn ngươi, thôi cái gì cũng mất :
Tài năng chi, Danh vọng kể làm chi.
Kể chi Tiền với một kẻ mê si
Chỉ thấy nghĩa trong Ái tình vĩnh viễn !"

(*Thanh niên*)

---

(1) Hêghen, *Mỹ học*, tập 4A.

http://tieulun.hopto.org

Ở truyện *Người học trò tốt* (tập *Phấn thông vàng*) Xuân Diệu đã vẽ nên hình ảnh cậu học trò chăm chỉ – ông tri huyện Tư. Anh ta suốt ngày cắm cúi vào bài vở, trở thành một con mọt sách. Để đổi lấy kỳ nào, năm nào cũng đỗ đầu khoá, chàng Tư "bóp nghẹn thương nhớ", "bóp nghẹn thanh xuân", dẹp đi mọi vui thú và cơ thể ngày càng còm cõi, xanh ẻo như tàu lá. Ngày trở thành ông huyện Tư cũng là khi chàng "hết muốn mọi thứ", "ái tình đã ngoan ngoãn vâng theo chịu nén một bề, đã tàn rồi, không nở lại nữa". Xuân Diệu ngán ngẩm : "Thanh xuân đã qua bên cạnh chàng, trong khi chàng nhắm mắt không trông thấy mặt trời ngày ngày phân phát ánh tươi đẹp và tình mến yêu. Chàng tự đày mình trong sự học hành, trong sự chinh phục ngôi thứ, bằng cấp, và chỗ làm ; và khi chàng thành công là lúc chàng thất bại hơn. Trời ơi, chủ nhật, xuân hát ngoài kia, sao ông huyện Tư năm nay mới hăm ba tuổi đầu, không chạy ra đuổi vài con bướm ?". Cũng trong tập *Phấn thông vàng*, Xuân Diệu có *Thân thể* – thiên truyện ngắn đượm chất trữ tình, ngợi ca vẻ cường tráng của tuổi thanh niên. Ông thiết tha kêu gọi mọi bạn đọc "ráng lùi lại thời kỳ tự phá, giữ cho lâu những bắp thịt của ngực nở, của tay cứng, của chân vặm". Mấy mươi năm sau, viết *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam*, Xuân Diệu lại say sưa phân tích thưởng thức đoạn thi hào Nguyễn Du tả vẻ đẹp thân thể nàng Kiều... Tất cả những điều ấy chứng tỏ sự thể hiện rành rõ, nhất quán cái tinh thần Phục hưng trong lý tưởng thẩm mỹ của Xuân Diệu.

Muốn tận hưởng trọn vẹn hạnh phúc ở đời, con người cần trẻ trung, khoẻ mạnh cả về thân thể, phải "thức nhọn" mọi giác quan mà thâu nhận. Cái đẹp của con Người ái tình – Tuổi trẻ là tối cao.

Nếu thế giới nghệ thuật của bất kỳ nghệ sĩ lớn nào cũng lấp lánh trong ánh sáng một lý tưởng thẩm mỹ nhất định thì các nét cơ bản trên chính là xuất phát điểm quan trọng của con đường khám phá sáng tạo thơ văn Xuân Diệu trước Cách mạng. Lý tưởng thẩm mỹ độc đáo ấy đã chi phối từ sự thụ cảm không gian – thời gian, qua các mô típ hình tượng, đến giọng điệu, cách sử dụng ngôn từ trong thơ Xuân Diệu. Đó là những vấn đề lý thú mà chúng tôi sẽ tiếp tục giải quyết.

(In trong *Tạp chí Văn học*, số 7-1994)

http://tieulun.hopto.org

XUÂN DIỆU VÀ BAUDELAIRE

HOÀNG NHÂN

Trước Cách mạng tháng Tám (1945), Xuân Diệu là một nhà thơ hàng đầu của phong trào Thơ mới. Tên của các thi sĩ Pháp đi vào thơ anh như "Tôi nhớ Rimbaud với Verlaine" (*Tình trai*), hoặc lời đề từ bài thơ là một câu thơ Pháp "Les parfums, les couleurs et les sons se répondent" – Hương sắc và thanh âm trong không gian tương ứng (*Huyền diệu*) trong bài thơ *Correspondance* (Tương ứng) của Baudelaire, hoặc bài thơ *Chiếc lá* thì anh ghi *Theo Arnault*, tên một gia đình người Pháp mà số phận gắn với phái Jăngxênít ở thế kỷ XVII. Xuân Diệu tốt nghiệp bậc tú tài theo chương trình Pháp những năm ba mươi. Nửa đầu thế kỷ XX, nền giáo dục trung học của Pháp vẫn chú trọng việc giáo dục những giá trị nhân văn qua bộ môn Văn chương. Đó là một điều kiện thuận lợi góp phần hiện đại hoá văn chương Việt Nam. Yêu quý tiếng mẹ đẻ và nâng niu bản sắc truyền thống văn học Việt Nam, Xuân Diệu đã nhạy cảm tiếp nhận những tinh hoa của mười thế kỷ văn chương Pháp, nhất là các tác giả hiện đại để sáng tạo Thơ mới Việt Nam.

Được mời diễn thuyết tại trường Đại học Tổng hợp Sorbonne, Paris tháng 10 năm 1981, Xuân Diệu đã nói : "Với Baudelaire, tôi đi toàn vẹn vào tính chất hiện đại của thơ. Hugo nói là Baudelaire mang lại một rung cảm mới. Có thể nói là từ năm 1932 đến năm 1945, trong khoảng 13 năm, phong trào Thơ mới Việt Nam đã trải qua bằng con đường rút ngắn những giai đoạn mà nền thơ Pháp phải đi mất 50 năm". Trong tác phẩm *Thi nhân Việt Nam* (1942), Hoài Thanh viết : "Tinh thần lãng mạn của văn học Pháp đã gia nhập vào văn học Việt Nam từ trước năm 1932 (...). Thơ tượng trưng được người ta thích hơn, nhất là Baudelaire, người đầu tiên đã khởi nguồn thơ ấy. Có thể hầu hết các nhà thơ vừa kể trên, không nhiều thì ít, đều bị ảnh hưởng của Baudelaire".

Với Baudelaire, Xuân Diệu đã đi vào tính chất hiện đại của thơ như thế nào ? Ở nước ta một số nhà nghiên cứu đã đánh giá nặng nề

http://tieulun.hopto.org

tính chất tiêu cực của Baudelaire đối với thơ của Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám. Ví dụ Phạm Văn Sỹ viết : "Quan điểm vị nghệ thuật của Baudelaire đã có những ảnh hưởng tiêu cực trong thơ Việt Nam. Một số thi sĩ Việt Nam đã coi việc làm thơ như một đam mê thuần tuý và coi sự đam mê như một trò chơi vô vị lợi, như sự vươn mình tới cái vĩnh hằng chẳng hạn như Xuân Diệu ngày xưa đã nói rằng thi sĩ là "con chim đến từ núi lạ ngứa cổ hót chơi" (...). Nặng nề hơn, cái quan niệm nhị nguyên của Baudelaire về thiện và ác, về hoa thơm và cỏ độc cũng đã hiện ra trong nhiều bài viết của thi sĩ Việt Nam :

Đây là vườn chim nhả hạt mười phương,
Hoa mật ngọt chen giao cùng trái độc.

(Xuân Diệu - *Cảm xúc*)

Có thể vì các nhà nghiên cứu Việt Nam chưa có điều kiện để hiểu sâu giá trị đích thực của thơ Baudelaire, nên khi nhận định ảnh hưởng của Baudelaire đối với Xuân Diệu có phần chưa được công bằng và khách quan. Charles Baudelaire (1821-1867) là nhà thơ mở đầu trường phái tượng trưng cuối thế kỷ XIX với tập thơ lừng danh *Những bông hoa của điều xấu* (Les fleurs du mal) xuất bản năm 1857, bị phê phán phải sửa chữa và tái bản năm 1861 có thêm nhiều bài thơ khác và lấy nhan đề là *Thiên đường nhân tạo* (Paradis artificiels). *Baudelaire toàn tập* (7 tập) được xuất bản sau khi ông qua đời. Nội dung chính của tác phẩm Baudelaire là sự giằng xé, nỗi đau khổ của nhà thơ về sự tái giá của mẹ, về sự nghèo khổ, cô đơn và bệnh tật cuối đời. Điều đó giải thích sự chán chường (spleen) của ông không phải là nỗi sầu muộn của Lamartine, chủ nghĩa bi quan của Vigny, mà là cảm xúc mãnh liệt về thân phận thống khổ của bản thân. Thế rồi ông buông thả mình theo điều xấu xa, nhưng đi tìm lạc thú ông lại chỉ cảm nhận thêm bao điều đau khổ. Và Baudelaire thức tỉnh, hướng về điều thiện, mơ ước sự thuần khiết, lý tưởng và đạo đức của con người, sự hài hoà và trọn vẹn của một tình yêu cao cả. "Hãy là thiên thần hộ mệnh cho anh, hỡi nàng thơ của anh, mẹ đồng trinh của anh, hãy dẫn anh đi trên con đường của cái đẹp" (thư gửi bà Sabatier).

Thơ của Baudelaire còn có ý nghĩa phản ứng lại chủ nghĩa vị lợi (utilitarisme) đương thời phục vụ cho đồng tiền của giai cấp tư sản lên

http://tieulun.hopto.org

ngôi, đang chuyển dần sang chủ nghĩa đế quốc. Baudelaire giới thiệu tác phẩm của mình "về thực chất vô ích và tuyệt đối hồn nhiên". Vô ích với ý nghĩa nó không phục vụ gì cả, không phục vụ cho một nền kinh tế, cho chủ nghĩa vụ lợi đương thời, hồn nhiên với ý nghĩa nó chẳng làm hại ai cả, bạn đọc cần hiểu ý nhị trong cách nói của nhà thơ, cũng như Xuân Diệu tự ví mình như con chim "ngứa cổ hót chơi". Nếu chỉ căn cứ vào đôi lời tự tình hồn nhiên đó của nhà thơ mà vội kết luận nhà thơ chẳng vì lợi ích nhân quần gì cả thì thật oan cho nhà thơ. Phải đặt trong bối cảnh của xã hội Pháp sau vụ đàn áp đẫm máu Công xã Paris, thì mới thấy được giá trị của quan điểm thẩm mỹ của Baudelaire khi phản ứng với chủ nghĩa vị lợi của giai cấp tư sản thắng thế. "Ý tưởng về sự ích lợi là thù nghịch nhất của thế giới với ý tưởng cái đẹp". Ông đã nhận ra mọi hoan lạc (gái, rượu, thuốc phiện) là "chắc chắn dẫn đến điều ác", ông xem đó là "ngọn roi hoan lạc, là tên đao phủ không hề biết thương xót". Sự thức tỉnh sâu sắc đó của nhà thơ là nguồn cảm hứng cho những bài thơ bất hủ, những "bông hoa của cái xấu" với ý nghĩa là không phải những bông hoa ca ngợi cái xấu như người ta ngộ nhận, mà những bông hoa toả hương tinh thần cao quý bắt rễ từ đau khổ và hoan lạc (*Lên cao, Tương ứng, Những ngọn hải đăng, Con thiên nga, Ám ảnh*...). Đối lập với những nhà thơ đi chọn "những khu vườn nở hoa nhất của lĩnh vực thơ", ông đề xướng "rút cái Đẹp ra từ cái Xấu", và nêu tấn bi kịch của con người phân đôi giữa cái đẹp, cái xấu. Cái mới của Baudelaire chính là chỗ nó khác với sự sầu muộn hoài niệm và tình yêu thoả mãn của dòng lãng mạn mà ông nhận định "thơ lãng mạn dễ dãi như một kỹ nữ".

Xuân Diệu đã tiếp thu những tinh hoa của thơ Pháp từ Ronsard thời Phục hưng cho đến thơ lãng mạn Hugo, Lamartine, Musset và thơ tượng trưng của Baudelaire, Rimbaud và Verlaine mà không phải chỉ là thơ lãng mạn Pháp 30 năm đầu thế kỷ XIX. Với hai tập *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió*, chúng ta thấy Xuân Diệu gắn bó tâm hồn mình với cuộc đời và thực tại :

Để linh hồn ràng buộc bởi muôn dây
Hay chia sẻ bởi trăm tình yêu mến

(*Cảm xúc*)

Một chủ đề nổi bật trong thơ anh là khát vọng yêu đương, là tình yêu của tuổi trẻ rạo rực, thiết tha, nồng cháy nhưng không phải là tình

http://tieulun.hopto.org

yêu u hoài của Lamartine, tình yêu thoả nguyện của Hugo, tình yêu tuyệt vọng của Musset chỉ dừng lại ở cái cá nhân cái tôi của chính mình. Tình yêu, hy vọng và đau buồn pha lẫn trong thơ tình của anh. Và anh không dừng lại ở cái riêng tây, mà cảm xúc của anh hướng đến bao nỗi niềm của người khác, của nhân thế. Ta như đã nghe lời tâm tình, thở than của anh vì mọi người :

Tay ấp ngực dò xem triều máu lệ,
Nghìn trái tim mang trong một trái tim

(*Cảm xúc*)

Vì sao giáp mặt buổi đầu tiên
Tôi đã đày thân giữa xứ phiền,

(*Vì sao*)

Hãy nghe lẫn lộn ghé bên tai
Giọng suối lời chim, tiếng khóc người.

(*Huyền diệu*)

Những nàng cung nữ ước mơ vua,
Không biết bao giờ nguôi nhớ thương.

(*Nhị hồ*)

Chắc rằng gió cũng đau thương chứ ;
Gió vỡ ngoài kia, ai có nghe ?

(*Ý thu*)

Xuân Diệu gặp gỡ Baudelaire ở những cảm xúc phân đôi, ở điệu buồn sâu thẳm của quá khứ và hiện tại, ở những mâu thuẫn của hồn thơ hiện đại. Và cùng với Baudelaire, Rimbaud, Verlaine..., Xuân Diệu của chúng ta hăng hái, say mê đi tìm hương hoa của đời để vơi bớt bao nỗi niềm, đi tìm ảo ảnh trong mộng mơ để an ủi hồn mình, muốn đến với cả hoan lạc thân xác cho lịm đi những khắc khoải giữa đời thường :

Trăng, vú mộng đã muôn đời thi sĩ
Giơ hai tay, mơn trớn vẻ tròn đầy ;

(*Ca tụng*)

Tay ân ái như những làn thân thể
Đã ôm đời vào ngực để mơn ru...

(*Tình mai sau*)

http://tieulun.hopto.org

Giã từ thân thể muôn yêu dấu
Người sẽ về tay ai biết đâu !
Chờ mộng cánh tay vàng chuốc ngọc
Mơ chi con mắt lặng giao sầu.

(*Giã từ thân thể*)

Gặp gỡ Baudelaire nhưng Xuân Diệu vẫn giữ nguyên vẹn hồn thơ dân tộc, khác hẳn với Đinh Hùng và Bích Khê. Nếu Baudelaire lăn lóc trong khoái lạc và phát hiện ra sự sa đoạ dẫn đến cái ác, thì Xuân Diệu chỉ dừng lại mơn man vẻ đẹp của thân xác, khao khát chiêm ngưỡng cái "toà thiên nhiên" ấy mà thôi, cho nên hồn thơ anh vẫn cao cả, thanh thoát lạ thường :

Với bạn ân tình hay với cảnh,
Nơi nào ta cũng kiếm Vô biên

(*Vô biên*)

Anh nhớ Rimbaud với Verlaine vì sự đổi mới thơ ca táo bạo của họ, "khinh rẻ khuôn mòn, bỏ lối quen", vì những dòng thơ đầy nhạc tính của họ, chứ đâu phải ý thích chuếnh choáng hơi men ?

Các nhà thơ lãng mạn đã sử dụng quá nhiều hình ảnh thiên nhiên để gởi gắm tâm sự riêng tây. Xuân Diệu đã hiện đại hơn khi cảm nhận được mối tương giao của Baudelaire giữa tâm linh con người và tâm linh vũ trụ bằng mùi hương, sắc màu và âm thanh :

Này lắng nghe em khúc nhạc thơm
Say người như rượu tối tân hôn ;
Như hương thấm tận qua xương tuỷ
Âm điệu thần tiên thấm tận hồn...

(*Huyền diệu*)

Verlaine tuyên ngôn "Âm nhạc là trước tiên tất cả mọi sự" trong thơ, và ai đã từng lặng nghe những câu thơ trong *Khúc ca mùa thu* của Verlaine, thì càng tự hào với những câu thơ Việt hiện đại của Xuân Diệu :

Sương nương theo trăng ngừng lưng trời.
Tương tư nâng lòng lên chơi vơi...

(*Nhị hồ*)

http://tieulun.hopto.org

Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang,
Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng

(*Đây mùa thu tới*)

Như vậy giữa Xuân Diệu và Baudelaire có sự gặp gỡ và tương giao hồn thơ và nghệ thuật. Baudelaire không phải là "nhà thơ của sa đoạ" và Xuân Diệu chẳng phải là nhà thơ "coi sự đam mê như là một trò chơi thuần tuý". Họ gặp nhau ở chiều sâu sự thương cảm và đau buồn vì cuộc đời khổ ải, người thì trong thực trạng xã hội tư bản, người thì dưới chế độ thực dân. Họ cùng đi tìm lối thoát trong chủ nghĩa trữ tình trực tiếp, trong nghệ thuật tượng trưng thể hiện cái tôi phân đôi, phức tạp, đầy mâu thuẫn.

Điều khác biệt là Baudelaire đi sâu vào *cái tôi* cực đoan, thì Xuân Diệu mở rộng *cái tôi* của mình với đời :

Nghĩ cùng thiên hạ đau bao thuở,
Thương vấn làm chi nên tự thương.

(*Kẻ đi đày*)

Và anh cũng sớm làm quen với cái chết tất yếu của con người bình thường và tình thương vẫn còn mãi với hồn anh :

Tháng năm qua chôn lấp mộ hoang tàn
Hoà với đất, mình tôi thôi đã hết,
Nhưng hương hồn còn luyến ở không gian...

(*Tình mai sau*)

Chính vì điều tâm huyết, vì tấm lòng yêu thương bao la của Xuân Diệu mà các thế hệ sau này càng hiểu vì sao anh sớm hướng theo *Ngọn quốc kỳ* và *Hội nghị non sông*, chung thuỷ với cách mạng, với đất nước và mùa xuân diệu kỳ.

TP. Hồ Chí Minh, 18-12-1995
(In trong *Tạp chí Văn học*, số 4 - 1996)

http://tieulun.hopto.org

QUAN NIỆM NGHỆ THUẬT VỀ CON NGƯỜI TRONG THƠ XUÂN DIỆU

(Qua 2 tập : *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió*)

NGUYỄN THỊ HỒNG NAM

I – CON NGƯỜI MỘNG TƯỞNG

Trước 1945 Xuân Diệu là nhà thơ lãng mạn cho nên trong thơ ông thường hay xuất hiện hình ảnh con người mộng tưởng : *ngỡ, tưởng, tưởng tượng, mơ,...* Mộng tưởng trong tình yêu, mộng tưởng với thiên nhiên, ảo tưởng với cuộc đời :

– Anh tưởng em là của anh rồi
– Ta chỉ sống để hoài hoài tưởng nhớ
– Ta tưởng tượng một tình duyên mới nụ.
– Một trời mơ đang cầu nguyện trong tôi
Chờ một tiếng để bừng lên hạnh phúc...

Vì sao mà Xuân Diệu luôn mộng tưởng ? Mở đầu tập *Gửi hương cho gió* (*GHCG*) Xuân Diệu viết :

Tôi là con chim đến từ núi lạ
Ngứa cổ hót chơi.

Câu thơ trên vừa là một tuyên ngôn nghệ thuật, vừa cho ta thấy ông là "con chim lạ", ông không thuộc về cuộc sống trần gian tầm thường tẻ nhạt này :

– Tôi vốn biết cuộc đời thường tẻ nhạt
Nên mang theo từng suối rượu nguồn tình
– Rồi hết thần tiên bỡ ngỡ xa
Đời thường tẻ nhạt lại trôi qua.

http://tieulun.hopto.org

Thực tại giết chết tuổi xuân, mộng mơ, lý tưởng :

Chỉ mấy năm thôi đủ phận chồng,
Chàng trai tơ mởn đã thành ông ;
Không còn mộng dễ ngày tươi trẻ,
Mắt sáng phai rồi má hóp không.

(Tặng bạn bây giờ - GHCG)

Giấc mơ nào cũng có lúc tàn và ông vẫn phải thuộc về thế giới này. Do đó ông cố thoát ra khỏi cõi trần gian tẻ nhạt bằng mộng tưởng. Mộng tưởng, một mặt là thái độ lảng tránh thực tế, hay nói cách khác là dùng mộng tưởng để thi vị hoá thực tế :

Những mắt cạn cũng cho rằng sâu chứa ;
Những tim không mà tướng tượng tràn đầy ;
Muôn ngàn đời tìm cớ dõi sương mây,
Dấn thân mãi để kiếm trời dưới đất.

(Dại khờ - GHCG)

Mặt khác, lại hé mở cho chúng ta thấy tâm hồn thơ mộng, giàu xúc cảm của tác giả :

Chỉ là gió, nhưng lòng tôi thả bướm,
Thêm phất phơ cho hơi thở vừa hiền ;
Chỉ là trăng ; nhưng tôi thấy thần tiên
Như tuyệt diệu : bởi hồn tôi xanh quá.

(Chỉ ở lòng ta - GHCG)

Thực tế "chỉ là", "chỉ là" những cái bình thường nhưng tác giả lại "thả bướm", "thấy thần tiên". Điều đó, có nghĩa là tác giả mộng tưởng một cách cố ý để giữ lấy niềm vui sống. Đồng thời, để làm đẹp thực tế, toả ánh trăng ảo mộng lên thực tế bằng hồn thơ phong phú của mình.

Đó là vấn đề "đôi mắt" của người nghệ sĩ, nó nhấn mạnh vai trò năng động sáng tạo của người nghệ sĩ, khác hẳn với quan niệm của các nhà thơ cổ đề cao thế giới khách quan, coi nhẹ chủ quan người sáng tác. (Xin xem thêm Trần Đình Sử : *Thi pháp thơ Tố Hữu*, trang 235).

Xuân Diệu mộng tưởng là biết rõ mình bị lừa dối nhưng vẫn có một thái độ khá lạ lùng :

Ta tưởng tượng một tình duyên mới nụ,
Người được nói, tôi được nghe là đủ ;

http://tieulun.hopto.org

Thực càng hay, mà giả dối lại sao ?
... Tôi lắng đợi ! Nhịp lòng tôi đứng lại !
Tôi cần tin ! Tôi khao khát được nhầm !
Cho tôi mơ một ảo tưởng thâm trầm,
Và mặc kệ, nếu đó là dối trá !

(Mời yêu - GHCG)

Thực hay giả, không thành vấn đề. Quan trọng là được mơ, được tưởng tượng, được tin, được nhầm. Rõ ràng đó là sự lừa dối lòng mình, sự trốn tránh cái đắng cay của thực tại. Chủ thể mộng tưởng đâu phải chỉ là tác giả, mà là trăng mơ sáng, cây ước mơ, đường cỏ mộng, trăng vú mộng, trời mộng,... Cả không gian trong thơ Xuân Diệu là không gian ảo mộng, không phải là không gian của những sinh hoạt đời thường vì tác giả đã chủ động tránh né nó.

Phổ biến hơn cả trong thơ Xuân Diệu là mộng tưởng trong tình yêu : tưởng rằng mình đang yêu và được yêu, đang được ở bên người yêu :

Có lúc tưởng chỉ để rơi tàn lửa,
Tay vô tình gieo một đám cháy to ;
Người tưởng buông chỉ đôi tiếng hẹn hò,
Tôi hưởng ứng bằng vạn lời say đắm.

(Dối trá - TT)

Một phút gặp thôi là muôn buổi nhớ,
Vài giây trông khơi mối vạn ngày theo.
Mộng bay chơi nhằm một buổi trời chiều,
Gặp tóc biếc : tưởng sắc ngày xưa nở !

(Yêu mến - GHCG)

Trái tim đa tình, niềm khát khao tình yêu đến tột bậc của tác giả được biểu hiện bằng những cặp từ đối lập : tàn lửa – đám cháy to, đôi tiếng – van lơn, một phút gặp – muôn buổi nhớ, vài giây trông – vạn ngày theo. Ta cũng cảm nhận được ý vị cay đắng trong những câu thơ trên, vì người ta chỉ mơ ước những cái mà người ta không có. Nhưng vì sao lúc nào Xuân Diệu cũng ảo tưởng trong tình yêu ? Vì ông quá cả tin, ngây thơ, kỳ vọng quá nhiều ở tình yêu. Với ông, yêu là một phương cách

http://tieulun.hopto.org

lánh né thực tại. Tình yêu về một mặt nào đó cũng là một giấc mộng, một giấc mộng không dễ có trong cuộc đời. Do đó mà phải hối hả yêu, phải bằng mọi cách giữ lấy nó. Sống trong cuộc đời nhưng Xuân Diệu luôn mơ tưởng tới một không gian xa xôi nào đó.

Mơ ước đến một miền xa xôi hay hoài niệm về quá khứ cũng là một dạng mộng tưởng. Các nhà thơ lãng mạn muốn thay đổi hiện tại bằng cách thay đổi không gian. Đó là điều không tưởng. Những chuyến giang hồ của các nghệ sĩ : Nguyễn Tuân, Nguyễn Bính,... là cách hướng tới cái gì đó ngoài thực tại, nhưng dù có trải qua nhiều những chuyến giang hồ đến đâu thì đó cũng chỉ là "giang hồ vặt". Rút cuộc họ vẫn phải quay về với thực tại. Do thực tại không thoả mãn được nhu cầu của con người cho nên con người mới mơ mộng, tưởng tượng. Nhưng nói cho cùng có bao giờ có thể thoả mãn được con người ? Đặc tính của con người là luôn mơ ước, vươn tới những cái mình không có. Đó là cái vĩ đại đồng thời là bi kịch của con người.

II – CON NGƯỜI CÔ ĐƠN, LẠC LOÀI

Dù mộng tưởng quá nhiều ở tình yêu, cuộc đời và không được đáp ứng như mong ước cho nên nhân vật trữ tình trong thơ Xuân Diệu hay thất vọng, buồn chán và cô đơn. Đó là một hệ quả tất yếu :

Thiên hạ vô tình nhận ước mơ,
Nhận rồi không hiểu mộng và thơ...
Người si muốn kiếp là hoa núi,
Uống nhuỵ lòng tươi tặng khách hờ.

(*GHCG*)

Cho nên bên cạnh con người mộng tưởng là con người cô đơn lạc loài : một mô típ quen thuộc trong thơ ca lãng mạn :

Khách không ở, lòng em cô độc quá.
... Chớ để riêng em phải gặp lòng em

Sự tồn tại một cách lẻ loi của những "riêng chiếc", "riêng em", "lẻ một" nói lên sự cô đơn, nỗi sợ hãi chính mình của tác giả. Cô đơn, lạc loài, tức không tìm được tiếng nói chung với cộng đồng mà chỉ thấy "Ta là Một, là Riêng, là Thứ nhất". Dường như đó là con người "sinh lầm thế kỷ". Cô đơn, lạc loài vì không tìm được phương hướng, lối đi trong cuộc đời :

http://tieulun.hopto.org

Tôi là con nai bị chiều đánh lưới,
Không biết đi đâu, đứng sầu bóng tối.

Câu trả lời nằm ngoài khả năng của những cá thể lẻ loi, yếu đuối. Với những nhà cách mạng như Phan Bội Châu, Hồ Chí Minh,... thì đó là câu hỏi về lối đi, hướng đi cho cả dân tộc. Câu hỏi ấy ám ảnh biết bao thế hệ người Việt Nam yêu nước. Với các nhà thơ lãng mạn câu hỏi đó được đặt ra ở phạm vi nhỏ hẹp hơn : phạm vi cá nhân.

Quan hệ giữa chủ thể và ngoại giới là quan hệ "lệch pha", không tương xứng. Chủ thể là "lòng tươi", "người sĩ" và luôn mong đợi, mời mọc, phơi trải. Còn ngoại giới là "khách hờ", phụ phàng và vô tình, không hiểu chủ thể. Chủ thể cho rất nhiều song chẳng nhận được bao nhiêu cho nên lúc nào cũng ở trong trạng thái đợi chờ, mời mọc. Đó cũng là một biểu hiện của cái cô đơn :

Lòng tôi bốn phía mở cho trăng ;
Khách lại người phương cùng đãi đằng
Nước ngọt sẵn tuôn vườn đợi hái,
Đường không ngăn cấm cỏ chờ băng

Còn có sự mời mọc, đợi chờ, dâng hiến nào nhiệt tình và đáng thương hơn thế nữa ? Còn có sự cô đơn nào đáng sợ hơn thế nữa ? Đó không phải là sự mời yêu như một nhà phê bình đã nhận xét. Đó là sự cầu xin tình yêu và rộng hơn là cầu xin sự cảm thông, sự giao cảm của mọi người. Có thể nói quan hệ giữa chủ thể và ngoại giới trong thơ Xuân Diệu là quan hệ một chiều. Chủ thể : mở, ngoại giới : đóng kín.

Hồn thơ Xuân Diệu là một hồn thơ giăng mắc khắp không gian, ông gửi lòng, gửi hồn, gửi hương cho gió, dâng tình... ông là bông hoa "cánh vàng rơi hạt phấn lơ thơ". *Phấn thông vàng* là hình ảnh điển hình cho khao khát được hoà nhập với ngoại giới, cho trái tim tràn đầy tình cảm được san sẻ, dâng hiến cho mọi người, cho tất thảy, như những hạt phấn thông vàng vung vãi muôn nơi, chắt lọc tinh tuý cho đời. Đó là một quan niệm sống, quan niệm yêu mang tính nhân văn cao cả : "Tình yêu của loài cây xa xôi, viễn vọng như thế, không tính toan, gần gũi như loài người. Hoa thông để nhị vàng chảy ra tự trong lòng, và chỉ biết chừng nấy. Có một việc, là yêu, là gửi đi, là cho. Phấn thông sẽ đến, sẽ không đến. Kể làm chi". Ở bài *Tặng thơ*, tác giả viết : "Đây dây thơ, tôi đã *rứt* vì người".

http://tieulun.hopto.org

Hồn thơ giãng mắc của Xuân Diệu được thể hiện bằng những từ "toả", "trùm". Đó là một dạng thái của "ôm", "quấn", "cắn", "riết", nhưng ở một phạm vi rộng lớn hơn, phạm vi không gian.

Một nghịch lý là Xuân Diệu muốn sống trong đời, giữa đời nhưng vì là kẻ cô đơn, lạc loài nên ông như người cung nữ bị "giam chín lần tường". Ước vọng chỉ là ước vọng. Do cô đơn lạc loài nên con người trong thơ Xuân Diệu lúc nào cũng ở trong trạng thái lạnh run.

Đáng chú ý là ở tập *Gửi hương cho gió* (xuất bản sau tập *Thơ thơ*) cảm giác lạnh ngày càng tăng lên. Điều ấy có nghĩa là cùng với thời gian, con người trong thơ Xuân Diệu ngày càng chìm sâu vào nỗi cô đơn, vào cảm giác bất an với cuộc sống. Và khi các nhà thơ mới mất cái nhìn an nhiên với thực tại (cái ở trong thơ cổ có rất nhiều) thì họ dường như nghi ngờ chính bản thân trong khi đào sâu vào cái tôi cá nhân, họ hay tự hỏi : Ta là ai ? Tôi là ai ?

Trạng thái run biểu hiện tâm hồn nhạy cảm nhưng rất yếu ớt, dễ bị tổn thương của nhân vật trữ tình. Xuân Diệu run chủ yếu là do sợ hãi thời gian, sợ tuổi già và sợ sự pha phôi của vạn vật :

Tôi run như lá, tái như đông,
Trán chảy mồ hôi, mắt lệ phồng.
Năm đẩy, tháng dồi, tôi đã đến
Trước bờ lạnh lẽo của hư không.

(*Hư vô - GHCG*)

Cũng do cô đơn nên con người trong thơ Xuân Diệu rất sợ sự xa cách. Mô típ biệt ly là mô típ phổ biến trong Thơ mới.

Xuân Diệu luôn giục giã người yêu : xích lại, xích lại gần thêm chút nữa. Ước vọng rút ngắn khoảng cách không gian cũng là ước vọng hợp nhất hai cá thể để tránh né cô đơn, để có thể sở hữu người yêu hoàn toàn cả về thể chất lẫn tình cảm. Nhưng ước vọng đó là không tưởng, bởi ngay cả trong những giây phút tưởng chừng gần gụi nhất ông bỗng cay đắng nhận ra :

Dẫu tin tưởng : chung một đời, một mộng.
Em là em : anh vẫn cứ là anh.
Có thể nào qua Vạn Lý Trường Thành
Của hai vũ trụ chứa đầy bí mật.

(*Xa cách - TT*)

http://tieulun.hopto.org

Cái tôi cá nhân tồn tại sừng sững giữa cuộc đời không bị hoà tan vào *cái ta*. Và khi *cái tôi* cá nhân được ý thức một cách sâu sắc nhất thì cũng là lúc nhà thơ chợt nhận ra rằng : con người càng cô đơn : "Vẫn cứ" là một thực tế không thể vượt qua.

Trong thơ Xuân Diệu nói riêng và trong Thơ mới nói chung, đâu đâu cũng thấy sự biệt ly, xa cách.

Biệt ly, chia phôi trong thơ Xuân Diệu không chỉ là sự biệt ly, chia phôi giữa người và người, chia phôi trong tình yêu mà còn là sự chia phôi, trôi chảy vĩnh viễn của thời gian :

– Anh ngóng tìm em, tuy thấy đó
Sắp xa thôi cũng tựa xa rồi.
– Giờ ly biệt cứ đến gần từng phút
Chúng tôi thấy đã xa nhau một chút...

Xuân Diệu sống trong hiện tại nhưng luôn phấp phỏng về tương lai, nhìn thấy trong hiện tại tương lai buồn thảm. Bài *Hoa nở để mà tàn* thể hiện quan niệm độc đáo của Xuân Diệu về quy luật sinh thành của sự vật :

Hoa nở để mà tàn ;
Trăng tròn để mà khuyết ;
Bèo hợp để mà tan ;
Người gần để ly biệt ;

(*Hoa nở để mà tàn - TT*)

Vật chất luôn tồn tại, nó biến đổi từ dạng này sang dạng khác, không có cái gì mất đi vĩnh viễn. Đó là nhận thức của các nhà triết học, họ nhìn nhận sự vật trong tổng thể, trong mối quan hệ giữa sự vật này với sự vật khác. Với Xuân Diệu thì mỗi sự vật là một cá thể duy nhất, không lặp lại, không có vòng tuần hoàn. Điều đó tạo nên âm hưởng bi quan của Thơ mới. Nếu như các nhà thơ cách mạng luôn thể hiện niềm tin ở tương lai, hướng tới tương lai thì trong thơ Xuân Diệu không có tương lai. Nói đúng hơn là tương lai trong quan niệm của Xuân Diệu đồng nghĩa với sự chia ly, phôi pha, sự kết thúc của mọi sự vật. Vì thế nên ông khiếp sợ chia ly xa cách. Chia ly, xa cách có nghĩa là không bao giờ gặp lại. Xuân Diệu đã tránh né tương lai, tránh né biệt ly xa cách bằng cách chủ động rút ngắn hiện tại.

http://tieulun.hopto.org

III – CON NGƯỜI SỐNG NHIỆT THÀNH

Quan niệm sống của Xuân Diệu là sống phải hoạt động, phải nhiệt thành. Ông yêu đến cuồng nhiệt sự sống, cuộc sống và ghét cay ghét đắng sự hờ hững, lạnh lùng, lối sống thụ động, đơn điệu. Ông tuyên bố :

Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối
Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm.

Đó là quan niệm sống rất đẹp. Trong *Toả nhị Kiều* ông thương xót và bực bội với nhân vật Phan, với hai cô Quỳnh, Giao vì họ không biết sống, họ là "hai hột cơm" : "Tôi biết hai cô không có việc gì làm. Họ là hai cái cây - họ còn thua hai cái cây, bởi cây còn ra hoa, ra trái, chứ đời con gái của họ, họ biết làm gì ?".

Ông không chịu được những kẻ sống mà như chết. Không phải ngẫu nhiên mà trong thơ, văn Xuân Diệu, đầy ắp những từ "sống", "sự sống".

Sống toàn tim, toàn trí, sống toàn hồn !
Sống toàn thân ! Và thức nhọn giác quan,
Và thức cả trong giấc nồng phải ngủ ;
Sống, tất cả sống, chẳng bao giờ đủ,
Chất chen kho mộng chắc với tình bền.

(*Thanh niên - GHCG*)

Sức sống, sự sống được biểu hiện bằng những màu sắc âm thanh rực rỡ của thiên nhiên, bằng sự nồng nhiệt của tình cảm, của lòng yêu đời, yêu người và sự bộc lộ một cách mạnh mẽ những tình cảm đó : biểu hiện bằng lời nói, hành động.

Tuy có những lúc buồn, nhưng Xuân Diệu không phải là người chán đời, yếm thế. Ông là người yêu đời, lăn sả vào cuộc đời để sống. Chàng hoạ sĩ trong *Phấn thông vàng* nhìn thấy phấn thông bay rợp không gian, chàng nghĩ mình phải "tìm lại cuộc đời, lăn vào sự sống mà yêu, yêu... mà cho, cho tất cả lòng tươi thắm của chàng, ba năm ròng chàng tưởng đã cạn rồi, nhưng kỳ thực vẫn là một nguồn vô tận".

Xuân Diệu không phải chỉ yêu cuộc sống mà ông còn muốn "lấy lửa chuyển những lòng giá đúc", muốn truyền nhiệt tình sống của mình cho mọi người. Sáng tác nghệ thuật, với Xuân Diệu là một sự dâng hiến, làm đẹp cho đời :

Hát vô ích, thế mà chim vỡ cổ,
Héo tim xanh cho quá độ tài tình ;

http://tieulun.hopto.org

Ca ánh sáng bao lần dây máu đỏ,
Rồi một ngày sa rụng giữa bình minh.

(*Lời thơ vào tập Gửi hương*)

Trong hình ảnh con chim, ta như bắt gặp hình ảnh chàng Đancô lấy trái tim mình làm ngọn đuốc dẫn dắt con người vượt qua đêm tối. Nghệ thuật với Xuân Diệu, phải là ngọn lửa : "Chàng cần phải đàn một điệu nhạc mới, thần tiên, kỳ ảo, làm rung động được mặt trời và xê xích được mặt trăng. Chàng thấy nhất quyết phải gẩy nên Điệu - Ca - Lửa - Nồng mà chàng đã bỏ cả tâm hồn để sáng tác" (*Phấn thông vàng*).

Xuân Diệu yêu thích mùa xuân. Vì sao ? Vì mùa xuân là mùa của sự sống, là thời điểm của cái bắt đầu trong năm, thời điểm của sự sinh thành :

Xuân Diệu ưa màu tươi, tức yêu sự sống trong độ cực điểm của nó : chói mặt trời / tóc liễu buông xanh quá mỹ miều / màu hoa mới thắm như kêu... Trong mùa xuân mọi vật không thể yên ngủ mà đều hoạt động, đều sống hết mình : cánh hồng *kết* những nụ cười tươi / ánh sáng *ôm trùm* những ngọn cao / cây vàng *rung nắng* lá xôn xao / gió thơm phơ phất bay *vô ý*,... Trong những bài thơ xuân, hệ thống những từ biểu cảm : *thế ! biết bao ! sao !* được Xuân Diệu sử dụng nhiều. Dường như vẻ đẹp rực rỡ của mùa xuân khiến ông không thể bình thản mà kêu lên xuýt xoa.

Ta cũng hay bắt gặp cái thứ nhất, cái đầu tiên : tình thứ nhất, xuân đầu, đêm thứ nhất,... trong thơ Xuân Diệu. Ông yêu tuổi trẻ, cũng vì đó là tuổi của sự bắt đầu.

Cái thứ nhất là cái đẹp vì đó là cái thanh tân, trong trắng, vẹn tròn chưa bị huỷ hoại bởi thời gian.

Với Xuân Diệu, trinh, tân cũng là cái đẹp. Trinh, tân là biến thái của cái thứ nhất, đầu tiên :

– Mặt tươi, môi đậm, là gã trai tân
– Lòng trinh giữ lại nửa bông trà
– Lá hồng rơi lặng ngõ thuôn,
Sương trinh rơi kín từ nguồn yêu thương.

Tình yêu, trong quan niệm của Xuân Diệu, cũng là một dạng của sự sống. Tình yêu là ý xuân ; bằng tình yêu, với tình yêu, con người có thể thoát khỏi những cặn bã dung tục của đời thường. Không gian của

http://tieulun.hopto.org

tình yêu trong thơ Xuân Diệu là không gian rực rỡ, chói sáng vì tình yêu là ngọn lửa đốt cháy mọi vật. "Anh tìm cái vững bền của tình yêu, thiết tha, đỏ thắm kia, chứ cái lâu dài mà nhạt nhẽo, anh có tìm làm chi" (*Phấn thông vàng*).

Trong không gian của tình yêu, vạn vật đều trở nên tích cực, sống động ; tơ *giăng* / nhạc *phất* / rặng mi *xao động* / mặt trời *cười* trời xanh. Điều đó thể hiện quan niệm sống, quan niệm yêu tích cực, chủ động của Xuân Diệu. Nếu như trong cuộc sống Xuân Diệu không chấp nhận lối sống lưng chừng, lãnh đạm thì trong tình yêu ông không chịu nổi tình yêu lặng lẽ, không tỏ bày. Ông đòi hỏi tình yêu phải được bộc lộ một cách nồng nhiệt, bằng cả hành động và lời nói.

Quan niệm yêu đó chi phối cách sử dụng những từ : *toả, ôm, quấn, cắn, riết, hút*,... Dường như ông muốn dùng sức mạnh thể chất để lưu giữ cái phi vật thể, và cũng để tỏ bày tình cảm mãnh liệt của mình.

Thế nhưng dù người yêu có nồng nhiệt đến đâu thì với Xuân Diệu, thế vẫn còn chưa đủ. Ông chưa bao giờ thoả mãn với cái hiện có, ông đòi hỏi cái Vô biên, Tuyệt đích tức đòi hỏi cái hoàn mỹ. Đó cũng là một trong nhưng nguyên nhân làm cho Xuân Diệu cô đơn. Và đó cũng là bi kịch của đời ông, vì trên đời này làm gì có cái gì hoàn mỹ, tuyệt đối ?

Do không thoả mãn với cái hiện có nên Xuân Diệu lúc nào cũng hối hả, giục giã : *phải ! hãy !*... Những từ ở thức mệnh lệnh nhưng thực ra là sự cầu xin.

Xuân Diệu hối hả, giục giã cũng vì ông ý thức rõ cái giới hạn của muôn vật : thời gian, tuổi trẻ, tình yêu,...

Do đó mà Xuân Diệu luôn sống trong trạng thái phân đôi, lo âu, phấp phỏng : "Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa". Và để khắc phục cái hữu hạn của đời người, của tuổi trẻ thì phải tăng cường độ sống, tận hưởng từng phút từng giây quý giá của cái hiện tại, cái hiện có :

– Em vui đi, răng nở ánh trăng rằm
Anh hút nhuỵ của mỗi giờ tình tự.
– Trút thời gian trong một phút chơi vơi
– Biết thế nào mà chậm rãi em ơi.

Xuân Diệu không chỉ sống, yêu cho ngày hôm nay mà còn cho cả tương lai nữa. Ông cũng không phải là người sống theo lối hưởng thụ như nhận xét của một số nhà phê bình. Hưởng thụ là chỉ nhận mà không

http://tieulun.hopto.org

cho, còn Xuân Diệu thì cho rất nhiều, hiến dâng rất nhiều nhưng chẳng nhận được bao nhiêu. Ông biết quý giá trị của cuộc sống. Đó chẳng phải là một lối sống rất đẹp hay sao ?

Không tìm được cái Vô biên, Tuyệt đích nên đôi lúc Xuân Diệu phải "hạ tiêu chuẩn" một cách cay đắng để cầu xin chút hương phai, chút tình vụn :

Anh đã nói, từ khi vừa gặp gỡ :
"Anh rất ngoan, anh không dám mong nhiều
Em bằng lòng cho anh được phép yêu ;
"Anh sung sướng với chút tình vụn ấy"

(*Hẹn hò - TT*)

Cũng do luôn đòi hỏi cái Vô biên, Tuyệt đích mà trong đời lại không có cái gì hoàn mỹ cho nên trong Thơ mới, tình yêu bao giờ cũng gắn với chia ly, tan vỡ. Tình yêu không đi đến hôn nhân là đời thường, giết chết tình yêu. Các nhà thơ mới đối lập tình yêu và hôn nhân.

Quan niệm của họ về tình yêu là : "Tình chỉ đẹp khi còn dang dở".

Tình yêu là sự bay bổng trong thế giới thơ mộng, còn hôn nhân là đi bằng chân trong đời thường tẻ nhạt. Nguyễn Nhược Pháp kết thúc bài thơ *Chùa Hương* bằng lời chú thích : "Thiên ký sự đến đây là hết. Tôi tin rồi hai người lấy nhau, vì không lấy được nhau thì cô bé còn viết nhiều. Lấy nhau rồi là hết chuyện".

Khát khao cái Vô biên, Tuyệt đích là khát khao, yêu cầu cái đẹp phải hoàn mỹ, sự sống phải phát triển hết chiều kích cho nên Xuân Diệu rất sợ sự phai tàn, nhạt phai. Ông không chấp nhận quy luật sinh, lão, bệnh, tử của muôn vật nhưng không cưỡng được mệnh trời :

Con gió xinh thì thào trong lá biếc
Phải chăng hờn vì nỗi phải bay đi ?
Chim rộn ràng bỗng đứt tiếng reo thi,
Phải chăng sợ độ phai tàn sắp sửa ?

(*Vội vàng - TT*)

Mọi sự vật trong thơ Xuân Diệu đều sống trong nỗi lo sợ phấp phỏng của sự tàn phai : thời gian, không gian, con người, chim, hoa, gió,...

Xuân Diệu hay nói đến lòng, hồn trong thơ. Trong thơ Xuân Diệu, lòng, hồn được dùng để bộc lộ cái sâu kín, riêng tư nhất của con người.

http://tieulun.hopto.org

Nếu như trong *Truyện Kiều* tấm lòng nhiều khi được xem như một tín vật để thề bồi, bày tỏ phẩm chất thì lòng trong thơ Xuân Diệu đó là cách thức để phơi bày tình cảm, phơi trải cái tôi. Nói đến lòng là nói đến những trạng thái tình cảm khác nhau của nhân vật trữ tình : cô đơn, buồn, đau, lòng yêu đời, sự thất vọng,... Ngoài ra còn dùng để bộc lộ những phẩm chất nào đó của cái tôi : lòng e thẹn, lòng xanh, lòng xuân, lòng tươi ám chỉ sự ngây thơ, trinh bạch, lòng yêu cuộc sống,... Từ "lòng" xuất hiện với tần số cao làm cho thơ Xuân Diệu đậm chất trữ tình và do đó làm cho cảm xúc trở nên chân thực hơn. Nó cho ta thấy hình ảnh một con người rất giàu tình cảm nhưng có vẻ yếu đuối. Con người ấy hầu như không có ý chí, chỉ có lòng, tấm lòng.

Xuân Diệu cũng rất hay nói tới hồn. Hồn không được dùng để biểu thị tình cảm mà để biểu thị phần tinh tuý nhất trong con người. Trong nhiều trường hợp con người bị trừu tượng đi thành hồn. Hồn là biểu tượng cho một cá thể cô đơn, lưu lạc, bơ vơ trong không gian. Cá thể ấy như đang rữa tàn. Có hồn của con người, lại có hồn hoa, hồn trăng, linh hồn của đêm thanh. Việc nói nhiều đến hồn là biểu hiện của sự đào sâu vào thế giới tâm linh của con người, phát hiện ra cá nhân. Có thể thấy con người trong Thơ mới là con người ít hoạt động, hầu như không có hoạt động nào đáng kể ngoài yêu. Chủ yếu đó là con người của suy tư, đau đớn, cảm xúc, đào sâu vào bản ngã. Đó là con người cá nhân, trái ngược với con người xã hội, con người hành động trong thơ ca cách mạng sau này.

Để chứng tỏ sức mạnh của *cái tôi* cá nhân, Xuân Diệu cũng như một số nhà thơ mới khác thường hay dùng sự đối lập giữa nội tâm - ngoại cảnh. Khác với thơ cổ, giữa thiên nhiên và con người thường có sự tương thông, tương cảm.

Nội lực của chủ thể mạnh đến nỗi nó không những phụ thuộc vào ngoại cảnh mà còn chi phối ngoại cảnh. Giữa con người và thiên nhiên không có sự tương thông, tương cảm. Thiên nhiên trong thơ xưa thường đóng vai trò xúc tác, tác động vào con người và gợi lên trong họ những tình cảm nào đó, còn với các nhà thơ mới mọi chuyện lại diễn ra trái ngược lại. Đó cũng là một cách thức để khẳng định cái tôi cá nhân.

1994

(In trong *Tạp chí Văn học*, số 12, 1995)

http://tieulun.hopto.org

XUÂN DIỆU BÌNH VÀ GIẢNG

(*Trích*)

PHAN NGỌC THU

Xuất phát từ nhu cầu giao cảm, giao cảm với tác phẩm, tác giả và công chúng bạn đọc, Xuân Diệu thường giảng giải rất kỹ. Với Xuân Diệu, thì phê bình trước tiên là phải giải thích để làm cho người đọc "*thấu hiểu*", bởi vì không hiểu thì làm sao mà giao cảm, mà thích thú được. Hình như, Biêlinxki trong *Diễn văn phê bình*, cũng đã có lần phát biểu, đại ý là, kẻ nào nói rằng tác phẩm nghệ thuật làm cho hắn ta thích thú, nhưng nếu hắn không hiểu cặn kẽ trong sự thích thú đó, không nghiên cứu những nguyên nhân của nó, thì đó là sự dối mình. Sự thích thú đối với một tác phẩm nghệ thuật mà ta không hiểu - *đó là sự thích thú đau khổ*. Có lẽ cũng vì vậy, trong văn phê bình của Xuân Diệu, *bình* thường đi đôi với *giảng*, vừa *bình* vừa *giảng*, giảng cho đến nơi đến chốn để sự hiểu biết càng sâu sắc thì thưởng thức mới càng thoả mãn.

Xuân Diệu rất chú ý và có biệt tài trong việc tạo dựng không khí bình thơ, giảng thơ. Chẳng hạn, biết thơ Nôm Nguyễn Trãi là "thơ khó" vì đã cách xa hơn sáu trăm năm, Xuân Diệu đã dành gần cả trăm trang tiểu luận để giới thiệu hình ảnh Nguyễn Trãi qua bức tranh truyền thần, để tra cứu từng câu chữ, để vén dần lớp bụi thời gian đưa *Quốc âm thi tập* trở về gần gũi với người đọc hôm nay ; đến cuối cùng khi đã có không khí, Xuân Diệu mới đi vào bình giảng bài thơ *Ba tiêu* (Cây chuối) mà ông tâm đắc nhất. Với nhà thơ thiên tài dân tộc Nguyễn Du, thì mỗi lần "*đọc lại*", Xuân Diệu đều gắn được với những hoàn cảnh gợi cảm, từ đó giúp cho người đọc thấm thía thêm "*Bản cáo trạng cuối cùng trong Truyện Kiều*", hiểu thêm "*Con người Nguyễn Du trong thơ chữ Hán*", trong "*Văn chiêu hồn*" và phát hiện thêm những vẻ đẹp mới mẻ "*Chung quanh từ ngữ Truyện Kiều*". Để nêu bật "*Tính tư tưởng trong ba bài thơ Hồ Xuân Hương*", trước đó Xuân Diệu đã dựng lại hình ảnh

http://tieulun.hopto.org

cuộc đời Xuân Hương trong hoàn cảnh xã hội phong kiến với đầy rẫy những thứ lễ giáo ràng buộc người phụ nữ qua thơ của bà. Ngòi bút phê bình Xuân Diệu phải "tả xung hữu đột" với những loại ý kiến khác nhau hiểu sai lệch hoặc hạ thấp giá trị thơ Hồ Xuân Hương, rồi đi đến khẳng định chân giá trị của bậc *"thiên tài kỳ nữ"*, *"nhà thơ người Việt, Bà Chúa thơ Nôm"*.

Cũng như thế, khi đọc thơ Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Nguyễn Đình Chiểu,v.v. bao giờ Xuân Diệu cũng tạo ra được một không gian tiếp nhận gần gũi thân mật cho người đọc. Ở đây, thêm một lần nữa, chúng ta có thể thấy rằng, đã là viết văn, dù viết ở thể loại nào, thì bản sắc *cái tôi* của người cầm bút bao giờ cũng có ý nghĩa quyết định hình thành nên phong cách tác phẩm. Nếu như có người đã ví bình thơ cũng như đánh đàn đệm cho người ta hát, làm sao cho tiếng đàn và tiếng hát hoà hợp, thì Hoài Thanh, Nguyễn Tuân, Chế Lan Viên và Xuân Diệu, mỗi người đã đệm đàn theo mỗi vẻ. Hoài Thanh thường chỉ chọn đánh đàn đệm cho người hát hay và tự nguyện đứng ở bình diện thứ hai, đứng sau làm nền cho người ca và tiếng hát bay bổng. Nguyễn Tuân cũng đệm đàn nhưng nhiều khi lại đứng lên bình diện thứ nhất, mượn lời hát để khoe tiếng đàn, tài đàn. Chế Lan Viên thì muốn gửi vào tiếng đàn của mình cho thật nhiều những âm thanh khác lạ của một người đệm đàn giàu trang sức. Còn cái - tôi - phê bình của Xuân Diệu hình như vừa đánh đàn đệm, vừa muốn ca cùng người hát, vừa muốn làm *môi giới* cho người nghe, để họ thấu hiểu và thưởng thức được cả lời ca lẫn tiếng đàn ; hay nói như ao ước của ông : "Mình với người đọc như đôi bạn gác đùi lên nhau nói chuyện thơ xưa nay, thích thì vỗ đùi mình hoá ra vỗ đùi bạn".

Trong không khí thân tình ấy, Xuân Diệu thường nói được rất nhiều chuyện. Sợ người đọc có khi không hiểu hết thơ, không hiểu hết mình, Xuân Diệu giảng giải đến kỳ cùng, muốn cho mọi thứ đều trở thành rõ nghĩa. Đó là chỗ hay mà cũng là chỗ dở trong phong cách bình và giảng của Xuân Diệu. Hay, là những khi Xuân Diệu uyên bác như một học giả đọc rộng biết nhiều mà vẫn bình dị cần cù như một ông đồ xứ Nghệ *"năng nhặt chặt bị"*, không thích khoe chữ, không tỏ ra sách vở, thông thái, chỉ cốt làm sao tìm được cách giảng giải đắc ý nhất, cuốn hút mọi

http://tieulun.hopto.org

người. Ông vận dụng được lối tư duy hiện đại, khúc chiết của phương Tây nhưng đồng thời cũng tiếp thu truyền thống "*thi thoại*" của phương Đông, nhất là học tập lối bình văn của Kim Thánh Thán. Nếu Thánh Thán phê bình Đường thi có *tiền giải, hậu giải* ; phê bình *Tây sương ký* có phê chú câu, chữ và có lối bình cả chương thì Xuân Diệu cũng thường giảng đi, bình lại để mỗi lần giảng giải lại giúp người đọc tiếp cận thêm với những vẻ đẹp của tác phẩm. Phải nói rằng, ít có nhà thơ, nhà phê bình nào có được cách đọc, cách giải thích hào hứng và kỹ lưỡng như Xuân Diệu khi đọc *Quốc âm thi tập* của Nguyễn Trãi. Ngay từ lúc tập thơ vừa mới tìm lại được cũng như về sau này, Xuân Diệu là một trong những người có công đầu tiên đưa thơ Nguyễn Trãi trở về gần gũi với con người hiện đại. Này đây từ "*nghi ngút*" trong câu thơ quốc âm của Nguyễn Trãi (*Trời nghi ngút, nước mênh mông*) được Xuân Diệu giải thích : "Ức Trai không bằng lòng với những chữ "*trời cao vút*" chẳng hạn, dùng từ *nghi ngút* như nói : khói lên nghi ngút, thì thăm thẳm hơn ; trời cao vút thì không gian tĩnh quá ; *nghi ngút* thì có cảm tưởng cái trời cao xanh này động, cuồn cuộn nao nao"[(1)].

Xuân Diệu không chỉ là người bênh vực mà còn lý giải đầy sức thuyết phục hiện tượng không ít câu thơ của Hồ Xuân Hương "*khêu gợi*" nhiều đến các giác quan. Ông lập luận, con người *đòi giải phóng*, đòi phát triển là đòi giải phóng trong suy nghĩ, trong hành động và đòi giải phóng trong cả những giác quan ; ông nhìn lại lịch sử văn học nghệ thuật, lịch sử tình cảm nhân loại từ thời kỳ Phục hưng đến thời đại chúng ta ; ông huy động kiến thức Đông, Tây, kim cổ về hội hoạ, điêu khắc ; ông so sánh Nguyễn Du, người đã "*vứt được tất cả quần áo gò bó*" *để ca ngợi* "*dầy dầy sẵn đúc một toà thiên nhiên*" và Hồ Xuân Hương đã làm được một nửa cái việc của Nguyễn Du qua bài thơ *Thiếu nữ ngủ ngày* với hình ảnh "*Yếm đào trễ xuống dưới nương long*" để khẳng định : sự "*giải y*" ấy, đặt vào trong thời đại Hồ Xuân Hương có ý nghĩa như một sự đòi giải phóng. Rõ ràng là không có một vốn kiến thức phong phú, không biết đặt một hiện tượng, một sự vật vào trong hệ thống thì không thể có cách giảng giải đầy tự tin và có sức cuốn hút như vậy!

---

(1) Xuân Diệu, *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam*, tập I, NXB Văn học, H. 1981, tr. 55.

http://tieulun.hopto.org

Chỗ hay của nghệ thuật bình và giảng trong văn phê bình Xuân Diệu còn thể hiện ở cái nhìn thấm thiết của một tâm hồn nghệ sĩ với "đôi mắt xanh" trước thiên nhiên tạo vật. Tất nhiên, thiên nhiên tạo vật đối với người phê bình chính là thế giới nghệ thuật thi ca.

Nhiều người vẫn thường nói đến phong cách phê bình giàu tính trực cảm của Xuân Diệu. Bản thân Xuân Diệu cũng quan niệm, con đường ngắn nhất, hiệu quả nhất đến với tác phẩm, đến với người đọc là con đường đi thẳng từ trái tim đến trái tim ; đôi khi được cái linh cảm, cái trực giác mách bảo, người ta sẽ bất ngờ chú ý đến những yếu tố không lường trước được và cũng không thể cãi nhau lý lẽ được, vì chẳng có lý lẽ gì cả mà chỉ có xúc cảm. Nếu chịu khó tìm hiểu kĩ, chúng ta cũng sẽ thấy những chỗ hay nhất, giàu phát hiện bất ngờ nhất trong văn phê bình nghiên cứu của Xuân Diệu bao giờ cũng chính là nơi *giao thoa giữa tư duy trực giác và tư duy trí tuệ*, ở đó dường như cùng một lúc nhiều phương pháp tiếp cận được tác giả huy động, và ở đó cũng khó phân biệt được đâu là *bình* đâu là *giảng*, đâu là nhà phê bình, đâu là nhà sáng tác, chỉ biết là cùng đắm say, hoà quyện trong niềm khát vọng "*vô biên và tuyệt đích*". Chẳng hạn, cảm nhận mấy câu thơ Tản Đà "*Lạnh lẽo hơi thu chiếc lá bay – Gió đưa người cũ lại về đây*", Xuân Diệu thả hồn mình vào mạch liên tưởng so sánh : "Gió nhẹ, lá nhẹ mà người cũng nhẹ, bởi tâm tình hoài man mác bâng khuâng : *Bốn phương mây nước người đôi ngả – Hai chữ tương tư một gánh sầu*. Nội tâm của nhà thơ rất đầy, vì vậy mà hai câu thất ngôn trên đây thoạt nhìn như sáo mòn, mà khi bốn mảnh ghép vào nhau, tâm tình tác giả xuyên suốt cho nên đọc vẫn gợi cảm : đó không phải thơ Tú Xương, thơ Nguyễn Khuyến, hoặc là thơ mới. Về sau này, Thơ mới 1932 – 1945 thì phải cao độ, xoáy thắt, run lên bần bật ; đây là thơ Tản Đà chứ không ai khác, những hoa quả đầu mùa của chủ nghĩa lãng mạn, lâng lâng mà đượm, có thể nói hồn thì nhẹ mà tim thì nặng"[1].

Cách so sánh liên tưởng như trên vừa gợi được không khí văn học sử, vừa giàu mỹ cảm, để lại ấn tượng khó quên trong tâm hồn người đọc. Sở dĩ như vậy vì cái nhìn trực giác của Xuân Diệu không dừng lại ở bề

---

(1) Xuân Diệu, *Tìm hiểu thơ Tản Đà* xem *Tuyển tập Tản Đà*, NXB Văn học, H. 1982, tr. 24.

http://tieulun.hopto.org

mặt của sự việc, hình ảnh, của diễn biến lịch sử mà thấm đượm một chiều sâu nội tâm để có thể đến được cái chất "*như - là - chẳng - có - gì*" mà "*có - rất - nhiều*" của những bài thơ trường cửu.

Có thể bắt gặp được nhiều đoạn bình văn phát sáng đầy sức cuốn hút như vậy khi Xuân Diệu viết về vẻ đẹp thiên nhiên gắn với hoàn cảnh và nỗi buồn mang kích cỡ tâm hồn Nguyễn Trãi ; về chủ nghĩa nhân đạo sâu thẳm, bao la, đau đớn đến khóc oà trong *Truyện Kiều, Thơ chữ Hán, Văn chiêu hồn* của Nguyễn Du ; về sức sống mãnh liệt, quằn quại cứ như giãy nảy lên đằng sau tiếng cười đáo để của Hồ Xuân Hương ; về những vần thơ hào sảng của Cao Bá Quát ; về trời thu rất xanh và rất cao trong hồn thơ thấm đượm quê hương làng cảnh Việt Nam của nhà thơ Nguyễn Khuyến ; về *cảm giác không gian* dường như chỉ có "*đất trời ngơ ngẩn với nhau*" trong *Lửa thiêng* của Huy Cận v.v.

Có người nói Xuân Diệu giống như một thầy giáo dạy người ta đọc thơ và làm thơ qua những trang phê bình cũng là vì thế !

Cách bình và giảng của ngòi bút phê bình Xuân Diệu với thuật "mắt xanh điểm huyệt" tỏ ra rất tinh nhạy trong việc phát hiện cá tính sáng tạo, phong cách nghệ thuật của từng tác giả, tác phẩm. Mỗi chân dung Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương, Nguyễn Đình Chiểu,... trong "*viện bảo tàng văn học*" được Xuân Diệu dựng lên đều rất sống động ; vì mỗi người một hoàn cảnh, một nét thiên tài, một nỗi đau buồn riêng, một số phận, một tính cách riêng. Cùng là đả kích sư, nhưng "*Xuân Hương ghét sư, Nguyễn Khuyến khinh sư, Tú Xương giễu sư*". Cùng là tiếng cười trào phúng, nhưng tiếng cười Xuân Hương thì *đuổi rượt các nhân vật xấu xí* của xã hội mà "*cười vào tận óc, nó không thể bịt tai lại được*", tiếng cười Nguyễn Khuyến thì nhẹ nhàng, hóm hỉnh như một thứ "u mua", một thứ nói "*mát*", cười *mát* mà rất sâu sắc, còn Tú Xương thì "*hộc*" ra tiếng cười như một thứ axít cấu xé vào nhân vật, sự vật, cắn cho nó nát ra, cháy đi. Cùng là thơ Nôm, nhưng thơ Nôm của Nguyễn Trãi là tiếng thơ của bậc cao minh "*xuất sáo*", thơ Nôm *Truyện Kiều* là "*tót vời của nguồn cổ điển*", thơ Hồ Xuân Hương là "*tót vời của nguồn nôm na bình dân*", thơ Nôm Nguyễn Khuyến lành và sáng, thơ Nôm Trần Tế Xương mang cái âm điệu, sắc màu địa phương Nam Định, thơ Nôm Nguyễn

http://tieulun.hopto.org

Đình Chiểu lại thấm đẫm chất đất, chất người Nam Bộ mến yêu ; cùng là "thơ bộ đội" nhưng có "*thơ lính*" và "*thơ cán bộ*" v.v..

Là nhà thơ của thời đại thức tỉnh của *cái tôi* cá nhân cá thể, Xuân Diệu, qua phê bình đi tìm nỗi khát vọng *cái tôi* của người xưa, đồng thời rất quan tâm đến vấn đề phát huy bản sắc *cái tôi* – cá tính sáng tạo trong nền thơ hiện đại. Xuân Diệu phân tích sâu sắc cái "*ngông*" và niềm bâng khuâng trong thơ Tản Đà, cái man mác "*thuở ban đầu*" của Thế Lữ, những xúc cảm "*vũ trụ*" trong thơ Huy Cận, nhưng hình như Xuân Diệu ít nói thêm về phong cách thơ của những người cùng thế hệ, vì có lẽ qua *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh hầu như đã khái quát một cách thần tình rồi. Với Tú Mỡ, nhà phê bình Hoài Thanh chưa nói, và Tố Hữu nhà thơ cách mạng cùng thời với các nhà thơ mới đã được Xuân Diệu dành nhiều trang tìm hiểu phát hiện. Ông phân biệt tiếng cười trong thơ Tú Mỡ và thơ Tú Xương. Ông đọc kỹ hai tập thơ *Từ ấy* và *Việt Bắc* để lắng nghe "*điệu tâm hồn*" của nhà thơ Tố Hữu. Có lẽ Xuân Diệu là người đầu tiên nhận ra "*điệu ngâm*" của lòng thương mến, phân tích một cách sâu sắc tính cách quần chúng của tập thơ *Việt Bắc* và cái chất lãng mạn giàu tính cá thể hoá của *cái tôi* gắn chặt với cách mạng qua tập thơ *Từ ấy*. Đặc biệt, như phần trước đã nói, Xuân Diệu rất chú ý theo dõi những dấu hiệu tài năng mới từ lớp nhà thơ trẻ. Với Xuân Diệu tìm hiểu một nhà thơ, nhà văn là phải phát hiện cho được bản lĩnh và phong cách ; "cũng như hương hoa không phải là thơm nói chung, một mùi hương không có cá tính mà là hương nhài, hương bưởi, hương ngâu". Do đó, đọc văn phê bình Xuân Diệu, cái hay còn ở chỗ được gặp nhiều phong cách, cá tính sáng tạo của nhiều thế hệ nhà thơ qua nghệ thuật bình và giảng tài hoa của tâm hồn một nhà thơ, nhà phê bình lớn.

(In trong *Xuân Diệu nhà nghiên cứu phê bình văn học*. NXB Giáo dục, 2003)

http://tieulun.hopto.org

Phần hai

HỒI ỨC VÀ KỶ NIỆM

http://tieulun.hopto.org

http://tieulun.hopto.org

NHÀ THƠ XUÂN DIỆU ĐÃ MẤT !

HỮU NHUẬN

19 giờ 40 phút ngày 18 tháng 12 năm 1985 nhà thơ Xuân Diệu trút hơi thở cuối cùng tại phòng cấp cứu bệnh viện hữu nghị Việt - Xô, Hà Nội vì một cơn đau tim đột ngột, sau nửa thế kỷ lao động nghệ thuật cần cù, sáng tạo và để lại một di sản văn học to lớn.

Tin buồn truyền đi, gây xúc động lớn không chỉ trong giới văn học nghệ thuật mà trong đông đảo bạn đọc thuộc đủ lứa tuổi trên khắp mọi miền đất nước, trong kiều bào ở nước ngoài và trong bạn bè trên thế giới.

Thi hài nhà thơ quàn tại trụ sở Uỷ ban trung ương Liên hiệp Văn học Nghệ thuật Việt Nam – 51 Trần Hưng Đạo, Hà Nội. Các đồng chí lãnh đạo Đảng, Quốc hội và Nhà nước ta : Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Hữu Thọ, Lê Đức Thọ, Võ Nguyên Giáp đã đến đặt vòng hoa vĩnh biệt nhà thơ. Trong sổ tang và trên vòng hoa của đồng chí Trường Chinh ghi : "Vô cùng thương tiếc đồng chí Xuân Diệu". Chủ tịch Phạm Văn Đồng cúi xuống lâu trên khuôn mặt nhà thơ sau gương kính và ghi vào sổ tang những dòng xúc động : "Tôi ghi ở đây những tình cảm và niềm thương tiếc vô hạn đối với một nhà thơ, nhà văn và người đồng chí quý mến Xuân Diệu". Đồng chí Lê Đức Thọ ghi : "Vô cùng thương tiếc anh, một đồng chí, một nhà thơ có tài năng, sống trung thành, giản dị và đầy nhiệt tình với công tác và thơ".

Đồng chí Tố Hữu, người đồng chí và người bạn thơ của Xuân Diệu, đi công tác xa không về kịp. Ngày 2 tháng 2 năm 1986, nhân kỷ niệm 70 năm ngày sinh Xuân Diệu, trước khi ra nghĩa trang viếng người bạn thơ đã đến thăm lại căn phòng ở 24 Điện Biên Phủ Hà Nội – nơi nhà thơ Xuân Diệu đã sống và làm việc suốt hơn ba mươi năm cuối đời. Trước bức tượng bán thân của Xuân Diệu và trước đông đảo các bạn thơ thuộc nhiều thế hệ, Tố Hữu giọng đầy xúc động đã đánh giá rất cao về con người và sự nghiệp của Xuân Diệu :

http://tieulun.hopto.org

"Xuân Diệu là một nhà thơ lớn, đặc sắc và độc đáo của nền thơ hiện đại Việt Nam. Xuân Diệu có một đặc điểm là, hình như, suốt cả cuộc đời, như con tằm nhả tơ, cứ thế mà sống, cứ thế mà viết hầu như không cần thay đổi gì. Xuân Diệu đi theo cách mạng cũng một cách tự nhiên như vậy vì Xuân Diệu là người trung thực. Đã là người trung thực thì phải đi với cách mạng. Xuân Diệu là nhà thơ sống hết mình và làm việc hết mình. Xuân Diệu viết được quyển sách nào là muốn được in ngay, in nhanh. Không phải vì Xuân Diệu muốn có tên hay ham muốn gì cho riêng mình mà chỉ vì anh say mê cuộc sống, cần luôn luôn có mặt trong cuộc sống. Cũng chính vì thế mà đôi khi người ta thấy Xuân Diệu rất nghiêm khắc, có lúc như một người khó tính. Ngay cả cái đó của anh cũng chỉ là sự mê đời, say đời. Song Xuân Diệu luôn luôn là một người bạn chí tình đối với các bạn, nhất là những bạn thơ trẻ, hết lòng chăm chút vun trồng các tài năng mới. Khối lượng thơ Xuân Diệu để lại là một khối lượng lớn, có giá trị lâu dài. Cho tới nay và có thể cả những năm tháng trước mắt liệu có ai vượt được Xuân Diệu trong lĩnh vực thơ tình ?" và "... không ai có thể thay thế Xuân Diệu".

Nhà văn lão thành Nguyễn Tuân xúc động thốt lên : "Nhà thơ Xuân Diệu mất đi, thấy có mang theo đi một mảng đời văn tôi". Và từ Thành phố Hồ Chí Minh, ngay khi nghe tin Xuân Diệu mất, Thế Lữ - người đầu tiên viết bài giới thiệu Xuân Diệu với bạn đọc cách đây bốn mươi tám năm - đã điện cho Huy Cận : "Vô cùng tiếc thương kính viếng hương hồn Xuân Diệu, người bạn chí tình, nhà thơ kiệt xuất, người không ngừng chiến đấu cho thơ văn Việt Nam".

Trong ngày 21 tháng 12 năm 1985, hơn một trăm đoàn đại biểu các cơ quan Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng của Trung ương, Hà Nội và nhiều tỉnh thành phố (trong đó có Nghệ Tĩnh, Nghĩa Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Minh Hải,...), các cơ quan thông tấn, báo chí, đại biểu các đại sứ quán Liên Xô, Cộng hoà Dân chủ Đức, Bungari,... cùng đông đảo văn nghệ sĩ, bạn bè và người thân đã đến đặt vòng hoa và nghiêng mình vĩnh biệt nhà thơ.

Chiều 21 tháng 12 năm 1985, lễ truy điệu nhà thơ Xuân Diệu đã cử hành trọng thể. Sau bài điếu văn do đồng chí Hà Xuân Trường, Uỷ viên dự khuyết Trung ương Đảng, Trưởng ban Văn hoá văn nghệ Trung

http://tieulun.hopto.org

ương, Trưởng ban tổ chức lễ tang. "Một cây lớn nằm xuống, cả khoảng trời trống vắng", nhiều bạn bè thân thiết và đại diện lớp nhà văn trẻ đã đọc lời tỏ lòng thương xót và đánh giá cao sự nghiệp văn học do nhà thơ Xuân Diệu để lại cho đời.

Nhiều ngày sau đó, Hội Nhà văn Việt Nam còn tiếp tục nhận được thư và điện chia buồn về việc nhà thơ Xuân Diệu từ trần của các tổ chức quần chúng và Hội Nhà văn nhiều nước gửi tới. Điện của Hội Nhà văn Liên Xô có đoạn viết :

"Xin các bạn hãy nhận ở chúng tôi lời chia buồn sâu sắc trước việc nhà thơ xuất sắc của Việt Nam, Xuân Diệu, đã từ trần. Những tác phẩm của ông đã nhiều lần được dịch và in ở Liên Xô bằng nhiều thứ tiếng khác nhau. Độc giả của chúng tôi nhận biết và yêu mến thơ ca tràn đầy tính lãng mạn cách mạng của Xuân Diệu. Chúng tôi đánh giá cao những bản dịch tác phẩm văn học cổ điển Nga và văn học Xô viết hiện đại của ông, cùng những bài thơ ông viết về Liên Xô. Những tác phẩm của Xuân Diệu là tấm gương rực rỡ về sự nghiệp củng cố tình hữu nghị giữa các nhà văn của hai nước chúng ta".

Đại sứ quán Cộng hoà Dân chủ Đức tại Hà Nội và Viện Hàn lâm nghệ thuật Cộng hoà Dân chủ Đức mà Xuân Diệu là viện sĩ thông tấn, đã gửi thư và điện chia buồn thống thiết.

Tại Xôphia, nơi vừa phát hành tập thơ tuyển bốn mươi bài của Xuân Diệu *Cánh cửa vô biên*, đoàn nhà văn, nghệ sĩ Bungari do nữ thi sĩ Blaga Dimitrova dẫn đầu đã đến sứ quán Việt Nam chia buồn và dâng hương, hoa viếng nhà thơ Xuân Diệu. Cả gia đình B. Dimitrova đã đế tang nhà thơ Xuân Diệu.

Ngay khi được tin nhà thơ Xuân Diệu từ trần, tại Nhà Văn hoá Việt Nam ở Paris, kiều bào ta đã tổ chức lễ tưởng niệm và trưng bày về nhà thơ Xuân Diệu. Nhiều buổi nói chuyện về Xuân Diệu cũng đã được tổ chức sau đó ở Paris. Báo *Đoàn kết* của Hội người Việt Nam tại Pháp trong ba số liền có bài viết về Xuân Diệu.

Hầu hết các báo ở Hà Nội và của các tỉnh, thành phố trong nước và báo của Việt kiều ở nước ngoài, nhân dịp này, cũng trích in tác phẩm của Xuân Diệu hoặc có bài viết về sự nghiệp của nhà thơ.

http://tieulun.hopto.org

Một Việt kiều tại Pháp đã dự định đặt một nhà điêu khắc làm tượng bằng đá cẩm thạch về Xuân Diệu bằng hai tứ thơ *Gửi hương cho gió* và *Sống chẳng bao giờ chán nản* - bức tượng này sẽ được đặt trong phòng làm việc của nhà thơ và sẽ là nhà lưu niệm của bảo tàng Xuân Diệu.

Huyện Can Lộc, Nghệ Tĩnh (quê cha) đã quyết định lấy tên Xuân Diệu đặt tên cho nhà văn hoá của huyện và thành phố Quy Nhơn, Nghĩa Bình (quê má) đặt tên nhà hát của thành phố là Nhà hát Xuân Diệu. Thành phố Hồ Chí Minh sẽ có đường mang tên Xuân Diệu và thị xã Mỹ Tho – nơi nhà thơ từng sống bốn năm (1940-1943) nay đã có đường phố Xuân Diệu...

Gia tài văn học mà Xuân Diệu để lại cho chúng ta là to lớn, phong phú và đa dạng, Xuân Diệu là một nhà thơ kiệt xuất mà tác phẩm được nhiều thế hệ bạn đọc ở Việt Nam và cả ở nhiều nước mến mộ. Xuân Diệu là một nhà hoạt động văn hoá có uy tín ở trong nước và ở cả nước ngoài.

(In trong *Xuân Diệu con người và tác phẩm*.
NXB Tác phẩm mới, 1987)

http://tieulun.hopto.org

NHỚ LẠI MỘT TẬP THƠ TRONG DỰ ĐỊNH CỦA XUÂN DIỆU

TẾ HANH

Năm 1943, sau khi đậu tú tài triết học toàn phần tôi ra Hà Nội học trường Đại học Luật, sự thật tôi cũng không thích học luật, nhưng đó là dịp để được biết Hà Nội vì tôi chưa lần nào ra Hà Nội, mặc dầu tôi đã được giải thưởng Tự lực văn đoàn năm 1940. Lúc ấy không khí văn chương cũng có nhiều thay đổi. Nhóm Tự lực văn đoàn thực tế không còn nữa, Nhất Linh và Hoàng Đạo đã đi nước ngoài làm chính trị. Thạch Lam đã mất, tờ báo *Ngày nay* cũng không còn, trong các bạn văn thơ tôi chỉ quen có Huy Cận và Xuân Diệu. Khi ra Hà Nội tôi còn bỡ ngỡ chưa biết ở đâu nên xin về ở tạm với Xuân Diệu và Huy Cận tại số nhà 61 Hàng Bông. Huy Cận lúc ấy làm ở Sở Canh nông. Xuân Diệu không làm Sở Đoan ở Mỹ Tho mà trở lại Hà Nội sống bằng ngòi bút của mình. Khi ấy Xuân Diệu đang chuẩn bị cho xuất bản tập thơ *Gửi hương cho gió* gồm phần lớn những bài thơ đã đăng rải rác trên báo *Ngày nay*, nhiều bài nổi tiếng như *Lời kỹ nữ, Nguyệt cầm,...* Tập *Gửi hương cho gió* do Nhà xuất bản Thời đại in ấn và sẽ ra đời năm 1944. Tôi chú ý thấy Xuân Diệu đang chuẩn bị một tập thơ sau nữa lấy tên là *Ngũ đại thi*.

Tập *Ngũ đại thi* chỉ là trong dự định bởi vì sau khi xuất bản tập *Gửi hương cho gió* thì cuộc Cách mạng tháng Tám 1945 đến và Xuân Diệu tham gia tích cực vào cách mạng với hai tập thơ liên tiếp *Ngọn quốc kỳ* và *Hội nghị non sông*.

Tập thơ dự định *Ngũ đại thi*, sau này không thấy Xuân Diệu nhắc đến nữa. Thế *Ngũ đại thi* là gì ? Lúc đó tôi thấy Xuân Diệu đang đọc một tập thơ của nhà thơ Pháp Clôđen (Claudel) tên là *Les cinq grandes odes* (tạm dịch : *Năm bài thơ lớn*) theo tôi nghĩ tập thơ quan trọng của Clôđen có gợi ý cho Xuân Diệu định ra tập *Ngũ đại thi*.

Về tập *Ngũ đại thi* không biết Xuân Diệu đã có được năm bài chưa ? Theo sự hiểu biết của tôi thì tôi đã đọc được hai bài : *Hoa đêm* và *Hy Mã Lạp Sơn*. Bài thứ ba là bài : *Chú lái khờ*. Tôi nghe đọc một đoạn dựa theo bài văn xuôi cùng tên mà Xuân Diệu đã viết. Bài thứ tư tên là

http://tieulun.hopto.org

Hận Bá Nha tôi chưa được đọc và không biết Xuân Diệu đã viết xong chưa. Còn bài thứ năm theo Huy Cận cho biết là bài *Đa tình* với câu thơ người ta hay nhắc đến *Khi chết rồi thì tôi sẽ yêu ma*. Tôi xin nói nhiều đến hai bài *Hoa đêm* và *Hy Mã Lạp Sơn*. Bài *Hoa đêm* Xuân Diệu in trên tạp chí *Đời nay* xuân 1941, nhưng anh không đưa vào tập *Gửi hương cho gió*, có ý định dành cho một tập khác tức là tập *Ngũ đại thi*, anh Hoài Thanh trong *Thi nhân Việt Nam* về phần thơ Xuân Diệu có trích bài này và tỏ lời khen. Theo tôi bài *Hoa đêm* Xuân Diệu có đưa nhiều hình ảnh tân kỳ như :

Này hoa ngọc đã giật mình trắng muốt
Thoáng tay tình gió vuốt bỗng lao đao

Nhưng dầu sao vẫn ở trong giọng thơ quen thuộc mà người ta đã biết của anh trong hai tập thơ *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió* nhưng với bài *Hy Mã Lạp Sơn* thì ta có thể nói có một cái gì mới và khác trong thơ Xuân Diệu. Lần đầu tiên tôi được nghe anh đọc, tôi giật mình vì thấy bài thơ tứ lớn quá không phải chỉ vì anh nói đến đỉnh cao nhất là Hy Mã Lạp Sơn mà vì cách cảm xúc và diễn đạt :

Nghìn thế kỷ đã theo nghìn thế kỷ,
Ta đứng đây, nhìn mấy triệu mặt trời
Tắt và nhen, và phân phát cho đời
Những thời tiết tái tê và ấm áp
Ở chốn tít mù dưới chân ta đạp...

Trong cái ngạo nghễ của Hy Mã Lạp Sơn vượt lên trên cả không gian, thời gian ta thấy cái ngạo nghễ của nhà thơ mà Xuân Diệu đã đúc trong một câu thơ được mọi người nhắc đến như một tuyên ngôn :

Ta là Một, là Riêng, là Thứ nhất

Sự cao vút của Hy Mã Lạp Sơn chỉ có thể so sánh với sự cao vút của tư tưởng :

Ta lên cao như một ý siêu phàm

Xuân Diệu đã để nhiều công phu xây dựng bài thơ này từ năm 1935 đến năm 1941.

Theo tôi bài *Hy Mã Lạp Sơn* là bài thơ xuất sắc nhất trong tập thơ dự định của Xuân Diệu : *Ngũ đại thi*.

Hà Nội, 10-1995

(In trong *Xuân Diệu tình đời và sự nghiệp*.
NXB Hội Nhà văn, 1996, tr. 237-240).

http://tieulun.hopto.org

NHỚ BẠN

NGUYỄN LƯƠNG NGỌC

Thu muộn. Đi lại một mình trên gác xép, tay ôm đứa con bé trong lòng, tôi bỗng nổi cơn thơ thẩn, dìu dịu, ru con bằng hai dòng thơ của anh Xuân Diệu :

Đã nghe rét mướt luồn trong gió,
Đã vắng người sang những chuyến đò.

Trời ! Sao mà tha thiết, sao mà thấm đượm hồn ! Cái cảnh cuối thu ở miền Bắc ! Tôi đã ru hai dòng này bằng đủ các điệu, sa mạc, bồng mạc, cò lả, cả quan họ nữa, tuy biết rằng đây là hai dòng bảy tiếng. Bảy bẻ thành sáu, thành tám cũng chẳng khó khăn gì. Nhưng giá có anh Xuân Diệu ở bên cạnh, chắc cháu nhỏ chưa dám xà vào lòng ngay. Vì trông anh có hơi dữ tướng. Mặt anh to, sần sùi trứng cá, tóc anh xoăn, bồng lên, xù lên như cái bờm sư tử. Mà sao lưỡi anh có lẽ hơi thụt một chút, nên mấy âm đầu anh phát ra quả là khó khăn ; sau đó thì tuôn ra như suối chảy, như mưa rào. Anh thường được mời đi nói chuyện về văn chương, về thơ khắp nơi (cả ở bên Pháp nữa). Anh nói về thơ của mình ít thôi, nói chuyện về thơ bạn, thơ người xưa thì nhiều. Anh là nhà thơ hiện đại của ta có tác phong đi đọc thơ ở mọi hội nghị, mọi cơ quan, mọi trường học. Tôi thường tự nhủ ; anh ấy đi gửi hương cho gió, gửi nhiều, khúc chiết, tinh tế, cả độ lượng nữa. Không cầu toàn bích. Bài nào, dòng nào có từ hay là anh thích thú gợi lên. Anh đến nói chuyện về thơ Trần Đăng Khoa khi em Khoa còn đương học ở trường phổ thông cơ sở. Hình ảnh chiếc lá rơi nhè nhẹ "như là rơi nghiêng", hình ảnh chú dế mèn vuốt râu bờ tre, hình ảnh trăng tròn như quả bóng "lơ lửng mà không rơi",v.v. đều được anh gợi tả một cách thích thú, như chính là thơ của anh vậy. Anh có cho biết là anh đã về quê nhà thơ nhỏ tuổi nhiều lần. Thăm hỏi ân cần, bàn bạc thấu đáo, như người vun xới cây hoa đang chúm chím. Thậm chí anh cũng chẳng tỵ hiềm khi nói về thơ của người

http://tieulun.hopto.org

bạn thân thiết, anh Cù Huy Cận. Anh như xuýt xoa nói về cái màu đỏ của con gà núi Tản đứng canh gác biển đông. Một hôm, anh đằm giọng đọc cả bài thơ tám dòng, bảy tiếng của Phạm Văn Hạnh. Đọc đến dòng cuối :

Quần tơ, thịt lẳn, búp hoa quỳ.

Anh lại nháy nháy mắt với tôi. Phạm Văn Hạnh viết : *Giọt sương hoa* thơ văn xuôi. Phạm Văn Hạnh làm thơ văn vần, thơ bát cú. Có lẽ bài anh Xuân Diệu đọc là bài duy nhất, cách điệu của anh Hạnh. Vậy mà anh Xuân Diệu đã nhớ kỹ, thuộc lòng. Đủ biết anh Diệu trân trọng, quý báu thơ hay thơ đẹp biết dường nào. Phạm Văn Hạnh, Nguyễn Nhược Pháp là những nhà thơ "sao băng" của chúng ta, vụt loé lên, vạch một dòng sáng lên bầu trời. Vậy mà sao sớm tắt ấy vẫn lấp lánh trong lòng anh. Ngoài việc đi khắp nơi, bình văn, bình thơ, anh Xuân Diệu còn để tâm viết ba bài Đại luận về ba nhà thơ lớn, gần gũi với thời chúng ta : Nguyễn Khuyến, Tú Xương và Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu. Bài anh viết đồ sộ, tinh tế, đến nỗi anh em cho anh đã là cả một viện văn học.

Có hôm đi cùng anh Cù Huy Cận, anh đã vào tận trường Đại học Sư phạm I, cây số tám đường Cầu Giấy, để vừa "đòi" bộ lý luận văn học của tôi, vừa tặng quyển đại luận của anh về Nguyễn Khuyến. Chúng tôi bèn để tặng cho nhau. Khi tôi đưa quyển *Nguyễn Khuyến*, anh Xuân Diệu cười và nói : cụ Nguyễn Khuyến những bốn vợ kia đấy. Chuyện đùa thôi, nhưng sao tôi lại thấy xót xa : Anh Xuân Diệu vẫn là người độc thân. Anh là người làm thơ tình nhiều nhất, nhưng lại không gặp được tình. Sự đời thật lắm nỗi trớ trêu. Các anh ra về, đêm ấy, trong căn phòng tồi tàn của tôi, tôi chong đèn ngồi đọc quyển *Nguyễn Khuyến* của anh, càng đọc tôi càng vỡ ra một lẽ : thơ lại gặp thơ.

Chẳng phải không làm thơ, thì không hiểu thơ, không bình thơ được. Nếu vậy thì học sinh, thầy giáo thời xưa cũng như thời nay hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng vẫn phân tích, vẫn bình thơ thì làm thế nào ? Có phải học sinh và thầy giáo đều tất cả là những nhà thơ cả đâu ? Nói chính xác hơn, nói đến cái cốt lõi hơn thì theo tôi, muốn hiểu, muốn cảm thụ, muốn phân tích, bình thơ thì phải có tâm hồn, khả dĩ cảm ứng với tâm hồn của nhà thơ. Có hai cây đàn, cây đàn này lên tiếng thì cây đàn kia ít ra cũng rung lên được một phần nào tiếng mới lan toả trong

http://tieulun.hopto.org

cõi trời được, thì tiếng thơ mới thấm vào đáy lòng được. Cây đàn của anh Xuân Diệu chẳng những đã rung lên mà còn ngân nga, thánh thót. Đó chính là một công lao lớn của anh Xuân Diệu.

Trong các cuộc nói chuyện về thơ, trong các bài đại luận của anh, anh đã có những tìm tòi, khám phá mà nếu các nhà thơ đã quá cố sống dậy được, chắc phải vỗ vai anh, vỗ vai người tri kỷ.

Trong quyển *Nguyễn Khuyến* anh đã có những dòng đồng cảm, đặc biệt anh đã chú ý đến ba bài thơ mùa thu của cụ nghè Tam nguyên. Cụ đã thấm thía với mùa thu ở miền Bắc, ở nông thôn, cụ đã có những vần trác tuyệt. Anh Xuân Diệu đã thấy cái thấm thía ấy. Anh đã chú ý đến vần vèo (vần eo trở vận) : mặt ao, sóng gợn lăn tăn, lá vàng bỗng đưa vèo, trong cái yên lặng điền viên bỗng có một xáo động nhỏ, xáo động của đồng quê. Trong việc phân tích thơ văn của cụ Tú Vị Hoàng, anh có một nhận định thật minh xác. Tú Xương ngoài văn chương châm chọc đã có những bài có tính chất trữ tình sâu lắng. Anh cho bài *Sông lấp* là bài thơ có giá trị nhất của cụ Tú ; cũng như anh Nguyễn Tuân đã nhận định :

Sông kia rày đã nên đồng
Chỗ làm nhà cửa, chỗ trồng ngô khoai.
Vẳng nghe tiếng ếch bên tai,
Giật mình lại tưởng tiếng ai gọi đò.

Thơ văn Đông, Tây, xưa và nay đã nói nhiều đến các biến thiên của đất trời, của cảnh vật và của nhân tình, thậm chí trong tiếng nói của chúng ta đã có những từ ngữ hầu như đã trở thành sáo mòn : Tristesse d'olymfio... rồi.

Thương hải biến vi tang điền

rồi tang thương, rồi bể dâu, v.v.

Nhưng trước mắt ta đây, ngay hôm qua đây, sông kia nay đã bị lấp, tiếng í ới gọi đò nay chỉ còn như những tiếng ếch nhái.

Còn đâu nữa ; eo sèo bên nước chuyến đò đông của bà Tú. Còn đâu nữa cảnh mênh mông trời đất. Mà chỉ còn nhà cửa, ruộng đồng, tầm thường đến phát ngán. Phân tích bài *Sông lấp*, anh Nguyễn Tuân nặng

http://tieulun.hopto.org

về chính trị, anh Xuân Diệu thấy được, chẳng những cái biến đổi của lẽ đời, mà cả của vũ trụ nữa. Trên bình diện này, anh mới cho bài *Sóng lấp* là bài hay nhất của cụ Tú Xương, bài trữ tình nhất của một nhà thơ thiên về châm biếm.

Trong bài đại luận về nhà thơ Sông Đà, núi Tản, Xuân Diệu thiên về mở rộng ra văn thơ Đông Tây kim cổ, song anh cũng nói đến cái chất Việt Nam của cụ Nguyễn Khắc Hiếu, cái "thói" rượu và ngông của nhà thơ. Gần đây người ta đã bàn tán nhiều về bài *Thề non nước* của Tản Đà. Người thì bảo là một bài thổ lộ tinh thần yêu nước, người thì cho là một bài không rõ chủ ý : nói về tình duyên với cô đào hát, hay nói mập mờ đến tình duyên với "non nước".

Tôi thiên về ý thứ nhất, và tôi cho là ý còn rõ hơn là bài mở đầu bằng dòng :

Kìa bức dư đồ rách tả tơi

Trong bài *Thề non nước* nhà thơ đã mượn cuộc tình duyên trai gái để nói bóng gió đến tình duyên non nước.

Bảo cho non biết, chớ buồn làm chi...
... Nước non hội ngộ còn luôn
... Nước đi ra bể lại mưa về nguồn...

Xa xôi vậy thôi ; khẳng định đến mức ấy vậy thôi. Mà thế là đã xé lòng, đứt ruột của người có tâm rồi !

Theo dõi các cuộc nói chuyện thơ của anh, đọc các bài viết của anh, tôi tâm đắc một điều : ít khi anh dùng đến các tính từ nói về phương pháp sáng tác, như lãng mạn, hiện thực, hiện thực phê phán... Có lẽ anh phải có chủ đích.

Trong một giai đoạn lịch sử văn học nào đó của phương Tây, người ta đã có thể phê phán, chia ranh giới giữa chủ nghĩa lãng mạn với chủ nghĩa hiện thực phê phán, với chủ nghĩa tự nhiên.v.v.và người ta đã có thể dán cho một số nhà văn, cái tem, cái nhãn hiệu, dù chỉ là đại khái : nhà văn lãng mạn, như V. Hugo, Byron, nhà văn hiện thực phê phán như Balzac, Zola, nhà văn tự nhiên chủ nghĩa như anh em Goncourt.

Trong lịch sử văn học Việt Nam, xưa kia người ta xa lạ với các danh từ lãng mạn, hiện thực phê phán, v.v. thậm chí có thời kỳ người ta còn

http://tieulun.hopto.org

nói đến văn sử bất phân. Bây giờ, do nhiều nguyên nhân, chủ yếu là do các nhà văn của chúng ta tiếp xúc một lúc với tất cả các thứ chủ nghĩa nói trên, do chịu ảnh hưởng của nhiều thứ cùng một lúc nên cũng khó mà phân biệt chính xác được họ là thế này, thế nọ, họ mang nhãn hiệu này hay nhãn hiệu khác.

Đối với anh Xuân Diệu cũng vậy thôi. Các nhà phê bình văn học gọi anh là nhà thơ mới thì đúng thôi : mới so với thơ cũ, mới so với cách dùng từ đặt câu của người trước. Còn bảo anh là nhà văn, nhà thơ lãng mạn thì có lẽ còn phải bàn. Tôi còn nhớ hồi tôi ở trọ một mình trên gác một căn nhà ở phố Phạm Phú Thứ, anh có đến thăm tôi, anh phải đi qua nhà chủ, nhà dưới. Anh thấy hai cô gái nhà chủ, ngồi buồn thiu ở hai mép giường. Anh đã có phút cảm xúc, và đã viết nên câu chuyện *Toả nhị kiều* đăng trong tập *Phấn thông vàng*. Để tránh tò mò, anh gọi tôi là một hoạ sĩ. Tôi ở ngôi nhà ấy, tôi qua lại, gặp mặt thường xuyên với ông chủ và hai người con gái ngồi lặng ở giường, không một chút sinh động nào, như hai hiện thân của pho tượng buồn. Tôi đã không nhạy cảm, có lẽ do nhìn mãi hoá nhàm. Anh Xuân Diệu không thế, anh chụp được một pô tuyệt diệu, một pô rất hiện thực, như cuộc sống bình lặng trôi qua ở giữa thị thành náo nhiệt. Anh quả đúng là một nhà văn hiện thực một trăm phần trăm. Nhiều chuyện trong thơ, trong văn của anh cũng tương tự như thế. Chuyện *Phấn thông vàng* là một chuyện thực, là một cảm hứng thực, rõ cái ngụ ý : gửi hương cho gió.

Cuộc đời của anh Xuân Diệu, cuộc đời nhà thơ của anh toàn là sự gửi hương cho gió. Tiếc thay ! Gió đã không thổi trả lại anh được chút hương vị của mùi đời.

(In trong *Nhớ bạn*.
NXB Văn học, Hà Nội, 1992)

http://tieulun.hopto.org

NHỮNG KỶ NIỆM RIÊNG CHUNG

LỮ HUY NGUYÊN

Năm 1959, ở một vùng rừng Bắc Cạn, người lính tiều phu là tôi lúc ấy có vọc vạch làm thơ đăng báo liếp. Gọi là báo liếp, nhưng thật ra doanh trại ở trong rừng, nhà dựa vào vách núi, cây vườn là những gốc đại thụ màu lá xanh rợp sáng chiều. Trên một gốc cây to, thân phẳng, những bài thơ, đoạn văn của đám lính chúng tôi được ghim vào gốc cây, để chia vui thưởng thức sau phút hạ cây, xuôi bè. Một ít trong những bài thơ đính lên gốc cây ấy được gửi về nhà thơ Xuân Diệu nhờ góp ý kiến. Đúng là điếc không sợ súng, tôi chờ đợi lời "phán xét" của bậc đàn anh mà tôi đã mến chuộng từ lâu, tuy rằng tôi chưa hề quen người, quen mặt.

Bẵng đi khá lâu, không nhận được thư trả lời của anh, tôi nghĩ rằng cái "thá" vọc vạch thơ phú tầm xoàng như mình lúc ấy mong gì được một lời phúc đáp, thì đùng một cái, đọc một bài anh viết đăng trên báo, tôi thấy một câu thơ của tôi (tất nhiên là thuộc loại inédit – chưa từng xuất bản) được anh nhắc đến, nhưng không phải để khen mà là để chê. Vì là câu thơ anh chê người khác, nên anh đã tế nhị không nhắc đến tên tôi. Vậy là kỷ niệm đầu tiên của tôi với anh Xuân Diệu là một kỷ niệm cay đắng, lúc ấy cũng như bây giờ tôi vẫn nghĩ như vậy. Nhưng chính kỷ niệm cay đắng này đã làm cho tôi mở mắt và thật sự cảm ơn anh, nhờ đó,"từ tôi lúc ấy đến tôi bây giờ" có một khoảng cách ý thức dần trong tôi trách nhiệm cao quý mà vất vả của một người cầm bút. Hình như không chỉ riêng với tôi nhiều người viết văn trẻ đồng thời với tôi và sau tôi đã không ít người nhận được những kỷ niệm "đắng cay nên mới có ngọt lành đó chăng" ; và bây giờ, tất cả đã khác trước, cùng anh đứng trong đội ngũ những người cầm bút với thâm niên khác nhau, thành tựu khác nhau, và cũng không ít người trong số chúng tôi nghiêm khắc mà nói có thể là chưa có thành tựu.

http://tieulun.hopto.org

Trong cả đời văn đúng nửa thế kỷ, đặc biệt là ở giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám trở về đây, anh Xuân Diệu luôn chăm sóc đến sự phát triển của lực lượng những người viết văn nối tiếp thế hệ mình. Không kể những bài báo, quyển sách, thư từ, những buổi bình văn bình thơ trước công chúng, hay những cuộc gặp gỡ riêng của anh với từng người để bàn về chuyện "bếp núc trong việc làm thơ" ; riêng đối với ba hội nghị những người viết văn trẻ tổ chức từ 1959 trở lại đây, anh đều có những đóng góp gây ấn tượng mạnh đối với các bạn trẻ (bây giờ đã có người cập kê lục tuần, vì vào nghề muộn, trẻ tuổi nghề, không trẻ tuổi đời). Ở Hội nghị những người viết văn lần thứ nhất (6-4-1959) tổ chức tại Thái Hà Ấp, anh đọc bài phát biểu *Trò chuyện với các bạn làm thơ trẻ*, và lần thứ hai (22-6-1971) tổ chức tại 51 Trần Hưng Đạo, Hà Nội, anh có bài nói chuyện thay cho tham luận : *Câu chuyện trước các bạn viết văn trẻ*. Chuẩn bị cho Hội nghị những người viết văn trẻ lần thứ ba, anh Võ Văn Trực, Hữu Thỉnh và tôi bàn nhau dứt khoát phải mời bằng được anh Xuân Diệu nói chuyện tại Hội nghị như hai lần trước. Chúng tôi gặp anh đề nghị.

– Nhất định Xuân Diệu sẽ viết !

Anh vui vẻ nhận lời ngay, và còn nói thêm :

– Thỉnh thoảng Lữ Huy Nguyên phải tê-lê-phôn nhắc anh, hoặc đến chơi, đến chơi cũng là thúc đẩy nhau làm việc. Như lần *Thi hào dân tộc Nguyễn Du* ấy.

Câu nói của anh gợi tôi nhớ lại tập bản thảo tiểu luận của anh, tay tôi đón nhận vào những ngày cuối cùng năm 1965. Lúc ấy, tôi 26 tuổi, vừa về công tác tại Nhà xuất bản Văn học chưa được mấy tháng. Tập bản thảo lúc ấy chưa có bài *Đọc lại Nguyễn Du* bề thế sau này in ra, dày ngót nửa quyển sách (viết xong ngày 18-9-1966). Là sinh viên mới ra trường, tôi thật sự bị ngợp trước một thiên tài, nhưng tôi vẫn góp ý với anh sau khi đọc rất kỹ tập bản thảo khi chưa có bài này, và đề nghị anh viết tiếp một bài tổng kết lại cả một quá trình nghiên cứu của anh về Nguyễn Du. Anh băn khoăn đôi chút, rồi nhận lời. Mấy hôm sau, anh điện cho tôi :

– Anh đang viết. Đầu đề sẽ là *Đọc lại Nguyễn Du* đấy. Thỉnh thoảng em đến chơi hoặc điện cho anh, để nhắc. Đến chơi cũng là thúc đẩy nhau làm việc mà !

http://tieulun.hopto.org

Rồi anh viết cho tôi một lá thư, anh tự xưng mình là bạn của Nguyên. Lúc ấy, như tôi đã nói, tôi vừa 26 tuổi, còn anh thiếu một tuổi đầy ngũ tuần. Còn bây giờ, tôi đã 46, anh còn thiếu một tháng thì vừa vặn cái thời "thất thập cổ lai hy" như câu thơ Đỗ Phủ. Vẫn lời nói năm xưa cách đây vừa tròn hai thập kỷ : "Thỉnh thoảng Nguyên tê-lê-phôn cho anh hoặc đến chơi".

Nhiều bài anh đã viết trong hoàn cảnh ấy. Lần trước là bài *Đọc lại Nguyễn Du* bề thế, và lần này là bài tham luận dài *Sự uyên bác với việc làm thơ*, có thể là bài tiểu luận cuối cùng, trọn vẹn, của anh trước phút lâm bệnh đột ngột.

Mới đầu, anh định viết về một vấn đề khác, cũng khá cần thiết cho các bạn trẻ, nhưng chúng tôi gợi ý :

– Anh em trẻ muốn biết một nhà thơ đồng thời là một nhà văn hoá lớn cỡ như anh và anh Chế Lan Viên..., sự học tập như thế nào để đạt tới trình độ uyên bác ?

Anh hạ kính, rút khăn tay lau trán, đầu lắc lắc theo thói quen :

– Phải uyên bác chứ, chỉ thi sĩ thôi không đủ. Cả một đời, anh đã phấn đấu cho sự uyên bác mà, uyên bác đâu phải chuyện trời cho. Phải đọc, phải học cổ kim Đông Tây, rồi biến thành của mình và làm cho nó phong phú hơn. Chớ bắt chước sống sượng, người ta bắt được quả tang thì xấu hổ lắm Nguyên ơi !

Cả bài *Sự uyên bác với việc làm thơ* là cuộc tổng kết một đời học tập, đồng thời là một sự sòng phẳng : cái gì anh học người ; cái gì cũng là học người nhưng đạt tới trình độ hơn người. Chẳng hạn đoạn sau đây, tôi trích dẫn từ bản thảo viết tay của anh :

"Tháng 10 năm 1981, khi nói chuyện ở Đại học Sorbonne Paris : *Le thème de l'Amour dans ma création littérature* (*Đề tài tình yêu trong sáng tác của tôi*), bài thơ tình mà tôi dẫn đầu tiên là bài *Yêu là chết ở trong lòng một ít*, vì trong bài thơ ấy tôi đã vay mượn của ba thi sĩ Pháp. Tôi muốn thính giả người Pháp thấy một thi sĩ Việt Nam chân thực đền ơn trả nghĩa và cũng uyên bác kim với cổ, Đông với Tây, họ sẽ vui, và tôi sẽ đắc nhân tâm, mà đắc nhân tâm tức là được chính trị. Nhà thơ Pháp Edmont Haraucourt có bài thơ ngắn rất nổi tiếng : *Partir, c'est mourir un peu : Đi là chết ở trong lòng một ít* ; đúng quá, những đôi lứa

http://tieulun.hopto.org

muôn đời đứt gan đứt ruột phải biệt xa nhau ; khoảng 1934-1935, tôi đang yêu, bèn vận vào mình và chuyển sang :

Yêu là chết ở trong lòng một ít,
Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu.
Cho rất nhiều, nhưng nhận chẳng bao nhiêu.

Câu thứ ba tôi lấy dáng dấp một câu trong bài thơ tình duy nhất không tiền khoáng hậu của Félix Arvers (1806-1850), tất cả sự nghiệp sáng tác của ông đã vào trong lãng quên, duy có bài thơ thất tình, thơ tình tuyệt vọng của ông : *Mon âme a son secret : Lòng ta chôn chặt mối tình*, là còn sống mãi hơn 150 năm nay đến nỗi tự vị *Larousse* cũng phải nhắc đến ; trong đó có câu : - Dù anh có đi trọn con đường trần thế của mình, *N'osant rien demandé, et n'ayant rien reçu* : Chẳng dám xin và chưa hề nhận được gì ; tôi chuyển câu này thành "*Cho rất nhiều, nhưng nhận chẳng bao nhiêu*" ; và bao trùm là tôi đã làm theo điệu thơ rông-đô (*Rondeau*) của nhà thơ Charles d'Orléans, thế kỷ XV, vịnh mùa xuân, lấy câu thứ nhất, thứ hai, làm câu thứ ba, thứ tư (dịch) :

Thời tiết đã bỏ chiếc áo ngoài,
Bằng gió, bằng mưa, bằng giá rét.
Và khoác mặc lên mình gấm vóc,
Khoác áo mặt trời xinh, sáng tươi.
Không một loài vật hay loài chim,
Mà chẳng khề khà kêu hoặc hát.
Thời tiết đã bỏ chiếc áo ngoài,
Bằng gió, bằng mưa, bằng giá rét.

Tôi cũng láy theo điệu *rông-đô* như Charles d'Orléans :

Yêu là chết ở trong lòng một ít,
Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu.
Cho rất nhiều nhưng nhận chẳng bao nhiêu ;
Người ta phụ hoặc thờ ơ chẳng biết.
Phút gần gũi cũng như giờ chia biệt.
Tưởng trăng tàn hoa tạ, với hồn tiêu,
Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu !
Yêu là chết ở trong lòng một ít.

http://tieulun.hopto.org

Và ở cuối đoạn thứ ba, câu thứ mười ba là câu cuối cùng, lại láy câu thứ nhất. Và có thể nói một cách chân thật : Charles d'Orléans khi láy lại, đã tạo ra một nhạc điệu rất hay ; tuy nhiên không đắc thế bằng tôi khi láy lại các câu, vì mùa xuân không luẩn quẩn, còn tình yêu khi không được chia sẻ, thì người đang yêu như con tằm rút ruột tự giam thân vướng vít ở trong cái kén đau khổ bịt bùng"... Quả là anh rất sòng phẳng.

Một buổi sáng, tôi nhận được điện thoại của anh :

– Bài tham luận viết xong rồi, Võ Văn Trực đến chơi, mình đã gửi Trực cầm về đưa cho Thỉnh và Nguyên. Lấy ở Trực nhé ! Nhưng cho mình đọc 15 phút thôi à ? Bài ấy dài đấy, Xuân Diệu đề nghị thêm năm phút nữa.

Thật ra bài đó anh viết dài tới 22 trang đánh máy, nếu đọc cho hết phải mất một tiếng đồng hồ. Tôi cười trong máy điện thoại :

– Anh Diệu ơi ! Đối với anh thời gian không thành vấn đề đâu...

Chả là vì chúng tôi đã có dự kiến : Sẽ chính thức mời anh nói chuyện với Hội nghị trên cơ sở nội dung bài viết ấy chừng hai tiếng đồng hồ, coi như một trong những nội dung chính của Hội nghị.

Nhưng... Anh không còn đến Hội nghị dù chỉ là đọc bài ấy trong vòng hai mươi phút mà anh yêu cầu, hay chỉ là một phút, một giây như giờ đây chúng ta mong muốn nữa. Hôm cuối cùng nằm trong bệnh viện, anh có nhắc hỏi xem bài tham luận của anh đã đọc chưa. Tối hôm ấy, ai có ngờ đâu anh đã vĩnh biệt mọi người, cuộc gặp mặt các thế hệ nhà văn đang diễn ra ở Trụ sở Hội 65 Nguyễn Du đêm ấy vắng anh, ai ngờ vắng anh vĩnh viễn, cũng là cái đêm tôi ngồi soát lại bản tham luận của anh, đối chiếu giữa hai bản đánh máy và bản viết tay. Bản thảo của anh viết bằng bút bi trên một loại giấy trắng dày và mịn anh vẫn quen dùng từ lâu nay. Với chất liệu giấy và mực như thế, bản thảo của anh có khả năng giữ được bền lâu hơn trước sức phá hoại vô tình của thời gian. Ai đã làm sách của anh Xuân Diệu những năm về sau này thường rất quen với loại giấy và mực bi này. Và cũng rất quen với chúng tôi, dòng chữ anh viết bên lề trái trang đầu : "Xin cho tôi lại bản thảo này. Cảm ơn. Và xin đánh thêm cho tôi xin một bản đánh máy" Ba chữ *xin*, rồi sau đó

http://tieulun.hopto.org

là một chữ ký quen thuộc : Xuân Diệu. Sau này, bình tĩnh lại, tôi nhận thấy bản thảo của anh viết và chữa bằng ba màu mực, tất cả đều là mực bi : thảo lần đầu bằng bút mực bi màu tím, hai lần sửa sau bằng mực bi màu đỏ và màu xanh lá mạ.

Nửa đêm hôm 18 tháng 12 ấy tôi mới sửa xong bản tham luận của anh Xuân Diệu. Chính tôi cũng không ngờ mình lại phải thay mặt Ban tổ chức đọc bài tham luận ấy của anh, sau phút mặc niệm anh ở hội trường sáng hôm sau.

Đọc đến dòng cuối cùng trong nguyên tác của anh : "Xin cảm ơn sự theo dõi của các bạn. Xuân Diệu", tôi sững người, thế là anh đã ra đi, ra đi thật rồi, sau lời cảm ơn chân tình ấy ư ? Cả hội trường lặng đi hồi lâu, những khoé mắt rưng lệ, những tiếng nấc, sụt sùi. Mọi người đồng loạt đứng lên vỗ tay cảm ơn anh, hoan nghênh anh, như là anh vẫn đang sống, vừa mới ra khỏi hội trường đi khuất vào đâu đó mà thôi, anh Xuân Diệu ơi !

(In trong *Xuân Diệu con người và tác phẩm*.
NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1987)

http://tieulun.hopto.org

NHÀ THƠ XUÂN DIỆU

PHẠM TIẾN DUẬT

Tôi muốn viết về anh bằng những lời nồng nhiệt. Không phải chỉ là để mừng anh, người vừa được phong tặng một tước vị cao quý : Viện sĩ Viện Hàn lâm Nghệ thuật của nước Cộng hoà Dân chủ Đức, một viện Hàn lâm nổi tiếng với những tên tuổi Đức và những tên tuổi lừng danh trên thế giới : L. Aragon, P. Neruda, J. Amadô, R. Anbécti, C. Ximônốp, M. Sôlôkhốp, và nhiều người khác. Tôi muốn viết về anh bằng ngôn ngữ của trái tim, không phải chỉ vì trong lòng rưng rưng một niềm quý trọng và khâm phục, mà còn vì một lẽ rất giản dị : Suốt nửa thế kỷ qua, hầu như ngày nào Xuân Diệu cũng viết, đến nay đã mấy nghìn trang sách, thế mà hầu như không có một dòng nào thờ ơ, không có một dòng nào lãnh đạm. Xuân Diệu không khi nào nói để mà nói, viết để mà viết. Trong ngôn ngữ của anh, khi cởi mở, khi cay nghiệt, lúc tỉnh táo, lúc mê say, luôn luôn đập một trái tim trung thực, luôn hồi hộp một nỗi niềm khám phá. Tất cả sự lớn lao của Xuân Diệu bắt đầu từ cái lẽ giản dị sâu sắc ấy.

Tôi muốn bao quát anh, dầu không thể như bao quát một bộ phim dài. Chặng đường anh đã qua là một chặng đường mà trên đất nước và trên hành tinh này đã xảy ra bao biến cố lớn lao. Năm anh sinh ra (1917) trùng với năm có cái tiếng nấc hạnh phúc của thế kỷ, năm Cách mạng tháng Mười Nga thành công. Dầu cho, phải nhiều nhiều năm sau đó Xuân Diệu mới lớn lên, rồi tiếng sóng biển gần nhà cha mẹ ở Quy Nhơn, đêm trăng thành Huế, chiều tà Hồ Tây, rồi còn yêu, còn buồn, còn thương, dầu thế đi nữa thì bão táp cách mạng vẫn cứ đến như một quy luật không thể cưỡng được. Xuân Diệu là một trong những nhà thơ lãng mạn sớm nhất biểu lộ niềm reo vui trước *Ngọn quốc kỳ*, trước *Hội nghị non sông*. Và từ ấy, anh không chỉ là nhà thơ của tình yêu mà thực sự trở thành một người hoạt động xã hội tích cực phục vụ cách mạng, phục vụ kháng chiến, phục vụ nhân dân. Anh được bầu làm đại biểu Quốc hội khoá I(1946-1960). Anh làm báo, làm xuất bản, làm cán bộ

http://tieulun.hopto.org

tuyên truyền, làm công tác đào tạo nhà văn. Anh là một trong những hạt nhân tích cực tham gia việc chuẩn bị và thành lập Hội Nhà văn Việt Nam. Anh viết báo, viết sách, với nhiều thể loại và đến với các vùng đất từ miền núi cao Tây Bắc, Việt Bắc đến chót mũi Cà Mau, làm thơ, đọc thơ và diễn thuyết trước công chúng. Chỉ tính trong vòng hai năm 1970, 1971 anh đã nói chuyện về thơ Bác đến hai trăm năm mươi buổi. Anh góp phần không nhỏ trong các hoạt động văn hoá, hoạt động ngoại giao, phát triển tình hữu nghị giữa Việt Nam với nhiều dân tộc anh em trên thế giới. Anh là người mơ mộng nhưng cũng là người hiện thực, con người anh là con người thơ, và cũng là con người của Đảng. Tất cả nhuần nhuyễn trong anh như miền quê cha Hà Tĩnh khắc nghiệt và miền quê má Bình Định phóng khoáng, nhuần nhuyễn trong anh.

Nhưng, nói như Xuân Diệu : "Sở dĩ thành chuyện là vì tác phẩm hay, cho nên người phê bình đi vòng quanh thế nào rồi cũng phải quay về trung tâm là tác phẩm tức là hồn của tác giả, sự nghiệp đóng góp của tác giả". Thế mà, muốn chiếm lĩnh được tác phẩm của Xuân Diệu đâu phải việc dễ : một khối lượng sách đồ sộ với năm chục tập và bao nhiêu bài báo từ mấy chục năm nay, trong số đó có đến mười sáu tập thơ, gần hai chục tập phê bình và tiểu luận. Chỉ tính riêng các tác phẩm phê bình viết về các nhà thơ cổ điển Việt Nam anh đã viết gần mấy chục vạn chữ ! Năm chục tập sách kia có phải đâu là năm chục thùng gạo mà tôi có thể thu nhỏ lại thành rượu ! Nó vốn là rượu rồi, nếu cố gắng chưng cất một lần nữa thì cùng lắm, sẽ thành một thứ cồn, mất hết cả hương vị thiên nhiên. Chỉ có thể rút ra ngay một nhận xét rằng tất cả các tác phẩm của Xuân Diệu đều có một phẩm chất chung, dầu đây là thơ hay là văn, nghiên cứu hay dịch thuật, phẩm chất chung ấy là sự không nửa vời, là sự đi đến cùng của những thôi thúc, sự làm kỳ được của những mục tiêu. Anh đã không nói về vấn đề gì thì thôi, đã nói là nói cho lọn nghĩa chữ, lật phải, nói rồi nói nữa, kỳ cho đến lúc ngôn ngữ tới được người nghe. Cũng bởi vậy ở gần Xuân Diệu có thể có lúc ta cảm thấy khó chịu : Anh không chịu nhân nhượng. Nhưng đấy cũng là đặc điểm làm cho ta kính trọng. Anh là một trong những người có tài và quyết liệt nhất, bằng thơ, tấn công vào lề lối thơ mòn sáo và trì trệ của thứ thơ hủ nho thuở đó. Xét về mặt hình thức nghệ thuật, thắng lợi của phong trào Thơ mới là thắng lợi của một cuộc cách mạng về thơ mà ngay cả Tố Hữu cũng ủng hộ, dầu không cùng một tư tưởng với phong trào ấy. Thơ ca Việt Nam,

http://tieulun.hopto.org

ngoài kho tàng ca dao, sau sự cách tân của Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, trước Thơ mới, chưa từng có một cuộc cách tân nào lớn đến như thế. Phải nói thêm rằng, những đóng góp của Thơ mới chỉ có ý nghĩa thực sự khi nó trở thành phương tiện của một tư tưởng mới và được phát huy lên vào giai đoạn lịch sử kế tiếp-giai đoạn cách mạng và kháng chiến. Ngoài sự cách tân về lối nói, đặc biệt là sự phát triển về thể loại, Thơ mới có những hạn chế không nhỏ. Kể từ Cách mạng tháng Tám 1945, thời đại mới đã mở ra một con đường lớn cho các tài năng, trong đó có Xuân Diệu tiếp tục khám phá, sáng tạo. Anh đã mở rộng cảm xúc, mở rộng đề tài, mở rộng lối nói và cũng lại đứng trên bảng đầu của sự đóng góp cùng với những tên tuổi hàng đầu : Tố Hữu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Tế Hanh, Nguyễn Đình Thi và nhiều anh chị khác là những nhà thơ của cách mạng. Trong năm chục tập sách của Xuân Diệu chỉ có hai tập thơ, tập thơ văn xuôi *Trường ca* và tập truyện ngắn *Phấn thông vàng* là được viết trước năm 1945. Phần lớn tác phẩm trong đó có những tác phẩm giá trị nhất, Xuân Diệu đã hoàn thành trong lòng chế độ mới.

"Trong hoàn cảnh một nước nông nghiệp lạc hậu lâu đời, mất độc lập trong nhiều thế kỷ, bị phong kiến và đế quốc bóp nghẹt, chúng ta cần phải có cái bụng liên tài, yêu mến những tài năng, thấy tài năng ở đâu là hết lòng trân trọng, quý báu". Xuân Diệu đã tâm sự như thế và đã làm như thế một cách mê say. Anh đã có công khám phá cái hay, cái đẹp của người xưa, người nay và nhiệt tình giới thiệu cho công chúng trong nước và ngoài nước cùng anh ngưỡng mộ. Anh góp phần không nhỏ trong việc "chính thức rước lên đàn cao vinh dự của những thiên tài loài người" những tên tuổi lớn như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du. Với trường hợp Nguyễn Trãi, tôi phải ca tụng anh bằng một lời nói đã được suy nghĩ kỹ càng, phải có một nhãn lực như anh mới có thể nhìn xuyên thủng tầng bụi dày đặc của sáu thế kỷ, với bao nhiêu từ cổ đã trở thành tối nghĩa, với bao nhiêu dị bản phải sàng lọc, mới có thể trích ra được những câu vô giá như vậy, chứ chưa nói chi đến việc công phu cẩn trọng bình giá. Anh đã trả lại giá trị thực cho Hồ Xuân Hương, một trường hợp mà trước đó không phải dư luận đã nhất trí đánh giá. Anh đã mạnh dạn gọi Hồ Xuân Hương là Bà Chúa thơ Nôm và công chúng đã đồng tình với anh. Có thể nói, Xuân Diệu là người đã phát hiện ra nhà viết tuồng Đào Tấn và triển lãm cái hay của ông tổ tuồng này bằng giấy

http://tieulun.hopto.org

trắng mực đen. Còn bao nhiêu công trình mà tôi, trên một bài báo ngắn, không thể nhắc tới. Nhưng phải nói thêm rằng, Xuân Diệu không chỉ làm sống lại những tác phẩm của quá khứ mà còn cố gắng làm sống lại các nhân vật của quá khứ. Anh không nhìn những vĩ nhân của văn học ấy như những thiên thần, mà nhìn họ như những người trần mắt thịt, và như vậy, đã làm họ cử động được. Thuật phê bình của Xuân Diệu là từ mắt xanh Xuân Diệu đã đành, nhưng cũng phải nói thêm là anh đã học được lối nghĩ khúc chiết của phương Tây và kết hợp với cách cảm thụ tinh vi của phương Đông - ví dụ như cách cảm thụ của nhà phê bình đại tài đời Thanh : Kim Thánh Thán. Và do vậy, giọng văn phê bình của anh vừa tỉnh táo vừa đam mê : "Trời đất ơi ! Tú Bà nói không đầy nửa phút, mà bọt mép của mụ văng ra mãi đến ngàn năm ! Tưởng như mụ đã xé xác người ta rồi, cái con hổ cái ! Tưởng như mụ nói rách cả trang giấy *Truyện Kiều* !". "Chiêu Hổ thì có vợ có con, yên cửa yên nhà, tốt thân tốt thế, quan lớn, sống lâu ! Còn Xuân Hương thì lận đận long đong, chưa ra bề nào ! Ha, những lời đùa như thế, giữa hai người tài tử, ai đắng hơn ai ?" những câu văn có tim có óc như thế trong các tác phẩm phê bình của Xuân Diệu thật nhiều, tôi cứ tuỳ tiện trích ra để rồi tôi cảm động lại về trái tim giàu cảm động ấy.

Tôi chưa nói gì về những công trình dịch thuật của anh, một khối lượng và một công lao không nhỏ. Tôi cũng chưa nói gì về các tập bút ký sinh động của anh.

Nhưng thôi, tôi tự nhủ, anh là một cái nhà máy đang làm việc, một cái xe đang chạy, một cái cây to đang còn nảy lá. Anh còn đang chuẩn bị cho ra đời những tập sách mới. Kho tàng thơ của anh còn mấy trăm bài thơ tình chưa công bố. Tôi chỉ có đôi lời nôm na nhưng kỹ lưỡng của một người chiến sĩ văn nghệ ở thế hệ đi sau anh, ngưỡng mộ anh, học tập anh và chờ đợi anh. Đã là sự sống có nghĩa là say mê, có nghĩa là sáng tạo. Chính Xuân Diệu đã nói như vậy

Sự sống chẳng bao giờ chán nản.

Hà Nội, 9-1-1983

(In trong báo *Văn nghệ*, số 39 tháng 9-1983)

http://tieulun.hopto.org

NHÀ THƠ THÂN THIẾT CỦA CHÚNG TA

THIẾU MAI

Trong đời sống, có những con người có sức lan toả và cuốn hút đối với người xung quanh, song khi họ còn sống bên ta, thì không phải lúc nào ta cũng cảm nhận được hết chiều sâu của sức toả và sức cuốn ấy. Chỉ khi họ từ biệt cuộc đời, ra đi mãi mãi, sức cuốn toả ấy mới trỗi dậy, lung linh, mạnh mẽ trong ký ức còn nguyên vẹn niềm thương tiếc sâu xa của mỗi người. Anh Xuân Diệu, nhà thơ thân thiết của chúng ta, theo như tôi được biết, được thấy là một trong số không nhiều người thuộc giới văn học – nghệ thuật nước ta, có sức mạnh đáng quý ấy.

Giờ đây, nhớ anh Xuân Diệu, trước hết là nhớ một con người yêu đời tha thiết, thuỷ chung, gắn bó khăng khít với cuộc sống của đất nước, của nhân dân. Với anh Xuân Diệu, sự sống là một cái gì quá đỗi thiêng liêng, anh những muốn được xả thân, được chan hoà đến tan ra trong cuộc sống chung. Anh là nhà thơ ca ngợi sự kỳ diệu đó không mỏi. Trong thơ anh, nếu có cái gì quý giá nhất, đáng yêu nhất, thì phải kể trước hết là sự sống. Sự sống kiên cường, sự sống bất khuất. Sự sống cũng có nghĩa là sức sống của đất nước, của nhân dân. Bất chấp mọi sức tàn phá man rợ của kẻ thù, sự sống vẫn vượt lên hết thảy, để sinh sôi, để phát triển để hướng đến tương lai.

Phải có một tấm lòng say mê cùng với con mắt tinh tế mới cảm thấy hết cái huyền bí của sự sống trong những quả sấu non trên cành cao. Hệt như một giấc mơ. Có thật hay không vậy ? Tưởng như nhà thơ vừa dụi mắt vừa thốt lên :

Mấy hôm trước còn hoa
Mới thơm đây ngào ngạt,
Thoáng như một nghi ngờ
Trái đã liền có thật.

http://tieulun.hopto.org

Ôi ! Từ không đến có
Xảy ra như thế nào ?
Nay má hây hây gió
Trên lá xanh rào rào.

(*Quả sấu non trên cao*)

Tự những ngày xưa, ngày Xuân Diệu là một thi sĩ lãng mạn với những bài thơ tình nổi tiếng trong phong trào Thơ mới, ta đã thấy trong thơ anh toát lên niềm say mê tha thiết đối với cuộc đời. Hãy đọc lại những dòng thơ miêu tả thiên nhiên rất trong sáng, rất tươi xanh, được viết với biết bao rung động tinh tế :

Giữa vườn ánh ỏi tiếng chim vui,
Thiếu nữ nhìn sương chói mặt trời.
Sao buổi đầu xuân êm ái thế !
Cánh hồng kết những nụ cười tươi.

(*Nụ cười xuân*)

Thiên nhiên trong thơ Xuân Diệu như cũng cựa quậy, cũng xôn xao, cũng tràn đầy xúc cảm... Trước cảnh vật đó, nhà thơ nghẹn ngào xúc động thốt lên "Ta muốn ôm - Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn". Lòng yêu sự sống, có lẽ đó là yếu tố chủ yếu tạo nên lực hấp dẫn của thơ anh trước Cách mạng. Song, mặt khác, cũng chính vì yêu sự sống đến si mê, mà tuổi trẻ của anh đã đau đớn, đau đớn triền miên trong bế tắc, cô đơn. Trong bế tắc, cô đơn, thi sĩ vẫn bám vào cuộc sống. Đấy là bi kịch của cá nhân anh, cũng là bi kịch của cả một thế hệ thanh niên thuở ấy.

Cuộc đời Xuân Diệu sau Cách mạng tháng Tám là một cuộc đời lao động cần cù, cật lực, không ngừng, không nghỉ. Anh đọc ngày đọc đêm và viết ngày viết đêm, viết như muốn cướp thời gian, muốn làm cho mỗi phút giây của thời gian đều biến thành những dòng, những chữ để lại cho đời. Anh làm thơ, viết bút ký, tiểu luận, phê bình, giới thiệu, dịch,... Ở lĩnh vực nào, tác phẩm của anh cũng đạt đến mức xuất sắc độc đáo. Chỉ cần nhìn qua khối lượng tác phẩm đồ sộ mà anh để lại, ngót năm mươi tác phẩm đủ các thể loại, ta cũng phần nào hình dung được cường độ và năng suất lao động của anh. Tuy vậy, có gần anh, có thấy anh lao tâm khổ tứ, dằn vặt, suy tư trong lúc làm công việc sáng tạo, mới cảm nhận hết giá trị của một sức lao động đầy say mê, đầy trách nhiệm và mới biết quý từng lời từng ý mà anh viết ra.

http://tieulun.hopto.org

Tôi có nhiều dịp làm việc với anh Xuân Diệu, suốt trong một thời gian dài, mười lăm năm, kể từ khi tôi về công tác tại tuần báo *Văn nghệ* (1969). Những lúc báo cần có một bài nghiên cứu bất luận về một nhà thơ cổ điển, một nhà thơ nước ngoài, hoặc một vấn đề lý luận thơ ca..., chúng tôi thường nghĩ đến anh Xuân Diệu. Vì kiến thức uyên bác của anh, vì sức làm việc với năng suất cao và đặc biệt rất kịp thời của anh và vì anh am hiểu cặn kẽ, thấu đáo công việc làm báo cũng như yêu cầu của báo. Anh lại có tính hay nể, nhất là nể những lời đề nghị mà anh có khả năng đáp ứng được. Thường thường anh không phụ lòng chúng tôi, mỗi khi chúng tôi đến mời anh viết bài. Anh nói rất ân tình : "Mình yêu cầu các bạn đăng bài nhiều rồi, bây giờ các bạn yêu cầu mình, không lẽ mình từ chối. Thôi được, mình sẽ viết. Chỉ phiền các bạn là cứ sáng sáng, cố gắng gọi điện giục mình". Anh vẫn thường bảo anh rất cảm ơn những lời nhắc, vì nó buộc anh phải giữ lời hứa, nghĩa là buộc anh phải tập trung suy nghĩ, phải động não, sắp xếp ý tứ, hoàn thành bài viết. Không ít lần, tôi phải đến chầu chực bên cạnh anh để lấy từng trang, từng trang cho kịp đánh máy để đưa in. Anh ngồi đó, trán nhíu lại, mồ hôi đọng từng giọt trên trán, căng thẳng và mệt nhọc. Nhưng rồi, như một con trâu kéo cày, vất vả từng bước, từng bước, cuối cùng, thửa ruộng cũng được cày xong đúng hạn.

Với anh Xuân Diệu, sống có nghĩa là lao động. Hai khái niệm sống và lao động hoà nhau, gắn với nhau, không tách rời ra được. Hễ ngừng viết vài ngày là anh lại thấy sốt ruột, không an tâm thế nào ấy. Năm 1978, trong chuyến đi Hunggari trao đổi văn hoá, mặc dù chương trình làm việc đã đầy ắp, khi Nhà xuất bản Ngoại văn nước bạn ngỏ ý đề nghị anh dịch 100 bài thơ của Nguyễn Trãi ra tiếng Pháp để bạn dựa vào đó mà dịch ra tiếng Hung, anh hăng hái nhận lời ngay. Thế là anh phải thức đêm để dịch, có nhiều đêm gần như thức trắng. Bản dịch hoàn thành kịp thời hạn với chất lượng cao. Xong công việc, anh lim dim mắt, bóp hai thái dương và lại nói câu quen thuộc mỗi khi làm xong một công trình nào đó : "Đau óc lắm, đau óc kinh khủng".

Tôi nhớ trong bài đề tựa *Tuyển tập thơ Xuân Diệu*, nhà thơ Hoàng Trung Thông đã kể lại lời tâm sự của anh Xuân Diệu : "Trong cái viết của tôi, tôi muốn đền đáp ơn cuộc sống". Và sự đền đáp của anh không phải là trừu tượng, chung chung. Như con ong làm mật, con tằm nhả tơ, anh đem sức lực của trí tuệ, tâm hồn mình để sáng tạo ra những giá trị tinh thần, góp phần làm đẹp cho cuộc sống.

http://tieulun.hopto.org

Chúng ta quý anh Xuân Diệu, còn vì bản tính rất trung thực của anh. Con người anh Xuân Diệu có thể tóm tắt trong ba ý : quý lao động, trọng sự trung thực và sợ sự cô đơn. Anh trung thực trong mọi lời nói và việc làm. Anh là người không biết nói dối và chúa ghét sự dối trá. Con người anh thế nào, anh bộc bạch ra thế ấy, không cần che giấu, nguỵ trang. Tuy nhiên không phải lúc nào sự trung thực của anh cũng được mọi người thông cảm, điều đó cũng dễ hiểu thôi. Cũng có người không thích anh, song, người ta chỉ có thể trách anh là không khéo, là cứng quá, chứ không ai trách anh là không thật. Giờ đây, khi đã xa anh rồi, xa anh mãi mãi, nghĩ về anh, chúng ta càng thấy quý sự chân thật đến vụng về của anh.

Cuối cùng, chúng ta nhớ anh Xuân Diệu là nhớ đến một người anh lớn, đã dành cho các em lòng yêu thương thắm thiết và sự săn sóc chí tình. Anh rất sợ sự cô đơn, nên anh biết nâng niu từng giọt tình cảm, anh biết vun trồng cho các mối quan hệ ngày càng nảy nở, phát triển. Hình như đã không thân ai thì thôi, nhưng hễ đã thân thì anh thường xuyên săn sóc, thăm hỏi và khi cần đến sự giúp đỡ của anh, anh không ngần ngại. Anh không có gia đình riêng, nhưng anh rất quý gia đình của bè bạn, và thường quan tâm tỷ mỷ đến cuộc sống gia đình của những người thân. Anh yêu trẻ, chiều trẻ, trái lại các cháu cũng rất mến, rất quấn bác Diệu. Mỗi lần đi xa về hoặc mỗi năm Tết đến, anh đều nhớ quà cho từng người. Khi thì cây kim sợi chỉ, khi thì chiếc khăn mặt, chiếc mùi soa, khi là lọ nước hoa, có khi chỉ là gói bánh hoặc thậm chí vài cái kẹo, song anh không quên người nào. Người xưa từng nói : Điều quan trọng không phải là vật cho mà là cách xử sự, nên dù chỉ nhận của anh vài cái kẹo, người nhận quà bao giờ cũng xúc động trước tấm lòng thành của anh.

Đối với anh Xuân Diệu, không có nỗi đau nào bằng nỗi đau phải lìa xa những người thân yêu, lìa xa cõi đời. Song, đối với tất cả những người quen anh, thân anh, yêu thơ anh, trọng văn anh thì mãi mãi không bao giờ xa cách anh. Dù anh đã đi xa, hình ảnh anh, những kỷ niệm về anh cũng như những trang thơ, trang văn của anh vẫn sống mãi, vẫn sáng mãi trong lòng những người bạn yêu anh và đông đảo người đọc yêu thơ anh.

(In trong *Xuân Diệu con người và tác phẩm*.
NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1987)

http://tieulun.hopto.org

ANH CHƯA SỐNG MỘT NGÀY NÀO TRONG TUỔI GIÀ

NGUYỄN BÙI VỢI

Tôi được gặp nhà thơ Xuân Diệu vào những ngày cuối thu năm 1953. Hồi đó anh tham gia đoàn cán bộ phát động quần chúng đánh đổ giai cấp địa chủ ở xã tôi – xã Cát Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An. Năm ấy tôi mới mười chín tuổi, đang học tại trường phổ thông cấp 3 Huỳnh Thúc Kháng ở Bạch Ngọc, được chi đoàn Thanh niên Cứu quốc xã cử đi tham gia vào đội tuyên truyền phát động giảm tô. Dạo đó tôi đã tập làm thơ và đã có vài ba bài được in.

Gặp nhà thơ Xuân Diệu, tôi mừng lắm. Anh mặc áo quần gụ, đi dép cao su quai to, đội mũ lá nhưng mái tóc lượn sóng và đôi mắt mơ màng thì không giấu được thành phần xuất thân.

Anh "ba cùng" với một gia đình bần nông, ngày ngày ăn uống vô cùng kham khổ, đêm ngủ chõng tre, hôm rét thì nằm ổ rạ nhưng làm việc rất hăng hái. Anh đến các xóm Văn Lương, Lam Triều, Thượng Đình, Tràng Lân tìm hiểu đời sống bà con nông dân và đọc thơ cho họ nghe. Nhiều người đã khóc khi nghe anh đọc bài thơ *Bà cụ mù loà*. Biết tôi cũng võ vẽ làm thơ, anh khuyến khích tôi mạnh dạn đọc và tôi cũng "liều" đọc thơ cho bà con nghe bên cạnh một nhà thơ đã bao năm nổi tiếng trên thi đàn.

Cuối năm ấy tôi đi học sư phạm ở khu học xá Trung ương và mùa hè năm 1956 về nước, tôi rụt rè đến thăm anh. Cũng nghĩ là anh chẳng nhớ nữa nhưng vừa gặp, anh đã nắm chặt tay tôi và đọc luôn hai câu thơ anh viết dịp về xã tôi :

Xã Cát Văn, một mảnh đất Thanh Chương
Mà tôi thấy cả quê hương nước Việt.

Anh bảo anh có chú ý đến một số bài thơ của tôi in ở các báo *Cứu quốc*, *Độc lập*, *Văn nghệ*. Anh nêu một số nhận xét có tính chất động viên khuyến khích tôi. Mấy chục năm đi dạy học ở trung du, cứ mỗi lần

http://tieulun.hopto.org

về Hà Nội là tôi đến thăm anh theo cái địa chỉ truyền khẩu đã thành giai thoại trong giới văn nghệ : *Nhà tôi 24 Cột Cờ – Ai yêu thì đến những hờ thì đi*. Trừ những lúc phải viết bài gấp cho báo, cho tạp chí anh tiếp mươi lăm phút còn bình thường anh ngồi hàng giờ trò chuyện với tôi về văn thơ, bảo ban tôi về nghề. Anh là người cực đoan, bộc trực, yêu ghét hiện ra mặt. Anh không bao giờ xã giao, chiều lòng. Và hầu như lần nào anh cũng hỏi thăm về Cát Văn quê tôi, hỏi bác Nguyên hồi bấy giờ là chủ tịch xã còn khoẻ không, anh Lộc có làm thuốc nam nữa không (anh Lộc là anh rể tôi). Nói chuyện với anh, tôi thấy ngợp đi về kiến thức uyên bác của anh và mỗi lần ra khỏi ngôi nhà hai tầng có cây hoàng lan trước cửa là lòng yêu thơ, yêu văn học lại được nhân lên trong tôi.

Phải nói là ít ai chu đáo với lớp trẻ được như anh Xuân Diệu. Cách đây hai mươi năm, dạo tôi đang dạy học ở Vĩnh Yên, một hôm tôi đang mừng vì Định Hải ở Nhà xuất bản Kim Đồng lên làm việc với tôi về bản thảo thì một anh cán bộ phòng Giáo dục huyện Bình Xuyên cầm thư anh Diệu lên, nhắn tôi về gặp anh cho vui. Tôi chưa biết tính sao thì Định Hải giục : "Ông cứ về nghe Xuân Diệu bình thơ đi, tôi ở đây đọc bản thảo chờ ông về, mai ta bàn cũng được !". Đến hội trường xã Thượng Đức tôi thấy anh đang đứng ngắm, góp ý kiến với ban tổ chức kê bàn diễn giả thế nào, đèn bàn để chỗ nào cho người nghe ai cũng nhìn thấy mặt diễn giả. Anh bắt tay tôi rồi cười : "Đấy là cái phép "lùa chim vào lưới" đấy cậu ạ !".

Tết vừa rồi, sáng mồng một, anh đến tặng tôi tập sách *Công việc làm thơ*. Tôi đi vắng. Anh nói với vợ tôi : "Chắc Vợi nó bận, hơn tháng nay không thấy nó đến thăm anh, thôi em bận thì anh phải đến thăm vậy !".

Mười năm nay, về Hà Nội công tác, tôi được gần anh. Thỉnh thoảng tôi đến nhờ anh viết bài cho đài và để nghe anh nói về những thông tin thơ ca mới nhất trên thế giới. Lúc nào cũng thấy anh mải miết, dự định, hăm hở, việc này chưa xong đã đến việc khác, tập này chưa xong đã lo tập khác. Mấy năm gần đây, anh ít đi bình thơ nhưng vẫn nhắc một số anh em chúng tôi cố gắng làm cái công việc – như anh nói – là đem hàng về tận nơi cho quần chúng.

Anh Xuân Diệu ơi, anh sáu mươi chín tuổi, nhưng anh chưa sống ngày nào trong tuổi già. Anh chân thành, hăm hở, nồng nhiệt cho đến phút ra đi...

(In trong *Xuân Diệu thơ và đời*.
NXB Văn học, Hà Nội, 1996)

http://tieulun.hopto.org

XUÂN DIỆU CÓ MỘT LẦN

NGUYÊN AN

Xong việc ở tạp chí *Văn nghệ Quân đội*, anh Hồ Khải Đại bảo :

– Ta đến nhà ông Xuân Diệu chơi đi !

– Có hẹn chưa anh ?

– Không hẹn chính xác, nhưng hôm nọ gặp nhau ở Hội Nhà văn, ông ấy có hỏi thăm mình và dặn là viết được thêm gì thì đến đọc cho ông ấy nghe.

Như để tôi thêm hăng hái, anh Đại nói tiếp :

– Đừng ngại, Xuân Diệu chan hoà lắm, thích gặp đồng hương xứ Nghệ lắm.

Tôi đã được gặp và hầu chuyện ông dăm ba lần, song vẫn chưa dám tin lời anh Đại. Xuân Diệu, phải, nhà thơ Xuân Diệu là người của nhiều vùng quê rồi. Cái chất Nghệ là gì ? Nó có ở ông ra sao ? Lại còn cái mặn mòi của mắm, của gió Bình Định nữa, nó ngấm vào ông thế nào ? Tôi đạp xe theo nhà thơ Hồ Khải Đại với miên man những ý nghĩ đại loại như thế.

Đi qua bóng mát của mấy tán cây thì đến cửa nhà Xuân Diệu ở. Không hiểu cái mát lạnh của ngôi nhà kiểu cổ có tường dày, lại núp dưới bóng cây, hay cái ý nghĩ là mình sắp được trò chuyện với một người nổi tiếng tài tình mà cũng hay trực ngôn lúc bình thơ, làm tôi cứ chờn chợn. Như đã rất quen, anh Hồ Khải Đại gõ cộc cộc vào cánh cửa gỗ, tiếng gọi rất vang :

– Anh Xuân Diệu có nhà không ?

Tôi hơi hoảng, sao ông Đại to giọng thế nhỉ (!) Có tiếng lịch kịch của ghế của bàn từ trong nhà. Im lặng mấy phút, tiếng nhà thơ :

– Ai như Hồ Khải Đại, Đại phải không ? Gớm, người thì nhỏ, tên lại to, miệng thì bé, tiếng lại cả.

http://tieulun.hopto.org

Nghe ông làm một hơi thế, tôi nhẹ cả người. Mấy câu thơ chợt hiện "Khi ta đến gõ lên từng cánh cửa - Thì tin yêu chân thật đón ta vào...", tôi đọc nho nhỏ trong lúc chờ anh Xuân Diệu ra mở cửa, Hồ Khải Đại bảo : "Thơ Nguyễn Khoa Điềm đấy ! Có lần Xuân Diệu nói với mình là thơ của mấy ông trẻ viết thế thì ghê lắm, chịu rồi". Đến mấy phút, vẫn không thấy ai ra. Anh Đại tự mở hé cửa, tôi kịp nhìn thấy Xuân Diệu cởi trần đang ngồi sau cái bàn viết. Đoạn, anh Đại mở to cửa, rồi hai anh em nhè nhẹ bước vào. Chúng tôi tự động ngồi vào bộ bàn ghế nhỏ ở góc phòng. Phải dăm bảy phút sau, Xuân Diệu mới đứng dậy, ông lúc lắc cái đầu to với mấy món tóc quăn tự nhiên đang rủ xuống, mắt kính lấp loá. Ông nói, như vẫn tiếp tục trò chuyện với chúng tôi từ bao giờ.

– Nóng nhỉ. Đại kỳ này da dẻ tốt đấy. Có gì đọc nghe đi.

Anh Đại giới thiệu tôi với Xuân Diệu. Ông nhấc kính lên nhìn tôi, cặp môi dày mấp máy, hai cánh mũi động đậy, trông ông hệt như một con mèo đang đứng trước chú chuột nhắt, song đáng yêu một cách hồn nhiên. Ông hỏi :

– Em đọc Xuân Diệu cũng nhiều đấy chứ ? Em thích câu nào ?

Như chú học trò, tôi đọc thơ ông, chẳng bài nào ra bài nào, cứ nhớ đâu đọc đấy. Ông im nghe, mắt lúc lim dim, lúc mở to nhìn chằm chằm phía ngoài cửa sổ. Thốt nhiên, ông quay sang anh Đại hỏi :

– Đại thấy có nhiều người thuộc thơ Diệu thế không ?

Anh Đại chưa kịp trả lời, ông lại tiếp :

– Mà em đọc có chỗ chưa đúng đâu, thơ mình được dân gian hoá đó, ông Đại ạ. May mà giọng nghe cũng được.

Ông cười, vẻ sảng khoái, rồi bảo tôi đọc lại mấy câu : "Trái tim tôi một cái túi tràn trề" với "Tôi muốn làm cây củi ven sông Ba !". Ông ngồi im nghe, lừng lững như pho tượng, xa xăm, bí ẩn mà dãi dầu. Những giọt mồ hôi lăn lăn từ khuôn ngực chảy xệ xuống phần bụng đang rung rung của ông. Anh Đại đứng dậy cầm lấy cái khăn bông to như khăn tắm vẫn phủ trên vai ông xuống gấp gấp lại rồi thấm mồ hôi trên lưng và trên bụng ông. Nhà thơ vẫn ngồi yên lặng, ông rên lên khe khẽ, vẻ mãn nguyện, miệng lắp bắp :

– Cảm ơn, cảm ơn Đại, thôi để mình, để mình...

http://tieulun.hopto.org

Đoạn, quay sang tôi, Xuân Diệu hỏi :

– Sao em lại thuộc những câu ấy ?

Anh Đại đỡ lời :

– Nguyên An trước có dạy Văn cấp III và ở Đại học sư phạm, thầy giáo Văn thuộc thơ Xuân Diệu là phải rồi.

Ông hỏi tôi còn thuộc thơ những ai và thích những bài nào câu nào... Ông kể chuyện hồi nhỏ đi học, nhặt được một ý thơ hay thì vội ghi lại. Ông bảo :

– Thầy giáo Văn bây giờ nên hướng dẫn học sinh biết tự đọc sách, tự ghi chép. Học văn dạy văn muốn cho giỏi cho hay thì phải thuộc nhiều thơ văn. Thuộc thơ văn tức là có bột, để gột nên hồ là các bài luận, phải không ?

Ngừng một lát, ông dặn :

– Hôm nào Nguyên An bảo với mấy thầy dạy Văn cho mình gặp các em học sinh với nhá !

Anh Đại đọc bài thơ mới viết. Xuân Diệu nghe rất chăm chú. Rồi như sực nhớ ra, ông đứng dậy rất nhanh, te tái và dềnh dàng, ông đi như chạy vào góc phòng, lôi lôi xếp xếp kéo ra, ôm lại một chồng sách báo, bản thảo. Ông giở cho chúng tôi xem một tập giấy cứng, khổ to, trang nào cũng chép thơ ông bằng một nét chữ chỗ thì uốn lượn, chỗ thì nhảy múa rất khoáng đạt. Ông nói như khoe, hồn nhiên và chân mộc :

– Việt kiều người ta chép tặng mình đấy, thơ phải hay người ta mới chép truyền nhau vậy chớ !

Đã trưa, Xuân Diệu bê ra một cái khay có hai cốc nước lọc trong suốt, mát lạnh với hai cái bánh xốp mời chúng tôi. Còn ông, ông xin phép ngồi ăn riêng ở góc phòng : một cốc sữa, mấy lát giò, một cái bánh mì, và hình như còn có một quả trứng luộc với vài quả dưa chuột nữa thì phải. Ông ăn và uống, hối hả, hì hụp như không biết còn có chúng tôi đang có ở trong phòng. Ấy là tôi trộm nghĩ thế.

Tôi và Hồ Khải Đại định về, song lại sợ ông bị hẫng. Không biết là Xuân Diệu có đoán ra không. Có tiếng lách cách của dao và bát, tôi nhìn sang, bàn ăn của ông đã gọn. Ông cầm một cốc nước lọc khác bước lại phía chúng tôi :

http://tieulun.hopto.org

– Bây giờ thì mình có thể ngồi thêm với hai bạn dăm phút nữa. Rồi còn phải nghỉ, rồi còn phải viết nữa chớ.

Anh Đại đưa mắt cho tôi, vẻ thông cảm. Còn tôi, tự nhiên thấy thương ông quá. Ông như một người nông dân xứ Nghệ chính cống : cặm cụi làm, hùng hục làm, hối hả ăn, để rồi lại làm... thiết thực thiết thân đến mức dường như vô ý... Đã thế, tiễn khách ra cửa ông còn chép miệng :

– Về nhá, lại đến nữa nhá ! Ờ mà lát nữa thì các cậu lại có người lo lắng mà hỏi là "Đi đâu về ? có mệt không ?". Còn mình thì chỉ có sách vở với giấy bút nó trừng trừng hỏi là : "Hôm nay Xuân Diệu đẻ được bài nào mới không ?" thôi !

(In trong *Xuân Diệu thơ và đời*.
NXB Văn học, Hà Nội, 1996)

http://tieulun.hopto.org

"NHẬP VÀO NGƯỜI KHÁC MÀ ĐỌC LẠI MÌNH"

ĐÔNG TRÌNH

..."Văn mình vợ người" ! Đúng là như vậy thật, Văn... nó còn đỡ đấy, chứ thơ, trời đất, nó "mình" một cách đáng kinh sợ ! Mình say mình... Chính mình cũng không hiểu nổi.

Tôi nói như thế có dông dài lắm không ? Thôi thì xin mách cho các nhà thơ một kinh nghiệm nho nhỏ. Nó nhỏ đấy mà tôi thấy chưa ai nói cả, nên tôi nói ; này nhé, khi đưa bản thảo cho nhà in họ sắp chữ, cái bản thử, gọi là cái "bản vỗ" đầu tiên ấy mà, tác giả có nên "chấm bông" không ? Không ! Một trăm lần không ! Đối với các nhà thơ thì lại càng không nên. Vì sao mà không nên ? Kinh nghiệm làm sách cho tôi thấy : Cái anh nhà thơ tự "chấm" bản vỗ cho tác phẩm của mình để lại nhiều "lỗi mo-rát" hơn cả ! Tại sao ? Là vì anh ấy "mê" mình quá, "thuộc" mình quá, anh ấy "chấm" cái trong ruột mình, cái đã "nằm lòng", chứ có thấy bản in thử trước mặt đâu mà chấm ? Mắt thì chăm chú đọc đấy, dò đấy, từng chữ, từng dòng mà cây bút chì trên tay nó cứ vờn vẽ theo một nhịp điệu khác, nhịp điệu mê muội của một thứ ..."bản gốc nội tâm" !

Cho nên, vì vậy mà các nhà thơ đáng kính trọng ơi, hãy "nhập vào người khác mà đọc lại mình" ! Ở trong nhà in, mình nhập vào người thợ sắp chữ, mà phải quên mình đi thì mới nhập vào kẻ khác được. Ở ngoài phố, mình nhập vào người bán hàng. Ở sân ga, nhập vào người đi tàu. Nhập vào người thợ trong nhà máy. Nhập vào người lính ngoài mặt trận... mà đọc lại mình !

Câu chuyện nó như thế này, không phải là không thú vị, mà lại cũng bổ ích cho chúng ta : Có lần tôi và anh Xuân Diệu đi tàu lửa từ Hà Nội vào Thanh Hoá. Phía trước chúng tôi, chừng như là mấy cô sinh viên, trên nền lắc lư của nhịp điệu con tàu, mở một tập thơ của anh Xuân Diệu ra đọc. Họ dừng lại ở mấy bài thơ tình in cuối tập, đọc lớn cho

http://tieulun.hopto.org

nhau nghe, rồi bình, rồi tranh cãi khá sôi nổi... Hoàn toàn hồn nhiên và vô tư, đâu có biết phía sau họ, Xuân Diệu lù lù ra đấy ! Thật, ai cho vàng cũng không sướng bằng, nhìn vào nét mặt anh Xuân Diệu, cứ gục gục gặc gặc, lúc nheo mắt, lúc mỉm cười, nghe trộm chuyện mấy cô gái trí thức xinh đẹp nói về mình... Thì các anh nghĩ, vàng nó quý hơn à ?

Một ngày sau khi đến Thanh Hoá, chừng như đêm hôm rồi, anh Xuân Diệu khó ngủ. Gặp nhau ở bàn trà nhà khách, anh nói với tôi : Này ông, mình rút ruột ra mà làm, ấy thế mà có bài bị người ta "phê" đấy ông anh ạ ! Nghe họ "phê", mình nóng mặt, chứ từ lâu nay có ai dám cả gan phê thơ tình Xuân Diệu ? – Ôi ! Cái chuyện vớ vẩn trên xe trên tàu ấy mà... Đến ga rồi, một tiếng còi hú lên là xoá ! Xuân Diệu cãi : – Xoá thế nào được ! Đêm qua mình nằm đọc lại mấy bài ở cuối tập NHẬP VÀO CÁNH SINH VIÊN ĐI TẦU ẤY MÀ ĐỌC, HOÁ THÂN VÀO NGƯỜI KHÁC MÀ ĐỌC LẠI MÌNH. Đúng là mấy bài ấy không hay như mình vẫn chủ quan, do nhà xuất bản muốn có "cái mới" nên phải chiều ! Rồi nghiêm túc và một chút bùi ngùi, ít khi thấy anh Xuân Diệu đáng thương như vậy : Là nhà phê bình, ông phải nói hộ điều ấy cho anh em !...

(In trong *Xuân Diệu thơ và đời*.
NXB Văn học, Hà Nội, 1996)

http://tieulun.hopto.org

LÀ THI SĨ...
NGHĨA LÀ LAO ĐỘNG

THÉP MỚI

Xúc động đến với chúng ta thật đột ngột, khi nghe tin anh Xuân Diệu mất, vì sức viết, sức nghĩ của anh còn xuân lắm cho đến gần đây, làm không ai tưởng anh đã đến gần tuổi thất thập.

Một nửa thế kỷ lao động nghệ thuật không mệt mỏi, vì con người và đất nước này, riêng một điều đó cũng đủ làm cho tất cả chúng ta kính cẩn nghiêng mình.

Khi anh vừa mất, anh Tế Hanh viết cho chúng tôi : "Chúng ta vừa mất một trong những nhà thơ lớn nhất hiện nay của dân tộc. Trước Cách mạng tháng Tám, Xuân Diệu xuất hiện trong phong trào Thơ mới như một ngôi sao sáng chói".

Tôi không đủ thẩm quyền để đánh giá cả một sự nghiệp thơ của anh. Tôi cảm các bậc đàn anh trong văn học bằng cảm xúc còn giữ mới nguyên của lớp bạn đọc trẻ đương thời. Đối với lớp bạn đọc đầu tiên đọc Xuân Diệu giữa một hoàn cảnh xã hội cuối những năm ba mươi, đấu tranh xã hội, đấu tranh dân tộc và đấu tranh của một tầng lớp đông đảo thế hệ trẻ chống lại ràng buộc, kìm kẹp của chế độ đại gia đình và lễ giáo phong kiến, tất cả xen kẽ nhau. Xuân Diệu kích động sự nổi dậy sâu xa của cá nhân, tự khẳng định quyền sống của mình, sự dám sống, sự nhiệt thành đối với cuộc sống. Mục tiêu còn chưa rõ nhưng khát vọng thật mãnh liệt. Cảm hứng của Xuân Diệu rất gần đời thường, làm rõ ý thức một khao khát mới phổ cập của tuổi trẻ đương thời, chưa đi vào những dòng cảm hứng cao siêu, hay thoát ly thực tại, hay tìm quên trong men say và mây khói. Ảnh hưởng của Xuân Diệu có thể nói là hoàn toàn lành mạnh. Tôi có cảm tưởng là phần đông người trẻ đọc Xuân Diệu đều đi vào cách mạng.

Giữa lúc chủ nghĩa xã hội thế giới đang tìm phương án tối ưu để kết hợp sức mạnh đầy tính ưu việt của chủ nghĩa tập thể với phát huy tính

http://tieulun.hopto.org

chủ động của cơ sở và giải phóng sức sáng tạo của cá nhân, lấy con người làm trung tâm, là chủ thể của cách mạng, lấy sự phát triển hài hoà của từng cá nhân con người làm mục tiêu cuối cùng của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, riêng tôi biết ơn mỗi vệt văn học đã giúp mình ý thức được mình và dám là mình.

... Xuân Diệu đã gặp cách mạng từ cuối năm 1944 và sau Cách mạng tháng Tám, tôi bắt đầu được gặp anh tại các cuộc họp và nhất là trong các nhà in, cùng nhau đi nhà in in báo và tạp chí, tôi giữ mãi hình ảnh rất đáng quý là một nhà thơ mà thế hệ trẻ chúng tôi yêu mến đã dấn thân.

Thơ anh ngay từ mùa thu năm đó, đã là tiếng ca vang của Cách mạng tháng Tám. Sau lễ Độc lập ở Quảng trường Ba Đình, anh về căn gác nghèo ở giữa Hàng Bông viết *Ngọn quốc kỳ*. Sau ngày 23 tháng 9 năm 1945, vào dịp kỷ niệm năm năm Nam Kỳ khởi nghĩa, anh nói chuyện ở Câu lạc bộ Đoàn Kết về "*Miền Nam nước Việt và người Việt Miền Nam*", buổi nói chuyện xúc động đến nỗi Nguyên Hồng ngồi xổm trên cửa sổ đứng dậy hô lớn "Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm ! Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm !". Sau tổng tuyển cử đầu tiên 6-1-1946, anh lại ra tập thơ *Hội nghị non sông* chào mừng kỳ họp thứ nhất Quốc hội khoá đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Một nét nhỏ mà tôi chứng kiến làm chúng ta càng hiểu Xuân Diệu thêm. Đầu năm 1946, núp dưới bóng quân Tàu Tưởng, bọn phản động Việt Nam Quốc dân đảng tổ chức biểu tình chống lại chính quyền nhân dân, lần đầu tiên Xuân Diệu làm thơ châm biếm chửi bọn phản cách mạng trơ tráo. Và bài thơ đó, anh đã gửi đăng báo *Sự thật* là cơ quan báo tuần hai kỳ của Đảng ta lúc bấy giờ. Bọn phản động thù ghét anh từ đấy. Anh đâu có sợ bọn bắt cóc, tống tiền, ám sát, thủ tiêu ngầm, hèn nhát. Một buổi sáng, ở góc Bờ Hồ đầu Tràng Tiền, Hà Nội, lại gặp một bọn biểu tình phản cách mạng mang cờ sao xanh, hao hao giống cờ mặt trời xanh của Tưởng Giới Thạch mà đồng bào ta thời đó gọi rất dí dỏm là cờ rulíp (líp xe đạp), Xuân Diệu lại hoà với dòng đồng bào hô đả đảo chúng nó. Thế là chúng nó xông lại đánh anh và quẳng xe đạp của anh xuống Hồ Gươm. Anh vớt xe đạp lên, đạp về nhà, lại làm thơ châm biếm chửi chúng nó và đem đến đăng ngay trên báo *Sự thật*.

Sự cộng tác bền chặt của anh với báo Đảng bắt đầu từ những ngày rực lửa đó. Tiếc thương vô hạn một cộng tác viên thân thiết và chí tình có bốn chục thâm niên. Tôi nhớ mãi vào năm 1962, ngồi đò xuôi sông

http://tieulun.hopto.org

Đà từ Hoà Bình về Hà Nội, nhặt được một tờ *Nhân dân* có đăng ảnh Lê Quang Vịnh, anh ngồi đò làm bài thơ *Nụ cười Lê Quang Vịnh* và rời bến Phà Đen là phóng xe ngay đến báo *Nhân Dân*, gửi đăng bài thơ. Trong 12 ngày đêm giặc Mỹ dùng máy bay B52 ném bom xuống Hà Nội, bom chưa dứt, anh đã đến cộng tác với chúng tôi xây dựng mục *Hà Nội - Điện Biên Phủ*.

Xuân Diệu không phải chỉ là tác giả của hàng chục tập thơ, từ *Thơ thơ* in năm 1939, mà còn là tác giả nhiều tập thơ dịch của thi đàn thế giới rất có giá trị. Xuân Diệu còn là một bậc thầy về văn xuôi. Tập văn xuôi *Phấn thông vàng* của anh, đứng về văn xuôi mà xét, chuyển dần ngôn ngữ của ta sang dòng văn khơi động tình cảm cách mạng sau Cách mạng Tháng Tám. Tế Hanh đánh giá anh là cây bút viết tiểu luận tài năng bậc nhất của chúng ta. Nhiều thế hệ bạn đọc còn vui sướng đọc mãi những tập khảo bình với phong cách rất Xuân Diệu, nâng cao sự thưởng thức của người đọc, về một loạt các nhà thơ cổ điển. Anh Tố Hữu có lần đánh giá một mình anh Diệu là cả một viện văn học với các công trình nghiên cứu tinh tế và sâu sắc của anh về thơ cổ điển.

Tấm lòng của anh đối với văn học, với văn học Việt Nam, thật đáng quý, đáng học.

Trước khi mất, anh còn theo dõi từng giờ hội nghị các nhà văn trẻ, cứ hỏi anh em xung quanh xem bản tham luận viết sẵn của anh đã được trình bày với bạn văn trẻ chưa. Tham luận của anh đặt một vấn đề đáng suy nghĩ chẳng phải chỉ riêng trong lĩnh vực thơ : "Làm thơ phải uyên bác".

Đây là một lời nói cuối cùng của anh :

"Chao ôi ! Chúng ta làm việc còn ít quá, chúng ta yêu thơ văn của dân tộc còn thiếu sót quá. Thơ của chúng ta mấy chục năm nay đã hay rồi, tuy nhiên theo tôi thì, nếu chúng ta tiếp nhận đầy đủ sâu sắc hơn nữa cái vốn truyền thống của cha ông thì thơ hiện kim của ta còn có thể hay hơn nữa".

Sâu gốc, bền rễ, bất chấp phong ba bão táp, trong trồng người, trồng thơ, đạt đến những tầm cao mới. Chúng tôi nghe anh mà quý anh thêm. Chao ôi, chính anh còn tự trách mình làm việc còn ít quá.

Là thi sĩ... nghĩa là lao động.

(In trong báo *Nhân Dân*, ngày 21-12-1985)

http://tieulun.hopto.org

NGHÌN SAU CÒN NHỚ...

MAI QUỐC LIÊN

Văn học Việt Nam vừa chịu một tổn thất lớn. Một nỗi đau buồn trĩu nặng. Chúng ta mất một nhà thơ thân thiết, một nhà thơ đã đem tất cả cuộc đời mình dâng hiến cho thơ, cho nhân dân và đất nước...

Anh nằm xuống, đột ngột và lặng lẽ sau một cuộc đời gần bảy mươi năm của một người lao động không ngơi nghỉ. Nhiều lần, trong những câu chuyện riêng, anh hay nói anh sợ rồi anh cũng như Nguyên Hồng... nên phải gấp gáp làm cái này, cái kia. Nhưng ai cũng nghĩ, cũng mong đó chẳng qua là lời thốt ra của mặc cảm ở người có tuổi, vậy thôi, chứ anh còn sống lâu...

TRÁI TIM SÔI NỔI ĐÃ NGỪNG ĐẬP

Đã đành rằng ai rồi chẳng phải chết, nhưng với một nhà thơ yêu cuộc đời, yêu sự sống, yêu tình yêu, tuổi trẻ, yêu thơ ca, yêu bè bạn... như vậy, giờ đây đã thành người của thế giới khác rồi.

Anh đã từng muốn người ta mãi mãi gọi mình là anh, anh đã từng muốn níu kéo lại tuổi xuân, anh đã từng bất chấp tất cả để mà say mê... Nhưng giờ đây, trái tim sôi nổi ấy đã ngừng đập ... Anh đã từng trải nhiều, hiểu biết nhiều, yêu thương nhiều... Anh biết rõ cuộc đời và con người trên trái đất còn chưa hoàn thiện, nhưng anh yêu thương nó, anh đổ mồ hôi sôi nước mắt vì nó, lao động cật lực vì nó,... Phần anh, anh có những hạnh phúc và những nỗi đau, những bất hạnh,... Nhưng luôn luôn anh làm việc, tin tưởng, chân tình,...

Mọi người chúng ta đều đã biết đến tên tuổi Xuân Diệu trước Cách mạng. Đáng yêu biết bao nhiêu tâm hồn nhà thơ lúc ấy, một nhà thơ đã góp phần mở ra một thời đại mới cho thơ ca Việt Nam. Nhiều bài thơ, nhiều câu thơ của anh thuở ấy chắc chắn là sẽ rung động mãi mãi con người, chừng nào con người còn sống, còn yêu, còn mơ ước - những câu thơ làm giàu cho tâm hồn chúng ta :

http://tieulun.hopto.org

Con đường nhỏ nhỏ gió xiêu xiêu
Lả lả cành hoang nắng trở chiều
Buổi ấy lòng ta nghe ý bạn
Lần đầu rung động nỗi thương yêu...

Sao mà có thể viết nên những câu thơ đẹp và hay đến như vậy... Hồi còn nhỏ, tôi cứ nghĩ là người viết ra những câu thơ như vậy phải là người thư sinh nho nhã và yếu đuối lắm... Nhưng người thi sĩ ấy đã là ngòi bút dữ dội đánh trả quyết liệt bọn Quốc dân đảng tráo trở chống cách mạng hồi 1945 và nồng nhiệt ca ngợi Tổ quốc Việt Nam vừa qua đêm dài nô lệ. Đó là tráng ca *Ngọn quốc kỳ* (1945) và *Hội nghị non sông* (1946), mà giờ đây đọc lại chúng ta vẫn thấy bừng bừng trong huyết quản không khí của ngày khởi nghĩa...

Chín năm kháng chiến chống Pháp, Xuân Diệu ở trên Việt Bắc, anh làm cán bộ văn nghệ, làm thơ và bình thơ trên đài phát thanh, anh chia sẻ gian khổ ra chiến đấu. Và ra đời những tập thơ là những bước rẽ ngoặt trên đường tư tưởng : từ nhà thơ của những chân trời riêng, anh trở thành nhà thơ của quần chúng cần lao, nhà thơ của bà mẹ nghèo làng Còng, của anh chiến sĩ áo nâu chân đất,...

Rồi hai mươi năm chống Mỹ với biết bao sự kiện long trời lở đất của đất nước. Anh ra tuyến lửa Vĩnh Linh, Quảng Bình bằng chiếc xe đạp, anh nói : "Nếu không chia sẻ với nhân dân trong lửa đạn thì lấy vốn trung thực ở đâu cho tâm hồn mà cầm bút". Anh đã viết nhiều bài thơ xúc động về miền Nam chiến đấu, về bà má Năm Căn, về Bến Tre, về Sài Gòn nổi dậy - miền Nam mà anh vẫn tự hào là người chung gốc gác, chung khí huyết. Cha ở Hà Tĩnh, nhưng cha vào Bình Định dạy học, lấy vợ và Xuân Diệu sinh ra ở đó – ở Vạn (chài) Gò Bồi - lớn lên, ra Bắc vào Nam, anh vẫn giữ bền giọng quê Bình Định, cái giọng sôi nổi, ấm nóng nhưng thật thà, chân chất của một vùng đất mới.

Hàng chục tập thơ của anh xuất bản từ đó đến nay có những tập thật trội như *Riêng chung* (1960), *Mũi Cà Mau- Cầm tay* (1962), *Tôi giàu đôi mắt* (1970), *Thanh ca* (1982), và không thiếu những bài hay, dĩ nhiên là hay theo một cách mới vì giờ đây cuộc đời và chính nhà thơ đã khác xưa nhiều rồi.

http://tieulun.hopto.org

Giờ đây anh làm thơ là để chiến đấu chống xâm lược cùng với nhân dân :

Tôi cùng xương thịt với nhân dân của tôi,
Cùng đổ mồ hôi, cùng sôi giọt máu,
Tôi sống với cuộc đời chiến đấu,
Của triệu người yêu dấu gian lao.

Anh làm thơ nói tấm lòng đối với miền Nam, yêu thương kính trọng biết mấy cho vừa :

Tôi muốn đi thăm mỗi làng mỗi nhà,
Mỗi hàng rào bông bụt của miền Nam ta.
Tôi muốn đến nghiêng đầu chào thương mỗi má,
Thăm mỗi sợi tóc sương trên trán mẹ già.

Anh làm thơ ca ngợi sự sống qua một cái quả non :

Mấy hôm trước còn hoa
Mới thơm đây ngào ngạt
Thoáng như một nghi ngờ
Trái đã liền có thật.

Và anh vẫn yêu, vẫn làm những bài thơ tình, rất Xuân Diệu, nghĩa là vẫn rất sôi nổi và tinh tế :

Anh xin làm sóng biếc
Hôn mãi cát vàng em
Hôn thật khẽ, thật êm
Hôn êm đềm mãi mãi...

Ở Bungari, trong một tuyển tập thơ tình thế giới, người ta giới thiệu anh là "nhà thơ tình lớn của phương Đông".

Có khoảng bốn trăm bài thơ tình như vậy, và anh chia ra làm bốn tập, đặt tên các loài hoa... Cửu Long và Đà Nẵng đang in hai tập.

Xuân Diệu là một nhà thơ lớn, một nhà thơ bất tử và sự đóng góp của anh cho thơ sẽ là một chuyên luận dài của các nhà nghiên cứu sau này...ở đây sẽ là không phải lúc nếu nói nhiều về điều ấy. Anh còn viết hàng chục tập sách về văn học cổ điển, về thơ... anh có công làm trẻ lại

http://tieulun.hopto.org

văn học cổ điển Việt Nam, làm chúng ta yêu quý ông cha chúng ta... Anh đã lấy cái tâm hồn lớn của một nhà thơ mà hiểu các nhà thơ lớn của các thế kỷ. Dưới ngòi bút của anh, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Tú Xương,... như sống lại, gia nhập vào cuộc sống bây giờ, cùng chúng ta yêu thương, căm giận và đấu tranh. Chế Lan Viên nói anh làm bằng một cái viện nghiên cứu !

Cộng hoà Dân chủ Đức, nước Đức của Gớt và của Bétôven, của Hêghen và của Mác, nhận anh làm viện sĩ Viện Hàn lâm !

CON GÀ ĐẺ TRỨNG VÀNG

Anh tự ví mình là con gà mái đẻ trứng ; và Tố Hữu đã có lần nói Xuân Diệu là con gà đẻ những trứng vàng !

Anh đã đẻ trứng cho Đời, cho Nhân dân, Tổ quốc, anh là nhà thơ chiến đấu, nhà bình luận văn học lỗi lạc,... Khi anh qua bình thơ ở Pháp, anh nói người ta ca ngợi anh như ca ngợi một người đã chết, và anh cười cái cười của anh rộng mở... Anh quý và giữ gìn từng lời khen tặng, như đó là hương hoa thơm phải giữ, là lộc tặng của người đời.

Vừa đây anh vào Nam, đi Minh Hải, ghé lại Sài Gòn, anh còn nói chuyện ở Long An một anh cán bộ đẩy xuồng cho anh đi, "Tôi đẩy xuồng cho thi sĩ Xuân Diệu". Anh uống một ly nước mía, rồi một ly nữa vì ngon miệng, ở Tuy Hoà, người bán nước mía không chịu lấy tiền của nhà thơ Xuân Diệu. Anh nói anh đã từng ăn cơm chiêu đãi của các vị tổng thống, nhưng cái cốc nước mía đó anh nhớ đời. Anh lấy làm thích khi một anh xích-lô Sài Gòn đạp cho anh đi và trò chuyện với anh là đã mê thơ anh như thế nào... Má tôi chăm sóc anh mấy ngày ở Cần Thơ dạo anh xuống đó mà lần nào vô anh cũng nhắc lại và hỏi thăm sức khoẻ má.

Anh thích bình luận sự đời, nhân tình thế cố, triết lý một cách hình tượng, ví von ngoa ngoắt, lắc lắc cái đầu có mái tóc thi sĩ vừa nói đùa đôi khi chua chát bằng cái giọng Bình Định đãi đưa. Anh nói : "Mình là Trảo Nha mà" (Trảo Nha là "nanh vuốt", tên làng quê anh và cũng là bút hiệu của anh).

Đối với ai anh cũng chân tình, thân mật, đôn hậu. Anh ăn ở thuỷ chung, quý trọng tình cảm, anh là "người kim chất cổ" - cổ, không có

http://tieulun.hopto.org

nghĩa xấu, mà là giữ được cái nền nếp tốt đẹp, trọng nhân nghĩa của ông bà, dân tộc ta.

Anh đã viết gần năm mươi cuốn sách, bình thơ trên bốn trăm cuộc, còn làm biên tập sách báo, viết báo, làm báo... thì nhiều. Một khối lượng khổng lồ. Anh đã để lại cho đời một tấm gương. Anh sẽ còn mãi trong lòng yêu thương của tất cả chúng ta.

NGHÌN SAU CÒN NHỚ CHÀNG XUÂN DIỆU

Tôi nhớ hôm nọ anh nói về sức khoẻ của anh, nỗi lo âu chết bất ngờ của anh, tôi đã đọc đùa anh như vậy. Tôi cũng có biết một tứ thơ của Éptusenkô : người ta ca ngợi Maiacốpxki đã đi vào bất tử... Nhưng bà mẹ Maia thì chỉ ao ước giá được áp đầu con vào ngực, cái đầu húi cua - dù chỉ một lần nữa thôi...

Ca ngợi anh giờ đây anh đâu còn nghe biết và để làm gì nữa, với anh ; còn với chúng ta là nỗi đau xé lòng mất một người thân yêu.

Xin vĩnh biệt anh, và những người yêu anh xin cố xứng đáng cùng anh, anh Diệu !

20-12-1985

(In trong *Xuân Diệu con người và tác phẩm*.
NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1987)

http://tieulun.hopto.org

VÀI KỶ NIỆM VỀ ANH XUÂN DIỆU

VŨ QUẦN PHƯƠNG

Nửa thế kỷ lao động sáng tạo, *tay siêng làm lụng mắt hay kiếm tìm*, đã khép lại sau lưng con người ấy. Bây giờ Anh nằm đấy, đôi tay xuôi và mi mắt khép, cách chúng tôi một lần cửa kính, phòng cấp cứu tim mạch đầy bóng áo trắng thầy thuốc. Anh nằm đấy, gần quá, kìa những nếp nhăn nơi đuôi mắt, nhưng anh xa cách quá rồi. Cái hiện tại phút chốc đã thành quá khứ, 19 giờ 40 ngày 18-12-1985. Không còn Xuân Diệu với những ý kiến bạo, bất ngờ và sâu sắc trong các cuộc họp thơ nữa. Không còn Xuân Diệu bốn giờ sáng ra máy bay đi Cuba thì hai giờ đêm viết xong tiểu luận về thơ Chùa Thầy cho Ty Văn hoá Hà Sơn Bình. Không còn Xuân Diệu lắc lắc cái đầu, đấm nhè nhẹ vào trán kêu *đau óc lắm*, nhưng năm nào cũng có sách xuất bản. Ngót *năm mươi* tác phẩm thơ, văn, phê bình, dịch thuật. Trong sổ lúc nào cũng có thơ chưa in, trong lòng lúc nào cũng có điều định viết và bao giờ cũng có tác phẩm xếp hàng ở nhà xuất bản. Có lần viết xong bài, anh ngồi thừ ra, mắt dại đi, đờ đẫn, tự trách :

– Mình tham quá, cứ tiếc của trời, lúc nào cũng lo bài vở. Danh thì cũng đến thế. Thêm một bài có hơn gì. Mà lợi, ba lạng thịt nạc chứ bao nhiêu. Sao cứ ham viết. Đi đâu thấy người ta trách : sao dạo này không thấy tiếng anh trên Đài, không thấy bài anh trên báo là lại sợ, lại viết.

Viết cho Đài phát thanh bao giờ anh cũng đòi đọc lấy, ốm cũng cố đi, chỉ sợ người khác nhấn nhá không đúng vào câu chữ của mình. Anh có lối viết (lối nói nữa) cựa quậy vào trong từng chữ : *Một chiếc xe, đạp băng vào bóng tối*. Ai đọc : một chiếc xe đạp, băng vào bóng tối, anh khổ lắm. Công nhân thu thanh thuộc Xuân Diệu như thuộc một phát thanh viên thực thụ. Và anh cũng tự nhiên, mùa nóng, vào phòng thu, cởi trần ra, ngồi đọc.

Kỹ tính đến khắt khe, ngót nửa thế kỷ bè bạn với Huy Cận, bài thơ nào Huy Cận viết ra anh cũng xem, cũng khen chê, sửa chữa từng câu

http://tieulun.hopto.org

một. Huy Cận cũng thường khoe : "Bài này được ông Diệu OTK rồi". Nhưng chính anh là người giới thiệu đầy đủ nhất những đặc sắc của Huy Cận. Thấy chúng tôi trầm trồ tình bạn dài lâu thắm thiết của hai anh, anh nói :

– Không phải lúc nào cũng thuận đâu. Cũng va chạm như mọi người. Nhưng biết vun đắp thì tốt mãi. Mình tiến một bước thì bạn tiến một bước, có khi hai bước, thế là gần nhau. Tình bạn như cái cây phải tưới cho nó. Đừng để nó mọc tự nhiên. Tôi nấu được bát canh ngon cũng bưng lên cho Cận vì cứ nghĩ rằng sau bát canh này tôi hoặc anh ấy không còn thì lòng không ân hận.

Gần đây Xuân Diệu hay nghĩ tới cái chết, anh thấy sức khoẻ đã khác. Nhưng không hẳn chỉ vì sức khoẻ. Anh nghĩ tới cái chết để sống cho thật *chất lượng*. Cách đây hơn mười năm anh đã nói :

– Tôi phải sống để tôi còn phải chết. Sống có chất lượng thì chết không tiếc.

Anh hay than thở, kể cả lúc đi bình thơ về chuyện dân ta đông con quá :

– Đẻ thế này thì không biết sống là gì nữa.

Anh là người vận động kế hoạch hoá gia đình nồng nhiệt ngay cả khi chưa có phong trào này, vì anh muốn ai cũng được nếm cái vị thật sự của cuộc sống. Anh không từ chối một cuộc bình thơ nào kể cả khi không có xe đón, các thầy giáo đèo anh bằng xe đạp, hoặc lội bùn mà đẩy xuồng cho anh (ở Nam Bộ) cũng là do lòng mong muốn ấy. Suốt đời làm thơ nhưng luôn luôn kinh ngạc : "Sao dân mình lại thích nghe thơ đến thế !". Anh thích thú khi được người ta nhận ra. Đến giờ anh còn khoe : Cách đây hơn hai mươi năm, khi đi mua rau, một bà nội trợ nhường chỗ cho anh : "Chào ông *Ngói mới*, xin nhường ông mua trước". Được một ông hàng phở ở Đà Nẵng hay một ông nước mía ở Tuy Hoà không lấy tiền vì đã nghe thơ Xuân Diệu, anh coi là những phần thưởng của nghề thơ : "Đấy là huân chương của tôi". Anh xáo trộn chuyện thơ lẫn với chuyện đời. Gần với đời sống thường ngày, đó là đặc tính của Xuân Diệu. Ở cạnh một ông hay vũ trụ như Huy Cận, nhưng thơ anh đi theo mạch khác hoàn toàn. Anh thích mặt đất :

– Thi sĩ là trẻ con, thế giới cũ rích lại làm nó mới lại.

http://tieulun.hopto.org

– Thơ là tư tưởng, tâm hồn và còn là thể xác nữa chứ. Phải có những câu thơ mà ngay thân xác của nó cũng đáng nhớ

– Chữ dùng, âm điệu. Phải học cổ điển chỗ đó. Mươi năm gần đây tôi học cổ điển nhiều và tôi thó của các cụ. Mình giàu mình thó thì hoá sang. Anh nghèo mà thó nó bảo là ăn cắp. Tôi ăn cắp thường phi tang. Người ta viết :

Chim vì thóc vãi quanh thềm đậu

Tôi học, nhưng viết cao lên :

Nõn nà sương ngọc quanh thềm đậu

Và viết tiếp, câu này học của thơ Âu, nhưng để liền cặp rất hợp :

Nắng nhỏ bâng khuâng chiều lỡ thì.

– Thơ đi vào ý là thơ giáo huấn. Ý phải vật chất hoá thành tứ. Tứ đổi ra thành hình tượng.

– Tôi gần bảy mươi, "xuất sáo", không khách khí. Tôi muốn nói vượt thời gian. Hãy đọc tôi như tôi đọc Nguyễn Khuyến. Khổ quá thì chỉ lo tồn tại. Nhưng tồn tại rồi thì phải lo những thứ khác cho hồn người chứ.

– Đi bình thơ, cà chua rẻ tôi mua năm cân nhưng mua từ chín đến xanh để ăn dần là vừa.

– Chiếu cố gì thì một thước cũng phải là 100cm. Cứ hạ mãi chất lượng xuống để chiếu cố thì người ta chỉ chiếu cố mà không đọc thơ. Tài giỏi, là anh hùng đi nữa, nhưng phải là đàn bà thì người ta mới cưới làm vợ chứ. Tính nữ là tiêu chuẩn của vợ cũng như tính thơ là tiêu chuẩn của thơ. Người ta nuôi lợn là vì lợi nhuận chứ không phải vì thơ tuyên truyền của anh đâu.

– Tôi phải sống để tôi phải chết. Theo tiêu chuẩn anh Nguyễn Đỗ Cung tôi chỉ còn năm năm nữa. Tôi chấp nhận sự vô biên rồi.

Đấy là câu nói năm Nguyễn Đỗ Cung mất. Mỗi lần một nhà văn nằm xuống, anh lại ươm ướm vào mình : theo tiêu chuẩn của Nguyễn Công Hoan, Nguyên Hồng, Như Phong,... Và gần đây nhất : *Ai nghĩ đâu anh Xuân Thuỷ lại mất nhanh thế.* Nói xong anh lặng đi như sống ở cõi nào rồi. Tôi cũng ngồi lặng hết ngắm gương mặt anh hơn hai mươi năm trước trên pho tượng bán thân phơi phới lại nhìn anh bây giờ. Bỗng anh ấn vào tay tôi chiếc kẹo :

http://tieulun.hopto.org

– Ăn cái kẹo này đi, anh Cận mang về đấy. Biết cái vị của hư vô nhưng cũng phải biết cái vị kẹo mình được ăn cậu ạ. Ấy, ngậm, đừng nhai. Nhai kẹo là phí. Don Quichotte và Sancho Pansa là hai tư thế của trí tuệ. Phải có cả hai.

Xuân Diệu là vậy. Dần dà tôi hiểu cái triết lý sống vừa thực tiễn vừa thâm thuý của anh. Nhiều lần anh khuyên tôi :

– Cậu nghĩ việc đời như thế nên viết tiểu luận. Đừng cầu toàn. Cứ động bút đi như tôi đấy, có ngờ đâu mình lại có thêm gian hàng tiểu luận này, mà đắt khách lắm.

Gần đây anh hay nhắc :

– Chắc là em cũng bận. Bây giờ thời giờ của em cũng đã rất quý. Khi nào có những mẩu đầu thừa đuôi thẹo em đến đây, anh đưa sách cho đọc và nói cho em nghe. Rồi anh cười : cả đời mình thêu gối cho đám cưới nhưng không được làm cô dâu. Phương nên khai thác tài liệu ở mình. Ông cố viết một cuốn sách về tôi. Tôi chết là họ in đấy.

Nghe anh nói vui mà tôi xót xa. Tôi thầm phác một kế hoạch *khai thác* anh. Nhưng định mãi mà chưa làm được. Thứ sáu tuần trước nghe tin anh đi cấp cứu vì đau thắt ngực trái. Tôi đã bàng hoàng, lo sợ, ân hận. Chạy bổ đến thăm anh. Trên màn huỳnh quang nhấp nháy sóng điện tim đã ổn định. Tôi hỏi anh về chuyện sức khoẻ.

– Yên rồi, – anh nói nhỏ – nhưng chưa biết thế nào đâu. Tuyển tập phê bình của mình đến đâu rồi ? Hỏi cho mình : bao giờ tái bản *Phấn thông vàng*. Như mình, như anh Lưu Trọng Lư, in được thì in đi, đừng bắt đợi.

Tôi hơi lo tình hình giá cả giấy má thế này... Nhưng lại mừng : anh Diệu vẫn là người của công việc. Chắc qua thôi.

Về nhà tôi nói với Hữu Nhuận, người cùng tôi làm tuyển Xuân Diệu : "Kỳ này ông Diệu ra viện tôi phải đặt lịch làm việc với ông. Mình cứ bận những cái tầm phào đâu đâu. May mà..."

Tôi có ngờ đâu.

Anh ra đi, mang tất cả những gì chưa viết, định viết đi theo, kể cả tập hồi ký mà anh muốn đặt tên : *Tôi cảm tạ cuộc đời*, kể cả những dự định của riêng tôi.

*

* *

http://tieulun.hopto.org

Anh thuộc loại người đã biết đếm từng giọt thời gian qua kẽ tay nhưng cũng không ngăn được nó chảy đi. Ai mà ngăn được. Cho đến hôm nay cái giọt cuối cùng đã cạn. Anh không còn phải chạy đua với thời gian nữa. Bây giờ anh có thể thư thả quay nhìn lại : ùn ùn xung quanh anh là những tìm tòi, những phát hiện, những sáng tạo, những chuyến đi, những đêm bình thơ,... Một khối lượng công việc khổng lồ. Anh là người lao động thơ lực lưỡng nhất trong các nhà thơ Việt Nam hiện nay. Bóng anh càng mất hút vào phía xa thời gian thì những công trình của anh sẽ càng lớn lên đồ sộ. Người ta còn tốn nhiều bút mực vì anh. Anh sống như toả rễ vào cuộc đời, vào văn học. Phút chốc vắng anh. Chống chếnh một khoảng trời, một khoảng đất của thi đàn Việt Nam.

Ở bệnh viện về. Đường phố khuya vắng, chúng tôi (Trần Đăng Khoa, Phạm Tiến Duật) ôn những kỷ niệm về anh. Hôm anh được công nhận là Viện sĩ Viện Hàn lâm Cộng hoà Dân chủ Đức, Duật mang hoa sen tới mừng. Anh vui lắm. Nhưng lại hỏi nhỏ :

– Anh hỏi câu này không sợ làm giảm sự tinh khiết của những bông sen đâu. Duật mua bao nhiêu tiền chục sen đấy ?

Khoá giảng gần đây nhất ở Trường viết văn Nguyễn Du, đang giảng thơ Tản Đà anh bỗng nói :

– Cuộc đời trái khoáy, thế mới là cuộc đời. Chứ cuộc đời lôi ở trong óc ra thì là Niết Bàn, là số không.

Chúng tôi hiểu anh muốn dạy một cách nhìn làm người ta dũng cảm nhập cuộc. Ham sống, ham làm, từng trải việc đời, uyên bác, thực tiễn, anh đã thật sự là người dìu dắt, không chỉ một lớp, mà tới hai, ba lớp nhà thơ. Có lần anh nói : Nhớ là một hình thức tồn tại (Anh dẫn chứng bài *Cái hồ* của Lamartina, bài *Buồn* của Hugo, bài *Kỷ niệm* của Musset).

Chúng em hiểu dạng tồn tại đó. Nhưng lúc này đây chúng em chưa quen được nó. Chưa quen được, anh Diệu ơi.

19-12-1985

(In trong *Xuân Diệu con người và tác phẩm*
NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1987)

http://tieulun.hopto.org

KHẢ NĂNG TOẢ SÁNG

VƯƠNG TRÍ NHÀN

Mở đầu bài viết nhân cái chết của Tản Đà cách đây bốn mươi sáu năm (1939), Xuân Diệu từng viết đại ý : anh (tức Xuân Diệu khi đó mới 23 tuổi), sẽ mang tiếng là người bội bạc, nếu không nhắc lại những kỷ niệm thuở nhỏ từng yêu thơ Tản Đà ra sao. Những ngày này, khi Xuân Diệu nằm xuống, nhiều thế hệ nhà văn Việt Nam cũng có thể nói như vậy : chắc chắn chúng ta sẽ mang tiếng bội bạc, nếu không ghi nhận những đóng góp của Xuân Diệu trong cuộc đời văn học của mỗi người.

Chúng ta biết ơn một Xuân Diệu – nhà thơ. Bây giờ mà nói yêu thơ Xuân Diệu, nghe như cũ cũ thế nào ấy ! Nhưng quả thật, với lớp người ở lứa tuổi như tôi, chúng tôi đã vào nghề cùng với việc học nhập tâm nhiều bài thơ, nhiều câu thơ của Xuân Diệu, từ *Huy hoàng trăng rộng, nguy nga gió,* từ *Hoa bưởi thơm rồi, đêm đã khuya* ngày nào tới những câu thơ anh mới viết một hai chục năm gần đây, loại như *Vai anh khi để đầu em tựa - Cân cả buồn vui của một đời.* Mà những câu như thế, nhiều lắm !

Chúng ta biết ơn một Xuân Diệu – nhà văn. Đối với riêng tôi, văn xuôi Xuân Diệu luôn là một cái gì kỳ lạ, nếu không nói : một bí mật. Nó du dương đầy nhạc tính mà lại không sa vào biền ngẫu ; nó dồn dập như hơi thở, bề ngoài có cái vẻ rối rắm không mạch lạc gì cả, mà rút lại, vẫn trong sáng, tự nhiên, nó rất gây ấn tượng.

Xuân Diệu đã dùng thứ văn xuôi tài ba đó để viết bút ký sau những chuyến đi. Những chỗ đắc dụng nhất của văn xuôi Xuân Diệu phải kể là những bài viết về thơ Hồ Xuân Hương, *Kiều*, về ca dao Nam Trung Bộ. Bên cạnh một Xuân Diệu giảng rất hay về thơ Nazim Hikmet, Neruda, A. Musset,... có một Xuân Diệu chân thành, cởi mở "trân trọng muôn vàn, muôn vàn trân trọng" khi nói về các bậc thầy làm nên di sản văn học dân tộc. Chúng ta sẽ bội bạc, nếu sau những bài đó của Xuân Diệu

http://tieulun.hopto.org

không tìm cách hiểu thêm và yêu thêm *Các nhà thơ cổ điển Việt Nam*, như Xuân Diệu từng mong muốn.

Sau hết, (thật ra, đối với một số người đây là điều đáng nói đầu tiên) chúng ta sẽ mang tiếng là bội bạc, nếu không nhắc tới con người tác giả *Thơ thơ, Riêng chung,...* người từng để lại trong chúng ta một ấn tượng hết sức mạnh mẽ về khả năng làm việc, về sức đọc, sức viết, về lòng yêu nghề và tinh thần không ngừng trau dồi nghề nghiệp. Chỉ cần một vài lần dự họp với Xuân Diệu là người ta không thể quên được anh với lối nói trực tiếp, nồng nhiệt, sẵn sàng bất bình phẫn nộ nếu chưa cột được mọi người vào những ý kiến gan ruột của mình. Chỉ cần một vài lần đến nhà đặt bài, lấy bài anh viết là người ta không thể quên được anh, với nếp làm việc tỷ mỷ, kỹ lưỡng, và một quan niệm sống thiết thực, luôn chú trọng hiệu quả cụ thể.

"Lòng Xuân Hương là lửa, tay Xuân Hương có điện". Xuân Diệu đã viết về Bà Chúa thơ Nôm như vậy. Bởi cái lửa cái điện ấy luôn luôn thấy cháy lên, nhói lên ở chính anh, trong cái cách Xuân Diệu sống và viết. Có việc gì dính dáng đến văn học mà anh ngại ngần ! Vâng, so với người khác, anh đã làm được rất nhiều, trước tác của anh bằng sự nghiệp vài ba người khác cộng lại. Nhưng lúc nào anh cũng lo để làm nữa, làm nữa.

Như hôn mãi ngàn năm không thoả
Bởi yêu bờ lắm lắm bờ ơi !

Cái *không thoả*, cái *lắm lắm* ấy là hồn cốt của thơ anh, của con người anh, mà không hề giấu giếm !

... Trong số những kỷ niệm làm việc với Xuân Diệu, tôi nhớ lần gặp anh trước cửa Hội Nhà văn hơn một năm trước. Theo chủ trương của nhà xuất bản Tác phẩm mới (nơi tôi công tác), tôi tìm cách gợi ý để Xuân Diệu viết hồi ký về cuộc đời mình. Dĩ nhiên là Xuân Diệu không nhận vì anh cho rằng còn lâu mới đến lúc ấy, trước mắt anh còn nhiều việc, cần hơn và phải làm ngay. Chúng tôi nói lan man sang một ít chuyện khác và để trở lại với đề nghị viết hồi ký của mình, tôi buột miệng :

– Tưởng như anh đã viết rất nhiều, nhưng còn bao nhiêu chỗ, chính Xuân Diệu chưa khai thác mình !

http://tieulun.hopto.org

Lần đầu tiên, tôi thấy ở Xuân Diệu có một thoáng buồn, một chút như là chạnh lòng. Chẳng lẽ là như thế chăng, một người đã chịu viết như anh, lại còn nhiều điều chưa viết ? Như thế chẳng là buồn lắm sao. Một chút chạnh lòng hôm ấy ở Xuân Diệu – như bao nhiêu sự hứng khởi, sự bền bỉ ở anh bấy lâu, như bản thân công việc của Xuân Diệu xưa nay – truyền sáng cho người nói chuyện với anh một lòng ham muốn khôn cùng : ham sống, ham viết, muốn dồn tất cả những gì đã sống lên trang viết.

Sự sống chẳng bao giờ chán nản : tôi nghĩ rằng ấy là một trong những câu thơ đáng khắc lên mộ một con người sống và làm việc không biết mệt mỏi này.

Và tôi xin nhắc lại : Chúng ta sẽ chịu tiếng là bội bạc nếu quên đi không ghi nhận sức toả sáng ấy của Xuân Diệu giữa mọi người. Có phải dễ dàng gì để lúc nào trong đời cũng gặp được một người như vậy !

19-12-1985

(In trong *Xuân Diệu con người và tác phẩm*.
NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1987)

http://tieulun.hopto.org

XUÂN DIỆU, ĐÔI SUY NGẪM VỀ BẠN

NGUYỄN XUÂN SANH

Trong tuổi nhỏ và tuổi đương thì của tôi, tôi sống và ăn học ở Bình Định - Quy Nhơn khá nhiều năm tháng. Tuổi đương phơi phới tơ măng ấy, quả thật vô cùng yêu thích nắng, yêu thích trăng, yêu thích biển.

Nghĩa là sao mà yêu thích cái ban ngày, cái ban đêm và cái bao la đất trời đến vậy.

Cái nắng của Bình Định - Quy Nhơn có đầy đặn sức nóng chói chang thơm ngát của nó. Cái trăng của tiết trời nhiệt đới phương nam đất nước ta vừa xanh vừa hồng cuối khuya, con sông thơ trước Cửa Tiền thành Bình Định gần xóm Lò Rèn, nơi bố mẹ tôi ở, có muôn ngàn con sóng lượn. Cái biển rất là mênh mông nước triều dâng để gặp cát bờ rộn rã phi lao, vừa là đại dương trùng trùng nối tiếp ở phía ngoài mõm Phương Mai, ở vòng êm ả và dữ dội bao vây Cù lao Xanh bằng trăm kiểu bất ngờ gió bão.

Tôi sống tuổi trữ tình và lãng mạn nhất của mình tại đó. Đến nay, tâm hồn tôi không giờ phút nào không thủ thỉ với tôi : nắng ấy, trăng ấy, biển ấy là của tôi, không gian thời gian mênh mang ấy là của tôi. Phải chăng, luôn luôn nó là một khúc nhã ca không tắt trong đời mình.

Tôi yêu thơ và yêu mọi sự đời nên thơ là do vậy.

*

* *

Tôi yêu thơ Xuân Diệu từ những tháng năm trẻ tuổi nhất của tôi cũng là do vậy.

Tôi mới vừa nói về biển tôi yêu. Tôi xin nói một chút về chuyện biển khơi khi tôi đang suy tưởng về thơ Xuân Diệu. Mà Xuân Diệu, con trai thầy tú Ngô Xuân Thọ dạy chữ Nho các sáng thứ năm cho chúng tôi tại Trường Thành chung Quy Nhơn, cũng sinh ra trên đất Quy Nhơn này và học ở trường Thành chung này trước tôi năm sáu năm. Trước khi đến

http://tieulun.hopto.org

nhà thầy Tú, có cái dốc ngắn con con ngả chéo từ đường Gia Long (Trần Hưng Đạo ngày nay) chạy không xa lắm về phía đằng đông. Giữa sân nhà thầy có một cây dừa gió đánh rách tuở nhiều tàu lá.

Có những hoàng hôn khi ánh mặt trời sắp tắt hẳn trên đầm Thị Nại và màn đêm sửa soạn buông xuống trên biển xa, chim hải âu chao liệng vội vàng. Khoảng trống không giữa chúng nó và ta có vẻ từng đặt ra những câu hỏi gì đó để làm chúng ta mộng mơ và để làm cho nội tâm chúng ta muốn bình giải một đôi vấn đề gì đó của đời. Tuy rằng đối với tôi ngày nọ chỉ là cái đời học trò ngoan ngoãn và mới bập bẹ làm thơ trên ghế nhà trường và trên giường chái nhà trọ ở không xa nhà Hàn Mặc Tử lắm. Lúc ấy, dường như lũ chim biển cuối chiều đó chỉ tồn tại vì chúng ta, vì sự bình yên của tâm thần ta, vì buổi đi dạo của ta trên bãi cát dài có khi ngỡ là vô định, vì những nghĩ ngợi vu vơ hay nghiêm túc của mình, vì cuộc trò chuyện giữa bạn bè, vì tâm sự riêng tư hay sự lặng thinh giàu có vô song của cặp uyên ương nào đó. Chim được hiểu qua đường bay, điệu bay của nó. Nhà thơ cũng được hiểu qua đường bay, điệu bay của họ. Bây giờ đây, tôi nghĩ đọc thơ từ trước tới nay của Xuân Diệu cũng phải tự ta vén cái màn hoàng hôn thanh tao, mong manh mà đẹp nó lan toả nhịp nhàng xung quanh công trình nghệ thuật đầy ý vị của anh.

Khi ở bên Tây Âu, các nhà thơ Pháp nổi tiếng, như Baudelaire ra tập thơ đầu quãng tám mươi năm trước đó và như Verlaine ra tập thơ đầu quãng bảy mươi năm trước đó, thì Xuân Diệu xuất bản tập thơ đầu *Thơ thơ* của anh năm 1938. Tập thơ đã định giá được cho Xuân Diệu là một trong các nhà thơ tiêu biểu có cốt cách và bản lĩnh riêng nhất của phong trào Thơ mới. Tập thơ đầu của Verlaine ca ngợi mùa thu và nỗi buồn thương vào các buổi cuối chiều mặt trời lặn. Tập thơ đầu của Xuân Diệu ca ngợi tình yêu và cái bơ vơ cô quạnh đượm những thoáng buồn xao xuyến của tình người, ca ngợi cái không gian và thời gian man mác của mùa thu, gửi hết lòng mình và cuộc sống mình vào những khám phá trong văn phong, bút pháp, tu từ, giữ gìn cho đến cuối đời giá trị và tiền đồ sán lạn tiếng Việt, bảo toàn sự vô giá của nhân bản, nhân văn, và trau dồi phẩm chất cao đẹp của cái đẹp con người, nhân cách cũng như trách nhiệm của nhà thơ tác giả.

http://tieulun.hopto.org

Tôi nhắc đến Baudelaire và Verlaine, cũng chỉ là một sự tình cờ trong việc nói chuyện văn chương, hoàn toàn không có ý định so sánh gì, vì mỗi nhà thơ đều có những sáng tạo, những việc làm và giá trị riêng của tài năng, của lao động nghệ thuật từng người.

*
* *

Về thơ tình yêu của Xuân Diệu, đã được nói nhiều rồi, tôi không có ý nói lại ở đây. Tôi chỉ nói về sự ca ngợi tình yêu của Xuân Diệu trong cuộc sống tâm lý của bạn là sự giục giã đắm say về yêu đương mà chúng ta có thể dễ dàng cảm nhận. Một sự giục giã, thôi thúc rất tư tình đằm thắm truyền cảm được cho chúng ta một niềm đắm đuối đê mê ngọt ngào và tha thiết :

Mau với chứ, vội vàng lên với chứ,
... Con chim hồng, trái tim nhỏ của tôi,
Mau với chứ ! Thời gian không đứng đợi
Biết thế nào mà chậm rãi em ơi ?
Sớm nay, sương xe xích cả chân trời
Giục hồng nhạn thiên di về cõi bắc...

(*Giục giã*)

Cái vồ vập trông chờ thường khi trong tình yêu không phải là một xếp đặt khôn khéo để được yêu và được đền đáp cảm thương, mà chính là một *Vội vàng* nhiều phần vô cùng trong trắng, như tiêu đề bài thơ mang cái tên ấy đã nói : *Tôi muốn tắt nắng đi - Cho màu đừng nhạt mất – Tôi muốn buộc gió lại - Cho hương đừng bay đi.*

Chúng ta hiểu cái nghĩa thiêng liêng của những "tháng giêng ngon" về những "cặp môi gần" lắm chứ :

Mỗi sáng sớm thần Vui hằng gõ cửa,
Tháng giêng ngon như một cặp môi gần;
Tôi sung sướng, nhưng vội vàng một nửa :
Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân...

Bài thơ sáng tác cũng như những phút giây tình yêu sáng rạng nhất trong tâm hồn đôi lứa nhiều khi nó cũng là sự cao đẹp rất thời sự của

http://tieulun.hopto.org

từng khoảnh khắc. Mà nó có khả năng vĩnh cửu đến không lường được hết trong đời người. Xuân Diệu đã nói tiếp :

Mau đi thôi ! Mùa chưa ngả chiều hôm,
Ta muốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn ;
Ta muốn riết mây bay và gió lượn,
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
Và non nước, và cây, và cỏ rạng,
Cho chếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,
Cho no nê thanh sắc của thời tươi ;
– Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi !

Yêu là mặn nồng đến thế, mà cái tiễn biệt, cái cô đơn sao rờn rợn đôi lúc quặn lòng nhau :

Mùi tháng năm đều rớm vị chia phôi
Khắp sông núi vẫn than thầm tiễn biệt...

(*Vội vàng*)

Và tâm hồn người còn có bao nhiêu khoảnh khắc cô đơn để cho tình duyên càng sung mãn :

Anh một mình nghe tất cả buổi chiều
Vào chầm chậm ở trong hồn cô quạnh.

(*Tương tư chiều*)

Và :

Em sợ lắm. Giá băng tràn mọi nẻo
Trời đầy trăng lạnh lẽo suốt xương da...

(*Lời kỹ nữ*)

Rồi cái xa vắng tự muôn thu lại đến với lòng người tự nhiên như muôn đời trăng, gió :

... Điệu ngả sang bài Mạnh Lệ Quân
Thu gần xa vắng tự muôn đời.
Sương nương theo trăng ngừng lưng trời,
Tương tư nâng lòng lên chơi vợi...

http://tieulun.hopto.org

... Linh hồn lưu giữa bể du dương...
Tôi thấy xiêm nghê nổi gió lùa ;
Những nàng cung nữ ước mơ vua,
Nhưng biết bao giờ nguôi nhớ thương.

(*Nhị hồ*)

Cái buồn trăng đã da diết - *Gió sáng bay về, thi sĩ nhớ - Thương ai không biết, đứng buồn trăng* - (*Buồn trăng*). Nghe cái buồn thu mơ hồ lại càng da diết vô bờ : - *Buồn ở sông xanh nghe đã lại - Mơ hồ trong một tiếng chim qua* (*Thu*).

Chỉ trong 16 câu thơ không hề có một chữ thu nào, song có đến 7 chữ *trăng*, mà chúng ta thấy óng ánh nhiều dáng vẻ, sắc màu, và nhạc điệu, giá trị con người của một đêm trăng thu, một trời hiền dịu trăng thu le lói nhiều thi cảm (bài thơ "Trăng").

Trong vườn đêm ấy nhiều trăng quá,
Ánh sáng tuôn đầy các lối đi.
Tôi với người yêu qua nhè nhẹ...
Im lìm không dám nói năng chi.
Bâng khuâng chân tiếc dậm lên vàng,
Tôi sợ đường trăng tiếng dậy vang,
Ngơ ngác hoa duyên còn núp lá,
Và làm sai lỡ nhịp trăng đang.
Dịu dàng đàn những ánh tơ xanh,
Cho gió du dương điệu múa cành
Cho gió đượm buồn, thôi náo động
Linh hồn yểu điệu của đêm thanh.
Chúng tôi lặng lẽ bước trong thơ,
Lạc giữa niềm êm chẳng bến bờ.
Trăng sáng, trăng xa, trăng rộng quá !
Hai người nhưng chẳng hớt hơ vơ.

Tôi thấy trong thơ Xuân Diệu giai đoạn đầu của anh, thời gian và không gian đi lẫn với nhau, cuộn vào nhau, có khi xen kẽ hoà tấu thành bản nhạc ca ngợi cái đẹp, cái mới, cái tình của cuộc đời. Cụ thể hơn là

http://tieulun.hopto.org

ca ngợi sự sống của con người, của tình yêu, của đôi sự lẻ tẻ thường ngày mà đã được bàn tay và tâm hồn nghệ thuật của Xuân Diệu nâng lên tầm thẩm mỹ của việc đời, của sự lo đời mà không phải con người thiết thực và giàu tâm tưởng như Xuân Diệu không hằng để tâm khai thác. Cuộc đời thi sĩ của Xuân Diệu không phải không gắn liền từ lúc còn thơ trẻ với xã hội nói chung và với xã hội loài người. Anh thấy xã hội mãi mãi là một ngôi vườn bát ngát bông hoa.

Không gian các buổi chiều thương nhớ có thể tính giờ khắc được bằng từng bước đi nhè nhẹ, từng chút động hờ của ta hay của bạn, nói ôm trùm cho dễ hiểu, như niềm tâm thành của Xuân Diệu đã nói và sẽ còn nói mãi với chúng ta :

Không gian như có dây tơ,
Bước đi sẽ dứt, động hờ sẽ tiêu.
Êm êm chiều ngẩn ngơ chiều,
Lòng không sao cả, hiu hiu khẽ buồn...

(*Chiều*)

Thời gian cũng là đoá trăng rằm tròn vành vạnh đang mở ánh trong muôn dặm không gian, như Xuân Diệu nhiều tháng năm tuổi thanh xuân từng thấy :

Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối,
Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm.
Em vui đi, răng nở ánh trăng rằm,
Anh hút nhuỵ của mỗi giờ tình tự.

(*Giục giã*)

*
* *

Cái thực rất tự nhiên mà anh đang sống, những tương tư nuối tiếc của ngày qua, mộng đẹp bồi hồi, hay trong giấc chiêm bao đang còn và chút nữa đây rồi sẽ mất, đôi trầm tư và triết luận về đời, về bạn, về người yêu, về những mối tình, về bản thể con người anh và về trăn trở yêu thương, về ngày mai sắp ửng rạng ở chân trời... Trong tất cả cái đó, Xuân Diệu không bao giờ ngừng mài giũa văn ngôn, trau dồi mỹ cảm, tự vươn lên tầm cao để tìm cái đẹp, chan hoà bằng nhiều phong cách từ

http://tieulun.hopto.org

năm này đến các năm sau khác có nhiều thay đổi khác nhau. Ngay về cảm hứng, anh luôn luôn trau dồi cho cảm hứng sáng tác của mình phải có giá trị chân chính và sinh động của lương tâm con người. Xuân Diệu đã có lần tâm sự với tôi ở trong sân vườn cảnh nho nhỏ nơi anh và Huy Cận cùng ở trọ dưới đê Yên Phụ gần sát mé Hồ Tây cuối những năm ba mươi đầu những năm bốn mươi mà tôi hay đến chơi với hai bạn : "Đó là đức độ và sự tao nhã trong nếp sống nghệ thuật của chúng mình là bọn nhà thơ của thế kỷ hai mươi". Tôi cảm động và cảm thông sâu xa với điều mà Xuân Diệu nghĩ đó. Nó là nghề, mà nó cũng là nghiệp của những người chịu phận làm thi sĩ ca ngợi đời và phục vụ cho đời ngày đêm bằng trăm ngàn cách. Có thể khác nhau không trùng lắp, song Xuân Diệu luôn luôn tự hẹn : Cố gắng thể hiện mình, thể hiện sáng tác thơ cho có tầm rộng mở, cho phong phú, cho tới gần được với bạn đọc ở trăm dặm đường xa. Tâm trạng suốt đời của Xuân Diệu là vậy đó. Xuân Diệu trẻ, là do vậy đó.

Trong sáng tác ngày đầy xuân sắc của anh Xuân Diệu đã đi vào những chủ đề, những đề tài của thi ca kim cổ, của các nhà danh hoạ, của các nhạc sư tài ba lỗi lạc, của các người tình muôn thuở và đương đại bao giờ cũng đọng trong tâm hồn lớp lớp niềm ân ái trên trái đất ngày nay. Mọi thứ đều vọng tiếng gọi của các mùa đẹp nhất trong năm, dưới ánh trăng pha sương của bốn hướng bầu trời và của tình cảm đặc biệt tự riêng anh.

Xuân Diệu là bậc kỹ sư tài danh của ngôn từ giàu thi cảm, và là người biết sẵn sàng chịu cái đau nội tại của người sáng tác khi mỗi câu, mỗi hình tượng đã được tác thành. Anh đã từ sớm, biết lấy cái tâm mà sống đời, vui đời và lo đời của mình và cần cù khám phá, khai quật ngọc vàng từ đáy hồn mình và từ cuộc sống nhân bản của hoàn vũ, của hành tinh và của nhân tình.

Từ nửa đầu thế kỷ, anh đã góp phần tích cực cùng nhiều nhà sáng tạo nghệ thuật khác cho văn thơ đất nước một chỗ đứng đáng giá trong trời đất, một nền móng nhân văn tráng lệ, một địa tầng mà dân tộc và khoa học xã hội của nước nhà tin tưởng để dựa vào. Những nhà sáng tạo văn thơ trong thế kỷ đã cùng với anh cho thơ ca một phận sự thiêng liêng, có tính nhân dân, tính dân tộc và thị hiếu, chức trách công dân

http://tieulun.hopto.org

rõ rệt. Không phải anh không cùng bạn bè trong thế kỷ mạnh tay làm cho văn chương và cho nhà văn, nhà thơ của đất nước có vị thế và có quyền đứng vững giữa trăm nghìn thứ cao đẹp trong một thời. Tôi nghĩ các trăm nghìn thứ cao đẹp đó cũng đều có trách nhiệm để xây dựng cho được một thời.

Trong bài thơ *Tình mai sau* viết năm 1939, Xuân Diệu đã nói :

... Lòng tôi đã thẩn thơ cùng bãi vắng,
Thì muôn sau bãi vắng nhắc lòng tôi.
Từ thế kỷ mờ chân trên cát trắng,
Nhưng sóng lên còn gợi ngực bàng hoàng.
Cổ tôi đó, lúc chim ngàn vọng hát ;
Mộng tôi còn, khi trời biếc lên sao
Suối thương nhớ thầm qua trong bóng mát,
Trái tim chiều than thở giữa lau cao.
Người thi sĩ đã vào làng mây khói
Không ở đâu, và ở khắp mọi nơi...

Xuân Diệu có bảy mươi năm cuộc sống và quãng năm mươi lăm năm sáng tạo thơ ca. Anh đã gắn chặt cái hồn của thơ với cái thần của tiếng Việt. Là những người bạn đồng hành với anh, chúng ta cảm ơn anh về điều vô cùng to lớn đó. Khi mà văn học quê hương ta tiếp thụ được muôn vàn truyền thống văn hoá của dân tộc, và gần gũi được với muôn vàn tinh hoa tiên tiến của thế giới loài người, phương Đông, phương Tây, kim, cổ.

Tôi nhớ cách đây hơn năm mươi năm một chút, ngày 4 tháng 2 năm 1945, nghĩa là bốn tuần lễ trước cuộc đảo chính Nhật Bản lật đổ Pháp ngày 9 tháng 3 năm đó, phong trào sinh viên yêu nước Trường Đại học Đông Dương đã tổ chức tại Đại giảng đường một buổi nói chuyện của sinh viên - nhà thơ Xuân Diệu nói về *Thanh niên với quốc văn*. Xuân Diệu với cặp mắt sáng ngời, với giọng nói say mê của người trí thức trẻ yêu tiếng Việt và yêu cái hồn sáng tạo của tiếng Việt đã nói với sinh viên, thanh niên và một số trí thức đất Hà Thành như sau :

– "Sinh viên (...) phải có lòng yêu thương quốc văn... Văn quốc ngữ (...), anh em phải càng vun xới. Phải chăm nom cho nó, kẻo nó héo hắt

http://tieulun.hopto.org

rụng tàn. Anh em đi chơi, anh em đi học, anh em không nghe tiếng quốc ngữ nó kêu gọi anh em hay sao ? Anh em không nghe tiếng mẹ đẻ gọi hay sao ? Anh em nỡ nào mà hững hờ cho được ?..."

Xuân Diệu hôm đó như cất tiếng nói thành tâm nhất của một sinh viên và một nhà trí thức yêu nước với tuổi trẻ quê nhà. Nhưng cũng là lời kêu gọi thắm thiết của một nhà thơ lớn của phong trào Thơ mới 1932-1945 với đông đảo những con người biết yêu tiếng Việt và biết chăm lo cho tiền đồ của tiếng Việt, của đất nước quê hương. Tuổi trẻ trí thức vô cùng cảm động và lứa tuổi trẻ những năm tháng đó cũng như lứa tuổi bây giờ đã cao vẫn còn nhớ mãi cho đến ngày nay.

*
* *

Xuân Diệu của chúng ta là thế đó. Anh đã góp một phần cốt lõi cùng với các nhà thơ khác của nửa đầu thế kỷ cố gắng cuộn vào đây làn gió mới, tâm hồn và tình cảm mới để đẩy phong trào Thơ mới lên một tầm rạng rỡ. Và từ nửa thế kỷ sau, với những thập kỷ thơ đẹp đẽ của cách mạng, kháng chiến, hoà bình và giai đoạn của sự nghiệp đổi mới đầy giá trị nhân văn của dân tộc, con đường và các thành tựu của thơ đã có nhiều chuyển biến chứng minh được sự khởi sắc đậm đà. Vườn hoa nửa sau của thế kỷ đã nảy nở có dung nhan tươi mới thêm của nó. Tầm mỹ học sáng tạo do thời buổi mới đã gợi nên được, với lực lượng một số các nhà thơ trẻ giàu thêm nhiều phong cách và tài năng.

Thơ đất nước ta đang hướng về phía ngày mai mà tiến bước. Tôi không nhớ là nhà lý luận nào đó trên thế giới có lần đã phát biểu, đại ý như thế này :

– Nhà thơ là tương lai. Nhà thơ đôi khi có thể viết về các cái nét mặt khác của cuộc đời, có thể nói là dự báo trước về cuộc đời. Nhà thơ có mặt ở hai giai đoạn. Một giai đoạn, anh được gắn liền với đất. Một giai đoạn khác, anh ở trong một vũ trụ không trọng lượng, và để đến gần anh, ta phải vứt bỏ cái vỏ khô cứng của mình đi, nếu không thì cái thế trọng lượng sẽ làm trái ngược lại với ý định của mình và làm cho mình xa cách với nhà thơ.

Tôi còn nhớ mãi, đúng một ngày xuân giữa thập kỷ 70, gần mười năm trước khi bạn qua đời, Xuân Diệu vội vàng đi xe đạp đến thăm tôi

http://tieulun.hopto.org

trong một đợt gió buốt cuối cùng của vụ rét. Vẫn như thường lệ mấy chục năm qua, tới trước cổng nhà, thế nào Diệu cũng ngẩng đầu gọi với lên tầng gác : – Sanh ơi !

Khi lên đến căn nhà gia đình chúng tôi ở, Diệu hăm hở mách việc anh mới vừa viết xong một bài bút ký về năm tròn ngày sinh nhật Đảng. Diệu đã viết trang đầu bản thảo với nhiều xúc cảm. Diệu đọc cho tôi cùng nghe, càng truyền cho tôi nhiều xúc cảm hơn trong một đầu sáng sắp gần đến Tết rồi :

– "... Đêm không ngủ, đêm chưa ngủ, trong lúc đèn tắt, giữa bóng tối nó là vô hạn, nó nối liền mình với vũ trụ, thì nhiều khi trong cõi vô tận của tâm linh có những trận sao sa ! Khi bóng đêm như xoá đi để làm lại tất cả, giấc ngủ chập chờn như sắp sửa dìm đi tất cả, thì có những lúc tâm tư người ta như từ cái mốc "khuya" mà lại khởi thành...".

Cuối bài bút ký quãng độ bốn trang viết tay, Xuân Diệu đóng khép lại bằng mấy câu, sáng soi lên nhiều ý nghĩa : "Nó dạy cho tôi hiểu tâm hồn của cuộc đời, của cuộc đời thật mới..."

Tôi muốn được mượn đôi ý như trên của Xuân Diệu để kết thúc bài tôi viết hôm nay về bạn.

Giữa 11-1995

(In trong *Tạp chí Văn học*, số 12-1995)

http://tieulun.hopto.org

NỬA THẾ KỶ TÌNH BẠN

HUY CẬN

Anh Xuân Diệu đột ngột từ giã chúng ta ra đi ngày 18-12-1985, còn mấy tháng nữa thì tròn năm mươi năm của tình bạn chúng tôi. Đã mười năm không còn thể phách Xuân Diệu trên đời này, tôi xin ghi vội những chặng đường chính của Huy - Xuân.

Tựu trường năm 1936, chúng tôi gặp nhau lần đầu tiên ở trường "tú tài" Khải Định, Huế (Trường Quốc học cũ), Anh Diệu (ở Hà Nội về) học năm thứ ba, tôi vào học năm thứ nhất. Hai đứa đọc thơ cho nhau nghe, và "đồng thanh tương ứng", kết bạn với nhau gần như tức khắc. Tình bạn của chúng tôi, ngay từ lúc đó, không chỉ đóng khung trong địa hạt văn chương. Tháng 4-1937, trong trường có cuộc vận động đón Gôđa, đại diện của Chính phủ Mặt trận bình dân Pháp đến Huế. Anh Diệu cầm đầu đám học sinh ba lớp ban tú tài đi đón. Tôi còn nhớ rõ anh Diệu bảo người gác cổng trường khoá cổng lại, không cho những kẻ nhút nhát rút lui về. Sau cuộc đón ấy, anh Diệu, tôi và một số anh em khác bị cắt học bổng, suýt nữa thì bị đuổi .

Tựu trường 1937 anh Diệu ra Hà Nội học trường Luật và viết báo *Ngày nay*, tôi học năm thứ hai ban tú tài làm gia sư ở nhà một bác sĩ. Anh Diệu và tôi viết thư cho nhau hàng tuần và tôi gửi cho Diệu những bài thơ tôi vừa làm xong.

Tết năm Dần 1938, bài *Chiều xưa* của tôi được đăng cùng trong một khung với bài *Cảm xúc* của Xuân Diệu trên báo *Ngày nay*, và Tết đó tôi từ Huế ra chơi với Diệu ở Hà Nội, lần đầu tiên tôi làm quen với đất nghìn năm văn vật, và lúc trở về Huế mang theo một cành đào. Hè 1938, tôi ra sống với Diệu ở chân đê Yên Phụ. Ở đó Diệu viết *Truyện cái giường*, một số bài thơ, còn tôi thì viết *Buồn đêm mưa, Trông lên, Đi giữa đường thơm* và mấy bài khác. Hè 1939, Diệu viết bài giới thiệu *Thơ Huy Cận*, sau một năm tôi đã có thơ đăng đều trên báo *Ngày nay*. Tựu trường

http://tieulun.hopto.org

năm 1939, sau khi đậu tú tài toàn phần, tôi dạy tư hai tháng ở Vinh và tháng 10 ra Hà Nội học Trường cao đẳng Nông Lâm. Diệu thì tiếp tục học Luật và dạy văn ở trường Thăng Long. Hai chúng tôi cùng sống ở gác 4 phố Hàng Than ("Phố không cây thôi sầu biết bao chừng"), ở tầng dưới là anh Lưu Trọng Lư. Chúng tôi dành dụm tiền học bổng và tiền lương dạy học để cho tái bản tập *Thơ thơ* và cho in dòng chữ "Huy Xuân xuất bản" lên sách.

Đầu năm 1940, Diệu đi làm tham tá thương chánh ở Mỹ Tho, vì kế sinh nhai ("Cơm áo không đùa với khách thơ"), cũng như tôi học cao đẳng Nông Lâm là cốt để có nghề tay trái. Chúng tôi tạm sống xa nhau, buồn đứt ruột, hàng tuần viết thư cho nhau, có tuần hai, ba lá thư. Từ cuối năm 1941, đầu năm 1942, tôi đã tham gia hoạt động Việt Minh, nhưng chưa có dịp cho Diệu biết. Diệu thì chờ tôi đậu kỹ sư là "cuốn gói" trở về Hà Nội. Hè 1942, tôi đậu kỹ sư canh nông và cuối năm bắt đầu đi làm ở Sở nghiên cứu tầm tang. Diệu điện hỏi tôi : "Diệu từ chức được chưa ?", tôi điện trả lời "Từ chức ngay ! Về ngay Hà Nội !". Chúng tôi sống trên gác phố Hàng Bông (số nhà 61), tiếp tục làm thơ, "làm nhà xuất bản Huy Xuân". Thời kỳ này (cuối năm 1943, đầu năm 1944), tôi hướng dẫn Diệu vào con đường hoạt động bí mật (trong Việt Minh và trong Đảng Dân chủ). Cuối năm 1941, Diệu về thăm quê ở Can Lộc (Hà Tĩnh), về thăm gia đình tôi ở xã An Phú và rất bí mật nói với mẹ tôi : "Anh Cận hoạt động cách mạng rồi bà ạ. Nếu cách mạng thành công thì không nói làm gì, nếu có điều gì chẳng may, thì con sẽ thay anh Cận cùng bà lo việc gia đình". Mẹ tôi ứa nước mắt : và anh Diệu đã giúp mẹ tôi một số tiền để trả nợ. Cuối tháng 7-1945, tôi đi dự Quốc dân Đại hội họp ở Tân Trào (Tuyên Quang), thì Diệu ở lại Hà Nội,"giữ nhà". Cách mạng tháng Tám thành công, chúng tôi chuyển về ở nhà số 50 phố Hai Bà Trưng (đằng sau Thư viện Quốc gia). Diệu hăng say hoạt động trong Hội Văn hoá Cứu quốc, tôi thì phụ trách công tác ở Bộ Canh nông và ở Ban Thanh tra đặc biệt của Chính phủ.

Kháng chiến toàn quốc bùng nổ, chúng tôi vào Hà Đông rồi lên Việt Bắc, tôi ở ATK (an toàn khu) của Chính phủ, Diệu ở Lục Giá, rồi ở Thanh Cù, làm báo *Văn nghệ*, nhưng cứ khoảng một tháng một lần, Diệu vai mang ba lô đi xe đạp và đi bộ về gặp tôi ở ATK. Lại những

http://tieulun.hopto.org

buổi thơ giữa sương đêm của rừng Việt Bắc. Cũng ở trong rừng Việt Bắc những năm đầu kháng chiến cả hai chúng tôi được kết nạp vào Đảng. Giải phóng miền Bắc chúng tôi về Hà Nội, được bố trí ở nhà số 24, đường Cột Cờ, nay là phố Điện Biên Phủ. Chúng tôi lại hăng say công tác, hào hứng làm thơ, "đi thực tế". Những năm chống Mỹ, cứu nước, hai đứa hơn mười lần đi khu Bốn khói lửa, nhiều lần suýt chết dọc đường vì bom Mỹ. Dọc đường, chúng tôi đọc thơ cho bộ đội, cho dân công nghe, sống cuộc đời chiến sĩ, trong không khí hào hùng của đất nước. Giải phóng Sài Gòn, giải phóng miền Nam, chúng tôi lại hăng say "đi thực tế" ở đồng bằng sông Cửu Long, ở Tây Nguyên, ở khu Năm "khúc ruột miền Trung", nhất là Diệu ham đi miền Nam mà anh đã hiểu biết và mến thương nhiều từ trước. Và Diệu đi bình thơ, có tới gần một nghìn cuộc bình thơ cho đến ngày Diệu mất. Còn ở ngôi nhà số 24 Điện Biên Phủ thì "*Đêm đêm trên gác đèn chong - Cận ngồi cặm cụi viết dòng thơ hay - Dưới nhà bút chẳng rời tay - Bên bàn Diệu cũng miệt mài trang thơ - Bạn từ lúc tuổi còn tơ - Hai ta hạt chín chung mùa nắng trong - Ánh đèn trên gác, dưới phòng - Cũng là đôi kén nằm trong kén trời*".

Cuộc sống và thơ đã cho tôi người bạn đời thân thiết nhất, cho tôi tâm hồn tri kỷ, tấm lòng tri âm nơi Xuân Diệu. Chúng tôi sống giữa đời như anh em sinh đôi, nhưng bản lĩnh và phong cách văn chương thì rất khác nhau, khác nhau mà bổ sung cho nhau thành một "quả đôi". Anh Diệu ra đi chưa kịp viết hồi ký, chỉ để lại cái tên *Tôi cảm tạ cuộc đời* cho tập kỷ niệm đang chuẩn bị viết. Xuân mất đi, còn lại Huy. Tôi đang viết hồi ký chung cho cả hai người với nhan đề là *Hồi ký song đôi*. Anh Tịnh Hà (em ruột anh Xuân Diệu), các anh Chế Lan Viên, Nguyễn Xuân Sanh, Tế Hanh và nhiều bạn thân khác của chúng tôi giúp tôi viết đầy đủ về đời và đời thơ của anh Xuân Diệu.

Tôi nhớ lại : Một tháng trước khi Diệu mất, một buổi chiều, Diệu ngồi trệt giữa phòng nói với tôi : "Trong hai đứa mình, đứa nào chết trước là sướng, đứa nào ở lại sau chắc khổ lắm". Tôi nghe, lặng người đi, không dám nói câu gì. Tôi cảm thấy nỗi đau trong lòng Diệu khi thốt ra câu đó. Nào ngờ đó là lời trối trăng của Diệu cho tôi. Quả thật, sau đám tang của Diệu, liền trong nửa năm, tôi nghe trong người tôi, trong tâm hồn tôi như hẫng đi và thấy như cuộc đời hư lãng. Và rất nhiều lần Diệu về gặp tôi trong chiêm bao, cả lúc tôi ngủ trên máy bay đi công tác

http://tieulun.hopto.org

xa. Ngày Diệu mất, lúc 7 giờ 40' tối ở Hà Nội thì tôi xuất huyết nặng, ở Đakar (Xênêgan) lúc 12 giờ 40' trưa (là đúng giờ phút Diệu mất, vì Xênêgan cách Hà Nội 7 giờ 40'). Thần giao cách cảm. Nhận điện của Diệu truyền thông cho tôi giây phút ấy. Ngày 19-12-1985, về đến Paris được Sứ quán ta báo tin Diệu mất tôi sửng sốt bàng hoàng, máu vẫn chảy vì xuất huyết nặng ở mũi. Tôi và con tôi (cháu Vũ) trong cơn đau đớn, cố trấn tĩnh để đi đổi vé máy bay về cho kịp đám tang, nhưng ngày 23 tôi về thì đã chôn Diệu ngày 21-12. Từ Paris tôi đánh 10 bức điện về Hà Nội (cho Hội Nhà văn, cho Liên hiệp Văn học Nghệ thuật, cho Bộ Văn hoá, cho anh Tố Hữu...) đề nghị tôi về hãy chôn bạn tôi, nhưng không kịp.

Nửa thế kỷ tình bạn, nói sao cho xiết ! Diệu ơi, ở thế giới bên kia Diệu có còn nghe chăng Cận kể chuyện Huy - Xuân trong hơi thở ấm nồng của tiếng Việt, tiếng Việt mà chúng ta đã yêu tha thiết, yêu da diết như chính hồn của dân tộc, như chính hồn của mỗi chúng ta...

HAI BÀI THƠ VỀ TÌNH BẠN HUY - XUÂN

I – DIỆU ƠI, DIỆU ĐÃ VỀ YÊN TỊNH

Sầm Sơn 27-7-1986

Diệu ơi, Diệu đã về yên tịnh
Cận hãy còn đây trăm xốn xang
Cận mới về thăm quê Nghệ Tĩnh
Gặp tuần trăng sáng ngẩn ngơ trang.

Cận ra Thanh Hoá nằm bên bờ biển
Biển lại dồn xao không phút ngưng
Diệu đã đi xa về tới bến
Cận đang biển động sóng lừng dâng.

"Hồi ký song đôi" đang viết dở.
Hai chương tuổi nhỏ chép xong rồi.
Đời ta trang khép, còn trang mở,
Cận viết đầy trang, tay mới xuôi.

http://tieulun.hopto.org

Biển lớn băng qua ấy biển đời
Biển vào vũ trụ ánh sao mời
Diệu dò thế giới bên kia trước
Khỏi lạ đường khi Cận tới nơi.

II – BÀI THƠ MẢNH VẢI

Diệu ở Mỹ Tho gửi ra cho tôi mẩu vải, nếu tôi vừa ý thì Diệu sẽ mua vải gửi ra cho tôi may bộ quần áo mùa hè. Tôi đáp lại bằng bức thư - thơ sau đây :

Hà Nội mùa thu 1942

Cảm lòng ôm ấp phương xa
Nỗi niềm thương nhớ vì ta trải bày
Vải cầm mảnh nhỏ trong tay
Lòng kia dệt ấm trời mây mấy trùng
Mở thư một sáng lạnh lùng
Hai chiều vải dệt tạo phùng Huy - Xuân
Dọc ngang tơ chỉ sát gần
Đi về mấy dạo hai thân một hồn
Một mai ta chết xin chôn
Hai ta sát cạnh xương luồn qua xương.
Đất già lạnh toát đêm trường
Huy - Xuân nằm dệt tấm thương muôn đời.

(In trong *Tạp chí Văn học*, số 12-1995)

http://tieulun.hopto.org

XUÂN DIỆU - NGƯỜI THẦY, NGƯỜI BẠN LỚN(*)

TRẦN ĐĂNG KHOA

I

Những năm cuối đời, Xuân Diệu hay nghĩ đến thời gian. Ông bất chợt hỏi tôi :

– Này, năm nay, Khoa bao nhiêu rồi nhỉ ?

Câu hỏi như một thoáng thảng thốt, chứ Xuân Diệu còn lạ gì ngày sinh, tháng đẻ của tôi nữa. Và khi tôi nói tuổi mình thì ông nhìn tôi, thẫn thờ :

– Cậu còn trẻ quá. Còn mênh mông thời gian ở trên đầu, muốn làm gì mà chẳng được. Khoa còn đến nửa thế kỷ nữa để sáng tạo, để vượt lên...

Quả là tôi còn nhiều thời gian. Đó là một may mắn, nhưng biết đâu đấy chẳng là bi kịch ? Người bộ hành bé nhỏ đứng trước một con đường ngút ngát, phải lặn lội nửa thế kỷ nữa. Vượt như thế nào đây ? Tôi ngẩng lên nhìn người đồng hành gần gụi nhưng cũng thật xa vợi. Bởi ông đã xuất hành trước tôi đến gần nửa thế kỷ.

– Quỹ thời gian của mình còn ít quá. Cứ theo cái thước Đặng Thai Mai thì mình còn vài nấc nữa. Mà theo cái thước Xuân Thuỷ, Nguyên Hồng thì mình đã quá mấy tấc rồi.

Nguyên Hồng mất đột ngột ở tuổi 65. Xuân Diệu đã ở cái tuổi 69. Ông như người chạy việt dã, đua với thời gian. Xuân Diệu tiết kiệm từng tích tắc. Nếu đi đâu về, thường thì ông treo áo lên mắc luôn chứ không vắt ở ghế, để khỏi phải mất một khoảng thời gian treo nó lên mắc áo. Có lần, Xuân Diệu mời tôi đến nhà để chuẩn bị cho cuộc hội thảo thơ ở

(*) (1) Tên bài do người tuyển chọn đặt.

http://tieulun.hopto.org

trường Nguyễn Du. Ông hẹn chính xác tới từng phút. Tôi đến trước hẹn chừng nửa tiếng, Xuân Diệu kéo cái ghế mây mời tôi ngồi, rồi đưa cho tôi mấy tập bản thảo thơ tình chép tay của ông, để tôi đọc. Còn ông lại tiếp tục làm việc nửa tiếng nữa trên cái bàn cũ kỹ có lót một tấm kính cũng rất cũ kỹ. Dưới tấm kính là những bức ảnh ông chụp ở nước ngoài. Ông quên béng nhà đang có khách, quên cả cái nóng ngun ngút của Hà Nội mất điện và tiếng ồn ào náo động của đường phố tan tầm. Xuân Diệu như bò xoài trên trang giấy. Có lẽ bố tôi cày ải, chạy bão cũng không cực nhọc, khốn khổ như Xuân Diệu "cày" trên cánh đồng giấy của mình.

– Có lẽ mình đến đứt mạch máu não mất. Buốt óc quá !

– Chú mệt thế thì cứ nghỉ cho khoẻ. – Tôi thành thực thương ông.

– Nhưng các báo yêu cầu mình. Xã hội còn "com măng" mình. Thế nghĩa là mình vẫn còn có ích. Sợ nhất là thành "gái già". Chả ai còn ỏ ê đến nữa. Vả lại cứ phải viết, viết nhiều. Nhà văn tồn tại ở tác phẩm. Không có tác phẩm thì nhà văn ấy coi như đã chết. Thế nên cứ phải viết. Viết hàng ngày. Nhiều khi phải có người thúc mới ra được tác phẩm. Mình nhận bài và yêu cầu người đọc cứ phải thúc mình. Ấy thế rồi có sách đấy. Còn cứ chờ cảm xúc đến mới viết, thì muôn năm cảm xúc cũng chẳng đến cho. Nhà văn là ngồi vào bàn làm việc. Cứ làm việc, rồi sẽ tạo được cảm xúc.

Rồi như thể tiện tay, Xuân Diệu với tờ báo nước ngoài, giới thiệu cho tôi hai bài thơ rất hay của một nữ thi sĩ mà ông vừa đọc được. Cả hai bài thơ viết bằng một giọng điệu. Đó là sự chiêm nghiệm của con người trước thời gian. Ở một bài, nữ thi sĩ nói rằng bà đang làm việc hết mình, có chút sinh lực gì, bà trao tặng hết độc giả để đến lúc thần chết đến gõ cửa, bà sẽ đi theo hắn với hai bàn tay không. Còn bài khác là lời tâm sự của bà : Bạn bè ơi, ngày mai nếu phải giã từ cõi đời này tôi sẽ yêu các bạn thắm thiết, tôi vẫn quay quanh các bạn như một vệ tinh, tôi vẫn nhìn thấy các bạn. Nhưng các bạn thì chẳng bao giờ còn thấy tôi đâu, Xuân Diệu bùi ngùi :

– Đấy, hay không ? Sâu sắc không ? Nghĩ được đến thế là "xuất sáo" lắm. Đôi lúc mình cũng có ý nghĩ như thế. Hỡi các ông trẻ, hãy đến với tôi. Tôi còn nhiều kho báu lắm. Tôi sẽ trao hết cho các ông trẻ,

http://tieulun.hopto.org

để đến lúc cái chết gõ cửa, kéo đi, tôi chỉ là một cái vỏ cam đã vắt hết, là thằng kiết xác chỉ có bàn tay không...

– Ôi, chú cứ lo xa. Chứ chú khoẻ lắm. Cháu trông chú đang "vượng" đấy !

Tôi cười xuế xoá. Không ngờ câu nói đùa ấy lại làm Xuân Diệu rất vui ! Ông đứng dậy pha trà, rồi mở tủ lấy ra một cái kẹo đưa cho tôi. Kẹo sôcôla Pháp, Huy Cận mang từ Paris về...

– Cái tuổi của mình cũng không biết thế nào đâu. Nhưng dù thế nào mình cũng phải viết chục cuốn sách nữa, mình mới đi Văn Điển.

II

Lần đầu tiên tôi gặp Xuân Diệu vào quãng cách đây hơn ba mươi năm. Dạo ấy, Xuân Diệu còn trẻ, mà tôi cũng chỉ là chú bé lên chín, lên mười, vừa lẫm chẫm bước chân vào làng thơ. Nói thế cho sang, cho oai, chứ thực tình lúc ấy, tôi chẳng có ý thức gì hết.

Tôi đến với thơ hồn nhiên như em bé đến với trò chơi. Nhưng khi gặp Xuân Diệu, thì tôi hiểu được rằng, thơ ca không bao giờ là trò chơi cả. Nó là một công việc sáng tạo cực nhọc. Có thể nói may mắn cho đời tôi là tôi đã sớm gặp Xuân Diệu. Không phải tôi đến với ông mà chính ông tìm đến với tôi. Trong quan hệ, ông đối xử với tôi rất bình đẳng. Ông gọi tôi bằng cháu, đôi khi hứng lên bằng em. Nhưng trong sáng tác, ông coi tôi như một người bạn đồng nghiệp. Còn tôi thì luôn biết mình là một người học trò nhỏ bé của ông.

Xuân Diệu về nhà tôi vào năm 1968. Ông cùng Huy Cận dự Đại hội cháu ngoan Bác Hồ ở Nam Sách. Và trong đại hội ấy, tình cờ ông gặp tôi, mãi sau này, tôi mới biết đó là cách sắp xếp, bố trí của các anh chị huyện Đoàn. Họ sợ tôi tự kiêu trước sự kiện hai nhà thơ lớn tìm đến nhà. Ở cái thời ấy, người nào mang tiếng là tự kiêu, thì coi như kẻ vô dụng, là đồ bỏ đi rồi. Xuân Diệu cùng tôi chơi trò đóng kịch dưới sự dàn dựng của các nhà đạo diễn không chuyên ở huyện Đoàn. Nhưng về đến Nam Sách, thì ông quên mất cái đại hội ầm ĩ tiếng trống ếch ấy. Nửa đêm ông lần về nhà tôi. Theo lời mẹ tôi kể, thì bác "nhà báo" đã mượn cây đèn bão, xách ra vườn, soi từng giàn trầu, gốc cau, luống mía và mấy cây bưởi. Xuân Diệu tìm gặp những "nhân vật" thân thuộc của tôi. "Bác ấy

http://tieulun.hopto.org

kiểm tra xem mày nói có đúng không. Khổ, có thế nào thì cứ nói như thế, đừng đặt điều thêm ra, kẻo lại mang tiếng là mình ăn ở không thật thà. Thấy bác ấy kiểm tra, tao lo quá. Thế có làm sao không, hả con ? Mà thôi, đừng có thơ phú gì nữa cho rắc rối ra. Cứ đi cày như bố mày là yên chuyện".

Mẹ tôi vẫn băn khoăn, lẩn mẩn không yên, cho mãi đến chiều hôm sau, Xuân Diệu cùng Huy Cận vui vẻ kéo tôi trở lại nhà. Lúc ấy đã xế chiều. Dân làng đổ đến nhà tôi để xem "hai ông Tây". Trong lúc Huy Cận nói chuyện với bà con xã viên, thì Xuân Diệu kéo tôi ra ngoài. Ông ngồi bệt xuống góc sân trước cửa chuồng gà và bắt đầu chất vấn tôi. Mồ hôi ông vã đầm đìa, ướt đẫm cả cái áo sơ mi kẻ sọc. Xuân Diệu mở cuốn sổ thơ tôi mà ông chép tay, rồi bắt đầu đánh dấu, ghi chép. Tôi không biết ông có nghe tôi không. Thỉnh thoảng, gương mặt ông lại ngẩn ra, nom xa vợi như ông đang nghĩ đến một chuyện nào khác. Rồi ông thay kính liên tục, mỗi khi mồ hôi làm mờ mắt kính. Ông có đến hai kính để ở hai túi áo khác nhau. Cứ sau năm phút, ông lại thay kính. Xuân Diệu dường như không có thói quen lau kính.

Trong chùm thơ tôi, ông đặc biệt chú ý bài *Mưa*.

– Sao cháu lại chọn thể thơ này, mà không phải là lục bát ?

– Vì cháu muốn diễn tả cơn mưa. Cơn mưa rào dồn dập, lúc mau, lúc thưa, nên phải dùng loại thơ tự do có những câu dài ngắn không đều. Còn nếu diễn tả cánh cò bay chẳng hạn, thì cháu mới làm lục bát.

Xuân Diệu mỉm cười, nhìn xéo vào mặt tôi :

– Tại sao thế ?

Tôi không trả lời được câu hỏi ấy của ông. Tôi chỉ biết con cò bay thì cánh vươn nhịp nhàng hợp với thơ lục bát. Xuân Diệu cười vang lên.

– Thế còn : "Ông trời - mặc áo giáp đen", sao cháu lại viết thế ?

– Vì cháu nghĩ đến Thánh Gióng. Ông Thánh Gióng ra trận. Thế bác có biết ông Thánh Gióng không ?

Đến đây thì tôi biết mình thật ngớ ngẩn, làm sao Xuân Diệu lại không biết Thánh Gióng ? Cũng may lúc ấy, ông không để ý đến câu hỏi của tôi. Ông tiếp tục "quay" tôi.

http://tieulun.hopto.org

– Tại sao lại *đội sấm – đội chớp* ? Ông sấm ông ấy đánh cái xoẹt. Thế cậu muốn bố cậu chết hay sao mà bắt ông ấy *đội sấm* ?

Tôi không dám cãi Xuân Diệu, chỉ cười trừ. Xuân Diệu cũng cười. Nhưng mấy ngày sau, vào lúc mười giờ đêm ngày 1-6-1968, cái làng quê hẻo lánh, yên tĩnh của tôi đã vang lên giọng bình thơ của ông *Tây* qua cái loa công cộng, trong buổi phát thanh *tiếng thơ*. Giọng Xuân Diệu sang sảng :

– Bố em đi cày về
Đội sấm
Đội chớp
Đội cả trời mưa...

Thế là từ đấy, Xuân Diệu trở thành người thầy dạy nghề nghiêm khắc, gần gũi, thân thiết của tôi. Không phải chỉ trong nghề nghiệp, mà kể cả cách ứng xử hằng ngày. Ai đó tiếp xúc với tôi, có điều gì đó phật ý, họ lại mách Xuân Diệu. Ví như chuyện tôi thật thà chê thơ ai đó. Xuân Diệu chân tình khuyên tôi :

– Cháu cố gắng đừng để mọi người khó chịu với mình về những cái vặt vãnh. Cháu không phải Xuân Diệu, nên cháu không được chê như thế. Cái gì hay thì khen. Không hay thì im lặng, lờ đi. Im lặng cũng là một lời chê đấy.

III

Xuân Diệu không thích trường ca. Đôi khi, ông còn nhìn thể loại văn học này bằng con mắt lạnh lùng, cay nghiệt. Tôi không hiểu tại sao lại thế. Cũng có thể ông không chỉ là nhà thơ, mà còn là nhà phê bình, Xuân Diệu thường quyết liệt, không khoan nhượng và nghiêm khắc đến nghiệt ngã, mà trường ca lại là một thể loại khó viết và có viết được cũng rất khó hay. Nhưng thói đời, những gì khó chiếm lĩnh thường lại có sức hấp dẫn mãnh liệt những kẻ đi chinh phục. Rất nhiều tác giả xông vào thể loại hiểm hóc này, đặc biệt là những cây bút trẻ sung sức. Có người viết cùng lúc hai, ba cái trường ca. Viết để thể nghiệm. Viết để thử bút lực. Bản thân tôi, ở cái thời trẻ con ngông cuồng và rồ dại, cũng không phải chỉ một lần, mà có tới bốn lần nhắm mắt, lao đầu vào cái vách đá răng ngựa này. Bản trường ca đầu tiên tôi viết là khi đang

http://tieulun.hopto.org

học lớp bốn. Hồi ấy, Johnson vừa tuyên bố tạm thời ngừng ném bom miền Bắc. Trường ca diễn tả đoàn người nghèo khổ, đói rách, sắp chết lả vì khát, bước lên lưng cua thần, bay lên giời, đánh nhau với Thần Hạn. Thơ viết theo thể tự do, vần điệu phóng thoáng, mang hơi hướng của những bản trường ca cổ đại và những truyện thần thoại dân gian. Tôi đặt tên là *Trường ca giông bão*. Tôi chép thành hai bản sạch sẽ. Một bản gửi nhà thơ Phạm Hổ, ông *Marshac* của Việt Nam, lúc bấy giờ đang cai quản phần thơ tuần báo *Văn nghệ*. Gửi và gửi chơi, để ông đọc chơi, vì tôi rất quý Phạm Hổ, rất yêu những câu chuyện đồng thoại của ông viết cho con trẻ, chứ không nghĩ đến việc in báo . Bởi trường ca quá dài, nhùng nhằng đến ngót ngàn câu, làm sao báo *tải* được. Còn một bản tôi gửi nhà thơ Xuân Diệu, gọi là để *xin thầy mấy lời chỉ bảo*. Xuân Diệu im lặng. Ông chẳng ỏ ê gì. Mọi lần nhận thư và thơ tôi, bao giờ ông cũng trả lời, và trả lời ngay tắp lự. Trong thư ông nhận xét và góp ý rất cụ thể. Ông không phân tích, bình luận dông dài, mà thường chỉ đưa ra cái kết luận ngắn gọn có tính tổng quát. Đại loại như bài *Bến đò*, ông bảo : "hay, sâu sắc" (sau này ông có dịch bài thơ này sang tiếng Pháp in trong tập *Văn học Việt Nam*, Nhà xuất bản Ngoại văn Hà Nội). Bài *Tiếng nói*, chỉ có sáu câu lục bát ngắn gọn diễn tả một ngày làng quê, qua những âm thanh thiên nhiên, ông bảo : "Hai câu cuối sáng tạo. Còn bốn câu trên cọc cạch". Nhưng cọc cạch như thế nào, vì sao lại cọc cạch thì ông không nói rõ. Đấy là phần việc của tôi. Tôi phải tự nghiên cứu, tự khám phá lấy. Vì vậy, đọc thư Xuân Diệu thường là rất mệt. Dạo ấy tôi còn viết một bài thơ nho nhỏ tặng ông. Biết Xuân Diệu nồng nhiệt, tha thiết sống, sống hối hả, sống cuống quýt, và với ông thì *sự sống chẳng bao giờ chán nản*, Xuân Diệu muốn trẻ trung, trẻ trung mãi mãi, để chống cái già cứ "xồng xộc" đến, ông làm thơ tình, ông nhuộm tóc cho xanh lại. Rồi ông yêu cầu mọi người gọi ông bằng anh. Có cô gái trẻ mê thơ ông, gọi ông bằng bác, ông đã khó chịu, "Bác gì ? Bác phó cối ấy à ?", đến khi cô ta lại còn hỏi tuổi nữa, thì ông bực mình thực sự : "Ơ sao mà em vô duyên thế, em. Nhà thơ làm gì có tuổi". Và tôi viết tặng ông bài thơ, nói cái sự trẻ trung của Xuân Diệu. Đến cả những bài thơ ấy Xuân Diệu không quên có lời nhận xét. Ông nói một câu mà lại như là chẳng nói gì cả : "Cám ơn Khoa đã có bài thơ về chú Xuân Diệu". Vậy mà đến cái *vụ trường ca* này thì không hiểu sao, ông lại im

http://tieulun.hopto.org

lặng, đến cả một câu xã giao chung chung nhất cũng không có nốt. Hay là thất lạc ? Sau đó mấy tuần, bản thảo cùng gửi với bản gửi Xuân Diệu đã được in trên tuần báo *Văn nghệ*. Đấy là điều tôi không thể ngờ được. Toà soạn chỉ cắt mấy câu mở đầu miêu tả Thần Hạn bay lượn trên vùng đất khô xác, hoang rợn, trường ca bắt đầu từ đoạn miêu tả nhà trời với cái tên rất dung dị : *Đi đánh Thần Hạn*.

Sau đó là một mùa hè thú vị. tôi rời làng quê ra vùng biển Quảng Ninh thăm người anh ruột là nhà thơ Trần Nhuận Minh đang công tác tại vùng mỏ. Khi về, mẹ tôi kêu lên từ cổng : "Ối giời, sao mày về muộn thế con ? Hôm qua có mấy bác ở Hà nội cưỡi ô-tô về nhà mình chơi, tao giữ lại ăn cơm canh cua, nhưng chả bác nào chịu ở, bảo phải đi Hải Phòng. Có bác gì ấy gửi cho mày quyển truyện". Mẹ tôi lụi cụi vào buồng, lôi từ cót thóc ra một cái *tay nải* đã cũ. Đấy là cái kho sách lưu động của mẹ tôi mà con cái không được phép lục lọi. Trong đó lổng chổng mấy cuốn *Trê cóc, Hoàng Trừu, Thạch Sanh, Kiều* và mấy đồng bạc trắng, mấy đồng kẽm lỗ vuông, không biết tiền từ đời nảo đời nào. Loạy nhoạy một lúc, mẹ tôi mới tìm được một cuốn sách dày dặn. Hoá ra tập *Đối thoại mới* của Chế Lan Viên. Ngay sau bìa sách là mấy dòng chữ viết cheo chéo, nét chữ trông rất rối : "Khoa ơi, chú qua thăm, tiếc Khoa đi Hồng Quảng không gặp. Cái *Đi đánh Thần Hạn* hay lắm. Chú có *Đối thoại mới*, tiện gửi Khoa đọc đại khái – Chế Lan Viên". Tôi ngẩn người, không tin ở mắt mình nữa. Trước đấy, tôi cũng đã vinh hạnh được gặp Chế Lan Viên. Nhưng chỉ gặp một lần, và lần ấy cũng loáng thoáng vài ba phút. Tôi không kịp nhớ gương mặt ông. Xuân Diệu tiễn tôi ra cổng thì ông đến. Trông ông không có gì là to lớn, bệ vệ. Cũng không có đáng vẻ lơ mơ thi sĩ – một gương mặt rất hoạt. Cặp mắt sắc, nhanh nhẹn và hết sức thông minh, nhưng là cái thông minh của một nhà thông thái hơn là một thi sĩ tài ba. Xuân Diệu gọi ông là Hoan. Trong lúc trò chuyện với Xuân Diệu, ông cũng tự xưng mình là Hoan, Xuân Diệu giới thiệu tôi với ông. Ông chỉ cười, rồi nhấc bổng tôi lên : "Ối chà ! Thi sĩ gì mà bé như cái kẹo thế này !".

Bây giờ đọc mấy dòng viết vội của Chế Lan Viên, tôi cứ bâng khuâng mãi. Rồi nhân đà hứng khởi ấy, tôi lại viết tiếp một trường ca nữa. Tựa vào một cốt truyện đơn giản : Một cậu bé thành phố sơ tán về

http://tieulun.hopto.org

nông thôn trong thời gian chiến tranh, rồi qua con mắt của cậu bé mà nhìn người quê, cảnh quê, những phong tục tập quán nơi thôn dã. Tôi lấy tên là *Làng quê*. Sau đó, Níchxơn chở B.52 rải thảm Hà Nội, Hải Phòng. Quê tôi cũng bị oanh tạc dữ dội. Cái làng nhỏ bé yên tĩnh nằm bên đường 5, con đường chiến lược nối Hà Nội, Hải Phòng, dường như bây giờ mới thực sự bước vào cuộc chiến. Không ngày nào không có tiếng gầm rít của bom đạn. Đêm cũng không yên, vì tiếng bom rền không ngớt cả ở hai mạn Hà nội, Hải Phòng. Thỉnh thoảng khu vườn và mảnh sân lại nhoàng lên trong ánh sáng ma quái của những vệt tên lửa khắp bốn phía trời bay qua chi viện cho Hà Nội. mẹ tôi rên rẩm : "Giời ơi, thế này thì còn gì là người nữa, hả giời. Cứ đánh nhau mãi thế này. Thớt trên mòn thì thớt dưới cũng mòn"... Mẹ tôi hình dung cuộc chiến tranh như cái cối xay lúa. Tôi che ngọn đèn dầu bằng lá khoai nước, hì hục viết trường ca *Trừng phạt*. Tôi viết như bị ma ám. Viết liền một đêm ngót ngàn câu thơ, dựng cảnh âm ty, địa ngục, những bà mẹ mang thai, những em bé chưa biết lẫy, những búp bê, ngựa gỗ, những bà cụ mù loà, một đoàn người mất đầu, cụt chân, cụt tay, đi lang thang trong chiều âm ty, tìm đến điện Diêm Vương, đập cửa đòi xử bọn giết người. Mấy ngày sau, tỉnh táo ngồi lạnh lùng đọc lại, vẫn thấy không có gì phải sửa chữa thêm, tôi bèn chép gửi thầy Diệu. Và rồi cũng như mấy lần trước đó, Xuân Diệu vẫn im lặng như một vách bí hiểm, không dội lại một tiếng vọng nào.

(...)

Sau này, khi tôi viết thêm *Trường ca người anh hùng*, ông mới chính thức lên tiếng. Trước đó, ông có thư cho tôi : "Này, chú Tố Hữu gửi lời chê Khoa đấy nhé. Chú ấy bảo Khoa dạo này oai lắm, Khoa đang múa giáo giữa đường đấy !". Rồi Xuân Diệu chân thành phán xét tôi. Sau khi khen vài câu, một số đoạn thơ, câu thơ hàm súc, có phong cách cổ điển, ông chê tôi đã viết bằng sự thông minh, viết khéo quá, mà thơ thì lại đòi hỏi phải *chân chân chân, thật thật thật*. Ngôn ngữ và kỹ xảo phát triển vượt bậc, nhưng trường ca thì dường như đã lạc mất đường thơ. Thơ cốt gợi, chứ không phải kể. Tôi đã viết thư cám ơn ông. Những điều ông nói, tựu chung là chính xác, không ai có thể cãi được. Cố nhiên đó là quy luật chung của thơ, là thơ nói chung. Còn ở một cái trường ca dài,

http://tieulun.hopto.org

viết về một nhân vật có thật, một người anh hùng với những trận đánh cụ thể, những kỳ tích cụ thể, cũng khó mà áp dụng được quy luật ấy.

Tôi giã từ trường ca, vì không có nhu cầu viết dài nữa. Khi đó trường ca lại rộ lên, lại được mùa lớn. Một loạt trường ca ra đời, thành sự kiện văn học những năm bảy mươi. Nhiều toà báo, nhiều thư viện, tạp chí tổ chức hội thảo về trường ca. Xuân Diệu không tham gia hội thảo nào. Tôi nghĩ có thể ông không thích trường ca, nên không để ý tới cái hoạt động văn hoá rất sôi động ấy. Nhưng thực chất đâu phải, Xuân Diệu theo dõi rất sát các cuộc hội thảo, ông đọc rất kỹ những bài viết về thể loại văn học này. Ông còn tỷ mẩn gạch chân, đánh dấu những chỗ viết không đúng văn phạm của mấy nhà phê bình, nghiên cứu.

(...)

Xuân Diệu thích nhà phê bình nào nhất ? Có lần tôi đã tò mò hỏi ông câu hỏi ấy. Xuân Diệu không trả lời. Ông đăm đăm nhìn tôi như nhìn một thằng dở người. Tôi chờ đợi một lời quở mắng nào đó. Nhưng đột ngột, Xuân Diệu tránh miệng ra, trông như cười. Nhưng ông lại không phải chú bé con, nên trông rất kỳ quái. Thế là tôi cười. Xuân Diệu cũng cười. Câu hỏi thành trò chơi bông phèng vui vẻ. Rồi tôi cũng quên đi. Nhưng Xuân Diệu thì lại nhớ. Một lần tôi vừa đến cửa, ông đã hỏi :

– Này, Khoa đã đọc Nguyễn Đăng Mạnh chưa ? Anh ấy có con mắt xanh đấy. Cuốn *Nhà văn, tư tưởng và phong cách* hay lắm. Anh ấy rất có tài, nhưng chỉ có tài phê bình văn xuôi thôi.

Ngừng một lát, Xuân Diệu tiếp :

– Phê bình thơ khó lắm. Nó là cái việc *đầu mày, cuối mắt*. Phải có năng khiếu thơ mới phê bình thơ được. Ở nước ta có nhiều nhà phê bình thơ có tài, nhưng lại không viết mấy. Như anh Huy Cận chẳng hạn. Anh ấy tinh tế lắm, am tường thơ lắm đấy, nhưng anh ấy không viết, nên mọi người không biết đấy thôi. Còn những anh viết, và viết nhiều lại điếc đặc, chẳng biết gì. Những cái mũi chỉ có khả năng hít nách vợ lại mang ra ngửi thơ ca. Thế nên mới náo loạn, mới gây nên tình trạng lộn xộn, mà thơ ca thì cứ không ngừng xuống cấp. Cả nước đua nhau làm thơ thì chết đói rồi. Thế nên mình cứ phải khó tính, cứ phải làm cái con gà mái đứng gác cửa chuồng. Mặc dù làm cái việc lườm nguýt bất lịch sự đó

http://tieulun.hopto.org

cũng chẳng hay ho gì. Mà nhiều anh nó còn ghét cho nữa. Có cậu còn đe ném cứt vào nhà mình. Nhưng mà mình chẳng sợ. Mình "chơi" với Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Tú Xương, mình sợ gì cái lũ quỷ hạng ba, chở năm toa đen không hết ấy. Mà mình cũng chẳng thèm đành hanh nữa đâu. Chỉ vài ba năm nữa thôi, dù chẳng muốn, mình cũng thây kệ các cậu, mình đi Văn Điển. Thế thì mình còn sợ quái gì !

Xuân Diệu đột nhiên im lặng. Ông nhìn ra khung cửa sổ mở rộng. Ngoài ấy là khu vườn. Ánh nắng cuối ngày còn rực lên một lần nữa trong vòm lá sấu xanh mỡ. Gương mặt Xuân Diệu nhuốm một nỗi buồn âm thầm. Ông đưa tay vuốt mái tóc nhuộm đen, nhưng chân tóc lại bạc trắng, cả chân mày cũng bạc, bạc xoá như một nhuốm tàn nhang cháy dở. Chưa bao giờ tôi thấy Xuân Diệu già như lúc này. Điều đó làm tôi ớn lạnh. Giả sử Xuân Diệu ngã xuống thì sao ? Tôi thoáng rùng mình.

– Dạo này chú còn hay đi nói chuyện thơ nữa không ? – Tôi hỏi cho có chuyện, để xua đi cái ý nghĩ nặng nề đang ám ảnh.

– Ít lắm, thi thoảng thôi, – Xuân Diệu đáp, – vì mình không còn nhiều thì giờ, phải viết nữa chứ. Mình đã viết xong bài về thơ Huy Cận rồi. Bây giờ nếu chết cũng chết được rồi, không còn gì phải ân hận nữa. Mình chỉ sợ chết mà không viết xong được cho Huy Cận.

Xuân Diệu mỉm cười. Nụ cười rất mãn nguyện. Bài giới thiệu tuyển tập Huy Cận ông đã viết xong đến dòng cuối cùng. Có dễ trăm trang chứ chẳng ít.

Tình cảm của Xuân Diệu với Huy Cận thật hết dạ, hết lòng. Nhìn Xuân Diệu vui, lòng tôi se lại. Không hiểu sao dạo này, ông hay nói đến cái chết. Có điềm gì chăng ?

– Hôm nay, lẽ ra mình đi Hà Bắc nói chuyện. Nhưng mình lại không đi nữa.

– Chú mệt à ?

– Không ! Mình không đi vì cái cậu đi mời nó ngu quá ! Đã mời nhà thơ Xuân Diệu rồi lại mời hai nhà thơ trẻ nữa. Thế ra gà nhà tức nhau tiếng gáy à mà phải tranh nhau gáy.

– Họ không biết, chú ạ. Có khi họ chỉ nghĩ đơn giản hơn...

http://tieulun.hopto.org

– Không biết thì phải học chứ. Lịch sự cũng cần phải học. Ở các nước văn minh, không bao giờ người ta để các nhà thơ lớn xếp lộn tùng phèo với các nhà thơ hạng ba. Chỉ có mình mới có sự lộn xộn như thế. Thơ tớ, nó còn xếp nhuận bút ở thang loại B, loại C nữa kia...

(...)

Xuân Diệu mời tôi ăn cơm với ông, nhưng tôi từ chối, với lý do là đã chót hẹn với một người bạn rồi. Thực ra chẳng có người bạn nào chờ tôi chiều ấy cả. Sau này tôi cứ ân hận mãi, sao hôm ấy mình không ở lại ăn bữa cơm đạm bạc với Xuân Diệu.

– Thế thì cứ ở chơi thêm chút nữa đã. Mình có thơ mới đấy. Lâu rồi, Khoa không lại chơi.

– Cháu qua luôn đấy, nhưng chú đi vắng. – Tôi khéo chống chế.

– Mình đi vắng thì Khoa phải để giấy lại chứ. Không thế sao mình biết là Khoa đến chơi.

Xuân Diệu đưa bản thảo cho tôi đọc, rồi ông đứng dậy làm cơm. Ông đặt cái bếp điện có dây *mayso* lên bệ tường, rồi bóp cơm nguội để rang lại. Bàn tay Xuân Diệu to, cái xoong lại bé tý, nên ông làm có vẻ chật vật. Đang bữa chiều, các gia đình thổi cơm, điện sụt thế. Cái bếp bắt bụi, chỉ khẽ phả ra một thoáng khói mỏng, mãi không đỏ lên được. Xuân Diệu lụi cụi cho mỡ vào chảo. Trong tâm trí tôi bỗng vẳng lên những câu thơ thân thuộc của ông : *Em ngồi ríu rít ở sau xe – Đời vui khi được có em kề – Anh đợi em về ăn cơm – Em bóc anh múi cam – Em chăm anh miếng nước – Em có tài nấu nướng – Anh có tài ngợi khen.* Người con gái ấy là ai ? Và cái cảnh đầm ấm, ríu rít ấy ở đâu ? Ở trong đời hay ở cõi mộng ? Trước đây tôi thấy có một người vẫn nấu cơm cho Xuân Diệu. Đó là một bà cụ già, người nhỏ thó, gương mặt nhăn nheo mà Xuân Diệu vẫn gọi là u già. Bà cụ cứ một điều "bác Diệu", hai điều "bác Diệu". "Cậu giáo đến thăm bác Diệu à ? Bác ấy ở trên nhà đấy. Cứ để xe đó, tôi trông cho". Không hiểu sao, bà cụ cứ gọi tôi là cậu giáo. "Bác Diệu ơi, vườn rụng nhiều lá quá. Mai tôi quét đun nhé", "Vâng, u quét đi". "Thế cũng đỡ cho bác hai hào than đấy !" Lâu nay tôi không thấy bà cụ đâu nữa. Cũng có thể bà cụ về quê, vì đã quá già không náu được cơm cho Xuân Diệu nữa. Cũng có thể, bà cụ đã mất rồi. Xuân Diệu không nói, mà tôi cũng không nỡ hỏi.

http://tieulun.hopto.org

V

Tôi không hiểu nhiều về đời tư Xuân Diệu, cũng không biết ở các lĩnh vực khác, Xuân Diệu là người như thế nào. Còn đối với văn chương, ở riêng địa hạt văn chương thì Xuân Diệu quả nhiên có biệt tài. Đặc biệt là tài thẩm thơ. Có khi ông chỉ chữa cho tôi một chữ mà bài thơ biến đổi cả thần thái. Ví như bài *Đêm Côn Sơn*. Nhiều người nhắc đến câu thơ *Ngoài thềm rơi cái lá đa – Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng*. Xuân Diệu cũng khen hai câu thơ này. Ông cho là tôi nghe tinh, có giác quan tinh tế. Nhưng thực ra khi viết, tôi đâu có nghe, mà cũng chẳng nghĩ ngợi gì. Tôi chỉ muốn lấy cái *động* của lá rụng để diễn tả cái *tĩnh* của ngôi chùa, và tôi bịa ra cái lá đa rụng. Thực tế, Côn Sơn không có đa. Sân chùa chỉ có mấy cây đại, cây ngâu, và xa hơn nữa là đồi thông, là rừng cây bạch đàn. Nhưng phải có cây đa thì mới ra cái chùa "*Con vua thì lại làm vua – Con sãi ở chùa lại quét lá đa*". Rồi tôi viết :

Mờ mờ ông bụt ngồi nghiêm
Sợ gì, ông vẫn ngồi yên lưng đền.

Sợ gì là tôi tự nói với mình, trong đêm đừng sợ ông Bụt, ông vẫn chỉ ngồi yên thế thôi. Nhưng đến Xuân Diệu, ông chữa thành :

Mờ mờ ông Bụt ngồi nghiêm
Nghĩ gì, ông vẫn ngồi yên lưng đền...

Xuân Diệu thay chữ "*nghĩ*", ông Bụt đã hoá thành cơ thể sống, đã thành sự sống.

Xuân Diệu tinh tường như vậy đấy. Còn trong lĩnh vực sáng tác, Xuân Diệu đã hoàn thành xuất sắc sự nghiệp thơ ca của mình từ khi ông mới 24 tuổi : cho ra đời hai tập *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió*. Đây là thời kỳ rực rỡ nhất trong đời thơ Xuân Diệu. Thơ ông tài hoa, tinh tế và sang trọng. Sau này Xuân Diệu vẫn tiếp tục làm thơ, đều đặn và cần mẫn : "*Cục ta cục tác – Để trứng này rồi, tôi còn trứng khác*". Và cũng như con gà công nghiệp ấy, Xuân Diệu *đẻ* liên tục, sòn sòn hết lứa này đến lứa khác. Trung bình cứ một, hai năm ông lại cho ra đời một tập thơ đuề huề, vạm vỡ. Nhưng đấy vẫn là sản phẩm phụ, là phần ông làm thêm, cho ta một Xuân Diệu sung sức, một Xuân Diệu phong phú,

http://tieulun.hopto.org

đa dạng, tung hoành trên nhiều đề tài. Tôi rất thán phục hai câu thơ kiệt xuất được viết sau Cách mạng của ông :

Trái đất ba phần tư nước mắt
Đi như giọt lệ giữa không trung...

Theo tôi, đây là hai câu thơ hay trong kho tàng thi ca nhân loại. Hay ở sự giản dị, ở tầm lớn, ở sức khái quát rất cao, ở cả tài nghệ *đưa thực tế vào thơ* nữa. Xuân Diệu có những thỏi vàng ròng rất quý như vậy vứt lăn vứt lóc ở những xó xỉnh nhá nhem trong cái kho châu báu của ông. Tuy thế, tôi trộm nghĩ, sự đóng góp lớn lao của Xuân Diệu sau Cách mạng vẫn không phải là thơ ca, mặc dù thơ ông vẫn hay, cũng không phải ở mảng dịch thuật, mặc dù mảng dịch thơ, giới thiệu thơ này cũng đã đủ thành một sự nghiệp mà nhiều người không dám mơ tưởng. Tài năng Xuân Diệu sau thời *Thơ thơ, Gửi hương cho gió*, một lần nữa lại rực chói lên ở lĩnh vực phê bình, nghiên cứu thơ ca. Nói như Chế Lan Viên, một mình Xuân Diệu làm việc bằng cả một viện Hàn lâm văn học. Ở đó, ông vừa là viện trưởng, vừa là loong toong. Xuân Diệu đã viết về hầu hết các danh nhân văn học Việt nam. Viết hay đến mức không ai có thể sánh được. Mặc dù trước Xuân Diệu chúng ta đã có Hoài Thanh, nhà phê bình thiên tài ở thời Thơ mới. Trong khi có những nhà nghiên cứu viết hàng tập chuyên luận dày hàng trăm trang về một tác giả nào đó mà vẫn lù mù, vẫn *mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm*, thì Hoài Thanh chỉ nảy vài chữ, thậm chí chẳng cần trích một câu thơ nào, mà vẫn thể hiện hết thần thái, hồn vía của thi sĩ đó. Nếu Hoài Thanh có biệt tài tiên cảm văn chương, thì Xuân Diệu lại rất giỏi đi vào kỹ xảo, đi vào thực tiễn cụ thể của bếp núc nhà nghề. Hai tập thơ *Nhà thơ cổ điển* của ông, cùng với *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh, là hai bộ sách quý, và đối với tôi, đó còn là bảo bối, là sách học nghề...

(In trong tập *Chân dung và đối thoại*,
NXB Thanh niên, Hà Nội, 1988)

http://tieulun.hopto.org

MÃI MÃI BAN ĐẦU(*)

TÔ HOÀI

... Mỗi khi nhớ, chuyện về Xuân Diệu chỉ buồn thương, buồn cười và đáng yêu, chỉ đáng yêu. Xuân Diệu tính đếm cẩn thận, từ chi tiêu đến sáng tác, cẩn thận một cách lờ khờ, có khi tưởng kín bưng, kỳ tình ai cũng biết.

Đặt kế hoạch hẳn hoi chứ. Xuân Diệu hay đi nói chuyện văn thơ. Xuân Diệu chăm chút bảy, tám bài nói, nói khắp nước cũng chuyên mấy "tủ" ấy. Đã trau dồi đến thuộc làu, chỗ nào giơ tay, chỗ nào nghiêng phải, nghiêng trái, lên giọng và nhấn mạnh ; chỗ nào đợi vỗ tay, đợi cười và mỉm cười. Xuân Diệu xuýt xoa thú vị : "Nước ta rất chuộng văn học và cũng là cái mốt. Phục vụ không bao giờ xuể được, nói suốt tháng vẫn kín chương trình". Thời chống Mỹ, tôi đi với Xuân Diệu lên nói chuyện ở Đại học sư phạm Vinh sơ tán trên huyện Thạch Thành Thanh Hoá. Mỗi bữa ăn, Xuân Diệu săn sóc thực đơn lấy – Xuân Diệu nói – như thế không làm chủ nhà tốn kém, lại hợp sự cần thiết của mình, không sang trọng đâu, toàn những thứ cần thiết : mấy quả trứng, thịt bò hay thịt gà, canh măng hay canh cà chua, canh cà chua hơn, cho nhiều hành và nhớ đậm một chút. Với ngày hai buổi, lại tối nữa, phải thế mới có sức. Cả đến viết, Xuân Diệu cũng tính chi ly tức cười, mỗi bài đều để làm hai việc một lúc. Bài nói ở đài hoặc đăng báo rồi in sách. Nếu không, không viết, không bao giờ viết bài đăng báo rồi không in vào sách. Xuân Diệu chê tôi viết lung tung, phí chữ. Năm tháng qua, quyển sách thành hình trong đầu, các bài viết lắp dần vào. Lại từ đấy tính ra sự tiêu pha. Ở Yên Dã, cái quần ka ki vàng nhạt của Xuân Diệu đã bợt cả hai bên mông. Hỏi sao để trễ tràng thế, sắm cái quần khác đi. Bảo "không ngờ cái quần này mau rách, thành thử lỡ kế hoạch. Đáng lẽ cuối năm mới đến hạn thay quần mới. Chán quá". Chúng tôi đi công tác

---

(*) Tên bài do người tuyển chọn đặt.

http://tieulun.hopto.org

"thuế công thương" ở trung du. Xuống tận Lâm Thao, cách bốt Việt Trì không mấy chốc. Đã được trên tỉnh dặn phải gọn, nhưng ba lô Xuân Diệu vẫn đủ thứ dự trữ, mỗi chuyến đi công tác đều sắp sẵn thế. Lọ nước mắm kem đặc sệt. Một túi củ hành tỏi đã bóc bớt lớp vỏ cho nhẹ đem từ khu Bốn ra. Hộp thịt bò kho ướp lá sả. Cái thịt bò khô khan ấy xào nấu ở nhà tôi, hôm chúng tôi tạt vào Thinh Cù trước khi xuống Lâm Thao. Lúc đi, tôi chỉ đeo ba lô con cóc, có cái màn và quần áo. Xuân Diệu cằn nhằn : cậu này, có cái ăn mà cũng ẩu. Thế thì cậu quý cái gì ? Nói thế, nhưng xuống bếp tập thể vẫn chia cho tôi miếng thịt và củ tỏi, cho đấy, ăn nữa cũng được. Nhưng cứ phàn nàn, cảu nhảu. Tôi cười và chén tự nhiên.

Xuân Diệu cho tôi là một đứa khinh bạc. Nhưng lại thương tôi, nên hay khuyên bảo, nhiều khi từ những việc nho nhỏ. Xuân Diệu khuyên tôi phải biết quý miếng ăn. Xuân Diệu dạy tôi khi nào đứng đái thì cắn chặt hai hàm răng lại, như thế sẽ ăn khoẻ chẳng kém hằng ngày uống vitamin B. Xuân Diệu bảo bí quyết dưỡng sinh gia truyền ấy, ông thân sinh đã dạy từ khi còn bé. Tôi có cảm tưởng Xuân Diệu ăn uống chẳng bao nhiêu, nhưng ăn cố. Không phải Xuân Diệu ăn,mà là một người nào khoẻ lắm gắp hộ, biến Xuân Diệu thành con ma ăn, trông đến thương. Một chuyến cùng nhau đi nước Lào, chúng tôi ở khách sạn Apôlô, mỗi sáng Xuân Diệu nhắc : không ăn sữa thì để riêng đấy cho mình, không ăn hết bánh cuốn thì lấy đĩa sẻ sẵn ra cho vệ sinh. Cố lên, ăn phất phơ như cậu không được. Nhà bàn bưng ra nhiều món, Xuân Diệu cứ thong thả vừa nhai vừa nhấm từng miếng đến hết. Đêm ấy đau bụng phải đi cấp cứu. Ở bệnh viện về, Xuân Diệu thở dài : "Cái miệng làm khổ cái bụng, mình phải tính tham ăn". Nhưng rồi lại vẫn thong thả quét sạch mâm, như mọi khi.

Tuy vậy, ăn phung phí Xuân Diệu không chịu. Tôi rủ Xuân Diệu đi nhà hàng Phú Gia, đầu bàn đặt chai bọc rơm rượu Ý Chianti. Có cả Nguyễn Tuân và Huy Cận. Tôi nói đùa với Nguyễn Tuân : "Phải lên cao lâu để xem ông ấy ăn cho thích mắt". Nhưng Xuân Diệu chỉ gọi có một món bít tết. Xuân Diệu bảo tôi : "Bao nhiêu đứa đứng xung quanh rình chọc tiết cậu, giết tiền của cậu. Ăn làm gì ! Một món ở đây nó nghiền bằng cả thăng thịt chó. Thịt chó bổ nhất các món thịt". Thịt chó, nhưng Xuân Diệu cũng không đụng đến thịt chó hàng. Xuân Diệu mua thịt chó sống, mỗi tuần lễ đánh chén hai lần vào ngày nhất định. Trong

http://tieulun.hopto.org

thành phố nhiều quán thịt cầy, mà không có hiệu bán thịt chó sống. Xuân Diệu đã có thổ công mua quen. Xuân Diệu mách tôi "cái cô bé ngồi sau cửa chợ Hàng Da". Tôi đã đến mua của cô hàng thịt chó sống bên cái sân bán cua ốc nhớp nháp cạnh nhà vệ sinh khai nồng nặc. Bây giờ chợ Hàng Da mới, cô hàng thịt chó sống ra đứng bán rong ngoài vỉa hè. Chẳng biết ngày trước cô hàng có biết ông khách quen ấy là nhà thơ của ta không.

Một dạo tôi làm đối ngoại ở cơ quan. Thỉnh thoảng, Xuân Diệu cho tôi chiếc mùi xoa, đôi bít tất, đem đến tận nhà. Tôi cười : "Hối lộ à ?". Xuân Diệu nói : "Thằng này thì cái gì cũng đoán được, mà nói ác. Ừ, để nhớ đến nhau thôi". Có gì đâu mà tinh quái, chỉ hồn nhiên như Xuân Diệu mới lấy làm lạ.

Từ thuở trẻ, cái bắt tay như vồ lấy, trán đụng vào nhau, bốn con mắt vuốt ve nhau nghiêng ngả. Ở đâu Xuân Diệu cũng đào hoa mối tình trai. Buổi chiều trong kháng chiến, đã hết lo máy bay lên ném bom, chúng tôi đặt ba lô nghỉ chân ở Ấm Thượng, xuống sông tắm táp xong lên dạo phố. Đêm ấy thị trấn mời Xuân Diệu nói chuyện thơ. Bọn con trai choai choai kháu khỉnh xúm quanh nhà thơ. Tuổi trẻ, trai gái thấy nhau như có điện, dù điện yêu hay điện ghét, thái độ hiện ngay ra con mắt, nụ cười, cái bĩu môi, dáng sóc cổ áo, bãi nước bọt. Đằng này con gái đi ngang mắt dửng dưng như không, nhưng con trai xoắn xít vòng trong vòng ngoài. Sáng hôm sau đến chơi, Xuân Diệu nắm cổ tay từng đứa, nhìn dõi vào mắt, mân mê như chọn đẫn mía. Các cậu còn đeo ba lô hộ, tiễn chúng tôi một quãng xa.

Chiều hôm ấy ở Viêng Chăn bên cửa sổ buồng khách sạn Apôlô bờ sông Mêkông trông sang lưng phố bến Nọng Khai bên kia. Rặng cây "mạy sắc", những chòm hoa đùn lên như giải mây vàng phủ dài.

Chúng tôi trầm ngâm cả giờ nhìn sông lũ đỏ ngầu – cách một mảng nước đã là Thái Lan. Mai mốt dòng sông xuống dưới kia qua chín cửa ra biển Đông. Thời gian, xa cách và sông nước lúc nào cũng không cùng.

Tự dưng, Xuân Diệu nắm tay tôi :

– Chúng mình già rồi.

Nhớ những đêm man dại ở Yên Dã, nhớ như in hơn bốn mươi năm trước, cũng tay tôi đây, Xuân Diệu vuốt lên, đắm đuối. Bây giờ nhìn

http://tieulun.hopto.org

nhau lặng yên. Tôi chợt buồn hơn cả câu Xuân Diệu nói. Xuân Diệu không già mà tôi mới là ông lão. Xuân Diệu có một tình yêu riêng không bao giờ biết tuổi, từ xưa đến giờ vẫn tơ tưởng, vẫn thanh xuân, vẫn thiết tha. Ở Đan Mạch mới có luật cho người cùng giới lấy nhau. Lão Axen 72 tuổi yêu lão Alyxin 70 tuổi đã trên bốn mươi năm, bây giờ được ra toà thị chính Thủ đô Côpenha làm đăng ký kết hôn. Nhưng chàng Xuân Diệu không thuỷ chung như hai lão kia. Xuân Diệu tài hoa và đam mê, cả đời đuổi theo mộng.

Một bài thơ, những bài thơ, những mối tình trai, tình gái. Thơ tình Xuân Diệu gửi một người lính trẻ rời thành hố vào chiến trường :

EM ĐI

Tặng Hoàng Cát.

Em đi, để tấm lòng son mãi
Như ánh đèn chong, như ngôi sao
Em đi, một tấm lòng lưu lại
Anh thương nhớ em, lệ muốn trào

Ôi Cát ! Hôm vừa tiễn ở ga
Chưa chi ta đã phải chia xa !
Nụ cười em nở, tay em vẫy
Ôi mặt em thương như đoá hoa !

Em hỡi ! Đường kia vướng những gì
Mà anh mang nặng bước em đi !
Em ơi, anh thấy như anh đứng
Ôm mãi chân em chẳng chịu lìa.

Nhưng bóng em đi đã khuất rồi,
Đứt lìa khúc ruột của anh thôi !
Tình ta như mối dây muôn dặm
Buộc mãi đôi thân, dẫu cách vời

http://tieulun.hopto.org

Em hẹn sau đây em trở về
Sống cùng anh lại những say mê...
Áo chăn em gửi cho anh giữ
Xin gửi cùng em cả hẹn thề !

Một tấm lòng em sâu biết bao
Để anh thương mãi, biết làm sao !
Em đi xa cách, em ơi Cát
Em chớ buồn, nghe ! Anh nhớ, yêu...(*)

Đêm 11 - 7 - 1965, 23 giờ 30.

Ai yêu thơ Xuân Diệu, hiểu được thơ tình não nùng của Xuân Diệu, không phân biệt trai gái, phải thấu nỗi niềm và duyên nợ của nhà thơ, suốt đời nhớ thương và chờ đợi. Không bao giờ sầu não thất vọng, không bao giờ già, mãi mãi ban đầu.

(*) Báo *Nhân Dân* số tết Kỷ Tỵ, 1989 (Trích trong *Cát bụi chân ai*, NXB Hội Nhà Văn, 1991)

http://tieulun.hopto.org

NGƯỜI BẠN CHÂN TÌNH VÀ ĐẦY NHIỆT HUYẾT(*)

ANH THƠ *kể*
TÔN THẢO MIÊN *ghi*

Lần đầu tiên tôi được nhìn thấy Xuân Diệu là trong một biểu diễn thuyết. Ông nói chuyện, đọc thơ thật say sưa và truyền cảm, dường như muốn bộc bạch hết tất cả tâm can và nỗi lòng mình với người nghe. Tôi đứng lặng im nhìn ông... Ấn tượng ban đầu thật tốt đẹp.

Sau này, trong cả thời kỳ kháng chiến, tôi còn được gặp Xuân Diệu rất nhiều lần nữa. Chúng tôi bắt đầu quen nhau. Biết tôi hay làm thơ, Xuân Diệu cứ đòi xem và muốn đăng thơ tôi lên báo. Nhưng tôi nhất định không đồng ý. Tôi cũng không hiểu tại sao lúc đó mình lại làm như vậy. Có lẽ do lòng kiêu hãnh của một nhà thơ trẻ. Qua những buổi chuyện trò và trao đổi về thơ ca, tình bạn giữa chúng tôi ngày càng trở nên thân thiết. Nhưng lúc đó tôi cũng chỉ nghĩ rằng : được làm bạn với một nhà thơ nổi tiếng như Xuân Diệu cũng là điều may mắn và hạnh phúc lắm rồi.

Tôi có mặt trong hầu hết các buổi nói chuyện của Xuân Diệu, nhưng cũng chỉ dám đứng từ xa để "ngắm nhìn" ông với một lòng ngưỡng mộ chân thành và đầy cảm phục. Lúc đó Xuân Diệu đã làm rất nhiều thơ và có nhiều bài hay, nhưng tôi thích nhất một bài, trong đó có câu *"Thiếu nữ nhìn xuân đứng mỉm cười"*... bởi vì nó nói đúng tâm trạng của một thiếu nữ mới lớn như tôi.

Thời gian qua đi, cả hai chúng tôi đều "mải" làm thơ mà "quên" mất chuyện riêng tư, nên vẫn cứ cô đơn. Với Xuân Diệu, người kính trọng tài năng thì nhiều, kẻ thầm yêu trộm nhớ cũng lắm, nhưng rốt cuộc nhà thơ của tình yêu vẫn cô đơn, lẻ loi trong tình yêu. "Không lẽ để cho

(*) Tên bài do người tuyển chọn đặt.

http://tieulun.hopto.org

hai con người giàu tâm hồn và nhân hậu ấy cứ đơn chiếc mãi", bà Hằng Phương là bạn của chúng tôi, nghĩ vậy. Và bà đã rất nhiệt tình làm nhiệm vụ bà mai của mình. Bà đã tạo ra nhiều tình huống như tổ chức liên hoan, đi chơi đây đó để tôi và Xuân Diệu có dịp gần gũi nhau. Tự đáy lòng mình, lúc đó tôi cũng cảm thấy thương Xuân Diệu, nhưng không dám nghĩ rằng Xuân Diệu lại có thể dành tình cảm cho mình, bởi vì xung quanh ông có biết bao cô gái trẻ, đẹp khác. Thế rồi, cũng vì sự gán ghép đó mà tình bạn giữa chúng tôi đang hồn nhiên, vô tư, bỗng trở nên ngại ngần, xa cách. Nhưng dù sao, giữa chúng tôi cũng có sự ràng buộc bởi Nàng thơ, nên chẳng bao lâu, chúng tôi đã vượt qua những e ngại đó, và mỗi người đều giữ lại trong lòng mình tình bạn chân thành.

Tôi nhớ, có lần nghe tin Xuân Diệu bị đau khớp, tôi đã tự tay chế thuốc theo bài thuốc gia truyền của gia đình để gửi Hằng Phương mang qua cho Xuân Diệu. Nhận được gói thuốc, Xuân Diệu vô cùng cảm động. Hằng Phương kể lại rằng ông cứ ôm gói thuốc vào lòng và chạy theo Hằng Phương mãi. Sau lần đó, Hằng Phương cứ phấp phỏng đợi chờ, hy vọng tình yêu sẽ đến với hai người. Nhưng tiếc rằng hai người chúng tôi "hữu duyên" mà "vô phận". Xuân Diệu đã đón nhận tình cảm của tôi đúng với nghĩa tình bạn. Ông đã viết cho tôi một lá thư rất chân tình và thắm thiết, trong đó ông nói rằng ông rất quý mến và trân trọng một con người có nhân cách và đầy tình cảm như tôi, nhưng giữa hai người chỉ nên giữ lại tình bạn. Bởi vì, theo ông, hai người cùng làm thơ không nên sống với nhau. Ông cảm ơn tình cảm của tôi đã dành cho ông và xin hứa sẽ luôn luôn bên cạnh tôi để giúp đỡ, dìu dắt tôi trong sự nghiệp văn học.

Tình bạn giữa chúng tôi cứ ngày càng bền chặt và gắn bó. Ngày tôi lấy chồng, được tin, Xuân Diệu đã mang đến một bó hoa rất đẹp và còn làm thơ chúc mừng hạnh phúc của chúng tôi. Xuân Diệu cũng không quên nhắc lại lời hứa của mình nguyện sẽ là người bạn gần gũi giúp đỡ sự nghiệp văn học của tôi. Và ông đã thực hiện đúng lời hứa của mình. Ông là người bạn thơ rất chân tình, thẳng thắn. Nhiều bài thơ tôi làm, chỉ cần Xuân Diệu sửa chữa một chút thôi, cũng nổi bật và hay hẳn lên, vì thế tôi rất phục và cảm kích tấm lòng của ông.

http://tieulun.hopto.org

Suốt mấy chục năm trời, tôi và Xuân Diệu luôn đi công tác cùng nhau. Bài thơ *Biển* của ông ra đời khi chúng tôi cùng đi công tác ở đảo Côtô. Lúc đó đoàn chúng tôi có bảy người, cả bảy người đều làm thơ, nhưng bài *Biển* của Xuân Diệu được đánh giá là hay nhất. Rồi sau này, vào nhiều dịp khác chúng tôi đều có dịp gần gũi và giúp đỡ nhau. Xuân Diệu ít khen thơ tôi và rất thích thi đua làm thơ với tôi. Theo quan niệm của Xuân Diệu, muốn có thơ hay thì phải cắm sâu vào vùng đất mình đến và gần gũi với con người ở đó. Ông cũng là người rất có nghị lực, tuy cuộc đời có nỗi bất hạnh riêng. Mỗi khi tôi buồn, Xuân Diệu luôn động viên, an ủi và đôi khi còn "mắng" là "không được buồn rầu, uỷ mỵ, không nên lo nghĩ quá nhiều về chuyện đời".

Trong số các nhà thơ nam, Xuân Diệu là người thân nhất. Mãi mãi tôi quý trọng và tôn thờ cái chất tình trong thơ tình Xuân Diệu, cả thơ trước và sau Cách mạng. Thơ tình của ông thật gắn bó và gần gũi với cuộc đời. Nói đến tình yêu là phải nói đến hạnh phúc và đau khổ. Thơ tình Xuân Diệu, không nằm ngoài quy luật đó. Tôi rất có ấn tượng với chùm thơ *Đắng* của ông. Mỗi khi đọc những bài thơ buồn của Xuân Diệu, tôi rất thương ông về phần cuộc đời, nhưng lại mừng ở góc độ thơ ca. Là người am hiểu tâm lý phụ nữ một cách tinh tế và sâu sắc, Xuân Diệu đã có nhiều bài thơ diễn tả thành công tình cảm và nỗi lòng của người phụ nữ, trong số đó tôi rất thích bài *Lời kỹ nữ* của ông.

Tôi còn nhớ, có lần vừa đi công tác ở miền Nam ra, Xuân Diệu đã vội đến thăm tôi vì nghe tin tôi mới ra một tập hồi ký. Ông chúc mừng tôi, sau đó còn nói đùa một câu : con gà tức nhau tiếng gáy. Bởi thế, ông cũng phải viết hồi ký. Tiếc rằng mới viết được 40 trang thì ông mất. Tôi không làm sao quên được cái giây phút nhận được tin ông mất. Tôi lặng người đi và cảm thấy có một sự mất mát quá lớn đến với mình. Tôi đã làm một bài thơ nhớ tiếc Xuân Diệu, bởi vì, với tôi Xuân Diệu luôn luôn là người anh, người bạn chân tình và đầy nhiệt huyết.

Tạp chí Văn học, số 12 - 1995.

http://tieulun.hopto.org

TÔI LÀ MỘT TRÁI CAM, HÃY VẮT KIỆT LẤY NƯỚC CỦA NÓ - ĐÓ LÀ NHỮNG DÒNG THƠ TÔI

ALẾCHXÂY VAXILIÉP
(Liên Xô)

Tôi làm quen với nhà thơ Xuân Diệu trong một buổi chiêu đãi ngoại giao. Anh lập tức làm cho mọi người chung quanh chú ý vì cái dáng dấp "thi sĩ" của mình. Đầu hơi ngả ngả về đằng sau, mớ tóc dài, ánh mắt sôi nổi, vầng trán cao.

Nhưng lúc đó tôi chưa có dịp nói chuyện với anh.

Vài tháng sau tôi gặp lại Xuân Diệu. Chúng tôi đến tỉnh Thái Bình - Cuba của Việt Nam. Trên sân một làng thuộc huyện Tiên Hưng, nhân dân đang tập trung đông đủ. Chúng tôi vào nhà ông chủ nhiệm hợp tác xã và gặp Xuân Diệu ở đây. Anh đang mệt mỏi ngồi sau một cái bàn và ăn trứng sống.

– Cổ họng đã khô rát. – Xuân Diệu nói nhỏ dường như để giải thích với tôi khi thấy tôi nhìn anh quá chăm chú. – Trong vòng bốn ngày phải nói chuyện năm lần. Thế mà những người "nhẫn tâm" này, – anh dịu dàng đưa mắt về phía mấy người nông dân : – lại triệu tập dân làng lại và yêu cầu tôi nói chuyện lần thứ sáu. Cổ họng tưởng chừng như bị rách ra rồi... – Anh đứng dậy khoác áo vào rồi nói : – Vâng, tôi là một trái cam. Hãy vắt kiệt lấy nước của nó, đó là những dòng thơ tôi.

Xuân Diệu bước ra ngoài sân, nói vài câu rồi bắt đầu đọc thơ. Dân làng vui sướng hoan nghênh anh, vỗ tay tán thưởng từng hồi dài, sau mỗi lần anh đọc xong một bài thơ. Không ai muốn ra về mặc dầu trời đã tối.

Trên đường về Hà Nội, chúng tôi đi cùng với nhau.

– Tất nhiên là tôi rất mệt. – Xuân Diệu nói. – Nhưng liệu có ai lại nghĩ đến chuyện mệt nhọc khi chiến tranh đang tiếp diễn. Đối với tôi,

http://tieulun.hopto.org

được ngâm thơ trước một công chúng như vậy là một hạnh phúc lớn. Và tôi không sợ mệt mỏi : vì sự mệt mỏi như vậy đem lại sự sảng khoái. Nhân dân nước chúng tôi đang chiến đấu. Họ đòi hỏi ở chúng tôi không phải những tác phẩm thô sơ, sơ lược mà là những tác phẩm sâu sắc ; sự sáng tạo của chúng tôi phải giàu có, phong phú, đa dạng...

– Tôi thích tự đọc lấy những bài thơ của mình. – Xuân Diệu nói. – Tôi cảm thấy được thính giả đang nghe những bài thơ đó như thế nào, và điều đó cổ vũ tôi. Tôi thấy mình được là một nhà thơ của quần chúng.

... Ngày hôm đó chúng tôi trở về Hà Nội trên một chiếc xe GAZ nhỏ. Xe đến một bến phà. Nhưng phà vừa rời bến. Chúng tôi ra khỏi xe, dạo chơi quanh bến phà, thích thú ngâm chân mình xuống nước sông. Nước sông mát như làm tan biến ngay những mệt nhọc và lúc ấy chúng tôi mới thấy đêm đẹp như thế nào, sao trên trời sáng quá.

Chiếc phà quay trở lại, người lái phà nhận ra Xuân Diệu, khẽ gọi anh rồi bước tới chào. Tôi nhớ lại câu chuyện gắn với bến phà này mà tôi đã được nghe kể. Có lần anh vội phải đi tới một nơi nhưng lại gặp phải một con sông. Ở bến phà bao giờ cũng có một trật tự nghiêm ngặt, cần phải chờ một chiếc xe tải nào đó tới thì phà mới chở người cùng đi với xe qua sông. Xuân Diệu đề nghị họ chở qua sông, họ chỉ một mực trả lời rằng nội quy đã đề ra như thế không thể vi phạm được. Thời gian trôi qua, nhà thơ nóng ruột quá, không biết làm thế nào. Cuối cùng Xuân Diệu đành tự giới thiệu mình là nhà thơ, đang vội đến nói chuyện ở một địa điểm bên kia sông. "Anh là nhà thơ ư ?" – mấy người công nhân bến phà kêu lên. – Thế sao không nói ngay. Mời anh lên phà. Chúng tôi sẵn sàng chở một mình anh sang sông". Khi chia tay, họ yêu cầu anh viết một bài thơ về những người ở bến phà. Anh đặt cuốn sổ tay lên mạn phà và viết vài dòng thơ. Thế là nội quy bến phà đã bị vi phạm và Xuân Diệu kịp đến nói chuyện đúng giờ.

... Đêm đó, trên đường về Hà Nội, tôi đã hỏi chuyện nhà thơ.

– Anh hỏi tôi đã xuất bản được bao nhiêu sách ư ? Hơn ba mươi cuốn. Tôi viết nhiều. Đó là một cuộc chạy thi với thời gian, ai thắng ai. Nhà thơ cần phải hào hiệp. Thật là vui khi thấy rằng cho đến cuối đời mình, mình sẽ không phải chỉ viết được một cuốn sách.

Tháng 5-1967 tập thơ *Hai đợt sóng* được xuất bản. Đó là một cuốn sách viết về cuộc đấu tranh với đế quốc Mỹ, về tình yêu và lòng căm thù, những điều đã vọng lên từ trái tim nhà thơ. Nhiều bài thơ Xuân Diệu

http://tieulun.hopto.org

viết về những cảnh xa nhau : những người yêu phải xa nhau ; sự cách xa không dập tắt được tình yêu chân chính, nó chỉ làm ngọn lửa tình yêu bùng cháy thêm lên.

– Chúng tôi, các nhà thơ, chúng tôi phải chuẩn bị cho ngày thống nhất Việt Nam. – Xuân Diệu nói. – chúng tôi cố gắng đăng ở miền Bắc thơ của những nhà thơ yêu nước miền Nam. Đã 14 năm rồi không phải chỉ đất nước chúng tôi bị chia cắt, mà dường như chính bản thân mình bị chia cắt. Nhưng tôi tin rằng sẽ đến lúc đất nước thống nhất và sự thống nhất ấy sẽ đem lại nguồn sinh khí mới cho thơ.

Trong dòng máu Xuân Diệu, Bắc Nam hoà làm một. Mẹ anh là người miền Nam. Cha anh là người miền Bắc, ở một mảnh đất nghèo xứ Nghệ. Để kiếm sống cha anh phải đi vào miền Nam và ở tỉnh Bình Định, ông đã lấy một người con gái làm nước mắm. Nhà thơ được sinh ra ở miền Nam. Đó là quê hương anh thời niên thiếu, và khi nói đến thống nhất đất nước, mắt anh sáng lên.

Sau *Hai đợt sóng* nhà thơ đang chuẩn bị cho in tập thơ mới *Tôi giàu đôi mắt*.

– Tôi rất hạnh phúc là đã có thể nhìn thấy, yêu, tìm tòi và chiến đấu. – Xuân Diệu giải thích đầu đề tập thơ với tôi như vậy. – Đôi mắt ở đây còn có ý nghĩa nữa là : đôi mắt của người chiến sĩ đâm xuyên qua kẻ thù bằng ánh lửa căm thù, xuyên qua như một lưỡi lê.

Xuân Diệu đang cho in tập *Đi trên đường lớn* dày 300 trang, tập hợp các bài phê bình và bút ký anh viết gần đây.

Mùa thu 1967 anh bắt tay dịch tập trường ca *Vladimia Ilích Lênin* của Maiacốpxki. Dịch sang tiếng Việt tập trường ca dài 1000 câu, Xuân Diệu viết 20 trang lời giới thiệu.

– Làm sao anh có thể hoàn thành một khối lượng công việc lớn như vậy ? – tôi hỏi.

– Giữa hai người với nhau lẽ ra không nên nói những lời to tát nhưng tôi vẫn phải nói : Cuộc Cách mạng tháng Tám của chúng tôi là của tôi. Tôi đã đến thăm chiến hạm Rạng Đông, tôi đã nghĩ đến con tàu đó khi dịch bản trường ca *Lênin*.

Tôi nghĩ rằng không phải bao giờ cũng có thể dịch thơ từ tiếng nước này sang tiếng nước khác một cách dễ dàng ngay cả khi những tiếng đó gần nhau, huống chi tiếng Nga và tiếng Việt lại rất khác nhau về mọi mặt.

http://tieulun.hopto.org

– Tất nhiên là nhiều đặc điểm, nhiều tìm tòi trong thơ Maiacốpxki không còn giữ được trong bản dịch. Nhưng cái chính vẫn còn, đó là sức mạnh, niềm say mê, niềm tin thoát ra từ câu thơ.

Trước Cách mạng tháng Tám, Xuân Diệu là một nhà thơ lãng mạn, viết nhiều thể loại, chạy từ đề tài này sang đề tài khác nhưng rốt cuộc không tìm được chỗ đứng. Cách mạng tháng Tám đã đem lại cái đích cho cuộc sống của anh, hướng sáng tác của anh vào một mục tiêu hữu ích.

– Năm đó tôi hai mươi sáu tuổi. – Xuân Diệu nói. – Đó là thời tuổi trẻ của tôi. Mỗi khi tháng tám đến, nó lại nhắc tôi thời tuổi trẻ đó.

Hồi đó bọn phản động ra sức phá hoại nhà nước trẻ tuổi, chúng vu cáo nhà nước đó là không có tính chất dân tộc. Xuân Diệu sáng tác một trường ca ca ngợi ngọn cờ mới – ngọn cờ đỏ sao vàng. Tháng 1 - 1946 khi có cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên, Xuân Diệu viết bài *Hội nghị non sông* ủng hộ mặt trận dân tộc thống nhất.

– Tôi là một Đảng viên – nhiều lần Xuân Diệu nói – sáng tác của tôi có chủ đích rõ ràng. Tôi không tuyên truyền quan điểm của tôi một cách thẳng thừng, nhưng dù tôi viết cái gì – về gặt lúa, về tình yêu, về những đứa trẻ sơ tán, thơ của tôi vẫn mang tính tư tưởng cụ thể nhất. Tôi cố gắng để làm sao sáng tác của mình không phải là những cái khung sơ lược, trừu tượng, mà là những hình tượng đầy máu thịt.

Xuân Diệu nói rất sôi nổi, anh không sợ dùng những chữ "to tát". Tư tưởng Mác - Lênin đối với anh là tất cả tấm lòng anh.

– Tôi nhấn mạnh, – Xuân Diệu nói tiếp – Cách mạng đã mở ra cho tôi những chân trời mà trước đây tôi không thể mơ ước được. Nhân dân nước tôi bao giờ cũng yêu thơ, nhưng trước Cách mạng bị mù chữ. Bây giờ ngày càng có nhiều người đọc sách, đọc thơ. Trước Cách mạng, tôi là nhà thơ của một số ít người, sau Cách mạng tôi trở thành nhà thơ của đông đảo quần chúng. Bởi vậy mà tôi yêu nước cộng hoà của tôi. Con dế mèn trong đám cỏ gáy lên không phải để cho riêng mình. Nó gáy lên để tìm bạn. Nhà thơ mong muốn sao lời ca của họ được hàng triệu người nghe. Sự công nhận của đông đảo quần chúng là nguồn sức mạnh, nguồn cảm hứng của tôi.

Mã Giang Lân dịch
(Trích *Tạp chí Ngọn Cờ*, số tháng 11 - 1969)

http://tieulun.hopto.org

NGƯỜI BẠN LỚN CỦA NỀN VĂN HỌC BUNGARI(*)

BLAGA DIMITROVA
(*Bungari*)

Anh sinh ra ở Hà Tĩnh, miền Bắc Việt Nam. Trước Cách mạng tháng Tám 1945, anh là nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ mới. Trong bài nói đầu của hợp tuyển của nhóm này(1), Hoài Thanh đã viết : "Chưa bao giờ ở chúng ta xuất hiện những rung động mãnh liệt, những tìm tòi sáng tạo ghê gớm như ở Xuân Diệu". Thơ tình yêu của anh được phổ biến rất rộng rãi và rất được hâm mộ. Thơ của anh phôi thai, nảy mầm từ sữa, mật của đất. Đánh giá tập *Thơ thơ* (1938) của Xuân Diệu, Thế Lữ viết : "Lầu thơ ông xây dựng trên đất của một tấm lòng trần gian, ông đã không trốn tránh mà lại còn quyến luyến cõi đời"(2).

Nhà thơ khát khao thiên cảm về cuộc sống, và mỗi giây trôi đi cũng làm cho cuộc sống bị tổn thương :

Tôi muốn tắt nắng đi
Cho màu đừng nhạt mất ;
Tôi muốn buộc gió lại
Cho hương đừng bay đi.

Đây là quá trình giải phóng con người khỏi thứ luân lý và đạo giáo trung cổ ở Việt Nam thuộc địa đã từng đẩy con người ra ngoài lề xã hội. Và con người luôn luôn thấy cô đơn, bơ vơ :

Bốn bề ánh nhạc : biển pha lê,
Chiếc đảo hồn tôi rợn bốn bề.

(*) Tên bài do người tuyển chọn đặt.

(1) Tác giả trích ý của Hoài Thanh trong bài *Một thời đại trong thơ ca*, mở đầu tập *Thi nhân Việt Nam*, 1943.

(2) Thế Lữ, tựa *Thơ thơ*.

http://tieulun.hopto.org

Sương bạc làm thinh, khuya nín thở
Nghe sầu âm nhạc đến sao Khuê.

Khi không tìm thấy ý nghĩa của cuộc sống, nhà thơ đã chán chường trước sự vội vã của thiên nhiên :

Xuân đang tới, nghĩa là xuân đang qua,
Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,
Mà Xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất.

Sau Cách mạng tháng Tám, với tất cả tấm lòng bốc lửa của con người có nhiệt huyết, Xuân Diệu đã nhanh chóng hoà mình vào cuộc sống mới. Chính anh đã trở thành một bộ phận của dòng thác quần chúng trong những ngày sôi động này. Anh là một trong những người sáng lập nên nền thơ ca Việt Nam hiện đại – một nền thơ ca có sức thuyết phục lớn. Nó có khả năng diễn tả, truyền đạt sự rung động về cuộc sống tinh thần của con người trong xã hội mới sau bước ngoặt lịch sử vĩ đại của Việt Nam. Những rung cảm sâu sắc của cá nhân đã hoà lẫn và quyện chặt với cái chung của xã hội. Điều này đã được Xuân Diệu thể hiện qua tên một tập thơ của mình – tập *Riêng chung* (1960).

Xuân Diệu là nhà dịch giả kiệt xuất với các bản dịch thơ Exênhin, Puskin, Maiacôpxki,... Anh là người bạn lớn thân thiết của nền văn học Bungari, từ Bôtép đến những nhà thơ trẻ nhất sau này. Anh đang chuẩn bị dịch một hợp tuyển thơ Bungari ra tiếng Việt. Không biết các nhà thơ của chúng ta sẽ được thể hiện thế nào với sự gieo vần và nhịp điệu thơ phương Đông, với sự tái tạo dưới ngòi bút trữ tình tuyệt vời của anh.

Tôi không thể đưa ra một nhận xét gì khác trước một thiên tài độc đáo, duy nhất ngoài việc chỉ có thể thể hiện qua thơ :

TRÒ CHUYỆN VỚI MỘT NHÀ THƠ Ở TUYẾN LỬA MIỀN NAM

Tặng Xuân Diệu

Tôi gặp anh trên những lòng đường tan hoang
và sẫm tối
Anh mang trong ba lô một nắm gạo và một
quyển sổ thơ

http://tieulun.hopto.org

Chúng tôi ngồi dưới một bụi tre bóng chẳng
còn nguyên.
Phía xa xa, là chòm sao Nam Tào mới mọc.
Sao Nam Tào đóng vào trời biếc
Bằng năm cái đinh óng ánh xuyên suốt lòng tôi.
Anh bạn nhà thơ không có mái che trên những
mộng mơ
Anh không có những tấm ảnh vớt vát được của
những người thân thiết
Đặng chứng tỏ rằng anh đã từng có họ.
Vật duy nhất anh đang còn sở hữu
Là chiếc xe đạp dãi dầu.
Cả hai đều rất giống nhau
Nhà thơ, có nụ cười như chiếc xe đạp có những
nan hoa toả vầng mặt nhật.
Và chiếc xe đạp bị xám bởi bụi đường như là
đã đứng tuổi rồi.
Tôi hỏi anh : - "Cái bí quyết của nụ cười anh
là do đâu ?"
Để bắt lấy nguồn gốc nụ cười của mình, anh
trở nên trầm mặc...
– Bí quyết thật là đơn giản.
Để dựng lại đống hỗn độn mà không bị nó
dìm tôi đi mất,
Thì phải tựa mình vào một điểm duy nhất
trên đời.
Là trái tim con người.
Đó là một điểm vững chắc không thể nhổ lay.
Mặc dầu tôi là hữu hạn, bằng yêu thương tôi
trở thành vô tận.
Nếu tôi yêu, tôi ôm choàng cả không gian rộng lớn.
Nếu tôi yêu, tôi không biết sợ hãi là gì

http://tieulun.hopto.org

Nếu tôi yêu, thì cả bóng tối cũng đầy ánh sáng
của tình tôi.
Tôi còn thiếu cái gì trên quả đất này,
Dầu tôi không cần sở hữu vật gì cả ?
Vì lòng yêu thương tôi không hề thiếu,
chẳng bao giờ.(1)

Xuân Diệu còn là tác giả của nhiều tập tiểu luận và phê bình văn học. Sau chuyến đi thăm Bungari lần đầu, tháng 8-1971, anh đã viết một số bài thơ, bút ký tràn đầy rung động về cuộc sống của nhân dân Bungari, về cảnh đẹp thiên nhiên, về những công trình mới xây dựng và ca ngợi sự đóng góp chân thành của chúng ta vào sự nghiệp của nhân dân Việt Nam đang chiến đấu.

Nguyễn Thị Hường dịch
(Trong tuyển tập *Thơ Việt Nam*
do Blaga Đimitrova tuyển dịch và giới thiệu.
NXB Văn hoá nhân dân, Xôphia, 1972)

(1) Bản dịch bài thơ này của Xuân Diệu.

http://tieulun.hopto.org

MỘT TÀI NĂNG TƯƠI SÁNG VÀ PHONG PHÚ

MARIAN TCASÉP

Có lẽ rằng, từ cách đây đã lâu, trong cái làng nhỏ Trảo Nha thuộc tỉnh Hà Tĩnh, bà mẹ và ông bố khi đặt tên cho con mình là Xuân Diệu, có nghĩa là mùa xuân kỳ diệu cũng chưa hay biết rằng, cái tên ấy về sau sẽ xác định một cách không thể nào đúng hơn được nữa – một tài năng tươi sáng và phong phú như sức toả ấm của thơ đối với trái tim người. Xuân Diệu bắt đầu viết rất sớm và vào năm hai mươi mốt tuổi, tức là năm 1938 anh in tập thơ đầu *Thơ thơ* nổi tiếng trong toàn quốc. Anh đã bắt đầu đi trong dòng Thơ mới, một trường phái xuất hiện trong những năm ba mươi, đấu tranh chống lại những nguyên tắc thơ ca cũ kỹ, giành tự do và những tình cảm tự nhiên của con người và dám thổ lộ nó trong nghệ thuật. Chỉ có những lý tưởng xã hội ở trong thơ là bị đẩy đến sự tìm kiếm lãng mạn, mang tính chất mơ hồ. Điều đó có thể thấy rõ ở những tuyên ngôn cố ý phô trương trong thơ của các tác giả thơ mới. Nhưng, như những bài báo đã nhấn mạnh trong thời kỳ đó, thơ Xuân Diệu nổi bật lên ở cái cảm xúc hừng hực của mình, không phải cái hừng hực "lý tưởng" mà ở tính cách con người hiện thực trong tình yêu mà nhà thơ ca ngợi.

Xuân Diệu đã chào đón cách mạng đầy hào hứng, thán phục – cuộc cách mạng đã lật đổ ách nô lệ thực dân, tháng Tám 1945. Ngay năm đó, xuất hiện tập thơ *Ngọn quốc kỳ* của anh thấm nhuần lòng tự hào dân tộc và cảm giác vui tươi vì nền tự do vừa giành được.

Xuân Diệu đã đi hầu như hết nửa đất nước mình trên xe đạp để có thể tận mắt nhìn thấy sự nảy sinh của cuộc sống mới, nắm bắt được tính cách đa dạng nhiều mặt của nó cũng như sự biến diễn trong tính cách và số phận con người.

Từ đó đã 25 năm trôi qua, Xuân Diệu in được 10 tập thơ nữa. Chỉ có một tập trong số đó được in ra ở Hà Nội hoà bình, trước ngày 19-12-1946 khi bọn thực dân lại một lần nữa gây chiến chống lại nước Cộng hoà. Tiếp sau đó là ba tập sách – cho đến nay, nghĩ lại, có gì gần như sự

http://tieulun.hopto.org

thần kỳ – đã được viết ra và in xong ở rừng Việt Bắc, nơi đã làm nên thắng lợi sau chín năm kháng chiến gian lao, nơi không chỉ những viên đạn mà cả thơ ca cũng góp vào chiến thắng.

Bây giờ phải viết theo cách mới, và Xuân Diệu, cũng như trước kia, vẫn giữ nguyên mình là một nhà thơ trữ tình thâm thuý, bắt đầu suy nghĩ rộng lớn hơn, để có thơ thông qua mỗi cuộc đời riêng biệt, mỗi trận đánh, mỗi bi kịch của chiến tranh, nhìn thấy được vận mệnh của cả dân tộc mình, ý thức được chỗ đứng của dân tộc trong lịch sử toàn nhân loại. Thơ của anh cuối cùng đã đạt đến phẩm chất bậc thầy, đã chín : sự giản dị có tầm cao, sự chân xác của hình ảnh và sự sáng sủa đến hoàn chỉnh của âm điệu.

Năm 1954, hoà bình đã trở lại với đất nước Việt Nam, dù không được lâu dài. Trong thơ Xuân Diệu bắt đầu vang rộn lên đề tài lao động, anh cao giọng ca ngợi lao động làm đổi mới gương mặt của Đất (*Biển lúa*). Đối với thi sĩ, trong cuộc sống xung quanh mình, không thể có đề tài nào là "cao", đề tài nào là "thấp". Một vẻ đẹp thiên nhiên đủ làm anh say mê (*Chào Hạ Long*). Tinh thần anh phấn chấn vì *Cốc bia Việt Nam*, bia của mình sản xuất tại Hà Nội, những âm thanh cao của những tình cảm trữ tình (*Tình yêu từ đâu sinh ra* - ba bài thơ tình), những suy nghĩ mang tính triết học về ý nghĩa cuộc sống (*Mượn nhà vũ trụ*). Là một nghệ sĩ bậc thầy, Xuân Diệu hiện nay lại như có chút gì như quay về truyền thống cũ, vì thế chúng ta đọc những bài, chẳng hạn như *Phượng mười năm*, chúng ta bỗng nhiên nhớ đến thơ của những nhà thơ Việt Nam cổ điển, vẫn thường tính sự chuyển vận và đổi thay của thời gian qua sắc hoa nở hoa tàn của cây cỏ. Những bài thơ mang âm điệu chủ đạo, mạnh mẽ về miền Bắc lại như được làm đậm thêm, khắc sâu hơn vì những dòng thơ tràn đầy đau thương và giận dữ về tấn thảm kịch ở miền Nam, về sự dũng cảm của những chiến sĩ ở đó ; và đến khi chiến tranh lan ra đến tận miền Bắc, năm 1964, Xuân Diệu lại cùng với những bạn viết của mình, lăn mình vào những ngả đường chiến đấu. Những con đường trở thành chiến tuyến trong cuộc chiến tranh bằng không quân và nhà thơ hàng tháng trời đã sống liền ngay với những chiến sĩ pháo cao xạ, dân quân, lái xe, những người sửa chữa cầu đường,... Trong tiết tấu của thơ anh, nghe rõ được bước chân đi của cả dân tộc đang chiến đấu, âm vang của hành khúc chiến thắng. Bằng trí tuệ và trái tim, nhà thơ như đã thấy ra được cả chiến thắng ngày hôm nay vừa mới

http://tieulun.hopto.org

đạt được, khúc ca khải hoàn không phải chỉ riêng cho người Việt Nam mà cả những người có lương tri trên toàn thế giới...

Không thể nói hết những gì cho đầy đủ về anh trong một bài tiểu luận ngắn. Số sách in của Xuân Diệu đã lên tới gần bốn chục, gồm văn xuôi, bút ký, nghiên cứu về thơ cổ điển Việt Nam, những bài báo và tiểu luận về nghệ thuật thơ ca, những bản dịch thơ và trường ca. Tôi chỉ muốn nhấn mạnh thêm rằng Xuân Diệu đã dành những năm lao động đầy cảm hứng và không dễ dàng gì cho văn học cổ điển Nga và thơ Xôviết.

Tạp chí *Văn học nước ngoài*
(Liên xô) số tháng 5-1973.

...

Xuân Diệu khác các nhà thơ khác ở chỗ : thơ anh tinh tế, duyên dáng và nhạc điệu du dương thánh thót. Trong thơ Xuân Diệu có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chất trữ tình và tính công dân cao cả. Đáng chú ý là văn xuôi của anh cũng có một hình thức văn học rất hoàn mỹ và rất thơ. Những phẩm chất đó đã làm cho các tác phẩm của anh được in rộng rãi trên thế giới, được dịch ra tiếng Nga và các thứ tiếng khác ở Liên Xô, được xuất bản ở Ba Lan, Hunggari, Cộng hoà Dân chủ Đức, Bungari, Pháp, Mỹ, Ấn Độ và nhiều nước khác.

Bản thân Xuân Diệu cũng dành nhiều sức lực cho việc dịch thơ nước ngoài ra tiếng Việt. Những bản dịch rất đạt của anh là trường ca *Vlađimia Ilích Lênin* của Maiacốpxki, thơ trữ tình của Puskin và Êxênhin, thơ của Antôcônxki, Ximônốp, Lucônhin, Éptusencô và nhiều nhà thơ Xô viết khác.

Xuân Diệu đã nhiều lần sang thăm Liên Xô. Nhiều bài thơ, bút ký của anh viết về con người Xô viết, về sự lao động dũng cảm của họ, về thành tựu chinh phục vũ trụ và tình cảm quốc tế cao cả.

Anh đã từng tham dự hội nghị các nhà văn châu Á lần thứ nhất ở Niu Đêli năm 1956 và dịch sang tiếng Việt nhiều thơ của các nhà thơ Á Phi.

Mã Giang Lân dịch
(Trích bài giới thiệu cuốn *Tên người*
tập bút ký của các nhà văn Việt Nam viết về
Liên Xô, xuất bản ở Anma Ata)

http://tieulun.hopto.org

CUỘC GẶP GỠ VỚI NHÀ THƠ XUÂN DIỆU

M. ILINXKI
(*Liên Xô*)

Xuân Diệu – một trong những người mà mọi người nói : "Tỉnh dậy anh ta bỗng trở thành nổi tiếng". Hạnh phúc của thơ ca sớm mỉm cười với Xuân Diệu. Ngay tập thơ đầu tay *Thơ thơ* ra đời năm 1938, đã đem lại cho anh danh tiếng lừng lẫy. Trong những thập kỷ cuối đời, anh đã bỏ nhiều công sức cho công việc dịch. Chẳng hạn anh đã dịch trường ca *Vladimia Ilích Lênin* của Maiacốpxki. Mỗi lần đến thăm Liên Xô, thế nào anh cũng đi viếng thăm Lênin. Những cuộc viếng thăm đó phảng phất trong cả bài thơ của anh *Thăm lều cỏ Lênin* và một trong những bài tiểu luận của anh viết dành cho tờ *Tin tức* vào trước Đại hội lần thứ 26 của Đảng Cộng sản Liên Xô, và, tất nhiên, cả những câu thơ sau :

Bỗng nhiên tôi thấy một ngôi nhà có lá cờ bay
Sáng sủa, bao la, dường như không tường chặn lại,
Lênin đi giữa bốn bề rộng rãi.
Vầng trán mênh mông soi mãi tới trời,
Đôi mắt nheo nheo thấu suốt lòng người
Bước chân nhanh nghiêng mình phía trước.

"Đối với nhân dân Việt Nam – Xuân Diệu nói, – tên tuổi Lênin, đất nước của Lênin, đó là ngọn cờ đỏ thắm, chiến thắng tung bay trên ngọn cột buồm cao vọi của con tàu khổng lồ của chủ nghĩa xã hội, đó là ánh sáng và sự sáng tạo, đó là sức mạnh thúc đẩy lịch sử.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng gọi chủ nghĩa Lênin là "mặt trời chiếu rọi con đường của chúng ta đi đến thắng lợi hoàn toàn", và Người nhấn mạnh rằng ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười và V.I. Lênin đối với những người cách mạng Việt Nam "giống như nước uống và thức ăn đối với người đi đường đói khát".

http://tieulun.hopto.org

Tôi sung sướng là một lần đã viết những dòng thơ nói lên tình cảm lớn này – Xuân Diệu nói thêm.

Còn đây là bài báo của Xuân Diệu mà bản chính tôi phát hiện ra trong lưu trữ của mình. Bài báo viết về ngày Một tháng Năm – ngày hội của tình đoàn kết quốc tế của những người lao động :

"Tôi biết ở Mátxcơva xa xôi và bao giờ cũng gần gũi với trái tim tôi, mồng Một tháng Năm đó là thời kỳ bắt đầu nở hoa của các vườn cây. Tôi đã nhìn thấy hoa linh lan nở như thế nào vào ngày mồng Một tháng Năm ở Pari, nhưng tôi biết rằng những bông hoa linh lan đẹp nhất – là ở ngoại ô Mátxcơva. Một lần Ilia Erenbua gửi cho tôi tấm bưu ảnh mồng Một tháng Năm, trên đó có hình hoa dưới tuyết. Những bông hoa ấy mãi mãi ở lại trong ký ức tôi. Chúng dịu dàng, dường như sống động, với những sao tuyết trên cánh. Những bông hoa ấy đã xuyên qua tuyết. Và không hiểu tại sao tôi so sánh những bông hoa dưới tuyết, những sứ giả mùa xuân ấy, với cách mạng, cái mà để giành chiến thắng cần phải đi qua nhiều gian khó".

Những thành tựu rực rỡ của quê hương Cách mạng tháng Mười vĩ đại, – Xuân Diệu viết, – là thành tựu đối với tất cả mọi dân tộc đang đấu tranh để giải phóng dân tộc và xã hội. Và nhiều tác phẩm thơ ca của tôi đã được sáng tác ra với ấn tượng sâu sắc bởi những thành tựu của những con người Xô viết trong tất cả mọi lĩnh vực kinh tế, khoa học và văn hoá.

Tôi sống bằng những hồi ức về những chuyến đi của tôi tới Liên Xô. Tôi nhớ những bông hoa dịu dàng của những vườn lê ở nông trường Môndavi mang tên Kirốp. Tôi nói "xin chào" các cây thông trên bờ biển của Látvia, mà tôi gọi là những cây thông Ianhit Rainhitô thán phục những bản trường ca tuyệt vời của ông.

Trong thời gian chuyến thăm Liên Xô cuối cùng, Xuân Diệu tặng tôi thêm một cuốn sách của anh – tập thơ *Hồn tôi đôi cánh*, gồm bảy mươi bài thơ. "Anh có biết không, – anh nói – lần này hơn một nửa là thơ về... tình yêu".

Nhà thơ của tình yêu. Ngay từ những năm ba mươi người ta đã gọi Xuân Diệu như vậy. Có lẽ là, cả khi ấy, cả ngày nay, không có một nam nữ học sinh nào ở Việt Nam lại không mang trong cặp một tập thơ Xuân Diệu hay không chép lại những câu thơ yêu thích vào nhật ký.

http://tieulun.hopto.org

"Lâu đài thơ tôi đứng trên cái nền những tình cảm trần tục, nhưng trong lâu đài này có sự e dè trước thời gian còn qua nhanh". – Bây giờ Xuân Diệu cho như vậy, mặc dù anh vẫn nhớ và yêu mến nhiều bài thơ những năm ấy.

Tôi muốn tắt nắng đi
Cho màu đừng nhạt mất ;
Tôi muốn buộc gió lại
Cho hương đừng bay đi...

Mặc dù sự nổi tiếng đến với Xuân Diệu sớm, cuộc sống vẫn không hứa hẹn sẽ dễ dàng gì. Trong những năm Chiến tranh thế giới thứ hai, nhà thơ đã buộc phải thay đổi nhiều nghề nghiệp : anh coi nghĩa vụ của mình là phải nuôi các em, gửi tiền cho người bạn chung thuỷ Huy Cận để Huy Cận có thể hoàn thành việc ăn học. Và tất nhiên, anh đã làm thơ, làm thơ liên miên. Trong việc đó, nhà thơ không thể "gửi hương cho gió" - và giác ngộ chính trị của anh cũng trưởng thành. Anh bắt đầu suy nghĩ lại hiện thực vây quanh, các suy tư của anh thấm đượm cái lý tưởng giải phóng nhân dân và đổi mới thế gian. Rồi Cách mạng tháng Tám thắng lợi đã thổi căng cánh buồm thơ của anh bằng luồng gió mạnh và hướng con tàu tình cảm và suy nghĩ của anh cùng với nhân dân trên con đường những thành tựu vĩ đại. Bản thân Xuân Diệu đã nói như vậy gần chục năm sau khi chúng tôi gặp nhau tại nhà anh trên phố Điện Biên Phủ. Kể ra, ở nhà "anh" - nói như vậy không thật chính xác. Cả toàn bộ gia đình Huy Cận cũng sống ở đấy, bây giờ Huy Cận đã là môt trong những nhà thơ lớn nhất của Việt Nam. Con nhỏ của Huy Cận, cháu của Xuân Diệu, là Hà Vũ. Cháu sinh vào ngày mà người công dân Xôviết Iuri Gagarin lần đầu tiên trong lịch sử loài người bay vào vũ trụ. Vậy là chú bé có cái tên như thế – Hà Vũ có nghĩa là thế giới các thiên hà, vũ trụ...

Hai gia đình ấy, mọi cái bao giờ cũng chung nhau. Và sự chung thuỷ như vậy của các trái tim, sự ruột thịt tinh thần trong một căn nhà thống nhất thật là đẹp.

Vậy là cách mạng đã cho cánh buồm thơ của anh no luồng gió mạnh. Năm 1945 ra đời cuốn sách của Xuân Diệu *Ngọn quốc kỳ*, năm 1946 - *Hội nghị non sông*. Trong tác phẩm này vẫn giữ trật tự lãng mạn các

http://tieulun.hopto.org

tình cảm, anh đã đưa ra sự so sánh lịch sử : trong quốc hội của quốc gia công nông đầu tiên ở đông nam châu Á, trở lại gần bảy thế kỷ trước, anh nhìn thấy sự giống nhau so với hội nghị quốc dân triệu tập năm 1285 và đã đóng góp vai trò cực kỳ quan trọng trong cuộc đấu tranh lúc đó của Việt Nam chống những kẻ xâm lược ngoại bang. Sự so sánh thơ "qua các thế kỷ" tưởng chừng có thể tranh cãi, nhưng bản trường ca đã phù hợp đúng lúc mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược do bọn thực dân gây ra, và đã là lời kêu gọi đến cuộc kháng chiến quyết liệt, đến cuộc đấu tranh toàn dân.

Trong những năm tháng dài của cuộc chiến tranh, nhà thơ cống hiến tất cả sức lực cho nhân dân, bằng ngòi bút, bằng thơ của mình chiến đấu với kẻ thù. Các tập *Dưới sao vàng, Sáng, Mẹ con* đã được xuất bản tại vùng giải phóng. Nhân dân trong các tác phẩm ấy là các chiến sĩ quân đội nhân dân đi theo các nẻo đường chiến tranh, những người du kích không để cho giặc yên ở vùng quê, những người công nhân và nông dân – tất cả nhân dân chiến đấu.

Việt Nam đã chiến thắng, nhưng do âm mưu của bọn đế quốc, đất nước còn bị chia cắt làm hai miền, Bắc và Nam. Và nỗi đau này đã vang lên trong những vần thơ của nhà thơ.

Xuân Diệu, như mọi người yêu nước thực sự của Việt Nam, tin tưởng rằng ngày thống nhất Tổ quốc sẽ tới, nhưng biết rằng để có được ngày ấy sẽ phải đấu tranh lâu dài và gian khổ.

Đề tài miền Nam là một trong những đề tài chủ yếu trong sáng tác của nhà thơ trong giai đoạn từ 1956 đến 1964. Ngày trước anh đã từng sống nhiều năm ở miền Nam đất nước ; thiên nhiên, con người ở đấy rất gần với anh. Anh yêu tất cả những cái đó. Anh trung thành với thiên nhiên và những con người ấy. Lòng trung thành, tình yêu quê hương và tinh thần chiến đấu cổ vũ ba tập sách của Xuân Diệu : *Riêng chung*, (1960), *Mũi Cà Mau – Cầm tay* (1962), *Một khối hồng* (1964).

Một lần vào năm 1967, Xuân Diệu trở về sau chuyến đi vào thành phố Vinh đặc biệt xúc động. Chúng tôi đã trò chuyện với anh khi ấy cho đến tối khuya. Trước khi ra về, anh bảo : "Mắt người bất kể như thế nào, ngoài màu sắc bẩm sinh còn có hai màu sắc nữa - màu xanh lam và màu đen. Màu xanh lam - đó là tình yêu là niềm tin hạnh phúc. Màu đen -

http://tieulun.hopto.org

đó là sự căm thù, tức giận. Tôi đã bao nhiêu năm sáng tác, đã nhìn thế giới bằng cặp mắt xanh."

Tôi biết, Xuân Diệu có con mắt hiền từ, cực kỳ hiền từ. Nhưng hôm ấy tôi đã nhìn thấy anh nghiêm nghị, kiên quyết, thậm chí tức tối ; và tôi hiểu rằng anh đang nghĩ về điều gì đó tất nghiêm trọng, vượt ra khỏi giới hạn của những quan hệ con người đơn giản. Và tôi đã không lầm.

"Bây giờ, khi kẻ thù động đến đất đai chúng ta, – nhà thơ tiếp, – tôi nhìn những kẻ xâm lược bằng con mắt đen."

... Nhà thơ, nhà văn, nhà báo Xuân Diệu căm phẫn tố cáo chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa khủng bố quốc tế, nạn diệt chủng, những hành động dã man của bọn quân phiệt trên hành tinh của chúng ta. Khi Oasinhtơn dấy lên chiến dịch vu cáo ầm ĩ chống lại Liên Xô và Việt Nam, vu cáo Liên Xô và Việt Nam dùng các chất độc ở Apganitxtăng, Lào, Campuchia, Xuân Diệu đã gửi thư từ Pari, nơi bấy giờ anh đang giảng bài về văn học Việt Nam : "Bọn đế quốc âm mưu vu cáo cái chuyện mà chính chúng có tội, – Xuân Diệu viết. – Bởi vì chính chúng tôi, những người Việt Nam, đất nước của chúng tôi, đồng ruộng của chúng tôi đã đau khổ vì vũ khí hoá học Mỹ. Giả dối và nhục nhã ! Tôi đã đọc cho sinh viên Pháp nghe những bài thơ viết trong thời gian chiến tranh. Tôi hy vọng những bài thơ ấy sẽ để lại dấu vết trong tâm trí thanh niên Pháp.

Giặc Mỹ can thêm tội ác phá rừng !
Rừng của miền Nam đẹp giàu trong sạch
Mỹ - thuốc - độc, Mỹ - vi - trùng - dịch - hạch
Giặc Mỹ vào mưu phá sạch rừng Nam !

Nhà thơ yêu nước, nhà thơ quốc tế chủ nghĩa Xuân Diệu tiến hành công việc dịch thuật rất lớn. Anh đã tặng cho bạn đọc Việt Nam những bài son-nê của Sếchxpia, các chương trích trong Épghênhi Ônhêghin và tất nhiên, các bản dịch thơ của nhiều nhà thơ Xô viết. Mới đây anh vừa được in tập thơ *Thơ thế giới cùng Việt Nam chiến đấu*.

Thơ của anh cũng chiến đấu. Chiến đấu cho hạnh phúc không chỉ của Việt Nam, mà cả của cả các dân tộc khác. Tiếng thơ Xuân Diệu đang vang âm như một lời tố cáo nghiêm khắc khi thảm kịch Chi Lê

http://tieulun.hopto.org

diễn ra, khi quân Nam Phi xâm lược Ănggôla, khi bộ máy chiến tranh Ixraen tàn sát ở Libăng, gây ra những cuộc huỷ diệt dã man ở Xbra và Satila, khi Hoa Kỳ tiến hành cuộc xâm lược chống Grênađa. Tiếng thơ của anh đang vang lên ngay cả lúc này, khi chủ nghĩa đế quốc Mỹ đang chuẩn bị can thiệp vào Nicaragoa.

"Nhà thơ không thể bàng quan, khi nhà người khác gặp tai hoạ, khi cái ác và hà hiếp đang gây ra chuyện đen tối". Điều xác nhận đó được nhà thơ Xuân Diệu biểu hiện bằng lời mà mỗi người làm văn Việt Nam đều mang trong tim mình. Là công dân của đất nước, từng biết sức mạnh của sự giúp đỡ thân ái của các dân tộc anh em cả trong những năm tháng thử thách gian khó, cả trong những ngày khó khăn hồi phục kinh tế quốc dân, anh không thể không là một người quốc tế chủ nghĩa đến tận xương tuỷ. Là người Việt Nam, nhiều lần bảo vệ Tổ quốc với lòng hy sinh kiên quyết táo bạo, quyết không nhượng bộ kẻ thù, anh không thể không là người yêu nước hết lòng. Hai tính chất ấy đang gieo hứng khởi cả cho văn học Việt Nam xã hội chủ nghĩa hôm nay, nền văn học giữ gìn một cách thiêng liêng truyền thống dân tộc và soi sáng cho nhân dân con đường đi tới tương lai tươi sáng.

Thuý Toàn dịch

(In trong tạp chí *Văn học nước ngoài (LX)*, số tháng 9 - 1985)

http://tieulun.hopto.org

MỘT NHÀ THƠ LỚN ĐÃ ĐI XA...

MIREILLE GANSEL
(*Pháp*)

Mireille Gansel là một bạn thơ Pháp của Việt Nam. Chị từng dịch nhiều thơ nước ta cho bạn đọc Pháp, trong đó có những bài thơ của Xuân Diệu. Bản tin đầu năm của Hội hữu nghị Pháp - Việt vừa đăng bài của chị dưới đây, với tất cả tấm lòng ưu ái đối với nhà thơ Xuân Diệu của chúng ta.

Trái tim em thức đập
Nơi gốc của thời gian
Một nhịp mạnh, nhịp khẽ
Ẩy tay anh nồng nàn.

(*Trái tim em thức đập*)

Trong tháng chạp này, trái tim của anh ngừng đập – anh bạn Xuân Diệu của tôi – nhưng tiếng hát thơ ca của anh vẫn còn thức.

Một nhà thơ là rễ cây và gió, là đất và nhạc. Khi một nhà thơ lớn đi xa, nhân dân của nhà thơ khóc trước hết. Và nhân dân các nước dần dần sẽ khám phá ra anh, có khi nhiều năm sau, có khi những thế kỷ sau, và một ngày nào đó sẽ biết đến cái chết của anh và nghe được tiếng nói của anh.

Xuân Diệu là rễ cây và gió, là đất và nhạc.

Cũng như các nhà văn lớn của Việt Nam (khi tôi nói lớn, đó là những người được mọi người biết đến, ở nơi gặp gỡ của những cuộc đời riêng và số phận chung), Xuân Diệu là một nhà thơ bắt rễ sâu trong nhân dân.

"Con một nhà nho của một tỉnh miền Bắc và một người làm nước mắm của một tỉnh miền Nam, tôi bắt rễ đến hai lần trong dải đất Việt Nam của tôi"

http://tieulun.hopto.org

Không có bài thơ nào của anh không ngợi ca một hương thơm :

Nhẹ nhàng gió thổi tháng ba
Trong hơi thanh mát có hoà nồng say
Xuân còn, hè đã thoảng bay
Một mình xa vợi, ngất ngây khí trời

(*Chớm sang vị hè*)

Một phong cảnh :

Sông Hương hương nước thanh trong
Trăng lam Đèo Cả, mây hồng Hải Vân
Hỡi mình, biển đẹp vô ngần
Sông xanh như đến dừng chân Sa Huỳnh

(*Hỡi mình*)

Một con đường nhỏ của đất nước :

Tôi đã đi hàng chục đêm sao
Một chiếc xe đạp băng vào bóng tối
Cũng có lúc mây trời đen kịt lưới
Cũng có tuần trăng mới ánh trăng trong

(*Những đêm hành quân*)

Một cuộc chiến đấu, một nụ cười, một giọt nước mắt của nhân dân mình :

Tôi cùng xương thịt với nhân dân của tôi
Cùng đổ mồ hôi, cùng sôi giọt máu
Tôi sống với cuộc đời chiến đấu
Của triệu người yêu dấu gian lao

(*Những đêm hành quân*)

Dù cho là một bài thơ tình hay một bài thơ hùng tráng ca ngợi cuộc chiến đấu gian khổ và lâu dài của nhân dân, câu thơ nào của anh cũng được tạo nên từ đất của quê hương và in dấu tay của nhân dân :

Em đến thăm anh trên đôi dép cao su
Em đã vào nhà mà anh còn thấy bóng em in trên trời rộng
Em giữa đêm trăng, in trong giấc mộng
Vì thế mà anh lồng lộng yêu em.

(*Bức tượng*)

http://tieulun.hopto.org

Tôi từng nghe Xuân Diệu ngâm những bài thơ của mình trong các nhà máy và ở nông thôn. Ở đâu cũng vậy, qua một câu thơ, một hình ảnh, lại vang lên tiếng cười tán thưởng và đồng cảm của người nghe.

Xuân Diệu, như một người hát dạo của nhân dân trong thời kỳ hiện đại, thường đi bình thơ từ tỉnh này đến tỉnh khác, từ làng quê đến phố phường. Những câu thơ của anh là nhạc – một nhạc điệu nhẹ nhàng, tinh tế, rất uyên bác và gọt giũa rất kỳ công, như anh từng đề cập trong các tiểu luận và suy nghĩ về thơ ca.

Chắc chắn rằng bản chất – cái hồn như anh thường nói - là điều tinh tế nhất, khó dịch nhất của thơ anh cũng như của mọi bài thơ, đặc biệt là thơ Việt Nam.

Cũng như hương thoảng của hoa dạ hương ở cửa sổ buồng anh, các bản dịch công phu nhất cũng chỉ có thể miêu tả một phần rất nhỏ nhạc điệu của thơ anh, tuy vẫn vang vọng tới trái tim của mọi người trên trái đất.

Người ta bảo Xuân Diệu là nhà thơ của tình yêu. Làn tóc anh đen, mềm, đôi mắt anh đen nhánh, giọng nói anh ấm áp và trầm bổng. Lứa đôi, tìm kiếm người thương ở trung tâm thơ ca của anh. Và trước hết là người phụ nữ. Tình thương mênh mông, xúc cảm luôn mới mẻ, anh mang trong lòng nỗi đau thương của bà mẹ bị vùi dập do lễ giáo phong kiến và anh nói về người phụ nữ bằng trái tim trẻ thơ, quý trọng vô cùng và thương yêu dịu dàng :

Má ơi, má của con đã già yếu lắm
Má là nguồn gốc của con
Má là vạn Gò Bồi, làng Tùng Giản
Má là sông không cạn, núi không mòn
.....
Má kháng chiến ở trong Bình Định
Con ngoài này Việt Bắc tám năm
Khi ốm đau má đắp chiếu nằm
Bà con với láng giềng chăm sóc
. . .
Má vẫn nghĩ như không hề má chết
Không phí dù một hạt gạo, lá rau.

(*Thơ tặng má*)

http://tieulun.hopto.org

Xuân Diệu, với những nhà thơ cùng thế hệ, sinh ra vào những năm hai mươi : Huy Cận, Chế Lan Viên, Tế Hanh, Tố Hữu, đã đem lại cho nền thơ ca Việt Nam trong thời gian trước cuộc Cách mạng năm 1945, một sự đột phá, một âm điệu mới, đưa nền thơ ca của đất nước thoát khỏi thời đại phong kiến và dẫn nền thơ ca ấy vào thế kỷ XX đầy biến động lớn. Xuân Diệu đã đề cập những biến chuyển sâu sắc ấy của tiếng nói, vần điệu, hình ảnh trong thơ trên những tiểu luận cơ bản, từng được trình bày bằng tiếng Pháp, đặc biệt là trong cuộc thuyết trình của anh tháng 10-1981 ở Paris với chủ đề : "Sự đóng góp của thơ Pháp vào thơ Việt". Anh đã nói lên sự gặp gỡ có ý nghĩa với những nhà thơ Pháp, từ Charles Orléans đến Claudel, qua Ronsard, Lamartine, Musset, Baudelaire, Verlaine,...Trong một lá thư gần đây nhất gửi cho tôi, Xuân Diệu báo tin anh đã dịch xong bài thơ *Chiêm ngưỡng* của Victor Hugo và những ngụ ngôn của La Fontaine, sắp được Nhà xuất bản Văn học ở Hà Nội ấn hành.

Xuân Diệu chẳng những đã giới thiệu với nhân dân nước mình nền thơ ca Việt Nam bằng những bài tiểu luận rất đặc sắc về những nhà văn và nhà thơ lớn của dân tộc : Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Nguyễn Du, Nguyễn Trãi,... anh còn là một nhà dịch thuật lớn của các nhà thơ thế giới. Anh viết : "Đã sáu mươi nhăm tuổi, tôi vẫn còn say mê với thơ của thế giới, với thơ Pháp và trong công việc này tiếng Pháp là một công cụ tuyệt vời".

Năm 1962, anh giới thiệu tác phẩm của Nazim Hikmet bằng tiếng Việt và viết : "Tôi là học sinh của nhiều nhà trường : mãi mãi tôi vẫn là học sinh. Dù vậy, tôi đi trên đôi chân của mình và điều cơ bản nhất mà thơ tôi hiến cho bạn đọc là những giọng điệu của tôi, là tâm khảm, là linh hồn tôi".

(In trong *Xuân Diệu con người và tác phẩm*,
NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1987)

http://tieulun.hopto.org

THƯ MỤC NGHIÊN CỨU VỀ XUÂN DIỆU

1. Nguyên An. *Xuân Diệu có một lần*, sách *Xuân Diệu thơ và đời*, NXB Văn học, H., 1996.

2. Lại Nguyên Ân. *Biên tập sách của Xuân Diệu*, *Tạp chí Văn học*, H., 1996.

3. Nguyễn Bao. *Nhà thơ lớn Xuân Diệu*, sách *Toàn tập Xuân Diệu*, tập I, NXB Văn học, H., 2001.

4. Lê Bảo. *Thu*, sách *Thơ Xuân Diệu những lời bình*, NXB văn hoá Thông tin. H., 1999.

5. Phan Quý Bích. *Tân kỳ kiểu Xuân Diệu*, báo *Văn nghệ trẻ*, số 10, 11, 12 - 2005.

6. Nguyễn Duy Bình. *Xuân Diệu trong "Hai đợt sóng"*, *Tạp chí Văn học*, số 5, 1968.

7. Nguyễn Duy Bình. *Tâm hồn thơ Xuân Diệu*, báo *Văn nghệ*, số 373, 1970.

8. Hoàng Cát. *Đôi nét về tấm gương sống và viết của nhà thơ Xuân Diệu*, báo *Nhân Dân*, ngày 30-12-1990.

9. Hoàng Cát. *Xuân Diệu với Cách mạng tháng Tám*, báo *Văn nghệ*, số 42, ngày 16-10-1993.

10. Huy Cận. Thơ tình của Xuân Diệu, sách *Xuân Diệu con người và tác phẩm*, NXB Tác phẩm mới, H., 1987.

11. Huy Cận. *Nửa thế kỷ tình bạn*, sách *Xuân Diệu con người và tác phẩm*, NXB Tác phẩm mới, H., 1987.

12. Nam Chi. *Trường hợp Xuân Diệu*, sách *Xuân Diệu con người và tác phẩm*, NXB Tác phẩm mới, H., 1987.

13. Hồng Chương. *Anh đã đi đúng hướng*, sách *Văn nghệ cách mạng và cách mạng không ngừng*, NXB Sự thật, H., 1959.

14. Hồng Diệu. *Đọc tập thơ "Hồn tôi đôi cánh" của Xuân Diệu*, báo *Văn nghệ*, số 8, 1978.

15. Hồng Diệu. *Bài thơ "Biển" của Xuân Diệu*, *Tạp chí Văn học*, số 3, 1990.

http://tieulun.hopto.org

16. Hồng Diệu. *Về bài thơ "Mũi Cà Mau" của Xuân Diệu*, Tạp chí *Văn nghệ Quân đội*, số 1, 1998.

17. Blaga Dimitrova. *Xuân Diệu*, sách *Xuân Diệu con người và tác phẩm*, NXB Tác phẩm mới, H., 1987.

15. Phạm Tiến Duật. *Nhà thơ Xuân Diệu*, báo *Văn nghệ*, số 39, tháng 9-1983.

16. Phan Huy Dũng. *Giá trị thẩm mỹ đích thực của "Vội vàng"*, báo *Văn nghệ*, số 30, 1992.

17. Phan Huy Dũng. *"Thơ duyên", sự tác hợp của cơ trời trong con mắt Xuân Diệu*, sách *Tiếng nói tri âm*, NXB Trẻ, T.P. Hồ Chí Minh, 1994 .

18. Lê Tiến Dũng (biên soạn). *Xuân Diệu, một đời người một đời thơ*, NXB Giáo dục, H., 1993.

19. Lê Tiến Dũng. *Những cách tân nghệ thuật trong thơ Xuân Diệu giai đoạn 1932-1945*, NXB Giáo dục, T.P. Hồ Chí Minh, 1998.

20. Phan Cự Đệ. *Tập thơ "Riêng chung" của Xuân Diệu*, sách *Cuộc sống và tiếng nói nghệ thuật*, NXB Văn học, H., 1972.

21. Phan Cự Đệ - Bạch Năng Thi. *"Thơ thơ" của Xuân Diệu*, sách *Văn học* Việt Nam, 1930 - 1945, tập I, NXB Giáo dục, H., 1961.

• **Phan Cự Đệ.** *Vội vàng và Giục giã*, sách *Xuân Diệu tác phẩm và dư luận*, NXB Văn học, H., 2002.

• **Nguyễn Đăng Điệp**. *Xuân Diệu : Nồng si, tươi trẻ*, sách *Xuân Diệu tác phẩm và dư luận*, NXB Văn học, H., 2002.

22. Anh Đức. *Cả một đời thơ anh còn đó*, sách *Xuân Diệu con người và tác phẩm*, NXB Tác phẩm mới, H., 1987.

23. Hà Minh Đức. *Xuân Diệu và những chặng đường thơ cách mạng*, *Tạp chí Văn học*, số 2, 1975.

24. Hà Minh Đức. *Về một hướng đi trong thơ*, sách *Thực tiễn cách mạng và sáng tạo thi ca*, NXB Văn học, H., 1977.

25. Hà Minh Đức. *Xuân Diệu*, sách *Nhà văn Việt Nam*, tập I, NXB Đại học và THCN, H., 1979.

26. Hà Minh Đức. *Anh đã "sống hết mình" cho cuộc sống và cho thơ*, *Tạp chí Văn học*, số 1, 1986.

http://tieulun.hopto.org

27. Hà Minh Đức. *Thơ tình Xuân Diệu* (Lời giới thiệu), NXB Hội Nhà văn, H., 1992.

28. Hà Minh Đức. *Xuân Diệu nói về hai tập "Thơ thơ" và "Gửi hương cho gió"*, *Tạp chí Văn học*, số 12, 1995.

29. Hà Minh Đức. *Thơ duyên*, sách *Văn học Việt Nam hiện đại – phân tích và bình giảng tác phẩm*, NXB Hà Nội, H., 1998.

30. Phạm Đức. *Người thợ cả trong nghề thơ*, tạp chí *Diễn đàn văn nghệ Việt Nam*, số 3, tháng 5-1995.

31. Mireille Gansel. *Một nhà thơ lớn đã đi xa*, sách *Xuân Diệu con người và tác phẩm*, NXB Tác phẩm mới, H., 1987.

32. Đoàn Lê Giang. *"Thơ duyên" và "Nguyệt cầm" của Xuân Diệu*, sách *Xuân Diệu một đời thơ*, NXB Giáo dục, T.P. Hồ Chí Minh, 1993.

33. Lê Nhuệ Giang. *Tập thơ "Một khối hồng" của Xuân Diệu*, báo *Văn nghệ*, số 164, 1966.

34. Đoàn Giỏi. *Xuân Diệu, Huy Cận một tình bạn keo sơn*, báo *Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh*, số 439, tháng 7-1986.

35. Tế Hanh. *Đời và thơ Xuân Diệu – đôi điều nhớ và cảm nhận*, *Tạp chí Văn học*, số 12, 1995

36. Tế Hanh. *Nhớ lại một tập thơ trong dự định của Xuân Diệu*, sách *Xuân Diệu tình đời và sự nghiệp*, NXB Hội Nhà văn, H., 1996.

37. Nguyễn Lệ Hà. *Bài thơ "Huyền diệu" của Xuân Diệu và quan niệm tương ứng các giác quan của Baudelaire*, *Tạp chí Văn học*, số 10, 1994.

38. Tịnh Hà. *Tuổi trẻ Xuân Diệu*, NXB Tổng hợp Tiền Giang, 1989.

39. Tịnh Hà. *Đi hoang*, NXB Văn học, H., 1989.

40. Nguyễn Thanh Hà. *Xuân Diệu bàn về công chúng thơ*, *Tạp chí Diễn đàn văn nghệ Việt Nam*, 4-1999.

41. Nguyễn Thanh Hà. *Xuân Diệu với thơ Bác*, báo *Văn nghệ trẻ*, số 21 - 2000.

42. Thạch Hãn. *Những bước đường tư tưởng của tôi* (của Xuân Diệu), báo *Văn nghệ*, số 1, tháng 10-1958.

43. Nguyễn Thái Hoà. *Kỷ niệm về một nhà thơ lớn*, *Tạp chí Văn học và tuổi trẻ*, tập 29, 1997.

http://tieulun.hopto.org

Nguyễn Khắc Hoá *Xuân Diệu với ý thức phê bình thơ kháng chiến* (1946 - 1954) *Tạp chí Văn học*, số 5/1999.

44. Đông Hoài. *Đọc "Dao có mài mới sắc" của Xuân Diệu*, báo *Văn nghệ*, số 7, 1993.

45. Tô Hoài. *Nhớ lại một kỷ niệm*, báo *Văn nghệ*, số 52, 1985.

46. Tô Hoài. *Cát bụi chân ai*, NXB Hội Nhà văn, H., 1991.

47. Thu Hoài. *Nhà thơ của trí tuệ và tâm hồn lớn*, báo *Văn nghệ Nghĩa Bình*, số 11-1986.

48. Xuân Hoàng. *Nhớ anh*, sách *Xuân Diệu con người và tác phẩm*, NXB Tác phẩm mới, H., 1987.

49. Phạm Hổ. *Nỗi đau và niềm vui trong thơ Xuân Diệu*, tạp chí *Tác phẩm Văn học*, số 5-6, 1989.

50. Phạm Hổ. *Hiểu được anh cặn kẽ*, sách *Xuân Diệu con người và tác phẩm*, NXB Tác phẩm mới, H., 1987.

51. Bùi Công Hùng. *Xuân Diệu, nhà thơ lớn của nền thơ Việt Nam hiện đại*, tạp chí *Văn nghệ Quân đội*, số 3, 1986.

52. Minh Huệ. *Vẫn đằm thắm tình quê*, sách *Xuân Diệu con người và tác phẩm*, NXB Tác phẩm mới, H., 1987.

53. Đoàn Trọng Huy. *Chân thật Xuân Diệu*, báo *Văn nghệ*, số 16, 1993.

54. Lê Quang Hưng. *Cảm xúc thời gian trong thơ Xuân Diệu*, *Tạp chí Văn học*, số 1, 1987.

55. Lê Quang Hưng. *Cái tôi độc đáo tích cực của Xuân Diệu trong phong trào Thơ mới*, *Tạp chí Văn học*, số 5, 1990.

56. Lê Quang Hưng. *Tinh thần phục hưng trong lý tưởng thẩm mỹ của Xuân Diệu thời trước 1945*, *Tạp chí Văn học*, số 7, 1994.

Lê Quang Hưng. *Lời kỹ nữ*, sách *Tinh hoa thơ mới thẩm bình và suy ngẫm*. NXB Giáo dục, H., 1998.

57. Đoàn Thị Đặng Hương. *Xuân Diệu, hoàng tử của thi ca Việt Nam hiện đại*, tạp chí *Tác phẩm mới*, số 3, 1992.

58. Nguyễn Thuỵ Kha. *Những kỷ niệm nhỏ với một nhà thơ lớn*, sách *Xuân Diệu thơ và đời*, NXB Văn học, H., 1995.

http://tieulun.hopto.org

59. Trần Đăng Khoa. *Xuân Diệu*, sách *Chân dung và đối thoại*, NXB Thanh niên, H., 1998.

60. Nguyễn Hoành Khung. *Một mùa thơ nở rộ*, sách *Xuân Diệu thơ và đời*, NXB Văn học, H., 1995.

61. Hoàng Nguyên Kỳ. *Đôi ba chuyện nhớ về Xuân Diệu, Tạp chí Diễn đàn văn nghệ Việt Nam*, số 3, tháng 5 - 1995.

62. Lê Đình Ky. *Xuân Diệu*, sách *Thơ mới, những bước thăng trầm*, NXB Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 1988.

63. Lê Đình Ky. *Thơ với Xuân Diệu, Hoài Thanh, Chế Lan Viên*, NXB Cửu Long, 1988.

64. Mã Giang Lân. *Xuân Diệu*, sách *Nhà thơ Việt Nam hiện đại*, NXB Khoa học xã hội, H., 1982.

65. Mã Giang Lân. *Sự đa dạng của Xuân Diệu*, báo *Nhân dân*, ngày 14-7-1985.

66. Mã Giang Lân (biên soạn). *Thơ Xuân Diệu những lời bình*, NXB Văn hoá Thông tin, H., 1999.

67. Phong Lê. *Xuân Diệu - mùa xuân và tình yêu*, sách *Vẫn chuyện văn và người*, NXB Văn hoá thông tin, H., 1999.

68. Mai Quốc Liên. *Nghìn sau còn nhớ*, sách *Xuân Diệu con người và tác phẩm*, NXB Tác phẩm mới, H., 1987.

69. Mai Quốc Liên. *Xuân Diệu qua "Thi hào dân tộc Nguyễn Du"*, sách *Xuân Diệu tình đời và sự nghiệp*, NXB Hội Nhà văn, 1996.

70. Nguyễn Tấn Long. *Việt Nam thi nhân tiền chiến* (Viết chung), Sống mới xuất bản, 1968.

71. Chử Văn Long. *Xuân Diệu mơ mộng mà thiết thực*, báo *Văn nghệ*, số 17, ngày 24-4-1999.

72. Nguyễn Văn Long. *Xuân Diệu*, sách *Từ điển văn học*, tập II, NXB Khoa học xã hội, H., 1984.

73. Nguyễn Văn Long. *Lời giới thiệu*, sách *Thơ Xuân Diệu*, NXB Giáo dục, H., 1993.

74. Nguyễn Văn Long. *Thơ duyên, Tương tư chiều, Quả sấu non trên cao*, sách *Thơ Xuân Diệu*, NXB Giáo dục, H., 1993.

http://tieulun.hopto.org

75. Lưu Trọng Lư. *Đọc "Thơ thơ" của Xuân Diệu*, tạp chí *Tao đàn*, số 1, 1939.

76. Lưu Trọng Lư. *Nhân đọc một tập thơ tình của Xuân Diệu*, báo *Văn nghệ*, số 4, 1963.

77. Thế Lữ. *Một nhà thi sĩ mới Xuân Diệu*, báo *Ngày nay*, số 46, 1937.

78. Thế Lữ. *Tựa tập "Thơ thơ"*. NXB Đời nay, H., 1938.

79. Hoàng Như Mai. *Hoa thơ (thơ về hoa của Xuân Diệu)*, sách *Thơ một thời*, NXB Tổng hợp Tiền Giang, 1979.

80. Hoàng Như Mai. *Xuân Diệu*, sách *Văn học 11*, NXB Giáo dục, Thành phố Hồ Chí Minh, 1990.

81. Hoàng Như Mai. *Vội vàng*, sách *Xuân Diệu – Huy Cận*, NXB Tổng hợp Khánh Hoà, 1992.

82. Thiếu Mai. *Nhà thơ thân thiết của chúng ta*, sách *Xuân Diệu con người và tác phẩm*, NXB Tác phẩm mới, H., 1987.

83. Trần Thanh Mại. *"Thơ Thơ" và Xuân Diệu*, sách *Đời văn*, tập II, 1939.

84. Nguyễn Đăng Mạnh. *Đọc "Tôi giàu đôi mắt"*, tạp chí *Tác phẩm mới*, số 9, 1970.

85. Nguyễn Đăng Mạnh. *Xuân Diệu và niềm khát khao giao cảm với đời*, báo *Văn nghệ*, số 29, 1985.

86. Nguyễn Đăng Mạnh. *Lời giới thiệu "Tuyển tập Xuân Diệu"*, tập II : Văn xuôi, NXB Văn học, H., 1987.

87. Nguyễn Đăng Mạnh. *Tư tưởng và phong cách một nhà thơ lớn*, sách *Chân dung văn học*, NXB Thuận Hoá, Huế, 1990.

88. Nguyễn Đăng Mạnh. *Đây mùa thu tới*, *Vội vàng*, sách *Thơ Xuân Diệu*, NXB Giáo dục, H., 1993.

89. Tôn Thảo Miên (biên soạn, *Xuân Diệu tác phẩm và dư luận*. NXB Văn học, H., 2002).

90. Nam Mộc. *Phê bình giới thiệu thơ* (của Xuân Diệu), *Tạp chí Văn học*, số 4, 1960.

91. Thép Mới. *Là thi sĩ nghĩa là lao động*, báo *Nhân Dân*, ngày 21-12-1985.

http://tieulun.hopto.org

92. Nguyễn Thị Hồng Nam. *Quan niệm nghệ thuật về con người trong thơ Xuân Diệu, Tạp chí Văn học*, số 12-1995.

93. Nguyễn Phong Nam. *"Biển" của Xuân Diệu*, báo *Văn nghệ*, số 15, 1987.

94. Nguyễn Phong Nam. *Mũi Cà Mau*, sách *Xuân Diệu một đời người, một đời thơ*, NXB Giáo dục, Thành phố Hồ Chí Minh, 1993.

95. Vũ Tú Nam. *Chùm thơ đắng trong thơ tình Xuân Diệu*, báo *Văn nghệ*, số 42, 43, 1989.

96. Nguyễn Xuân Nam. *Đọc "Và cây đời mãi mãi xanh tươi" của Xuân Diệu*, báo *Văn nghệ*, số 463, tháng 8-1972.

97. Lê Phi Nga. *Thi sĩ Xuân Diệu luận về đàn bà*, tạp chí *Văn hoá Văn nghệ công an*, tháng 11-1996.

98. Anh Ngọc. *Nhà thơ gần gũi nhất với tâm hồn tôi*, tạp chí *Văn nghệ Quân đội*, số 3, 1986.

99. Nguyễn Lương Ngọc. *Xuân Diệu*, sách *Nhớ bạn*, NXB Văn học, 1992.

100. Phạm Thế Ngũ. *Việt Nam văn học sử giản ước tân biên*, tập III, *Quốc học tùng thư xuất bản*, Sài Gòn, 1969.

101. Lữ Huy Nguyên. *Những kỷ niệm riêng chung*, sách *Xuân Diệu con người và tác phẩm*, NXB Tác phẩm mới, H., 1987.

102. Lữ Huy Nguyên (biên soạn). *Xuân Diệu thơ và đời*, NXB Văn học, H., 1996.

103. Vương Trí Nhàn. *Khả năng toả sáng*, sách *Xuân Diệu con người và tác phẩm*, NXB Tác phẩm mới, H., 1987.

104. Vương Trí Nhàn. *Xuân Diệu và việc tìm hiểu gia tài văn học của cha ông*, sách *Xuân Diệu tình đời và sự nghiệp*, NXB Hội Nhà văn, H., 1996.

105. Vương Trí Nhàn. *Xuân Diệu, chưa ai thông cảm hết nỗi cô độc của tôi*, sách *Những kiếp hoa đại*, NXB Hội Nhà văn, H., 1993.

106. Vương Trí Nhàn. *Người biết mài sắt nên kim*, sách *Cánh bướm và đoá hướng dương*, NXB Hải Phòng, 1999.

http://tieulun.hopto.org

107. Vương Trí Nhàn. *Xuân Diệu còn nhiều điều chưa kể*, báo *Tiền phong chủ nhật*, số 30, 31, 32, 33/2001.

108. Hoàng Nhân. *Xuân Diệu và Baudelaire, Tạp chí Văn học*, số 4, 1996.

109. Ý Nhi. *Một khoảng trống có thực*, sách *Xuân Diệu con người và tác phẩm*, NXB Tác phẩm mới, H., 1987.

110. Vũ Nho. *Tình qua*, sách *Thơ chọn và lời bình*, NXB Văn học, H., 1993.

111. Hữu Nhuận (biên soạn). *Xuân Diệu con người và tác phẩm*, NXB Tác phẩm mới, H., 1987.

112. Vũ Ngọc Phan. *Xuân Diệu*, sách *Nhà văn hiện đại*, Quyển ba, NXB Khoa học xã hội, 1981.

113. Vũ Ngọc Phan. *Xuân Diệu nhà thơ tình, Tạp chí Văn học*, số 1, 1987.

114. Diệp Thanh Phong. *Nhớ anh, nhớ một nhà thơ*, báo *Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh*, số 411, 1986.

115. Vũ Đức Phúc. *Cái chung và cái riêng của tập thơ "Riêng chung"*, tạp chí *Nghiên cứu văn học*, số 10-1961.

116. Vũ Quần Phương. *Nhà thơ Xuân Diệu*, báo *Nhân Dân*, ngày 27-8-1983.

117. Vũ Quần Phương. *Vài kỷ niệm về anh Xuân Diệu*, sách *Xuân Diệu con người và tác phẩm*, NXB Tác phẩm mới, H., 1987.

118. Vũ Quần Phương. *Đọc "Đây mùa thu tới" của Xuân Diệu*, sách *Thơ với lời bình*, NXB Giáo dục, H., 1990.

119. Vũ Quần Phương. *Thơ tình Xuân Diệu nồng và trẻ, Tạp chí Văn học*, số 12, 1995.

120. Nguyễn Đức Quyền. *Bài thơ "Biển" của Xuân Diệu*, báo *Văn nghệ*, số 8, 1987.

121. Vũ Tiến Quỳnh. (biên soạn) *Xuân Diệu - Huy Cận*, NXB Tổng hợp Khánh Hoà, 1991.

122. Đào Xuân Quý. *Nhà thơ Xuân Diệu*, sách *Nhà thơ và cuộc sống*, NXB Quân đội nhân dân, 1998.

http://tieulun.hopto.org

123. Nguyễn Xuân Sanh. *Xuân Diệu đôi suy ngẫm về bạn, Tạp chí Văn học*, số 12, 1995.

124. Trần Đình Sử. *Một hồn thơ còn mãi*, báo *Văn nghệ*, số 50, 1995.

125. Chu Văn Sơn. *Ba đỉnh cao thơ mới*, NXB Giáo dục, H., 2003.

126. Chu Văn Sơn. *Vội vàng* sách *Xuân Diệu tác phẩm và dư luận*. NXB Văn học, H., 2002.

127. Hoài Thanh. *Xuân Diệu*, sách *Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học, H., 1988.

128. Hoài Thanh. *Một vài ý kiến về tập thơ "Ngôi sao" của Xuân Diệu*, báo *Văn nghệ*, số 122, 1956.

129. Uyên Thao. *Đợt sóng mới của làng thơ Việt Nam hôm nay : Xuân Diệu*, Tạp chí *Giáo dục phổ thông*, ngày 1-11-1960.

130. Thanh Thảo. *Xuân Diệu của "Nguyệt cầm" và "Quả sấu non trên cao"*, báo *Văn nghệ*, số 9, ngày 27-2-1999.

131. Vũ Duy Thông. *Đôi điều nhớ và nghĩ về Xuân Diệu*, báo *Văn nghệ*, số 50, 1985.

132. Hoàng Trung Thông. *Lời giới thiệu sách Tuyển tập Xuân Diệu*, tập I : Thơ, NXB Văn học, H., 1983.

133. Hoàng Trung Thông. *Cách mạng và đời thơ Xuân Diệu*, báo *Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh*, số 238, 1982.

134. Hoàng Trung Thông. *Vô cùng tưởng nhớ*, sách *Xuân Diệu con người và tác phẩm*, NXB Tác phẩm mới, H., 1987.

135. Anh Thơ. *Người bạn chí tình và đầy nhiệt huyết, Tạp chí Văn học*, số 12, 1995.

136. Lưu Khánh Thơ. *Nghệ thuật cấu tứ trong thơ tình Xuân Diệu, Tạp chí Văn học*, số 4, 1994.

137. Lưu Khánh Thơ. *Cái "Tôi" trữ tình và những phương thức biểu hiện trong thơ Xuân Diệu, Tạp chí Văn học*, số 10, 1994.

138. Lưu Khánh Thơ. *Nhận diện Xuân Diệu qua "Thơ thơ" và "Gửi hương cho gió", Tạp chí Tác phẩm mới*, số 12, 1995.

http://tieulun.hopto.org

139. Lưu Khánh Thơ. *Thơ tình Xuân Diệu trước và sau Cách mạng tháng Tám, Tạp chí Văn học,* số 9, 1995.

140. Lưu Khánh Thơ (biên soạn) *Xuân Diệu tác phẩm văn chương và lao động nghệ thuật*, NXB Giáo dục, H., 1999.

141. Lưu Khánh Thơ. *"Toàn tập Xuân Diệu" và di sản văn học của ông hôm nay*, tạp chí *Nhà văn*, số 3/2003.

142. Ái Thi. *Chữ và nghĩa trong thơ Xuân Diệu,* báo *Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh*, số 413, 1986.

143. Hữu Thỉnh. *Tưởng nhớ anh Xuân Diệu,* báo *Văn nghệ*, số 50, 1995.

144. Hoàng Trung Thông. *Lời giới thiệu sách Tuyển tập Xuân Diệu,* Tập I : Thơ, NXB, Văn học, 1983.

145. Lý Hoài Thu. *Thơ Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám, 1945, (Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió*). NXB Giáo dục, H., 1997.

146. Nguyễn Trung Thu. *Thơ tình Xuân Diệu,* báo *Thể thao văn hoá*, ngày 20-6-1987.

147. Phan Ngọc Thu. *Xuân Diệu nhà nghiên cứu phê bình văn học.* NXB Giáo dục, H., 2003.

148. Đỗ Lai Thuý. *Cái nhìn nghệ thuật mới trong bài thơ "Đây mùa thu tới",* báo *Văn nghệ*, số 3, 1992.

149. Đỗ Lai Thuý. *Xuân Diệu nỗi ám ảnh thời gian,* sách *Con mắt thơ*, NXB Lao động, H., 1992.

150. Thanh Tịnh. *Tưởng nhớ anh Xuân Diệu thân yêu,* tạp chí *Văn nghệ quân đội*, số 3, 1986.

151. Đông Trình. *Nhập vào người khác mà đọc lại mình,* sách *Xuân Diệu thơ và đời*, NXB Văn học, H., 1996.

152. Hà Xuân Trường. *Một cây lớn nằm xuống cả khoảng trời trống vắng,* sách *Xuân Diệu con người và tác phẩm*, NXB Tác phẩm mới, H., 1987.

153. Lê Đình Tuấn. *"Đây mùa thu tới" không phải là một tiếng reo,* báo *Văn nghệ*, số 22, 1998.

http://tieulun.hopto.org

154. Xuân Tùng (biên soạn). *Xuân Diệu tình đời và sự nghiệp*, NXB Hội Nhà văn, H., 1996.

155. Nguyễn Quốc Tuý. *Thơ mới – bình minh thơ Việt Nam hiện đại*, NXB Văn học, H., 1995.

156. M. Trasép. *Một tài năng tươi sáng và phong phú*, sách *Xuân Diệu con người và tác phẩm*, NXB Tác phẩm mới, H., 1987.

157. Chế Lan Viên. *Đọc "Những bước đường tư tưởng" của Xuân Diệu*, sách *Phê bình văn học*, NXB 1962.

158. Chế Lan Viên. *Rồi đây vĩnh viễn*, sách *Xuân Diệu con người và tác phẩm*, NXB Tác phẩm mới, H., 1987.

159. Chế Lan Viên. *Đọc "Lượng thông tin và những kỹ sư tâm hồn ấy" của Xuân Diệu*, sách *Xuân Diệu tình đời và sự nghiệp*, NXB Hội Nhà văn, H., 1996.

160. Lê Trí Viễn. *Một chút xuân trong Xuân Diệu và Huy Cận*, tạp chí *Văn học và tuổi trẻ*, tập 29.

161. A. Vaxiliép. *Tôi là một trái cam, hãy vắt kiệt lấy nước của nó - đó là những dòng thơ tôi, Tạp chí Ngọn cờ* (Liên Xô), số tháng 11, 1969.

162. Trần Đăng Xuyền. Nhân đọc *Thanh ca* nghĩ về một khía cạnh thơ Xuân Diệu, báo *Văn nghệ*, số 7, ngày 11-2-1984.

http://tieulun.hopto.org

MỤC LỤC

		Trang
Lời nói đầu		5
Lời giới thiệu	*Hà Minh Đức*	7
Tiểu sử của nhà thơ Xuân Diệu	*Lưu Khánh Thơ*	15
Niên biểu và thư mục Xuân Diệu	–	18
Xuân Diệu – một tài năng đa dạng	–	21

Phần thứ nhất

XUÂN DIỆU TRONG CON MẮT NHỮNG NGƯỜI ĐƯƠNG THỜI

Chương một : BẢN SẮC VÀ SÁNG TẠO

A. Phần viết về tác giả		45
Một nhà thi sĩ mới – Xuân Diệu	*Thế Lữ*	45
Nhà thơ mới nhất trong các nhà thơ mới	*Hoài Thanh*	50
Một thi sĩ rất giàu lòng yêu dấu	*Vũ Ngọc Phan*	54
Tâm hồn thơ Xuân Diệu	*Nguyễn Duy Bình*	61
Con đường sáng tạo của một nhà thơ	*Hoàng Trung Thông*	70
Vài cảm nghĩ về văn xuôi Xuân Diệu	*Nguyễn Đăng Mạnh*	105
Nhà thơ lãng mạn tiêu biểu nhất	*Lê Đình Ky*	117
Sự đa dạng của Xuân Diệu	*Mã Giang Lân*	124
Xuân Diệu và niềm khát khao giao cảm với đời	*Nguyễn Đăng Mạnh*	131
Anh đã "sống hết mình" cho cuộc sống và cho thơ	*Hà Minh Đức*	139
Xuân Diệu – Hoàng tử của thi ca Việt Nam hiện đại	*Đoàn Thị Đặng Hương*	149
Thơ tình Xuân Diệu nồng và trẻ	*Vũ Quần Phương*	157
Một mùa thơ nở rộ	*Nguyễn Hoành Khung*	167
Những chặng đường thơ Xuân Diệu	*Hà Minh Đức*	170

http://tieulun.hopto.org

Trường hợp Xuân Diệu — *Nam Chi* — 202
Xuân Diệu tù nhân của chữ *tình* — *Chu Văn Sơn* — 211
Toàn tập Xuân Diệu và di sản văn học của ông hôm nay — *Lưu Khánh Thơ* — 228

B. Phần viết về tác phẩm

Tựa tập *Thơ thơ* — *Thế Lữ* — 235
Thơ thơ và Xuân Diệu — *Trần Thanh Mại* — 238
Một vài ý kiến về tập thơ *Ngôi sao* của Xuân Diệu — *Hoài Thanh* — 243
Tập thơ *Riêng chung* của Xuân Diệu — *Phan Cự Đệ* — 250
Tập thơ *Hồn tôi đôi cánh* của Xuân Diệu — *Hồng Diệu* — 256
Xuân Diệu nói về hai tập *Thơ thơ* và *Gửi hương cho gió* — *Hà Minh Đức* — 261
Thơ tình của Xuân Diệu (Tựa cho tập thơ *Đây chùm thương nhớ* của Xuân Diệu) — *Huy Cận* — 265
Xuân Diệu qua *Thi hào dân tộc Nguyễn Du* — *Mai Quốc Liên* — 271
Nói về bài thơ *Đây mùa thu tới* của Xuân Diệu — *Vũ Quần Phương* — 275
Đây mùa thu tới không phải là một tiếng reo — *Lê Đình Tuấn* — 280
Thơ tình Xuân Diệu — *Ngô Văn Phú* — 283
Xuân Diệu : Chưa ai thông cảm hết nỗi cô độc của tôi — *Vương Trí Nhàn* — 286

Chương hai : MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ NGHỆ THUẬT

Xuân Diệu và một quan niệm cởi mở về tính dân tộc — *Vương Trí Nhàn* — 291
Cái "tôi" độc đáo – tích cực của Xuân Diệu trong phong trào Thơ mới — *Lê Quang Hưng* — 295

http://tieulun.hopto.org

Xuân Diệu nỗi ám ảnh thời gian	*Đỗ Lai Thuý*	303
Xuân Diệu và việc tìm hiểu gia tài văn học của ông cha	*Vương Trí Nhàn*	318
Cái "tôi" trữ tình và phương thức biểu hiện cái "tôi" tình yêu trong thơ Xuân Diệu trước Cách mạng	*Lưu Khánh Thơ*	322
Nỗi buồn và sự cô đơn trong thơ Xuân Diệu	*Lý Hoài Thu*	331
Nghệ thuật cấu tứ trong thơ tình Xuân Diệu	*Lưu Khánh Thơ*	340
Thế giới không gian nghệ thuật của Xuân Diệu qua Thơ thơ và Gửi hương cho gió	*Lý Hoài Thu*	350
Bài thơ *Huyền diệu* của Xuân Diệu và quan niệm "tương ứng các giác quan của Baudelaire	*Nguyễn Lệ Hà*	357
Tinh thần phục hưng trong lý tưởng thẩm mỹ của Xuân Diệu thời trước 1945	*Lê Quang Hưng*	361
Xuân Diệu và Baudelaire	*Hoàng Nhân*	369
Quan niệm nghệ thuật về con người trong thơ Xuân Diệu	*Nguyễn Thị Hồng Nam*	375
Xuân Diệu bình và giảng	*Phan Ngọc Thu*	387

Phần hai
HỒI ỨC VÀ KỶ NIỆM

Nhà thơ Xuân Diệu đã mất !	*Hữu Nhuận*	395
Nhớ lại một tập thơ trong dự định của Xuân Diệu	*Tế Hanh*	399
Nhớ bạn	*Nguyễn Lương Ngọc*	401
Những kỷ niệm riêng chung	*Lữ Huy Nguyên*	406

http://tieulun.hopto.org

Nhà thơ Xuân Diệu	*Phạm Tiến Duật*	412
Nhà thơ thân thiết của chúng ta	*Thiếu Mai*	416
Anh chưa sống một ngày nào trong tuổi già	*Nguyễn Bùi Vợi*	420
Xuân Diệu có một lần	*Nguyên An*	422
"Nhập vào người khác mà đọc lại mình"	*Đông Trình*	426
Là thi sĩ ... nghĩa là lao động	*Thép Mới*	428
Nghìn sau còn nhớ ...	*Mai Quốc Liên*	431
Vài kỷ niệm về anh Xuân Diệu	*Vũ Quần Phương*	436
Khả năng toả sáng	*Vương Trí Nhàn*	441
Xuân Diệu, đôi suy ngẫm về bạn	*Nguyễn Xuân Sanh*	444
Nửa thế kỷ tình bạn	*Huy Cận*	454
Xuân Diệu – người thầy, người bạn lớn	*Trần Đăng Khoa*	459
Mãi mãi ban đầu	*Tô Hoài*	472
Người bạn chân tình và đầy nhiệt huyết	*Anh Thơ* kể *Tôn Thảo Miên* ghi	477
Tôi là một trái cam, hãy vắt kiệt lấy nước của nó - Đó là những dòng thơ tôi	*Alếchxây Vaxiliép*	480
Người bạn lớn của nền văn học Bungari	*Blaga Dimitrova*	484
Một tài năng tươi sáng và phong phú	*Marian Tcasép*	488
Cuộc gặp gỡ với nhà thơ Xuân Diệu	*M. Ilinxki*	491
Một nhà thơ lớn đã đi xa...	*Mireille Gansel*	497
Thư mục nghiên cứu về Xuân Diệu		501

http://tieulun.hopto.org

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập NGUYỄN QUÝ THAO

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :
Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc NXBGD tại TP. Hà Nội
NGUYỄN XUÂN HOÀ

Biên tập :
NGUYỄN MINH TÂM

Trình bày bìa :
VĂN SÁNG

Sửa bản in :
PHÒNG SỬA BẢN IN (NXB GIÁO DỤC TẠI HÀ NỘI)

Chế bản :
PHÒNG CHẾ BẢN (NXB GIÁO DỤC TẠI HÀ NỘI)

Tổng phát hành :
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC TẠI TP. ĐÀ NẴNG

XUÂN DIỆU - VỀ TÁC GIA VÀ TÁC PHẨM

Mã số : 8V294T7-NĐN

In 1.000 bản, khổ 16x24cm, tại Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Quảng Nam-260 Hùng Vương, TP.Tam Kỳ. Số XB: 184-2007/CXB/13-403/GD. In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2007.

http://tieulun.hopto.org